

I. A. Bunhin

tuyển tập tác phẩm



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

Ivan Búnhin
TUYỂN TẬP TÁC PHẨM

PHAN HỒNG GIANG *giới thiệu*

★

HÀ NGỌC, PHAN HỒNG GIANG, THÁI BÁ TÂN,
HỮU VIỆT, ĐOÀN TUẤN dịch từ nguyên bản tiếng Nga

Ivan Bunhin

TUYỂN TẬP TÁC PHẨM

- TRUYỆN NGẮN
- THƠ

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

LỜI GIỚI THIỆU

Văn học Nga thế kỷ 19 - đầu thế kỷ 20 được xem như một "tập đại thành" của nền văn học thế giới tự cổ chí kim. Bên cạnh những tên tuổi như Puskin, Léc-môn-tốp, Gô-gôn, Đôt-xtôép-xki, Tô-nx-tôi, Sê-khốp, Kuprin ..., Ivan Bunhin là một đỉnh cao của "tập đại thành văn học" ấy. Có thể coi ông như là người đại diện tiêu biểu xuất sắc cuối cùng của chủ nghĩa hiện thực cổ điển Nga, người đã đem lại cho văn chương những giá trị vĩnh hằng của cái Đẹp, - cái đẹp của thiên nhiên, của lòng người, của nghệ thuật ngôn từ, và cao hơn tất cả là của Đời sống con người.

*

* *

Ivan Alécxêvích Bunhin sinh ngày 22 tháng 10 năm 1870 tại tỉnh Vôn-ôn-hes, miền Trung Nga, trong một gia đình quý tộc nghèo.

Cảnh sống thanh bạch, bình dị của làng quê đã để lại ấn tượng sâu xa trong ký ức của nhà

văn. Ông từng viết : "Nơi đây, giữa cảnh yên bình thôn dã, giữa thiên nhiên mộc mạc đơn sơ, mùa hè đồng lúa mì chạy sát tới trước cửa nhà và mùa đông tuyết phủ đầy trắng xóa, tuổi thơ của tôi đã trôi qua thắm đượm nỗi buồn đầy thi vị". Bunhin nói rằng không biết từ lúc nào ông lại trở thành nhà văn, trong khi hồi trẻ ông đã say mê âm nhạc và hội họa.

Sau này Bunhin đã không thành nhạc sĩ, không thành họa sĩ, nhưng cái chất tạo hình - biệt tài tả cảnh và khắc họa chân dung - cái chất nhạc trong thứ văn xuôi mượt mà dịu ngọt thì còn lưu lại mãi trong các văn phẩm của Bunhin, đưa ông vào số nhà văn ít ỏi trong văn học Nga đạt đến uy tín tuyệt đối về sử dụng ngôn từ. Trong tác phẩm Vườn hồng của nhà thơ cổ Ba Tư Xaadi, Bunhin đã tìm được một câu tâm đắc : "Kho báu nào cũng có rắn trăm đầu canh giữ ... chẳng bao giờ có thể dễ dàng chiếm được nó chỉ bằng tay không ...". Với Bunhin, vẻ đẹp vô song của nghệ thuật chính là một kho báu, lao động nghệ thuật chính là con đường đi đến kho báu tinh thần ấy, một thứ lao động nghiêm khắc, đầy nhọc nhằn mà suốt đời ông đeo đuổi.

Bunhin trình làng bằng bài thơ Bên mộ Nátxon (tên một nhà thơ Nga, 1863 - 1887), đăng trên tờ tạp chí "Tổ quốc" năm 1887, khi ông mới mười bảy tuổi. Năm 1891 ông xuất bản tập thơ trữ tình đầu tiên ở Ôriôn. Thơ đã mở

đầu văn nghiệp của ông và còn đeo đẳng mãi ngòi bút ông cho đến tận cuối đời, để lại cho văn học Nga những bài thơ với vẻ đẹp cổ điển, lắng đọng bao tình cảm day dứt thiết tha trước thiên nhiên và tình người.

Không chỉ là nhà thơ, Bunhin còn là một nhà dịch thơ bậc thầy. Bài ca về Maiavát của thi sĩ Mỹ Longfello đã được Bunhin tái tạo lại trong tiếng Nga vừa chân xác vừa tài hoa, đến nỗi người đương thời phải thừa nhận rằng "Giá như Longfello sinh ra là người Nga thì ông viết Bài ca của mình hết như Bunhin đã dịch". Trong từng câu thơ dịch của ông, người đọc đều cảm thấy tâm hồn, tài năng của một nhà thơ thực thụ. Không phải ngẫu nhiên mà Viện hàn lâm Nga đã trao cho tác phẩm dịch thơ ấy của Bunhin giải thưởng văn học cao nhất mang tên Pushkin.

Tuy nhiên phần chính làm nên tên tuổi Bunhin là văn xuôi. Cũng giống như Sékhốp, Bunhin hầu như chỉ viết truyện ngắn, truyện vừa. Cái tạng của ông không phù hợp với thể loại gọi là tiểu thuyết - sử thi - hoành tráng này nọ. Ngay cả tác phẩm lớn nhất (cả về chất lượng và dung lượng) của Bunhin là cuốn Cuộc đời Arxênhép mà ông gọi là tiểu thuyết thực ra cũng giống một bộ tự truyện liên hoàn gồm năm phần gọn gàng súc tích như năm truyện vừa dài từ 40 đến 75 trang (trang in tiếng Nga) mỗi truyện.

Năm 1894 ông cho in truyện ngắn đầu tiên, truyện Tanka mà nhà biên tập tinh đời N. Mikhailốpski đã tin rằng đó là tin hiệu đầu tiên về sự ra đời của một nhà văn lớn. Cùng năm ấy ông gặp và nói chuyện với L. Tônxtôi, cuộc gặp gỡ in dấu ấn sâu đậm trong tâm trí ông. Rất lâu sau này, trong thiên tùy bút đặc sắc về đại văn hào Nga, ông thú nhận : "Cả đời tôi, tôi đã sống trong tình yêu sâu xa đối với Tônxtôi". Năm 1897 ông xuất bản tập truyện ngắn đầu tiên được cả giới phê bình trầm trồ khen ngợi.

Những năm này chủ đề trở đi trở lại trong các truyện của ông là sự tiêu điều tàn tạ của các "tổ ấm quý tộc". Tiếng chuông chiều mơ hồ, xa vắng, nỗi buồn báo hiệu một thời đã qua - na ná cái nỗi buồn "dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo" của Bà Huyện Thanh Quan trong văn học ta - tỏa ra từ các truyện Thung lũng khô cằn, Những quả táo Antônốp, Trên cánh đồng, Năm mới ...

Cảnh sống cơ cực của người nông dân Nga cũng đã được Bunhin dựng lại với nỗi niềm cảm thông sâu sắc. Các truyện Làng quê, Ngọn cỏ xác xơ là đỉnh cao trong giai đoạn sáng tác này của ông.

Cái buồn tẻ, ngưng đọng, ẩn chứa một nhu cầu đổi thay bức thiết của cuộc sống Nga những năm đầu thế kỷ cũng đã được Bunhin lột tả tài tình qua những truyện mà bối cảnh là những huyện lỵ, những thành phố Nga xưa như các

truyện Chiếc cốc đời, Người thầy giáo, Kazimir Xtanhixlavovich.

Thời kỳ này Bunhin rất gần gũi Gorki, cộng tác đặc lực với nhóm những nhà văn "Hiểu biết" do Gorki chủ xướng và dẫn dắt. Hai ông đã từng sống bên nhau khá lâu ở Kapri, thành phố nghỉ mát của nước Italia, cách không xa Xôrentô (cái tên đã bay khắp thế giới này trên đôi cánh một bài ca tuyệt đẹp). Cái mạnh trong cảm quan nghệ thuật của Bunhin đã được Gorki có lần nhắc đến trong một bức thư gửi Sêkhốp: "Anh biết không? - Bunhin quả là một trí tuệ trác việt, Anh ấy cảm nhận vẻ đẹp thật tinh tế; những lúc chân thành, anh ấy viết rất tuyệt".

Sau Cách mạng tháng Mười, như nhiều trí thức khác, Bunhin đã rời bỏ nước Nga. Ông rời Ôđétxa đi Paris vào năm 1919 và ở lại đó cho đến tận cuối đời. Ông mất ngày 8 tháng 11 năm 1953, thọ 83 tuổi.

*

* *

Ở xa quê hương, Bunhin như chỉ sống bằng quá khứ. Ông tiếp tục viết, viết đều, về tất cả những gì ông đã từng ném trái trên đất nước Nga, giữa những con người Nga. Ông liên tiếp cho xuất bản kể từ năm 1924 nhiều tập truyện ngắn, truyện vừa như Bông hồng của Iêrikhôn, Mối tình của Michia, Vụ án

viên sĩ quan Êlaghin, Con đường ngợp bóng cây xanh, tập tự truyện Cuộc đời Arxênhép v.v... và tùy bút triết học Sự giải thoát của Tônxtôi. Từ Paris, một trong những trung tâm văn hóa của Châu Âu, Bunhin đã trở thành nhà văn nổi tiếng thế giới. Năm 1933, sau khi viết xong bộ truyện Cuộc đời Arxênhép, Bunhin là nhà văn Nga đầu tiên được tặng giải thưởng Nôben về văn học.

Mấy năm sau, trên đường đi Anh, nhà văn A.Tôn xtôi, tác giả bộ Con đường đau khổ, đã dừng lại Paris và gặp Bunhin. A.Tônxtôi chân thành nói với ông rằng "Mátxcơva sẵn sàng rung chuông đón ông trở về". Ngày 3 tháng 9 năm 1939 Bunhin gửi cho A.Tônxtôi một tấm bưu thiếp với mấy chữ ngắn ngủi : "Tôi muốn về nước. I.Bunhin". Ước mơ cuối đời của Bunhin đã không có dịp thực hiện : Ngay hôm trước ngày ông viết tấm bưu thiếp nọ, Hitle đã tấn công Ba Lan - cuộc đại chiến tàn khốc nhất trong lịch sử loài người đã nổ ra.

Ít lâu sau, quân phát xít Đức đã chiếm nước Pháp. Biết uy tín lớn lao của tên tuổi Bunhin, định lợi dụng cảnh sống túng bấn của nhà văn những năm tháng ấy, các báo chí thân Đức ra sức mời mọc ông cộng tác, hứa hẹn những khoản nhuận bút hậu hĩ. Nhưng nhà văn đã cương quyết chối từ. Ông nóng lòng theo dõi tình tin chiến sự từ đất nước quê hương, ông lo âu khi gong kim phát xít khép lại gần thủ đô

Mátxcơva và vui mừng tự hào về những người đồng bào anh dũng, khi bọn quốc xã bị đánh quỵ bên bờ sông Vonga...

Ở nước Pháp xa xôi, ông nhiều lần nói : "Lẽ nào chúng ta lại có thể quên Tổ quốc, liệu con người có thể quên quê hương mình được chăng? Bởi lẽ quê hương đã luôn ở trong trái tim rồi. Tự cội rễ của mình, tôi là một người Nga chính cống. Năm tháng không xóa đi được điều này".

Trong sự tồn tại của một dân tộc, giá trị văn hóa tinh thần có thể coi là gương mặt tâm hồn, là giá trị lâu bền, tiêu biểu nhất, là "tấm danh thiếp" của dân tộc đó trên hành tinh này. Những gì Bunhin viết ra, từ thời kỳ còn ở trong nước đến những ngày nơi đất khách quê người, đã thực sự trở thành một phần hữu cơ trong giá trị văn hóa tinh thần quý báu đó của dân tộc Nga, một đóng góp vào kho giá trị tinh thần chung của nhân loại.

*

* *

Giới thiệu Bunhin với đông đảo bạn đọc lần này, chúng tôi chọn dịch những truyện mang nặng tính chất trữ tình, các truyện được dịch ở đây đều có thể gọi là những chuyện tình yêu. Không đến nỗi quá cường điệu, nhà thơ cổ điển Đức F.Sinle đã nói : "Cái đôi cùng tình yêu thống trị thế giới này". Ở đời đã mấy ai thoát

khỏi được sự kiềm tỏa (hay nâng đỡ) của "cái ăn" và "cái yêu"! Tình yêu, nói như L. Tônxtôi, là tình cảm mãnh liệt nhất, tình cảm "người" nhất của con người.

Các truyện tình yêu của Bunhin đều dang dở, đượm buồn. Nhưng như Natali trong truyện ngắn cùng tên đã nói "Không có tình yêu nào bất hạnh, bởi vì ngay cả điệu nhạc buồn nhất cũng đem lại hạnh phúc", cái buồn trong truyện tình yêu của Bunhin là cái buồn thanh sáng, cái buồn làm nên vị mặn của cuộc đời, cái buồn làm con người thấm thía hơn cái giá của niềm vui và hạnh phúc.

Như một âm thanh có thể có nhiều tiếng vọng khác nhau, mỗi truyện của Bunhin đều có thể được cảm nhận khác nhau ở những người đọc khác nhau. Và đối với những ai biết đón nhận nâng niu từng xúc động ly ty run rẩy nhất của cuộc đời thì mỗi truyện của Bunhin giới thiệu trong tập này đều có khả năng để lại dư âm ngân vang trong lòng ...

Xin dừng lại điểm một số truyện in trong tập sách này.

Ruxia là một khoảnh khắc ngắn ngủi, mà lạ lùng thay, có lẽ đã choán gần hết cuộc đời của người hành khách đứng tuổi trong truyện. Phần lớn cuộc đời dài dặc ông ta trải qua là sự tồn tại, còn những ngày ngắn ngủi, say đắm Ruxia, ông mới thực là sống. Có thể trước lúc nhắm mắt xuôi tay, ông chỉ còn nhớ cái hôm

trời mưa, Ruxia chạy từ ngoài vườn vào, quần áo ướt sũng, và ông đã ngầy ngất quỳ hôn mu bàn chân nàng ướt nước...

Say năng là sự trỗi dậy bất ngờ của tình yêu thực sự sau cái phút đam mê thường tình. Mọi diễn biến tâm lý - từ phút đầu khi chàng và nàng từ phòng ăn bước ra trên boong tàu nóng nực đến cái phút cuối cùng khi chàng còn trơ lại một mình trên con tàu giữa sông nước dòng Vonga vào đêm - đều chân xác chi ly đến nỗi Iu. Bônđarép, một nhà văn lớn của văn học Nga hiện đại, đã phải bàng hoàng xác nhận, đó là một trong vài ba truyện ngắn hay nhất của văn học thế giới xưa nay.

Hơi thở nhẹ là bài ca bất tận về vẻ đẹp trong sáng, tươi mát, trẻ trung, đầy tin cậy cuộc sống của cô bé Ôlia, là bản án tử hình với những gì thô bạo, tục tằn, thực dụng gớm ghiếc mà hiện thân là viên sĩ quan Kazắc trác táng, tham lam. Như đóa hồng chỉ giữ nguyên được sắc màu tươi tắn trong buổi ban mai dịu mát, Ôlia là vẻ đẹp chỉ tồn tại trong một thế giới hoàn toàn trong lành, nơi mà cái ác không còn chỗ đứng.

Chiếc cốc đời phơi bày hết sự vô nghĩa, nhỏ nhen trong cuộc đời nhỏ nhen, vô nghĩa của hai người đàn ông đã có lúc cùng yêu một người phụ nữ - nàng Xanhia tội nghiệp. Có thứ tình yêu - hiến dâng, vị tha, mà cũng có thứ tình yêu - chiếm đoạt không khác sự hằn thù con người

bao nhiêu. Cả hai người đàn ông trong truyện đều là những kẻ không đủ lòng cao cả để có được một tình yêu chân thành, đẹp đẽ với Xanhia.

Trên biển đêm khuya đưa người đọc vào thế giới đam mê đến tột cùng và cũng là sự dừng đứng đến tột cùng trước ngưỡng cửa của cái chết, của hư vô. Tình yêu, sự ghen tuông, lòng căm thù cũng như nỗi khổ, tất cả đều nhẹ nhàng thanh thoát qua đi giữa biển trời đêm khuya cao xa tĩnh mịch.

Natali nói tới cái trở trêu của một kiểu tình yêu tuổi trẻ, khi có sự phân đôi giữa thể xác và tâm hồn, giữa bản năng lửa đôi trần tục và chất người vươn lên cái đẹp cao cả. Kết cục, cái chất người ấy đã thắng : Cô gái Xanhia đã biến mất như chưa hề có trên đời và tình yêu Natali đã là nơi hội tụ đầu tiên và cuối cùng của những gì xốn xang, da diết nhất trong tâm hồn nhân vật "tôi" của truyện. Natali là hình ảnh bất tử của vẻ đẹp người con gái Nga.

Truyện dài nhất trong tập sách này - Nàng Lika - là phần cuối (phần V) của bộ tự truyện Cuộc đời Arxênhép, tác phẩm chủ yếu mà nhờ đó Bunhin đã được tặng Giải thưởng Nôben (1933). Sinh thời Bunhin, cũng như sau này ở nước Nga, nhiều lần phần này của bộ tự truyện đã được in riêng như một tác phẩm độc lập bởi sự hoàn chỉnh về hình thức cũng như chủ đề. Gọi là "tự truyện" cũng chỉ là tương đối, vì ở đây cái thật, cái hư xen lẫn nhau. Địa

danh, tên người phần lớn đều được thay đổi. Hình mẫu của nàng Lika là Vácvara Pasencô, người mà Bunhin đã cùng chung sống suốt mấy năm, khi ông mới bước vào đời. Trong truyện của Bunhin, so với Vácvara, Lika đẹp lên rất nhiều cả về nội tâm cũng như ngoại hình. Lika mất ngay sau khi chia tay, còn ngoài đời thật thì Vácvara đã kịp đi lấy Bibicốp, con một nhà buôn giàu có, và sống với y hơn 20 năm...

Lika của Bunhin là hiện thân của vẻ đẹp cổ điển Nga, - yếu đuối, chân thành, cả tin, hồn hậu mà cũng rất bạo liệt vào những khúc rẽ ngoặt của cuộc đời, còn nhân vật "tôi" thì đã phải trả giá cho cách sống quá phóng đãng của mình. Anh yêu Lika, yêu tận cuối lòng, nhưng lại nhân danh "chất nghệ sĩ", tự cho mình cái quyền đón nhận mọi cảm giác mới lạ của những chuyến phiêu du. Lika không chấp nhận được bất cứ sự san sẻ tình cảm nào, nàng đã tự chọn con đường ra đi... Nhưng có lẽ cái kết thúc ấy đã giữ cho tình yêu của nàng trọn vẹn...

Bunhin viết truyện này khi ông đã ngoài sáu mươi tuổi. Câu chuyện những tháng năm tuổi trẻ đã được ông kể lại với sự bồi hồi của ký ức; những sắc màu, hình ảnh, hương thơm, bài ca, giọng hát, những con đường xa lạ và lòng yêu người chợt thoáng qua ... bốn mươi năm sau, tất cả đều như sống lại, lung linh hiển hiện ...

*

* *

Chuyển dịch Bunhin sang tiếng Việt quả là một việc đầy nhọc nhằn. Làm việc này, chúng tôi luôn có cảm giác "lực bất tòng tâm" như người chơi đàn dương cầm khả năng có hạn ngồi trước các nốt nhạc của một bản xônát nào đó của Bétôven, Suman hay nhạc sĩ Nga Xcơriabin ... Biết làm sao khác được, vẫn phải cố thôi, với lòng mong muốn đông đảo bạn đọc nước ta được làm quen với một tâm hồn Nga, một nhà văn lớn của nhân dân Nga và của cả nhân loại.

Hy vọng sắp tới sẽ còn được gặp lại các bạn ở những thiên truyện khác của Bunhin, cũng khắc khoải một tình yêu tự trong cội nguồn cuộc sống và thấm đượm những nỗi buồn thanh sáng ...

PHAN HỒNG GIANG

TRUYỆN NGẮN

HÀ NGỌC, PHAN HỒNG GIANG,
THAI BÁ TÂN *dịch*

NHỮNG QUẢ TÁO ANTÔNÔP⁽¹⁾

I

...  ôi hồi tưởng lại một mùa thu sớm, đẹp trời. Trong tháng tám đã có những trận mưa nhỏ ấm áp, và những trận mưa này dường như cố tình rơi xuống cho dân cày cấy, rơi xuống đúng lúc, vào giữa tháng, khi sắp sửa đến ngày lễ thánh Lavrenti⁽²⁾. Mà "vào dịp lễ thánh Lavrenti nếu con nước êm và mưa nhỏ, thì mùa thu và mùa đông sẽ tốt trời". Thế rồi dạo đầu thu lại có những ngày sáng sủa và ấm áp, có nhiều mạng nhện chăng trên cánh đồng. Đó cũng là điềm lành: "Những ngày sáng sủa, ấm áp đầu thu nếu nhiều nhện chăng tơ, thì mùa thu sẽ đẹp"... Tôi nhớ một buổi sáng sớm sủa, tươi mát, yên tĩnh... Tôi nhớ một khu vườn lớn đã khô và thưa lá, toàn bộ màu vàng óng; nhớ những lối đi giữa hai hàng cây phong, mùi thơm nhẹ nhàng của

⁽¹⁾ Táo Antônôp, hay "antônópka", là một loại táo giữ được lâu, màu vỏ xanh phớt vàng.

⁽²⁾ Tức thánh Lô-ren-xô (Laurence, Lawrence) theo Công giáo.

lá rụng và cả mùi táo Antônôp, mùi mật ong và mùi của tiết thu tươi mát. Không khí trong trẻo đến nỗi hết như hoàn toàn không có nó nữa, khắp khu vườn âm vang tiếng người nói, tiếng xe ngựa tải kéo kẹt. Ấy là những nhà tiểu thương, những thị dân trồng vườn đã thuê được những người nông dân trẩy táo xuống để đến đêm đưa về tỉnh, - và nhất định là phải đi trong đêm kia, bởi vì lúc bấy giờ nằm trên xe, nhìn lên bầu trời đầy sao, nghe phảng phất mùi nhựa chưng trong không khí tươi mát và nghe cả một đoàn xe dài thận trọng kéo kẹt trên con đường lớn trập trùng, thì thật tuyệt vời. Bác nông dân được giao việc đổ táo xuống, cứ cần rau rầu hết quả này đến quả khác, nhưng tục lệ xưa nay vẫn vậy, nên người thị dân chẳng hề ngăn lại, mà còn bảo:

- Đổ xuống, ăn cho no đi, không có việc gì làm cả đâu! Đổ xong, mọi người sẽ uống mật ong.

Và bầu tỉnh mịch mát mẻ của ban mai chỉ bị náo động bởi tiếng hót no mồi của đàn sáo đậu trên những cây thanh lương trà màu san hô trong khoảng rậm của khu vườn, bởi tiếng người nói và tiếng táo đổ rào rào vào những thùng, những thùng gỗ. Trong khu vườn thưa lá, có thể nhìn thấy con đường trải ra xa dẫn tới một mái nhà tranh rộng rãi, và nhìn thấy được cả ngôi nhà ấy, mà quanh đó trong vụ hè qua các thị dân đã gây dựng nên cả một cơ ngơi. Đâu đâu cũng thơm phức mùi táo, ở đây lại càng như vậy. Trong căn nhà tranh có bố trí nhiều chỗ nằm, có một khẩu súng một nòng, một chiếc *xamôvar* đã mốc

xanh, còn bát đĩa thì đặt ở góc nhà. Bên cạnh nhà lán lóc những chiếc chiếu gai, những hòm gỗ, những đồ đạc linh tinh đã cũ nát, và có một chỗ đun bếp. Ở đây buổi trưa người ta nấu món cháo mỡ cực ngon, buổi chiều thì đun *xamôvar* và một làn khói xanh lơ thường trải thành vệt dài giữa những hàng cây trong toàn bộ khu vườn. Còn vào những ngày lễ tết thì bên cạnh mái nhà tranh này là cả một phiên hội chợ, và đằng sau những đám cây cối chốc chốc lại thấy thấp thoáng cả những trang phục màu đỏ. Những cô gái thuộc các hộ tiểu nông vẽ hoạt bát, mặc những tấm xiêm cụt tay nức mùi thuốc nhuộm, đã tụ tập lại. Đã có mặt cả những người "quý tộc" trong các bộ quần áo tuy đẹp mà thô lậu và mông muội của họ, có mặt cả một bà lý trưởng trẻ măng, đang có chửa, mặt phèn phẹt, bờ phờ và bộ điệu quan trọng như một con bò cái vùng đồi núi. Đầu bà ta cũng có "sùng" - những búi tóc kết ở hai bên đỉnh đầu, bên trên lại trùm thêm mấy lớp khăn, thành thử đầu bà ta trông to tướng; đôi chân đi ủng ngắn có đóng cá sấu, đứng trên mặt đất có vẻ thộn nhưng vững chãi; chiếc áo gilê của bà ta bằng vải mịn, có vạt che dài, còn chiếc váy bằng len tự dệt thì màu hoa cà sẫm có sọc màu gạch, gấu váy đính một "vành đăng ten" rộng, thêu kim tuyến...

- Một con bướm bướm⁽¹⁾ đâm đang! - người thị dân lắc đầu, bình phẩm về bà ta. - Bây giờ lại sinh ra những hạng người như thế đấy...

⁽¹⁾ Trong tiếng Nga, từ *habotska* vừa có nghĩa là một thiếu phụ nông thôn, vừa có nghĩa là con bướm bướm.

Trong khi đó những thằng bé con mặc những chiếc sơ mi kiểu cách và những chiếc quần ngắn cũn cỡn, đầu để trần, trắng hếu, xuất hiện mỗi lúc một nhiều. Chúng đi từng nhóm hai, ba đứa một, những bàn chân không giày dép bước lon xon, và đứa nào cũng đến sờ vào con chó bégiê lông xù buộc vào một cây táo. Dĩ nhiên là chỉ có một đứa mua hàng thôi, bởi vì việc mua bán của chúng chỉ vắn vện là một *kópêch* hoặc là một quả trứng, nhưng những người mua bán khác thì lại nhiều, việc buôn bán diễn ra nhộn nhịp, khiến cho một thị dân dáng như mắc bệnh ho lao, mặc chiếc áo kín cổ dài lưng thụng, đi đôi ủng hung hung đỏ, đã lộ ra vẻ vui mừng. Cùng với thằng em trai, - một đứa dở ngu dở dần nói ngọng nhưng lanh lẹn, mà ông ta nuôi "vì lòng nhân từ", - ông ta buôn bán bằng cả những lời đùa cợt, bông lơn, thậm chí đôi lúc còn "rờ tới" cả chiếc đàn gió sản xuất ở Tula⁽¹⁾. Và người ta họp chợ trong khu vườn ấy cho tới tận chiều tối, bên ngôi nhà tranh vang lên tiếng cười, nói, thỉnh thoảng lại có cả tiếng nhảy múa rậm rịch...

Về đêm tiết trời rất lạnh và sương xuống nhiều. Sau khi đã tha hồ hít thở mùi lúa thơm ngát tỏa ra từ những đồng rơm mới và những đồng thóc lép trên sân phơi, ta sẽ sảng khoái đi bên cạnh bờ đất chung quanh vườn để về nhà ăn bữa tối. Vào lúc hoàng hôn giá buốt, tiếng người nói trong thôn xóm hay tiếng

⁽¹⁾ Một thành phố lâu đời ở trung tâm nước Nga, nổi tiếng về công nghệ, chế tạo vũ khí và các đồ dùng công nghệ.

của cột kẹt nghe sao rõ lạ thường. Trời tối dần. Và lại có hương vị mới xuất hiện: trong vườn có đồng lửa nhen lên, thế là mùi khói thơm nức của những cành anh đào tỏa ra nồng nặc. Trong bóng tối ở cuối khu vườn là một cảnh huyền diệu: giống như dưới âm ty địa ngục, bên cạnh ngôi nhà tranh bưng bưng một ngọn lửa đỏ ối giữa tám tối chấp chùng, và có những hình dạng đen thui của ai đó, hết như được tạc ra từ một loại gỗ đen kịt, đang xoay vòng quanh đồng lửa, còn những bóng khổng lồ của họ thì lại lấp loáng trên những cây táo. Trên toàn bộ một cây táo lúc thì hiện ra một cánh tay đen to tới vài *acsin*⁽¹⁾, lúc thì lại nổi rõ lên đôi chân như hai chiếc cột nhà đen ngòm.

Rồi bỗng nhiên tất cả đều biến mất khỏi cây táo và một bóng đen trải dài trên toàn bộ lối đi, từ ngôi nhà tranh ra mãi đến tận cổng...

Đêm khuya, khi thôn xóm đã tắt hết đèn lửa, khi trên trời cao đã long lanh những ngôi sao trong chòm Đại hùng tinh sáng như những viên kim cương, ta lại chạy ra vườn chơi. Dẫm trên lớp lá khô sột soạt, ta lần mò tới tận túp nhà tranh như một anh mù. Ở đó là khoảng rừng thưa nên trời có sáng lên đôi chút và trên đầu ta trắng xóa dải Ngân Hà.

- Cậu đấy ư, cậu? - có ai đó từ trong bóng tối khẽ gọi ra.

- Tôi đây. Thế bác vẫn chưa ngủ à, bác Nikôlai?

- Lão không sao ngủ được. Chắc là khuya lắm

⁽¹⁾ Đơn vị chiều dài Nga cũ, bằng 0,71 mét.

rồi đấy nhỉ? Kia nọ, hình như chuyến tàu khách đã đến...

Chúng tôi lắng nghe hồi lâu và đã nhận ra mặt đất đang rung lên nhẹ nhẹ. Sự rung chuyển dần thành tiếng động, lớn dần lên và rồi nhịp bánh xe quay ầm ầm đổ đến mỗi lúc một nhanh, nghe như ngay sau vườn, đoàn tàu phóng đến rầm rập, xình xịch... mỗi lúc một gần, gần hơn và mỗi lúc một ồn ã, giận dữ hơn... Rồi tất cả bỗng lắng dần, im bật đi, hết như chui tọt cả xuống đất.

- Thế khẩu súng của bác đâu rồi, bác Nikôlai?

- Ở ngay cạnh hòm gỗ kia ạ.

Tôi bèn giương khẩu súng một nòng nặng như chiếc xà beng, chĩa lên trời, bắn ngay một phát. Cùng với tiếng nổ đĩnh tai, một ngọn lửa đỏ ôi phụt lên trời, làm lóa mắt ta trong giây lát và xóa nhòa những ngôi sao, còn dư âm hùng dũng của nó thì vang rền vòng quanh ta, lan theo đường chân trời, rồi lắng dần ở xa xa trong bầu không khí trong sạch và thính nhạy.

- Ài chà, cừ đấy! - người thị dân sẽ nói. - Cứ bắn đi, cứ bắn đi, cậu ạ, kéo không thì tai họa đấy chứ chả chơi đâu! Toàn bộ cây lê trên bờ đất đã lại bị chúng nó rung lấy hết quả rồi...

Trong khi đó, những vì sao đổi ngôi rạch bầu trời đen bằng những vết lửa. Và ta nhìn mãi vào cái khoảng sâu xanh thẫm của bầu trời đầy những chòm sao, kỳ cho tới khi chóng mặt mới thôi. Lúc bấy giờ ta mới thấy rùng mình, rút vội tay vào

những ống tay áo, chạy nhanh theo con đường giữa những hàng cây mà trở về nhà... Sao lạnh và nhiều sương đêm đến thế, và sống ở trên đời sung sướng biết bao!...

II

"Táo Antônôp mầy, cả năm thấy đều vui". Nếu táo Antônôp sai quả thì công việc nông thôn sẽ tốt, bởi vì có nghĩa là lúa cũng sẽ được mùa... Tôi hồi tưởng lại một năm được mùa ấy.

Vào lúc mới tỉnh mơ, khi gà còn đang gáy và những ngôi nhà gỗ còn đang tỏa khói mờ đen, ta sẽ mở toang cửa sổ trông ra một khu vườn mát mẻ đầy sương mù tím nhạt mà đây đó ánh nắng ban mai rọi qua màn sương đã ánh lên rạng rỡ, - và không cảm được lòng nữa, ta sẽ ra lệnh mau chóng thẳng yên cương cho ngựa, còn bản thân thì chạy ra ao để rửa ráy. Đám lá nhỏ lẫn tăn trên những cây liễu bên bờ ao đã hầu hết bay đi, chỉ còn lại những cành trơ trụi trên bầu trời xanh ngắt. Làn nước dưới rặng liễu trở nên trong vắt, lạnh như băng và dường như nặng nặng. Về lười nhác của ban đêm đã bị làn nước ấy xua tan trong nháy mắt, và, rửa ráy xong và sau khi đã hòa mình với những người làm trong căn nhà dành riêng cho họ, cùng họ ăn sáng với những củ khoai tây nóng bỏng, với bánh mì đen rắc những hạt muối to mà ướm, ta sẽ

cưỡi ngựa đến vùng Vuxenki⁽¹⁾ để săn bắn, khoái trá cảm thấy da yên ngựa trơn tru dưới chỗ mình ngồi. Mùa thu là mùa của những ngày hội lớn của các thánh, nên lúc bấy giờ nhân dân thường ăn mặc tề chỉnh và hài lòng, quang cảnh làng quê hoàn toàn không còn giống như những thời buổi khác. Nếu như năm ấy mà lại được mùa và trong các sân kho đều ngồn ngộn những đồng ươm vàng, còn ở ngoài sông sáng sáng lại có tiếng ngỗng quang quác kêu vang, thì tình hình nông thôn lúc ấy lại là rất khả quan. Hơn thế nữa, vùng quê Vuxenki nơi chúng tôi từ xưa từ xưa, từ thời ông bà ông vải đã từng nổi tiếng là vùng "trù phú". Các cụ ông cụ bà ở Vuxenki đều rất cao tuổi thọ, - đây là dấu hiệu trước hết của một vùng quê giàu có, - ai nấy đều cao, to và đầu bạc trắng như tuyết. Đến đây ta sẽ thường chỉ nghe thấy: "Phải - bà Agaphia kia kìa, bà ấy đã ngoại tám mươi ba rồi đấy!", - hoặc là những câu chuyện đại loại như sau:

- Thế bao giờ thì lão mới chết cho đấy, lão Pankrat? Có dễ lão đến trăm tuổi rồi chắc?

- Dạ thưa ngài dạy gì ạ, thưa ngài?

- Ta hỏi lão bao nhiêu tuổi rồi!

- Bẩm ngài, con cũng chẳng biết đâu ạ.

- Thế lão có nhớ Platôn Apôlônuts không?

- Có chứ ạ, thưa ngài, con nhớ rõ chứ ạ.

- Ồ, có thể chứ. Nghĩa là lão không dưới trăm tuổi được đâu.

⁽¹⁾ Có nghĩa là: "thôn xóm mới".

Ông già đang đứng dưới thẳng người trước mặt nhà quý tộc, mỉm cười hiền lành và ra vẻ có lỗi. Làm thế nào được nhỉ, hóa ra ông già có lỗi vì đã sống quá lâu. Và chắc hẳn cụ sẽ còn sống lâu hơn nữa, nếu không ních đầy hành tây vào bụng trong tuần chay trước ngày lễ thánh Pêtrôrôpki⁽¹⁾.

Tôi còn nhớ được cả bà lão của ông già ấy nữa. Thường là bà lão vẫn ngồi trên một chiếc ghế dài nhỏ ngoài bậc thềm, lưng cúi gập, đầu lắc lư, thở chẳng ra hơi, hai tay búi chặt lấy ghế, - và bà lão luôn nghĩ ngợi một điều gì đó. "Chắc lại nghĩ đến cửa nả của mình đấy thôi", - các bà các cô bảo vậy, bởi vì trong các hòm rương "của nả" của bà lão quả là có nhiều thật. Thế nhưng bà lão tưởng như chẳng nghe thấy gì, vẫn hơi nhướn đôi mày lên một cách buồn bã mà nhìn vào đâu xa xa như kiểu người thông minh, lắc lư mái đầu và hết như đang cố nhớ lại một điều gì. Đó là một bà lão to lớn, toàn thân tẩm tối thế nào ấy. Chiếc váy len tự dệt của bà lão hầu như là từ thế kỷ trước, đôi giày bện bằng dây thì như đôi giày của người chết, cổ bà lão vàng khè và khô khăng, chiếc áo sơ mi có băng chéo bằng vải kẻ sọc lúc nào cũng trắng tinh trắng tinh, - "hết như để bỏ vào săng vậy". Thế còn ở bên cạnh bậc thềm thì có một phiến đá to tướng, phiến đá mà bà lão đã tự mua để xây mồ cho mình, cũng như là đã mua cả khăn liệm nữa, một chiếc khăn liệm tuyệt đẹp có các vị thiên thần, có các

⁽¹⁾ Ngày lễ các thánh tông đồ Piôt (tức Phao-lô) và Paven (tức Phêrô) trong chính giáo Nga (29 tháng 6 theo lịch Nga cũ).

thánh giá và cả một bài kinh cầu nguyện in ở các mép khăn.

Nhà cửa của các hộ gia đình ở Vuxenki cũng hết như các cụ già ấy vậy, tất cả đều bằng gạch, và đều được xây từ hồi ông bà ông vải. Còn nhà gỗ của các nông dân giàu có, như của bà Xavêli, bác Igonat, bác Đorôn, thì đều là hai, ba gian, bởi lẽ ở Vuxenki lúc bấy giờ còn chưa có lệ chia nhà chia cửa. Ở những gia đình như vậy người ta nuôi ong, người ta tự hào về con ngựa đực kéo khoẻ, màu sắt xám, và người ta cai quản khu đất vườn có nền nếp. Trong các sân phơi đều đen ngòm những đồng gai dầu rậm rạp và mập mạp, có cả nhà hong lúa và lán chứa lúa lợp hai mái; trong các kho chứa cỏ và kho thóc nhỏ đều có cửa sắt để chứa giữ vải gai, xa quay sợi, những chiếc áo lông cộc mới, các yên cương có đủ bộ, các loại thùng dầu đóng đai đồng. Trên các cánh cổng và trên các xe trượt tuyết đều đóng dấu thánh giá bằng sắt nung. Và tôi còn nhớ rằng hồi ấy đôi khi mình tưởng chừng làm người nông dân là một điều hấp dẫn hiếm có. Mỗi khi cưỡi ngựa đi trong vùng nông thôn vào buổi sáng chói chang ánh nắng, ta luôn nghĩ rằng nếu được gặt lúa, đập lúa, nếu được ngủ trên những đồng rơm ngoài sân phơi, còn như vào ngày lễ nếu được dậy sớm cùng với mặt trời trong hồi chuông khai lễ rộn rã và du dương từ trong làng vọng đến, nếu được rửa mặt ngay bên cạnh thùng nước, mặc chiếc áo sơ mi kiểu cách và sạch sẽ, bận bộ quần áo hết như người nông dân và cũng được đi đôi ủng đóng cá sắt

kiên cố như vậy, thì sẽ thú vị biết bao. Tôi còn nghĩ, nếu thêm vào đó, còn có một cô vợ khoẻ mạnh và đẹp dễ, ăn vận xiêm áo ngày hội, và lại có một chuyến đi dự ngày lễ trọng, sau đó đến ăn trưa ở nhà ông bố vợ có râu dài, một bữa ăn có thịt cừu nóng sốt để trong đĩa gỗ, có cả bánh mì bằng tinh bột, có cả mật ong tăng và bia nhà làm, - như thế thì không thể còn mong muốn gì hơn được nữa! Cũng theo trí nhớ của tôi thì nếp sống của người quý tộc bậc trung, cho tới rất gần đây, vẫn có nhiều điểm chung với nếp sống của một người nông dân giàu có, đứng về mặt khả năng quán xuyến việc nhà cũng như về mức phong lưu nông thôn theo kiểu cổ mà nói. Ví dụ như đó là trường hợp khu điền trang của di Anna Ghêraximôpna ở cách Vuxenki khoảng mười hai *vecxta*⁽¹⁾ chẳng hạn. Khi ta tới được điền trang đó thì trời đã sáng bạch. Tuy đi ngựa, nhưng phải dùng dây để giòng đàn chó săn thì cũng chỉ đi thủng thẳng được thôi, vả chăng ta cũng chẳng muốn vội vã làm gì, - đi giữa cánh đồng trong một ngày nắng và mát mẻ thì vui vẻ biết bao! Vùng đất bằng phẳng, có thể nhìn thấy rất xa. Bầu trời nhẹ nhõm, và sao nó bao la, sâu thẳm đến thế. Mặt trời long lanh chiếu xiên khoai, và, sau những trận mưa, con đường rì xuống do có nhiều xe đi lại, trơn như đổ mỡ và láng bóng lên như những đường ray. Từ phía trải ra rộng rãi những vạt lúa thu non xanh thắm, tươi mát. Một chú điều hâu

⁽¹⁾ Đơn vị đo chiều dài Nga cũ, bằng 1,06km.

từ dẫu đó vút lên bầu không trong vắt rồi lặng đi, cứ đứng yên một chỗ mà vỗ đôi cánh nhỏ nhọn hoắt. Còn những cột dây thép⁽¹⁾ mà ta trông rõ nét thì chạy tít về một phương xa quang đãng, với những đường dây giống như những sợi dây đàn bằng bạc lơ lửng treo ngang lưng chừng trời quang đãng. Những con chim cắt nâu đậu trên những đường dây đó y hệt những nốt đen trên một trang chép nhạc.

Tôi không biết và chưa được thấy chế độ nông nô, nhưng tôi nhớ được rằng tôi đã cảm biết được chế độ đó khi tôi đến chỗ dì Anna Ghêraximôpna. Cứ bước chân vào trang trại này là ta lập tức cảm thấy ngay rằng chế độ đó đang còn sống nguyên vẹn. Khu điền trang không lớn, nhưng thấy đều cũ kỹ, vững vàng, chung quanh bao bọc bởi những cây bạch dương và miên liễu cổ thụ. Những công trình xây dựng trong trang trại là rất nhiều, không đồ sộ, nhưng rất tiện lợi cho việc nhà, và hệt như tất cả đều được gắn bó với nhau bằng những thân gỗ sồi sẫm màu dưới những mái rơm. Nổi bật lên do to tát, hay nói đúng hơn do chiều dài của nó, chỉ là căn nhà đen nhẻm của những người đầy tớ, mà người ta thấy ngó ra những đại diện cuối cùng của đẳng cấp tôi đòi, - những ông bà già lụ khụ nào đó, một cụ đầu bếp đã về hưu già lợm khộm, trông giống như Đôn Kihôtê. Khi ta cuổi ngựa vào đến nơi thì tất cả các cụ ấy đều kéo nhau ra, cúi rạp cả người xuống mà

⁽¹⁾ Tức những cột điện báo. Ngày xưa đánh điện báo, gửi điện tín thì gọi là "đánh dây thép".

chào. Một cụ xà ích đầu bạc từ trong lán xe ngựa chạy ra để giữ ngựa cho ta, ngay từ lúc bước ra khỏi lán cụ đã ngã mũ và cúi đầu trần như thế mà đi ngang qua toàn bộ khu sân nhà. Trước đây cụ làm xà ích cưỡi ngựa để gióng xe⁽¹⁾ cho bà dì tôi, còn bây giờ thì cụ chở xe cho bà đi dự các buổi lễ trọng, - mùa đông bằng xe thổ mộ, mùa hè thì bằng một chiếc xe ngựa không mui vững chãi, bịt sắt, đại để giống như những chiếc xe mà các cha cố thường đi. Khu vườn của dì tôi nổi tiếng là rậm rạp, có nhiều chim họa mĩ, chim gáy và nhiều táo, còn ngôi nhà của dì thì nổi tiếng vì cái mái nhà. Ngôi nhà ấy ở ngay đầu sân, sát cạnh vườn, được ôm ấp bởi những cành lipa. Nhà không đồ sộ mà lại thấp lè tè, nhưng ta có cảm tưởng là nó không thể dưới trăm tuổi được, bởi lẽ ta thấy nó đàng hoàng ngó ra từ phía dưới một mái rơm cao và dày dặn khác thường, một mái rơm đã đen nhẻm và cứng chắc lại với thời gian. Tôi có cảm giác là mặt trước của ngôi nhà này bao giờ cũng rất sống động, hệt như một bộ mặt già nua dưới một chiếc mũ kéch xù đang nhìn ra bằng những con mắt hõm sâu, - những khung cửa sổ với những ô kính đã ánh lên màu xà cừ do giấm mưa dài nắng. Còn ở hai bên những con mắt đó là những bậc thềm, - hai bậc thềm cũ kỹ, rất to, có nhiều cột. Trên mi cao của những mái thềm này bao giờ cũng đậu đầy những con bồ câu được ăn no, trong khi đó

⁽¹⁾ Có hai loại xà ích, một loại ngồi trên ghế, một loại cưỡi lên một trong những con ngựa phía trước để gióng xe.

hàng ngàn con chim sẽ bay rào rào như mưa từ mái nhà này sang mái nhà khác... Và khách sẽ cảm thấy ấm cúng xiết bao trong cái tổ ấm dưới bầu trời thu xanh ngắt ấy!

Bước chân vào nhà, trước hết là nghe có mùi táo, rồi sau mới đến các mùi vị khác, mùi đồ đặc cũ bằng gỗ hồng sắc, mùi hoa lipa khô mà người ta thường phơi ở cửa sổ từ tháng sáu trở đi... Tất cả các buồng phòng - buồng người hầu, phòng lớn, phòng khách, - thấy đều lạnh lẽo và tối tăm; đó là do nhà có vườn bao bọc chung quanh, mà các ô kính phía trên của các cửa sổ lại đều là kính màu, màu xanh sẫm và màu hoa cà. Trong nhà đâu đây đều yên tĩnh và sạch sẽ, mặc dù những chiếc ghế bành, những chiếc bàn khảm và những tấm gương viền khung bằng vàng chật hẹp và xoắn tròn kia hình như chưa bao giờ xê dịch đi đâu cả. Và kia, đã nghe có tiếng ho húng hắng: bà dì tôi bước ra. Vóc bà không cao lớn, nhưng bà cũng chắc nịch như mọi người chung quanh vậy. Bà choàng trên vai một chiếc khăn san lớn kiểu Ba Tư⁽¹⁾. Bà bước ra một cách trang trọng nhưng niềm nở, và trong khi diễn ra những câu chuyện liên miên bất tuyệt về thời xưa, về gia tài và các cửa thừa tự, đã lập tức thấy bắt đầu xuất hiện các đồ ăn thức uống để đãi khách: đầu tiên là lê "đulia", các loại táo, - táo Antônôp, táo "ben-barutnia"⁽²⁾, táo "bôrôvinka"⁽³⁾,

⁽¹⁾ Tức Persia, nước Iran ngày nay.

⁽²⁾ Một loại táo vỏ trắng.

⁽³⁾ Một loại táo muộn.

táo "plôđôvitka"⁽¹⁾ - rồi sau đó là một bữa trưa kỳ thú: giăm bông toàn bộ màu hồng luộc với đậu côve, gà nhồi thịt, gà tây, các món ngấm dấm và nước *kvax* đỏ - có nồng độ cao và ngọt ời là ngọt. Các tấm cửa sổ nhìn ra vườn được nâng lên, và từ đó ta thấy phả vào khí mát mẻ sáng khoái của mùa thu...

III

Những năm gần đây có một thú vui đã nâng đỡ cho tinh thần đang kiệt quệ của các nhà địa chủ, - đó là thú đi săn.

Trước đây, những điền trang như điền trang của dì Anna Ghêraximôpna chẳng phải là hiếm. Cũng có cả những điền trang bao gồm cả một lãnh địa bát ngát, với một khu vườn rộng tới hai chục *đêxiatina*⁽²⁾, tuy đang suy tàn nhưng vẫn còn rất phong lưu. Thật vậy, một vài điền trang loại đó vẫn còn sót lại cho tới ngày nay, nhưng ở đó đã không còn có sự sống nữa rồi... Không còn có xe ba ngựa, không còn có những con ngựa Kiêcghidia chuyên để cưỡi⁽³⁾, không còn những con chó bécgiê và chó *boocdôi*⁽⁴⁾, không còn có

⁽¹⁾ Một loại táo rất sai quả.

⁽²⁾ Đơn vị đo diện tích Nga cũ, bằng 1,092 ha.

⁽³⁾ Ngựa để cưỡi, của vùng Kiêcghidia, phía Tây Nam Nga, là một nước cộng hòa trong Liên bang Xô Viết trước đây.

⁽⁴⁾ Loại chó săn mồm dài, bụng thót, chân thon.

nô bộc và không còn có cả chính cái người chiếm hữu tất cả những cái đó nữa, nghĩa là người địa chủ thích đi săn, đại loại như mô ma ông anh vợ tôi là Akxêni Xêmenuts chẳng hạn.

Từ cuối tháng chín, vườn tược và sân phơi ở vùng chúng tôi đều đã trống trải cả, thời tiết luôn biến đổi đột ngột theo thường lệ. Gió thường lay giật cây cối suốt cả ngày, còn mưa thì xối xả từ sáng cho đến tận đêm. Đôi khi tới xế chiều mới thấy có ánh vàng lung linh của một mặt trời thấp len lỏi qua những đám mây thấp u ám ở đằng tây, bầu không khí trở nên tinh khiết và quang đãng, ánh nắng chói lòa giữa những chòm lá và những cành cây đang rung rinh, rập rờn theo chiều gió như một tấm lưới sống động. Còn ở phía bắc, một bầu trời xanh loang loãng tỏa sáng lạnh lẽo và rạng rỡ trên những đám mây màu chì nặng nề, và từ phía sau những đám mây ấy từ từ lộ ra những đám mây trắng giống như những đỉnh núi phủ tuyết. Ta đứng bên cửa sổ và nghĩ bụng: "Biết đâu nhờ ơn Chúa trời sẽ lại chẳng nắng ráo lên". Nhưng gió vẫn thổi mãi không thôi. Nó khiến khu vườn gợn sóng, thổi bạt làn khói liên tục tuôn ra từ ống khói trên căn nhà của những người đầy tớ và lại dồn đến những đám mây bù xù màu tro chẳng tốt lành gì. Những đám mây này bay thấp và nhanh, và chẳng mấy chốc đã làm cho mặt trời mờ mịt đi như bị một làn khói che phủ. Ánh sáng mặt trời phụt tắt, ô cửa sổ nhỏ nhìn lên bầu trời xanh đã đóng lại, cảnh trong vườn trở nên hoang vắng và đều

hiu, rồi mưa lại bắt đầu rơi... mới đầu còn nhẹ nhàng, thận trọng, về sau mỗi lúc một dày, và cuối cùng, biến thành một trận mưa to kèm theo gió táp và tối mịt mù. Một đêm dài và xao động đã bắt đầu...

Sau một cơn vùi dập như thế, khu vườn hầu như lổa lổ, phủ đầy lá ướt và có một vẻ gì như lảng địu và yên phận. Thế nhưng nó lại đẹp dễ biết bao khi trời đã quang, mây đã tạnh, khi đã bước vào những ngày trong trẻo và lạnh lẽo đầu tháng mười, vào dịp lễ từ biệt của mùa thu! Những chiếc lá còn sót lại giờ đây vẫn sẽ đeo đẳng trên cây cho tới những trận rét đầu mùa. Khu vườn sẽ hiện ra đen đui trên nền trời xanh lạnh lẽo và sẽ tạm sưởi mình trong ánh nắng mà ngoan ngoãn chờ đợi mùa đông. Còn những cánh đồng thì đã đen nhẻm đi vì những luống cày và xanh mướt lên với những vạt lúa thu non đang trở lá dày dặn... Đây chính là lúc để đi săn rồi!

Và đây, tôi đã thấy mình trong khu điền trang của Akxêni Xêmenuts, trong một ngôi nhà lớn, trong một căn phòng lớn đầy ánh nắng và đầy khói tỏa ra từ những chiếc tẩu và những điếu thuốc lá. Trong phòng đông người, toàn là những người da rám nắng, mặt dầu giải gió mưa, mặc áo bành tô chèn thân và đi ủng dài. Họ vừa mới ăn rất no xong, mặt đỏ bừng và ai nấy đều hưng phấn bàn tán âm ỉ về cuộc đi săn sắp tới, mặt dầu vẫn không quên uống nốt chỗ vodka còn lại, dù là sau bữa ăn. Còn ở ngoài sân đã có tiếng tù và rúc và tiếng chó rú rít đủ giọng khác nhau. Một con chó *boocdoi* đen được

Akxêni Xêmenuts cứng chiều đang leo lên bàn và bắt đầu ngốn nốt món thỏ nấu dấm còn lại trong đĩa. Nhưng nó bỗng rú lên một tiếng kinh hoàng và bứt ra khỏi bàn, đánh đổ cả đĩa lẫn ly rượu. Thì ra Akxêni Xêmenuts vừa cảm roi và súng ngắn bước ra khỏi phòng, đã thỉnh linh nổ một phát làm tất cả mọi người trong căn phòng lớn đều phải đình tai nhúc óc. Khỏi trong căn phòng lại càng thêm mù mịt, còn Akxêni Xêmenuts thì cứ đứng mà cười.

- Tiếc quá, ta bắn trượt mất rồi! - ông nói, cặp mắt đung đưa.

Người ông cao, xương xương, nhưng vai rộng và cân đối, còn khuôn mặt ông là một khuôn mặt tuần tú của người digan. Đôi mắt ông ánh lên một cách hoang dã, ông rất lạnh lẹn, mặc một chiếc sơ mi lụa màu huyết dụ, một chiếc quần rộng ống bằng nhung và đi một đôi ủng dài. Sau khi đã khiến cho con chó và các khách khứa phát hoảng lên vì phát súng ngắn, ông cất giọng nam trung, nửa đùa nửa thật ngâm lên:

Đã đến lúc thẳng yên cương con tuần mã,

Và chiếc tù và tốt giọng, ta hãy khoác lên vai! -
đoạn ông nói to:

- Nhưng thôi, chẳng tội gì bỏ phí thời giờ vàng ngọc!

Cho tới bây giờ tôi vẫn còn cảm thấy được rằng lúc ấy lồng ngực trẻ đã hít thở háo hức và nhiều nhận biết bao nhiêu khí lạnh của một ngày quang tạnh và ẩm ướt đã về chiều, khi ta đi cùng với đoàn người huyền não của Akxêni Xêmenuts, khi lòng ta

hưng phấn bởi cái cảnh om sòm đầy chất nhạc của đàn chó được xua vào trong rừng cây lá bản, vào những nơi gọi là Gò đỏ hay Chòmi vang gì đó mà chỉ nghe tên gọi là người đi săn đã xốn xang trong lòng. Ta cưỡi một con ngựa Kiêcghidia hung dữ, mạnh mẽ và lùn tẻ, và khi phải siết chặt dây cương để ghìm bớt nó lại, ta cảm thấy hầu như ta đã cùng nó hòa vào làm một. Con ngựa khịt phì, đòi chạy nước kiệu, vó giẫm soàn soạt lên những bậc thềm sâu mà nhẹ của đám lá rụng đen ngòm, và mỗi tiếng động đều truyền lan vang dội cả khoảng rừng vắng vẻ, ẩm ướt và tươi mát. Một con chó sủa ăng ăng ở đâu xa xa, có tiếng con chó thứ hai, rồi thứ ba đáp lại một cách tha thiết và ai oán, - đoạn toàn bộ khu rừng bỗng rền vang hết như thủy triều đều bằng thủy tinh, do tiếng chó sủa, tiếng người hò hét sôi động. Có một tiếng súng nổ đánh giữa cảnh huyền ảo ấy, thế là mọi chuyện đã được "nhen lên" rồi lan đi mãi tận đâu ở xa xa.

- Vây là-à-ấy nó! - có ai đó gào lên một giọng tuyệt vọng vang khắp khu rừng.

"A, vây lấy nó!", - một ý nghĩ say sưa thoáng hiện trong đầu. Ta bèn quát con ngựa, và như tháo cũi sổ lồng, ta sẽ phóng như bay trong rừng, không còn phân biệt đường lối gì nữa cả. Chỉ còn thấy cây cối loang loáng trước mắt và thấy vó ngựa tung bùn tới tấp vào mặt. Khi vọt ra khỏi rừng, ta thấy đàn chó kéo thành một vệt dài sắc sảo trên cánh đồng lúa non và ta lại càng hối thúc con ngựa Kiêcghidia xông lên chặn ngang đường con thú, - băng qua những cánh

đồng lúa non, những luống cày vỡ và những ruộng rạ, kỳ cho tới khi đàn chó cùng với những tiếng sủa, những tiếng rên rỉ điên cuồng của chúng đã chuyển sang một chòm rừng khác và đã mất hút mới thôi. Lúc bấy giờ toàn thân ta đã ướt đầm và run lên vì căng thẳng, ta bèn nhìn con ngựa sùi bọt mép và thở phì phò lại mà háo hức hít lấy làn khí ẩm lạnh giá của khu thung lũng giữa rừng. Tiếng la hét của những người đi săn và tiếng sủa của đàn chó đã im bật ở đằng xa, chung quanh ta đã lặng như tờ. Khu rừng gỗ đang được khai phá dở chừng này đứng im phăng phắc, và ta tưởng chừng như mình lọt vào một nơi cung cấm thâm nghiêm nào đó. Từ các khe vực xông lên mùi ẩm ướt của nấm, mùi lá rữa và mùi vỏ cây củi còn tươi. Và khí ẩm ướt từ các khe vực tỏa ra càng đậm, thì rừng càng lạnh hơn, tối tăm hơn... Đã đến lúc phải nghỉ qua đêm. Nhưng sau một buổi săn, tập hợp lại được đàn chó là một việc vất vả. Tiếng tù và rúc buồn bã và tuyệt vọng hồi lâu trong rừng, tiếng la hét, chửi rủa và tiếng chó ăng ăng kêu cũng vang lên hồi lâu... Cuối cùng, khi trời đã tối mịt, đoàn đi săn mới vỡ được khu điền trang của một điền chủ độc thân nào đó mà họ hầu như không quen biết, làm om sòm cả sân của khu điền trang này lên, và trong sân lúc này sáng lòa ánh đèn lò, ánh nến và ánh đèn cây được đưa từ trong nhà ra để đón họ...

Có nhiều khi đoàn đi săn ở nhờ nhà ông láng giềng hiếu khách ấy đến vài ngày. Cứ sáng tinh mơ, mặc cho gió giá lạnh và tuyết đầu mùa ẩm ướt, họ đi

vào rừng và ra cánh đồng để đến sẩm tối lại quay trở về, ai nấy đều lấm bùn bê bết, mặt mũi đỏ gay, hôi hám mùi mồ hôi ngựa và mùi lông con thú mà họ đã săn được, - và thế là bắt đầu một cuộc đánh chén lu bù. Trong căn nhà sáng sủa và đông người ấy, thật là ấm áp sau cả một ngày rong ruổi ở ngoài trời. Mọi người ai nấy đều cởi phanh áo bành tô, di từ phòng nọ sang phòng kia mà uống, mà ăn một cách hỗn độn, trao đổi om xòm với nhau cảm tưởng về con chó sói già to kéch sù bị bắn chết đang nằm ềnh giữa phòng lớn, răng nhe ra, mắt trợn ngược, cái đuôi dài lông tơ vạt sang một bên, vẩy ra sần những dòng máu đã lạnh và nhọt nhọt. Uống rượu vodka và ăn xong bữa, ta sẽ cảm nhận được một nỗi mệt mỏi ngọt ngào, một tình trạng mơ màng êm ái đến nỗi những lời nói chung quanh chỉ như xuyên qua một làn nước mới đến được tai ta. Bộ mặt dày sương dạn gió của ta nóng bừng lên, và khi ta nhắm mắt lại thì toàn bộ mặt đất như bỗng bênh trôi dưới chân ta. Còn khi ta nằm vào giường, nằm lên chiếc nệm lông chim ở đầu đó trong một căn buồng cổ kính với một dãy tượng thánh và một dãy đèn thờ ở phía góc nhà, trước mắt ta sẽ thấp thoáng hiện ra những bóng ma chó lông sặc sỡ và đỏ như lửa, trong toàn thân ta sẽ nhức nhối trở lại cái cảm giác ngồi trên ngựa, và ta sẽ không nhận biết được rằng ta đang cùng với những hình tượng và cảm giác đó chìm đắm vào một giấc ngủ ngọt ngào và khoẻ khoắn, thậm chí quên bằng rằng căn phòng này hồi

nào đây đã từng là buồng ngủ của một ông già nổi tiếng với những huyền thoại nông nô bị thảm, và rằng chính cụ ấy đã chết trong căn buồng ngủ này, rất có thể chết trên chính chiếc giường này cũng nên.

Tháng hoặc có hôm ta ngủ quên không kịp đi săn thì việc nghỉ ngơi ấy mới càng đặc biệt dễ chịu. Ta sẽ tỉnh giấc và cứ nằm ườn mãi trong giường. Toàn bộ căn nhà đều tĩnh mịch. Ta nghe được thấy tiếng chân bác làm vườn đi rón rén trong từng buồng để nhóm các lò sưởi lên, và cả tiếng cũi nổ lép bép, bập bùng. Trước mặt ta là cả một ngày yên tĩnh trong khu diền trang đã im lìm trong những ngày đông. Ta sẽ thông thả mặc quần áo, đi dạo trong vườn, vô được trong đám lá ẩm một quả táo ngẫu nhiên bị bỏ quên đã ướp lạnh, và không hiểu tại sao ta lại thấy quả táo này ngon khác thường, hoàn toàn không giống như những quả táo khác. Rồi sau ta xoay ra đọc sách, - những quyển sách do cha ông để lại, đóng bìa da dày cộp, có hình những ngôi sao nhỏ mạ vàng đóng ở gáy sách bằng da dê. Những quyển sách giống như những quyển kinh dâng lễ trong nhà thờ ấy với những trang giấy dày, ram ráp và đã ố vàng của chúng sao thơm một cách kỳ lạ! Đó là một mùi mốc meo chưa chưa dễ chịu nào đó, mùi nước hoa thời xưa... Có những dòng nhận xét viết bằng lông ngỗng, chữ viết to, nét tròn, mềm mại, ghi ở bên lề các trang sách, và cả những nhận xét này cũng rất hay. Giở một quyển sách ra, ta đọc thấy: "Một ý xứng đáng với các triết gia cổ kim,

tình hoa của lý trí và của tình cảm chân thành"... Và thế là ta bất giác say mê ngay chính quyển sách ấy. Đó là cuốn "Triết gia quý tộc", một cuốn sách viết theo lối phóng dụ, được xuất bản từ cách đây khoảng một trăm năm với sự bảo trợ của "một vị đã được ân tứ nhiều huân chương" và được in trong một nhà in của một hội làm phúc. Cuốn sách kể chuyện "một triết gia quý tộc, khi có thời giờ và khi có khả năng suy luận tới mức mà trí tuệ của con người có thể vươn tới, có lúc đã nhận được nguyện vọng muốn ông xây dựng cho một kế hoạch của xã hội trên khoảng đất bao la của làng mình"... Sau đó ta lại đụng phải "những trước tác trào phúng và triết lý của ông Vonter"⁽¹⁾ và ta đã thưởng thức hồi lâu một cách khoái trá cái kiểu cách cầu kỳ đáng yêu của bản dịch viết rằng: "Thưa các quý vị! Vào đệ thập lục thế kỷ, Eraxm⁽²⁾ đã làm văn để ngợi khen sự ngu xuẩn (đến đây có ngắt giọng một cách cầu kỳ bằng chấm phẩy); còn các quý vị...". Sau đó, từ thời nữ hoàng Êkatêrina ta chuyển sang thời kỳ lãng mạn, sang các tập hợp tuyển thơ văn, sang những cuốn tiểu thuyết tình cảm bay bướm trường thiên... Con chim cu từ trong đồng hồ nhảy ra và cú cu trên đầu ta với giọng vừa buồn lại vừa giễu cợt trong căn nhà vắng vẻ. Và rồi một nỗi sầu muộn ngọt ngào và kỳ dị đã bắt đầu thoáng hiện trong lòng ta...

⁽¹⁾ Voltaire (1694-1778), nhà tư tưởng Pháp, có khuynh hướng tự do, báo hiệu cho cuộc cách mạng tư sản Pháp sau này.

⁽²⁾ Erasm (1466-1536), nhà tư tưởng Hà Lan, được mệnh danh là "Vonter La tinh".

Đây là cuốn "Những điều bí ẩn của Alêcxix", còn đây là cuốn "Victor, hay Đứa con ở trong rừng". Chuông nửa đêm đã điểm. Bầu tinh mệnh thiêng liêng đã thay thế cho cảnh náo nhiệt ban ngày và cho những bài ca vui vẻ của dân làng. Thần Mộng đã giương đôi cánh tâm tối ra để bao phủ bán cầu của chúng ta, và từ đôi cánh ấy Thần gieo rắc cảnh tối tăm và gieo rắc mơ tưởng... Mơ tưởng... Chúng thường chỉ tiếp tục đem lại biết bao điều đau khổ bất hạnh mà thôi!...". Và rồi trước mắt ta thấp thoáng ẩn hiện những tư cổ xưa yêu quý: những vách đá và những rừng sồi, mặt trăng tê tái và nổi cô đơn, những bóng ma và những con ma, những đóa "êrôta", những bông hồng và bông bách hợp, "những trò tình quái và hiếu động của bọn nhóc nghịch ngợm", bàn tay trắng muốt như hoa huệ, những Liutmila và Alina... Còn đây là những tạp chí mang tên của Giukôpxki⁽¹⁾, Batiuskôp⁽²⁾, của sinh viên Puskin⁽³⁾. Và ta buồn rầu nhớ tới bà nội ta, nhớ tới những điệu *pôlônêđơ* mà người đạo trên chiếc đàn dương cầm cổ kính, nhớ tới lúc người thần thờ đọc những câu thơ trong "Êpghêni Ônêghin"⁽⁴⁾. Và cuộc sống mơ màng xa xưa lại hiển hiện trước mắt ta... Hồi nào đó đã từng có những cô gái và những người đàn bà xinh

⁽¹⁾ V.A Giukôpxki (1783-1852), nhà thơ Nga, mở đầu trào lưu văn học hiện thực và tiến bộ Nga.

⁽²⁾ K.N.Batiuskôp (1787-1855), nhà thơ tiến bộ Nga.

⁽³⁾ Puskin đã theo học *litrê* (một loại trường cao đẳng thời Nga hoàng) Nôvôxexxki, do đó được gọi là sinh viên, người học *litrê*.

⁽⁴⁾ Tiêu thuyết, tác phẩm nổi tiếng của Puskin.

đẹp sống trong những diễn trang quý tộc này! Những bức chân dung của họ đang nhìn vào tôi từ trên tường, những mái đầu nhỏ nhắn, đẹp một cách quý phái, được chải búi theo kiểu cổ xưa, đang cụp những làn mi dài một cách thùy mị và yếu điệu xuống cặp mắt buồn và dịu dàng...

IV

Trong trang trại của các diễn chủ nay đã không còn mùi thơm của táo Antônôp nữa rồi. Những ngày ấy mới chỉ cách đây không lâu, mà sao tôi tưởng chừng như từ bấy đến nay hầu như đã qua cả một thế kỷ. Các cụ già ở Vuxenki đã chết cả rồi, di Anna Ghêraximôpna đã qua đời, Acxêni Xê mê nưts đã tự sát bằng súng ngắn... Giờ đây là vương quốc của những người có ít đất đai, nghèo đi đến cùng cực!... Nhưng ngay cả cái cuộc sống ít đất đai, nghèo khó ấy cũng vẫn đẹp!

Này đây, tôi lại thấy mình trở lại thôn quê vào độ cuối thu. Đó là những ngày xanh xao, u ám. Sáng ra tôi ngồi lên yên rồi đi ra cánh đồng với một con chó, với khẩu súng và chiếc tù và. Gió reo vang và vi vút nơi miệng súng, gió phàn phật thổi ngược chiều, đôi khi cuốn theo cả tuyết khô. Tôi lang thang trên những đồng bằng vắng vẻ cả một ngày trời... Bụng đói cật rét, sẩm chiều tôi trở lại diễn trang, và trong

lòng sao bỗng ấm áp và hân hoan khi thấy Vuxenki đã thấp thoáng ánh lửa và từ điển trang đã thấy tỏa ra mùi khói, mùi gia cư. Tôi còn nhớ là trong nhà tôi vào lúc đó mọi người thường thích "nói mò", không thắp đèn lên mà cứ nói chuyện với nhau trong cảnh chạng vạng. Vào nhà, tôi thấy các cánh cửa đã được đóng thêm khung nẹp mùa đông cả rồi, và điều đó lại càng khiến tôi thêm yên lòng với cảnh mùa đông. Trong buồng của những người hầu, một bác người làm đang đốt lò, và, như hồi thơ ấu, tôi ngồi xõm xuống cạnh đồng rơm giờ đây đã ngát tỏa mùi tươi mát của ngày đông, lúc tôi nhìn vào lò rực cháy, lúc thì nhìn ra những khung cửa sổ mà ngoài trời đã xanh lên với cảnh hoàng hôn buồn đang lịm tắt. Rồi tôi sang buồng của những kẻ ăn người làm. Ở đó sáng đèn và đông người: các cô gái đang băm bắp cải, những lưỡi dao phay loang loáng, tôi nghe tiếng dao lách cách đều đều, nhịp nhàng, cùng với những bài hát nông thôn trầm bổng, vừa vui lại vừa buồn... Đôi khi cũng có ông láng giềng ít đất nào đó ghé thăm và chờ tôi về nhà ông ta ở chơi lâu lâu... Cuộc sống ít dật vắn cứ đẹp!

Con người ít đất ấy dậy sớm. Vươn mạnh người, ông ta cất mình khỏi giường rồi quán một liều thuốc to bằng thứ thuốc lá đen rẻ tiền hoặc có khi chỉ bằng thuốc lá vườn. Ánh sáng nhợt nhạt của một buổi sáng tháng mười một sớm sủa rơi vào một thư phòng đơn sơ với những bức tường trần trụi, rơi vào những tấm da cáo thô kệch, vàng vọt treo bên trên giường

và rơi vào một thân hình vạm vỡ với chiếc quần rộng ống và chiếc áo cổ chéo buông lơi, trong khi đó tấm gương phản chiếu một gương mặt ngái ngủ có dáng dấp Tactar. Căn nhà ấm áp, tranh tối tranh sáng, im lặng như tờ. Ngoài cửa, ở hành lang đang khò khè ngáy một bà già nấu bếp đã từng sống trong căn nhà của những kẻ ăn người làm từ hồi còn là một cô bé con. Thế nhưng điều đó vẫn không ngăn cản ông chú quý tộc hét văng nhà bằng một giọng khàn:

- Bà Lukêria! Cho ta *xamôvar*!

Đoạn ông ta đi ủng, khoác lên vai chiếc áo bành tô chèn thân và chẳng buồn cài cúc áo sơ mi, bước ra bậc thềm cửa. Nơi buồng ngoài, cửa còn đóng và có mùi của bầy chó sẵn: chúng uể oải vươn mình, rít lên mà ngáp, đoạn niêm nở ra quây lấy ông chủ.

- Xê ra! - ông chậm rãi nói bằng một giọng trầm khoan dung, đoạn qua vườn mà đi ra sân phơi lúa. Ngực ông nở ra để hít thở làn không khí sắc ngọt của bình minh và mùi vị của khu vườn trần trụi, rét mướt trong đêm. Những chiếc lá quân lại và thâm xỉ vì giá rét sột soạt dưới những gót ủng nện trên lối đi giữa hai hàng bạch dương đã bị đốn mất một nửa. Trên đỉnh lán chứa lúa, những con quạ xù lông ngủ đang hiện rõ nét trên nền trời thấp và mờ tối... Ngày hôm nay đi săn thì thật tuyệt vời đấy! Rồi, dừng bước giữa lối đi, ông chú quý tộc đưa mắt nhìn hồi lâu ra cánh đồng mùa thu, ra những vạt lúa thu non mướt xanh và hiu quạnh chỉ còn có những con bê đang đi lại nhớn nhoe. Hai con chó cái đang rít lên dưới chân

ông, còn con Dalivai thì đã ra khỏi vườn: nó nhảy qua chồm lại trên những gốc rạ lổm chổm, như mời chào, như đòi được băng ra cánh đồng. Nhưng làm gì được với loại chó săn này bây giờ? Con thú giờ đây đang ở ngoài đồng, ở những luống cày vỡ, ở lối đi giữa hai bờ tuyết phủ, chứ còn ở trong rừng thì nó sợ, bởi vì trong rừng gió thổi lá cây kêu xào xạc... Ôi, giá như có được loại chó *boocdôi*!

Trong lán chứa lúa người ta bắt đầu đập lúa. Cái thùng của máy tuốt lúa từ từ quay, kêu lên kèn kẹt. Những con ngựa kéo máy loạng choạng bước đi, dấn vó trên đường vòng đầy phân, uể oải kéo căng những chiếc dây chuyển. Ngồi chính giữa, xoay tròn trên chiếc ghế băng nhỏ, người ruồi ngựa đều giọng thét lác lủ ngựa và lúc nào cũng chỉ chăm chăm lấy roi quất vào một con ngựa đực màu nâu, nó lười hơn cả và đúng là vừa đi vừa ngủ, bởi lẽ mắt nó đã bị bịt kín mất rồi.

- Nào, nào, các cô gái, các cô gái! - một bác chuyên trách việc đưa lúa vào máy, đã đứng tuổi, mặc chiếc sơ mi bằng vải gai rộng thùng thình, thét lên nghiêm khắc.

Các cô gái vội vàng quét sân đập lúa, mang cáng, cầm chổi chạy đi.

- Lạy Chúa! - bác chuyên trách tuốt lúa nói, đoạn người ta thấy bó rơm đầu tiên được đưa vào máy để thử đã rít lên, rào rào bay vào thùng máy rồi từ trong thùng máy nhô lên, xoè ra như một cái quạt. Còn thùng máy thì cứ rú lên mỗi lúc một da diết hơn,

công việc sôi nổi dần lên, và chẳng mấy chốc các thứ âm thanh hòa thành một tiếng ầm ầm chung của việc đập lúa nghe rất dễ chịu. Ông chủ đứng ở cổng lán nhìn vào thấy trong bóng tối thấp thoáng những chiếc khăn chùm đầu đỏ và vàng, thấp thoáng những bàn tay, những chiếc bữa cào, những rơm rạ, và tất cả những cái đó chuyển động đều đặn, tíu tít lên trong tiếng quay ầm ầm của thùng máy, trong tiếng thét độc điệu và tiếng huýt gió của bác chuyên trách tuốt lúa. Bồi lúa bay từng đám từng đám ra cổng. Ông chủ đứng đó, toàn thân sạm đi vì bồi lúa. Ông luôn đưa mắt nhìn ra cánh đồng... Các cánh đồng sắp trắng xóa đến nơi rồi, chẳng bao lâu nữa chúng sẽ chìm ngập trong trận tuyết đầu mùa...

Cơn rét đầu mùa, trận tuyết đầu mùa! Loại chó *boocdòi* không có, chẳng đi săn bằng cái gì được trong cái tháng mười một này. Nhưng mùa đông đã đến, dành bắt đầu "công việc" với những con chó săn thường vậy. Thế là, lại như những thời buổi trước đây, những kẻ ít đất lại cưỡi ngựa đến thăm nhau, tiền còn bao nhiêu đem ra uống hết, hôm nào cũng biệt tăm biệt tích suốt ngày trong những cánh đồng tuyết phủ. Còn chiều đến, ở một thôn xóm hẻo lánh nào đó, từ xa người ta đã thấy những ô cửa sổ chái bên của ngôi nhà đã loé sáng lên trong đêm đông tăm tối. Ở đó, trong cái chái của ngôi nhà nhỏ bé ấy, người ta thấy những làn khói tròn bay chơi vơi, những cây nến bằng mỡ lợn mờ cháy, một cây đàn ghi ta đang được lên dây...

Hoàng hôn xuống, gió chiều lộng thổi

Cánh cổng kia ta mở toang hoang, -

Một giọng nam cao cất lên từ lồng ngực của một ai đó. Và những người khác rời rạc làm ra vẻ đùa cợt, rời rạc bắt giọng hát theo với một điệu ngang tàng ồ dột và tuyệt vọng:

Cánh cổng ta mở toang hoang,

Để cho tuyết trắng phủ đường ta đi...

1900

HÀ NGỌC dịch

MÊLITÔN

Vào những buổi hoàng hôn sáng sủa trong tháng năm, tôi thường cưỡi ngựa dạo chơi trong vùng Dakadơ quê mình. Con ngựa men theo con đường hẹp giữa những rừng liễu và phỉ tử tươi mát. Bốn chung quanh đâu đây đều tươi non, xanh rờn, tiếng họa mi thánh thót đáp lời nhau hót dịu dàng và rành rọt ở hai bên đường. Mặt trời đã lặn từ lâu, nhưng khu rừng còn chưa im ắng: tiếng chim ngói còn râm rì ở đâu gần đây, những con chim gáy vẫn gáy xa xa... Trong những đêm tháng năm, giấc ngủ thường không sâu và ngắn ngủi, cứ lơ mơ cho tới tận rạng đông, rồi bình minh lại nổi tiếp hoàng hôn.

Tôi phi ngựa tới khoảng rừng thưa, nơi có chòi canh. Ở khu đất trũng phía bên kia khoảng rừng thưa có một cái ao to, đầy nước. Bên trên ao, bên trên những cây bạch dương và những cây sồi cổ thụ mọc chung quanh ao hiện ra một vành trăng nhợt nhạt, trong suốt. Còn bên bờ ao là bác Mêlitôn đang ngồi trên một gốc cây đã đốn. Bác ném những cành khô vào một đồng lửa nhỏ nóng ran đang bập bùng cháy trong hố bếp, bên trên treo lủng lẳng một chiếc nồi. Như bao

giờ hết, chiếc quần và tấm áo sơ mi vá của bác đều rất tinh tươm, chân bác bó xà cạp rất gọn. Bác ngồi, chống khuỷu tay lên đầu gối, tí má lên hai lòng bàn tay mà nhìn vào ngọn lửa, và bác í éo khẽ hát một bài gì đó bằng một giọng thanh mảnh, y hệt giọng đàn bà.

- Bác bắt được nhiều cá giếc rồi đấy hả, bác Mêlitôn? - tôi vừa nhảy xuống khỏi lưng ngựa, vừa hỏi.

Bác đứng dậy, dướn thẳng người theo một tư thế đứng nghiêm đặc biệt mà hồi nào đây chỉ những lính hầu của vua Nikôlai mới đứng như thế, và bác làm ngay ra vẻ bình thản, dường như để cố giấu nỗi buồn thường có trong đôi mắt xanh lam mờ nhạt của mình. Vóc người bác to cao, thân hình bác gầy gò, xương xẩu. Cặp lông mày rậm, xám, và cả bộ ria màu xám tua tủa lan ra cả hai bên má giống như người để râu quai nón, tất cả đều khiến bác có vẻ khác nghiệt, thế nhưng cái đầu hói, cặp mắt màu ngọc lam và chiếc áo sơ mi nông dân sạch sẽ của bác thường xuyên cho thấy bất kỳ lúc nào bác cũng sẵn sàng phủ phục "dưới các tượng thánh" thì lại chứng tỏ rằng cuộc sống của bác là một cuộc sống hiền lành, ẩn dật.

Khi những củ khoai trong chiếc nồi gang nhỏ đã bắt đầu reo và sôi lên sùng sục thì bác lấy một chiếc dầm củi chọc vào xem, rồi bắc nồi ra. Lửa tàn dần, chỉ còn lại một đồng than nóng đỏ ánh lên trong hố đất. Cạnh bếp bốc lên mùi lá sồi cháy khét, nhưng khi ông già bắt đầu bóc vỏ khoai thì mùi khoai thơm phức lên đến nỗi tôi cũng phải xin vài củ. Và rồi chúng tôi lặng lẽ ăn bữa chiều bên bờ ao tắm tối và

im lìm, trong bầu tĩnh mịch và trong cảnh chạng vạng khi buổi hoàng hôn còn chưa tắt hẳn một chiều xuân. Đằng sau những cây cối phía bên phải, ánh chiều vẫn ửng lên phơn phớt, dịu dàng, khiến ta tưởng chừng như ở phía đó trời đã bình minh.

- Bác Mêlitôn ơi, - tôi hỏi với vẻ hồn nhiên của tuổi niên thiếu, - có phải bác đã bị đánh "hội đồng"⁽¹⁾ trong quân đội không?

- Phải đấy ạ, - bác đáp giản dị và ngắn gọn.

- Tại sao vậy?

- Tất nhiên là do đại đột, do lỗi lầm...

Bác bỏ vào nhà, còn tôi cứ ngồi một mình hồi lâu, nhìn vào đồng than leo lét. Rồi bác lại lặng lẽ xuất hiện từ trong bóng tối, mang theo ra một miếng bánh mì đen, một con dao nhỏ làm bằng lưỡi hái cũ và một nắm muối thô. Chạy theo sau bác và vẫy đuôi rồi rít một cách triu mến là con Krutik⁽²⁾, một con chó nhỏ, vui nhộn, nhưng rất hung dữ, mặc dù vui tính. Nó cũng ra ngồi cạnh bếp, thoải mái ngáp, liếm láp rồi đưa mắt dõi nhìn từng cử động của bác Mêlitôn, trong khi bác đang tra đậm muối vào miếng bánh mì. Lũ họa mi vẫn tiếp tục hót say sưa và lạnh lót, dịu dàng và liều lĩnh.

- Bác chỉ một thân một mình vậy ư? - tôi hỏi.

- Chỉ một mình thôi. Trước cũng có vợ, nhưng lâu lắm rồi, chẳng nhớ được nữa.

⁽¹⁾ Trong quân đội Nga xưa, có một hình phạt là buộc người lính phải đi qua một hàng quân để cho mọi người cùng đánh tới tấp.

⁽²⁾ Cũng có nghĩa là: kẻ nghiêm khắc, dữ dằn.

- Thế còn con cái?

- Cũng có cả con cái nữa đấy ạ, mà Chúa cũng đã đem chúng đi từ hồi nào ấy rồi...

Và rồi bác lại nín lặng, nhai bánh mì tóp tép với vế từ tốn của người già. Tôi chăm chú theo dõi những cử động của đôi má nhăn nheo, đôi mí mắt sụp xuống của bác, cố đi sâu tìm hiểu cái bí ẩn trong thái độ lảm lì buồn bã của bác, khi bác nhu mì và yếu ớt đưa mắt nhìn tôi thì tôi lại quay mặt đi. Lúc bấy giờ tôi ở tuổi đôi mươi, cái gì cũng đều khiến tôi cảm động: rừng rú, bầu trời, chiếc chòi canh, những bó cỏ và những vành hoa gì đó treo dưới mái nhà, trong lớp lá khô trên dui mè ở buồng ngoài của chòi canh... Tôi ngẫm nghĩ: chân bác Mêlitôn đi giầy bện bằng sợi vỏ cây, mình bác ấy mặc chiếc sơ mi kiểu cổ... Sống một cuộc đời thanh bạch, giản dị, nghèo nàn như thế thì thật tuyệt vời! Và những vành hoa kia, bác ấy hái về và kết lại cho ai nhỉ? Những vành hoa ấy càng khiến tôi thêm cảm động, và tôi vừa đứng dậy, vừa bảo:

- Bác Mêlitôn ạ, nhà ở của bác đúng là một nơi biệt cư để đan tu⁽¹⁾.

Bác dịu dàng và buồn rầu mỉm cười.

- Nơi biệt cư để đan tu thì phải có nhà nguyện cơ, cậu ạ, - bác vừa nói vừa ném miếng vỏ bánh mì cho con Krutik, đoạn đổ nước trong nồi gang vào đồng than.

Than kêu xèo xèo rồi tắt ngấm. Và ngay tức thời, tôi thấy được rằng trong rừng đã hiện ra một đêm

⁽¹⁾ Từ ngữ Ki-tô giáo và chính giáo, ý là tu một mình, khổ hạnh.

trắng sáng sủa, khoảng rừng thưa đã được một vầng trăng óng ánh chiếu sáng, còn những khoảng rừng rậm thì đã đen nhem đi và tách biệt hẳn ra. Vừa ăn bữa chiều bằng vỏ bánh mì xong là con Krutik lập tức bắt đầu ngay công việc ban đêm của nó. Cát tiếng sủa lạnh lạnh, nó chăm lo hết chỗ nọ đến chỗ kia đằng sau chòi canh, và do đó tất cả khu rừng hết như đều đầy những con chó con vừa dữ lại vừa hiền động. Bác Mêlitôn thắp đèn trong căn nhà gỗ để trải cỏ khô lên một chiếc trường kỷ cho tôi nằm, - và lúc bấy giờ, dưới mái nhà cũ kỹ rệ xuống, hai ô cửa sổ nhỏ đã ánh lên như hai con mắt bằng vàng. Rồi bác mang đèn ra buồng ngoài. Khi tôi bước vào, bác lại mỉm cười với tôi.

- Nếu không thì cậu lại phải nằm vào cái giường treo kia kia, - bác nói, hất đầu chỉ vào giường mình nằm.

Ở một góc nhà, cạnh lối ra vào, có bố trí một cái gì đó giống như một chiếc giường treo đặt trên những chân giường cao lêu đêu bằng củi bạch dương. Trên giường cũng có trải cỏ khô cao tới ngang thành đầu giường có phủ một mảnh chăn đắp ngựa.

- Bây giờ còn ngủ nghe gì nữa, - tôi nói, - sắp sáng đến nơi rồi.

- Sắp sáng rồi, - bác Mêlitôn tỏ vẻ đồng ý một cách thản nhiên.

Và quả vậy, chúng tôi chỉ ngủ lơ mơ. Trong căn nhà gỗ tối tăm này thật yên ắng, dễ chịu. Trên những ô cửa sổ ta có thể thấy được những mảnh xanh xanh của đêm trăng. Nhưng có cái gì đó khiến tôi không sao ngủ được: chỉ nghe tiếng muỗi hơi vo ve

là tôi tỉnh giấc rồi. Tôi nghe tiếng con Krutik sửa, tiếng họa mi hót, tôi tơ tưởng đến một cái gì đó mà thường người ta chẳng sao nhớ được trong những đêm mất ngủ... Cả bác Mêlitôn cũng không ngủ được nốt. Bác bị lũ rận quấy rầy.

- Nào, cứ liệu hồn, liệu hồn, tao sẽ bắt mày phải vào ngủ dưới gầm giường này cho coi! - thỉnh thoảng bác lại lăm bắm như vậy để dọa con Krutik.

Rồi sau thấy bác ho, bác thở dài, bác thì thầm cái gì đó... Cuối cùng, tôi nghe tiếng chân bác đi dưới cửa sổ. Tôi bèn thò đầu ra không khí ban đêm mát mẻ ngoài cửa sổ. Bác Mêlitôn không nhìn thấy tôi. Bác ngồi ở bậc ngưỡng cửa, đầu cúi xuống, từ tốn vò dúm thuốc lá trong lòng bàn tay và lại í éo hát với giọng đàn bà nghe buồn rười:

- Ôi cha, trời ơi! - bác thì thào trong một tiếng thở dài, lắc lư mái đầu và đánh lửa hút thuốc. Rút một hơi trong tẩu xong, bác chống tay lên cằm và lại càng ngân nga rõ lời hơn, thiết tha hơn.

Qua bài hát, nghe được rõ ràng bác đang kể về những khu vườn xanh tươi nào đó, vừa trách móc một cách có thiện ý lại vừa nhắc nhở ai đó nhớ tới những nơi mà "nàng đã chết, đã vĩnh biệt, ôi, cùng với mối tình xưa"... Đêm sáng lung linh. Vầng trăng leo lên đến chính giữa bầu trời, dừng lại ngay bên trên ao. Thỉnh thoảng trên mặt nước lại có cái gì lóng lánh thành một tia sáng dài, hệt như ở đó một con rắn bạc đang uốn khúc. Ở bờ bên kia dường như không có nước nữa. Đó là một cõi vô biên sáng loáng

trong một bầu trời khác, một bầu trời dưới mặt đất. Những cây sồi, cây bạch dương cổ thụ ở bờ bên ấy giờ đây chừng như cao hơn, cân đối hơn so với ban ngày. Song đẹp hơn cả là một cảnh rừng đang sẫm tối ở dưới bờ ao mà các gốc cây lại lộn lên trên còn ngọn thì đâm vút vào cõi vô biên ấy. Còn ở xa xa, phía sau rừng, bầu trời đã xanh trong, và ở đó, trong đồng ruộng, những con cun cút đã bắt đầu gáy một cách tươi tỉnh và rành rọt... Tôi nhắm mắt lại. Đến khi tôi tỉnh giấc thì trời đã sáng bạch. Toàn bộ mặt ao đều tỏa khói, khoảnh rừng thưa bạc đầu vì sương giá đậm đà, tất cả khu rừng đều lạnh đi, tươi tắn lên và dường như càng đứng sững lại chung quanh ao. Và rồi sau thấy có gió ẩm hút vào cửa sổ, tiếng ếch nhái bắt đầu kêu ran trong ao, con gà trống ở buồng ngoài vỗ cánh phành phạch với vẻ hào hùng rồi gào lên một giọng khàn. Bác Mêlitôn gò lưng xách từ ao về nhà một xô nặng đầy nước sóng sánh, và để lại một vệt xanh óng kéo dài trên dặm cỏ bạc đầu...

Lần cuối cùng tôi đến thăm bác Mêlitôn là vào một ngày nào đó trong vụ đông vừa qua. Tôi nhớ đó là một ngày u ám, đầy sương mù, hơi nước đóng thành một lớp sương giá dày dặn trên cây cối. Tôi đi xe trượt tuyết ra ga để lấy bưu kiện, rồi khi từ ga trở về thì trời đã nhá nhem, và sau khi đã vượt qua những đồng tuyết trong sân ga để ra được cánh đồng, tôi bèn quyết định rẽ vào Dakadơ. Trời tối rất mau. Do sương giá, con ngựa của tôi sạm cả đi, lông xoắn tít lại, còn lông mi và ria của tôi chẳng mấy chốc

cũng như thế nốt. Mới đầu trên cánh đồng thậm chí cách hai bước cũng chẳng nhìn thấy gì cả, chỉ rất là một màn sương xám xịt, hoang sơ. Nhưng rồi trong màn sương ấy cứ thấy sáng dần, sáng dần ra. Một vầng trắng lớn, như một quả bóng thẫm đỏ, vẫn xuyên qua được màn sương, lên cao dần ở đằng xa và bị xé ra làm đôi bởi một vệt mây dài phơn phớt màu hoa cà. Càng lên cao vầng trắng càng bỏ lại vệt mây đỏ ở phía dưới, và càng lóng lánh tỏa ánh vàng. Tiến gần đến Dakadơ, tôi đi vào một bóng tối trải trên cánh đồng cách đó khá xa và loang lổ đầy những hoa vằn của ánh sáng, và cả ở Dakadơ toàn bộ cảnh vật trên cánh đồng cũng đã đều loé sáng lên như trong một xứ sở thần tiên nào vậy. Rồi sau đó thấy một đốm lửa nhỏ ở chòi canh lấp lánh lên như một ngôi sao đỏ kỳ dị và tiếng con Krutik sửa lạnh lạnh, chạy hết bụi rậm này sang bụi rậm khác, làm vang động khắp cả một khu rừng nhạy cảm và giá lạnh.

Tôi buộc ngựa vào một cây sồi nhỏ, trước chòi canh. Sương giá từ cây sồi lá tả rơi xuống như pháo bông. Tôi đứng một lát và lắng nghe bầu tĩnh mịch sâu lắng của khu rừng, rồi thận trọng tiến lại gần bờ đất ở chân tường chòi canh mà nhòm vào ô cửa sổ đã bị băng phủ tới một nửa. Và một lần nữa tôi lại sững sờ trước cảnh khác khổ thiêng liêng trong cuộc sống ẩn dật xa lánh người đời của ông già. Ở tận phía sâu trong căn nhà gỗ sáng lơ mờ và ám khói đen sì này, bác Mêlitôn đang đứng trước một tấm ván mỏng treo tượng thánh đặt ở góc nhà mà nhắm mắt lại cúi lạy tượng thánh, lúc cúi

xuống sát đất, lúc thì cúi đến ngang lưng. Trông qua cũng đủ biết rằng bác vừa tắm gội xong, - mái tóc thưa thớt của bác còn ướt và được chải chuốt chỉnh tề, cầm bác cạo nhẵn, chiếc áo sơ mi trắng dài của bác buông chùng. Đôi lúc bác lại còn ngả đầu ra đằng sau và cứ đứng như thế mãi với đôi mắt trợn ngược...

Tối hôm đó bác cũng lại vẫn ít nói, nhưng đặc biệt tỏ ra hiền hòa và triu mến. Căn nhà gỗ ẩm và ẩm, khác nào một buồng tắm. Tôi trút bỏ áo choàng lông mà ngồi xuống ghế dài. Còn bác thì cứ dưỡn thẳng người đứng trước mặt tôi, từ tốn trả lời và lúc nào cũng hạ mí mắt xuống. Cuối cùng, lúc sắp sửa ra về, tôi như tuồng tiện thể hỏi qua:

- Bác Mêlitôn, sao lúc nào cũng thấy bác có vẻ buồn rầu thế?

Bác ngac nhiên:

- Tôi ấy ă? - bác cuống quýt hỏi lại. - Tôi có sao đâu ă... Hẳn là tôi già nua...

- Hay là bác đau lòng chuyện gì? - tôi nhìn thẳng vào mắt bác mà nói.

- Lạy Chúa tha tội! - bác vội vã nói. - Tôi vẫn canh phòng đấy ă...

- Ồ không, tôi có nói chuyện ấy đâu, - tôi ngưng ngừng bảo. - Tôi hỏi là...

Bác hiểu ra, bình tâm lại, rồi bác dịu dàng mỉm cười, lim dim đôi mắt.

- Thế mà tôi cứ tưởng là cậu có điều gì phật ý, - bác nói. - Còn chuyện vì sao tôi không vui, thì giờ đây tôi còn vui vẻ nỗi gì cơ chứ? Mới lại tôi tội lỗi dâ nhiều.

- Bác tội lỗi cái gì, bác Mêlitôn!

- Tội lỗi thì ai mà chẳng có ạ, - bác nghiêm trang nói. - Ta sống chính là để ăn năn tội lỗi.

- Vậy mà bác vẫn sống như một vị thánh nhân ấy. Cả đời bác cứ ăn chay hoài.

Bác lại ngạc nhiên và thậm chí hơi có vẻ nhún nhó.

- Tôi cũng ăn uống như mọi người thôi ạ, - bác líu tút nói. - Người ta ăn không được như tôi mà cũng chẳng phàn nàn gì khiến Chúa phải nổi giận nữa là.

- Ô, nếu vậy thì chúc bác mạnh khỏe nhé, chào bác, - tôi nói, đoạn mặc áo choàng lông, cất mình đứng dậy, mở cửa bước ra ngoài trời lạnh giá của đêm trắng.

Trời rét căm căm, bên trên khoảng rừng thưa tuyết phủ, chòm Đại hùng tinh treo trên bầu trời như những hạt kim cương. Đầu không mũ, mình mặc độc một chiếc sơ mi, bác Mêlitôn ra đứng ở ngưỡng cửa.

- Chào bác Mêlitôn nhé, - tôi nói và ngồi lên xe trượt tuyết. - Bác vào nhà đi, kéo cảm lạnh đấy!

- Không đâu ạ. - bác đáp, - chúc cậu lên đường bình yên ạ...

Trên cánh đồng sáng sữa, con ngựa chạy mau và hăng hái, đôi càng trượt tuyết hát lên và rít lên, gió làm bỏng cả mặt và khiến cho cả ria và lông mi đều đông cứng lại. Tôi phải luôn ngoảnh đi để tránh gió, giấu mặt vào chiếc cổ áo bằng lông gấu mèo thơm ngát trong giá lạnh.

1900-1930.

HÀ NGỌC dịch

CUỘC ĐỜI TƯƠI ĐẸP

Đời tôi vốn dĩ tươi đẹp, cái gì mong ước tôi cũng đều đạt như sở nguyện. Này nhé, cả bất động sản tôi cũng có, - ngôi nhà thì ông già nhà tôi đã sang tên cho tôi ngay sau ngày cưới rồi, - tôi lại có cả mấy con ngựa, một đôi bò cái, và chúng tôi lại còn có cả cơ ngơi buôn bán nữa kia. Dĩ nhiên, chẳng phải là cửa hiệu to tát gì, mà chỉ là một cái quán bán hàng nhỏ bé nhưng cũng đủ cho cả cái xóm ngoại ô này đến mua. Trong đời tôi luôn gặp may, có điều là về tính nết tôi cũng là con người tàn táo.

Về mọi cung cách làm ăn thì bố tôi đã bảo ban tôi từ hồi mồ ma của cụ. Tuy đã goá vợ và nát rượu, nhưng cụ cũng là người khôn ngoan, tháo vát và nhân tâm chẳng kém gì tôi. Khi đã sắp chí rồi cụ mới bảo tôi rằng:

- Này, con gái của bố ời, bây giờ bố đã làm chủ được mình, ta hãy kiếm tiền đi thôi. Ta sẽ kiếm tiền, ta ra tỉnh ở, ta tậu nhà tậu cửa, bố sẽ gả con gái bố cho một ông khá giả, bố sẽ đàng hoàng. Còn với các ông bà chủ ở đây thì chẳng tội gì ta ngồi lý mãi với họ, họ chẳng đáng cho ta đối xử như vậy.

Các ông bà chủ của chúng tôi tuy có tốt bụng thật đấy, nhưng nghèo xác nghèo xơ, quả đáng là những người ăn mày ăn xin. Thế là chúng tôi bỏ họ mà dọn sang làng khác, còn nhà cửa, gia súc với lại hàng quán có gì đem bán tất. Chúng tôi dọn đến ở ngay sát thành phố, trồng bắp cải dễ cho bà công nương Mêsêrina. Bà ta vốn là thị nữ trong cung vua, người chẳng đẹp dễ gì, mặt rỗ, ở vậy làm bà cô đầu bạc trắng, chẳng ai lấy, thế cho nên đành sống thâm lặng một mình. Nghĩa là chúng tôi thuê mấy bãi cỏ của bà ta và thật tình là chúng tôi chỉ ở trong một túp lều tranh. Trời lạnh, đã sang thu mà chúng tôi chẳng xá gì. Chúng tôi ngồi chờ đến ngày có những lời lãi lớn, do đó không cảm thấy có gì là tai họa cả. Mà tai họa thì nó đã đến nơi rồi kia, lại là tai họa đến đâu nữa ấy chứ? Công việc của chúng tôi đã gần đến lúc ăn nên làm ra, thì đột nhiên xảy ra một chuyện lòi thối kinh khủng. Buổi sáng chúng tôi vừa uống no trà xong, - hôm ấy chớ là ngày lễ mà lại, - tôi còn đang đứng vắn vợ cạnh túp lều thì bỗng thấy có người của nhà thờ tiến vào nội cỏ. Bố tôi lại đi chặt bắp cải mất rồi. Hôm ấy tuy gió to, nhưng trời đến là sáng sủa, tôi cứ mãi nhìn, nên không thấy có hai người đàn ông thỉnh linh đến ngay cạnh mình lúc nào không hay. Một người là ông linh mục cao ơi là cao, mặc áo thụng xám, tay cầm gậy, mặt mày sây sẫm, xám ngắt, mái tóc hệt như bờm một con ngựa đẹp đang dựng lên tua tủa trong gió, - còn người kia là một nông dân bình thường, người làm

của ông ta. Họ tiến đến sát tận lều. Tôi khép nép, cúi đầu chào mà rằng:

- Kính lạy cha. Đội ơn cha có lòng hạ cố.

Nhưng tôi thấy ông ta có vẻ mặt dữ dằn, buồn bực, cũng chẳng hề đưa mắt nhìn tôi mà chỉ lấy gậy đập nát những cây cối.

- Thế bố mày đâu? - ông ta hỏi.

- Bố con đi chặt bắp cải rồi ạ. Nếu cần thì con có thể đi gọi về. Mà chính bố con đang về rồi kia.

- Ồ, vậy thì bảo bố mày nhặt nhanh hết đồ đạc cùng với cái thừ *xamôva* ghê lở này rồi cuốn xéo khỏi nơi này. Từ nay trở đi tuần phiên của tao sẽ đến đây canh gác.

- Sao lại canh gác ạ? - tôi nói. - Chúng con đã nộp cả tiền tới chín chục rúp cho công nương rồi mà. Sao cha làm vậy, thưa cha? (Tôi tuy còn nhỏ tuổi, nhưng đã khá láu lỉnh). Ôi chao, - tôi nói, - cha lại còn cười nữa ư? Cha phải cho chúng con xem giấy chữ ạ. - tôi nói tiếp.

- Đừng có già mồm, - ông ta thét. - Công nương dọn ra tỉnh rồi, tao đã mua những bãi cỏ này của bà ấy, và bây giờ đất này là của riêng của tao.

Bản thân ông ta thì vung gậy quật xuống đất:

- Liệu hồn kéo gậy này lại quất vỡ mồm bây giờ.

Thấy sự thế như vậy, bố tôi bèn chạy lại, - bố tôi vốn là người nóng tính ghê gớm, - chạy đến nơi, cụ hỏi:

- Làm gì mà âm ỉ lên thế? Cha ơi, sao cha lại thét mắng con gái tôi, cha không biết đạo lý gì sao? Cha

không thể vung gậy, mà phải thẳng thắn giảng giải cho chúng tôi rõ cha có quyền hành gì mà bao chiếm bấp cải của chúng tôi? Tuy chúng tôi nghèo thật, nhưng chúng tôi cũng sẽ hầu kiện ra tòa. Cha là bậc tu hành, - cụ nói, - cha không thể có lòng oán hờn được, kéo mà người em trai của cha sẽ không sao tròn được quả phúc.

Té ra bố tôi cũng chẳng nói điều gì sỗ sàng với ông ta cả, còn ông ta tuy là linh mục nhưng dữ dằn chẳng kém gì một gã nông dân quen bình thường nhất, cho nên, nghĩa là khi nghe bố tôi nói vậy thì mặt ông ta trắng bệch cả ra, không nói được một lời nào, họa chăng chỉ có đôi chân ông ta run lên bần bật trong tà áo thụng. Thế rồi nào ông ta rít lên, nào ông ta xông lại chỗ bố tôi, nghĩa là để mà lấy gậy choảng vào đầu bố tôi! Bố tôi bèn né mình tránh được, nắm lấy gậy, giật ra khỏi tay ông ta, đoạn kể xuống đùi bẻ đánh rắc một cái! Ông ta định chồm vào ngực bố tôi, nhưng bố tôi đã bẻ gãy chiếc gậy ra làm đôi, quăng tít ra xa mà hét:

- Trình cha, cha hãy vì Chúa, chớ lại gần! - cụ hét. - Cha hắc ám, gian xảo, nhưng tôi còn gian xảo hơn kia đấy.

Thế là người ta nắm lấy tay cụ lôi đi!

Hết kiện lại tụng, người ta bắt bố tôi đi đày vì chính cái chuyện đó, vì đã xúc phạm bậc tu hành, vì ngu cư trái phép. Mình tôi còn lại trên cõi đời này và tôi nghĩ bụng: mình làm thế nào bây giờ? Rõ ràng là sống với lẽ phải là không được rồi, và rõ ràng là phải

tính toán thận trọng mới được. Tôi suy nghĩ có tới một năm, rồi đến ở với bà cô, và tôi thấy: mình chẳng chạy đâu cho thoát, phải mau mau chóng chóng lấy chồng đi thôi. Bố tôi có một người bạn tốt trong thành phố, làm nghề sửa chữa yên cương, - chính cái ông ấy đã dạm hỏi tôi. Không thể nói ông ấy là một chàng rể xuất sắc được, nhưng dù sao lấy ông ta cũng có lợi. Quả thật là tôi cũng có thích một người, tôi rất thích đấy, nhưng anh ta cũng lại nghèo chẳng kém gì tôi, chính anh ta cũng đi ở cho người khác, còn dù sao cái ông này cũng vẫn chẳng lệ thuộc vào ai cả. Tôi chẳng có một xu của hồi môn nào, mà đám này thì tôi thấy rõ họ chỉ lấy không thôi, sao lại bỏ mất một cơ hội như vậy được? Tôi nghĩ đi nghĩ lại rồi bằng lòng, mặc dù dĩ nhiên tôi biết là ông ta đã luống tuổi, rượu chè, tính hay nóng nảy, nói quả đáng là một quân ăn cướp... Tôi lấy chồng và như vậy không còn là một cô gái bình thường nữa, mà đã là Naxtaxia Xêmiônốpna Giôkhôva, một thị dân trong thành phố... Kể ra cũng hơi lòng hơi dạ, điều đó dễ hiểu thôi.

Với ông chồng ấy tôi khổ sở chín năm trời. Được tiếng là thị dân mà nghèo rớt, chẳng hơn gì nông dân. Lại chửi bới, cãi lộn nhau hàng ngày. Ồ, may mà trời cũng còn thương tôi, đem ông ấy đi. Con riêng của ông ấy chết ráo, chỉ còn lại hai thằng bé, một thằng Vania lên chín, một thằng nữa còn đang phải bế ẵm. Cái thằng bé này mạnh khỏe và vui nhộn ghê, lúc mười tháng đã biết đi, biết nói. - mà

con của tôi ấy à, đứa nào cũng cứ được mười một tháng là đều bắt đầu biết đi, biết nói tuốt, - và nó tự mình uống trà được, đôi khi dùng cả hai tay khư khư ôm lấy cái đĩa, chẳng sao giằng lấy nổi của nó... Duy có điều là cái thằng bé ấy cũng chết nốt, lúc còn chưa đầy năm. Một hôm tôi vừa ngoài sông về, thì cô em chồng (chả là cô ấy cùng với tôi thuê chung một căn hộ) báo:

- Hôm nay, thằng Kôxtia nhà chị nó khóc lăn khóc lộn suốt ngày. Em đã dỗ nó đủ trò, hết mùa tay lại búng ngón tay, rồi lại cho uống cả nước đường, thế mà nó chỉ ghen, rồi lại sặc nữa. Hoặc là nó bị cảm lạnh, hoặc là nó ăn phải cái gì đó, bởi vì trẻ con cái gì nó cũng nhét vào miệng cả ấy mà, làm sao mình để mất hết được?

Thế là tôi buồn rùn cả người. Tôi bèn chạy xô đến bên nôi, gạt chiếc rèm che ra xem thì thấy nó đã bắt đầu lả ra rồi, thậm chí không kêu khóc gì được nữa cả. Cô em chồng liền chạy đi mời ông y sĩ quen, ông ấy đến, hỏi: các chị cho cháu nó ăn cái gì?

- Chỉ ăn có cháo bột thôi ạ.

- Thế nó không chơi nghịch cái gì chứ?

- Đúng thế ạ, nó có chơi nghịch đấy ạ. - cô em chồng nói. - Ở đây có những vòng đồng từ đại cổ ngựa rơi ra lăn lóc, nó có chơi nghịch những cái vòng ấy.

- Thôi, - ông y sĩ bảo, - nhất định là nuốt cái vòng ấy vào bụng rồi. Chặt tay các chị đi cho xong! - ông ấy nói. - Các chị gây ra chuyện rồi đấy, thằng bé của các chị chẳng sống được nữa đâu!

Quả nhiên, sự việc xảy ra đúng như lời ông ấy nói. Chưa đầy hai tiếng đồng hồ thì thằng bé chết mất. Chúng tôi xoay đi xoay lại như chong chóng, mà chẳng làm nên trò trống gì, - rõ ràng là chẳng sao chống nổi mệnh giới. Thế là tôi đành đem chôn nốt thằng bé đó, chỉ còn lại mỗi mình thằng Vania. Tuy còn lại một mình nó đấy, nhưng như người ta thường nói: một mình vẫn đủ tình đủ tội. Người thì bé, nhưng ngày càng ăn nhiều, uống khoẻ chẳng kém người lớn. Tôi định đi làm người ở rửa sàn nhà cho ông quan năm nhà binh Nikulin. Nhà ông này có cửa nả vốn liếng, thuê cả một căn hộ, mỗi tháng trả tới ba chục rúp tiền nhà. Bản thân họ ở tầng trên, còn tầng dưới là bếp. Người làm bếp cho họ là một cô thật chịu thương chịu khó, nhưng tính nết rất phóng đãng. Thế là cô ta chưa ễnh ra, điều đó cũng dễ hiểu thôi. Cô ta không cúi người xuống để lau sàn được nữa, không kéo nổi tấm cửa lò bằng gang ra... Cô ấy phải bỏ việc đi để, thế là tôi bèn vội đến chiếm chỗ của cô ấy, khéo léo chạy cho mau lại làm với ông bà chủ. Quả vậy, từ hồi còn nhỏ tôi vốn đã khôn ngoan, khéo léo, thường đã làm việc gì là đều làm thật sạch sẽ, tươm tất, ăn đứt bất kỳ một người hầu bàn chuyên môn nào, mà lại cũng biết cả cách chiều lòng người nữa: kệ cho nhà chủ muốn nói gì thì nói, tôi chỉ rặt "dạ - dạ", với lại "đúng thế", với lại "quả là không sai tẹo nào...". Thường là tôi dậy từ lúc còn tờ mờ ánh trăng, lau chùi thật sạch các sàn nhà, đốt lò, cọ rửa *xamôvar*. - nhà chủ tỉnh giấc là tôi đã làm xong xuôi

dầu dấy cả rồi. Mà cả bản thân tôi nữa, điều dễ hiểu là tôi cũng vốn người ưa sạch sẽ, khéo chân khéo tay, tuy bản tính có khô khan, nhưng xinh đẹp. Cũng có lúc tôi thấy tiếc cho mình: tại sao có sắc đẹp nhường ấy mà lại rơi vào số phận làm công việc đầu tắt mặt tối như thế?

Tôi bụng bảo dạ rằng: phải biết nắm lấy thời cơ. Mà thời cơ ở đây chính là ở cái ông đại tá này, ông ấy khỏe mạnh kinh khủng, ông ấy không sao có thể dẫn lòng khi trông thấy tôi, còn bà đại tá của ông ta lại là người Đức, to béo, ồm ồm, hơn ông ta có đến mười tuổi. Ông ta người xấu xí, phức phịch, chân ngắn, trông giống như con lợn lòi, mà bà ta lại còn tệ hơn thế nữa kia. Tôi thấy rõ là ông ta đã bắt đầu ve vãn tôi, cứ xuống bếp tôi mà ngồi, lại bày cho tôi cách hút thuốc lá nữa. Vợ vừa ra khỏi cổng là y như rằng đã thấy mặt ông ấy rồi. Ông ấy đuổi người lính hầu ra tỉnh, giả bộ là có công việc, rồi đến ngồi đó. Tôi ngán ông ấy muốn chết, thế nhưng, dĩ nhiên là tôi cứ giả vờ, nào là cười cợt, nào là ngồi rung đùi, - nghĩa là dùng đủ mọi cách để khêu gợi ông ta... Bởi vì, làm thế nào được, tôi thì nghèo, mà đằng kia thì như người ta thường nói, có mất chút gì cũng chỉ là voi rụng lông đuôi. Một lần, hình như vào ngày sinh nhật của vua, ông ta xuất hiện trong bếp với toàn bộ sắc phục của mình, đeo cả ngù vai, lưng thắt một cái dây lưng trắng hết như một cái đai ấy, tay đi găng da loại cực mềm, cổ bạnh ra, cúc cổ cài chặt đến nổi mặt tím cả lại, toàn thân sức nức mùi nước

hoa, cặp mắt ánh lên, bộ ria đen dày cộp... Ông ấy bước vào rồi bảo:

- Tao với bà lớn đi nhà thờ bây giờ đây. Mày lau cho tao đôi ủng, kéo bụi bẩn quá. Chưa đi qua sân mà bụi đã bám đầy.

Ông ta đặt một chân dận trong chiếc ủng vécnì lên một chiếc ghế dài, thật ra chỉ là một cái giá gỗ nào đó. Tôi cúi xuống, toan lau thì ông ta bấu ngay lấy cổ tôi, thậm chí kéo trật cả khăn vuông ra, rồi ghì chặt tôi vào ngực ông ấy, và đã định lôi tôi vào sau lò. Tôi giằng ra, kéo lại mà không sao vùng ra được khỏi tay ông ta, còn ông ta thì người nóng như lửa, mặt đỏ bừng bừng, nghĩa là ông ta cố đè tôi xuống, tìm mặt tôi để hôn.

- Ông làm gì thế này! - tôi nói. - Bà lớn đến kia, ông hãy vì đức Chúa mà đi đi!

- Nếu mày yêu tao, - ông ta nói, - thì tao không tiếc mày cái gì hết...

- Chúng tôi hiểu những lời hứa ấy như thế nào bây giờ!

- Đừng đi đâu sát cả, tao dù chết cũng không hối hận gì.

Ồ, sau đó là vân vân những lời đại loại như vậy, điều đó cũng dễ hiểu thôi. Còn tôi, thật tình ra thì lúc bấy giờ tôi suy nghĩ thế nào? Kể ra tôi rất có thể xiêu lòng về những lời của ông ta đấy, nhưng may sao sự việc của ông ta không thành. Một lần khác ông ta lại ôm chặt lấy tôi không phải lúc, tôi vùng ra được, đầu tóc rũ rượi, diện cả tiết lên, còn bà ta, bà

lớn chủ nhà ấy mà, thì bà ấy đã ở ngay trước mắt: bà ấy từ trên nhà xuống, diện bảnh, người to béo, vàng ệch cả ra như kẻ đã chết rồi. Bà ấy rên rĩ, loạt soạt chiếc xiêm trên cầu thang gác. Tôi đã vùng ra được mà đứng đó, đầu không còn khăn, còn bà ấy thì đã đến ngay kia, đi thẳng đến chỗ chúng tôi. Ông ta luôn qua bà ta mà lủi mất, còn tôi thì cứ đứng trơ thổ địa, chẳng biết làm thế nào. Bà ta đứng đó một lát, đứng đối diện với tôi, tay nâng tà áo lụa, - như hiện thời tôi nhớ được, thì bà ta diện bảnh để đi thăm người ta, bà mặc một tấm xiêm lụa nâu, đeo đôi bao tay trắng, mang dù nhỏ, đội một chiếc mũ nhỏ như kiểu một chiếc lăng con, - bà ta đứng, rên rĩ lên rồi đi ra. Quả vậy, với ông ta và cả với tôi, bà chẳng hé miệng nói nửa lời. Rồi khi ông đại tá vừa đi Kiép thì bà ta mới lập tức đuổi tôi ra.

Tôi bèn thu nhặt đồ đoàn của mình trở về với cô em chồng (chả là thằng Vania vẫn ở với cô nó). Ra khỏi nơi đó rồi, tôi lại nghĩ: tôi bỏ hoài mất trí khôn của mình, chẳng kiếm chác được gì, tấm chồng cho đáng tấm chồng cũng không, mà của riêng cũng chẳng có, thế là trời phụ tôi mất rồi! Mình sẽ lại phải ra tay một lần nữa, - tôi nghĩ vậy, - dù có chết chẳng nữa thì cũng sẽ cố đạt được chí nguyện của mình, sẽ có vốn liếng riêng của mình! Tôi nghĩ hoài, nghĩ mãi như thế, rồi cho thằng Vania đi học việc ở bác thợ may, còn mình thì đi làm hầu buồng, cuối cùng vào ở hẳn cho ông nhà buôn Xamôkhvalôp, và ở đấy tất cả tới bảy năm tròn... Chính từ đấy mà tôi mới nổi được cơ đồ.

Người ta trả tiền công cho tôi được hai rúp hai mươi nhăm kôpêch. Có hai người hầu là tôi với lại cô gái Vêra. Cứ một ngày thì tôi hầu bàn, cô ta rửa bát đĩa, ngày hôm sau thì tôi rửa bát đĩa, cô ta phục vụ bàn ăn. Gia đình này cũng không nói là to lớn gì được: ông chủ Matvây Ivanut, bà chủ Liubôp Ivana, hai cô con gái lớn, hai cậu con trai. Bản thân ông chủ là con người nghiêm nghị, ít nói, ngày thường chẳng bao giờ ở nhà, nhưng ngày lễ ngày tết thì cứ ngồi tít ở buồng mình trên gác, đọc đủ thứ báo chí và hút xì gà. Còn bà chủ thì mộc mạc, tốt bụng, và cũng là thị dân như tôi mà thôi. Hai cô con gái là Ania và Klasa thì chẳng bao lâu ông bà chủ cũng đã gả chồng và cho cưới trong cùng một năm, - cả hai cô đều lấy quân nhân. Quả tình là chính trong lúc này tôi mới dành dụm được ít nhiều: các quân nhân đã thưởng cho chúng tôi vô khối tiền trà nước. Chỉ cần làm những việc thậm chí là chẳng đâu vào đâu, như lúc thì đưa bao diêm đến, lúc thì mang áo capôt và giày cao su lại, - thế là được ngay hai mươi, ba mươi xu... Mà chúng tôi lại làm ăn sạch sẽ nên quân nhân họ thích lắm. Cái con Vêra ấy à, quả tình là nó hay làm ra cái bộ tịch gì ấy, như tưởng một cô tiểu thư nào đó, - bước đi lon xon, vẻ dịu dàng và tính hay hờn giận đáo để, chỉ hơi một tí là lập tức nhú ngay đôi mày đầy lông tơ của mình lại, đôi môi mọng như quả anh đào bắt đầu run lên và nước mắt đã trào trên mi, - thật thế, những hàng lông mi quả là đẹp, dài, tôi chưa từng thấy ai có những hàng mi như thế bao giờ!

Ồ, thế nhưng tôi, tôi lại khôn ngoan hơn. Tôi thường hay mặc một chiếc áo chèn thân vải trơn, có viền thêm dăng ten, ngắn tay, đầu vắn đuôi sam với một dải nhung đen, đeo tạp dề trắng hồ bột, - như vậy thậm chí trông tôi lại rất dễ coi nữa kia. Còn cái con Vêra ấy mà, nó thì lúc nào cũng bó mình vào chiếc coócxê, - bó chặt cứng đến không sức nào chịu nổi nữa, đến nỗi nó nhúc đầu phát buồn nôn lên ngay bây giờ đấy! Thế còn tôi thì cả đời tôi chẳng biết cái coócxê là gì, vậy mà tôi vẫn gọn gàng như thường... Và khi các quân nhân họ về rồi, thì lại đến lượt các cậu con chủ nhà thưởng tiền cho chúng tôi.

Cậu con trai lớn, khi tôi mới bước chân đến, cậu ta khoảng hai mươi, còn cậu em thì đã qua tuổi mười bốn. Cái thằng bé này nó què quặt, chỉ rất ngồi nhà, chẳng đi đâu được sát. Có bao nhiêu chân tay nó đều làm gãy ráo và bấy nhiêu lần tôi đều được thấy rõ cả. Mỗi lần bị gãy thì lập tức có đốc tờ đến ngay, băng bó cho nó bằng đủ mọi thứ bông, gạc, đoạn rút vào đó một thứ gì đó như là nước vôi ấy, rồi thứ nước vôi này khô đi cùng với băng gạc, biến thành một thứ như cái nẹp ấy, thế rồi khi sắp khỏi thì ông đốc tờ đến rạch hết ra, tháo gỡ tuốt, - thế là, trông kia, cánh tay đã lành lặn rồi. Thằng bé ấy nó không tự đi được, mà chỉ lết. Nhiều khi phải đi qua cả bậc ngưỡng cửa, cả cầu thang gác, nó cũng đều cứ lết như thế. Thậm chí nó phải bò qua cả một cái sân để vào trong vườn. Đầu nó to tướng, hệt như đầu ông bố, hai bên tóc mai của nó xù xì, hung hung như lông chó, mặt nó phèn phẹt,

già các. Là bởi vì nó ăn ghê gớm và ăn đủ thứ: cả xúc xích, cả những nắm sôcôla, cả bánh mì quán thùng, cả bánh min phoi⁽¹⁾, - ăn kỳ thích khẩu thì thôi. Còn chân tay nó thì mảnh khảnh như chân cẳng con cừu vậy, chân tay nào cũng gầy ráo, đầy sẹo. Nhưng nó vẫn được nuôi nấng đàng hoàng mãi như vậy, người ta vẫn may cho nó những chiếc sơ mi dài. Học hành thì đã có bà giáo ở trường dòng đến dạy, bà ta đến tận nhà. Thằng bé học rất cù, nó thông minh đáo để! Nó lại còn chơi được cả đàn gió nữa kia đấy, và khó có thể có người chơi hay được như thế! Vừa kéo đàn lại vừa hát theo. Giọng nó khoẻ, vang lảnh lảnh. Nhiều lúc nó cất cao giọng, cao giọng lên mãi: "Tôi là anh thầy tu, tôi vốn người khô ngô!...". Nó thường hay hát cái bài ấy.

Cậu lớn thì khoẻ mạnh, thế nhưng cũng ngốc nghếch thế nào ấy, chẳng làm được tích sự gì. Ông bà chủ đưa cậu vào học đủ các thứ trường lớp, mà nơi nào người ta cũng đuổi ra, chẳng học hành được gì. Cứ tối đến là cậu ta chuồn đi đâu mất cho tối tận tảng sáng. Nhưng cậu ta vẫn sợ mẹ, thường là không dám đi lối cửa trước. Thế là chiều đến tôi lĩnh ra, chờ cho ông bà chủ ngủ một cái là lẻn vào buồng trên, mở sẵn cửa sổ trong chiếc thư phòng nhỏ của cậu ta, rồi lại trở về ngay buồng mình. Cậu ta tháo ủng ở bên ngoài, chỉ đi độc có bít tất trèo qua cửa sổ mà vào và mọi việc êm ru. Ngày hôm sau cậu ta dậy, giả tảng

⁽¹⁾ Bánh ngọt có nhiều lớp.

như đêm qua chẳng hề đi đâu cả, thế nhưng ở nơi kín đáo thì cậu ta lại dúm cho tôi những gì cần thiết. Còn tôi thì có gì mà lo ngại đâu, tôi hết sức vui sướng mà nhận lấy thôi! Cậu ta có chết nghèo thì cũng kệ cậu ấy chứ... Thế rồi tôi lại còn có khoản thu nhập từ phía cậu nhỏ Nikanor Matvéits nữa kia.

Lúc bấy giờ có thể nói là ngày đêm tôi kiên trì đạt đến mục đích của mình. Cứ mỗi lần nắm chắc được tình hình dứt khoát có thể bảo đảm cho mình, thì vị trí của tôi lại càng được vững vàng trong cuộc sống ở đây. Thường là tôi chắt chiu từng đồng xu, chả là vì đồng tiền có cánh mà lại, động hé tay ra là bay mất ngay! Tôi bèn làm cho chính cái con bé Vêra ấy nó không sao ở nổi nữa, - mà nói quả đáng, nó ở đây cũng chẳng cần thiết gì, tôi đã nói với nhà chủ rằng: chỉ mình tôi làm cũng xong, thà ông bà giao cho tôi làm thêm công việc vớ vẩn gì đó nữa còn hơn, - và thế là tôi ở lại một mình và điều khiển ráo. Tiền lương mới chưa kịp lĩnh nóng tay, số tiền của tôi đã tăng lên đến hai chục, hăm nhăm rúp, tôi bèn xin phép bà chủ đi xe ngựa đến nhà băng để gửi tiền ghi tên mình. Quần áo giày dép nhà chủ đã cho cả rồi, tiền tôi còn tiêu vào đâu được nữa? Vậy mà, xin Chúa tha tội, cái thằng què quặt ấy nó lại mê tôi nữa chứ, sung sướng thay cho tôi, mà khổ thay cho nó...

Giờ đây, cũng dễ hiểu thôi, tôi thường bụng bảo dạ rằng: có lẽ vì nó mà Chúa trừng phạt tôi bằng thằng con trai của tôi cũng nên! Sau đây rồi tôi sẽ kể hành tung của nó ra sao, nhưng quả là đôi lúc tôi

nghe không ra, bởi lẽ cần hiểu rằng tình hình thật hết sức đáng giận, nhiều khi tôi nhìn vào cái thằng què quặt, thấy cái đầu to kèch xù của nó mà phát chán! "Làm sao mà cái số của mày được sung sướng như vậy! Què quặt đến như thế mà lại được sống trong cảnh giàu có nhường ấy. Còn thằng con tao khôì ngô như thế, ngày lễ ngày hội cũng chẳng được ăn, được uống bằng nửa cái ngày thường, cái ăn chơi ăn bởi của mày!". Tôi bắt đầu để ý thì thấy tổng như là nó đã mê tôi, ờ nhé, quả là con mắt nó chẳng rời khuôn mặt tôi lúc nào cả. Lúc bấy giờ nó đã mười sáu tuổi đầu và đã bắt đầu mặc quần rộng ống, bắt đầu thắt đai sơ mi, và bắt đầu có ria dỏ lún phún. Nhưng, xin Chúa tha tội, sao mà nó xấu xí thế, mặt nó đầy tàn hương, mắt nó xanh lè. Khuôn mặt thì to mà trơ ra những xương cùngh xấu. Mới đầu hẳn là nó tưởng tượng rằng người ta có thể thích nó, nó bèn ăn mặc diện vào, mua hạt quỳ về cắn rồi thường hay kéo vang chiếc đàn gió để cho mình phải say tiếng đàn. Quả là nó chơi hay thật. Nhưng sau đó thấy chẳng ăn thua gì, thì nó thôi kéo đàn và thử người ra dăm chiêu. Có một lần tôi đang đứng ở gác thượng, nhìn xuống thì thấy nó đang bỏ ở giữa sân với một chiếc đàn gió mới của Đức, và lần này nó cũng lại mày râu nhẵn nhụi, đầu tóc chải mượt, mặc chiếc sơ mi xanh lơ cổ chéo mà cao, cài ba cúc. Nó ngẩng cổ nhìn, nghĩa là nó đang tìm tôi. Nó nhìn, nhìn mãi, cặp mắt thờ thần và mờ mịt đi, rồi... rồi nó ca vang lên theo một điệu *pônka*:

*Nhanh lên em hỡi nhanh chân lên,
Điệu pônka anh sẽ nhảy cùng em.
Dễ dàng, khi bước theo nhịp vũ,
Thở lộ mối tình chứa trong tim.*

Còn tôi, tôi làm ra vẻ không nhìn thấy, lấy cái âu rửa ấm chén hắt nước xuống! Hắt xuống rồi mà bản thân thấy không vui, lại rất sợ hãi nữa: mình sẽ bị mắng mỏ bây giờ đây chứ chả chơi! Thế nhưng lại thấy cậu nhỏ bỏ đi, rồi cậu ta ra sức leo lên cầu thang, một tay phủi quần áo, tay kia lôi xềnh xệch cái đàn gió, cụp mắt xuống, mặt trắng bệch cả ra. Cậu ta lại nói một cách khiêm nhường nữa chứ, giọng run run:

- Phỉ thui cái tay cô bé. Cô làm thế là có tội đấy Naxtia ạ.

Và chỉ thế thôi... quả là cậu ta hiền thật.

Lúc bấy giờ ấy à, cậu ta gầy rạc đi từng giờ chứ đừng nói là từng ngày, và ông đốc tờ ông ấy bảo là cậu ta chẳng sống được bao lâu nữa, nhất định sẽ chết vì ho lao thôi. Thường là tôi cũng ngại tiếp xúc với cậu ta. Thế nhưng rõ ràng người nghèo đâu có ngần ngại được, có tiền làm cái gì mà chẳng xong, chính vì thế nên cậu ta bắt đầu mua chuộc tôi. Thường là khi mọi người đã đi ngủ trưa cả rồi thì cậu ta lập tức gọi tôi lại, lúc thì ở ngoài vườn, lúc thì ở trong buồng mình. (Cậu ta ở tách biệt với tất cả mọi người, ở dưới nhà, trong một căn buồng lớn, ấm áp nhưng buồn tẻ, các cửa sổ đều trông ra sân, trần thấp, các bức thảm treo tường đều cũ kỹ, màu nâu).

- Cô ngồi đây với tôi một lát, - cậu ta nói, - rồi tôi sẽ cho cô tiền. Tôi chẳng đòi hỏi gì ở cô cả đâu, chỉ là vì tôi yêu cô nên muốn ngồi với cô một lát mà thôi. Một mình giữa bốn bức tường, buồn chết mất.

Ồ, thế là tôi cầm lấy tiền và tôi ngồi. Và chỉ bằng cách đó tôi đã kiếm được gần năm chục rúp. Cộng thêm với số tiền lương của tôi khoảng bốn trăm rúp gửi nhà băng để lấy lãi nữa. Tôi nghĩ bụng, thế nghĩa là bây giờ đã đến lúc mình phải bỏ dần ra khỏi cái gông đeo cổ. Nhưng tôi lại tiếc rẻ, muốn nán lại thêm một hai năm, tích lũy thêm ít nữa, mà điều chủ yếu là có lần cậu ta có buột miệng cho tôi biết rằng cậu ta có một ống tiền riêng, đựng khoảng hai trăm rúp tiền lẻ của mẹ cậu cho (điều này dễ hiểu thôi, cậu ta ốm đau luôn nằm một mình trong giường, thế là bà mẹ thương gửi tiền cho cậu ta chơi). Còn tôi, thỉnh thoảng tôi nghĩ bụng lạy Chúa tha tội cho chứ, giá cậu ấy đưa cho mình số tiền đó thì hay biết bao! Dù sao chẳng nữa thì cậu ấy cần gì đến số tiền ấy, cậu ấy chết đến nơi rồi, còn tôi thì có thể ăn được cả đời. Tôi chỉ chờ có dịp là sẽ thực hiện được việc đó cho khôn ngoan hơn. Điều dễ hiểu là tôi bắt đầu dịu dàng với cậu ta hơn, năng đến ngồi với cậu ta hơn. Thường là tôi vào buồng cậu ta, lại còn cố ý ngoái lại nhìn, ra vẻ vụng trộm, rồi khép cửa lại mà thì thào:

- Đây nhé, thế là em đã tách ra một mình được rồi ta cùng ngồi với nhau đi.

Nghĩa là tôi làm như tuồng hai bên đã hẹn hò với

nhau hết như vừa bẽn lễn, lại vừa mừng là mình đã tách ra được để bây giờ có thể ngồi chơi với cậu ta. Rồi sau tôi lại giả tảng buồn chán, đăm chiêu. Thế là cậu ta sẵn đón:

- Naxti⁽¹⁾, sao em lại xiu đi như vậy?

- Thế đấy, em đâu thiếu nỗi đau khổ!

Tôi lại còn thờ dài, nín lặng và đưa tay lên chống lấy má.

- Nhưng có chuyện gì cơ chứ? - cậu ta nói.

- Người nghèo thì có thiếu gì chuyện nghĩ ngợi mà nào có ai lo hộ cho họ? Em cũng chẳng muốn đem những câu chuyện ấy ra nói để làm cho cậu chán chường.

Ồ, thế mà cậu ta cũng mau chóng đoán biết được đấy. Tôi đã bảo cậu ta thông minh mà lị, chẳng kém gì những người mạnh khoẻ đâu. Có một lần tôi đến chỗ cậu ấy, - câu chuyện xảy ra, như hiện nay tôi nhớ được, là vào ngày lễ thánh giá, trời hôm ấy sao mà âm u, ẩm ướt, có sương mù, trong nhà mọi người đều đi ngủ trưa cả, - tôi bước vào buồng cậu ta với đồ khâu trên tay (hôm ấy tôi đang khâu vá gì đó), ngồi vào bên giường, và chỉ đến lúc bảy giờ tôi mới tính chuyện thờ dài, mới tính chuyện lại giả vờ buồn rầu để dần dần gợi cho cậu ta suy nghĩ và tự mình nói ra. Như hiện thời tôi nhớ được thì cậu ta nằm, mình bận một chiếc áo sơ mi màu hồng, mới nguyên chưa giặt, mặc quần rộng ống màu xanh lơ, đi đôi ủng ngắn

⁽¹⁾ Cũng là Naxtia, gọi thân mật.

mới, ống ủng đánh vécnì, vắt chân chữ ngũ, đưa mắt liếc nhìn. Tay áo thì rộng thùng thình, quần lại càng rộng hơn, mà chân tay lại như que tăm; đầu thì nặng to, mà mình thì bé tí tẹo, - thậm chí chỉ nhìn cũng đã thấy ngán rồi. Thoạt trông thì tưởng là một thằng bé con, thế nhưng mặt thì lại già cằn, mà ria lại rậm (mặc dù có vẻ hơi trẻ một chút, do cạo râu đấy thôi). Cậu ta hầu như ngày nào cũng cạo râu: vì râu đã bắt đầu lún phún, hai tay đã đầy tàn nhang thì chớ, lại còn mọc đầy lông màu hung hung. Tôi đang kể là cậu ta nằm, tóc chải lệch, rồi cậu ta quay mặt vào tường, lấy tay cạo cạo vào tấm thảm treo tường và bỗng gọi:

- Naxti!

Tôi thậm chí giật bắn cả người.

- Gì vậy, cậu Nikanor Matvéits?

Mồm nói vậy mà bản thân tôi tim rụng rồi.

- Cô có biết ống tiền tôi để đâu không?

- Không ạ, - tôi nói. - cái đó làm sao em biết được, cậu Nikanor Matvéits. Em chả đời nào có bụng dạ xấu đối với cậu.

- Cô đứng dậy, kéo ngăn dưới ở tủ đựng quần áo, lôi cái đàn gió cũ ra, ống tiền để trong ấy. Cô đưa lại đây cho tôi.

- Mà cậu lấy ra làm gì?

- Cứ đưa cho tôi. Tôi muốn đếm tiền.

Tôi liền thò tay vào ngăn kéo tủ, mở nắp chiếc đàn gió ra, thấy trong hộp hơi của đàn có một con voi bằng sắt tây và cảm thấy nó khá là nặng. Tôi lấy ra,

đưa cho cậu ta. Cậu ta cầm lấy, xóc nó kêu lạch cách rồi đặt xuống bên mình, - hết như một đứa trẻ con, trời ạ! - đoạn ngẫm nghĩ điều gì đó. Cậu ta cứ nín lặng, nín lặng hoài, rồi cười nhạt mà bảo:

- Naxti ạ, hôm nay tôi mơ thấy một giấc mơ sung sướng, thậm chí tới sáng bảnh mới tỉnh giấc, và cả sáng nay cho tới bữa ăn trưa tôi đều cảm thấy rất dễ chịu. Cô nhìn đây, thậm chí tôi đã thắng bộ vào chỉ vì cô.

- Nikanor Matvêits ạ, cậu bao giờ mà chả ăn mặc sạch sẽ.

Nhưng thật ra thì chính tôi cũng chẳng hiểu điều mình đang nói nữa, tôi đã hết sức hồi hộp rồi...

- Ôi chà, - cậu ta nói, - tôi thì chỉ có ăn mặc ở thế giới bên kia thì có. Sang thế giới bên kia tôi có đẹp trai đến đâu nữa thì cô cũng chẳng biết đằng nào mà tưởng tượng cho nổi!

Tôi thậm chí đâm ra thương hại cậu ta.

- Đùa bỡn về chuyện ấy là có tội đấy, cậu Nikanor Matvêits ạ, với lại cậu nói thế để làm gì, em thậm chí cũng chẳng hiểu nổi nữa. Biết đâu, - tôi nói, - trời lại chẳng để cho cậu lành mạnh trở lại. Thà cậu kể cho em nghe giấc mơ của cậu thế nào thì còn hơn.

Cậu ta lại bắt đầu nói gần nói xa, cười nhạt (như: tôi còn sống nổi gì!), rồi quay ra nói vẫn nói vợ về con bò cái của nhà, - cậu ta bảo: lạy Chúa, cô hãy nói với mẹ tôi bán quách nó đi, tôi không sao chịu nổi nữa, tôi chán nó quá rồi, tôi nằm trong giường luôn nhìn qua sân vào cái vựa nhỏ nhất nó, thế mà nó cứ nhìn

lại tôi hoài qua chấn song sắt, - còn bản thân cậu ta thì cứ xóc cái ống tiền kêu lách cách và không nhìn thẳng vào tôi. Thế còn tôi thì tôi cứ nghe mà chẳng hiểu được mấy nỗi, - cứ hết như những người điên ấy thôi, toàn nói những chuyện tào lao, - cuối cùng, không chịu nổi nữa (bởi lẽ tôi nghĩ bụng: sắp sửa mọi người tỉnh dậy bây giờ, rồi lại đòi mang *xamôvar* lên thì câu chuyện của mình vụt xuống sông xuống biển rảo!), tôi vội vã ngắt lời cậu ta, giở lối láu cá:

- Mà thôi, - tôi nói, - cậu hãy kể chuyện cậu nằm mơ thế nào đi chứ? *Có cái gì về cậu không?*

Điều dễ hiểu là tôi chỉ định nói điều gì cho cậu ấy vừa lòng thôi, chẳng ngờ lại tìm được câu nói khéo như thế. Bỗng cậu ta cầm ống tiền lên, rút trong túi quần ra chiếc chìa khóa bé tí xíu, định mở, nhưng mở mãi không được, tay cậu ta run bắn lên đến nỗi không sao cầm được chìa vào lỗ khóa. Cuối cùng rồi cậu ta cũng mở được, dốc ống tiền xuống bụng mình, - như hiện nay tôi nhớ được thì có hai tờ bạc giấy và tám đồng vàng, - vợ nó vào tay rồi bỗng thì thầm bảo tôi:

- Cô hôn tôi một cái được không?

Tôi khiếp đảm, chân tay rụng rời cả ra, nhưng cậu ta thì cứ như điên như dại, thì thảo, sản lại gần:

- *Naxtetska*⁽¹⁾, chỉ một cái thôi! Có Chúa chứng giám tôi sẽ không bao giờ đòi thêm đâu!

Tôi ngoái lại xem có ai không, - nghĩ bụng, thôi

⁽¹⁾ Cũng là *Naxtia*, cách gọi càng âu yếm hơn *Naxti*.

thì muốn ra sao thì ra! - đoạn hôn cậu ta. Thế là cậu ta thậm chí nén cả thở lại, bá lấy cổ tôi, bắt lấy môi của tôi, rồi chùng có tới một phút vẫn không chịu thả ra. Sau đó dúi tất cả tiền vào tay tôi, rồi quay mặt vào tường.

- Cô đi đi, - cậu ta bảo.

Tôi chạy vọt ra ngoài, về thẳng buồng mình. Đổ tiền vào hòm khóa chặt lại xong, tôi vớ lấy miếng chanh, và cứ môi mà chùi. Chùi kỹ đến nỗi môi trắng bọt cả ra. Quả tình là tôi sợ cậu ta đổ bệnh ho lao sang cho tôi...

Thôi, thế là được, - nhờ trời, chuyện ấy coi như thành công, tôi lại bắt đầu thu va thu vén việc khác, một việc chính yếu hơn mà tôi ra công cố sức hơn cả nhằm đạt tới. Tôi lo chuyện vỡ lở ra và sợ là rồi người ta sẽ không cho mình đi, rồi tôi lại trù tính rằng bây giờ cậu ta sẽ bám nứu lấy tôi để đòi tình yêu, sẽ tranh cãi với tôi về số tiền đó... Nhưng không, tôi để ý xem thì thấy chẳng sao cả. Cậu ta cũng chẳng hề lần mò, mà thái độ đối xử vẫn như cũ, vẫn chỉnh chệch, tuồng như giữa hai người vẫn không có chuyện gì sất, thậm chí tôi nghĩ là cậu ta lại còn khiêm nhường hơn nữa kia, cũng chẳng hề gọi tôi vào buồng: nghĩa là cậu ta giữ lời hứa. Lúc bấy giờ tôi mới dần dà nói chuyện với nhà chủ, bảo rằng đã đến lúc tôi phải chăm sóc thằng con trai tôi đôi chút và xin nghỉ một thời gian. Nhà chủ nào có chịu nghe tôi nói. Còn về cậu ta thì khỏi phải bàn nữa rồi. Có lần tôi nói bóng gió với cậu ta, thế mà cậu ta đã tái

hắn người đi. Cậu ta quay phắt mặt vào tường mà nói với chút cười khẩy:

- Cô không có quyền làm như thế, - cậu ta bảo. - Cô đã quyến rũ tôi, làm cho tôi quen hơi bén tiếng rồi. Cô phải chờ đấy đã, tôi chẳng sống được bao nhiêu nữa đâu. Còn nếu cô đi thì tôi sẽ treo cổ tự tử ngay đấy.

Đâu lại có con người nhún nhường gớm vậy nhỉ? Ôi chao, tôi nghĩ bụng, cậu trơ tráo quá rồi đấy! Tôi đã vì cậu mà phải chịu ép một bề, vậy mà lại còn đi dọa dẫm tôi nữa! Ô, không đâu, tôi chả dại gì! Thế là tôi lại càng tìm cách kiếm cớ. Vừa may lúc bấy giờ bà chủ đề thêm đứa con gái, có thuê một vú già, - tôi bèn sinh sự ngay, bảo là tôi không thể sống nổi với bà ta. Mà quả thật bà già này cũng là con người nanh ác, buông tuồng đến nỗi chính bà chủ cũng phải sợ, lại còn nát rượu nữa chứ, - thường xuyên lúc nào cũng có chai rượu dưới gầm giường, - và không chịu để cho bất kỳ ai ở gần mình bao giờ. Bà ta bắt đầu nói đủ điều về tôi, gây sự bằng đủ mọi cách. Nào là bảo tôi không biết là quần áo, nào là bảo tôi chẳng biết đường phục vụ bàn ăn... Vậy mà cứ động nói bà ta một câu là bà ta bắt đầu run rẩy cả người, chạy đi mách chủ. Bà ta khóc bù lu bù loa lên, và điều dễ hiểu là không phải vì phật lòng, mà chủ yếu là do bà ta giả vờ. Tôi bèn tiếp tục hỏi nữa, nói nhiều hơn với nhà chủ rằng:

- Dù sao mặc lòng, ông bà chủ hãy cho tôi thôi việc, tôi không thể đội trời chung với cái mụ già ấy được, tôi tự tử mất.

Còn chính tôi thì đã đi nhăm sẵn một căn nhà ở

phố Cụt rồi. Ồ, thế là bà chủ không sao bắt buộc được tôi nữa. Quả vậy, khi tôi đến chào từ biệt thì bà ấy vẫn tỏ lòng mong muốn tôi quay trở lại ở cho bà ta, hoặc chí ít cũng là đến chơi khi lễ tết, giỗ chạp:

- Thế nào cô cũng phải luôn luôn đến, - bà ta bảo, - để dọn dẹp, nấu nướng mọi thứ cho tôi. Chỉ khi nào có mặt cô, - bà ta bảo, - thì tôi mới yên tâm được. Tôi đã quen thuộc cô như người ruột thịt rồi.

Tất nhiên là tôi hết lòng cảm ơn. Tôi hứa hào đủ thứ, cúi gập lưng xuống mà chào rồi ra đi. Và giờ đây, ơn Chúa phù hộ, tôi bắt tay ngay vào việc. Tôi mua ngay ngôi nhà đó, mở một quán rượu. Buôn bán phát tài kinh khủng, - cứ chiều đến tôi lại tính lời lãi: thường là ba chục với lại bốn chục, có khi tất cả tới bốn mươi nhăm rúp trong két, - thế là tôi lại tính mở thêm một cửa hàng tạp hóa nữa, nghĩa là để mà tiến lên từng bước một. Cô em chồng thì từ lâu đã lấy một người làm việc canh gác cho cơ quan Hội Hồng thập tự, anh ta rất gọi tôi là mẹ đỡ đầu, đối với tôi rất thân tình, còn tôi đối với anh ta thì những việc vẫn vợ tôi cũng tính thành công thành nợ để mua sắm, để có quyền lợi, và mua đi bán lại. Nhưng đúng lúc đó thì thằng Vania nó học xong. Tôi bèn đến bàn với những con người khôn ngoan để hỏi ý kiến họ xem nên thu xếp cho nó làm công việc gì.

- Còn phải thu xếp gì cho nó nữa, - họ bảo, - ngay ở nhà chị cũng thiếu gì việc làm.

Điều đó quả cũng đúng. Tôi bèn cho nó đứng cửa hàng, còn tôi thì coi quán rượu. Thế là guồng máy

bắt đầu chạy! Và điều dễ hiểu là tôi quên băng không còn nghĩ ngợi gì đến tất cả những câu chuyện đó dần ấy nữa, mặc dù rằng sau khi tôi ra đi thì cậu ta, cái cậu què quặt ấy mà, nói thật tình thì cậu ta chỉ chui vào giường nằm. Cậu ta chẳng nói với ai nữa lời, mà cứ nằm đờ như kẻ đã chết rồi, thậm chí quên băng cả chiếc đàn gió. Bỗng nhiên, chẳng duyên cớ gì tự nhiên thấy "bà tướng" nghĩa là cái bà vú già ấy mà, bà ấy đến nhà. (Mấy thằng nhỏ gọi bà ấy là "bà tướng"). Bà ấy ra mắt và nói:

- Có người lệnh cho tôi đến cúi chào cô, - bà ta nói, - và bảo cô thế nào cũng đến thăm người đó.

Thế là tôi lập tức nóng bừng người lên vì tức giận với lại xấu hổ nữa! Tôi nghĩ bụng, cái thằng quý hóa gớm chửa! Nó suy nghĩ gì kỳ lạ vậy! Lại tìm được bầu bạn thế ấy đấy! Không chịu nổi nữa, tôi bảo:

- Tôi chẳng cần gì đến cái cúi chào của cậu ấy, cậu ấy phải nhớ đến cái thân hình què quặt của mình chứ, còn bà, mẹ yêu tinh, mẹ khộm đi làm cái việc dặt gái ấy mà không biết ngượng hay sao. Mẹ có nghe rõ không đấy.

Thế là bà ta ứ họng. Bà ta đứng, lưng cúi xuống, gườm gườm nhìn tôi bằng cặp mắt sừng mọng chỉ còn lác lác cái sở lợn. Bà ta đã u mê đi, do nóng nực hoặc do đã nốc rượu vào.

- Ôi chao, - bà ta nói, - sao mà cô vô tâm đến thế! Cậu ta thậm chí đã phát khóc lên vì cô. Suốt buổi chiều qua cậu ta chỉ nằm quay mặt vào tường, khóc lên rưng rức, - bà ta nói.

- Thế mà bảo tôi cũng phải tuôn nước mắt ra như suối hay sao? - tôi nói. - Mà cái anh chàng lông đỏ như bú dù ấy khóc lu loa lên như thế mà không biết xấu hổ sao? Đồ nhãi ranh ở đâu ấy! Hay là đã bị dứt khỏi vú mẹ?

Thế là tôi đã tống khứ cái mũ già ấy ra và cứ mặc kệ, chẳng đi đâu hết. Còn cậu ta thì quả nhiên chẳng bao lâu đã treo cổ tự tử thật. Đến lúc ấy tôi mới hối hận là mình đã không đi thăm cậu ta, nhưng lúc này thì tôi có còn bụng dạ nào nghĩ đến cậu ta đâu. Ngay trong nhà tôi cũng đã xảy ra hết chuyện lồi thoi này đến chuyện lồi thoi khác.

Tôi đã cho thuê hai buồng trong nhà, một buồng người thuê là một người cảnh sát canh gác trong thành phố, một con người thật là tốt, nghiêm chỉnh, đứng đắn. Họ của anh ta là Tsaikin, còn buồng kia là do một cô gái giang hồ đến ở. Cô ta tóc vàng, trẻ măng, mặt mũi coi cũng được, người đẹp, tên là Phênia. Thường đến với cô ta là một người thầu khoán tên gọi Khôlin, ông này bao cho cô ta, ờ, chính vì thế nên tôi mới nuôi chút hy vọng và cho cô ta đến ở. Thế mà kia, họ lại lũng củng với nhau thế nào ấy, rồi ông ta bỏ cô ta. Làm thế nào bây giờ? Cô ta không có gì để trả, mà đuổi cô ta đi cũng không xong, bởi lẽ cô ta còn nợ tôi tám rúp.

- Cô à, - tôi bảo, - cô phải đi kiếm tiền của những khách làng chơi đi thôi, nhà tôi có phải là nhà tế bần đâu.

- Em sẽ cố gắng, - cô ta nói.

- Thế nhưng tôi chưa thấy cái cố gắng của cô ở đâu cả. Lẽ ra phải cố gắng thì tối nào tôi cũng rất thấy cô ở nhà. - Tôi bảo. - Với ông Tsaikin thì đừng có hòng trông mong gì.

- Em sẽ cố gắng. Nghe bà nói em cũng xấu hổ lắm đấy ạ.

- Ô... ô... í dào, - tôi bảo, - cô thử nói xem cô còn xấu hổ nổi gì nữa nào!

Cứ "em cố, em cố" mãi, mà quả thế, chẳng cố cái gì hết. Cô ta lại càng cứ đi xoắn lấy ông Tsaikin, mà ông này thì ngay đến nhìn mặt cô ta cũng chẳng thèm. Sau rồi tôi lại thấy cô ta ve vãn thằng con trai tôi. Chốc chốc tôi để ý nhìn, cứ thấy nó kè kè bên cạnh cô ta suốt. Bỗng dưng nó lại còn bày ra cái trò may áo vét tông mới nữa.

- Ô, không đâu, - tôi bảo, - hãy khoan! Mẹ vẫn đã may mặc cho con như một vị công tử công tôn rồi, nào là ủng, nào là mũ lưỡi trai này. Bản thân mẹ thì chất bóp mọi đường, chất chiu từng đồng xu một, thế nhưng mẹ vẫn cung phụng cho con đầy đủ rồi đấy.

- Con cũng đẹp trai đấy chứ, - nó nói.

- Thế thì mẹ phải bán cả nhà đi cho cái đẹp mã của con hay sao?

Tôi nhận thấy cửa hàng của họ buôn bán kém trước. Những là thiếu hụt với lại thua thiệt. Đến nổi ngồi uống trà mà cũng chẳng thấy ngon. Tôi bèn theo dõi. Tuy ngồi trông quán rượu nhưng tôi nghe ngóng hết, - ghé sát tai vào tường, náu mình mà nghe

ngóng. Hôm nay nghe thấy họ thì thầm, mai lại thấy họ thầm thì... Tôi bèn phải quả mắng.

- Nào có việc gì đến mẹ kia chứ? - nó nói. - Có thể là con muốn lấy cô ấy làm vợ cũng nên.

- Thế đấy nhé, mẹ đẻ mà mày lại bảo không việc gì! - tôi bảo. - Từ lâu tao đã thấy ý đồ của mày rồi, nhưng mặt kiếp cũng không có thể được đâu.

- Cô ta yêu con say đắm, mẹ chả hiểu được cô ấy đâu, cô ấy là người dịu dàng, e lệ.

- Quý hóa gì cái tình yêu ở con đi trăm thàng ấy! - tôi bảo. - Nó sẽ chỉ đem mày làm trò cười cho thiên hạ thôi, đồ ngu ă. - Tôi nói. - Nó tim la sáng téng, hạ bộ lở loét hết cả rồi.

Nhưng thằng con tôi vẫn trơ trơ ra: nó dồn cả hai con mắt vào sống mũi mà nín lặng. Tôi nghĩ bụng: thôi, thế là nhờ ơn Chúa, tôi đã vớ đúng nơi đúng chỗ rồi đấy. Nhưng tuy vậy trong bụng tôi sợ bằng chết, thế nghĩa là rõ ràng thằng bé đã phải lòng mất rồi. Tôi nghĩ, thế nghĩa là mình phải liệu mà mau mau chóng chóng xé tan xác cái con bé ấy ra mới được. Tôi liền bàn với người cha đỡ đầu là bác Tsaikin. Tôi nói: bác chỉ bảo dùm, tôi nên làm gì với chúng nó đây? Bác ấy bảo: còn làm gì nữa, cứ tóm lấy cổ con bé ấy mà quăng nó ra đường là hết chuyện chứ gì. Thế là chúng tôi nghĩ ra một kế như sau: tôi giả tảng đi thăm người quen. Tôi rời khỏi nhà, đi loanh quanh ngoài phố một lúc, rồi tới sáu giờ, nghĩa là giờ bác Tsaikin tan tầm thì tôi nhẹ nhàng quay về. Tôi chạy lại đẩy cửa, thì đúng như

vậy: cửa cài bên trong. Tôi gõ cửa, không có ai thưa. Gõ lần thứ hai, thứ ba, vẫn không có ai. Bác Tsaikin đã đứng núp sau một góc buồng. Tôi bắt đầu đập vào cửa sổ, đến nỗi các khung kính cũng rung cả lên. Bỗng có tiếng then cửa kêu đánh cạch: té ra là thằng Vanka⁽¹⁾. Mặt nó trắng bệch như tờ giấy. Tôi dùng toàn lực hích mạnh vào vai nó rồi xông thẳng vào buồng. Hóa ra ở đây đúng là một cảnh ăn uống linh đình nào đó: những vỏ chai bia, rượu vang dùng trong khi ăn, cá xacđin, cá trích to đã lóc sữa màu hồng như hổ phách, - tất cả đều là lấy từ cửa hàng. Con Phênka⁽²⁾ đang ngồi ở ghế, bím tóc đeo nơ màu xanh lơ. Thấy tôi, nó bật dậy, mắt nhớn nhác nhìn, nhưng môi nó tím lại vì sợ. (Nó tưởng là tôi sẽ xông lại đánh nó). Mặc dù quả tình là tôi thở không ra hơi nữa, nhưng tôi vẫn nói ra vẻ bình thường:

- Anh chị làm gì đây, - tôi nói. - bí mật kết hôn chẳng? Vậy ai là chú rể? Sao lại không mời chào gì?

Họ im lặng.

- Sao lại im lặng? - tôi nói. - Sao lại im lặng, cậu con trai của tôi? Cậu làm chủ cửa hàng như thế đấy hả, cậu quý tử? Té ra bây giờ mới biết tiền nong mồ hôi nước mắt của tôi bay đi đâu mất!

Nó lại còn phồng mang trợn mắt:

- Con cũng đã lớn tuổi rồi!

- Vá-â-ây đấy, - tôi nói, - thế thì tôi phải làm gì?

⁽¹⁾ Cũng là Vania.

⁽²⁾ Cũng là Phênka.

Có nghĩa là do lòng hảo tâm của cậu với con chó cái này, tôi phải rời bỏ cửa nhà của tôi chăng? Có phải thế không đấy? Nghĩa là tôi đã nuôi ong tay áo chứ gì?

Nó quát tháo với tôi mới dữ chứ!

- Mẹ không được xúc phạm đến cô ấy! Chính mẹ cũng đã có lúc còn trẻ, mẹ phải hiểu thế nào là tình yêu chứ!

Thế còn bác Tsaikin thì bác ấy đã ở ngay kia. Nghe tiếng la hét như vậy, bác ấy nhảy vọt ra, chẳng nói chẳng rằng, tóm lấy hai vai thằng Vanka, đẩy nó vào một phòng xép, khóa ngay lại. (Một người khỏe ghê gớm, không kém gì lực điền!). Khóa xong, bác ấy nói với con Phênka.

- Cô tự coi mình là tiểu thư, nhưng tôi có thể liệt cô vào hạng thanh tích bất hảo được đấy!

(Nghĩa là cấp giấy chứng minh ghi rõ là thành tích bất hảo).⁽¹⁾

- Vậy cô có muốn thế hay không? - bác ấy nói. - Còn ngay hôm nay cô phải trả buống lại cho chúng tôi và đừng có bèn mảng đến đây nữa!

Cô ta ứa nước mắt khóc. Nhưng tôi lại còn khơi thêm:

- Trước hết cô ấy còn phải chuẩn bị tiền trả tôi đã! Nếu không thì dù một cái hòm xiềng nhỏ nào tôi cũng không cho mang đi đâu. Chuẩn bị tiền nong đi, nếu không thì tôi sẽ bêu diễu khắp cái thành phố này!

⁽¹⁾ Hồi xưa ở Nga, những người bị coi là "thanh tích bất hảo", thường bị ghi vào giấy chứng minh, hộ chiếu, gọi là "chứng minh chó sói", và bị cấm không được vào làm trong cơ quan nhà nước v.v...

Thế là tôi tổng khư khê cô ta đi ngay tới hôm đó. Khi tôi đuổi cô ta ra, cô ta tỏ vẻ hết sức đau thương. Cô ta khóc, nghẹn ngào, thậm chí dút tóc trên đầu. Cảnh ngộ của cô ấy cũng chẳng sung sướng gì, điều ấy dễ hiểu thôi. Chui rúc vào đâu bây giờ? Tất cả gia tài, tất cả của nả thu lượm được đều đem theo bên mình. Ồ, thế nhưng cô ta vẫn phải ra đi. Thành Vania cũng yên được một thời gian. Sáng sớm hôm sau ra khỏi buồng giam, nó im thin thít, tỏ vẻ rất sợ sệt và xấu hổ. Và cũng bắt tay vào công việc. Tôi mừng lòng, yên tâm, - thế nhưng cũng chẳng được bao lâu. Tiền trong két lại đi đâu mất, cái con đi ấy đã lén lút phai một thằng bé con đến cửa hàng, còn thằng Vania thì cung phụng cho con bé ấy cả thức nướng lẫn thức luộc! Lúc thì cho khuôn đường, lúc thì cho khuôn trà, thuốc lá rồi... Có khăn cho khăn, có xà phòng cho xà phòng, vớ được cái gì cũng cái nấy... Làm sao mà coi sóc xuể được nó? Rồi nó cuồn đến cả rượu vang, mà ngày lại càng thêm tệ hại. Sau hết là nó hoàn toàn bỏ mặc cửa hàng: hầu như không ở nhà nữa, chỉ về để ăn, sau đó lại đi mất hút. Chiều nào nó cũng đến chỗ con bé kia, cứ thủ một chai vào trong áo choàng, thế là bước xéo. Tôi cứ chạy đi chạy lại như đèn cù, hết từ quán rượu sang cửa hàng, lại từ cửa hàng sang quán rượu, - mà bây giờ cũng không dám mở miệng với nó nữa: nó trở thành một kẻ khố rách áo ôm mất rồi! Mọi khi nó vốn vẫn đẹp trai, - nó giống tôi như đúc - mặt trắng trẻo, hiền hòa, hệt như một đứa con gái, mắt trong trẻo thông

minh, thân hình gọn gàng cân đối, vai rộng, tóc màu hạt dẻ, quần quần... Thế mà bây giờ mồm dô ra, tóc cộp lên, xõa cả xuống cổ áo, mắt mờ đục, toàn thân xơ xác, lưng bắt đầu khom xuống, - và lúc nào cũng lảm lảm lì lì, hai con mắt dờn cả vào sống mũi.

- Bây giờ mẹ chớ có quấy rầy con, - nó bảo, - con có thể gây ra những chuyện tày trời đấy.

Mà nó lại say rượu, nhớ bậy, cười băng quơ, đâm chiêu, chơi đàn gió cái bài "Thời gian đã qua không bao giờ trở lại", rồi đôi mắt nó đắm lệ. Tôi thấy rõ là tình cảnh mình hỏng mất rồi, phải lấy chồng cho mau thôi. Đúng lúc đó người ta làm mối cho tôi một ông góa vợ, cũng làm cửa hàng, ở vùng ngoại ô. Đó là một người đã có tuổi, nhưng có tiền cho vay, có của nả. Nghĩa là cũng chính là mà điều tôi vẫn hằng đeo đuổi bấy lâu nay. Tôi bèn vội vã qua những người đáng tin cậy để tìm hiểu thân thế của ông ta, và thấy là không có gì mắc mớ cả. Phải quyết định, phải mau chóng làm quen, - bà mối chỉ giới thiệu chúng tôi qua loa trong nhà thờ, - nghĩa là phải kiếm cơ để đi lại thăm nhau, như cái kiểu chạm mặt ấy mà. Ông ta đã đến tôi trước, tự giới thiệu: "Tôi là Lagutin, Nikôlai Ivanuts, chủ cửa hàng". - "Xin rất hân hạnh". Nhìn ra thì thấy ông ta khá dẻo dẹo, - vóc người quả tình là không cao lớn gì, tóc bạc hết, nhưng tính khí rất dễ chịu, điềm đạm, chỉnh tề, khôn khéo; và rõ ra là con người căn cơ, nghe nói là cả đời chẳng nợ ai đồng xu nào... Rồi sau chính tôi cũng bày chuyện ra để đến nhà ông ta như tưởng có công việc, thì tôi thấy ông ta

có hầm rượu vang và có cửa hàng với đủ mọi đồ nhắm với rượu vang, như: mỡ lá, giấm bông, cá xáclin, cá trích. Nhà không to, nhưng đèn chùm sạch bong. Các cửa sổ đều có rèm che, có hoa, sàn nhà quét tước sạch sẽ, tiếc một nỗi là sống một mình một bóng. Ngoài sân thấy cũng ngăn nắp. Có ba bò cái, ngựa hai con. Một con là ngựa cái, ba tuổi, ông ta bảo là người đã trả năm trăm nhưng ông chưa bán. Ô, cái con ngựa đẹp vậy, tôi cứ đứng ngắm nó hoài! Thế còn ông ta thì chỉ khe khẽ cười, vừa đi vừa chạy lon ton lại vừa luôn mồm kể chuyện, hết như đọc vanh vách lên một bảng giá nào đó: nào là cái này đáng từng này, cái kia đáng từng kia... Nghĩa là, - tôi nghĩ vậy, - chẳng có gì phải lôi thôi nữa cả, phải của dứt dứt suốt đi thôi.

Điều dễ hiểu là đến bây giờ tôi kể vắn tắt vậy thôi chứ lúc bấy giờ tôi cảm nghĩ ra sao thì chỉ có lòng tôi biết được. Tôi mừng rỡ đến nỗi đôi chân bủn rủn cả ra, - bởi lẽ dù sao tôi cũng đạt được ý nguyện của mình, tìm được nơi được chốn của mình! - thế nhưng tôi vẫn trầm ngâm, sợ hãi, rùng cả mình: ngộ nhỡ tất cả niềm hy vọng của mình bị sụp đổ thì sao? Mà suýt nữa thì điều đó đã xảy ra rồi đấy, chỉ một ly nữa là mọi mối lo toan của tôi đã đổ cả xuống sông xuống biển rồi đấy, và nguyên do vì đâu thì thậm chí hiện thời tôi cũng vẫn chưa sao có thể yên tâm bảo rằng: do chính cái thằng què quặt ấy với lại do thằng con quý hóa của tôi! Chúng tôi đã tiến hành công việc một cách kín đáo và cao thượng đến nỗi tưởng như

con sáu con kiến cũng không sao biết được. Thế nhưng tôi nghe nói là toàn bộ khu ngoại ô đã biết được ý đồ của tôi với ông Nikôlai Ivanuts rồi, và điều dễ hiểu là tin đồn cũng đến tai cả nhà Xamôkhvalôp, - hẳn là chính cái mụ "bà tướng" ấy lại thóc mách rồi. Tôi bèn bảo: thì cái thằng què quặt ấy cứ việc treo cổ tự tử đi xem nào! Tôi thách cậu đấy, - cậu dọa, tôi không tin, thế thì bây giờ tôi trêu ngươi cậu đấy! Cậu ta liền đóng một chiếc đinh nhỏ lên tường ở ngay phía trên giường, ngoắc vào đấy một sợi dây bé bằng đầu con ruồi, tròng vào cổ rồi bò ra khỏi giường! Một cung cách thô sơ thôi, chẳng cần phải thông minh gì cho lắm cả! Hôm ấy, lúc trời chạng vạng tối, tôi còn đang đứng trong cửa hàng thu dọn cái gì đó, thì thỉnh linh có ai xô đánh rầm một cái vào cánh cửa trong nhà. Tim tôi như rụng rời cả ra. Tôi chạy vọt ra ngưỡng cửa thì té ra mụ "bà tướng".

- Mụ hỏi gì?

- Cậu Nikanor Matvéits chết rồi!

Mụ ta lớp bốp nói vậy rồi quay ngoắt, ra về. Còn tôi thì trong lúc nóng vội, chẳng kịp suy tính gì, - lúc bấy giờ quả thật là người tôi nóng ran lên vì sợ, - quàng vội chiếc khăn san lên đầu mà đuổi theo bà ta. Bà ta chạy, chân vấp lập cập - và cả tôi cũng chạy... Đúng là một trò cười cho khắp thành phố! Tôi cứ chạy mà chẳng hiểu gì sất. Tôi chỉ nghĩ đinh ninh một điều là: chết mình rồi! Hay là tôi đùa bỡn trong khi làm như vậy, điều đó có trời mà nhớ được! Tôi nghĩ, trước mặt mọi người trơ tráo đến thế là cùng!

Chạy gần tới nơi thì thấy đã có đông người tụ tập ở đó, hệt như có đám cháy nhà vậy. Cửa trước mở toang, ai muốn vào thì chen vào, - mọi người đều hiếu kỳ, điều đó dễ hiểu thôi. Do bộp chộp, tôi cũng chen mà vào. Nhưng may thay, hệt như có ai đập vào đầu tôi vậy, tôi sực nhớ ra, quay ngay lại và tháo lui. Có lẽ chính điều đó đã cứu vớt tôi, nếu không thì tôi đã bị hố to mất rồi. Giả thử có một người nào nhớ ra tôi, - chỉ ít là cái mục "bà tướng" có ác ý ấy chẳng hạn, - thì họ sẽ bảo rằng đây, thưa quý ngài, nếu ta muốn biết kẻ đó là ai, kẻ nào là nguyên nhân của mọi sự, thì xin cứ việc hỏi cái cô này, - thế là tôi đi đời nhà ma rồi. Cô đến rồi cô lại đánh bài chuẩn. Người ta thường mất ăn mất ngủ vì cô, mà cô lại túm đuôi bỏ rọ... Và cũng chẳng phải là lần đầu.

Rồi thì người ta chôn cất cậu ta, và tôi mới nhẹ mình đi được. Tôi chuẩn bị cưới, mau mau chóng chóng thu dọn hàng họ, bán chác, và cũng cố cho khỏi bị thiệt thòi, vì biết đâu bỗng dưng lại có tai họa mới. Thế là cứ lo toan chạy vạy đến long tóc gáy, đến bỏ hơi tai, - mà sao cái năm đó trời làm nóng nực không sao chịu nổi, rồi lại bụi, lại có gió nóng nữa, nhất là ở chỗ chúng tôi, ở phố Cụt, trên rẻo sườn đồi ấy, - nhưng bỗng dưng lại có tin là ông Nikôlai Ivanuts ông ấy phật lòng. Ông ấy lại phải chính cái bà mối nọ đến, - cái bà mối đã dắt díu chúng tôi ấy mà, một con chó cái hung dữ đấy, có khi chính cái mục có đôi mắt cú vọ này lại mớm nhời cho ông Nikôlai Ivanuts cũng nên, - và qua bà ta

ông ấy nhấn rằng ông ấy hoãn ngày cưới đến mồng một tháng chín (như tưởng là bận công chuyện gì đấy), còn về thằng con trai tôi, thằng Vania, thì ông ấy giao hẹn, nghĩa rằng là tôi phải suy nghĩ kỹ hơn, phải ổn định cho nó vào chỗ nào đó, bởi vì ông ấy bảo rằng là ông ấy không sao có thể thu nhận cho nó về nhà mình được. Ông ấy bảo rằng là: tuy nó là con đẻ của cô thật, nhưng nó sẽ phá hại chúng ta sạch trơn và sẽ gây phiền cho tôi nữa. (Đối với ông ấy, quả là có vấn đề thật. Bởi lẽ cả đời ông ấy chẳng biết cái cọ là gì, chẳng gây sự lỗi thôi với ai, nên điều dễ hiểu là ông ấy rất sợ xúc động, mỗi khi xúc động mạnh là đầu óc ông ấy rối bủ lên hết, nói không ra lời nữa). Ông ấy bảo rằng là: cô ấy hãy từ nó đi. Thế nhưng tôi biết ổn định cho nó vào đâu, từ nó đi đâu? Cái thằng bé ấy nó đã hoàn toàn cứng đầu cứng cổ rồi, nếu là người ngoài, - tôi nghĩ bụng, - thì người ta sẽ vạy cổ nó ngay, còn như lảng tránh nó thì chẳng sao lảng tránh được. Đối với nó, chính bản thân tôi cũng đã chẳng còn nghĩa lý gì kể ngay từ ngày nó quen biết con Phênka, con chó cái này đã hút mất hồn của nó rồi! Ngày nó ngủ li bì, đêm thì say khướt, - thế là ngày cũng như đêm... Làm sao tôi có thể chịu đựng nổi được nỗi đau khổ ấy, - điều đó không tài nào nói ra được! Nó tàn hại đến nỗi tôi mòn mỏi đi như một cây nến, tay run lên cầm thìa cũng chẳng nổi. Mỗi khi trời tối, tôi lại ngồi lên chiếc ghế dài phía trước nhà để đợi nó từ ngoài phố về, chỉ sợ nó bị lũ trai làng dă cho một mẻ. Có lần

phiền muộn quá đỗi, tôi phải chạy ra nhòm vào thôn xóm xem sao, khi nghe có tiếng ầm ĩ, kêu la, ngỡ là nó bị người ta đánh, tôi đâm cả xuống mương nước kêu loạt soạt...

Ồ, sau khi được biết quyết định của ông Nikôlai Ivanuts như vậy, tôi bèn gọi nó lại mà bảo rằng: con ạ, dù sao chẳng nữa thì mẹ cũng đã chịu khổ vì mày lâu lắm rồi, ờ, cơ mà mày đã hoàn toàn yếu nhược và lảm lạp, bêu diều tao trong khắp hàng tỉnh. Mày đã quen thói nhàn hạ, quen thói ăn sẵn mất rồi, rút cục hoàn toàn biến thành một cảnh khổ rách áo ôm, rượu chè be bét. Trời không phú cho mày được cái nết như tao, bao nhiêu lần ngã tao đều đứng dậy được, còn mày thì chẳng kiếm chác được tí gì gọi là có. Đấy mày xem tao cũng đã đạt được danh giá, bất động sản tao cũng có, đồ ăn thức uống cũng chẳng kém ai, không hủy hoại tâm hồn mình, mà tất cả là do chỗ xưa nay tao biết chường quản mọi việc.Ồ, thế còn mày, trước kia mày hoang phí thế nào thì nay xem ra mày vẫn muốn chứng nào tật ấy. Đã đến lúc mày không thể ăn báo cô tao được nữa đâu..

Nó ngồi ỳ, nín lặng, lấy tay cọ cọ vào tấm vải sơn trên bàn.

- Tại sao mày lại nín lặng? - tôi hỏi. - Đừng có moi rách vải sơn của tao ra, đi mà kiếm lấy vải sơn của mày, mày trả lời tao nghe thử?

Nó vẫn im lìm, đầu cúi xuống, môi run run.

- Mẹ, - nó nói, - mẹ đi lấy chồng đấy ạ?

- Lấy hay không lấy chưa biết được, mà nếu có

lấy thì cũng là người tốt, người ta chẳng cho mày bước chân vào nhà dẫu. Cậu ạ, tôi chẳng phải đồ lãng nhãng đi thóa như cô Phênka nhà cậu dẫu.

Nó bỗng chồm lên, toàn thân run lên bần bật mới ghé gớm làm sao:

- Bà chẳng đáng bằng cái móng tay của cô ấy!

Hay hôm chưa? Chồm lên, gào lên lạc hẳn giọng, sập cửa đánh rầm một cái, - nó thế đấy. Còn tôi, tuy vốn không phải người mau nước mắt mà đã phải tuôn trào nước mắt. Ngày hôm trước khóc, ngày hôm sau khóc, - cứ nghĩ là làm sao nó có thể nói với mình những lời lẽ như vậy, thế là lại không cầm được nước mắt. Tôi và cầm chắc một điều: truyền đời tôi sẽ không tha thứ cho nó về mối giận này, tôi sẽ tống cổ nó ra khỏi nhà... Nhưng nào có thấy mặt nó dẫu. Nghe nói là nó ở chỗ con ấy chèn chén linh đình, nhảy múa, nốc hết những số tiền ăn cấp được, rồi lại dọa dẫm tôi nữa, bảo rằng: dù sao tao cũng sẽ làm cho mụ ấy được yên lòng, tao rình xem buổi tối mụ ấy đi dẫu tao sẽ lấy đá đập cho chết. Nó phải người đến cửa hàng (để chọc tức tôi, để hiểu quá), giả bộ mua bán, lúc thì mua bánh bèo, lúc thì cá trích. Tôi giận đến run cả người lên, nhưng vẫn cầm lòng bán cho họ. Một hôm tôi đang ngồi hàng thì sực thấy chính nó bước vào. Nó say rượu, mặt không ra hồn người nữa. Nó đem theo cá trích vào, - sáng nay một con bé con có đến mua bốn con, bằng tiền của nó, dĩ nhiên rồi, - và quăng ngay cá lên mặt quây!

- Sao bà lại có thể bán cái của tôi tệ như thế này cho khách hàng? - nó quát. - Cá thối hoảng, có chó nó ăn được!

Nó la hét, lỗ mũi phồng cả lên, - kiếm có.

- Mày đừng có làm ồn và đừng quát tháo, cá trích tao có làm ra đâu, mà mua hàng thùng. Không thích thì đừng nhá, còn tiền của mày đây trả lại mày.

- Thế nếu tôi đã ăn phải mà chết lẫn đừng rồi thì sao?

- Mày lại thế đấy, đồ lợn, - tôi nói, - mày không thể thét lác thế, mày chỉ huy tao thế nào được? Nhất là danh vị của mày nào có ra gì. Mày phải ăn nói dàng hoàng, đừng có trâng tráo xông vào nhà người khác.

Vậy mà nó bỗng vớ luôn lấy cái cân trên mặt hòm, giơ móc sắt lên:

- Tôi mà phang một nhát vào đầu bây giờ, - nó bảo, - thì mù thẳng cẳng!

Đoạn nó ba chân bốn cẳng chạy ra khỏi cửa hàng. Còn tôi thì ngồi thụp xuống sàn nhà, không sao cất mình đứng dậy được...

Rồi sau nghe nói là nó đã bị lũ trai làng dẫn cho tôi bởi. Người ta chở nó về bằng xe ngựa, sống ngắc ngoải, say bí tỉ, đầu lác lư, tóc bết máu, cát bụi bám đầy, ủng và đồng hồ đã bị lấy mất, chiếc áo vét tông mới nguyên rách bươm, - họa hoàn mới có chỗ còn nguyên mẩu da bé bằng hạt lạc... Tôi nghĩ mãi, nghĩ mãi, nhưng cũng đành nhận nó, thậm chí trả cả tiền xe ngựa, song ngay ngày hôm ấy cho người đến chào

ông Nikôlai Ivanuts và dặn chắc chắn người đó nhắn cho ông ấy biết rằng ông ấy không có gì phải lo ngại nữa, tôi đã quyết ý từ bỏ thằng con rồi, khi nào nó tỉnh giấc thì tôi sẽ đuổi nó đi ngay không chút thương tiếc. Đáp lại, ông ấy cũng gửi lời chào và ra lệnh nhắn với tôi rằng: làm như thế là rất thông minh và đúng đắn, ông ấy cảm ơn và thông cảm... Rồi hai tuần sau ông ấy ước định cả ngày cưới nữa. Phải rồi...

Phải rồi, tạm thời là như vậy và câu chuyện của tôi cũng đến đây là hết. Quả tình không có gì để mà kể thêm nữa cả. Tôi đã cùng người chồng đó chung sống hòa hợp với nhau nhường ấy cho tới khi đầu bạc răng long, - điều đó cũng thật là hiếm có trong thời buổi này. Tôi đã cảm nghĩ gì khi đạt được cái bông lai tiên cảnh ấy, - điều đó tôi không sao nói được. Ồ, mà quả thật là cả Chúa cũng đã thưởng công cho tôi nữa đấy, - thâm thoát đã hai mươi một năm trời tôi sống với ông lão nhà tôi hết như được sống trong tường đồng vách sắt, cho nên tôi rất biết: ông ấy chẳng bao giờ để tôi bị xúc phạm, bởi lẽ cứ trông bề ngoài cũng đủ thấy ông ấy là con người điềm đạm rồi! Thế nhưng đôi lúc tôi cũng thấy nhức nhối trong tim, điều đó cũng là dễ hiểu. Nhất là trong thời gian tuần chay lớn. Tôi bụng bảo dạ rằng, cho dù bây giờ tôi có chết chẳng nữa thì cũng là tốt, cũng cam lòng, cũng được người ta đọc những bài thánh ca trong khắp các nhà thờ... Cũng lại có lúc tôi buồn nhớ đến cả thằng Vania. Đã hai mươi năm nay chẳng thấy tăm hơi nó

đâu. Cũng có thể là nó đã chết từ lâu mà tôi chẳng biết. Cái hồi mà họ chở nó về, tôi thậm chí cũng đã thương hại thay cho nó. Chúng tôi đã lôi nó vào nhà, quăng nó lên giường, và nó ngủ như chết suốt một ngày trời. Tôi bèn vào để nghe hơi thở xem nó có còn sống hay không... Trong buồng thấy hơi thối, có mùi chua chua nào đó, nó nằm đó, rách rưới, sây sát hết, nó ngáy và nghẹt thở... Trông nó mà xấu hổ và xót thương, bởi vì đó chính là máu mủ của tôi! Tôi nhìn, nhìn mãi, nghe ngóng rồi đi ra. Và một nỗi buồn khôn tả xâm chiếm lòng tôi! Tôi cố ăn cho xong bữa chiều, dọn dẹp bàn ăn, tắt đèn... Tôi không sao ngủ được, và cứ mãi như thế, - nằm mà toàn thân rung lên... Đêm hôm ấy sáng trời, còn trông thấy được. Tôi nghe thấy nó thức dậy. Nó ho luôn mồm, chốc chốc lại đi ra sân, đóng cửa sầm sập.

- Làm gì mà y cứ đi lại mãi thế? - tôi hỏi.

- Đau bụng, - nó nói.

Qua giọng nói, nghe chừng nó lo âu, buồn phiền.

- Mà y lấy gối cứu mà uống đi, - tôi bảo.

Tôi lại nằm, thậm chí thiếp đi được một lát, rồi mơ mơ màng màng tôi cảm thấy như có ai đang lên đi trên tấm thảm trải sàn. Tôi chồm dậy, thì ra nó.

- Mẹ ơi, - nó nói, - vì Chúa, mẹ chớ sợ con...

Rồi nó khóc như mưa như gió! Nó ngồi lên giường, nắm lấy tay tôi mà hôn, nước mắt chan hòa, còn chính nó thì thậm chí nghẹn ngào, - và cứ thế nó khóc nức khóc nỏ. Tôi không sao chịu nổi - lại còn thế nữa kia! Dĩ nhiên là đáng tiếc rồi, nhưng chẳng còn

cách gì, - số phận của tôi ra sao là do nó. Mà tôi thấy là ngay chính bản thân nó nó cũng biết thế lắm.

- Mẹ có thể tha thứ cho con được, - tôi nói, - nhưng làm sao đây, thì như chính con cũng thấy, bây giờ không làm sao được nữa rồi. Vậy thì con hãy đi đâu đó cho thật xa, để mẹ không còn nghe nói đến con nữa.

- Mẹ ơi, - nó nói, - vì đâu mẹ tàn hại con chẳng kém gì mẹ tàn hại cái cậu tàn phế Nikanor Matvêits như thế?

Ồ, tôi thấy nó còn chưa bình thường, tôi cũng chẳng cãi nó làm gì. Nó khóc, khóc mãi, rồi cất mình đứng dậy mà đi. Sáng ra tôi ghé nhìn vào buồng nó nằm, thì thấy nó đã đi tự bao giờ. Nghĩa là nó đi sớm để khỏi tủi hổ, và nó đi biệt tăm biệt tích. Có tin đồn đâu như nó ở một tu viện nào đó tại Dadônxxk, rồi sau xin tòng quân đi Txaritxun⁽¹⁾, và có lẽ đã chết nghèo ở đó... Mà thôi, còn bàn luận chuyện đó làm chi, bàn luận chỉ tổ phiền lòng! Nấu đi nấu lại, nước vẫn hoàn nước...

Còn việc nó nhắc đến cậu Nikanor Matvêits thì thậm chí tôi cho đó là ngu dại. Họa chàng là tôi có vụ lợi đôi chút về mặt tiền tài, chứ có móc tiền trong túi người ta đâu. Chính cậu ta cũng hiểu tình trạng què quặt của mình, chính cậu ta cũng thường hay tỏ vẻ buồn chán. Có lần cậu ấy bảo tôi:

- Naxtia ơi, số phận đã khiến tôi què quặt, mà

⁽¹⁾ Tức Vôngagrat (Xtalingrat) ngày nay, hồi đó đang có chiến trận.

bản tính tôi thì cũng dễ diên dễ dại: lúc tôi vui vẻ về một tai nạn nào đó, lúc thì lại buồn rười, nhất là mùa hè, những khi nóng nực, bụi bặm như thế này, - thà là tôi tự tử đi cho rồi! Nếu tôi chết, người ta sẽ chôn tôi ở nghĩa trang Tsernôxlôbôtxkôie⁽¹⁾, đời đời kiếp kiếp bụi sẽ bay qua bờ rào mà phủ lên mộ tôi!

- Sao cậu cứ quá đổi buồn phiền về chuyện đó làm gì, cậu Nikanor Matvéits? Mình có cảm biết được cái đó nữa đâu.

- Đúng là mình sẽ không cảm biết được nữa, - cậu ta nói, - và tai họa ở chỗ là mình nghĩ đến cái đó từ lúc mình hãy còn sống...

Mà quả vậy, ở chỗ chúng tôi, ở nhà của gia đình Xamôkhvalôp ấy mà, thường là rất buồn khi mọi người đều đi ngủ trưa cả rồi và khi gió cuốn cái thứ bụi ấy đến! Và cậu ta cũng đã tự tử vào cái lúc nóng nực ghê người, vào cái lúc tăm tối nhất. Thành phố của chúng tôi quả là buồn khủng khiếp. Mới đây tôi có đến Tula và thấy không sao so sánh được!

Capri, tháng 11 năm 1911

HÀ NGỌC dịch

⁽¹⁾ Có nghĩa là Làng đen.

LẦN GẶP GỖ CUỐI CÙNG

I

Vào một tối mùa thu trăng sáng, khi trời lạnh lạnh và ẩm ướt, Xtoresnhép cho thắt ngựa.

Ánh trăng như làn khói xanh mờ nhẹ đổi thành vệt dài lên chiếc cửa sổ nhỏ hẹp của chuồng ngựa sẫm tối, làm đôi mắt con ngựa thiên tủa sáng. Người hầu thắt dây cương và bộ yên cao nặng nề kiểu *kazác* lên mình ngựa, dắt nó ra khỏi chuồng, quay quay đuôi của nó. Con ngựa đã chịu khuất phục. Chỉ có điều nó căng sườn ra, thở phì phì khi cảm thấy trên mình dây đai bụng. Một chiếc đai bị đứt. Khó nhọc lắm người hầu mới luôn được dây đai vào khoá và đóng răng lại.

Dưới bộ yên cương, con ngựa mình ngắn trông sang đẹp hẳn lên. Dắt ngựa tới bên ngôi nhà, đến trước hiên, người hầu quán dây vào cột gỗ đã mục rồi bỏ đi. Con ngựa mãi không chịu đứng yên, bộ răng vàng khè gặm gặm vào cột. Thỉnh thoảng nó lại tỏ ra tức tối hí vang từng hồi dài. Vũng nước bên cạnh nó

in hình trăng nhọt nhọt chưa tròn. Màn sương dùng đục lớn vồn trên vườn cây thưa.

Tay cầm chiếc roi dài, Xtóresnhép bước ra hiên. Mũi anh hơi khoằm, đầu nhỏ ngả ngả về đằng sau, trông khô khan, vai rộng. Dáng người anh cao và uyển chuyển trong bộ áo khoác màu nâu có dây đai với đường trang trí bằng bạc thắt ngang lưng, anh đội chiếc mũ *kazác* màu đỏ ở phía trên. Nhưng ngay cả dưới ánh trăng cũng có thể thấy gương mặt anh nhọt nhọt, thô tháp vì sương gió, bộ râu xoắn cứng đôi chỗ đã điểm bạc, cái cổ gầy gân guốc, đôi ủng cao của anh đã sòn cũ, và trên tà áo khoác còn vương lại vết máu thỏ đen sẫm đã khô từ lâu.

Ô cửa nhỏ trên khung cửa sổ tối gần hiên bỗng mở ra. Một giọng rụt rè khê hỏi:

- Andriusa, con đi đâu thế?

- Con không còn bé bỏng đâu mẹ ạ, - Xtóresnhép nói, nheo lông mày và cầm lấy dây cương.

Ô cửa nhỏ đóng lại. Nhưng lại có tiếng cửa mở ở buồng ngoài thông ra hàng hiên. Paven Xtóresnhép lật xệ lê dép bước ra, mặt trông như bị phù, đôi mắt sưng húp, mái tóc bạc chải lật ra đằng sau, mặc bộ đồ ngủ và chiếc áo khoác ngoài dùng vào mùa hè, trông nửa tỉnh nửa say và lảm lờn như mọi khi.

- Con đi đâu thế, Andrây? - ông hỏi giọng khàn khàn. - Con chuyển lời thăm hỏi thân thiết của bố tới Vêra Aléchxépna nhé. Bố lúc nào cũng kính trọng cô ấy sâu sắc.

- Bố thì có thể kính trọng ai? - Xtóresnhép trả lời.

- Mà sao bố cứ hay can dự vào những chuyện không phải của mình thế?

- Bố có lỗi, có lỗi! - Ông Paven nói. - *Chàng trai trẻ vội đến nơi hò hẹn!*

Xtioresnhép nghiêng rặng lại để trèo lên yên. Khi chân anh vừa chạm phải bàn đạp, con ngựa bỗng như sức tĩnh, nặng nề quay mình. Chợt đúng lúc, Xtioresnhép nhẹ nhàng đu người lên rồi ngồi xuống chiếc yên kêu ken két. Con ngựa hất đầu lên, chân bước vào vũng nước làm tan biến hình trăng rồi nhip nhàng lao nhanh.

II

Giữa cánh đồng ẩm ướt dưới ánh trăng, những hàng cây ngả nhờ nhờ trắng hiện lên trên các bờ ruộng. Những con cú mèo bất ngờ, không tiếng động từ bờ ruộng bay vụt lên - và con ngựa bỗng rống lên, chạy tránh sang một bên. Con đường bắt đầu dẫn vào khu rừng nhỏ, trông lạnh lẽo lặng yên như tờ dưới ánh trăng sương. Mặt trăng sáng và dường như mộng nước thấp thoáng hiện ra trên đỉnh cây cao lơ lửng, những cành cây không lá hoà lẫn vào ánh sáng trăng ướt át, biến mất đi trong đó... Ngai ngái thoảng bay mùi vỏ cây dương, mùi lá mục từ những nơi đất trũng... Tiếp đó là triền đất thoải thoải thấp xuống dường như không có đáy tràn ngập một màn sương

trắng mỏng. Con ngựa cũng thở làn hơi trắng ấy, nó lao qua những bụi cây lấp loáng ánh sương. Tiếng nhựa cành cây khô gãy dưới móng ngựa vọng sang phía bên kia, nơi có rừng cây cao đen sẫm theo triền núi dốc... Bỗng con ngựa vênh tai nghe ngóng. Hai con sói kéch sù chân cao đang đứng trên khoảng đất thấp trong màn sương trắng. Để cho Xtoresnhép lại gần rồi chúng mới vọt lên chạy như bay vào núi, băng qua bãi cỏ đọng sương lấp lánh.

- Biết đâu nàng còn ở lại đây thêm ngày nữa? - Xtoresnhép nói, đầu hơi ngả về phía sau, ngược nhìn lên trăng.

Mặt trăng soi xuống những đồng cỏ trống trải bằng bạc màu sương nằm phía bên phải... Nét buồn và vẻ đẹp của mùa thu!

Chiếc yên trên lưng ngựa kêu ken két, con ngựa gắng sức thở phì phì leo lên cánh rừng cây cao rậm rạp, theo một đường trùng sâu ngập nước, bỗng nó vấp phải vật gì xuýt nữa thì ngã khuyu xuống đất. Xtoresnhép mặt mép xệch đầy tức giận, anh thu hết sức quật mạnh roi vào đầu con ngựa.

- Đồ chó già! - anh gào lên, giọng buồn bực tức tối vang cả cánh rừng.

Sau cánh rừng hiện ra những cánh đồng trống trải. Trên sườn dốc thoải, giữa đám ruộng kiều mạch vừa thu hoạch chỉ còn trơ gốc rạ, là một trang ấp xơ xác, lác đác những khu nhà phụ, một ngôi nhà lợp rơm. Dưới ánh trăng cảnh vật này trông thật buồn! Xtoresnhép dừng lại. Có cảm giác rằng đã

muộn rồi, khuya rồi, - chung quanh yên ắng quá. Anh đi vào sân. Ngôi nhà sẫm tối. Quãng dây cương ra, Xtóresnhép nhảy xuống khỏi yên. Con ngựa ngoan ngoan đứng yên, đầu cúi xuống. Trên hiên nhà một con chó săn già đầu đặt lên chân nằm còng queo. Nó không nhúc nhích, mà chỉ nhìn ra, mắt rướn lên, khê phe phẩy đuôi chào khách. Xtóresnhép từ hàng hiên bước vào nhà, từ phía kho thoáng thoáng đưa lại mùi hôi. Căn buồng phía ngoài nhờ nhờ tối; kính cửa ám đầy hơi nước lạnh ngả màu vàng ố. Từ trong hành lang tối sẫm, một người phụ nữ nhỏ nhắn vận chiếc áo choàng mỏng màu sáng chạy ra. Xtóresnhép cúi xuống. Rất nhanh, đôi cánh tay trần của nàng quàng chặt lấy cái cổ cao gầy của anh rồi lặng lẽ khóc nức lên vì sung sướng, đầu áp vào vạt áo khoác thô ráp của anh. Có thể nghe thấy trái tim nàng rộn ràng đập như con trẻ, cảm thấy được cây thánh giá nhỏ trên ngực nàng, cây thánh giá bằng vàng của bà để lại - báu vật cuối cùng.

- Anh ở đây đến mai chứ? - nàng thì thào hỏi nhanh. - Phải thế không anh? Em không tin vào hạnh phúc của mình!

- Vêra, anh đi tháo yên cương cho ngựa đây, - Xtóresnhép nói và khẽ gỡ vòng tay nàng ra. Ừ, đến mai, đến mai anh mới đi, - anh nói và nghĩ: "Trời, càng ngày nàng càng đắm say thêm! Mà sao nàng hút thuốc nhiều thế, lúc nào cũng thêm được ấu yếm!".

Gương mặt Vêra trông dịu dàng, làn da mịn màng thoa phấn. Nàng khê cọ má vào môi anh rồi

hôn rất lâu lên môi anh bằng đôi môi mềm mại. Cây thánh giá nhỏ lấp loáng trên ngực nàng để hở. Nàng mặc chiếc áo mỏng tang - chiếc áo nàng rất quý, chỉ dành cho những dịp hệ trọng nhất, chiếc áo duy nhất...

"Trước đây mình đã biết rất rõ, - Xtoresnhép nghĩ, cố hình dung lại nàng khi còn trẻ trung, - biết rất rõ mười lăm năm về trước rằng không một chút phân vân nào sẵn sàng đánh đổi mười lăm năm đời mình để được một lần gặp gỡ với nàng!"

III

Trên sàn nhà bên cạnh giường, ngọn nến đang leo lét cháy khi trời sắp sáng. Xtoresnhép nằm dài trên giường, anh mặc chiếc quần rộng ống, chiếc áo sơmi cổ đứng cúc cài bên, gương mặt nhỏ với chiếc mũi khoằm đậm chiều quay về phía tối, đầu gối lên hai cánh tay bắt chéo. Vêra ngồi bên cạnh anh, khuỷu tay tỳ lên đầu gối. Đôi mắt sáng của nàng đỏ hoe, sưng lên vì khóc nhiều. Nàng hút thuốc và lơ đãng nhìn xuống sàn nhà. Nàng ngồi vắt chân chữ ngũ. Nàng tự thích thú với bàn chân nhỏ nhắn xỏ trong chiếc giày mỏng sang trọng. Nhưng nỗi đau trong tim nàng quá nhức nhối.

- Em đã hy sinh tất cả vì anh, - nàng nói nhỏ và đôi môi nàng lại run lên. Giọng nói của nàng chứa

đựng biết bao nhiêu sự dịu dàng và nỗi khổ trẻ thơ!
Nhưng Xtoresnhép mở mắt ra và lạnh lùng hỏi:

- Em đã hy sinh cái gì vậy?

- Tất cả, tất cả. Và trước tiên là danh dự, là tuổi trẻ...

- Có trời mà biết chúng ta trẻ thế nào.

- Sao anh thô lỗ và thiếu tế nhị thế! - nàng nhẹ nhàng trách móc.

- Phụ nữ trên khắp thế giới này cứ hay nói đi nói lại một điều. Họ thích nói vài chữ, chỉ có phát âm khác nhau thôi. Mới đầu thì với giọng say sưa, đầy thán phục: "Sao anh thông minh, tế nhị thế!". Rồi sau đó là: "Sao anh thô lỗ, thiếu tế nhị vậy!".

Nàng xụi xịt khóc và nói tiếp, dường như không nghe thấy gì:

- Dù em chẳng làm được việc gì ra hồn ở trên đời này... Nhưng em đã yêu âm nhạc, đang yêu nó say đắm và tuy chỉ là một chút thôi em cũng đã có thể đạt được...

- Chắc, không phải yêu âm nhạc đâu. Khi Pôdarxki mới...

- Bậy nào, anh Andriusa... Và bây giờ thì em đóng vai thảm hại của người đệm đàn pianô ở một trường nữ học, mà ở đâu mới được chứ! Ở chính ngay cái thành phố đáng nguyên rủa mà lúc nào em cũng căm ghét! Lẽ nào cả đến bây giờ em cũng không tìm được người có thể đem lại cho em sự bình yên, một cuộc sống gia đình đầm ấm, người đó yêu thương và tôn trọng em? Nhưng ký ức về mối tình của chúng ta...

Xtore snhép chàm thuốc hút và bắt đầu trả lời chậm rãi nói rành rọt từng chữ:

- Vêra ạ, cái ngữ quý tộc chúng ta ấy mà, không biết yêu với đúng nghĩa của tình yêu đâu. Đó là một thứ thuốc độc với chúng ta. Và chính anh chứ không phải em đâu đã tự huỷ hoại đời mình. Mười lăm, mười sáu năm trước đây ngày nào anh cũng đến đây và sẵn sàng ngủ đêm ở ngoài ngưỡng cửa nhà em. Hồi ấy anh còn là một cậu thiếu niên, một anh chàng ngu si đầy dụ dằng và ngưỡng mộ...

Điều thuốc tất. Anh quảng nó ra xa, tay buông xuôi dọc thân mình, mắt nhìn lên trần nhà.

- Tình yêu của các bậc tổ tiên, chân dung của họ trong khung hình bầu dục với dải giấy nhũ vàng bao quanh nền xanh... Hình ảnh Guri, Xamôn và Avíp, những người che chở cho các gia đình xưa của chúng ta... Tất cả những cái đó riêng dành cho ai nếu không phải là anh với em? Hồi đó anh đã viết mấy câu thơ:

Yêu em, anh ước mơ tới những người mơ ước

Đã yêu nơi đây trăm năm về trước

Đêm đêm anh đi trong vườn vắng,

Dưới ánh sao người xưa đã ngừng nhìn...

Anh nhìn lên Vêra và nói gay gắt hơn:

- Vì lẽ gì mà em bỏ đi - và vì ai nữa chứ! - bỏ đi khỏi dòng họ của mình, khỏi lớp người của mình?

Anh nhồm người lên và cặp mắt giận dữ nhìn chăm chăm lên mái tóc khô đen của nàng.

- Anh bao giờ cũng đã nghĩ về em với niềm say

mê, ngưỡng mộ như về một người vợ. Số phận đã ghép đôi chúng ta lại từ bao giờ vậy? Và em đã là gì đối với anh? Chẳng lẽ đã là vợ sao? Đã có sự trẻ trung, niềm vui, lòng trong trắng, gương mặt chín đỏ và chiếc áo bằng vải mỏng tang... Đến với em từng ngày, nhìn thấy tấm váy áo em mặc cũng bằng vải mỏng, nhẹ nhàng, trẻ trung, nhìn thấy cánh tay em để trần đen sạm vì cháy nắng và vì dòng máu của tổ tiên chúng ta, cặp mắt sáng ngời vẻ *tác ta* của em - đôi mắt không nhìn thấy anh! - đoá hồng vàng cài trên mái tóc, nụ cười của em dạo ấy có vẻ gì như là ngây ngô, ngờ ngác mà thật là duyên dáng đáng yêu, thậm chí cả cái điều rằng em đi khỏi chỗ anh trên con đường qua vườn, em nghĩ về một cái gì khác kia nhưng lại giả vờ như đang chơi *krôkét*, rằng anh phải nghe những lời mắng nhiếc của mẹ em vọng xuống từ phía ban công - tất cả những cái đó đối với anh đã là...

- Người có lỗi trong mọi chuyện là mẹ chứ không phải là em, - nàng thốt lên một cách khó nhọc.

- Không đâu! Em còn nhớ cái lần đầu tiên em đi Matxcơva, em soạn đồ đạc, lơ đãng hát bài gì đó, em không nhìn thấy anh và mãi mê với những mơ ước của mình, với niềm tin vào hạnh phúc! Anh đã đi ngựa đến tiễn em vào một chiều quang mây, lạnh lẽo. Cánh đồng lúa mì mới nhú lên mơn mớn, các gốc rau trở lại ngả màu vàng ối, rồi tấm rèm cửa trong cửa sổ toa tàu để mở... Chà! - Xtơresnhép thốt lên với vẻ giận dữ, nước mắt trào ra và anh lại ngã đầu xuống

gối. - Hương thơm dầu cây *vécbena* từ tay em còn vương lại cả trên tay anh. Nó lẫn với mùi yên cương, mùi ngựa, nhưng mà anh vẫn cảm thấy nó khi đi về trong chiều tối trên con đường cái lớn - và anh đã khóc... ồ, nếu có ai đã hi sinh tất cả, hi sinh cả đời mình, thì đó là anh, một kẻ già nua nghiện ngập!

Cảm thấy trên môi mình vị mằn mặn của nước mắt đang trào ra trên má, trên râu mép, Xtoresnhép quàng chân ra khỏi giường và bước ra ngoài.

Trăng đã lặn. Làn mây trắng nhẹ xấp bóng bênh trên cánh đồng dốc thoải ngả mầu sẫm chết chóc. Sau làn mây, từ nơi xa tím tắp, ánh hồng hồng ban mai đã lấp ló. Phía cánh rừng xa lạnh lẽo tối đen vọng lại tiếng gà gáy từ căn nhà của người gác rừng.

Xtoresnhép chân đi tất không, ngồi xuống bậc thêm, anh cảm thấy hơi lạnh ẩm đang ám vào thân thể anh dưới làn áo mỏng.

- Và sau đó, tất nhiên là chúng ta đã đổi vai cho nhau, - anh nói khẽ, giọng đầy vẻ gớm ghiếc. - Còn bây giờ thì đành nào cũng thế thôi. Chấm hết rồi...

IV

Buổi sáng họ uống nước chè và ăn bánh mì bện hình số 8 ở phòng ngoài lạnh lẽo, quanh một cái rương lớn. Chiếc ấm *xamôva* đặt trên chiếc rương đã lâu không cọ rửa, ngả mầu xanh cũ kỹ. Hơi nước

lạnh bám trên cửa sổ chảy xuống từ ô kính trên. Qua khung cửa lấp lánh ánh mặt trời buổi sáng mùa đông, có thể thấy một cái cây cong queo, sần sùi lác đác còn sót lại ít lá. Một bà tóc hung, chân đi đất, mặt sưng húp vì ngái ngủ bước vào và nói:

- Ông Mitōri đến rồi đấy ạ.

- Ông ấy sẽ chờ, - Xtōresnhép trả lời, mắt không nhìn lên.

Vêra cũng không nhìn ra. Sau một đêm gương mặt nàng gầy đi, mắt thâm quầng. Tấm váy áo màu đen làm nàng trông trẻ và đẹp hơn, màu phấn xoa trên mặt trông như hồng hơn bên màu đen của mái tóc. Gương mặt khô khan, thô tháp của Xtōresnhép hơi ngả về phía sau, trông không chút sinh khí. Dưới bộ râu xoắn cứng màu muối tiêu có thể thấy cục hàu nổi to trên cổ.

Ngoài sân mặt trời sáng loá nhô lên trên đường chân trời. Sương giá bám trắng xóa ngoài hiên. Sương giá phủ như rắc muối trên cỏ, trên những lá bắp cải hình khum khum vương vãi khắp sân. Một người nhà quê mắt màu chì vừa đi xe ngựa chắt đầy rơm đến đỗ trước hiên. Áo ông ta cũng bám đầy sương trắng xóa. Ông đi quanh xe nhún gợn rơm xuống, miệng ngậm chiếc tàu, một làn khói xanh dài bay lên từ phía sau vai ông. Vêra bước ra hiên, mình vận chiếc áo lông nhẹ đắt tiền nhưng may theo kiểu cổ và đã sờn cũ, nàng đội chiếc mũ dùng vào mùa hè bên bằng rơm nhuộm đen gắn hình những bông hoa cứng cáp, màu sẫm đỏ sặc sỡ.

Xtòresnhép tiến nàng trên con đường làng nhỏ ẩm ướt dẫn tới đường cái. Anh cuôi ngựa theo sau xe. Con ngựa vươn dài cổ về phía rơm đặt trên xe. Anh quất roi vào mặt nó, con ngựa hất đầu lên và khó nhọc thở phì phò. Họ đi chậm rãi và im lặng. Phía sau Xtòresnhép, con chó săn già của trang ấp cứ lẳng nhẳng bám theo. Mặt trời ấm áp hiện dần lên, bầu trời sáng sủa, yên bình.

Gần đến đường cái, người xà ích bỗng nói:

- Thừa tiểu thư, hè này tôi lại cho thằng bé nhà tôi đến nhà cô nhé. Tôi lại cho nó làm cái chân chân bò cho nhà cô đấy.

Vừa quay lại cười ngượng ngáp.

Xtòresnhép bỏ mũ ra, cúi xuống từ trên yên, cầm lấy tay nàng và hôn rất lâu. Nàng áp môi lên món tóc đã điểm bạc trên thái dương của anh và khẽ nói:

- Anh thân yêu, anh ở lại khoẻ nhé. Đừng nghĩ xấu về em...

Người xà ích cho xe lao nhanh trên đường lớn - ngựa phi nước kiệu, Xtòresnhép quay lại, không cho ngựa đi trên đường mà băng qua cánh đồng còn trog gốc rạ. Con chó từ xa nhìn theo anh, có thể trông thấy nó đứng giữa cánh đồng màu vàng óng. Anh dừng lại vung roi dọa nó. Nó cũng dừng lại và ngồi xuống. - "Mình biết đi đâu bây giờ đây?" - dường như nó định hỏi thế. Và khi anh đi tiếp, nó lại từ từ chạy theo anh. Anh nghĩ tới nhà ga xa xôi, con đường sắt bóng loáng, khói con tàu về phương nam...

Trên những bãi cỏ trog đôi chỗ lẫn sỏi đá, nơi

anh đi qua, trời hầu như đã nóng nực. Bầu trời mùa thu trong xanh yên tĩnh. Im lặng không cùng bao trùm lên những cánh đồng trống trải, những triền đất trũng và cả miền thảo nguyên Nga mênh mông. Những sợi bông nhỏ từ cây *táctaca* và cây *rêpi* không bay lơ lửng trên không. Đàn chim kim oanh đậu trên cành cây *rêpi*. Chúng sẽ đậu như thế suốt ngày, chỉ thỉnh thoảng mới bay đi đâu đó, mang theo cuộc sống yên bình, đáng yêu, đầy hạnh phúc.

Kapri, 31-12-1912

PHAN HỒNG GIANG dịch

NGÀY CUỐI CÙNG

Thời thế là xong: gia súc bán cho người ta, chủ mới đã giong đi, những cỗ xe ngựa, yên cương, đồ đạc bán cho người ta, chủ mới cũng đã chở đi, cổng lò rèn và kho chứa củi, cửa vựa thóc và chuồng ngựa đều đã mở toang hoang: đâu đâu cũng đều trống rỗng, tro bụi; trong sân cũng thấy đều hết sạch trơn cả rồi.

Người chủ mới là bác thị dân Rôxtôptxep cho biết rằng bác ta sẽ đến vào chiều ngày Hai mươi tháng Tư. Bác Vôâykôp cũng quyết định ra đi vào ba giờ chiều đúng ngày hôm ấy; còn gia đình thì bác đã cho lên đường từ hôm Mười hai.

Kể ăn người làm chỉ còn lại có hai mống là chú lính Piôtơrơ với thằng Xaska. Họ ngả ngón trên những chiếc ghế dài trong căn bếp trống không, hút thuốc, rồi lúc thì với giọng bông lơn, lúc với vẻ nuối tiếc, họ nói chuyện với nhau về ông chủ đã khánh kiệt của mình. Còn chính bản thân ông ta thì ăn mặc theo kiểu thị thành, bận một bộ đồ vét tông nâu, đầu đội chiếc mũ lưỡi trai theo kiểu lính khinh kỵ có

vành màu vàng, một tay cầm can một tay xách ghế đầu, ông ta đang đi quanh khắp trong nhà. Với những bức tường trần trụi, sao trong nhà sáng sủa thế! Mở bung hết cửa buồng nọ thông sang buồng kia, cứ vào mỗi buồng ông lại đứng lên ghế đầu mà lột tung từ trên xuống dưới những tờ giấy dán tường đầy cứt ruồi đã bong ra khỏi mặt tường, và thế là từng mảnh giấy lớn, bên trong phủ đầy vôi và hồ đã khô, rơi rào rào xuống sàn nhà. Trong một căn buồng lớn ở góc nhà giấy dán tường lại là màu xanh sẫm pha kim nhũ. Giấy đã phai, đã bạc màu, nhưng còn mang nhiều hình bầu dục, hình vuông sẫm: căn buồng này trước đây bao giờ cũng treo các ảnh in trên kim loại và các bức tranh khắc cổ kính nho nhỏ, và ở một góc buồng là những tượng thánh. Giấy trong buồng này thì không thể bóc kịp nữa rồi. Ánh nắng đã dịu dàng xuyên qua những ô kính mỏng, xỉn đục, trên bốn khung cửa sổ lớn. Nhớ tới lúc thiếu thời mình đã trải qua ở đây, bác Vôâykôp lấy gậy phang vào một khung cửa sổ, rồi phang sang chiếc khác... Kính vỡ rơi loảng xoảng xuống những bậu cửa gỗ đã mọt ruỗng, xuống những miếng gỗ hình bát giác màu vàng của sàn nhà gỗ đã nứt nẻ. Làn gió xuân dịu dàng hút qua những lỗ thủng và đã trông thấy được những bụi đình hương xám ở bên ngoài.

Ngồi lên ghế đầu, bác Vôâykôp còn định suy nghĩ nốt những ý tưởng cuối cùng.

Bác ngồi hồi lâu, cất chiếc mũ lưỡi trai ra khỏi mái đầu rộng, rẽ ngôi lệch theo kiểu cổ, - nghĩa là từ

phải sang trái với hai bên tóc mai để dài - và cúi đầu xuống. Lần hồi bác nhớ lại các ông bà, cụ kỵ đã từng sống và qua đời trong ngôi nhà này, trong khu đất vườn này; bác nhớ lại được hầu hết tên của các con chó *boocđôi* đã từng khiến cho các chuyến đi săn của họ hàng nhà Vôâykôp trở nên lừng lẫy... Giờ đây các con cháu của lũ *boocđôi* chỉ còn lại vền vền có sáu móng, cỏ nhòm, dơ dảng đại hình vì đói ăn và vì già nua... chẳng bao lâu nữa chúng sẽ chết nghèo thôi, điều đó là dĩ nhiên rồi... Đúng thế, nhưng không phải là Griska bỏ chúng lại cho Rôxtôt-xep đâu! Bác Vôâykôp ngẩng bộ mặt ngăm đen nặng trĩu của mình lên, một bộ mặt đầy những đường rãnh và những vết nhăn hằn học, với bộ ria nhuộm màu xanh đen. Giờ đây đôi mắt bác long lanh một cách khác nghiệt.

Đội mũ lên đầu, lộ cộc chống can, bác bước ra bậc thềm mà gọi vọng qua sân xuống bếp. Chú Piôt người dài ngoẵng chạy vọt tới ngưỡng cửa.

- Lũ chó đâu rồi? - bác Vôâykôp hỏi.

Piôt ngó ra buồng ngoài và qua sân ngó ra vườn...

- Hình như vẫn còn ở nhà cả đấy ạ.

- Ồ, thế thì hay, - bác Vôâykôp hét to, giọng chắc nịch, - đập chết hết đi. Cứ mỗi con, cho hai hào rưỡi.

Rồi cầm một liều thuốc ngăn ngừa nhưng to xù vào loại bột thuốc lá đất tiền đã ám khói, bác châm thuốc hút, đoạn ngồi xuống bậc ở ngoài thềm. Piôt bèn lúi vào bếp, nhanh nhẩu báo cho Xaska biết quyết định của ông chủ khiến cậu này cũng ngạc

nhien và mừng rỡ, trong khi Piôtơrơ vớ lấy đoạn dây thừng dưới chiếc ghế dài mà bước ra ngưỡng cửa, suy nghĩ: không biết bắt đầu từ con chó nào trước đây?

Ba con khoảng năm ngoài năm, ngay giữa sân. Hai con trắng nằm trong râm, cạnh kho chứa củi. Còn một con thì đang chạy ra khỏi khoảng vườn nhỏ trồng thông, men theo con đường sáng sửa giữa hai hàng cây dẫn qua một khu vườn còn thừa thớt với mấy cây táo tuy trụi lá nhưng đang trở hoa, mọc trên mặt đất hồng hồng trong lúc sang xuân. Lũ chó đều đã già hết cả, kể cả con chó này, - một con chó cái màu vàng nhạt, hai tai đen, có mõ lông dài mà khô khốc ở những cẳng chân khẳng khiu, gày guộc. Piôtơrơ huýt sáo rồi vỗ vỗ đùi. Con chó qua sân tiến thẳng lại, ngoe nguẩy cái đuôi rậm cong tớn và liếm tay Piôtơrơ. Piôtơrơ quàng dây thừng vào cổ nó, rồi dậm đôi ủng lạo xạo, chạy qua sân vào trong vườn. Thằng Xaska chân ngắn, tính thích cười đùa, cũng vớ lấy chiếc xẻng bằng sắt bị bỏ quên trong góc nhà ngoài, chạy theo.

Mới đầu con chó còn chịu đi. Nhưng đến cổng vườn thì nó bỗng chùn lại, chồm lên, rồi kêu lên ăng ăng và bắt đầu quấy lộn. Thằng Xaska vừa chạy vừa giơ lên một cành táo có chạc dỏ xanh dỏ vàng, quật mấy nhát vào cái lưng khô khảnh của con chó, khiến chạc táo đều dính bết những chòm lông chó già nua. Piôtơrơ vừa chạy vừa ghé vai kéo dây, hết như muốn ngã; còn con chó thì nhảy căng lên, vùng vằng, giật trở lại, lét người xuống đất, đầu lúc lắc. Những con

boócdôi đang ngủ liến bùng tỉnh, ủa đến cả đàn để thúc con chó cái.

- Đuổi chúng nó đi! - bác Vôâykôp chồm lên trên bậc thềm, rầy la dữ dội.

Xaska bèn dùng xẻng xua tan lũ chó. Còn con chó cái điên cuồng gặm vào dây thừng, bị chảy máu ở lợi: trong khi nghẹn thở nó đã cắn phải lưỡi. Ra đến lối đi giữa hai rặng xiêm gai ở cạnh vườn, Piôtơr đã đi được êm thấm hơn vì con chó đột nhiên kiệt sức, thôi không chống cự lại nữa, trông càng gầy tọp đi và đã loạng choạng, chân sau bước rối loạn, đuôi cụp xuống. Ở một ngã tư đường, có một cây phong cằn cỗi, tỏa rộng cành. Khi Piôtơr quăng dây qua một cành phong to rồi mau lẹ ghé vai bên phải về phía cây phong mà kéo mạnh dây xuống thì con chó bị lôi hăng chân sau lên, co giật và quằn quại hai chân trước, cố níu lấy đám đất lổn nhổn dưới gốc phong, nhưng nó đã bị treo lủng lẳng là là mặt đất. Cái lưỡi tím đen của nó thè ra, mặt nó nhăn nhó để lộ ra hai hàng lợi màu san hô, ánh nắng ban ngày phản chiếu trong cặp mắt màu nho lờ mờ của nó đã bắt đầu mờ mịt đi.

- Bây giờ thì im nhé, hết bắg nhắg rồi nhé, - quen thói bông đùa cả trong những cảnh thê lương, Piôtơr nói.

Xaska bắt chước giọng đàn bà hát í éo, đào một cái hố ở giữa hai bụi cây tuy trụi trụi nhưng cành đã nhú đầy những chồi xanh non tơ. Xa xa, trên những cây cổ thụ phía vườn dưới, đàn quạ kêu táo tác. Bốn

chung quanh lũ sáo đã hót vang, một con ác là kêu ra rả, mặt trời đã làm héo khô đám lá nhàu nát dưới gốc các bụi cây, nhưng Xaska vẫn vững vàng và thoải mái dận chân lên lưỡi xẻng bóng loáng thun thút phập xuống đám đất tươi xốp màu xanh sẫm, xất làm đôi những con giun béo, đỏ thẫm, Andrây, một cậu nông dân trong làng, ăn mặc tề chỉnh, đang trông cho con ngựa cái của mình ăn cỏ trong mảnh vườn vô chủ, thấy vậy bèn tiến lại gần.

- Sao lại xử tử nó thế? - cậu tùm tùm cười, hỏi.

- Theo lệnh mà lại, - Piôtơrơ vẫn ghé vai giữ dây đáp. - Để từ biệt mà lại. Ông ấy ra lệnh xử tử tuốt. Cốt sao không để chúng lại cho ai sát cả.

- Ông ấy xót lắm hả?

- Ai chả xót cơ chứ. Còn cậu thì đã đưa ngựa vào ăn trong vườn rồi đấy hả? Coi chừng, chiều nay chủ mới sẽ đến. Với ông ấy thì đừng có hòng mà chặn ngựa.

- Đến chiều mình lại ruồi ngựa về đấy mà, - Andrây nói.

Cậu ta lấy gậy thúc vào đít con chó, - con chó búng tỉnh, thót bụng lại găm gừ. Rồi cậu ta lơ đãng nói tiếp.

- Mới đây mình cũng đập chết một con chó. Nó bị chó nhà ai cắn chửa biết, chỉ sống được đâu một, hai tuần, rồi sữa cũng chẳng sữa được... Mình nghĩ mãi, nghĩ mãi đành mang ra đập chết đi vậy.

- Chó thì cũng như người, người hơn chó nhiều mà còn bị xử tử nữa là, - Piôtơrơ nói.

- Vậy cậu được thấy rồi sao?

- Mình làm sao thấy được. Họ có cho ai vào xem đâu, đến cả người nhà cũng chẳng được vào nữa là. Lính tráng họ kể cho mình nghe rằng ban đêm người ta dựng giá treo cổ, rồi sáng tinh mơ thì dẫn cái tên hung đồ ấy ra, người đao phủ trùm cho hấn một cái túi vào đầu rồi treo hấn lên một đoạn dây chèo bên bằng cao su. Bác sĩ đến xem rồi cho biết ngay tức thì là hấn đã tắt thở hay chưa... Còn lỗ huyết thì ở ngay dưới giá treo cổ.

- Vậy là họ cứ quăng xuống không có áo quan gì tất?

- Thế cậu nghĩ là phải cho vào hòm kính sao?

- Với lại như thế thì chẳng có anh đi tìm vàng nào mò ra được, - Xaska vừa cười vừa nói vọng ra từ trong bụi rậm.

Piôtơơ quăng chiếc thùng, - con chó đã rơi xuống và vẫn ở tư thế ngồi, - rồi châm thuốc hút.

- Thế rồi sau họ lại đem cái cỗ máy ấy đi nơi khác ư? - Andrây hỏi.

- Nơi nào cần thì họ lại mang đến.

- Thế tại sao lại xử tử người ta vậy nhỉ?

- Dễ hiểu thôi, nếu tốt thì đã chẳng phải xử tử. Bị xử tử là vì khác lòng tin, đi cầm đầu, đi ăn cướp. Đừng gây rối, đừng trộm cắp thì...

- Thế còn cái lão đao phủ ấy, lão ta thế nào, có được lương bổng đấy chứ?

- Chứ sao? Cả cơm ăn áo mặc đằng hoàng nữa kia.

- Coi chừng, kẻo có lúc hết hơi đấy, - Andrây nói đùa, rồi đi lại phía con ngựa đang loạt soạt đồng lá khô trong khu rừng anh đào lưu niên.

- Cũng có lẽ, - Piôt nói, đoạn hét với thằng Xaska:
- Sẵn sàng rồi chứ?

Cậu ta lúi xính xệch con chó lại miệng hổ cùng với cả đám lá rụng đủ loại, màu đá hoa có, màu vàng có, khô có, ướt có. Lấp đất xuống hố xong, Xaska lấy chân dậm dậm, và đồng đất ẩm phập phồng hít thở dưới đôi ủng của nó.

- Thôi, yên giấc ngàn thu nhé, - nó nói. - Chúng tao sống vất va vất vưởng, còn mày thì thịt nát xương tan.

Đoạn vác xéng lên vai, nó theo chân Piôtơr đi về nhà. Đến giữa sân thì Piôtơr dừng bước, giấu đoạn dây thừng ra sau lưng mà dụ dỗ gọi con chó đực to đã bạc cả lông, tên gọi Tserkex.

- Thưa ông Bôrix Bôrixuts, đã khử được một con và đã chôn rồi đấy ạ, - Xaska vui vẻ hét to với bác Vôâykôp nãy giờ vẫn ngồi trên bậc thềm.

- Mày hét cái gì thế hở, thằng ngu? - bác Vôâykôp nghiêm nghị dồn hỏi nó. - Tại sao lại chôn? Ai bảo chúng mày chôn? Đem vào rừng thông, treo tuốt lên những cây thông và cứ để thế. Nghe chưa?

- Xin tuân lệnh ạ - Xaska đáp, đoạn xông tới tiếp tay cho Piôtơr. - Nào, nhanh tay lên thôi! - Nó khề quát.

Tối khoảng ba giờ thì họ giải quyết xong cả lũ chó. Giờ đây, cái cơ ngơi xưa cũ, tĩnh mịch, vắng vẻ,

mơ màng dưới ánh nắng thảng tư mơn man ấm áp, đã trở nên hoàn toàn trống trải. Hai cậu người làm hứng chí nhưng mệt nhoài, bước theo lối đi giữa hai hàng cây và cùng nhau tính toán xem mình sẽ được trả công bao nhiêu.

- Không sao, khó đấy, - Piôtơr nói với một giọng hoan hỉ âm trầm. - Được một rúp rưỡi bạc đấy. Ta sẽ được một bữa cỗ đằng hoàng có cả thức nhắm.

Bác Vôâykôp, đầu để trần, đứng cạnh bậc thềm, làm dấu thánh giá rồi nghiêng mình trước ngôi nhà.

- Xin chào, - bác vừa nói với vẻ nghiêm nghị, vừa quay bộ mặt tối tăm, cương quyết của mình về phía những người vừa bước tới. - Xong rồi chứ?

- Xong rồi ạ, - hai người làm đồng thanh trả lời và cát mũ lưỡi trai ra khỏi đầu.

- Cầm lấy.

Xaska nhận tiền và hôn vào bàn tay ngăm đen, có đeo một chiếc nhẫn cưới đã mỏng dính của bác. Không thay đổi sắc mặt, bác Vôâykôp ôm lấy cậu ta mà hôn vào môi. Rồi bác gật đầu với Piôtơr. Trong giây lát đôi mắt bác lác xệch và mờ mịt hẳn đi. Nhưng rồi bác đội chiếc mũ lưỡi trai lên đầu, trông lại càng nghiêm nghị hơn, và bác nói với giọng càng cứng rắn hơn:

- Bây giờ chúng bay đi được rồi đấy. Ta không bảo Mirôn cho xe ghé lại đón ta. Ta sẽ tự đi đến chỗ nó, rồi từ đó đi xe ra ga. Không phải ta ngượng vì phải đi xe ngựa tải, mà chỉ là vì... ta không thích...

Thế rồi bác đi ra cổng, không ngoái đầu lại.

Xaska chạy ù ra quán bán hàng và ông chủ quán dùng chiếc rìu gổ chặt ở ngay ngưỡng cửa cho cậu một tảng thịt lợn muối ướp nhêm. Piôtơrơ đã đợi cậu ta ở bên quán rượu, ngoài bãi chăn, cạnh trang trại. Thế là hai người ngồi nhậu với nhau rất lâu trên vạt cỏ mùa xuân le te ngồi sáng. Chiều đã đến trong một sắc hồng. Không khí mát lạnh đi, và càng nghe rõ hơn tiếng đàn quạ náo động, kêu quang quác trên những rặng cây già cỗi phía vườn dưới ẩm thấp. Đằng sau những chòm lá liềm tù tù của rặng cây ấy đã ngồi sáng một mảnh trăng trong nhỏ bé. Còn bên kia sông, mặt trời đang lặn trong một ánh vàng tinh khiết, - và trong khu trang trại lặng lẽ một cách kỳ dị, người ta thấy bùng cháy thành màu da cam những ô cửa kính của ngôi nhà chết lặng cửa mở toang hoang.

Khi bác Rôxtôptxep cùng với người quản lý đi một chiếc xe ngựa đến trang trại thì trời đã khuya, thôn xóm đều đã ngủ cả. Trong bầu tĩnh mịch, chỉ nghe có tiếng một chiếc đinh ốc dưới bánh xe khê kêu lạch xạch khi xe ngựa bước một tiến vào khu sân cũ của bác Vôâykôp. Bác Rôxtôptxep dừng xe cạnh bậc thêm, xuống xe một cách khó nhọc, quẳng dây cương lại cho người quản lý. Người quản lý cho xe vào kho chứa để tháo ngựa ra, còn bác Rôxtôptxep mình bận áo dạ chùng, đầu đội mũ lưỡi trai sâu và ẩm, thư duỗi đôi chân đã tê cứng do ngồi lâu trên xe mà bước vào nhà. Cả ông cũng cúi chào ngôi nhà, cất chiếc mũ lưỡi trai ra khỏi đầu và tỏ vẻ sùng kính, rắc một ít

tóc của mình nơi ngưỡng cửa, trước khi bước vào những căn buồng đầy ánh trắng mờ đục. Trong các căn buồng, trên sàn dàu dàu cũng ngổn ngang những giấy dán tường bị lột xuống. Đi hết buồng nọ sang buồng kia, bác chăm chú và đã ra về chủ nhà soi mói ngó vào mọi góc ngách, lấy ửng hất những mảnh giấy loạt xoạt, rồi lắc đầu với vẻ thực tâm chua chát, bác lẩm bẩm:

- Ôi chao, quân lương đảo! Ôi chao, đồ mất dạy!

Trong bóng tối chập choạng, những căn buồng tưởng chừng như vô tận. Người ta thấy ghê rợn trong cái cảnh trống rỗng dơ dáy đại hình của chúng, trong cái khung trơ trụi của một tổ ấm tàn hoang của người khác, - một tổ ấm đã bao năm sống với con người riêng của mình, với một cuộc sống bí hiểm, không sao hiểu nổi đối với tất cả mọi người thuộc dòng họ Rôxtôptxep. Bác Rôxtôptxep quay gót, lưng gù xuống, mặt nhăn nhó, bước ra bậc thềm, và nóng lòng xem mau cho hết mọi cái giờ đây đã là của riêng mình, bác đi ra vườn để xem sắc thái của những cây táo, bởi lẽ năm nay bác đặt rất nhiều hy vọng vào khu vườn. Nhưng dưới ánh trắng dịu hồng, thậm chí cả cặp mắt tinh tường của bác Rôxtôptxep cũng không sao phân biệt nổi màu trắng hồng phơn phớt của những cành trơ trụi với những chồi non. Bác dừng chân đứng lại mũi hít hít để hồng nhận biết bằng khứu giác. Có mùi hoa đấy, nhưng chỉ phảng phất. Nồng nặc hơn vẫn là mùi đất ẩm lạnh và mùi cỏ non tươi. Trong cảnh âm u tịch mịch, tiếng hót

chịu chút của một con họa mi đang thử giọng ở phía dưới nghe lại càng rành rọt và thậm trọng lan đi khắp khu vườn. Đêm hôm đó dịu dàng, sáng sủa, đầy ánh trăng nhưng có chút sương mù. Khu vườn hiện ra khá xa, - và khi ngoảnh lại nhìn khoảng rừng thông, bác Rôxtôptxep bỗng cảm thấy tóc mình rợn lên trong chiếc mũ lưỡi trai: trong khu rừng nhá nhem gồm những cây thông cao và um tùm lưng lững hiện ra năm con ma dài ngoẵng màu xanh nhạt. Hoảng quá phát khùng, bác tiến lại gần... Nhưng chỉ một phút sau bác đã lùi bước và lẩm bẩm với giọng càng cay đắng hơn:

- Ôi chao, quân lương đảo! Ôi chao, đồ mất dạy!

- Tôi tỉnh ngủ trong nhà lớn kia đấy, - bước ra giữa sân, bác cố ý nói to cho vang khắp cả sân. - Nhưng thôi, kệ xác chúng nó. Ở đây ghê tởm, bậy bạ quá chừng. Cái lão ngu ngốc ấy lột sạch trơn lại treo cổ tuốt cả lũ chó... Ta vào trong nhà gỗ vậy, dù là cái chuyện ấy chẳng quý phái gì.

- Chẳng thiệt gì lắm cả đâu ạ, - người quản lý bước lại gần, giọng oang oang, vui vẻ đáp. - Cái gì chứ đàn chó thì ta gây lại được thôi... - Thừa ông Grigôri Kixkentinuts, xin chúc mừng ông có nhà mới! - người quản lý nói, ngả mũ lưỡi trai xuống.

-Ồ, thôi đừng, thôi đừng! - bác Rôxtôptxep giả bộ bực mình, đáp. - Ta đi ngủ thôi...

Họ đi xuống bếp, trải dài hai bóng đen lên mặt cỏ ẩm sương. Ở đây, ngồi trên ghế dài dưới ánh trăng, họ ăn lót lòng bánh mì trắng với xúc xích, thỉnh

thoảng chuyện trò với nhau, rồi nằm châu đầu vào nhau trên chiếc ghế dài cạnh cửa sổ, gồi đầu lên những chiếc áo dạ chùng đã gấp lại mà ngủ. Họ sẽ phải dậy sớm hơn để đón đoàn xe ngựa thồ từ tỉnh về mà bắt tay dọn dẹp cơ ngơi.

Nhưng do nóng ruột, bác Rôxtôptxep tưởng chừng như đêm dài vô tận. Bác luôn tỉnh giấc, nao nao nhìn vào ánh trắng màu hồng cứ chiếu mãi vào đôi ủng của bác. Và mỗi khi thức giấc bác lại rùng mình: trước mắt bác luôn sừng sững hiện ra cánh rừng thông xanh đen, ở đó, trong bóng tối trập trùng, có những con chó treo lủng lẳng. Bác luôn trở mình và bực tức nhếch mép tự chê cười mình chưa chi đã vội mất tinh thần.

Capri, ngày 1 tháng 2 năm 1913.

HÀ NGỌC dịch

CỎ GẦY

Cỏ gầy thì bay khỏi bãi

(PHƯƠNG NGÔN)

I

Bác Averki nằm liệt giường sau khi đã được ăn mặn vào đúng ngày lễ thánh Piôt.

Các tay thợ trẻ đã tắm rửa bằng xà phòng, chải đầu, đi ủng, mặc sơ mi bằng vải hoa mới. Còn bác Averki thì cảm thấy trong mình yếu nhược và đứng dưng, do đó trước ngày lễ bác cũng chẳng bước ra đến ngoài sân, chẳng thay áo sơ mi nữa; còn quần áo mặc ngoài bác chỉ có nhất bộ, cho cả ngày lễ tết cũng như ngày dưng. Các tay thợ trẻ thả sức ăn và suốt bữa ăn cứ cười lên hô hô, nói những chuyện mà cô làm bếp phải giả bộ phần nộ quay mặt đi, thậm chí có lúc phải bỏ chiếc thìa đang ăn dở, và bỏ cả bàn ăn mà đi ra. Còn bác Averki thì cứ lặng lẽ nhai.

Bác đã ở vào cái thời mà những người nông dân

tốt bụng, hiền lành, sau khi đã làm lụng nhiều (chính bác cũng đã làm lụng như thế, cứ cố nông suốt tới ba chục năm) đã bắt đầu nặng tai, ít nói, và ai bảo sao cũng bào hao làm vậy, mặc dù trong bụng lại nghĩ khác, có ý kiến riêng của mình. Bác đã ở vào cái tuổi của người nông dân mà người ta không sao xác định ngay được. Người bác to cao và cục mịch: rất khảng khiu, tay dài, khung xương nói chung to, nhưng đôi vai thì lại hẹp, vì chúng xuôi xuống và trông bề ngoài có vẻ yếu ớt. Và cái vẻ cục mịch nơi đồng ruộng ấy, cùng với đôi giầy bện và chiếc áo lông cộc mà bác thường xuyên khoác trên mình, lại được kết hợp một cách kỳ dị với cái vẻ đáng mến của bác: đầu bác không to, đã bắt đầu hói ở đằng trán, mó tóc dài nhưng thưa, bộ mặt bác phờ phạc, mũi thanh, xương xương, đôi mắt xanh lơ, uơn uớt, bộ râu đang ngả bạc và nhỏ nhắn của bác không che nổi chiếc quai hàm gầy guộc.

Tất cả những gì người ta chế nhạo trong bữa ăn, bác đều thấy là không cần thiết, không có gì đáng buồn cười cả. Nhưng nét mặt bác không hề tỏ ra khó chịu. Bác ăn từ tốn, luôn đặt thìa xuống; từ nhỏ bác đã quen coi việc ăn uống như một lễ cầu nguyện, bởi lẽ cả đời bác bữa ăn được coi như đỉnh cao nhất của một ngày lao động và nó thường đến với bác giữa những mối lo âu bất tận cho ngày mai, mặc dù suốt đời bác vẫn nói một câu quen thuộc:

- Trời sinh voi, trời sinh cỏ...

Những ý nghĩ của bác rồi rấm. Dưới làn da mỏng

mà xám, đôi lông quăn của bác đã hồng hào lên. Bụng bác chẳng muốn ăn. Nhưng bác vẫn ăn một cách chăm chú, bởi vì đã lễ tết là phải ăn uống, và bởi vì theo bác nghĩ thì ăn uống có thể giúp ích cho bác, và còn bởi lẽ nữa là nếu không ăn thì cũng tiếc: bác đã ốm mất rồi, hẳn là bác phải rời khỏi nơi đây, về nhà thì bánh mì có khi cũng sẽ chẳng có, nói gì đến món ăn ngọt.

Người ta mang đến bàn ăn một chiếc đĩa gỗ đựng món thịt cừu nhiều mỡ và nấu rất mặn. Bác Averki sực nhớ lại là hồi nào đấy bác đã từng đi ở cho người ta trong thành phố vào mùa đông. Suy nghĩ một lát, bác thò những ngón tay mảnh khảnh của mình thận trọng nhón lấy một miếng và cười khẩy, mặt tái đi.

- Mình thích ăn mù tạc mà, chẳng biết lấy ở đâu?
- bác rụt rè nói, chẳng nhìn vào ai.

Ăn xong thịt cừu, bác cảm thấy khó chịu; nhưng bác vẫn ráng rồn ngồi cho tới cuối bữa. Đến tận lúc mà những người thợ trẻ, - sau khi đã nốc cạn sạch bát sữa màu xanh lơ to ketchup và nấc lên với vẻ thỏa mãn, - bắt đầu đứng dậy, châm thuốc hút, khiến mùi thức ăn thức uống và mùi bánh mì tinh bột vừa nướng xong pha lẫn với mùi thuốc lá vườn, thì bác Averki mới thận trọng đội cái mũ to tướng của mình lên đầu, - dưới đáy cái mũ bằng sợi gai ấy bao giờ cũng có một mũi kim có quấn chỉ, - đoạn bác bước ra ngưỡng cửa buồng ngoài, đứng một lát giữa bầy chó đói đang hau háu nhìn thẳng

vào mặt bác vì chúng biết chắc chắn rằng bác đang buồn nôn. Thời tiết đang xấu đi. Trời tối mịt, hết như lúc chiều tà của ngày thường; một cơn mưa nhỏ rơi lộp độp trên một tờ báo lẫn lóc ngoài bậc thềm của ngôi nhà chủ quý tộc: những con gà mái tây, đuôi ướt lướt thướt, đậu lên bờ giậu đổ nát, còn những chú gà con, tuy bị những con gà mái tây bực tức mổ tới tấp, vẫn cứ leo lên, chui vào nắp dưới cánh chúng... Những món ăn ngọt! Bác Averki hiểu giá trị của chúng. Những nỗi gian lao cuối cùng trước khi chết đã đến với bác, nhưng dù sao bác vẫn cố không để mất những món ăn ngọt ấy khi bác lê bước tới căn nhà gỗ này.

II

Bác quay trở lại, người tái đi, chân run lên, và bác xin cô làm bếp cho bác được nằm lên bệ lò.

Cô ta đứng dưng hỏi:

- Lại ốm rồi hả?

- Tôi đã phục vụ ba chục năm trời, - cũng hòa theo giọng ấy, bác vừa đáp lại, vừa leo lên tấm phản, đặt đôi giày bên vào chiếc bếp than nhỏ, rồi len vào khoảng trống chật hẹp, nóng ẩm giữa lò bếp với trần nhà, - tôi đã phục vụ ba chục năm trời với lương tâm trong sạch, nhưng đến nay thì hết rồi, yếu rồi... Chẳng đóng móng sắt nổi cho một con rận nữa, - bác

nói đùa. - Mòn gì rồi, bắt đầu thở chẳng ra hơi, - bác nói với giọng càng chắc chắn hơn, thậm chí với vẻ hài lòng nữa, rồi nằm xuống.

Và vừa đặt mình xuống xong, sau khi đã gói đầu để nguyên cả mũ cho êm lên một bó dây bện đã nát, bác lập tức lim dim ngủ và nghe thấy cả hơi thở sâu và dứt đoạn đều đều của mình, cảm thấy hơi thở ấy nong nóng ở trên môi. Bác đã dinh ninh rằng mình sẽ không ốm liệt giường liệt chiếu, rằng mình là một "con gà trống nuôi đẻ". Từ lâu bác đã cố gắng để lẩn lướt tật bệnh. Những con chó ốm thường bỏ nhà, ra bờ ruộng, bìa rừng, tìm một loại cỏ mảnh mai nào đó mà chỉ mình chúng biết, để mà ăn và bí mật tự tìm cách chữa chạy cho mình. Tách ra khỏi đám người ăn kẻ ở trong nhà, bác Averki cũng tìm tòi, cũng bí mật mua nào rượu vodka, nào nước xôda... Giờ đây bác đã không còn hơi sức đâu để cố gắng lướt qua tật bệnh được nữa. Song, dù sao bác vẫn cứ phải suy nghĩ: chỗ làm việc ra sao đây, có nên về hay không? Nếu mau mau chóng chóng mà chết, thì dĩ nhiên chẳng có gì phải suy nghĩ nữa rồi. Thế nhưng, ngộ nhỡ chưa chết ngay thì sao?

Đám thợ trẻ hút thuốc và cười rộ. Trong khi để tai nghe và suy nghĩ, bác bắt đầu nằm mơ. Nhưng những giấc mơ của bác toàn gồm những ký ức u buồn và tẻ ngán. Này kia hình như bác ra khỏi căn nhà gỗ - bác phải đi ngựa ra kho chứa lúa để lấy bồi lúa... Vậy mà lại có một người hành khất bước vào sân và đứng dừng lại khi thấy đàn chó xô ra, đầu người đó

quấn chiếc khăn san dần bà, tay trái cầm làn, tay phải chống một cây gậy dài, đôi chân gầy guộc dạn đôi giày bện rách nát... "Nếu trời cho ta được bình phục, thì ta sẽ đi Kiep, đi Dadônxxk, đi Optina, - bác Averki nghĩ vậy trong lúc mơ màng. - Đây là một công việc chân chính, thanh tịnh, nhẹ nhàng, nếu không làm được thì sẽ chẳng hiểu ta sống trên đời để làm gì...".

Nhưng rồi đám thợ trẻ lại nhất loạt cười ầm ĩ cả lên, họ đã phun khói thuốc lá mù mịt khắp gian nhà. Bác Averki bừng tỉnh. Cửa xích mở, có ai bước vào.

- Lại no bụng đói con mắt rồi! - cô làm bếp không nhìn vào người mới vào, vừa lau bàn vừa nói vậy. - Lại vác mặt đến... Bố già ơi, bố không còn biết xấu hổ là gì nữa hay sao? - cô ta ngoái lại hỏi. - Bố còn đến làm gì nữa nào! Chưa chán ư?

Nhưng, bố già, - người canh vườn cho một thị dân, một "ông già thích nhảy nhót", như bác ta thường tự gọi đùa mình, một người lúc nào cũng say mèm, ăn mặc rách rưới, lúc nào cũng khiến bác Averki phải khổ sở về cái tính lúi xùi, cái thói ba hoa, tóm lại là về tất cả cái kiểu sống phóng túng, không phải theo lối nông dân của mình, - bố già ấy chẳng chú ý gì đến cô làm bếp cả.

- Các anh ơi, các anh xét xem: có lẽ nào như vậy không cơ chứ? - bác ta nói lải nhải với vẻ tuyệt vọng thật sự, dang hai tay trước mặt những tay thợ trẻ. - Có một mình mà trông coi cả khu vườn bằng này! Dù ông ấy có cho đến sáu rúp lão cũng chả lấy đâu!

Hôm nay mà ông ấy có đến thì lão cũng bảo thẳng ông ấy rằng: làm cho ông như gông đeo cổ, tôi không làm, tôi bỏ tôi đi! Xin đủ! Đấy, cây chưa nhú quả, lũ trẻ con đã bắt đầu nhòm ngó rồi, đã rung sạch trụ hai cây táo rồi, lão làm gì được? Ông ấy bảo: cốt yếu nhất là anh giữ mấy cây lê... Cơ mà lão có một mình thì làm gì nổi? Ở trên bờ đất, chúng cũng vặt sạch cả anh đào rồi đấy, - thôi thì kệ thầy chúng! Lão còn đang ồm đây.

- Ồm nhưng bố còn làm được ổi việc! - cô nhà bếp nói.

- Nói sao dễ! - ông già đáp, ngồi lên phản. - Còn cô, cô hãy im miệng đi một chút. Lão còn có bà già ở nhà kia kia, bà ấy đáng tuổi mẹ cô, mà có dễ đến nửa năm nay lão chưa trông thấy mặt... ờ, quả tình là cả đời cũng chả trông thấy mặt nữa kia, thế thì chả hiểu mình lấy vợ làm gì...

"Ông này cũng khổ chẳng kém gì mình". - bác Averki nghĩ bụng, nhắm mắt lại và đã không còn có ác cảm với ông già ấy như trước nữa.

- Mà đối với lão có lẽ bà ấy cũng không phải là người dung nước lã - ông già nọ nói tiếp với giọng cay đắng thật sự. - Hóa cho nên lão mới nói với các anh rằng: lão có thể làm được gì? Bây giờ lão bỏ đi đến đây, nhưng trong túp lều tranh của lão còn có một chiếc áo dạ dùng để làm ăn, đáng giá có đến bảy rúp! Nhưng làm thế nào được? Rồi người ta sẽ lấy đi mất do có lòng tốt đấy thôi! Còn các quý ông thì lão cho phép hái anh đào đấy: các vị có thể hái! Các quý

ông ấy có chẳng thì cũng chỉ ăn hết vài ba hột, mà đây lại là người anh em nông dân của chúng ta... Lão nói thế có đúng không thế nhỉ - ông già lại nổi sôi, hét lên. - Cả anh nữa, anh trưởng thôn ạ, anh thì bao giờ lão cũng cho phép bởi vì ở đây có lẽ anh là người đứng đầu, đứng trên mọi người! Duy có một việc anh làm lão bực mình là anh không cho lão một tấm ván để làm giường nằm. Cám ơn, nếu là cậu con nhà quý tộc giúp đỡ thì cũng được, gần đây lão có nhảy múa chút ít cho cậu ta xem, thế là cũng được ngay nửa chai...

Bác Averki lại mơ mơ màng màng... Trời đã về chiều, bác theo sau một chiếc xe bò đi trên cánh đồng. Lát phát mưa. Ở trại nuôi gia súc của một nông dân giàu có trên thảo nguyên, cánh cổng mở toang: một con ngỗng đục mắt ngỗng cái đang đi lang thang khắp sân kêu quang quác lên... "Người giàu ở đâu cũng sung sướng!" - một cụ già ở đâu phía dưới thốt lên với giọng giận dữ và đau đớn. Bác Averki gật gù chiếc mũ, tỏ vẻ tán thành, nhưng trong bụng lại nghĩ: "Người giàu như con bò mộng có sừng, cổng hẹp là chui chẳng lọt..." Rồi bác lại bình tĩnh, cảm thấy mình đang nói mê. "Phải rồi, Chúa không ưa những ý nghĩ quá cao siêu đâu... Phải rồi, thương hại thay cái ông già ấy... Thế nhưng cái cảnh khói bay mù mịt với lại những câu chuyện tầm phào, lạ người, lạ bếp này - chao ơi là buồn, là thiếu ấm cúng! Cáo chết ba năm còn quay đầu về núi nữa là... Không, hết rồi, đã đến lúc phải về nhà thôi!"

III

Bác tỉnh dậy vào lúc sắp tối. Trong căn nhà gỗ chẳng thấy các tay thợ trẻ, cũng chẳng thấy cô làm bếp đâu nữa. Chỉ thấy bên cạnh cửa sổ có con bé ngắn ngủi, thường đi lang thang xin ăn ở các nhà quý tộc và nhà nông dân, tên gọi Anhiuta đang ngồi trên ghế dài. Nó người đậm đà, tóc cắt ngắn. Nó đang nhìn ra cửa sổ, - cái đầu của nó từ phía sau trông giống như một cái chĩnh lộn ngược, - và nó đang khóc: thằng bé con cô làm bếp không cho nó nằm ngủ, có cái ghế dài cứ cười làm ngựa nhong nhong suốt.

- Thế mà ở ngoài kia lũ gà tây lại hành hạ tử tình tử tội, - tưởng là bác Averki ngủ, nó vừa khóc vừa kể lể, than thân trách phận một mình. - Ra nằm nghỉ ở bờ rào thì mưa, lũ gà tây lại rửa tróc cả da đầu, vào đây thì lại vớ phải cái thằng quỷ con này... Thế đấy Anna Matvepna ạ! Thế đấy, mẹ ạ! Miếng ăn của người chẳng ngon ngọt gì đâu! Thế mà đã từng giàu có đấy, đã từng nổi tiếng là cô tiểu thư thông minh đấy!

Đó là nó nhớ lại cái thuở vàng son, khi trong tay nó có tới cả ba mươi sáu rúp. Nó đã dành dụm và giữ gìn số tiền ấy khá lâu, như giữ mả tổ của mình vậy. Cái lão nông dân mà nó ở nhờ đã hỏi săn hỏi đón, lạy lục van lơn để vay của nó, thế sống thế chết là sẽ trả

lại cho nó, - và dĩ nhiên là lão đã không trả, thậm chí còn nói thẳng rằng: tao bảo cho mà biết nhé, tao không trả đâu và mày đừng có hòng...

Bác Averki mở mắt ra. Bác thấy có dễ chịu hơn trước, đầu đã không choáng váng nữa. Nghe con bé đỡ người nói mà bác bật cười. Chao ôi, lạy Chúa, con người ta lo âu, khổ sở chỉ vì những nông nỗi như thế thôi đấy! Cái ông già đã hoang mang than phiền với đám thợ trẻ kia... Cái con Anhiuta đang khóc nức lên vì tức giận thằng bé con này...

- Lẽ ra mày phải beo tai nó mới được, - bác khẽ cười, nói.

- Bố dậy rồi đấy ă? - con bé đỡ người hỏi. Rồi nó bỗng khóc nức nở lên một cách quá đáng, nghe rất khó chịu. - Cháu làm sao mà trị nổi nó ă?

Khi nó đã bắt đầu nguôi nguôi, bác Averki triu mến khe khẽ gọi nó.

- Bố cần gì ă? - nó đáp với vẻ dằn dặt.

- Cháu đi đến chỗ bác gái cho bác, - bác Averki nói. - Cháu bảo bác ấy đến đón bác. Bác e rằng ngay chính bác gái cũng chẳng có gì ăn, nhưng biết làm thế nào được? Tìm cách sống lần hồi vậy. Rõ ràng là bác như con dao dùng mãi đã cùn rồi. Dù sao về nhà cũng tốt hơn, phải lẽ hơn...

- Người dùng nước lã đâu có thể thay thế người thân được! - con bé đỡ người đáp với giọng chua chát. - Con sẽ đi, bố đừng ngại... Con bảo bố chuyện này, bố không giận con chứ?

- Không...

- Có khi bố lại phát hoảng lên ấy chứ?

- Mà chuyện gì vậy? - bác hỏi.

- Chả là... Con chỉ mong điều tốt lành cho bố thôi.

Mới đây con có đến, thấy người ta bảo là bố ốm. Thế là con mới đến ông Pantiusa để xem bói cho bố...

- Ồ thì sao nào?

- Bố ạ, quẻ của bố xấu đấy... Ông ấy lấy đất bỏ vào chảo, phủ phục dưới các tượng thánh rồi hát lên... Rồi ông ấy lại bốc đất trong chảo, tự rắc lên mặt... Cứ bốc rồi rắc hoài...

- Thế cháu có khai rõ họ của bác ra không? - bác Averki hỏi.

- Cháu lại khai rõ ra mới khổ chứ...

Bác Averki nín lặng.

- Dù sao cháu cũng cứ đến chỗ bác gái cho bác, - bác bảo.

- Về việc ấy thì bác chẳng có gì phải phiền lòng. Cháu sẽ đến.

Moi trong túi ăn xin của mình ra một chiếc bánh mì hình số tám, con bé đỡ người bắt đầu ăn, vừa ăn vừa nhặt những mẩu vụn rơi xuống lòng.

- Bố có ăn bánh không? - Nó hỏi.

- Không, cháu ạ, cảm ơn, chẳng hiểu sao bác chẳng muốn ăn uống gì, - bác Averki đáp.

Bác thở dài, trở mình. Con bé đỡ người mở cửa sổ ra, khí tươi mát của buổi chiều bắt đầu lùa vào. Ở lưng trời trong vắt, một vầng trăng khuyết mảnh như sợi chỉ, lung linh bên trên khoảng đồng bằng thoai thoải đen ngòm bên kia sông. Ở một thôn xóm

xa xa, các cô gái đang véo von, ngân dài giọng hát một bài ca tán tụng cổ xưa: "Chiều chiều, dưới ánh đóm sáng...". Điều đó đã xảy ra bao giờ và với ai ấy nhỉ? Đó là một cảnh tranh tối tranh sáng dịu dàng trong nội cỏ, trên một vũng nước hồ nông choèn; một làn nước ấm ửng hồng lúc bình minh, gợn sóng lăn tăn và dềnh lên những vòng tròn mỗi lúc một xa, trên bờ có một chiếc xe chở nước của ai đó, trong ánh chạng vạng thấy loáng thoáng thân hình một cô gái, đi chân không - và đôi tay ngượng nghịu của cô ta kéo mãi mới lôi lên được một gầu nước đầy... Một chàng thanh niên cưỡi ngựa thủng thẳng đi ngang qua đó trong cảnh tối tăm, trong khí tươi mát tỏa ra ngọt ngào trên đồng nội...

- Cô không nhận ra tôi ư? - chàng giả bộ hồ hững hờ.

- Làm như người ta cần nhận ra anh lắm đấy! - một giọng ngực, dịu dàng, tuy lạnh lót nhưng không được tự tin cho lắm, đã cất lên để đáp lại, - và trái với ý muốn của người nói, trong giọng nói lại thấy có ý triu mến, có niềm vui về cuộc gặp gỡ tình cờ.

- Có cần giúp không?

- Làm như người ta cần anh giúp đỡ lắm ấy...

Chàng cố nén mình và thấy rằng nếu cứ ép người ta phải nói chuyện với mình sẽ là điều quá sỗ sàng, chàng bèn lặng lẽ đi lên núi, đi lên một cánh đồng tăm tối dầm sương để mà ngược nhìn những ngôi sao, mà lắng nghe tiếng hót của những con cun cút, rồi chàng suy nghĩ thiết thực:

"Cô ta xinh, mà lại nghèo. Ủi chà, lại tự mình đi chở nước về...".

Chuyện ấy xảy ra đã lâu, từ khi cuộc đời mới bắt đầu... Phải chăng đó chính là cái người mà ngày mai sẽ đến để đưa bác về chết ở nhà? Chính là cô ấy đấy, cô ấy đấy...

IV

Ngày hôm sau bác gái đã đến. Bằng đôi bàn tay đen đui của mình, bác đã triu mển, chăm chút thu dọn đồ lễ của bác trai: chiếc áo dạ mặc ngoài, đôi xà cạp, chiếc thắt lưng đã bạc màu, - rồi đưa bác trai về nhà với khuôn mặt tái tái và một nụ cười yếu ớt.

- Đi thôi, đi thôi, bố nó ạ. Làm lụng thế là đủ rồi. Tôi đã đợi bố nó cả đời người. Vậy mà nay bố nó như thế này đây, chẳng ra hình thù gì cả. Mòn gỉ rồi. Thế nhưng chiếc nhẫn thế dù cũ vẫn cứ đẹp...

Và bác Averki đã luôn mừng vui trong thời gian đầu: thế là bác đã về nhà mình, đã phục vụ mãn hạn rồi! Bác không nằm trong nhà gỗ; từ lâu bác đã có nguyện vọng được nằm tự do tự tại, yên tĩnh, ở nơi không khí trong lành ngoài đồng áng. Bác ra nằm ở cái sân phơi lúa nho nhỏ của nhà mình, ở cái lán chứa lúa cũ kỹ rau lê mọc um tùm bốn chung quanh, ở cái xe ngựa tải đã mất hết bánh xe - và qua cánh cổng mở toang, ngày đêm làn gió ẩm từ

những vườn rau và những sân phơi thối về mơn man trên mình bác, những cơn mưa to cũng hắt vào theo chiều gió thổi.

Mọi việc bác đều bàn bạc với bác gái, cả hai bác cùng tiếc cho cô con gái do tình cảnh bần bách đã phải sớm gả đi quê xa cho một hộ khá giả nhưng lại có bệnh phong tình, và hai bác quyết định bán tin cho cô ấy biết để liệu đường về thăm bố.

Thế nhưng cô con gái đã chẳng về, hẳn là do thời tiết chưa cho phép.

Người ta khốn khổ vì thời tiết. Từ sáng mặt trời chói chang, hầm hập trên những cánh đồng bốc khói, trên những con đường lầy lội, trên những vạt lúa no nước nằm rạp trên mặt đất. Từ sáng thình thoảng bác Averki lại rời bỏ chiếc xe ngựa của mình, lê bước về nhà để hứa hẹn với bác gái rằng thời tiết sẽ tốt lên. Nhưng cứ tới trưa là mây đen lại kéo đến và hình như dưới ánh mặt trời chúng lại càng sẫm hơn, các lớp mây đều đã thay đổi những màu sắc và hình thù khác thường của chúng, gió lạnh nổi lên, rồi làn mưa lấp lánh màu ngũ sắc xiên xiên chạy trên đồng ruộng.

- Sẽ có nhiều tai họa lớn đây, - bà láng giềng trước có đi làm gia nhân, luôn miệng bảo vậy. - Trước kia, cả mây đen cũng khác, toàn như thỏ rừng với lại bụi cây, thế mà bây giờ lại rất là những đám xù xì...

Song, bác Averki đi ủng dạ, mặc áo lông cộc ngồi cạnh nhà, chỉ nhếch mép mỉm cười: giờ đây bác còn bụng dạ nào nghĩ đến những tai họa trong tương lai!

Bà con xóm giềng đi cày vỡ đến trưa về ai nấy đều ướt át, mỗi một và đều than phiền rằng áo dạ mặc ngoài đều hôi rình, và mọi người đều muốn tự cam đoan rằng: nhờ ơn Chúa, biết đâu trời sẽ lại chẳng quang đãng ra. Nhưng, sau bữa trưa, mây đen lại kéo đến tối sầm, giông tố lại cuốn theo một trận mưa to kèm theo mưa đá. Xế chiều trời tạnh dần, mặt trời ló ra, song ở đằng đông lẩn nhẩn những túi non màu hồng còn lưng trời phía tây giăng đầy những đám mây bạc, lặn tắt hết như lông tơ của vịt, trông rất kỳ dị.

Đêm đêm thường có sương mù. Những ngôi sao có lông măng xanh nhạt, giống như những con đom đóm to, ghé qua cổng mà nhìn vào bác Averki. Bác ít ngủ, đêm đến lại thấy buồn chán. Song, sức nhỏ hiện nay mình đã được thoát khỏi mọi nỗi lo âu và đau khổ như thế này, bác bèn hướng lên trời làm dấu thánh giá để tạ ơn.

Bác gầy và yếu đi không phải từng ngày mà là từng giờ. Nhưng cảm thấy cái chết cứ lẩn dần mà không gây đau đớn, ê chề gì, bác thường bảo bác gái:

- Không sao, bu nó đừng có sợ, tôi sẽ chết nhẹ nhàng thôi.

Thế nhưng bà lão vẫn thâm hy vọng, không tin vào lời nói của bác trai. Điều bác gái sợ hơn cả, lại là thái độ dửng dưng của bác trai. Song ngay cả thái độ dửng dưng mà lâu nay bác gái vẫn cố giải thích là sự mềm yếu của bác trai, thái độ dửng dưng ấy cuối cùng cũng đã vượt qua giới hạn của nó.

Vào cuối tháng bảy, khi mọi người bắt đầu gặt hái qua quýt trên đồng ruộng và khi trời đã ngớt mưa, bác gái đã mất con bé con mà bác đã phải chịu đựng biết bao nhiêu thiếu thốn mới ky cóp được, một con bé con nó luôn theo gót bác như một con chó. Bà lão đã chạy đi lòng khắp mọi cánh đồng, mọi làng mạc lân cận. Do buồn rầu và lo lắng, gặp ai bác cũng đều hỏi xem họ có thấy con bé con màu vàng không, nhưng sau đó bác cũng vẫn chẳng chịu thua, vẫn nghĩ ra thêm mọi địa điểm mới để đến tìm. Thế rồi bỗng nhiên, vào một buổi chiều tối tăm mù mịt, lũ chó tha về làng một cái đầu màu vàng có hai sừng bé tí. Người ta đoạt lấy của lũ chó mà mang đến tận thêm nhà cho bà lão. Bà lão rồi ruột rồi gan, khóc nức lên như một đứa trẻ con. Và mọi người đứng quanh thêm hồi lâu, chẳng biết nói gì, làm gì. Cái đầu nhú sừng, đọng máu dễ sợ ấy đã gây cho mọi người một ấn tượng nặng nề. Và duy chỉ có bác Averki, - nghe tiếng lao xao bác đã từ lán chứa lúa lê bước về nhà, - là khê phẩy tay.

- Có gì đâu mà! - bác nói. - Từ thuở bé mình đã không ky cóp thì bây giờ cũng chẳng can gì...

Mọi người ngạc nhiên đưa mắt nhìn bác và lại càng đồng thanh làm âm ỉ cả lên, bảo rằng không thể dễ như thế được. Bác chặn cừu cho biết là lũ chó moi được cái đầu ấy ở trong rừng. Mặc dù trời đã sẩm tối người ta vẫn quyết định vào ngay trong rừng. Bác hàng xóm vội vã gióng ngựa vào xe, đặt bà lão khóc sụt sùi ấy ngồi lên, tự mình cũng nhảy lên xe rồi

phóng đi vang động cả đường làng. Theo sau xe là những người cưỡi ngựa. Ngoài đồng tối tăm, trong rừng tối tăm, tĩnh mịch, và đã nghe có mùi lá rụng. Một bên rừng lờ mờ sáng do có ánh đỏ đỏ của mặt trời đang lên. Họ đi tới một chòi canh trong khoảng rừng thưa, cạnh một cây sồi chòm đã héo khô. Người coi rừng đang ăn chiều, thấy đoàn người kéo đến thì đâm hoảng. Họ đòi anh ta phải đưa đèn ló ra, rồi đi họ theo bác chân cừu đến chỗ lữ chó đã moi lên, tìm ra được bộ lông chôn dưới đất, họ la hét om xòm và điệu anh coi rừng về làng, đưa đến nhà bác Averki.

Bác Averki chưa ngủ, vẫn còn ngồi trong căn nhà gỗ tối tăm. Khi người ta đã khơi to đèn lên thì căn nhà đã đầy chật người, rồi khi người ta dẫn ông trưởng thôn có bộ râu màu rơm vào và thi nhau la ó, khép tội anh canh rừng, thì đột nhiên bác Averki lại bênh vực cho anh ta. Để biện hộ cho mình, anh canh rừng chỉ một mực nói:

- Ăn cắp thì tôi chả chịu đâu. Bố tôi không ăn cắp, mà tôi thì cũng chả chịu ăn cắp đâu. Nếu như tôi ăn cắp, thì tôi đã chả có gì, trời đã chả cho, thế nhưng tôi lại có cơ ngơi kia.

Song do cái thái độ thờ ơ đối với mọi việc trần tục, bác Averki đã hoàn toàn tin lời anh ta, - thậm chí lại còn cất cao giọng, nặng nề đòi thả anh ta ra chứ không cho nhốt anh ta vào phòng lạnh. Bà con xóm giềng ngạc nhiên và chưng hửng, rốt cuộc đành phải chịu bác. Cả bác gái cũng đành phải khuất phục trước giọng nói và bộ mặt rừng rợn của bác.

Kể từ đêm hôm đó bác gái đã không còn hy vọng gì là chồng mình sẽ bình phục trở lại.

V

Cô con gái đã cùng với chồng hứa về thăm và đã về tới nhà vào ngày hội thánh, vào ngày Chúa cứu thế thứ hai⁽¹⁾. Đã quyết định là anh chàng rể sẽ chở bác Averki đến nhà thương cho bác sĩ xem. Bác Averki bằng lòng và đã tươi tỉnh lên được vài ba ngày.

Trong vài ba ngày đó, những tình người bình thường đã trở lại với bác. Được bác gái giúp giập, ngay từ sáng sớm bác đã rửa ráy, chải đầu để đón khách.

Cứ vào buổi trưa là bác lại nằm và lắng nghe xem họ có đến không. Đã có tiếng chân bước và người nói ở đằng xa. Ở khung cổng đã thấy hiện ra anh chàng rể, vợ và đứa con gái, phía sau là bà lão. Chàng rể người to cao, tóc hơi xanh xanh, lông mi trắng, mày râu nhẵn nhụi, quần áo bảnh bao, mũ lưỡi trai mới, đôi ủng mới, chiếc gilê xám mặc lên trên chiếc sơ mi mới màu vàng. Bao giờ bác Averki cũng đã cho con gái mình là một hoa khôi, thì lần này bác lại càng ngạc nhiên thấy nó vừa đẹp, khiêm nhường, lại vừa đường hoàng, với đôi hàng mi dài buông xuôi, tím xiêm cộc

⁽¹⁾ Chính giáo Nga có ba ngày lễ Chúa cứu thế, ngày lễ thứ nhất (thường gọi lễ mật), thứ hai (lễ táo), thứ ba (lễ vải), vào các ngày 1, 6, 16 tháng 8 theo lịch Nga cũ.

tay màu hoa cà, đôi tay nhỏ nhắn ngăm đen. Cô ta yếu điệu, duyên dáng, tay dắt một con bé tóc trắng trắng, mặc chiếc xiêm xinh xắn màu xanh lá cây, con bé luôn tò mò nhìn ngó những lỗ thủng trên mái lán chứa lúa, mồm mút một lõi gỗ cuốn chỉ.

Khách khứa tiến lại gần, cúi chào bác Averki, thận trọng ôm hôn bác, bế lên cho bác nhìn đứa cháu gái nó không chịu hôn bác, cứ ngoảnh mặt đi; lòng triu mến, bác Averki để ý thấy nó có mái tóc vừa trắng vừa vàng óng, những sợi tóc cứng, mượt như cỏ sau mùa hạ. Khách khứa bắt đầu nói chuyện sảng khoái, thoải mái, - chàng rể luôn tìm cách pha trò, - nhưng vẫn để mắt nhìn bác Averki và có lẽ cũng vẫn không biết nên nói gì. Bác cũng cảm thấy thế, ngượng ngịu mỉm cười và thậm chí phần chần lén, nhưng trong bụng lại thầm nghĩ, so sánh cô con gái với bà già mình hồi xưa: không, hồi xưa bà ấy nhiệt tình hơn nó kia! Con bé này nó cũng xinh và khiêm nhường như mẹ nó hồi trẻ, nhưng nó điềm tĩnh hơn, thận trọng hơn. Cô con gái khiến bác cảm động về vẻ đẹp, về hai hàng mi, về những hạt thủy tinh lóng lánh trên chiếc lược cài đầu, còn bà lão thì khiến bác cảm động vì đôi giày bện, làn da nhẽo, vẻ mệt mỏi, thái độ chân thành. Tình cảnh trái ngược ấy khiến bác bồi hồi, và trong giây lát bác lại cảm thấy sao cuộc sống ngọt ngào thế! Bà lão chẳng giả vờ giả vờ gì. Bà bước vào và đứng đó, buồn rầu nhìn bác trai như muốn nói: đấy, tôi đã dẫn con cái đến, chúng nó muốn nhìn mặt bố nó, song thân sắc bố nó xấu đi rồi, bố nó ọ, nhưng làm thế nào được. Còn

bác Averki thì quả là bác trông dễ sợ thật. Mái tóc bạc đã càng thưa đi nhiều, những sợi tóc đã mảnh đi nhiều, rụng đi, xõa xuống cổ sơ mi rộng, xuống xương quai xanh, thò ra như hàm thiếc của con ngựa. Ở hai bên thái dương đã hõm sâu của bác, thò ra hai vành tai to, trong suốt. Đôi mắt trồm lơ.

Khách khứa ăn bữa trưa trong nhà gỗ. Người ta đưa đến cho bác một bát *kvax* rưới mỡ, một mẩu bánh mì. Bác nhồm mình lên, đỡ lấy bát, cúi gục xuống cái bát, cong tấm lưng với những đốt xương sống nhấp nhô, làm dấu thánh giá, tay run run cầm thìa múc, đoạn nuốt vội xuống, e rằng mình chẳng đủ sức mà ăn. Mà đúng vậy, bác không đủ sức thật. Bác mệt, bác tức thở, phải nằm ngửa ra... Thế là cái bát vẫn nguyên như thế trên mặt đất, cạnh chiếc xe ngựa. Nước *kvax* sủi bọt lên, mỡ kéo thành màng, ruồi nhặng bầu đến vô số. Bác Averki xua chúng đi, rồi xem xét bàn tay mình, xem xét những móng tay xanh ngắt. Bác lấy làm lạ về lòng bàn tay mình; nó đã hõm xuống rồi, nhưng sao lại khô khốc và bóng lên như bôi sáp... Và nghĩ tới bệnh viện, bác mỉm cười với vẻ giễu cợt.

VI

Trước khi trời tối, đổ xuống một trận mưa rào. Từ đường phố trong làng, một lũ con gái cười rúc rích,

tốc váy che lên đầu, họp thành đàn chạy lại đứng cạnh cổng. Chẳng để ý gì đến bác Averki, chúng đứng đợi tạnh mưa, một cơn mưa mà người ta có thể thấy được qua khung cổng, trên nền một đám mây xám xịt. Lũ trẻ nói nói, cười cười ở ngoài cổng, một ai đó cứ tập kéo hoài một chiếc đàn gió đã hỏng, những lưỡi gà đã sa xuống. Chàng rể của bác Averki đang ngà ngà say, tiến lại gần cổng. Anh ta đưa đầu gối bên phải lên đỡ lấy chiếc đàn gió cỡ lớn của mình, một chiếc đàn kêu rất dịu dàng và êm tai. Anh ta vừa chơi đàn, vừa thần thờ nhìn vào một điểm. Còn đứng đối diện với anh ta, đầu hơi cúi xuống, chầm chầm nhìn anh ta là một cô vợ lính, một thiếu phụ có nước da tái, miệng tươi tắn, dễ coi, cặp mắt sáng như bạc giữa những làn mi đen. Họ gọi nhau bằng những cái nhìn, bằng những từ ngữ ở một thể "thụ động" vô cùng tận. Và dưới làn mưa thưa thớt, mọi người đều theo dõi cuộc đối thoại tình duyên không lời của họ hồi lâu. Đã sẩm tối trong các góc lán, đang sẩm tối ở ngoài cổng. Mắt nhắm nghiền, bác Averki lắng nghe. Bác cảm thấy dễ chịu...

Cảnh đường làng ở cạnh lán cứ như vậy cho tới tận đêm khuya, mọi người dần dần tản ra về. Mãi khuya bầu trời mới quang quẻ, hai ngôi sao lớn ngó vào trong lán. "Té ra là phải thế, - bác Averki ngẫm nghĩ, - té ra đối với nó, con gái mình cũng chưa xinh, nó phải kiếm đứa khác". Tiếng đàn gió đã im. Ngoài cổng có tiếng ai đó đang nói bằng một giọng run run, khản đặc, nài nỉ một điều gì. Người đàn bà đáp lại

với giọng kéo dài, có ý lảng tránh, nhưng sự chống đỡ của cô ta có vẻ yếu ớt. Rồi sau hai bóng đen trong phút chốc đã che lấp những vì sao trong khung cổng, đoạn đi ngang qua sát cạnh bác, tiến về phía đồng rơm còn sót lại ở mé trái...

"Ồi chà, không ổn rồi, - bác Averki nghĩ bụng, - Thế mà con gái mình lại yêu quý nó kia chứ...". Trong tâm hồn bác âm vang lên một bài ca âu yếm, tình tứ: "Hỡi anh yêu, vắng anh em buồn, vắng anh giường lạnh ngắt, đầu giường sương muối đọng...". Bác thiếp đi rồi lại tỉnh giấc vì có tiếng ho ran. Sau khi đã tiễn chân cô vợ lính, anh chàng rể đã mạnh bạo trở về lán, ngồi lên chiếc xe trượt tuyết, cởi quần áo, ném đôi ủng xuống đất kêu lách bịch. Anh ta xòe diêm, soi vào con gà trống ngủ đêm trên giá xẻ gỗ.

Để chứng tỏ là mình không phật lòng và không can thiệp vào công việc của người khác, bác Averki cười khẩy, nói con gà trống:

- Ai chà, kiếm được chỗ ở đằng hoàng thế kia đấy!

- Thế sao bố còn chưa ngủ? - chàng rể hỏi.

- Tôi hầu như chẳng ngủ nghề gì được hết, - bác Averki đáp.

- Vậy thì bố chết nghèo mất thôi, - chàng rể nằm xuống, thản nhiên nói.

- Cỏ gây thì bay khỏi bãi, - bác Averki nói đùa. - Mà tôi cũng cảm thấy hết rồi. Cảm thấy nó rồi đấy. Cứ đêm đến là buồn, nhất là nếu như khi có ông sao tía chớp hiện lên lúc nửa đêm. Thế mà vẫn chưa có

gì! - bác nói với vẻ tuyệt vọng. - Trong cổ họng đã thấy ong ong lên như chuông rền...

Anh chàng rể bắt đầu ngủ thiếp đi, lên tiếng ngáy nghe rầu rĩ. Và nổi u buồn, nổi mủi lòng do cô đơn đã xâm chiếm tâm hồn bác Averki. Bác còn muốn chuyện trò, còn muốn nói được câu chuyện gì cho chàng rể thấy thân thiện và vui lòng. Bác gọi anh ta:

- Ngủ đấy hả?

- Chưa, - chàng rể tỉnh giấc, đáp. - Gì thế ạ?

Rồi anh ta lâu bầu một cách nghiêm khắc:

- Đừng lục sục, không để cho người ta ngủ nữa...

Ngủ đi!

Bác Averki nín lặng. Bác muốn bảo: "Chao ôi, trên đời có tình yêu đẹp biết bao!". Bác nằm, ngẫm nghĩ và nín thở, cố làm ra vẻ mình đang ở dưới mồ. Anh chàng rể ngáy ro ro, ngủ một giấc say thường có vào lúc canh khuya. Hồi lâu còn thấy được một ráng hồng phơn phớt, mờ đục ở ngoài cổng, đằng sau những cánh đồng tầm tối. Đã hiện ra một vành trăng khuyết khuya khoắt, - hết như sự phản chiếu của một tấm gương mờ mịt, - nó bay là là rồi biến mất. Trời đã tối đi trước lúc bình minh. Con gà trống đã bắt đầu gáy vang cả lán. Trong khung cổng, bầu trời đã chuyển sang ánh bạc, một ngày mới đã bắt đầu đến cho các sinh linh.

Anh chàng rể thức dậy, ngáp lên một cách tươi tỉnh và khoẻ khoắn, khiến bác Averki đang mơ mơ màng màng lại phải tỉnh giấc. Buổi sáng đã đến

trong ánh vui tươi. Bầu trời xanh lơ với đường chân trời màu da cam cũng đã ngó vào trong cổng với dáng vui vẻ, trẻ trung. Những hạt sương lạnh lấp lánh trên ngọn cỏ. Anh chàng rể bầm môi tím mặt nong ủng vào chân rồi giậm bình bịch xuống đất.

- Cái lão quỷ thọt làm hẹp mắt rồi! - anh ta nói với giọng khàn khàn nhưng tươi tỉnh, ám chỉ ông thọt đóng ủng.

- Ủng chật mà lại vào mùa thu thì không ra sao cả, - bác Averki đáp. - Khổ sở với nó.

- Ấy là đi bít tất đấy, - anh chàng rể nói. - Nếu quần xà cạp thì lại còn không xỏ vào nổi nữa kia!

Bà lão cùng với cô con gái giúp bác Averki ăn mặc cho thật chỉnh tề. Họ vận cho bác một chiếc sơ mi vải hoa tuy đã phai màu từ lâu nhưng sạch sẽ, nhẹ nhõm, một chiếc quần chật màu xám kẻ sọc, - quà biếu của nhà chủ quý tộc, - và một đôi giày da, lại vận cho bác chiếc áo lông ngắn, một chiếc mũ to, rồi xốc nách bác ra xe ngựa tải. Đứa cháu gái chạy đuổi theo con gà trống, luôn cố gắng túm lấy đuôi nó. Con gà trống cụp đuôi lại, chạy trốn loanh quanh, khiến bác Averki phải bật cười. Bác tưởng chừng như bầu trời phía sau lán là bao la vô tận, sáng sủa và tươi vui, thấy không khí ngoài đồng ruộng là tuyệt trần. Đường sá đã khô ráo. Đó là một ngày tháng tám mát mẻ, sáng ngời, với những áng mây màu thép. Cũng chẳng buồn nghĩ tới bệnh viện, tới chuyện hồi phục sức khỏe làm gì nữa: cứ thế này cũng dễ chịu lắm rồi.

VII

Lại đã qua một tháng. Sự sống lại càng xa rời bác Averki trong cái tháng ấy. Những viên hoàn đen đen trộn với một loại bột vàng thơm phức dĩ nhiên cũng chẳng ăn thua gì, mà chỉ thiêu đốt làm đau rất thực quản của bác. Mặc dù vậy, bác vẫn uống những thứ thuốc ấy cả hai chục ngày ròng rã. Đến khi nuốt nốt viên cuối cùng và không hiểu tại sao lại đem giấu ve thuốc tròn xuống dưới gối, bác đã thở phào nhẹ nhõm, khác nào trút được món nợ cuối cùng hết sức nặng nề. Còn đối với mọi người thì bác đã thăm vĩnh biệt trong thâm tâm rồi: người ta dần dần quên bác đi, ngày càng ít đến thăm bác, mà mỗi khi đến thăm thì chỉ hoặc là nói câu chuyện thương cảm, hoặc là nói câu chuyện vui hay câu chuyện buồn, nhưng thấy đều chẳng có gì hệ trọng. Lúc nào bác cũng cảm thấy chính mình như người khách lạ đến thăm một vùng nào đó mà hồi nào đây mình đã từng sống và giờ đây thấy cuộc sống của bà con trong vùng lại càng nghèo hơn và buồn tẻ hơn xưa, hơn lúc mình còn đang ở đó.

Đã trở về nhà và đã đến thăm bác đôi ba lần là một người lính đã từng ở Cảng Artur⁽¹⁾ và ở Nhật Bản, do đã đi đánh nhau và đã bị cầm tù. Cả anh ta

⁽¹⁾ Port Arthur, tức cảng Lữ Thuận của Trung Quốc ngày nay, nơi đã diễn ra chiến sự ác liệt trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật năm 1905.

nữa cũng chẳng kể được chuyện gì hay ho dù là về chiến tranh hay về thời gian bị cầm tù. Những chuyện anh ta nói cũng rất là những chuyện mà tất cả những người đã từng đi đánh nhau ở những nơi đất khách quê người đã từng nói. Đi đánh nhau thì kinh khủng rồi, nhưng rồi sau cũng chẳng suy nghĩ gì hết cả, còn ở nơi đất khách quê người thì chuyện gì cũng chẳng có tình người: đất vô khối, nhưng chẳng có chỗ nào mà đi, rất núi; người cũng đủ loại người, đếm cũng không xuể, nhưng chẳng chuyện trò được với ai... Người lính có kể nhiều chuyện về dân bà Nhật, nhưng đồng thời lại chê trách họ là "lùn tí và không mê được".

Con Anhiuta cũng hay đến. Nói chuyện với nó bác Averki thấy dễ dàng hơn, nó ngồi dai, chẳng vội vã đi đâu cả, không giả vờ giả vịt: "Thôi, tôi đi có tí việc..." Nó thật lòng, đơn giản, mặc dù cũng khiến bác Averki tự ái ở chỗ là bây giờ nó nói chuyện với bác như với những người bằng vai phải lứa, với một thằng nhãi ngu đần, với thằng anh của nó, với một người thừa.

Đến thăm cũng có cả ông già thích nhảy nhót, bác ta mặc áo lông ngắn, đội chiếc mũ rơm của chủ quý tộc đã cũ rách, mang cả táo đến, nâng nặc đòi nhét táo xuống dưới gối cho bác Averki và tán chuyện một cách quá mức sôi nổi, nhưng thật ra trong bụng hờn hở về tình trạng say sưa liên miên của mình, còn về cuộc sống của mình, lúc thì bác ta tán tụng tăng bốc, lúc bác ta lại coi rẻ không đáng

một xu. Bác thở ra mùi rượu nồng nặc, nói thao thao bất tuyệt.

- Hừm, - bác bảo. - Tôi ở làng hết như ở nơi thiên đường vậy! Chính ở đó mà tôi mới lại sức được đôi chút, mới ra hồn người. Nếu không người ta đã trục xuất tôi đi từ năm ngoái rồi... Cơ ngơi ở ngoài đồng, vườn tược ở ngoài đồng, - kể ra cũng là một khoảnh triều đình rồi đấy chứ! Nhưng, xin Chúa tha tội, buồn lắm! Không phải như trong cái làng này của bác đâu. Ở ngoài đồng kia thì cứ bước chân ra khỏi cửa là y như trông thấy một cảnh gì đó: hoặc là lũ thanh niên đàn đúm với nhau, hoặc là người ta bắt mối với một mụ đàn bà nào đó...

Những người mải chuyện làm ăn thì chẳng còn bụng dạ đâu mà đến thăm bác Averki: họ quạt thóc mới, rồi họ lại reo vãi. Có lần cái cuộc sống thanh bình ấy đã bị xáo động bởi những hiệu còi báo động, bởi những hồi chuông giục giã gấp gấp kêu gọi cái thôn xóm khiếp sợ này đến nơi bất thành linh xảy ra tai họa: một đồng rơm ở một sân phơi xa xa ngay giữa buổi trưa nóng nực đã đột nhiên bén lửa và ngọn lửa màu da cam đã vui vẻ và vội vã cháy bùng lên. Bác Averki bao giờ cũng sợ những đám cháy nên thấy tim mình đập rộn rã. Ráng hết sức mình, bác vội vàng nhồm dậy và nhìn ra cổng hồi lâu, nhìn lên khoảng trời xanh êm ả giờ đây đang có những "con quạ". những đám khói đen thì nhau rộn rã vút lên cao. Bác háo hức lắng nghe tiếng ồn ào, âm ĩ trong thôn xóm, mà những người chạy đến các đám

cháy, chẳng hiểu tại sao, bao giờ cũng thường cố ý làm toáng lên thêm. Theo thói quen cũ, tâm trạng đó cũng đã lây lan sang bác Averki nhưng chẳng mấy chốc bác hiểu ra rằng hỏa hoạn chỉ khiến bác mừng rỡ, - mừng rỡ vì được giải phiền, vì người ta sẽ chạy đến chỗ bác mà kéo bác ra khỏi lán; bác cũng hiểu ra rằng đám cháy hiện ở nơi xa, sẽ chẳng có gì xảy tới cả, - và rồi bác lại cảm thấy dửng dưng, bác lại nằm xuống.

Một hôm có ông thầy tu mặc áo thụng chèn tay bằng vải bố đến thăm bác. Ông ta ngồi một lát, mới đầu nói đùa vui về bệnh tật của bác, sau đó bảo:

- Phải rồi... "Dầu sao cát bụi cũng trở về với đất, dầu sao linh hồn cũng trở về với Chúa...". Điều đó không sao tránh khỏi được đâu, người anh em ạ!

Bác Averki rất thích những lời đó của ông ta, vội vàng đáp:

- Lạy Chúa tha tội! Làm sao tránh khỏi được điều ấy!

Phút chốc bác thấy khiếp sợ những câu nói trong nhà thờ mà ông thầy tu vừa thốt ra, nhưng suy nghĩ một lát, bác nhắc lại với giọng quả quyết hơn:

- Không, lạy Chúa, Chúa tha tội, không tránh được đâu ạ! Sẽ có lúc tôi sẽ cầu xin, bởi vì tôi, như người ta thường nói, là con gà trống nuôi dế, điều đó chẳng đúng hay sao? Cả Chúa cũng cần thu tô nuôi dế chứ...

Rồi bác rồi trí nói thêm, chẳng đâu vào đâu:

- Không, làm sao lại có thể... Kẻo không thì đã

chất chứa biết bao tội lỗi rồi! Chính vì thế các bậc thánh nhân dạy rằng Đức mẹ đã rời khỏi giá chữ thập mà khóc nức nở lên... Mọi loại hoa đều cháy sém, héo khô vì nước mắt, chỉ còn lại có cây thuốc lá... Cho nên, bây giờ người ta mới đốt nó lên mà hút...

Sau khi đi nhà thương về, bác thường cố nhớ lại toàn bộ cuộc đời mình. Bác có cảm giác là phải sắp xếp lại tất cả những gì mình đã từng thấy và đã từng cảm biết trong cuộc đời. Nhưng cứ mỗi lần bác cố gắng làm như vậy thì lại một lần uống công vô ích, những ký ức của bác thấy đều nhỏ mọn, nghèo nàn, đơn điệu. Bác chỉ ôn lại được những chuyện lặt vặt, chẳng nghĩa lý gì và đều chỉ là bằng những hình ảnh mơ hồ, đứt đoạn. Cứ mỗi lần định ôn lại cuộc đời theo thứ tự, từ đầu từ hồi còn thơ ấu, thì tất cả đều chỉ thu lại vào một ngày nào đó, vào một buổi chiều nào đó và thường chẳng liên quan gì đến thuở thơ ấu, lại vừa xa lác xạc, vô tích sự đến nỗi chỉ đành phẩy tay coi thường. Bác Averki cũng buồn lòng phẩy tay coi thường cả mọi kiến thức, mọi khả năng trí tuệ của mình. "Sao kỳ lạ thế nhỉ! - bác ngẫm nghĩ. - Mình đã sống, sống hoài, thế mà chẳng nhớ gì cả, chẳng hiểu gì cả...". Tỷ dụ như người ta bảo rằng bác sinh ra ở nơi nọ nơi kia, vào năm này năm nọ chẳng hạn. Nhưng thế nào là "sinh ra" mới được cơ chứ! Té ra bác không hiểu cả việc sinh ra của chính mình, té ra bác cũng chẳng tin tưởng gì cụ thể lắm vào việc đó! Mọi người ở mọi lúc đều bảo rằng bố bác là ông nọ ông kia, mẹ bác là bà này bà nọ. Giờ đây bác chẳng

tin mà cũng chẳng hiểu được điều đó nữa. Suốt đời bác coi bố mẹ là những người gần gũi nhất; thế nhưng khi bố bác mất đi thì bác quên bằng hẳn ông cụ, mà cả bà cụ thì bác cũng thế nốt, chẳng những thôi không thương tiếc, mà ngay cả mặt ông cụ, bác cũng không sao nhớ rõ nữa. Trong đời bác cũng đã từng chơi bời với nhiều người khác. Nhưng bác cũng quên cả họ, cũng như những giấc mơ chẳng hạn, ta nằm mơ có ít đâu, nhưng ta hãy nhớ lại những giấc mơ xem thử nào!

Bác chỉ còn nhớ cụ thể được cái buổi hoàng hôn xa xôi ấy trên sông, cái buổi gặp gỡ xa xôi ấy với cô gái trẻ đẹp, mà giờ đây cô ấy đang vừa thản nhiên, vừa thương hại nhìn bác bằng đôi mắt già lão, và ngoài ra bác chỉ thấy rõ có bộ mặt của con gái bác mà thôi.

VIII

Rồi lại một tháng nữa trôi qua, và thời hạn phải nộp cái khoản tô tức dằng cay và ngọt bùi ấy cho Chúa đã tới gần.

Mùa thu đã đến sớm. Khổ sở vì rét mướt, vì quần áo cũ rách, vì những chỗ da mục và những lở loét khác ở khuỷu tay, bác Averki đành chỉ lắc đầu khi nhận thức về cái chết:

- Sao nó ương bướng thế! Cầu mãi mà chẳng đến cho.

Bác vẫn chỉ nhìn thấy thế giới qua khung cổng, chỉ thấy được một phần nhỏ của bức tranh lớn lao. Đằng sau những cây liễu nhỏ trần trụi, những đám mây mỗi lúc một trắng bệch ra, mỗi lúc một lạnh thêm, đang bay theo đường chân trời. Những ngọn cỏ đang ngắc ngoải, khô héo và thối ruỗng ra. Sân phơi lúa trống trải và trơ trụi. Qua những đám liễu nhỏ, đã trông thấy được chiếc cối xay gió giữa nơi đồng ruộng quanh hiu. Chốc chốc mưa lại chuyển thành tuyết rơi, gió rít lên dữ dội và lạnh lẽo qua những lỗ thủng trong lán. Bác Averki suy nghĩ ngẩn ngơ:

"Mùa thu đang phi trên mình ngựa hoang..."

Còn trong những đêm tăm tối, giá lạnh và ẩm ướt, một khi khung cổng đã đứng trước mặt bác như một bóng ma mờ mịt, bất động và nặng như chì nhìn vào bác, thì bác đâm ra khủng khiếp. Bác chẳng dám quyết định trở về nhà gỗ, vì biết rằng mình sẽ tắc thở ngay trong đêm đầu tiên và sẽ chết một cách đau đớn ê chề.

Có lần bác đã thấy một giấc mơ như sau. Trời rất lạnh, đằng xa, những đám mây thấp phủ lên cây cối, phủ lên dãy rừng đỏ vàng phía sau chúng. Người đang cưỡi ngựa đi bên con đường bùn lầy là chính bác - một con người cổ xưa, tóc dài, chân dài, khoác một chiếc áo lông dài lưng thụng trên tấm thân dài ngoằng và khô đét - và bác đang lấy bàn chân đi chiếc giày bện mà thúc vào con ngựa cái khoang bé tí

đã bị lún sâu trong đất ẩm và đang đập bắn từng nắm lúa mì non sang hai bên. Lão quản trang của quý tộc cuối ngựa đã đuổi kịp bác, ngồi trên yên lão ta chẳng nói chẳng rằng, quật cho bác một đòn ác nghiệt. Còn bác, bác Averki, thì cũng chẳng nói chẳng rằng, nhẹ nhàng từ trên lưng ngựa tụt xuống cùng với chiếc áo mặc ngoài mà bác lột để ngồi trên lưng ngựa, khuyu gối xuống, cất chiếc mũ nặng trịch ra khỏi mái đầu hói, khóc lên, xin tha tội, thưa rằng mình điếc, già, yếu, đi thăm con gái... Lão quản trang nghe rằng, lấy roi quất bác túi bụi, - thế là vừa đau lại vừa sợ, bác Averki tỉnh dậy, nước mắt đầm đìa. Và bác cứ nằm thế cho tới lúc rạng đông, nhìn ra cái con ma cổng nặng trịch màu chì, cảm thấy mình đang lịm đi và thấy con tim kiệt sức của mình gập gập đập nốt hồi cuối cùng, và bác không hiểu rằng đó là mộng hay đó chính là cuộc sống trần tục của mình đã nhập vào nỗi lo buồn, vào nỗi đau khổ của mình khi mình khuyu quỳ xuống trước mặt lão quản trang ở trong mộng. Rồi chùi nước mắt đầm đìa trên mặt, bác bật lên cười và tự quả quyết với mình:

- Không! Ta về nhà gỗ thôi! Ta chỉ còn một nước tắc thở mà thôi...

Nhưng đến sáng hôm sau thì dù muốn hay không bác cũng vẫn cứ phải chuyển về nhà. Mùa đông đã đột ngột tới. Và sự sống lại bùng lên một lần nữa trong bác Averki.

Chao ôi, trong mùa đông bao giờ ta cũng vẫn có một cảm giác hân hoan, quen thuộc từ lâu! Trận mưa

tuyết đầu mùa, cơn bão tuyết đầu mùa! Đồng ruộng trắng xóa cả ra và chìm ngập trong bão tuyết, - nó còn đóng tắc nghẽn trong các khe nhà tới hàng nửa năm kia mà! Trên cánh đồng tuyết, trong bão tuyết là hiu quạnh, là hoang sơ, nhưng trong nhà là ấm cúng, là bình yên. Người ta sẽ quét sạch sẽ những nền nhà bằng đất mấp mô, người ta sẽ kỳ cọ, chùi rửa những chiếc bàn, người ta sẽ đốt lò cho ấm bùng lên bằng loạt rơm mới, - thú quá!

Cả cô con gái cũng đến nữa. "Con bé nó thính gớm", - bác Averki nghĩ bụng, mặc dầu bác cũng biết rằng nó về để dự lễ đính hôn của bạn gái nó. Một làn tuyết trắng trùm lên thôn quê, khiến cho nơi thôn quê đang mục rỗng và tối tăm ấy trở nên trắng phau. Các triền núi và bờ sông cũng đều trắng xóa, duy có chính bản thân con sông chưa đóng băng là còn đen đui, và trên sông, những con ngỗng trắng vẫn còn đang bơi lội. Trong lúc đó, cô con gái của bác Averki, vui tươi và xinh đẹp, đang đứng ở nơi buồng ngoài của ngôi nhà gỗ. Giờ đây cô hoàn toàn không thấy tội nghiệp gì cho bố nữa cả, bởi vì dù sao thì cụ cũng không cất mình đứng dậy nổi nữa rồi. Đứa con gái của cô đã chết từ mùa thu vừa qua, điều đó lại khiến cho cô trẻ ra và thoải mái hơn. Bà lão sắp đặt chỗ nằm cho bác Averki trên phản. Còn cô con gái thì đang đợi bà để đi đón bố, để chở ông cụ về nhà gỗ bằng xe trượt tuyết.

Khi bước chân về tới nhà, cô đã cởi bỏ áo lông, gạt chiếc khăn san từ trên đầu xuống vai và đứng ở nơi

ngưỡng cửa buồng ngoài. Cửa mở để lọt vào một làn phản bạc. Cô mặc một tấm xiêm len màu xanh lơ duộm một mùi thơm dễ chịu. Mái tóc cô lóng lánh những hoa tuyết. Con bê con của hàng xóm lên vào buồng ngoài. Cô đã mấy lần đuổi nó ra, rồi sau cô đã phải nhảy chồm lên bậc ngưỡng cửa. Cô tưởng chừng như mình lại được sống ở nhà với bố mẹ, như một cô gái chưa chồng. Cô vui mừng thấy mình còn nhận ra được con bê con ấy là của nhà nào và cần phải gọi ai để lừa nó về.

- Miska ơi, sai kinh sài giặt bẻ gậy chân tay mày đi nhớ! - vừa chồm lên bậc ngưỡng cửa cô vừa hét, vui lòng thấy rằng mình có thể chửi máng lên như người nhà, người làng, mà không bị mất lòng mất bề gì. - Tao không đi chăn bò cho mày đâu đấy!

Cô bạn gái miệng cắn hạt quỳ bước vào buồng ngoài. Đó chính là cô bạn mà cô về để dự lễ đính hôn, một cô gái nghiêm nghị, có đôi lông mày đen rậm, cũng ăn vận bảnh bao, trùm một tấm khăn rộng, mới, màu thép, có thêu những chiếc lá màu bạc.

- Chúng mình sắp đi chở ông cụ về đây, - cô con gái bác Averki vội vàng bảo cô kia. - Cụ mất đến nơi rồi, đã bắt đi mời cha đạo đến...

Bác Averki bị kích thích bởi một đêm mất ngủ, bởi trận bão tuyết đầu mùa, và cả bởi việc di chuyển về nhà gỗ, nghĩa là bởi cái chết đã gần kề. Bác nằm trên xe trượt tuyết và lắng nghe tiếng gió thổi vi vút lạnh lùng theo kiểu mùa đông cuốn theo những bông tuyết trắng, và tiếng dui mè đã khô rít lên heo hút

khi có gió lọt qua. Bác Averki run lên, co rúm người lại trong chiếc áo lông ngắn đã sờn và trong những tấm chăn ngựa loang lỗ đắp thêm cho ấm, và mỗi lúc bác lại kéo sụp cái mũ sâu lòng xuống vàng trán lảng bóng của mình. Nét mặt bác mang vẻ chờ đợi, nhưng cặp mắt to, đã thâm xỉ của bác không biểu thị một điều gì. Lão đảo và loạng choạng do yếu nhược, bác đã tự mình, bằng sức lực của chính mình, chuyển từ chiếc xe ngựa sang xe trượt tuyết và với sự đặc ý của trẻ con, bác nghĩ bụng: họ đến để thắng mình sang cỗ xe khác đây, còn mình thì đã sẵn sàng cả rồi, chỉ việc nắm lấy càng xe mà kéo... Bỗng tiếng cô con gái lanh lảnh vang lên:

- Bố! Bố còn sống đấy chứ?

Thấy mặt bác, cô con gái đột nhiên khóc nức lên. Cô cảm thấy lớn lao và cổ kính thay con người đã chết nhưng vẫn còn sinh khí này, với dúm tóc lơ thơ còn sót lại, xoa dài xuống tận vai, đội một chiếc mũ do cũ bẹp đã biến thành một thứ mũ có chỏm cao như kiểu mũ của thầy tu chính giáo, và mặc một chiếc áo ngoài dài lưng thụng màu lúa mạch đen đã khô, trùm lên trên chiếc áo lông ngắn. Bác thều thào chào hỏi cô. Đoạn cô đưa mắt nhìn xuôi, và hầu như không cần tới sự giúp sức của cô bạn, một mình lôi chiếc xe trượt tuyết về ngôi nhà gỗ. Và trên lớp tuyết phủ trắng xóa người ta thấy từ lán chứa lúa tới ngôi nhà gỗ kéo dài hai vệt đen dài, - dấu vết tang tóc của đôi càng trượt tuyết đã đứng không trong suốt mùa hè.

IX

Ngoài sân hoàng hôn đã biếc xám, song vẫn còn sáng sữa, tuyết vẫn trắng ngần. Nhưng trong căn nhà gỗ thì đã nhọ mặt người.

Cha dạo bước vào nhà trong bóng tối chạng vạng, người phủ đầy tuyết. Qua ngưỡng cửa ông phải cúi mình dưới khung cửa thấp.

- Ông ấy nằm chỗ nào? - ông ta hùng dũng kêu lên, và tiếng ông ta vang lên như tiếng thần chết.

Bà lão đang ngồi trên ghế dài bèn đứng dậy, hơi có vẻ sợ. (Cô con gái tưởng là phút lâm chung của bố chưa gần đến như vậy, đã đi dự lễ đính hôn). Chống hai tay run run, chính bản thân bác Averki cũng nhòe dậy và lạng người chờ đợi, hết như vừa trong quan tài chui ra. Trong bóng tối, bộ mặt khiếp đảm của bác tái xanh một màu chết chóc. Đưa mắt nhìn bác, cha dạo liền hạ thấp giọng xuống, và với vẻ kinh hoàng, với một giọng mà người ta tưởng hết như còn có một người nào khác nữa đã bước vào nhà (một người mà vì người đó mọi việc đang diễn ra, - người đó có thể là chính Chúa cũng nên), ông ta nói nhanh:

- Mũ kia, bỏ mũ ra!

Bác Averki lôi chiếc mũ xuống, đặt lên lòng...

Rồi sau, một cây nến sáp đã loé ảm lên với một ngọn lửa vàng bé nhỏ. Xưng tội xong, chịu lễ xong, bác Averki thều thào hỏi:

- Thừa cha! Cha thấy thế nào, - cha là người biết rõ việc này, - nó đã ở trong tôi chưa?

Và cha đạo trả lời bác với giọng oang oang, hồi hả hủ như cục cấn:

- Có rồi, có rồi. Đến lúc rồi đấy, chuẩn bị đi!

Chẳng nhìn mặt bà lão, ông chộp lấy bàn tay trong đó từ lâu đã toát dầm mồ hôi một đồng hai hào bạc được chuẩn bị sẵn, rồi hấp tấp bước qua ngưỡng cửa. Bà lão làm dấu thánh giá, đoạn lại gần phản, tay chống cằm, trân trôn đứng ngắm nhìn lần chót con người mà trong đời bà đã ít được thấy mặt đến thế..., "Đến lúc rồi, đến lúc rồi!" - cha đạo đã hét lên với bác như vậy. Và bác ngoan ngoãn nằm ngửa ra, xiết chặt cây nến trong những ngón tay xương xẩu. Trái tim bác lặng đi, tan ra - bác chơi vơi trong sương mù, trên làn sóng rập rờn dẫn tới cõi chết. Ánh sáng vàng vọt chập chờn lan trên đôi môi màu tro ẩn hiện dưới bộ ria thưa thớt, lan trên chiếc mũi nhọn hoắt bóng loáng, lan trên những mu mắt to tím tím của cặp mắt đã nhắm nghiền. Cảm thấy sự gần gũi của ai đó, bác ráng hết sức mình, muốn nói lên một điều gì và hé mắt ra. Duy chỉ có bộ mặt bác giật giật lên. Có lẽ làn ánh sáng ấy, cái bóng tối trập trùng nhắc nhở tới nhà thờ ấy đã khiến bác khiếp sợ và xao xuyến chăng? Và bà lão tưởng rằng phút lâm chung của bác hãy còn xa, đã nhẹ nhàng rút cây nến ra khỏi tay bác, thổi tắt đi, rồi ngồi xuống bên bác.

Trong tĩnh mịch, trong tâm tôi bác Averki thấy dễ chịu hơn. Bác đã tưởng tượng thấy một ngày hè,

thấy làn gió mùa hạ thổi trên đồng ruộng xanh ngắt, thấy triền núi sau làng, và trên triền núi ấy là nấm mồ của bác... Ai đang gào thét, kể lể bên nấm mồ ấy lạnh lạnh và gớm ghiếc đến như vậy nhỉ?

- Bố ơi bố, bố nữ lòng nào bỏ lại chúng con mà đi thế này, bố ơi? Ai sẽ vì chúng con mà buồn phiền, ai sẽ chăm lo săn sóc chúng con? Bố ơi bố, rồi đây đi qua sân nhà bố, nào ai ra đón con, nào ai hỏi han con! Bố ơi, thường ngày con đi qua là bố vẫn ra đón con, bố vẫn hỏi han con mà! Hồi sấm sét, hãy rền vang! Hồi chớp, hãy loé lên! Hồi đất mẹ ẩm ướt, hãy rề ra! Hồi những cơn gió táp, hãy nổi lên đi, hãy thổi bay tấm khăn liệm thêu kim tuyến, hãy mở mặt cho bố tôi!

"À, đó là con gái ta!", - bác Averki nghĩ bụng với một niềm vui, với lòng trù mến, trong ngực bác xôn xang một niềm hy vọng ngọt ngào về một điều gì đó...

Bác đã qua đời trong một ngôi nhà gỗ yên tĩnh, tối tăm, mà ở ngoài ô cửa sổ bé nhỏ của ngôi nhà ấy trập tuyết đầu mùa đang nổi lên mờ trắng, êm ả đến nỗi bà lão không hề hay biết gì cả.

Capri, ngày 22 tháng 2 năm 1913

HÀ NGỌC dịch

CHIẾC CỐC ĐỒI

I

Ba mươi năm trước, khi phố huyện Xtorêlét còn xơ xác và quang đãng, cậu học trò trường dòng tên là Kiro Iorôđanxki, con của một viên trợ tế, đã về nghỉ hè tại đây và phải lòng cô Xanhia Đêxpêrôva, con gái một ông trùm đạo. Xêlikhốp, một nhân viên của hội đồng giáo chủ, về nghỉ phép không biết làm gì đã theo đuổi tán tỉnh cô Xanhia. Vào mùa hè năm ấy Xanhia thật nhẹ nhõm vô tư, cô cảm thấy hạnh phúc một cách vô cớ; tối nào cô cũng dạo chơi trong vườn hoa thị trấn, trong khu rừng cạnh nghĩa trang: cô mặc chiếc áo vải hoa, thắt chiếc nơ to bằng lụa đỏ lên đuôi sam tóc dày màu hạt dẻ; cô cảm thấy mình xinh đẹp, được mọi người chú ý nên lúc nào cũng khe khẽ hát, đầu hơi ngả về phía sau. Trong số những người hâm mộ cô chỉ thích một mình Iorôđanxki. Nhưng cô sợ anh. Anh làm cô kinh hãi bằng tình yêu lạnh lẽ của mình, bằng ánh mắt đen rực lửa và mái tóc màu sẫm; cô thấy người nóng ran mỗi lần bắt gặp cái nhìn của anh,

nhưng bề ngoài cô làm ra vẻ kiêu kỳ, không trông thấy anh. Còn Xêlikhốp thì lại là một chàng công tử tỉnh lẻ, ăn vận rất mới, đối xử lịch thiệp hơn cả, nhanh nhẹn, sắc sảo, luôn pha trò cười cho các bạn gái của Xanhia; tay thường vung vẩy chiếc can, kênh kiệu ngược nhìn Iordánxki vì người y thấp bé. Ông trùm đạo cảm thấy Xêlikhốp là một chàng trai trẻ đáng mến, tháo vát, chứ không như cái cậu học sinh trường dòng Iordánxki cao to mà nghèo kiệt. Có lần, vào một tối tháng bảy, khi mọi người trong thành phố đều ra đường dạo mát hay cưỡi ngựa đi chơi, và mặt trời lặn dần phía cuối phố Dài trong đám bụi vàng bốc lên bởi những đàn súc vật; khi Xanhia khoác tay Xêlikhốp đi về phía cánh rừng bên nghĩa địa, đằng sau là anh chàng Iordánxki mặt mày râu rĩ đang đi giữa đám bạn gái Xanhia, cạnh đó là anh chàng Gôridôntốp to như hộ pháp, cũng là học sinh trường dòng, đang ngất ngưỡng hát nghêu ngao; vào lần ấy Xêlikhốp đã qua quýt ngoái nhìn lại mấy người kia rồi ghé sát mặt Xanhia, dịu dàng nắm lấy tay cô và thì thào:

- Tôi ước ao mãi mãi được nâng niu bàn tay nhỏ này, cô Xanhia ạ.

II

Suốt ba mươi năm Iordánxki và Xêlikhốp tránh gặp mặt nhau, hầu như không bao giờ thấy nhau,

nhưng đã không quên nhau. Cả hai đều sử dụng sức lực, tài cán của mình để ganh đua với nhau trong việc đạt tới sự nổi tiếng, giàu có và sang trọng. Từ lâu lắm rồi cả hai đều sinh sống ở Xơrêlét; họ ganh đua với nhau và cùng đạt được nhiều điều, Iordanxki trở thành linh mục chánh xứ và làm cả huyện phải thán phục về trí thông minh, học vấn uyên bác và sự nghiêm khắc. Còn Xêlikhốp thì phát tài và nổi tiếng là một kẻ cho vay lãi cắt cổ. Iordanxki mua một ngôi nhà ở phố Cát. Xêlikhốp cũng không chịu lép: như để chọc tức kẻ kinh địch với mình, y mua một ngôi nhà to gấp đôi sát ngay bên cạnh. Gặp ngoài đường, họ không chào nhau, làm ra vẻ không còn nhớ, nhưng thực ra luôn nghĩ tới nhau với lòng khinh bỉ. Cả hai đều khinh bỉ và không thèm để ý đến vợ mình. Iordanxki thì từ bỏ bà vợ xấu xí một cách dửng dưng mười năm sau khi cưới. Còn Xêlikhốp thì hầu như không bao giờ nói chuyện với Xanhia. Ít lâu sau ngày cưới, có lần y bắt gặp Xanhia khóc: nàng mặc chiếc áo hoa kiểu vùng Morđốp, tết đuôi sam như thời con gái, đứng trong phòng ngủ bên chiếc tủ thấp, cạnh chiếc hộp đồ cưới mở nắp để mấy tấm ảnh - trong đó có cả ảnh của Iordanxki; nàng đang thoa phấn lên mặt sưng húp, môi mím lại cố kìm cho khỏi khóc nữa. Y biết đó là những giọt nước mắt khóc thương cho tuổi trẻ, khóc thương cái mùa hè hạnh phúc thường chỉ đến một lần trong đời người con gái; y biết Iordanxki chẳng có ý nghĩa gì ở đây cả. Nhưng y đã không thể tha thứ cho những giọt nước mắt ấy của

nàng. Và suốt đời y đã ghen ghét linh mục Kiro Iordanxki; như tất cả những người có vóc dáng thấp bé, y là kẻ hay tự ái. Còn linh mục Kiro thì suốt đời nuôi dưỡng trong lòng mối hận thù nặng nề và lạnh lùng đối với nàng.

Ngày tiếp ngày trôi đi, năm tháng dần qua, và chỉ còn lại trong tâm trí bà Xanhia một ý nghĩ, một ước mơ duy nhất - đó là nỗi khao khát được quyền sở hữu ngôi nhà bà đang ở.

III

Bà Xanhia đã luống tuổi, người đầy·dà và hay buồn, hay khóc. Xêlikhốp cũng đã già đi. Nhưng ông ta tuyệt nhiên không dả động gì đến ý muốn của mình sau khi chết. Ông ta tính tình điềm đạm, thận trọng, da dẻ trắng bệch, lưng hơi gù, thường để những ngón tay lạnh giá luôn run rẩy vào túi quần may thẳng theo kiểu xưa và đi đi lại lại trong những căn buồng sạch sẽ trống trải bên những bộ bàn ghế bọc vải, theo đuổi ý nghĩ nào đó, chốc chốc lại cười khẩy. Cuộc đời đã qua đi, đã qua đi cả nỗi tức giận đối với sự ngu xuẩn của người đời, - chỉ còn lại lòng khinh bỉ. Ông ta trông ngày một thêm khô khan, héo quắt lại; mỗi lần lấy cặp kính không gọng ra khỏi hộp không còn cần thận như trước, cần nhìn rõ những đồ vật người ta mang tới để cầm ông ta cũng

chỉ đặt cặp kính lên sống mũi rồi bỏ xuống ngay: bây giờ ông đã quá thạo giá của các thứ đồ đạc rồi! Xêlikhốp mua lại nhà của một viên điền chủ, ngôi nhà đã cũ, có những hàng cột gỗ và có vườn. Ông ta mua được ngôi nhà thật lạ lùng. Về mùa đông khi ngoài trời băng giá, mặt trời đỏ quạch thì trong nhà vẫn ấm áp. Về mùa hè khi bên ngoài nóng như thiêu thì bên trong vẫn mát rượi và hoà lẫn trong bầu không khí dịu mát ấy là mùi bàng phiến yên bình. Mùa hè từ mười giờ sáng đến ba giờ chiều mặt trời hun nóng đúng cái hướng có ngôi nhà; nhưng những khung cửa sổ dùng cho mùa đông quanh năm không tháo ra đã giữ được mát mẻ cho ngôi nhà. Cả ngôi nhà rung lên, các chao đèn kêu leng keng khi các cỗ xe ngựa lao nhanh từ ga về hay chạy tới ga. Xe ngựa làm tung lên đám bụi sẫm vàng bám đầy các mái nhà, tường và cửa sổ trên phố Cát. Nhưng Xêlikhốp không bao giờ bước ra phố. Vừa đi đi lại lại trong các phòng, Xêlikhốp vừa suy tính và thay đổi chúc thư. Còn bà Xanhia thì ngồi trong buồng ngủ có cửa sổ hướng ra sân và đan tất. Bà nhớ lại tháng ngày qua, nghĩ tới mai sau và đôi khi dừng tay đan bật khóc như một thói quen. Trong tiếng đồng hồ kêu tích tắc đều đều, chồng bà cũng khoan thai đi đi lại lại từ phòng này sang phòng khác, đứng đứng chờ đợi khách hàng tới cầm đồ, kẻ thì động một tý là khóc suốt muốt, kẻ thì sướng sã quá mức; thỉnh thoảng ông ta lại mồm mím cười đầy bí ẩn nhìn lên cái kết sắt với đôi núm sắt treo trên móc trông như cặp mắt to tướng. Cũng có lúc ngôi nhà hoàn toàn

yên ắng: Xêlikhốp cho đồng hồ ngừng chạy rồi ngồi xuống bên chiếc bàn cổ nặng nề oai vệ - vào lúc ấy chỉ còn nghe thấy tiếng bút lông ngỗng sột soạt miệt mài, chậm rãi lê trên giấy... Xêlikhốp viết gì vậy? Khi đã về già, ông ta sửa soạn cái gì vậy?

Bà Xanhia chỉ biết một điều rằng Xêlikhốp chẳng ngần ngại gì mà không đẩy bà lâm vào cảnh nghèo túng, nhục nhã trước cả thị trấn, không những không để lại cho bà tiền bạc, của cải, mà cả cái nhà này nữa, nơi bà trú ngụ, cũng không thuộc quyền sở hữu của bà. Bởi vì ông ta đã không thèm để ý, không nhìn thấy bà nữa. Đạo đầu ông ta gọi bà bằng "cô", nhưng rồi sau thì cấm bà hoàn toàn không được nói chuyện với ông ta. Khi có khách, ông ta trở thành một người khác hẳn: lịch thiệp với tất cả, vui tính, nói năng sắc sảo, dễ mến và diễm dạm ngay cả khi tranh cãi lúc đánh bài. Nhưng khách thì chỉ có hai, ba người và quanh đi quẩn lại cũng bấy nhiêu vị: viên trợ tá của ông trưởng cảnh sát huyện, viên thanh tra thuế và ngài chuông lý - họ cũng chỉ tới nhà không quá hai, ba lần một năm.

IV

Cha Kiro Iordanxki nghiện rượu. Cha tự bào chữa cho cái trạng thái ngà ngà say của mình bằng trí thông minh và bằng cái điều rằng ông đang sống ở

Xtorêlét, một thị trấn nằm ở vùng bán thảo nguyên, nơi chỉ có vài chiếc nhà của đám lái buôn lúa mì xây bằng đá trắng gần cái nhà thờ kiến trúc vụng về và cái bãi chợ, còn thì toàn là những túp nhà lụp xụp nghèo nàn khắp chung quanh.

Cha Kirô là người cao lớn, vạm vỡ, trông giống như nhà quý tộc; cha giữ được sức lực và vẻ đẹp rất lâu. Ở trường nữ học nơi ông dạy, các cô gái xinh đẹp nhất đã phải lòng ông, đó là những cô gái thân hình chắc lẳn, dậy thì trước tuổi, cặp mắt hiền lành hơn ướn như mắt bò, mái tóc màu tro tuyết diệp, gương mặt với nước da mịn màng, đôi má hồng e lệ; các cô gái ấy đã không thể bình thản mà nhìn lên đôi mắt đen tinh anh như mắt chim ưng của cha Kirô, không thể đứng dung mà thấy những món tóc xoắn màu sẫm xoà xuống vai, xuống chiếc áo thụng dài màu nâu thoang thoảng mùi hương và mùi thuốc lá. Chỉ có hàm răng của cha là hơi xấu, nó bị ố vàng vì hút thuốc quá nhiều.

Với tất cả mọi người, không trừ một ai, bất cứ lúc nào ông cũng gọi là "con": bởi đã có những đức giám mục đã nói như vậy với các quan đại thần, các vị bá tước và thậm chí với cả nhà vua. Các đức cha đã từng dạy dỗ, giáo huấn họ một cách nghiêm khắc, có khi còn ngắt lời họ:

- Hãy cầu phúc đi, hỡi người mục đồng, - có lần một viên quan đại thần đã nói với đức cha như vậy. - Cha đang cầu phúc đây, cầu phúc cho cha và cho con, cho đáng linh thiêng và cho cả con cừu cái ngu xuẩn

nhất trong đàn súc vật của cha, - vị giám mục đã trả lời như vậy⁽¹⁾.

Cha Kiơ đôi xử thô bạo với đám lái buôn, ứng đáp nhanh nhẹn sắc sảo với các quan; với những người không tin đạo thì cha nói ngắn gọn, đầy lý lẽ khắt khe. Ở Xơrêlét các tấm bưu ảnh mẫu ít khi đến tay người nhận. Nhưng cha Kiơ thì vẫn đều đặn nhận được cả những tấm bưu ảnh đẹp nhất in phong cảnh vùng Kápkadơ và vùng Krưm do một người cháu gửi lên, anh này tuy còn trẻ nhưng đã là một viên chức cao cấp bên cạnh ngài tỉnh trưởng: cha Kiơ đã dọa sẽ sa thải tay nhân viên bưu điện nếu anh ta làm thất lạc dù chỉ một cái thư của cha. Cả thị trấn trầm trồ kể lại chuyện này. Cả thị trấn thán phục cha Kiơ là người có trí tuệ khác thường, có học vấn uyên thâm. Được tiếp đón, mời mọc cha đến nhà chơi là một vinh dự lớn. Nhưng cha Kiơ rất dè dặt khi nhận lời mời, còn về phía mình thì chẳng bao giờ mời ai đến nhà.

Ngôi nhà của cha không cao nhưng dài, gạch xây màu trắng, hiện rõ lên từ xa dọc theo đường phố rộng. Không thấy đâu có một cái cây nào - nếu không kể đến một cây táo cong queo trong vườn hoang của một nhà thường dân. Nhưng đằng sau mái nhà tôn của đức cha thấy thấp thoáng tán cây

⁽¹⁾ Trong tiếng Nga, chữ "mục đồng" đôi chỗ còn có nghĩa là "cha đạo", "giám mục". Ở đây viên đại thần hóm hỉnh gọi giám mục là "mục đồng", viên cha cố nhắc đến "con cừu cái ngu xuẩn" là để trả đũa lại. (N.D.).

thông non xanh rờn. Bốn phía chung quanh khu cha ở lối vào nào cũng có cổng. Nhà cha còn có cửa vào mà xe có thể đỗ tận nơi (tuy nhiên, chưa bao giờ có ai tới đó cả).

Cổng nhà cha Kiro lúc nào cũng đóng im ỉm, một thanh gỗ lớn chặn ngang qua khe cửa. Cổng này chỉ được mở khi có người chở nước tới, đó là một ông già thường mặc chiếc áo sơmi màu đỏ. Chỉ một mình ông là có thể tha hồ thóc mách về đời tư của cha Kiro qua miệng mụ bếp vai to bè bè, chân đi ủng, khi mụ đưa thùng ra để ông đổ nước vào. Chỉ riêng đối với người chở nước là cha Kiro tỏ ra dễ tính. Cha nói đùa với ông già, ông cũng đùa lại với cha: ông quả là một người lạ lùng, không hề biết sợ ai, không bao giờ buồn, lúc nào cũng cảm thấy hài lòng.

- Giôlút đấy à? - cha Kiro vừa nghiêm giọng gọi to, vừa bước ra thêm.

- Cha gọi đấy à? - ông già đáp lại vô tư, ông đang xe nước tới cổng và còng lưng nhấc thanh gỗ chắn lên.

- Lại chở không đầy thùng hở?

- Vâng, lại không đầy.

- Coi chừng kéo ta đánh cho đấy!

- Thế cũng không sao! Ngu xuẩn thì ngay cả trên điện thờ cũng đánh...

Nhưng một lần được biết ông già Giôlút đã mang thùng nước đến cho cả Xêlikhốp, cha không còn tỏ ra ưu ái với Giôlút nữa - cha đã cấm tiệt ông già bước chân đến cửa nhà mình.

V

Về mùa đông, đường phố Cát đầy tuyết, trông ảm đạm và hoang vắng; về mùa hè thì đầy ánh mặt trời, trông vui mắt, đặc biệt là khi nhìn lên bức tường trắng của toà nhà vị linh mục, những tấm kính trong suốt, những tán lá màu xanh lục của rừng cây phong trên nền trời xanh biếc. Mùa hè trời rất nóng. Những đám bụi bay lên làm bầu trời vẫn đục. Giữa trưa chốc chốc lại có xe ngựa phóng nhanh về phía nhà ga ở chân đồi ngoài rìa thị trấn. Khoảng một giờ thì những chiếc xe ấy chậm chạp quay trở lại, trên xe là dân từ nơi khác đến, thường gặp hơn cả là cánh lái buôn với những chiếc túi may bằng vải thảm mà bây giờ người ta quen gọi là "xắc du lịch", đôi khi còn có những chàng trai người Do Thái mặc bộ áo cánh theo kiểu Anh, miệng phì phèo cái tẩu kiểu Anh, chuyên đi bán rao máy hát quay tay. Hình như khi gặp cha Kirơ, chỉ có mấy người Do Thái này là dám nhìn không sợ sệt, mặc dù cha rất khó chịu với họ, nhất là với tiếng nói của họ: Có lần ở ngoài ga, cha Kirơ đã cấm mấy người Do Thái nói bằng tiếng của họ. Cha nói:

- Đây không phải là nơi thờ đạo Juda của các người dẫu.

Dáng vóc cao lớn, vẻ mặt nghiêm trang, cha Kirơ đi dọc theo phố Cát, mình vận chiếc áo choàng

mầu nâu, chiếc mũ rơm vàng rộm trên đầu, ngón tay vân vè cây thánh giá đeo trước ngực. - tất cả đều kiêng sợ cha. Chỗ bờ rào cạnh nhà bác thợ giày trước đây mấy cậu choai choai con nhà thường dân vô công rồi nghề thường tụ tập ngày này qua ngày khác đánh bài, đánh bạc; chúng cũng là loại táo tợn lắm thế mà vì sợ linh mục Kiro mà tránh xa, kéo nhau xuống đánh bạc ở cạnh mấy ngôi nhà nhỏ mé dôi gần ga. Bọn trẻ con khác thì chạy hàng đoàn thả diều, diều mắc lên dây thép, đuôi dính lại trên đấy. Bọn này mà thấy cha Kiro thì tan tác, mỗi đứa mỗi ngã, mạnh ai nấy chạy. Men theo vĩa hồ nham nhỡ ổ gà, phía bóng râm, có một bà cụ đang đi bên những cánh cổng, những ô cửa sổ đặt chậu hoa; bà cụ lưng còng cúi gập xuống đất đến nỗi thật lấy làm lạ rằng vì sao cái thân hình thuóc thợ ấy lại có thể đi động được. Nhưng hoàn toàn không phải vì có bóng râm mà bà cụ đi về phía ấy, đó chẳng qua là vì cụ không muốn để cha Kiro bắt gặp: cha không thích nhìn các bà già vốn rất hăm mộ cái lão Iasa dở người sống trong ngôi miếu thờ nhỏ cạnh lăng mộ lớn trong cánh rừng nghĩa trang; cha Kiro thù ghét sự xấu xí của con người. Một người khách lạ nước da rạm nắng, đầu đội mũ lưỡi trai màu đen, khoác chiếc áo dày, mồ hôi nhễ nhại, đứng đĩnh bước đi giữa phố, hai tay chấp đằng sau lưng: bởi vì ông ta dẫu phải người ở đây, ông ta mới từ ga ra. Nhưng vừa nhìn thấy cha Kiro, ông ta vội vàng hoảng hốt bỏ mũ ra, bước nhanh về phía cha đạo.

Tay trái cha Kiro cầm một chiếc can dài bịt bạc. Cha dừng lại, tay phải làm dấu với đầy vẻ quyền lực và phóng khoáng.

- Từ đâu đến thế? - cha Kiro hỏi, giọng oang oang.

- Từ Lipét ạ, - ông khách lạ lầu bầu đáp.

- Đội mũ lên đi. Đạo này vườn tược ở đây ra sao?

- Thưa cha, tươi tốt lắm ạ, nhưng gió mạnh, tiếc thay, làm rụng hết quả.

- Làm vườn mà lại kém khôn ngoan. Không thông thạo công việc của mình. Thôi, đi đi...

Cha Kiro cũng không chịu nổi cái đám lang thang vô gia cư, những người tứ chiếng giang hồ, chẳng mảnh giấy tùy thân. Phố Cát không phải nơi diễn ra nhiều cảnh lạ. Có lần khi ngoài phố này xuất hiện một anh chàng người xứ Xécbi⁽¹⁾ tay cầm cái trống lục lạc, bên cạnh là chú khỉ, thì dân phố đã chen chúc đứng cả ra ngoài cổng. Anh chàng người Xécbi có bộ mặt mai mái mầu chì, cặp mắt xanh xanh hoang dại, tai đeo khuyên bạc, cái cổ gầy ngẳng quàng chiếc khăn hoa sặc sỡ, mình khoác áo bành tô tơi tả rộng thùng thình, đôi chân khẳng khiu đi đôi giày phụ nữ rách bươm, thứ giày mà ở Xtorêlét người ta quăng ra ngoài bãi hoang. Vừa vỗ vỗ bàn tay vào trống lục lạc, anh vừa kéo dài giọng buồn buồn da diết hát về quê hương như bao người khác từ trăm ngàn năm nay đã hát. Anh nhớ về xứ sở xa xôi nóng bức, hát cho dân Xtorêlét nghe rằng

⁽¹⁾ Xứ Xécbi nay thuộc Nam Tư. (N.D.).

ở một nơi nào đó còn có những rừng núi đá màu xám xám:

Con tàu trắng bơi trên biển xanh...

Chú khỉ - bạn đường của anh khá là to và trông thật đáng sợ: vừa như ông già lom khom, vừa như đứa trẻ, một con vật với đôi mắt buồn buồn của người, đôi mắt trũng sâu dưới cái trán dô ra với đôi lông mày dướn cao. Chỉ có nửa mình phía trên của nó là có lớp lông dài rậm, trông như lớp lông con gấu trúc. Nửa mình phía dưới trông nhẵn nhụi, vì thế mà chủ nhân đã mặc cho nó chiếc quần đùi vải phin hoa hồng để lộ ra đôi chân đen đũi khẳng khiu và cái đuôi dài trần trụi. Nó dường như cũng đang theo đuổi một điều gì đấy xa lạ với cái xứ Xtorêlét, vừa nghe chủ hát, vừa nhảy từng từng theo nhịp trống lục lạc; chốc chốc nó lại nhặt một viên sỏi trên hè đường, nhả mặt chăm chú ngắm nghía, đưa lên mũi ngửi rồi lại quăng đi.

Bác thợ giày quần áo rách tươm chạy tới xem sau cùng, bác gào lên rằng cần phải đánh cả con khỉ lẫn anh chàng người Xécbi, vì anh chàng này chắc chắn là kẻ cắp. Mọi người đều tán thưởng lời bác, la ó ầm ĩ. Nhưng rồi từ đằng xa có bóng cha Kiơ xuất hiện. Phố xá lập tức vắng tanh: mọi người đều lẩn vào sau cổng. Còn cha Kiơ thì bước lại gần anh chàng Xécbi, cầm anh ta lại văng tới đường phố Xtorêlét. Cha nghiêm giọng, rạch ròi ngắn gọn ra lệnh cho anh ta rời khỏi thị trấn, cố tìm đường quay về quê hương, trở lại làm ăn lương thiện.

VI

Bà Xanhia đôi lúc có cảm giác rằng trong đời bà đã từng gặp một tình yêu lớn, nhưng bà đã chôn cất nó trong lòng; số phận đã không ưu ái với bà, đã bắt bà phải nhẫn nhục sống với một kẻ khác, một người bà không yêu, số phận đã xui bẩy bà không đi cùng đường với người yêu và chỉ biết tìm hạnh phúc trong sự nhẫn nhục. Nhưng có thể rằng không phải bà đã yêu cha Kiơ, mà chỉ là yêu cái bím tóc đuôi sam thời con gái của mình, yêu cái bộ trang phục kiểu miền Morôđốp, yêu những ngày tháng vô tư thanh thản của mình vào cái mùa hè ngắn ngủi xa xưa ấy. Cha Kiơ hành lễ ở đại giáo đường; nhưng bà Xanhia chẳng bao giờ đặt chân tới đấy, bà chỉ đi lễ ở nhà thờ Nhicôn, - Xêlikhốp đã cấm bà tới đại giáo đường. Nếu cha Kiơ không phải là linh mục, bà đã có thể tư tưởng đến mối quan hệ tội lỗi thầm kín với ông, nhưng ông lại là người của Chúa, mọi bí mật của sự sinh thành, của hôn nhân, lễ rước thánh thể và cái chết đều ở trong tay ông. Có lần bà Xanhia đã nghe những lời đối đáp khủng khiếp, - hôm ấy cha Kiơ ốm yếu, mặt mày ủ dột, ngà ngà say đã gặp Xêlikhốp ở gần nhà y và nói, tay vung chiếc can lên đe dọa:

- Này Xêlikhốp! Mi hãy nhớ cái giờ phút không một sinh linh nào tránh được. Mi có nghe thấy gì không, hử Xêlikhốp? Đến giờ phút ấy, ta sẽ vận đồ

tang đứng ra làm lễ cầu hồn lần cuối cho mi trên thế giới này, ta sẽ để khói hương trầm bay quanh thi thể của mi, sẽ vẩy lên mặt mi đất bụi của năm mồ.

- Ai biết trước được đâu hờ cha Kiro? - Xêlikhốp nhếch mép cười đáp lại. - Ai biết được rằng liệu tôi có phải đứng cạnh linh cữu cha chẳng? Đừng quên rằng cha là người nghiện rượu, cha Kiro ạ.

Cuộc cãi vã đầu tiên và cuối cùng giữa hai người đã kết thúc như vậy. Bà Xanbia đã phải khó xử thế nào khi phải sống giữa hai con người suốt đời ganh đua với nhau, chỉ nhường nhau đường đi tới mộ! Bà chỉ còn ấp ủ một ý nghĩ - đó là ao ước được quyền sở hữu một ngôi nhà.

Có ngôi nhà riêng của mình, bất kể ở nơi nào, cho dù là ở đâu ô, ở dưới vùng đất trũng, bất kể rộng hẹp, đẹp xấu thế nào, - đó là ước mong sâu kín nhất của mỗi người công chức, của mỗi thường dân, mỗi anh thợ giày ở Xtơrêlét. Và tất cả đều đã có nhà, tất cả đều sang tên nhà cho vợ: gần như mọi ngôi nhà ở Xtơrêlét đều thuộc quyền sở hữu của phụ nữ. Chỉ một mình bà Xanbia là đã khóc một cách vô vọng.

Các bà hàng xóm đều nói: "Nhà của tôi", "trong nhà tôi". Thế còn bà? Đã bao lần khi đi lễ về, người mệt mỏi, mồ hôi lấm tấm trên trán cổ, bà đập đập ô xuống sàn, khóc nức nở đòi Xêlikhốp phải để lại cho bà ít ra là phần của hồi môn! Đã bao lần bà gào lên rằng họ hàng của Xêlikhốp sẽ đuổi bà ra khỏi nhà nếu y qua đời.

- Bà đừng lo, - Xêlikhốp trả lời bà. - Bà chết trước tôi đấy. Đừng quên rằng bà mắc bệnh đau ngực.

Tính tình Xêlikhốp ngày càng trở nên khác thường. Đôi khi y tự ngắm mình hàng giờ trong gương, ngạc nhiên và sợ hãi nhú nhú lông mày; có khi hai ngày liền y không động đến một món nào cả bữa trưa lẫn bữa tối, y nói rằng ngủ đâu cũng thấy mùi người. Y mua một cái máy hát, nhưng chẳng bao giờ thấy mở. Có lần bà Xanhia đi nhà thờ về sớm hơn thường lệ, không dự hết buổi lễ vì mệt mỏi; bà vào nhà từ lối cổng sau và nghe thấy tiếng nhạc nhảy ồn ào. Bà nhìn vào gian trong và ngỡ người ra: Xêlikhốp tuy tuổi đã già, nhưng thân hình còn nhẹ nhàng uyển chuyển đang nhảy một mình trong gian phòng mờ mờ tối, chân giơ lên trước loa máy hát, giọng khàn khàn vui vẻ gào lên: "Chà, chà, anh lính canh! Cha mẹ ôi, có cướp!...".

Chỉ mỗi cây táo trong vườn, gần nhà hóng mát, mới biết bà Xanhia đã phải khóc hết bao nhiêu nước mắt, khóc nức nở, đầu lắc qua lắc lại. Và trên cổng của ngôi nhà Xêlikhốp vẫn để nguyên dòng chữ: "Ngôi nhà này thuộc quyền sở hữu của Piôtơr Xêmiônôvich Xêlikhốp. Không có chỗ trọ".

VII

Trong số những người ngày xưa đã từng say mê đeo đuổi cô Xanhia, lãng nhãng theo cô vào vườn hoa thị trấn, còn có cả Gôridôntốp. Bây giờ, sau gần ba mươi năm sống ở trên tỉnh, đến hạn nghỉ hưu,

ông ta cũng đã trở về Xtorêlét. Khi về Xtorêlét, ông ta nổi tiếng khắp thị trấn không kém gì cha Kirô và Xêlikhốp.

Gôridôntốp đã từng tốt nghiệp trường dòng, rồi tốt nghiệp chủng viện. Hồi còn trẻ, ông ta đã từng có trí nhớ tuyệt vời, hết sức cần mẫn và tài giỏi khác thường. Giọng ông ta trầm vang đến nỗi mỗi lần hát bài dân ca ông yêu thích: "*Et tonât, et sonât, et pluvium coelum dat...*"⁽¹⁾ là của kính rung lên. Người ông ta cao to đến mức khách ngoài đường trông thấy phải sững lại nhìn kinh ngạc. Con người này có thể đi rất xa! Nhưng ông ta lại chọn con đường khiêm tốn - làm nghề dạy học. Dạy đủ số năm cần thiết, ông ta về lại quê hương và trở thành một thứ huyền thoại của thành phố; làm mọi người sững sốt về hình dáng, diện mạo của mình, về thói phàm ăn, về những thói quen bất di bất dịch, thái độ bình thản phi thường và triết lý sống độc nhất vô nhị.

Ông ta mặc chiếc áo khoác ngoài có lần vải kép trên vai, đội chiếc mũ rộng vành, đi đôi giày mũi tù, một tay cầm nạng, một tay cầm chiếc ô lớn. Về già khung xương của ông ta như to thêm ra, trông cao lớn thêm, lưng hơi gù gù, dáng điệu nặng nề, vụng về - ở Xtorêlét người ta gọi ông ta là "ông Đười ươi". Mọi người nơi bên tấm đều ngơ ngác nhìn Gôridôntốp khi lần đầu tiên ông ta xuất hiện ở đấy. Ông ta chậm chạp bước vào, nhúu đôi lông mày xám xịt, hơi cúi xuống,

⁽¹⁾ Lời dịch sang tiếng Latinh của bài hát dân ca Ucraina:
"Vừa âm ào, vừa gào rít, bầu trời như mở rộng ra...".

buông thông đôi vai to khủng khiếp và đôi tay dài như rễ cây sồi. Cúi đầu chào mọi người theo kiểu xưa xong ông ta từ từ cởi quần áo ngoài với vẻ điềm nhiên và cẩn trọng. Mọi người ó lên một tiếng kinh ngạc, khi nhìn thấy thân hình hộ pháp với nước da xám xám, đôi bàn chân quái dị, cong vẹo sang một bên, ngón chân quặp vào nhau, móng chân to như cái vỏ hến. Còn ông ta thì cứ thản nhiên như không, cứ đứng đĩnh cỏi quần áo ra, chậm rãi ngâm mình xuống nước đúng mười lăm lần... Từ dạo ấy ngày nào người ta cũng thấy ông ấy ở bến tắm. Cứ đều đều từng ngày như vậy cho đến tận lễ Pôkróp. Gió mùa thu đã thổi qua khe hở của mấy tấm gỗ chắn ngoài bến tắm trống trải, mây đã dâng đầy trên những cánh đồng bên sông, mặt nước lẫn lẫn gợn mầu chì, thế mà Gôridôntóp vẫn tắm. Hai bờ sông đã trắng xoá mầu tuyết, đàn sếu cuối cùng đã bay về phương Nam trên nền trời xanh nhợt nhạt, nhưng rồi khi chuông nhà thờ lớn điểm một giờ trưa, từ trên sườn đồi dốc thoải thoải, đã nhìn thấy người khổng lồ lưng gù gù đang chống nạng đi xuống bờ sông, trên mình vẫn khoác chiếc áo mầu xám có lần vải kép trên vai.

Ông ta ăn bằng mười người. Các bà chủ nhà nơi ông thuê đều không chịu nổi cái thói phàm ăn ấy và phải từ chối thôi để ông ta ở nhà mình. Nhưng ông ta đã nói trước cả rồi mà! Ông ta đã từng dần rõ từng tiếng mà đặt điều kiện rằng:

- Canh bắp cải, canh củ cải đỏ, xúp mì dẹt đưa tôi ăn làm ơn không để vào đĩa, tôi thích ăn vào bát ô tô

hơn. Thịt yêu cầu không thái nhỏ mà để nguyên miếng to. Các món rán dứt khoát phải kèm khoai tây và rau. Cháo kiều mạch cũng như cháo tiểu mạch thì dọn ra trong chảo gang...

- Ô, Đuôi ươi, Đuôi ươi, chúng mày ơi! - bọn trẻ con hò vang, từng đoàn chạy theo sau ông ta khắp thị trấn Xtorêlét. Nhưng ông ta thậm chí cũng chẳng thèm ngoái lại nhìn, vẫn tiếp tục chậm chậm bước đi đều đều như trước đây đã từng đi như vậy, ngày này qua ngày khác tới lớp học ồn ào để rồi mở đầu bằng một câu cửa miệng:

- Vậy là đầu tiên chúng ta hãy nhắc lại bài học hôm trước. Chúng ta hãy cùng nhớ lại xem hoàng đế Xêda đã thi hành biện pháp gì sau khi được các thám báo cho biết phía kẻ thù đang gây ra điều nguy hiểm...

Còn triết lý của ông ta thì được gói gọn vào một điểm là: toàn bộ sức lực của mỗi người cần được tập trung hoàn toàn vào việc kéo dài tuổi thọ, và để làm được chuyện đó, cần phải tuyệt đối cách ly với đàn bà - những sinh vật đầy tất bật, ác độc và thấp kém về trí tuệ, cần phải thực hiện một cách chính xác mọi thói quen hợp lý của mình và chăm lo thật kỹ lưỡng cho cơ thể mình - trước tiên là dưới góc độ ăn uống và tắm rửa.

- *Nullus enim locus sine genio est!*⁽¹⁾ - có lần cha Kirô ốm yếu, râu rì giễu cợt nói với Gôridôntốp, khi gặp ông này ngoài phố. - Này Gôridôntốp, từ lâu ta

⁽¹⁾ Bậc kỳ tài chẳng đâu không có! (tiếng Latinh trong nguyên bản - N.D.).

đã nghe nói về tính tình kỳ lạ của anh. Hãy trả lời cho ta: anh là kẻ lập dị hay là nhà thông thái! Anh sống trên đời này vì lẽ gì, nếu anh cứ sống như là vào thời kỳ xa xưa, khi chưa có người trên thế giới này?

Gôridôntốp đứng tựa vào chiếc nạng, tay vẫn giữ ô trên đầu, nghĩ ngợi một lúc, mắt nhìn xuống đất, nhìn đôi lông mày sâu róm của mình.

- Nhưng thưa cha Kiro, xin cha cũng hãy nói cho tôi biết, - cuối cùng ông ta trả lời: - cha sống vì lẽ gì?

- Ta không hỏi anh về mục đích cuộc sống, - cha Kiro nói. - Ta hỏi anh về cách sống thôi.

- Nhưng cách sống thì tương ứng với mục đích cơ mà?

- À ra thế! Mục đích à? Thì cứ cho là vậy đi. Vậy thì mục đích cuộc sống của anh ở đâu?

- Là sống lâu và hưởng lạc thú của cuộc đời.

- Nhưng anh có hưởng lạc thú không?

- Tôi hưởng lạc thú tùy theo sức và khả năng của mình. Tôi luôn giữ chặt và nâng niu chiếc cốc đời quý giá của mình.

- Chiếc cốc đời à? - Cha Kiro nghiêm giọng ngắt lời Gôridôntốp và khuơ rộng một vòng tay trước mặt.

- Đời ở đây ư? Tại cái phố này áy à? Ta không thể bình tĩnh mà nói chuyện với anh được! Anh xứng đáng với cái tên lóng của mình đấy!

- Ở dưới đất thì không thể phân biệt được xương người với xương súc vật đâu, - Gôridôntốp đáp và tiếp tục dựa vào nạng chậm chậm bước đi trên hè phố.

VIII

Thế rồi cuối cùng tiếng bước chân đi trong những căn phòng trống trải của ngôi nhà Xêlikhốp đã ngưng bật. Vào năm thứ ba mươi một trong cuộc đời làm vợ của bà Xanhia, vào buổi tối ngày lễ ăn chay, từ giữa đám đông tụ tập trong nhà thờ Nhicôn, người ta đã khiêng ra một ông già mặt trắng bệch, ăn vận nghiêm chỉnh, sạch sẽ, mặc áo sơ mi mới hồ với chiếc cổ bó khít, bên ngoài khoác chiếc áo lông đắt tiền, tay đeo đồng hồ vàng. Hai ngày sau người ta đã làm lễ cầu hồn cho ông ta.

Hôm đó là ngày thứ sáu, đúng phiên chợ, mùa xuân đã bắt đầu, - thật là khổ sở cho đám xà ích phải đánh xe đi trên những đường phố gỗ ghê, bẩn thỉu, ngập nước: thật là khổ sở cho các ông bà nhà quê phải ngồi trong những chiếc xe trượt kéo khắp chợ, trên những đồng phân súc vật nhảy nhụm! Bà Xanhia cũng khó nhọc lần bước đi theo quan tài cho đến nhà thờ lớn: đỡ hai bên tay bà là mấy người họ hàng xa của Xêlikhốp, - một vị người nhỏ nhắn, mắt sắc, đầu hói, mặc áo bành tô quân đội thời hoàng đế Nhicôlai và vợ của ông ta, một phụ nữ mặc đồ tang trông cao lớn, khỏe mạnh, không bao giờ biết buồn bã là gì. Bầu không khí chung quanh ẩm ướt, mùi ngai ngái. Bà Xanhia cảm thấy say say vì khí trời và nước mắt. Người ta đặt bên cửa cái nắp quan tài màu vàng bằng vải kết sợi kim

tuyến có hình thập tự màu trắng, rồi đưa linh cữu người chết vào trong gian phụ thất trần, cổ kính, ẩm áp về mùa đông... Dân đồng ca đã òa lên tiếng khóc nức nở dưới vòm nhà thờ, nghe có gì thật náo nhiệt! Viên trợ tế vai to vạm vỡ hoa hoa cánh tay trông dễ sợ, báo cho mọi người biết về lễ cầu siêu cho người mới chết. Trong tiếng khóc nức nở của dân đồng ca, đoàn giáo sĩ vận đồ tang, đội mũ chòm hay mũ hình ống, đi vòng quanh, nhẩn nại nghiêng mình bên linh cữu. Cha Kiro với vẻ mặt sâu nảo nghiêm trang, ngật ngưỡng như đang say, nặng nề bước rung cả sàn nhà. Cha đi vòng quanh quan tài và những bình hương đặt gần gương mặt trắng bệch của người đã khuất; cha đang thực hiện cái điều đã nói trước với Xélikhốp từ lâu. Một năm trở lại đây chính cha cũng đã thay đổi nhiều quá. Giọng nói không còn sang sảng như trước, những động tác vung vẩy bình hương và nghiêng mình làm lễ của cha không còn gây cảm giác sợ hãi nữa. Cha đang đưa tiễn khối thể giới hữu hạn này cái người mà số phận đã run rủi cha phải xung khắc trên ngưỡng cửa cuộc đời. Bản thân cha trông cũng góm ghềnh, - đôi chân phù thùng, cái bụng phệ nổi rõ sau lớp áo đại lễ; mặt sạm đen, phù nề chảy sệ; mắt loà, tóc bạc dựng lên, bóng như bôi dầu, bàn tay run run... Bà Xanhia kiệt sức vì khóc nhiều, mỗi lúc một thêm dịu dàng và tha thiết nhìn lên thi thể người quá cố; bà dường như không thấy cha Kiro. Và khi tiếng hát trang nghiêm về thế giới bên kia cất lên thì thấm như xoáy vào tim thì bà thét lên một tiếng rồi ngất đi.

Người ta đưa bà ra ngoài trời, chỗ mảnh sân kín trước lối vào nhà thờ. Còn Gôridôntốp đứng ở cửa vào lịch sự tránh sang một bên, rồi lại tiếp tục rống lên hoà vào giọng hát của dân đồng ca, mắt đưa nhìn vòm trần nhà thờ thâm thấp về đây hình những thiên thần sáu cánh.

IX

Trong căn buồng ngoài rộng rãi, cũ kỹ mốc meo với ba bậc tam cấp và ba cái cửa sổ sơn bạc phéch dưới ánh mặt trời, đã thôi không bao giờ còn rung rung cái dây thép gủ, cái chuông sắt đã thôi không bao giờ còn phát ra tiếng kêu nữa do bàn tay những người đến cầm đồ giật giật. Từ giờ, bà Xanhia có thể đi lại thoải mái trong những căn phòng rộng lớn, trống rỗng, giữa những bộ bàn ghế bọc vải, những chiếc tủ chạm trổ. Từ giờ tất cả mọi thứ là của bà: những căn phòng này, những thứ đồ gỗ này, các đồ vật quý để trên giá sắt trong cái tủ không cháy với đôi núm sắt trông như đôi mắt lồi ra, cái sân, con bò trong chuồng, mảnh vườn, bờ giậu xiêu vẹo bao quanh... - tất cả đều là của bà. Lần thứ hai mươi một Xêlikhốp đã viết lại di chúc, khi đầu óc còn tỉnh táo, trí nhớ còn nguyên vẹn. Cái tờ di chúc thứ hai mươi một ấy đã biến bà Xanhia thành chủ nhân của tất cả tài sản này, khiến bà phải kinh ngạc, bối rối. Mọi người trong

thành phố đều nói rằng từ nay trở đi, bà có thể mặc sức mà hưởng lạc thú cuộc đời. Nhưng bản thân bà thì đã mất hết phương hướng, cuộc sống với bà trở nên nhạt thêch vô vị, như mẩu bánh thánh mà bà uể oải nhai mỗi lần uống nước chè sau lễ cầu kinh...

Đến lễ thánh Phôma, mấy ngày liền chuông nhà thờ dóng dả rung lên khắp thị trấn - có cảm giác rằng đó là những hồi chuông chào đón cuộc đời mới của bà, chào đón mùa xuân vui sướng. Thế mà niềm hứng thú sống thì đã cạn kiệt! Bà đi quanh các phòng, và có lúc nụ cười thoả mãn làm miệng bà méo xệch. Đầu óc chao đảo, tay run run - bà biết làm gì bây giờ với những căn buồng này? Con bếp lên nhà, bà Xanhia tỏ ra điệu dàng với nó - bà cũng không biết phải đặt món ăn gì cho bữa trưa, bữa tối. Hầu như ngày nào bà cũng đi lễ ở nhà thờ Nhicôn - và lần nào cũng cảm thấy mệt bã người. Bà người thấp béo, tóc bạc màu tro, cặp mắt nhìn trong trong buồn bã. Ở nhà bà mặc áo, đi giày theo kiểu người già. Mỗi lần đi lễ sáng, bà sửa soạn rất lâu; ra khỏi nhà là mang ô, đội chiếc mũ nhỏ, có đeo vòng hạt xaphia. Mất bên trái lúc nào cũng dầm lệ; trong buổi lễ chốc chốc bà lại lấy chiếc khăn mỏng chấm nước mắt, mệt mỏi nhìn lên tượng thánh đặt trên cửa chính. Hai chân bà nhúc nhối; trong nhà thờ nóng nực, oi bức, người chen chúc. Nến cháy sáng rực, ánh mặt trời sáng loá lọt qua vòm trần chiếu xuống đám người hành lễ. Viên trợ tế vung mạnh tay, đôi vai vạm vỡ nhô cao, miệng gào lên lời cầu chúc trường sinh cho dòng họ nhà vua và hội đồng giáo chủ quốc gia. Nhưng

mà hội đồng giáo chủ thì có liên quan gì tới bà. Bà buồn rầu cảm thấy rằng bà chẳng còn biết cầu nguyện cho điều gì. Chẳng lẽ chỉ cầu nguyện cho hồn siêu thoát trên thiên đàng sao? Cứ cho là thế, nhưng mà bà có quyền gì đối với thế giới bên kia? Bà đã làm gì? Vì lẽ gì mà bà được ban thưởng?

Có lần vào một ngày tháng tư, bà đi ra khu rừng bên nghĩa trang - bà muốn dạo chơi, tạm quên đi mọi thứ để nhớ lại thời trẻ trung xưa kia, nhưng bà lại nói với con bé là muốn đi thăm mộ chồng. Hôm đó trời ảm áp, thanh thoát, tất cả đều đem lại một cảm giác rộn ràng - từ làn không khí và bầu trời, từ những đám mây trắng đến cánh đồng mùa xuân trải rộng. Đã mấy lần bà dừng lại giữa bãi cỏ xanh, trèo lên ngọn đồi thoải thoải đổ xuống cánh rừng mà ngắm nhìn thị trấn, nhìn những mái nhà và tháp chuông, nhìn những vùng đất trùng với những nếp nhà đơn sơ dưới làn khói xanh lam mờ nhạt. Trong cánh rừng còn trống trải chỉ có những hàng cây mận dưới là lá đã lên xanh, không khí còn ảm thấp, ở lối đi giữa những bia mộ là lớp đất ướt át lầy lội. Trên các cây cổ thụ vô số sáo bay và đậu chi chít, chúng đua nhau kêu âm ỉ làm huyền não khoảng trời mùa xuân thanh sạch, trẻ trung. Cần phải đi qua ngôi miếu thờ màu hồng hồng xây bên lăng mộ của thương nhân Erosóp, nơi có lão Iasa thường ngồi và có thể thờ đầu ra ngoài cửa sổ mà kêu lên một tiếng gì đó lạ lùng, dễ sợ... Lưng cúi cúi xuống, chân loạng choạng vấp chỗ đất mấp mô, tay giữ lấy vạt áo, bà

Xanhia vội vã bước những bước ngắn về phía trước - rồi tự bà cũng không nhận ra ngay rằng bà đã tới bên mộ chồng! Bà chẳng hề mong muốn điều này, bà dời khỏi nhà vì một lý do khác, nhưng đã lại đến đây. Bà mệt mỏi ngồi xuống phiến đá ở mộ gần bên cạnh, mắt ngây dại nhìn lên nấm mộ còn chưa được sang sửa. Trong đầu chẳng có một ý nghĩ nào, một hồi ức nào. Chỉ có mỗi cảm giác của một ngày xuân dịu dàng pha chút đắng cay đối với một người nào đó - không hẳn là với bản thân, không hẳn là với cha Kiro, hay Xélikhốp... Phải rồi, cả với hẳn ta!

Khi trở về nhà, bà chỉ nghĩ một điều sao cho sớm gặp được người lái xe! - lão Iasa thế nào cũng rình mò đón đợi bà. Từ trong ngôi miếu bước ra mấy bà nhà quê cùng mấy thường dân, tay làm dâu; một số người trong bọn họ nước mắt giàn giụa. Bất thành linh lão Iasa nháy ra ngưỡng cửa. Lão người nhỏ bé, gầy gò, - lão đã tám mươi rồi, - mặc chiếc áo dài lưng thắt đai, đội mũ nhung đỏ lệch sang một bên. Lão vừa tĩa bộ râu cằm, râu mép, chúng mọc thành cụm tua tủa bên mép môi mầu tro trũng sâu. Mắt lão bé tí, trông rất ranh mãnh. Nhìn lên bà Xanhia, lão giơ bàn tay chắn trước mắt và bước những bước ngắn nhanh về phía bà.

- Hãy vui lên đi, hồi nữ thần Aphorôdita với bàn tay hồng hồng! - lão kêu lên bằng cái giọng người già the the như giọng trẻ con.

Nói xong lão chạy lại, nhổ toẹt một cái rồi dúi vào tay bà, - có vẻ như là giấu giếm và muốn làm đẹp

lòng bà, - một chuỗi bốn mẫu gỗ buộc nối vào nhau bằng vỏ cây.

Bà Xanhia nổi cáu vì lão già đã làm bà sợ hãi; bà hất tay lão ra và gần như là bỏ chạy. Sau đó bà cứ nghĩ mãi: thế là thế nào, sao lão ấy lại gọi mình là nữ thần Aphorôdita và đưa cho mình bốn mẫu gỗ ấy? Mà lại còn buộc vào nhau nữa chứ!

Vào những ngày tháng tư này, bà hay sầu não về chuyện thượng đế đã không cho bà có con; bà cứ luẩn quẩn nghĩ rằng giá như mình có một đứa con trai thì sẽ đặt tên nó thế nào; nhiều lần bà thường ngấm lại các bức ảnh để trong hộp đồ cưới. Thật là lạ lùng khi nhìn lên chân dung cô gái mặc áo hoa vùng Morôđốp, ánh mắt dịu dàng thơ trẻ, vẻ kiêu kỳ chống khuỷu tay lên bờ giậu nhà ai đó; cạnh đó là bức ảnh chàng học sinh trường dòng, thân hình vạm vỡ, mái tóc xoắn xoà trên vầng trán rộng, cặp mắt sáng mà buồn buồn, gò má cao trông buống bỉnh và thậm chí còn có gì hơi ác, đôi môi mọng với đường nét mềm mại. Còn có cả ảnh Xêlikhốp nữa. Y chụp chung với mấy viên chức trẻ nào đó. Mấy người này ngồi thoải mái một cách cố ý trong ghế bành kê gần nhau, còn Xêlikhốp, - trông cũng rất trẻ và bảnh bao, - không hiểu sao lại ngồi xếp xuống sàn, bên cạnh chân lũ bạn.

Có lần bà gặp Gôridôntốp gần công viên thị trấn, bà khẽ gọi ông ta. Nhưng Gôridôntốp chỉ lịch sự cúi đầu chào, không đáp lại. Bà ngượng ngùng và kinh ngạc nhìn mãi theo ông ta.

X

Bốn mươi ngày sau khi Xêlikhốp mất, các tu sĩ ở nhà thờ Nhicôn đã đến tận nhà làm lễ cầu siêu. Trong các phòng đầy mùi hương lễ; bà Xanhia sợ nhức đầu vì ngửi cái mùi ấy nên đã sai đặt ấm xamôva dưới gốc táo ngoài vườn, nơi bà thích ngồi. Đó là một ngày tháng năm, cây lá trong vườn xanh tươi, ấm xamôva sáng loáng reo sôi, khăn dải bàn trắng tinh, cốc chén sạch bóng. Linh mục nhà thờ Nhicôn, một người đàn ông vui tính, khoẻ mạnh, eo lưng thắt lại, áo đại lễ màu bạc quàng dải vải rộng thêu hình hoa hồng. Bà Xanhia vừa nói chuyện với linh mục, vừa khe khẽ cười và rót nước chè. Nhưng rồi bóng cây táo dần dần chuyển dịch, mặt trời nóng bức chiếu thẳng xuống đỉnh đầu bà, - thốt nhiên tay chân bà thông xuống, một màng đỏ sạm bao phủ trước mắt... Người ta mở toang các cửa, khiêng bà vào phòng khách, đặt nằm lên divăng, nhưng bà cứ trườn ra khỏi ghế, bàn tay mập mập bám vào tua vải màu vàng của chiếc khăn trải bàn đầy đặn cổ xưa, và thở hổn hển, vừa rên rỉ như cố nói điều gì. Nhưng hàm đã cứng lại, lưỡi không uốn được nữa, những giọt lệ long lanh trên đôi mắt không hồn trong suốt...

Tuy nhiên người ta đã lắc đầu tuyệt vọng hơi sớm, bà chỉ bị cảm nhẹ. Nói theo lời của Gôridôntốp

thì chắc là chiếc cốc đời của bà hãy còn mật ngọt. Trái tim già nua của bà còn khao khát giọt mật ấy, - và bà dần dần bình phục. Ngọt ngào nhấm nháp hương vị cuộc sống đang trở lại, bà nằm trên giường và ngượng ngập kể lại cho con bếp nghe rằng suốt đêm tháng năm, trước lễ cúng bốn mươi ngày, bà kêu lên, hay đúng hơn là cảm thấy mình đang kêu, nhưng rồi không thể nào tỉnh dậy được mà triển miên trong một giấc mơ quái lạ: dường như có hai tu sĩ trẻ mò vào buồng ngủ của bà, bà phải vùng vẫy, chống cự lại... Khi kể lại chuyện này, bà cảm thấy lòng mình dịu dàng nhớ tới cha Kirơ. Bà tưởng như có thể sung sướng mà đánh đổi cả cuộc đời mới tìm lại được này để lấy một lần gặp gỡ, lần gặp gỡ cuối cùng với cha Kirơ... Không, không phải lời nói của ông, những động tác nghiêng mình và lắc bình hương bên linh cữu người chết trong nhà thờ là đáng sợ. Điều đáng sợ khi ấy là phải nhìn lên cả hai người, phải nhớ lại niềm hạnh phúc xa xưa, nhớ lại cảm giác sợ hãi cùng tình yêu đã làm ửng hồng đôi má người thiếu nữ. Điều đáng sợ là cảm thấy tình yêu xa xưa còn chưa tắt hẳn ấy vẫn còn vọng đến trái tim bà hôm nay, cái tình yêu đã hoà lại làm một cả người trước đây bà đã yêu lẫn kẻ bà khinh ghét nhưng đã phải chung sống một đời, kẻ đã từng mang ô và áo khoác cho bà, kẻ có lần đã nâng tay bà lên ngực mình và nói:

- Tôi ước ao mãi mãi được nâng niu bàn tay nhỏ này, cô Xanhia ạ.

XI

Một tháng liền bà sống với ước mơ thầm kín được nhìn thấy cha Kirơ vào ngày mười tháng sáu: vào ngày đó có một quan chức rất cao sẽ đến thị trấn Xtorêlét. Người ta đang chuẩn bị đón rước trọng thể, dựng cổng chào ở các ngã tư rồi treo đèn kết lá lên đấy. Cùng cô thợ may gầy gò, tóc màu hung, bà Xanhia đã vào cửa hiệu "Đồng Lợi" chọn một mảnh vải dạ màu hạt dẻ để may bộ váy áo mới. Có lần khi đang thử bộ váy áo này, bà bỗng nghe thấy qua cánh cửa sổ mở rộng tiếng trống lục lạc vọng lại, nghe thấy giọng hát buồn buồn, rồi tiếng ồn ào, la hét. Cả cô thợ may cùng bà Xanhia lúc ấy đang mặc chiếc áo có mỗi một ống tay, liền bỏ ra ngoài thêm: dân chúng đang đua nhau chạy ngoài phố, một đám đông đang ồn ào tụ tập gần cổng nhà cha Kirơ, bác thợ giày quần áo tả tơi đang đập cái trống lục lạc vào đầu anh chàng Xébi mới xuất hiện lại trên đường phố Xtorêlét, anh này la hét âm ỉ... Bà Xanhia cay đắng òa lên khóc: lạy chúa, thế có nghĩa là cha Kirơ đã yếu lắm rồi!

Đến ngày mười trời nóng khủng khiếp. Bà Xanhia vận bộ cánh mới, cổ đeo vòng hạt, tay đeo nhẫn có mặt đá sặc sỡ, lên xe ngựa đi ra phía ga. Cũng trên chiếc xe đó viên cảnh sát thị trấn đã chở thi thể bà về: bà đã bị đám đông chen lấn, đạp lên.

Trong buổi lễ tang không một ai khóc, trừ cô thợ

may vốn biết rất ít về người quá cố. Cái ông vóc người nhỏ nhắn, mặt sắc lại đến; mọi việc trong nhà đều do bà vợ đầy uy quyền của ông ta cai quản. Họ mang theo cả hai đứa con - một đứa bé gái mồm to, hiếu động và một cậu con trai học sinh trường trung học kỹ thuật không lúc nào chịu ngồi yên một chỗ. Thi thể bà Xanhia hiem lẩn vẩn bông dày đặt nằm trên bàn ở gian phòng lớn; không ai cảm thấy sợ bà cả. Gương trong phòng được phủ vải làm dấu hiệu tang tóc. Một nữ tu sĩ vận áo dài ống tay rộng đang rành rọt đọc những điều không mấy rõ ràng trong kinh thánh. Đó là một bà già béo tốt, mặt mày tươi tỉnh, có họ hàng với bà Xanhia; bà đi từ tu viện ở nhà quê lên đưa tang. Bà đeo kính, da mặt trắng lớp, đội chiếc mũ đen. Trong nhà không có vẻ gì là tang tóc, nghiêm trang. Trẻ con vẫn nô đùa, ruồi và ong vẫn bay vo vo trong phòng khách qua cánh cửa sổ mở toang; ngoài trời là một ngày nóng bức, ánh nắng chan hoà soi rọi khắp nơi.

Sau lễ tang, ngôi nhà trở nên vắng ngắt. Máy anh phu xe đã chở hết đồ gỗ trong nhà ra ngoài ga. Vài bà già ném lá hoàn điệp liểu utherford xuống sàn để lau nhà, mở tung các cửa; gió lùa qua các phòng trống trải bây giờ trông như tối hơn và hẹp hơn. Người ta dán những miếng giấy nhỏ lên các ô kính mỏng và cũ kỹ, và cuối cùng đã tìm được người thuê nhà. Đó là ông quý tộc phá sản tên là Khitorôvô, một người nghiện rượu, ria mép để vểnh lên, đội mũ cứng hình ống, mặc áo cài khuy lệch một bên. Khi dọn đến nhà mới, ông ta đi trên một cỗ xe, tay cầm lấy cương buộc vào cổ con chó

nồi lòng đen mượt. Phu xe chở đến hai cái ghế, một cái bàn để ở bếp và một cái tủ hồng sắc đồ sộ - tất cả đồ gỗ của ông quý tộc này chỉ có thế. Ông ta chỉ thuê một căn phòng, tất cả cửa sổ ở đây ông đều treo giấy báo. Dưới ánh mặt trời rọi thẳng, ít lâu sau giấy báo đã ngả màu vàng, bạc phếch.

XII

Một buổi chiều tháng sáu, trời mưa lất phất. Có một đoàn tàu đang chạy trên đường sắt vào thị trấn Xtơrêlét. Trong toa tàu tôi tối hạng nhì thấy đủ các bậc mây râu đang ngồi và đàm đạo với nhau - một số nói về cái điều ai đi đâu về đâu, một số khác thì nói về những cái kém cỏi của hệ thống đường sắt Nga và về nước Nga nói chung, về tài nguyên giàu có cũng như sự thiếu văn hoá của nó. Toa xe âm âm chạy và lắc qua lắc lại, lỗ thông hơi trên nóc toa chốc chốc lại rít lên, nghe rõ tiếng mưa khi chiều hôm tạt vào đó.

Phía trước là cánh đồng mênh mông trông trải với những bãi cỏ ngập nước, dòng sông nhỏ uốn quanh, và đằng sau con sông, trên dải đất dốc thoải thoải là thị trấn Xtơrêlét - những ngôi nhà thấp lè tè mái tôn hay mái gỗ tấm, những tháp chuông và cánh rừng bên nghĩa địa... Qua cầu tàu hoả chạy chậm lại, cả chiếc cầu rung lên, kêu cọt két. Dòng sông nhỏ đục ngầu, thị trấn đầy bụi, trông thật tiêu điều. Những ngọn đèn

thấp sớm trên ga lấp lánh qua màn mưa lầy rầy...

Tàu dừng lại mười lăm phút rồi lại chuyển bánh. Người phục vụ lần lượt châm các ngọn nến ngăn ngùn. Chúng cháy sáng bừng lên, nhưng khi vừa được đặt vào trong đèn lồng với kính mờ mờ, chúng chỉ còn leo lét cháy. Đám hành khách làm quen nhau quá kỹ bắt đầu quay sang hút thuốc, kiểm chỗ ngả lưng qua đêm, hào hứng nói chuyện. Nhưng rồi cửa toa mở ra, Gôridôntốp bước vào, một tay cầm cái xác to, một tay cầm cái ô dài. Thân hình cao to quá khổ và vụng về của ông ta làm mọi người sững sốt im bật, nhìn chăm chăm vào ông. Ông cúi chào mọi người theo lối cổ, rồi ngồi xuống chiếc ghế nhỏ ở góc toa gần phía cửa.

Nói nhiều hơn cả là một vị gầy gò đeo kính, đứng bên thành ghế divăng, tay giữ chặt nịt đeo quần luôn dưới áo gilê; theo lời ông ta thì đó là một nhân vật có tiếng ở Mátxcôva, thường giữ quan điểm cực đoan trong các vấn đề xã hội. Ông ta đã uống rượu ở ga Xtorêlét, bộ mặt nhần nhúm đỏ gay, đầy kích động. Cặp kính loang loáng sáng, mái tóc bóng nhẫy xoã ra bù xù, giọng nói sang sảng, gay gắt. Ông ta chăm chú nhìn đầy kinh ngạc vị hành khách mới lên, nhưng lại làm ra vẻ không thèm để tâm tới người đó; cuối cùng không chịu được, ông ta bèn hỏi:

- Ông có đi xa không?

- Tôi đi Mátxcôva, - Gôridôntốp chậm rãi trả lời, bàn tay hộ pháp giữ chặt lấy cái ô để giữa hai đầu gối.

Vị hành khách đeo kính ngăm nghía Gôridôntốp và nghĩ ngợi.

- Chắc là ông sống ở cái thị trấn mà tàu vừa chạy qua phải không?

- Phải rồi, tôi là dân Xtơrêlét.

- Ông đi Matxcơva chắc là có công chuyện gì chắc?

- Có công chuyện đấy, - Gôridôntốp nói. - Tôi sẽ phải thương lượng với Phòng giải phẫu của Trường Đại học Tổng hợp Hoàng gia Matxcơva. Trường đó sau khi nhận được tám ảnh chụp toàn thân tôi cùng lời tôi đề nghị Trường mua bộ xương của tôi sau khi chết, đã trả lời là hoàn toàn chấp nhận.

- Sao, sao? - vị hành khách đeo kính kinh ngạc thốt lên. - Ông bán bộ xương của chính mình ư?

- Nhưng sao lại không bán mới được? - Gôridôntốp nói. - Nếu vụ mua bán này làm tăng phúc lợi của tôi và chẳng hề phương hại gì đến tôi cả.

- Xin lỗi, cho tôi được phép... - vị hành khách đeo kính ngắt lời Gôridôntốp. - Thế ông không thấy quái dị... thậm chí tôi muốn nói là kinh tởm khi tiến hành một vụ mua bán như vậy sao?

- Không hề thấy sao cả, - Gôridôntốp trả lời. - Tôi cho rằng Trường Đại học Tổng hợp Hoàng gia còn lâu mới được sử dụng bộ xương của tôi. Tôi hy vọng rằng, cứ theo như sức lực tiềm tàng tôi hiện có, thì ít nhất tôi cũng còn sống đến chín mươi lăm tuổi.

Ông ta vừa trả lời, vừa nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi ngọn nến cháy trong đèn treo bên thành toa đã in hình lên đấy; có cảm giác như ngoài trời kia đang có một ngọn nến cháy lơ lửng. Tàu chạy qua những dải đất thoải thoải đầy lúa mì xanh tốt, bầu trời đầy mây

sà xuống thấp. Ống thông hơi trên nóc toa rít lên từng hồi, - trong toa mọi người ồn ào cười nói... Còn ở phía xa, nơi thị trấn Xtơrêlét, bầu trời đêm yên tĩnh đã phủ xuống những con phố vắng tanh đen sẫm. Trên quây hàng gần túp nhà của bác thợ giày, lão Giôlút ở thuê đang ngồi hát nghêu ngao; lão mặc áo màu đỏ cờ, lưng gù gù gập xuống. Trong căn nhà mở tối của mình, từ lâu cha Kiro đã nằm liệt trên giường, tóc cha bạc trắng, da dẻ phù thũng, mắt lơ lơ đơ đơ. Ông quý tộc Khitơrôvô tỉnh táo không say, thận trọng đi sau con chó nòi của mình, súng săn đeo trước ngực; ông ta đi qua đám kiêu mạch mọc gần nghĩa địa, bắn vu vơ lên khoảng không đã vào chiều, làm lũ chim cun cút hoảng hốt bay lên giữa trời mưa lất phất. Bà Xanhia và ông Xêlikhốp đang an giấc ngàn thu trong cánh rừng nghĩa địa, nắm mồi hai người nằm cạnh nhau. Còn lão Iasa vẫn trú trong cái miếu thờ xây bên lăng mộ thương nhân Êrôxốp. Suốt ngày cho khách đi qua, lúc nào lão cũng khóc trước mặt họ, hôn tay họ; lão châm mẩu nến bằng sáp ong lên, ánh sáng mờ chiếu lên cái áo dài bóng mỡ của lão, cái mũ vải tròn úp toén hoèn trên đầu, cái mặt râu ria bạc lốm chớm với đôi mắt sắc nhỏ tí, đầy tình ranh. Lão ta đang miệt mài làm việc: đứng bên cạnh tường, nhổ vào đấy, rồi lại lau các vết nhổ bằng những quả mận mà mấy bà hăm mộ đã biếu.

Ngày 2 tháng 9 năm 1913

PHAN HỒNG GIANG dịch

QUÝ ÔNG TỪ XAN PHRANXIXCÔ⁽¹⁾ ĐẾN

Vị quý ông đi từ Xan Phranxixcô này - cả ở Nêapôn⁽²⁾ cũng như ở Capri⁽³⁾ chẳng ai nhớ được tên ông ta là gì. Ông ta sang Thế giới cũ⁽⁴⁾ hai năm trời rông rã cùng với bà vợ và cô con gái, với mục đích duy nhất chỉ để vui chơi mà thôi.

Ông vững tin rằng mình có toàn quyền được nghỉ ngơi, được vui thú, được làm một chuyến viễn du đầy đủ mọi tiện nghi, và không chỉ có thế mà thôi. Để làm cơ sở cho lòng tin này, ông lập luận rằng: một là, ông giàu có, và hai là, ông vừa bước chân vào đời, dù cho ông đã năm mươi tám tuổi đầu rồi. Trước đó ông đã chẳng phải là sống, mà chỉ là tồn tại, thật vậy ông tồn tại chẳng phải xoàng xĩnh gì, nhưng dù sao cũng chỉ là đặt hết hy vọng vào tương lai. Ông làm việc không ngơi tay, - những người Trung Quốc mà ông ký giấy

⁽¹⁾ Thành phố cảng rất lớn ở Mỹ, bên bờ Thái Bình Dương.

⁽²⁾ Tức Nêpôli (Naples tiếng Pháp), thành phố cảng đẹp, rất cổ kính, ở miền trung Italia.

⁽³⁾ Một đảo nhỏ, phong cảnh rất đẹp, thường là nơi du ngoạn nổi tiếng ở vịnh Nêapôn, miền trung Italia.

⁽⁴⁾ Tức Cựu thế giới, để chỉ châu Âu, so với châu Mỹ là Thế giới mới (Tân Thế giới).

nhận về để làm lưng cho mình kể có hàng nghìn, và họ thừa hiểu ông làm việc không ngơi tay có nghĩa là gì! - và cuối cùng ông thấy rằng mình làm đã nhiều và thấy mình đã gần sánh ngang được với những người mà hồi nào ông đã lấy làm gương để noi theo, thì ông bèn quyết định xả hơi đôi chút. Những người thuộc giới ông thường có thói quen bắt đầu tận hưởng lạc thú của cuộc đời bằng một chuyến đi sang châu Âu, sang Ấn Độ, sang Ai Cập. Ông cũng thấy mình cần phải làm như vậy. Dĩ nhiên, trước hết ông muốn thưởng công những năm tháng làm ăn cho chính mình, thế nhưng ông cũng mừng thay cả cho bà vợ và cô con gái nữa. Bà vợ ông xưa nay chẳng có gì gây ấn tượng đặc biệt được cho ai cả, nhưng bà ta cũng như mọi người dân bà Mỹ luống tuổi khác đều là những người say mê đi du lịch. Còn cô con gái thì lại là một thiếu nữ đến thì và hơi ốm o, do đó đối với cô ta việc đi du lịch lại là rất cần thiết: ngoài chuyện có ích cho sức khoẻ, trong các chuyến ngao du lại chẳng thường hay có những cuộc gặp gỡ may mắn hay sao? Nhất là khi người ta đã ngồi ăn cùng bàn hoặc cùng ngắm xem các bức bích họa với một nhà tỷ phú.

Chương trình ngao du do quý ông đi từ Xan Phranxixcô ấy vạch ra là rất rộng. Tháng chạp và tháng giêng ông tính được tận hưởng ánh nắng ở miền nam Italia, thưởng thức những di tích thời cổ đại, điệu nhảy *tarantela*¹⁾, những khúc ca ban chiều

¹⁾ Điệu nhảy dân gian Italia, nhịp rất nhanh và vui.

của những nghệ sĩ đi hát rong và thưởng thức cái mà những người ở tuổi ông cảm thụ một cách đặc biệt tế nhị, - đó là mối tình của các cô gái Nêapôn trẻ măng, dù cho mối tình ấy không hoàn toàn là không vụ lợi đi nữa. Về vũ hội hóa trang thì ông trù tính tiến hành tại Nixơ⁽¹⁾, tại Môngtê Caclô⁽²⁾, là những nơi tập trung những kẻ ưu tú nhất trong xã hội lúc bấy giờ, những kẻ có ảnh hưởng đến mọi thành quả tốt đẹp của nền văn minh, ví dụ như kiểu dáng các bộ *xmôkinh*⁽³⁾, sự vững chắc của ngai vàng, việc tuyên bố chiến tranh và sự phồn vinh của các khách sạn; và là những chỗ mà người thì mải mê đua ô tô và đua thuyền buồm, người thì say mê đánh số quay⁽⁴⁾, người thì say mê cái mà người ta thường gọi là chuyện trắng hoa, người thì lại say mê bắn chim bồ câu (những con chim này từ những khu vườn nhỏ bay vút lên rất đẹp trên thảm cỏ màu ngọc bích, trên nền một biển hoa lưu ly, thế rồi lập tức rơi bộp xuống đất như những cục bột trắng). Đầu tháng ba thì ông định dành cho Phlôrenxia⁽⁵⁾, đến tuần Chúa chịu nạn thì tới Rôma⁽⁶⁾ để nghe phúc *Miserere*⁽⁷⁾ ở đó. Trong kế

⁽¹⁾ Thành phố nghỉ mát rất đẹp miền nam nước Pháp, trên bờ Địa Trung Hải.

⁽²⁾ Thành phố ăn chơi, nổi tiếng về những sông bạc, ở xứ Mônacô, miền nam nước Pháp, trên bờ Địa Trung Hải.

⁽³⁾ *Smoking*, bộ lễ phục sang trọng ở Âu-Mỹ.

⁽⁴⁾ Tiếng Pháp là *roulette* vòng quay trên bàn, trúng số nào số ấy được.

⁽⁵⁾ Thành phố cổ kính, đẹp nổi tiếng, miền bắc Italia.

⁽⁶⁾ Thủ đô cổ kính nước Italia, nổi tiếng châu Âu.

⁽⁷⁾ Tiếng La Tinh: "Xin Chúa xót thương" (tên một bản thánh Vịnh Công giáo).

hoạch của ông có cả Vênêxia⁽¹⁾, cả Pari, cả trò đấu bò ở Xêvilia⁽²⁾, cả thú đi tắm ở các hòn đảo của nước Anh, cả Aten⁽³⁾, cả Cônxtantinôpôn⁽⁴⁾, cả Palestin, cả Ai Cập, và thậm chí cả Nhật Bản (dĩ nhiên lúc bấy giờ là trên con đường về)... Và thoát đầu mọi chuyện đều êm đẹp cả.

Đó là vào cuối tháng mười một, cho tới tận Gibrantar⁽⁵⁾ tàu phải đi có lúc trong sương mù băng giá, có lúc giữa bão tuyết ẩm ướt, nhưng nói chung họ vẫn đi được hoàn toàn thuận lợi. Hành khách chuyển ấy đông, còn tàu là chiếc "Atlantida" lừng danh, giống như một khách sạn đồ sộ với đầy đủ tiện nghi, - có *bar* ban đêm, có các buồng tắm kiểu phương Đông, có tờ báo riêng, - và cuộc sống trên tàu là rất đều đặn: sáng ra người ta dậy sớm theo tiếng loa truyền đi the thé dọc theo các hành lang ngay từ lúc tờ mờ sáng, khi rạng đông chỉ mới bắt đầu một cách chậm chạp và ảm đạm trên mặt biển xám xanh nổi sóng dữ dội trong sương mù, và người ta mặc vội lên người bộ quần áo ngủ bằng *phlanen*⁽⁶⁾ rồi đi uống cà phê, sôcôla, kakao; rồi người ta ngồi

⁽¹⁾ Tức Vônêđô (*Venise* tiếng Pháp), thành phố cổ kính, đẹp nổi tiếng, miền bắc Italia, bên bờ biển Adriatic.

⁽²⁾ Tức Xêvilo (*Séville*, tiếng Pháp), thành phố cổ kính, đẹp nổi tiếng, miền nam Tây Ban Nha.

⁽³⁾ Thủ đô cổ kính nước Hy Lạp, nổi tiếng châu Âu.

⁽⁴⁾ Thủ phủ phần đất châu Âu của nước Thổ Nhĩ Kỳ.

⁽⁵⁾ Eo biển nối liền Đại Tây Dương với Địa Trung Hải, ngăn cách châu Âu với châu Phi.

⁽⁶⁾ *Flanelle* (tiếng Pháp), loại dạ mỏng, mịn, sang trọng.

vào bốn tấm ốp đá hoa, tập thể dục để gây khẩu vị và khiến cho tâm thần được thư thái, trang điểm buổi sáng xong thì đi ăn bữa sáng thứ nhất; cho tới mười một giờ thì thường là người ta sáng khoái đi dạo trên boong, hít thở không khí lạnh nhưng tươi mát của đại dương, hoặc chơi *sepphlibót* và những trò chơi khác để lại gây khẩu vị mới, đúng mười một giờ thì người ta ăn thêm bánh *xăng uyích* với nước dùng; ăn thêm xong thì thoải mái đọc báo và yên chí chờ ăn bữa sáng thứ hai còn bổ hơn và nhiều món hơn cả bữa sáng thứ nhất; hai tiếng sau đó là dành cho nghỉ ngơi; lúc bảy giờ trên các mặt boong đều có đặt các tấm ghế bành dài đan bằng sậy để cho các du khách lên nằm, đắp chăn len mà ngắm nhìn bầu trời đầy mây và những ngọn sóng bạc đầu thấp thoáng nơi mạn tàu, hoặc thiu thiu ngủ một giấc ngon lành; đến năm giờ, sau khi đã tươi tỉnh và vui vẻ lên rồi thì du khách được mời uống trà đặc thơm phức với bánh bích quy; tới bảy giờ thì loa phát tín hiệu cho biết người ta đang đi tới mục tiêu chủ yếu nhất, đi tới đỉnh cao nhất của toàn bộ cuộc sống nơi đây... Và thế là vị quý ông từ Xan Phranxixcô tới kia bên rào bước về căn buồng tàu sang trọng của mình để mặc quần áo.

Cứ chiều đến là các tầng trên tàu "Atlantida" đều tỏa sáng trong bóng đêm như vô số những con mắt đỏ lửa, và có một số rất đông những kẻ hầu người hạ làm lụng trong các hầm bếp, hầm rửa bát đĩa và hầm rượu. Bên ngoài thành tàu, đại dương

đang đi lòn vồn một cách hải hùng, nhưng người ta không nghĩ đến nó, mà tin tưởng vững chắc vào sức chế ngự nó của viên thuyền trưởng, một người tóc hung, cao lớn và to béo kinh khủng. Lúc nào ông ta cũng có vẻ ngái ngủ, và trong bộ sắc phục đính những lon vàng to tướng, ông ta trông hết như một thần tượng kếp xù. Ông ta rất ít khi ra khỏi những căn buồng bí ẩn của mình để xuất hiện trước mặt mọi người. Ở sân đằng mũi chốc chốc một hồi còi tàu rú lên với giọng buồn thảm nơi địa ngục rồi lại rít lên một cách hết sức điên cuồng giận dữ, nhưng trong những hành khách đang ăn bữa chiều, nào có mấy ai nghe thấy tiếng còi này, - nó đã bị che lấp bởi những âm thanh của một dàn nhạc đàn dây tuyệt hay đang liên tục trình diễn một cách ca siêu thanh nhã trong một phòng lớn ốp đá hoa hai màu, trải đầy thảm nhung, đèn đuốc tung bừng như ngày hội và đầy những bà mặc áo hở vai, những ông mặc áo đuôi tôm và mặc *xmôking*, những người hầu bàn thân hình cân đối và những *métđôlen*⁽¹⁾ kính cẩn, trong đó có một người duy nhất chỉ chuyên nhận phục vụ khoản rượu vang thì thậm chí lại đeo cả dây chuỗi bằng bạc ở cổ như một vị đô trưởng nước Anh⁽²⁾ vậy. Bộ *xmôking* và áo hồ bột đã làm cho cái ông đi từ Xan Phranxixcô ấy trở lại rất nhiều. Người ông khẳng khiu, không lấy gì làm cao, thân hình

⁽¹⁾ *Maitre d'hôtel* (tiếng Pháp), người phụ trách chung việc hầu bàn trong khách sạn lớn.

⁽²⁾ Tức *lord-mayor* (tiếng Anh), thị trưởng, đốc lý ở kinh đô.

tuy không hài hòa nhưng chắc chắn, toàn thân ông sạch bong và vẻ mặt tươi tỉnh đúng mực, ông nghiêm nhiên ngồi trong cảnh vàng son huy hoàng của cái cung điện nguy nga ấy, trước mặt là một chai rượu vang, là những cốc lớn và ly nhỏ làm bằng thứ pha lê tinh tế nhất, là một bó hoa huệ dạ hương loãn xoăn. Có một vẻ Mông Cổ nào đó trên khuôn mặt vàng vàng của ông với bộ ria bạc được xén tỉa gọn ghẽ, hàm răng to của ông ánh lên những chiếc răng vàng, còn cái đầu hói vũng chắc của ông thì ánh lên màu ngà voi đã lên nước. Bà vợ ông là một bà người đậm đà, nở nang, vẻ điềm đạm, ăn vận sang trọng nhưng hợp với tuổi của mình. Cầu kỳ nhưng nhẹ nhàng và trong suốt, vẻ chân thật một cách ngây thơ, - đó là cô con gái ông, người dong dỏng cao, mảnh mai, mái tóc đẹp tuyệt vời được chải búi rất duyên dáng, phẳng phất có mùi hương của những cánh hoa tím xinh xắn; cô có những nốt trứng cá hồng hồng rất mịn màng chung quanh môi và ở khoảng giữa hai bả vai cô thoa một lớp phấn mỏng... Bữa ăn chiều kéo dài tới hơn một tiếng đồng hồ, sau bữa ăn có mở vũ hội trong căn phòng vũ hội lớn, và lúc này các ông nam giới, - dĩ nhiên trong đó có cả cái quý ông đi từ Xan Phranxixcô ấy, - ghéech cả hai chân lên mà hútалья xì gà La Habana⁽¹⁾ và uống đả rượu mùi cho tới khi mặt đỏ thẫm đi trong *bar* được phục vụ bởi những người da đen mặc áo

⁽¹⁾ Thủ đô nước Cu Ba ngày nay, xì gà ngon nổi tiếng.

gilê đỏ, mắt trắng dã ra như những quả trứng luộc đã bóc vỏ. Bên ngoài tàu, đại dương âm âm dâng lên thành những quả núi đen ngòm, bão tuyết rít lên dữ dội trong những mỏ dây rợ trĩu nặng, toàn bộ con tàu rung lên, xuyên qua cả bão tuyết, xiên vào cả những quả núi kia, hệt như một lưỡi cày xiên vào những khối nước đồ sộ, sóng sánh, thỉnh thoảng lại tràn sôi và vấy vùng những cái đuôi ngầu bọt ấy mà rẽ chúng ra làm đôi. Còi tàu bị sương mù bóp nghẹt, rên rỉ trong một nỗi buồn chết chóc. Trên tháp cao, những thủy thủ canh gác đã cóng lạnh đi vì giá rét và mệt mỏi vì tập trung chú ý quá mức căng thẳng. Còn phần chìm dưới nước của lòng tàu thì chẳng khác nào cảnh tối tăm, nóng như thiêu đốt của địa ngục, thậm chí như là điện cuối cùng, điện thứ mười trong Diêm vương thập điện, bởi vì ở đây có những lò lửa khổng lồ đang cười lên ha hả, ngoác những cái miệng đỏ rực ra để ngốn những đồng than đá mà những người cỏi trần, mình đỏ lên vì lửa và nhể nhại mồ hôi mặn và bắn, đang âm âm đổ vào họng chúng. Vậy mà ở *bar* kia, người ta ghéch chân lên tay vịn của ghế bành một cách vô tư lự, người ta nhấm nháp *cônhắc* và rượu mùi, người ta chơi vui trong những làn khói thơm phức. Trong phòng khiêu vũ thì mỗi lúc một tỏa ra tràn trề ánh sáng, hơi ấm và lạc thú, các đôi nhảy lúc thì xoay tròn trong những điệu *vanxơ*, lúc thì uốn mình trong điệu *tănggô*, trong khi tiếng nhạc vẫn lải nhải cầu kinh với một giọng buồn da diết và trơ trẽn... Người

ta được biết rằng trong cái đám người lỗi lạc này có một ông cực kỳ giàu có nào đó, mặt cạo nhẵn nhụi, người dài dài, trông giống một giám mục áo tím⁽¹⁾, nhưng mặc áo đuôi tôm theo kiểu cũ, và một văn sĩ lừng danh người Expanhia; có cả người đẹp nổi tiếng khắp năm châu; có một đôi tình nhân thật duyên dáng mà mọi người đều tò mò theo dõi, và đôi này cũng không hề che giấu niềm hạnh phúc của mình: chàng chỉ khiêu vũ với nàng, và họ nhảy với nhau thật tài tình, thật mê ly, đến nỗi chỉ có một mình viên thuyền trưởng biết rằng, đôi đó đã được hãng Lôđơ⁽²⁾ thuê đóng giả làm tình nhân để được những món tiền hời, và từ lâu họ đã có mặt lúc thì trên chiếc tàu này lúc thì sang chiếc tàu khác.

Đến Gibrantar mọi người đều mừng rỡ thấy có nắng khác nào một cảnh xuân sớm. Trên tàu "Atlantida" người ta thấy xuất hiện một vị hành khách mới, khiến ai cũng đều phải chú ý, - đó là hoàng thái tử của một nước châu Á vi hành đi ngao du, một con người nhỏ bé, toàn thân cứng đờ như gỗ, mặt to, mắt ti hí, đeo kính gọng vàng, trông có vẻ hơi khó chịu ở chỗ là trên mặt ông ta nổi lên một bộ ria đen to thù lù như trên mặt kẻ chết rồi, nhưng nhìn chung ông ta tỏ ra khả ái, giản dị và khiêm nhường. Ở Địa Trung Hải lúc ấy đang có một con sóng lớn, ngọn sóng bọt nở như hoa khác nào đuôi một con

⁽¹⁾ *Prêlat* (tiếng Pháp), giám mục cai quản một giáo phận nào đó, thường mặc áo màu tím.

⁽²⁾ Tức công ty *Lloyd*, một hãng bảo hiểm tàu biển lớn nước Anh.

công, gây ra bởi làn gió bắc⁽¹⁾ đang vui vẻ ào ào thổi ngược lại trong ánh nắng huy hoàng và dưới bầu trời cực kỳ quang đãng... Nhưng sang ngày hôm sau bầu trời bắt đầu nhợt nhạt, đường chân trời thấy mù mịt đi: đã gần tới đất liền, đã thấy xuất hiện đảo Ixkia, đảo Capri, và qua ống nhòm đã thấy được thành phố cảng Nêapôn đang như được rải đầy những cục đường trắng dưới chân một cái gì màu xám biếc... Nhiều quý bà và quý ông đã phải mặc áo khoác nhẹ, có lông ở phần trên; những cậu bồi người Trung Quốc nhẵn nại, lúc nào cũng thì thảo với nhau, và đó là những thiếu niên chân vòng kiềng với những chiếc đuôi sam đen nhánh dài đến tận gót, với những hàng mi rậm của con gái, đang dần dần khuôn những tấm mền, những chiếc ba toong, những va li, những hộp đựng quần áo ra sát cầu thang... Cô con gái của quý ông đi từ Xan Phranxixcô đang đứng ở trên boong cùng với vị hoàng tử mà cô đã hạnh ngộ được quen biết từ chiều qua. Cô làm ra vẻ chăm chú nhìn ra phía xa xa, nơi vị hoàng thái tử đang vừa chỉ cho cô, vừa giải thích cái gì đó, kể lể chuyện gì đó cho cô nghe một cách vội vàng và khe khẽ. Về thân hình, đứng giữa những người chung quanh, ông ta tưởng chừng chỉ là một cậu bé con; bản thân ông ta rất xấu trai và kỳ quặc, - cặp kính, chiếc mũ nôi, chiếc áo bành tô kiểu ang lê, những sợi ria thưa thì cứng như lông ngựa, làn da mỏng ngăm đen trên khuôn mặt phèn phẹt của

⁽¹⁾ Tức làn gió *tramontana* (tiếng Italia), thường thổi ở Địa Trung Hải, từ phía Bắc nước Italia tràn xuống.

ông ta hết như được căng ra và dường như được phết một lớp vécnit mỏng, - nhưng cô gái vẫn lắng nghe ông ta nói và do cảm động cô ta chẳng hiểu được ông ta nói gì cả; đứng trước ông ta, trái tim cô rộn ràng bởi một niềm hân hoan nào chẳng rõ: tất thấy, tất thấy trong ông ta đều khác với mọi người, từ đôi tay khẳng khiu làn da trơn tru mà trong đó dòng máu đế vương lâu đời vẫn đang chảy; cho đến cả bộ quần áo Âu cực kỳ đơn giản mà ông ta đang mặc dường như cũng chỉnh tề hẳn lên, - tất thấy đều chứa chất một ma lực khó hiểu nào đó. Còn quý ông đi từ Xan Phranxixcô, chân đi giày bột-tin láng bóng dận trong đôi ghệt xám, thì luôn đưa mắt liếc nhìn người đẹp nổi tiếng đang đứng cạnh ông, một người đàn bà tóc vàng, cao, thân hình cân đối lạ thường, mắt to theo một mối nhất ở Pari, bé một con chó bé tí xiu, lưng cong, lông nhẵn thín, đeo xích bằng bạc, và cô luôn mồm nói chuyện với nó. Do lơ mơ cảm thấy khó xử thế nào đó, cô con gái cố tỏ ra không để ý tới ông bố.

Đọc đường ông tỏ ra khá hào phóng, do đó ông đã hoàn toàn tin tưởng vào sự chăm lo của tất cả những ai đã đem lại thức ăn đồ uống cho ông, đã sớm tối phục vụ, lựa chiều mọi ý thích dù là nhỏ nhất của ông, đã giữ gìn cho ông được sạch sẽ và yên tĩnh, đã bung bê đồ đạc cho ông, gọi phu khuân vác đến cho ông, đưa các hòm xiềng của ông đến khách sạn. Đâu đâu đã như thế, trên tàu đã như thế, thì ở Nêapôn chắc chắn cũng như thế. Thành phố Nêapôn lớn dần và mỗi lúc một lại gần. Các nhạc công mang các loại kèn hơi

bằng đồng sáng loáng đã tập trung trên boong và đã khiến mọi người đột nhiên đình tai nhức óc bởi những âm thanh đặc thủng của một bài hành khúc, rồi đến ông thuyền trưởng hộ pháp mặc sắc phục đại lễ đã xuất hiện trên đài chỉ huy của mình mà niềm nở khua tay chào các hành khách như thể một vị ngẫu thần từ bi quảng đại nào vậy. Lúc bấy giờ, cũng như mọi người khác, quý ông đi từ Xan Phranxixcô tưởng như chỉ vì mình mà bài hànhkhúc của cái nước Mỹ kiêu sa ấy đã vang lên, và cũng chỉ vì chính ông mà ông thuyền trưởng đã đứng ra chào mừng việc thượng lộ bình an. Cuối cùng, khi tàu "Atlantida" đã vào cảng, đã áp bến cái thân hình đồ sộ nhiều tầng lổn nhổn những người của nó và khi tiếng những cầu thang tàu đã khua vang, thì có biết bao nhiêu người gác cổng khách sạn cùng với những phụ tá của họ ai nấy đều đội mũ lưỡi trai mang lon vàng, có biết bao nhiêu người chuyên làm việc môi giới đủ mọi loại, những đứa trẻ con thích huyết gió và những người thân hình vạm vỡ ăn mặc rách rưới cầm hàng tập bưu ảnh mẫu trong tay đã ùa lại đón và mời chào ông! Và ông đã nhếch mép cười với những kẻ rách rưới đó, tiến đến chiếc ô tô của chính cái khách sạn mà ông hoàng kia có thể cũng dùng chân, rồi điềm nhiên nói qua kẻ rằng một câu vừa bằng tiếng Anh, vừa bằng tiếng Italia:

- *Go away!*⁽¹⁾, *Via!*⁽²⁾.

⁽¹⁾ Tiếng Anh: Đi thôi!

⁽²⁾ Tiếng Italia: Đi thôi!

Cuộc sống ở Nêapôn lập tức bắt đầu theo một chế độ đã định sẵn: sáng sớm người ta ăn sáng trong một phòng ăn tối mù mịt, trong khi ngoài trời đầy mây, chẳng hứa hẹn điều gì tốt đẹp cho lắm và có một lũ người hướng dẫn du lịch đứng đợi ngoài cửa tiền sảnh; sau đó có những nụ cười đầu tiên của ánh nắng hồng ấm áp, người ta đứng trên bao lơn cao chót vót mà ngắm cảnh núi lửa Vêduva⁽¹⁾ còn đang nấu mình trong làn hơi nước chói chang của ban mai, ngắm cảnh mặt nước trong vịnh gọn sóng lẫn lẫn màu ngọc trai loang loáng ánh bạc và cảnh đảo Capri hiện ra như một bức phác họa tinh tế ở chân trời, ngắm nhìn những con lừa bé tí xiu kéo xe hai bánh đang chạy trên con đường nhộp nháp men theo bờ biển phía dưới và những đội lính bé tí hon đang tiến bước đi đầu đó trong tiếng quân nhạc hùng dũng và thách thức; sau đó người ta ra ô tô chậm chậm lẫn bánh theo những đường phố chật hẹp như những hành lang xám xịt nhưng đông người, và chen giữa những ngôi nhà cao, có nhiều cửa sổ; người ta đi xem những viện bảo tàng tuy sạch sẽ nhưng không có sinh khí, tuy được chiếu sáng một cách đều đặn, dễ chịu, nhưng buồn tẻ hết như có tuyết bao phủ; đi xem những ngôi nhà thờ sặc mùi sáp nến mà đâu đâu cũng rất một kiểu là: cửa vào rất uy nghi có rèm da nặng trĩu che kín, nhưng bên trong lại trống huếch trống hoác, im lìm, cây đèn bầy nến leo lét cháy đỏ đỏ tận sâu trên ngai ngự có viên đăng ten, một bà già ngồi lẻ loi giữa những dãy

⁽¹⁾ Tiếng Pháp: Vésuve.

bàn cầu kính bằng gỗ tối tăm, những phiến đá nhà mờ trơn bóng lát dưới chân và bức tranh "Rời khỏi giá chữ thập" của ai đó, chắc chắn là rất nổi tiếng; một giờ trưa thì ăn bữa sáng thứ hai ở trên núi Xan Mactinô là nơi mà cứ giữa trưa lại có không ít người thuộc giới đại thượng lưu đến du ngoạn và cũng là nơi mà có lúc cô con gái của quý ông đi từ Xan Phranxixcô đã choáng váng suýt ngất xỉu: cô tưởng là ở phòng lớn khách sạn đã có ông hoàng thái tử ngồi trong, mặc dầu qua báo chí cô đã được biết là ông ta hiện đang ở Rôma; đến năm giờ thì uống trà ở khách sạn, trong một phòng khách rộng rãi, rất ấm áp do trải nhiều thảm và do có những lò sưởi lửa cháy bùng bùng; và đến lúc này thì người ta cũng lại đã sửa soạn ăn bữa chiều, lại có tiếng công mạnh mẽ và oai nghiêm vang lên khắp các tầng lầu, lại thấy lũ lượt các bà mặc hồ vai soi mình trong những tấm gương và sột soạt lụa là kéo nhau đi theo các thang gác, lại là một phòng ăn nguy nga rộng rãi như một cung điện đang mở rộng cửa để niềm nở đón khách, có cả những nhạc công mặc áo vét đỏ đứng trên sàn diễn, có cả một đoàn người hầu bàn đứng đen ngòm bên cạnh người *métđôten* đang rót một loại xúp đặc màu hồng vào các đĩa với một tài nghệ tuyệt vời... Các bữa ăn chiều cũng lại ề hề các loại món ăn, các loại rượu vang, các loại nước khoáng, các loại đồ ngọt, các loại hoa quả, phong phú đến nỗi mà tới mười một giờ đêm những người hầu buồng phải đem túi cao su đựng nước nóng đến các buồng để cho các vị khách chườm bụng.

Thế nhưng cái tháng mười hai năm nay lại đã "diễn ra" không đạt yêu cầu cho lắm: khi người ta hỏi chuyện người giữ cửa về tình hình thời tiết thì anh ta chỉ nhún vai với vẻ có lỗi, lúng búng trả lời rằng ở đây người ta không nhớ có năm nào thời tiết xấu đến thế, mặc dù đây chẳng phải là năm đầu tiên anh ta lúng búng trả lời như vậy và viện có rằng "đâu đâu cũng đều xảy ra một chuyện kinh khủng nào đó": ở Riviéra có mưa to, gió lớn chưa từng thấy, ở Aten có tuyết, núi lửa Etna cũng bị tuyết phủ toàn bộ và đêm nào cũng sáng loè, ở Palécmô thì các khách du lịch phải chạy tóe phở để khỏi bị cóng lạnh vì rét... Hôm nào người ta cũng bị mặt trời buổi sáng đánh lừa: cứ đến trưa là y như trời sạm hảm đi, rồi bắt đầu mưa lác rác mỗi lúc một dày và lạnh hơn; lúc bấy giờ những cây cọ ở lối ra vào khách sạn bóng lên như bằng sắt tây, thành phố dường như trở nên đặc biệt bẩn thỉu và chật hẹp, các nhà bảo tàng trở nên hết sức đơn điệu, những mẫu xi gà hút dở của những người xà ích béo ị (họ mặc áo tơi bằng cao su bay phấp phới trong gió như những đôi cánh) trở nên hơi hám không sao chịu nổi, tiếng roi họ quất mạnh mẽ trên đầu những con nghèo cổ ngắn càng rõ ràng chỉ là vờ vĩnh, giày dép của những người đàn ông quét đường tàu điện bán kinh khủng, còn những người đàn bà để đầu trần gội mưa với mái tóc đen và đang lộ bì bõm trong bùn thì đôi chân của họ tự đứng ngắn ngủn đi trông thật gớm ghiếc. Còn về không khí ẩm ướt và mùi cá thối từ bờ biển ngấu bọt xông vào

thì khỏi phải nói làm gì. Quý ông và quý bà đi từ Xan Phranxixcô đã bắt đầu cứ sáng sáng lại cãi cọ với nhau; cô con gái của ông bà lúc thì trông tái nhợt đi và bị nhức đầu, lúc thì tươi tỉnh lại, thấy cái gì cũng khen cũng thích, lúc bấy giờ trông cô ta vừa đáng yêu lại vừa đẹp: đẹp thay những tình cảm triu mến và phức tạp được khơi dậy trong nàng sau cuộc gặp gỡ với con người xấu trai nhưng mang một dòng máu khác thường ấy, bởi vì, nói cho cùng kỳ lý, có lẽ điều quan trọng không phải là cái gì đã thức tỉnh tâm hồn của người con gái ấy, dù đó là tiền tài, là vinh hoa, là dòng dõi quyền quý hay gì gì đi nữa... Mọi người đều cam đoan rằng ở Xôrientô, ở Capri cảnh vật sẽ khác hẳn, ở đây vừa ấm hơn, vừa nắng hơn, chanh lại đang độ nở hoa, lối sống cũng thật thà hơn, mà rượu nho cũng nguyên chất hơn. Thế là cả cái gia đình đi từ Xan Phranxixcô ấy quyết định mang hết cả hòm xiềng lên đường ra đảo Capri, với ý định là tham quan trên đảo xong, sau khi đã dạo chơi trên những nền đá cũ của các cung điện của Tiberiuxơ⁽¹⁾ thăm các hang kỳ diệu của Động Thanh Thiên và thưởng thức điệu khèn bông⁽²⁾ của các nghệ sĩ Abrutxiơ⁽³⁾ (trước lễ Giáng sinh cả tháng trời họ đi rong khắp đảo để ca ngợi Đức bà Maria), thì sẽ chuyển sang ở Xôrientô⁽⁴⁾.

⁽¹⁾ Hoàng đế Lã Mã thứ hai (42 trước CN-37 sau CN), sau Ôctaviux.

⁽²⁾ Một loại kèn có nhiều ống, phía trước có một bông chứa hơi.

⁽³⁾ Một địa phương ở miền trung Italia.

⁽⁴⁾ Một thành phố Italia nổi tiếng về phong cảnh đẹp, nằm trong vịnh Nêapôn (tức Napôli, Naples).

Hôm lên đường, - một ngày rất đáng ghi nhớ của cái gia đình đi từ Xan Phranxixcô ấy! - thậm chí ngay từ sáng sớm cũng chẳng có ánh mặt trời. Một làn sương mù dày đặc đã che phủ núi lửa Vêduva tới tận chân núi và hạ xuống xám xịt ngay sát mặt biển màu chì đang gợn sóng. Chẳng trông thấy đảo Capri đâu cả, - hệt như nó chẳng hề bao giờ tồn tại trên thế gian này. Rồi chiếc tàu bé tí xiu trên đường ra đảo lại chòng chành đến nổi gia đình đi từ Xan Phranxixcô phải nằm liệt giường trong cái buồng hành khách công cộng tồi tàn của chiếc tàu nhỏ bé này, lấy mền đắp chân và nhắm tịt mắt lại để khỏi nôn mửa ra. Bà nhà ta nghĩ là bà khổ sở hơn tất cả mọi người; đã mấy lần bà ngất xỉu đi, tưởng như mình sắp chết đến nơi, còn cái cô hầu buồng chạy lại để mang chiếc chậu thau nhỏ đến cho bà nôn thì lại cứ cười, - đã nhiều năm nay, dù là nóng nực hay rét mướt, ngày nào cô cũng lẩn lộn trong sóng gió như vậy mà chẳng biết mệt mỏi là gì. Cô tiểu thư nhà ta mặt nhợt nhạt đi kinh khủng, mồm ngậm một múi chanh. Ông nhà ta thì nằm ngửa, mình mặc áo bành tô rộng, đầu đội mũ cát-kết to, suốt dọc đường cứ siết chặt quai hàm lại; nét mặt ông tằm tối đi, ria ông trắng ra, đầu ông nhúc như búa bổ: mấy ngày vừa qua, do thời tiết xấu, cứ tối đến ông lại nốc rượu quá nhiều và thưởng thức quá nhiều "những bức tranh sống" trong những hộp đêm nào đó. Trong khi ấy mưa quất vào những cửa kính đang run lên bần bật, nước từ đó chảy vào những chiếc đi-văng, gió gầm rú

đập vào những cột buồm và đôi khi cùng hòa nhịp với làn sóng ập tới, nó lật nghiêng hẳn chiếc tàu, và lúc bấy giờ nghe có cái gì đó lăn âm âm dưới đáy tàu. Đến các trạm đỗ ở Caxtelamarê, ở Xôrientô tình hình có dễ chịu hơn đôi chút, nhưng trong bến tàu lại lác lư dữ dội, ngoài cửa sổ thấy bờ biển cứ chao lên lại chao xuống như đánh đu, cùng với tất cả những bờ dốc, những vườn tược, những cây thông tán tròn, những khách sạn màu hồng và màu trắng, và cả những núi non đầy khói xanh cuộn cuộn trên đó; những chiếc thuyền va vào mạn tàu kêu lộc cộc, các hành khách đi vé hạng ba kêu toáng lên, ở đâu đó có tiếng trẻ nhỏ khóc thét hết như bị một vật gì đè lên người, gió ầm thốc vào các cửa buồng, và trên chiếc xà lan chòng chành mang cờ hiệu của khách sạn "*Royal*" một thằng bé giọng chảnh chọe, không ngại miệng hét văng lên "Gôi-an đây! Khách sạn Gôi-an đây!..." để chào mời các du khách... Và vị quý ông từ Xan Phranxixcô tới ấy, với tâm trạng đích thực của mình hoàn toàn là một ông già, đã bắt đầu có một cảm nghĩ nhớ nhung và buồn bực về tất cả những cái khách sạn "*Royal*", "*Splendid*", "*Excelsior*" ấy và về cả những người ngợm tham lam, sặc mùi tối, được gọi là những người Italia này; có một lần tàu đỗ, nằm trên di-văng ông mở mắt ra rồi nghiêng đầu lên, ông thấy dưới chân một vách đá cheo leo có một lô những ngôi nhà bằng đá tồi tàn bé tí tẹo đã mọc meo hết và chỉ dựa vào nhau mà đứng được ngay sát cạnh mặt nước, bên những chiếc thuyền, bên những

đồng rẻ rách, những hộp sắt tây và những tấm lưới màu nâu gỉ đỏ, lúc bấy giờ ông sức nhớ ra rằng đó mới đích thực là cái nước Italia mà ông đến để hưởng lạc và lúc bấy giờ ông mới cảm thấy thất vọng... Cuối cùng, cho tới tận sáng tối người ta mới thấy đen ngòm một hòn đảo đang tiến lại gần, chân đảo hết như bị xuyên thủng bởi những đốm lửa đỏ nhỏ bé; gió thổi đã dịu hơn, ấm hơn, thơm tho hơn, và do những ngọn đèn trên bến, người ta tưởng như có những con trần lấp lánh vàng trôi xuôi theo những ngọn sóng nay đã chịu quy thuận và sánh như một thứ dầu nhớt đen ngòm... Rồi bỗng có tiếng neo thả vang động và có tiếng neo rơi tùm xuống nước, từ phía thi nhau nổi lên những tiếng hò hét giận dữ của những phu thuyền, - thế là lòng ta lập tức cảm thấy nhẹ nhõm hơn, buồn hành khách công cộng càng loé sáng hơn lên, ta đã bắt đầu muốn ăn, uống, hút thuốc lá, đi lại... Mười phút sau gia đình từ Xan Phranxixcô đến đã bước xuống một chiếc xà lan lớn, mười lăm phút sau họ bước lên những phiến đá kê bờ, sau đó ngồi vào một chiếc toa goòng và được kéo kêu vo vo lên phía trên theo bờ dốc, giữa những đám cọc cắm trong những vườn nho giữa những bức tường vây bằng đá đã đổ nát một nửa và giữa những cây cam ươn ỉt, cần cỗi, đôi chỗ núp dưới những mái che bằng rơm, với những quả cam bóng loáng và những đám lá dây lằng bóng đang trôi tuột xuống phía dưới núi, ngay sát cạnh những khung cửa sổ bỏ ngõ của chiếc toa goòng... Ở Italia cứ sau mỗi trận

mưa là mùi đất lại tỏa ra ngọt ngào, và mỗi hòn đảo của Italia lại có mùi hương riêng biệt của mình!

Buổi tối hôm đó cảnh vật đảo Capri ẩm ướt và âm u. Nhưng phút chốc nó đã tươi tỉnh lại và đã sáng sủa lên đôi chút. Trên đỉnh núi, ở sân đỗ tàu goòng, đã lại tụ tập một đám người có nhiệm vụ phải đón tiếp một cách xứng đáng quý ông từ Xan Phranxixcô đến. Cũng có cả những vị khách khác nữa cũng đến cơ đấy, nhưng họ không đáng để ý, - đó là mấy ông người Nga đến ngụ cư ở Capri, những con người ăn mặc lôi thôi lếch thếch và tính tình lơ đãnh, đeo kính, để râu, mặc những chiếc áo bành tô nhỏ bé mà cũ kỹ, cổ bẻ đứng dựng lên, và một đoàn những cậu trai trẻ người Đức chân dài, đầu tròn xoe, mặc quần áo kiểu vùng Tiron⁽¹⁾, vai khoác dày bằng vải gai, - họ chẳng cần ai phục dịch cả, đi đến đâu cũng thấy như ở nhà mình, mà tiêu xài cũng chẳng hào phóng gì. Quý ông từ Xan Phranxixcô đến bèn điềm tĩnh tránh né cả hai đám khách này và đã lập tức được người ta nhận ra ngay. Người ta vội vã đỡ ông và bà nhà ta ra khỏi toa, người ta đã chạy lên trước để chỉ đường, và ông lại bị bao vây từ phía bởi những thằng bé con và những người đàn bà Capri vạm vỡ ấy đang đội trên đầu những va li và hòm xiểng cho những vị du khách đoàn trang này. Những chiếc guốc gỗ của họ đã vang lên lộc cộc trên một quảng trường nhỏ hẹp hệt như một bãi để diến

⁽¹⁾ Một vùng ở dãy núi Anpơ, nằm giữa biên giới ba nước Italia, Thụy Sĩ, Áo.

ca kịch, và trên quảng trường người ta thấy có một quả cầu điện⁽¹⁾ đang rung rinh dưới làn gió ẩm; lũ trẻ con huýt sáo miệng lên như một bầy chim và làm trò lộn nhào trên mặt đất, - và đi giữa đoàn người ấy, hết như trên sân khấu, vị quý ông từ Xan Phranxixcô đến đang bước tới một cổng chào thời trung cổ nào đó phía dưới những ngôi nhà gấn khít lại với nhau, mà đằng sau là một đường phố nhỏ âm vang, soai soải dẫn tới lối ra vào của khách sạn đang tỏa sáng phía trước mặt, bên trái phố có chòm một cây cọ phủ lên những mái nhà phẳng, còn phía trước, bên trên phố là bầu trời đen với những ngôi sao xanh ngát. Và mọi cảnh tượng lại bày ra hết như cái thị trấn nhỏ bằng đá uớt át trên hòn đảo nhỏ lờm chờm vách đá này ở Địa Trung Hải nay đã hồi tỉnh lại để đón chào những vị khách từ Xan Phranxixcô tới, và hết như các vị khách đã khiến cho ông chủ khách sạn sung sướng và mừng rơn đến nỗi vừa bước chân vào tiền sảnh là tiếng cồng Tàu đường như chỉ dành riêng cho họ đã vang lên khắp các tầng lầu để báo hiệu giờ tập trung ăn bữa chiều.

Ông chủ khách sạn, một người trẻ trung trang nhã tuyệt vời, cúi chào một cách lễ phép và lịch sự khi nghênh đón họ, và trong giây lát đã khiến cho quý ông từ Xan Phranxixcô tới phải sửng sốt: ông bỗng sực nhớ rằng hồi đêm hôm qua, ngoài những điều rối rắm khác đã choáng ngợp tâm trí ông trong

⁽¹⁾ Hồi ấy điện còn chưa phổ biến, một số nơi đô hội châu Âu chế ra những quả hình cầu có xung điện để thu hút khách đến xem.

giấc mộng, ông đã mơ thấy đúng con người hào hoa phong nhã này, mơ thấy y hệt con người này, cũng chiếc áo lễ phục với những tà áo quay tròn ấy và cũng mái tóc bóng lộn như gương ấy. Do ngạc nhiên, ông thậm chí đã suýt dùng chân lại. Nhưng vì từ hồi nào hồi nào đến giờ trong tâm hồn ông đã không còn một mảy may cảm giác thần bí nào, nỗi ngạc nhiên của ông cũng lập tức tan biến ngay: vừa đi trong hành lang khách sạn, ông vừa bông đùa kể lại cho vợ con nghe tại sao mộng và thực lại khớp nhau một cách kỳ lạ đến thế. Thế nhưng trong phút đó, cô con gái lại lo ngại đưa mắt nhìn ông: lòng cô bỗng như đau thắt lại vì buồn thương, vì cảm giác cô đơn đáng sợ ở nơi hòn đảo xa lạ và tăm tối này...

Một nhân vật cao quý là Đức vua Râyxo thứ XVII đến thăm Capri đã vừa rời khỏi đây. Và người ta đã dành cho các vị khách từ Xan Phranxixcô đến chính những căn buồng mà Đức vua đã ở. Người ta còn cất đến phục vụ họ một cô hầu phòng xinh đẹp nhất và khéo léo nhất, một cô người Bỉ, thắt dây lưng ong, nịt ngực cứng ngắc, đầu đội một chiếc mũ *bonné* hồ bột như hình một vương miện nhỏ có răng cưa, cùng một người đầy tớ xuất sắc nhất người đảo Xitxilia⁽¹⁾, da đen như hòn than, mắt đỏ như lửa, và một người trực hành lang tháo vát nhất là bác Luidgi, người nhỏ con nhưng béo, suốt đời mình đã phục vụ ở nhiều nơi trong thân phận này. Và một phút sau đó, người ta

⁽¹⁾ Tức Xixilo (tiếng Pháp: *Sicile*), một đảo lớn của Italia ở phía nam nước này.

đã thấy một *métđôten* người Pháp đến gõ nhẹ vào cửa buồng quý ông từ Xan Phranxixcô tới, để hỏi xem các vị khách mới đến có dùng bữa chiều không, và khi được trả lời là có (kể ra điều này cũng chẳng có gì để hoài nghi cả), thì xin được thưa rằng hôm nay có món tôm hùm, bít tết, măng tây, gà lôi và vân vân. Đắt dưới chân quý ông từ Xan Phranxixcô đến vẫn còn chao đảo, - cái chiếc tàu Italia bé con con và tồi tệ ấy đã lắc ông ghê gớm, - nhưng ông vẫn thông thả (mặc dầu chưa quen và chưa thạo lắm) tự tay ra đóng chặt cánh cửa sổ đã sập lại từ lúc người *métđôten* bước vào, một cánh cửa sổ mà từ đó ông thấy sắc mùi Nhà bếp ở phía xa xa và mùi những đóa hoa ướn át ở ngoài vườn. Và ông từ tốn, rạch ròi trả lời rằng cả nhà sẽ ăn bữa chiều, bàn ăn phải đặt ở nơi cách xa cửa ra vào, tận cuối phòng, và sẽ dùng rượu nho của địa phương. Đối với mỗi lời ông nói ra, người *métđôten* đã phụ họa bằng những giọng điệu cực kỳ đa dạng, nhưng đều chỉ có một nghĩa là không nghi ngờ gì và không thể có nghi ngờ gì về sự đúng đắn của những ý muốn của quý ông từ Xan Phranxixcô tới, và mọi việc đều sẽ được thi hành chính xác. Cuối cùng ông ta cúi đầu, tế nhị hỏi:

- Thế là hết ạ, thưa ngài?

Và sau khi đã nhận được câu "yes"⁽¹⁾ chậm rãi đáp lại, ông ta nói thêm rằng hôm nay ở tiền sảnh sẽ có nhảy *larantela*, do Karmela và Đgiudeppê, nổi tiếng

⁽¹⁾ Tiếng Anh: Vâng, phải, ừ.

trong toàn nước Italia và trong "toàn bộ thế giới du khách", trình diễn.

- Tôi có thấy cô ta trong những tấm bưu ảnh, - quý ông từ Xan Phranxixcô tới nói bằng một giọng không biểu lộ điều gì. - Thế còn cái anh Đgiudeppê này là chồng cô ta ư?

- Là anh họ, thưa ngài, - người *metđôten* đáp.

Thế rồi chân chừ dỗi chút, suy nghĩ điều gì đó nhưng không nói gì thêm, quý ông từ Xan Phranxixcô tới cho phép người *metđôten* cáo lui bằng một cái gật đầu.

Và sau đó ông bắt tay vào chuẩn bị, hết như chuẩn bị đi đám cưới vậy: ông bật điện lên ở khắp nơi, khiến cho các tấm gương đều sáng loáng và bóng lộn lên, soi tỏ được cả những đồ đạc và những hòm xiềng được mở toang; ông bắt đầu cạo râu, rửa ráy và chốc chốc lại bấm chuông gọi, trong khi đó, suốt dọc hành lang cũng vang lên những hồi chuông hồi hả khác xen vào những hồi chuông gọi của ông, - đó là những hồi chuông từ các buồng của vợ ông và con gái ông. Còn bác Luidgi mặc áo tạp dề đỏ, với bộ điệu nhẹ nhõm riêng có của một số đông người béo mập, luôn nhún nhót vẻ khiếp sợ khiến các cô hầu buồng xách những xô nước trắng men chạy đi chạy lại qua đó phải buồn cười đến chảy nước mắt. Mỗi khi nghe tiếng chuông thì bác ta quay ngoắt người chạy xô đến, cong ngón tay gõ vào cửa, giả bộ rụt rè và ra vẻ kính cẩn đến mức ngu xuẩn, lên tiếng hỏi:

- *Ha sonato, signore?*⁽¹⁾

Và bên trong cửa có tiếng the thé, từ tốn và lễ phép nghe đến phát lộn ruột, đáp lại:

- *Yes, come in...*⁽²⁾

Trong cái buổi tối đáng ghi nhớ cho mình đến như thế, quý ông từ Xan Phranxixcô đến đã có cảm giác gì, đã suy nghĩ gì nhỉ? Như bất kỳ ai khác sau cơn sóng gió, ông chỉ rất muốn được ăn uống, khoái trá mơ tưởng tới thìa xúp đầu tiên, ngụm rượu vang đầu tiên, và ngay cả một công việc quen thuộc là việc trang điểm ông cũng tiến hành nó trong một tâm trạng hưng phấn, do đó không còn thời gian đâu để mà cảm xúc và nghĩ ngợi nữa.

Cạo râu xong, rửa ráy xong, đặt mấy chiếc răng giả cho êm xong, ông ra đứng trước gương rửa nước hoa rồi dùng những chiếc bàn chải có cán bằng bạc mà thu vén đám tóc màu ngọc trai còn lại chung quanh cái sọ dừa vàng ngăm đen của mình, kéo căng chiếc áo *toricô* bằng lụa màu kem trên tấm thân già nua tuổi tác nhưng còn chắc chắn và eo lưng còn đang mập mập lên do tăng cường bồi dưỡng ấy. Còn đôi chân khô khảnh với những bàn chân dẹt thì ông xỏ vào đôi bít tất dài bằng lụa đen và đôi giày dùng để khiêu vũ. Rồi ngồi chồm hổm, ông chỉnh lại chiếc quần đen đã được những chiếc *broten* lụa kéo cao lên và nắn lại cả chiếc sơ mi trắng muốt có độn ngực, rồi ông lồng những chiếc khuy vào

⁽¹⁾ Thưa ngài, ngài gọi chuông ạ? (tiếng Italia).

⁽²⁾ Vâng, cứ vào... (tiếng Anh).

đôi cổ tay áo bóng lộn và bắt đầu thấy khổ sở để cố làm sao cho hai bên cổ sơ mi cũng ngắc bắt được vào chiếc khuy cổ. Sàn nhà vẫn còn chao đảo dưới chân ông, mấy đầu ngón tay ông đau buốt lên, đôi lúc chiếc khuy cắn chặt lấy lớp da nhéo ở hõm dưới cục hâu, nhưng ông rất cương quyết và cuối cùng, với đôi mắt loé sáng vì căng thẳng, với toàn thân tím ngắt đi vì chiếc cổ còn quá chặt đã thít lấy cổ họng, ông cũng đã làm được cái việc phải làm. Đoạn ông mệt nhoài ngồi xuống trước tấm gương lớn có tranh vẽ bên trên⁽¹⁾, toàn thân ông soi trong tấm gương ấy và được phản chiếu cả trong các tấm gương khác.

- Ôi, thật kinh khủng! - ông lẩm bẩm, cúi chiếc đầu hói vũng chắc của mình xuống và cũng chẳng cố gắng suy nghĩ, tìm hiểu xem quả thật mình kinh khủng cái gì; rồi theo thói quen, ông chăm chú ngắm nhìn những ngón tay ngắn ngủn của mình mà các khớp xương đều đã cứng queo lại vì bệnh gút, ngắm nhìn những chiếc móng tay to, màu hạnh nhân, thối lồi trên đôi tay của mình mà nhắc lại một cách tin chắc: - Thật kinh khủng....

Song vừa lúc đó khắp trong tòa nhà đã rền rĩ, hệt như trong một ngôi đền ngẫu thần giáo, vang lên tiếng công thứ hai. Thế là quý ông từ Xan Phranxixcô tới bèn mải mốt đứng dậy, dùng chiếc cà vạt thít cổ áo chặt hơn nữa, dùng chiếc gilê để hở cổ

⁽¹⁾ Trumeau (tiếng Pháp), gương lớn trang trí, vừa là gương lại vừa có tranh vẽ ở phần trên.

mà thít lấy bụng, mặc áo *xmôking* vào, chỉnh lại đôi cổ ống tay áo và ngắm nghía một lần nữa trong gương... Ông nghĩ: "Cái cô Karmela có đôi mắt nhìn gương gạo này da bị ngăm ngăm, giống như lai da đen, cô ta phục sức loè loẹt nhưng chủ yếu vẫn là màu da cam, và chắc hẳn cô ta nhảy cừ lắm đây. Rồi ông tươi tỉnh bước ra khỏi buồng, men theo tấm thảm đi sang căn buồng bên cạnh của vợ mình, cất cao giọng hỏi xem các bà các cô đã sắp xong cả chưa?

- Năm phút nữa ạ! - từ phía trong cửa có tiếng con gái đáp lại vang lạnh lạnh và đã ra chiêu vui vẻ.

- Được lắm, - quý ông từ Xan Phranxixcô nói.

Rồi ông từ tốn bước theo các hành lang và các cầu thang trải thảm đỏ mà xuống dưới nhà, đi tìm phòng đọc sách báo. Kẻ hầu người hạ gặp ông đều phải nép mình vào tường để tránh, còn ông thì ông cứ đi, dường như không hay biết gì về họ. Một bà già, lưng đã còng, tóc đã ngả sang màu sữa, nhưng để hở vai, mặc một chiếc xiêm lụa màu xám nhạt, đi phía trước ông. Thấy đã muộn giờ ăn chiều, bà ta cố hết sức rảo bước, nhưng rảo bước theo kiểu đi của gà mái trông đến buồn cười, và ông đã dễ dàng vượt qua bà ta. Đến cạnh cửa kính phòng ăn, nơi mọi người tụ tập đông đủ và đã bắt đầu ăn, ông dừng bước trước một chiếc bàn nhỏ chất đầy những hộp xi gà và thuốc lá Ai Cập, cầm lấy một điếu *manila*⁽¹⁾ to bự rồi quăng

⁽¹⁾ Loại xi gà ngon có tiếng của đảo Lu-xôn, mang tên Manila, thủ đô Philippin.

xuống bàn ba *lira*⁽¹⁾; ra tới hàng hiên dùng cho mùa đông, ông nhân thể nhìn qua cửa sổ bỏ ngõ; bóng tối từ bên ngoài phủ vào mặt ông một lần không khí mơn man, ông thấy chớm một cây cọ già đang dùng đũa và xũa các tàu lá trên bầu trời đầy sao, do đó các tàu lá tưởng chừng như to lớn kinh khủng, và ông thấy vọng lại cả tiếng biển reo đều đều, xa xôi... Trong phòng đọc sách báo ấm cúng và yên tĩnh, chỉ có đèn sáng trên những mặt bàn, có một người Đức đầu bạc nào đó đang đứng gỡ mấy tờ báo kêu loạt soạt. Ông ta trông giống Ipxen⁽²⁾ đeo kính tròn gọng bạc, đôi mắt ông ta điên dại, trở lên sùng sốt. Quý ông từ Xan Phranxixcô tới nhìn ông người Đức ấy một cách lạnh nhạt, đoạn ngồi vào một chiếc ghế bành bằng da thật sâu đặt trong góc phòng cạnh một cây đèn có chao đèn màu xanh lá cây, ông lấy kính không gọng ra kẹp vào mũi, rồi duỗi cái cổ đang bị cổ áo thít chặt, mở rộng tờ báo ra xem khiến toàn thân ông bị che khuất. Ông lướt qua đầu đề một vài bài báo, đọc vài dòng về cuộc chiến tranh đang kéo dài liên miên ở vùng Bancăng và trong khi đang lật trang báo với một cử động quen thuộc, thì ông bỗng thấy những dòng chữ tự đứng bồng lóc lên trước mắt ông như qua một tấm kính rồi thấy cổ của mình bị kéo căng ra, mắt lồi lên, chiếc kính không gọng tuột khỏi sống mũi... Ông bổ choàng về phía trước, định

(1) Tên đồng tiền Italia.

(2) H.Ibsen (1828-1906), nhà văn nổi tiếng của Na-uy, tác giả của nhiều vở kịch xuất sắc.

hộp lấy một ngum không khí, thì lại khò khè lên một cách dữ dội, quai hàm dưới của ông trễ xuống, lộ rõ mồm ông vàng choé đầy răng vàng, đầu ông ngoẹo sang ngật ngưỡng ở một bên vai, ngực áo sơ mi ông phồng ra thành một cái hộp, - và toàn thân quần quai, hai đế giầy đập xuống thảm, ông bò lăn bò quàng trên sàn, vật lộn quyết liệt với một kẻ nào đó.

Nếu như trong phòng đọc sách báo không có cái ông người Đức ấy, thì ở khách sạn người ta đã có thể mau lẹ và khéo léo xí xoá cái sự kiện khủng khiếp này bằng cách chạy ngay lại tóm lấy chân, lấy đầu quý ông từ Xan Phranxixcô đến mà phóng ra lối cửa sau, đưa ông đi đâu đó xa hơn một chút, - thế là các khách khứa sẽ không một ai có thể biết được ông đã gây ra chuyện gì ở đây. Thế nhưng cái ông người Đức lại chạy bổ ra khỏi phòng đọc kêu toáng lên, khiến cho cả nhà, cả buồng ăn đều nhốn nháo hết. Rồi có nhiều người đang ăn cũng nhảy chồm lên hất đổ cả ghế, nhiều người tái mặt đi, chạy lại phía phòng đọc, hồi rộn lên bằng mọi thứ tiếng: "Cái gì thế, cái gì xảy ra thế?", - và chẳng ai trả lời được rõ ra sao cả, chẳng ai biết gì sất, bởi vì cho tới tận bây giờ người ta vẫn chỉ càng ngạc nhiên hơn chứ nhất quyết không tin vào sự chết chóc. Ông chủ khách sạn thì chạy vạy hết vị khách nọ đến vị khách kia, những vị nào bỏ chạy thì ông cố giữ chân họ lại và làm họ yên lòng bằng những lời đoán chắc vội vã rằng sự thể chỉ có thể thôi, chỉ có một quý ông từ Xan Phranxixcô tới bị ngất xỉu tí chút chứ có gì

dầu... Nhưng chẳng ai nghe ông ta cả, nhiều người đã trông thấy những anh hầu bàn và những bác trực hành lang giặt bỏ cà vạt, gilê, chiếc áo *xmoking* nhàu nát cho cái quý ông đó, và thậm chí chẳng hiểu sao họ lại tháo cả đôi giày khiêu vũ ra khỏi đôi chân đi tất lụa đen có những bàn chân dèn dẹt của ông ta nữa. Còn ông ta thì vẫn giầy giụa. Ông ta kiên trì vật lộn với cái chết, quyết không chịu khuất phục nó, dù cho nó đã ập đến với ông một cách bất ngờ và thô bạo đến như vậy. Ông lắc lắc cái đầu, khò khè như bị cắt tiết, mắt trợn trừng như một kẻ say rượu... Khi người ta vội vã khiêng ông và đặt ông lên giường trong buồng số bốn mươi ba - một căn buồng nhỏ nhất, xoàng nhất, ẩm thấp và lạnh lẽo nhất, ở cuối hành lang nhà dưới, - thì cô con gái mới chạy tới, tóc buông lơi, ngực để hở với chiếc nịt vú độn cao, rồi đến bà vợ to béo, nặng nề, đã phục sức tề chỉnh để ăn bữa chiều, miệng bà ta há hốc vì khùng khiếp... Thế nhưng đúng lúc ấy ông ta đã không lúc lắc được cả cái đầu nữa rồi.

Mười lăm phút sau mọi sự trong khách sạn cũng tạm tạm ổn. Song buổi tối đó đã bị phá hỏng không sao cứu vãn được. Một vài người trở lại phòng ăn để ăn cho xong bữa, nhưng lặng lẽ, tỏ vẻ phật ý ra mặt, trong khi đó ông chủ lúc thì đến gặp người này, lúc thì đến gặp người kia, nhún vai tỏ vẻ bức dọc một cách bất lực nhưng lịch thiệp, tuy chẳng có lỗi gì nhưng lại cảm thấy có lỗi, cam đoan với mọi người là mình thừa hiểu rằng "câu chuyện thật bức mình", và

hứa hẹn là sẽ dùng "mọi biện pháp mà mình có thể làm" để giải quyết cái chuyện bực mình đó; ông đành phải bãi bỏ tiết mục nhảy *tarantela*, đèn điện chỗ nào thừa phải tắt bớt đi, các khách khứa phần lớn bỏ ra phố, ra quán bia, và trong khách sạn đâm ra tĩnh mịch đến nỗi nghe rõ cả tiếng đồng hồ tích tắc trong tiền sảnh, ở đó chỉ có mỗi mình con vẹt là còn đang lục sục trước khi ngủ, nó máy móc lắm bấm cái gì đó, tìm ra một phương pháp kỳ cục là đeo một chân lên chiếc que ngang phía trên mà ngủ... Quý ông từ Xan Phranxixcô tới nằm trên một chiếc giường sắt rẻ tiền, mình đắp mấy tấm chăn len thô được mờ mờ chiếu sáng bởi một chiếc vòi khí đốt ở trên trần. Chiếc túi chườm nước đá thông xuống vàng trán ướt và lạnh ngắt của ông. Bộ mặt tím lịm, không còn sinh khí nữa đang nguội lạnh dần, tiếng khò khè bật ra từ cái mồm há hốc loang loáng ánh vàng cũng yếu dần. Người đang khò khè này là một ai khác chứ không phải quý ông từ Xan Phranxixcô đến, - ông ta đâu có còn nữa. Bà vợ, cô con gái, ông bác sĩ, một cô sen đang đứng nhìn ông. Bỗng nhiên, điều mà họ chờ đợi và sợ hãi đã diễn ra - tiếng khò khè đã dứt. Và rồi dần dần, dần dần, - ngay trước mắt mọi người, - màu tái lan ra trên khuôn mặt người đã chết, nét mặt ông ta hóa ra lại rõ rệt hơn, sáng sủa hơn trong một dung nhan đẹp đẽ từ lâu đã từng xứng hợp với ông ta.

Ông chủ bước vào. "*Già é morto*"⁽¹⁾, - bác sĩ thì

⁽¹⁾ Tiếng Italia: Ông ấy đã chết.

thầm nói với ông. Ông nhún vai, nét mặt thản nhiên. Nước mắt lặng lẽ chảy trên má bà nhà ta. Bà tiến lại gần ông chủ, rụt rè bảo rằng bây giờ phải đưa người quá cố lên buồng cũ.

- Ô không, thưa bà, - ông chủ bác bỏ một cách vội vã, tuy chần chừ, nhưng không còn chút nhả ý nào và bằng tiếng Pháp chứ không phải bằng tiếng Anh nữa, bởi vì giờ đây các vị khách từ Xan Phranxixcô tới đã có thể để lại cho ngân quỹ của ông những khoản tiền nhỏ mọn khiến ông chẳng thích thú gì. - Điều đó hoàn toàn không thể được, thưa bà, - ông ta nói đoạn giải thích thêm rằng ông rất quý trọng mấy căn buồng đó, rằng nếu như ông chiều theo ý của bà thì cả cái đảo Capri này sẽ biết chuyện và rồi các du khách sẽ tránh không thuê những căn buồng ấy nữa.

Cô nhà ta thì cứ ngó nhìn ông chủ hoài với vẻ lạ lùng, và nghe ông nói vậy bèn ngồi xuống ghế, lấy khăn mùi xoa bưng miệng khóc lên rưng rức. Mặt bà nhà ta liền đỏ lên bừng bừng, nước mắt ráo hoảnh. Bà cất cao giọng, dõng dạc này thế khác, vẫn nói bằng thứ ngôn ngữ của mình, và vẫn còn chưa tin rằng người ta đã mất hết lòng kính trọng đối với gia đình mình rồi. Với giọng trang trọng mà lễ phép, ông chủ vẫn dần ép bà, bảo rằng: nếu bà không bằng lòng với những lễ thói của khách sạn thì ông ấy chẳng dám giữ; rồi ông ta tuyên bố như đinh đóng cột rằng thì thế phải được chở đi ngay hôm nay vào lúc rạng đông, rằng cảnh sát đã được phi báo, rằng đại diện cảnh

sát sẽ đến bây giờ và sẽ làm những thủ tục cần thiết... Ở Capri có thể kiếm đâu được một cỗ quan tài dù là loại bình thường đã đóng sẵn không, quý bà hỏi thế chẳng? Rất tiếc là không, không sao kiếm được, còn như đóng cỗ quan tài mới thì cũng chẳng ai làm kịp. Vậy thôi phải tìm cách nào đó khác hơn... Chẳng hạn như người ta thường chở nước xôda Änglê đến cho ông ta bằng những chiếc hòm lớn mà dài... có thể lấy mấy tấm ván từ một trong những chiếc hòm đó...

Đêm đến, khách sạn đều yên giấc cả rồi. Ở buồng số bốn mươi ba, người ta mở cửa sổ ra, - cửa sổ trông ra một góc vườn, ở đây có một bức tường đá cao bên trên cắm đầy mảnh thủy tinh, phía dưới tường mọc một cây chuối còi cọc, - người ta tắt điện, khóa chặt cửa rồi bỏ đi. Người chết ở lại trong tâm tối, từ trên trời những ngôi sao xanh ngắt nhìn xuống ông ta, trên tường một con dế kêu lên tí tỉ, vô tư lự mà buồn rầu... Ở hành lang, dưới ánh sáng mờ mờ, hai cô hầu buồng ngồi trên bậu cửa sổ khau vá gì đó. Bác Luidgi bước vào, chân đi giầy mềm, tay ôm một đồng quần áo.

- *Pronto?* (Sẵn sàng rồi chứ?) - bằng một giọng thì thầm âm vang, bác ta hỏi với vẻ sẵn sàng, đưa mắt chỉ cái khung cửa sổ phía cuối hành lang. Rồi bác đưa cánh tay để không lên, lệ làng ngoáy một cái về phía đó, - *Partenza!*⁽¹⁾ - bác khê hô lên như khi đưa tiễn một đoàn tàu lửa vậy, bởi vì ở

⁽¹⁾ Tiếng Italia, nghĩa là: Lên đường!

Italia người ta thường hô lên như thế ở các sân ga mỗi khi có đoàn tàu chuyển bánh, - thế là các cô hầu buồng cứ gục đầu lên vai nhau mà cười sặc sụa không thành tiếng.

Sau đó bác nhè nhẹ nhảy chân sáo chạy đến sát tận cửa, khẽ gõ một tiếng rồi ngoẹo cổ, se sẽ hỏi với vẻ rất mực cung kính:

- *Ha sonato, signore?*

Rồi tự bóp cổ họng, trề hàm dưới ra, cất lên một giọng the thé, từ tốn và buồn rầu, bác tự trả lời mình hết như từ phía sau cửa vọng ra:

- *Yes, come in...*

Tối lúc rạng đông, khi ở ngoài ô cửa sổ buồng số bốn mươi ba trời đã sáng ra và làn gió ẩm đã xào xạc lay những tàu lá chuối rách bướm, khi bầu trời xanh ban mai đã nổi lên và trải rộng trên đảo Capri, đỉnh núi Môngtê - Xôliarô sạch sẽ và rõ nét đã nhuộm ánh vàng trước ánh mặt trời đang nhô lên từ phía sau những dãy núi xa xanh của Italia, khi những người thợ xây đã đi làm để sửa những con đường nhỏ cho du khách đi lại trên đảo, - thì người ta đem đến buồng số bốn mươi ba một chiếc hòm dài vốn để chõ nước xoda. Chẳng mấy chốc chiếc hòm ấy đã trở nên nặng chịch, - rồi nó dè chặt lấy hai đầu gối của cậu canh cửa được giao nhiệm vụ mau chóng chở nó đi trên chiếc xe một ngựa men theo con đường cái trắng xóa vòng vèo tới lui trên những triền núi Capri, len lỏi giữa những dãy tường vây bằng đá và những vườn nho, mỗi lúc một xuôi dần xuống tới tận biển.

Bác xà ích người lữ dư, đôi mắt đỏ ngầu, bận chiếc áo vét tông nhỏ bé, cũ kỹ tay áo ngắn ngủn, chân đi đôi giày gỗ đã mòn vẹt. Bác ta vừa chè chén xong, - cả đêm bác ta đánh thò lò trong quán rượu, - nên bác luôn tay ra roi quất vào con ngựa nhỏ nhưng chắc nịch của mình, một con ngựa được trang điểm theo kiểu Xitxilia, luôn rít rưng vang mọi chiếc nhạc treo ở dây cương có đeo ngù len sặc sỡ và treo cả ở những mồm nhọn của một bộ yên cao bằng đồng. Con ngựa còn có một chiếc lông chim dài tới một *ácsin* cắm trên bờm trán đã được xén gọn và luôn ve vẩy mỗi khi nó chạy. Bác xà ích trầm ngâm, bác còn ủ ê về cảnh trác táng, về những thói hư tật xấu của mình, - cụ thể là về việc đêm qua bác đã đánh bạc thua hết số tiền công cuối cùng của mình, các túi áo bác mới đầy cộm những tiền đồng mà nay đã sạch trơn. Thế nhưng buổi sáng ấy mát mẻ, trong bầu không khí như vậy, ở giữa biển, dưới bầu trời ban mai, hơi men chẳng mấy chốc đã tan đi và cái vô tư lự chẳng mấy chốc đã trở lại với bác xà ích, vả chăng bác cũng được an ủi ở chỗ là bác bỗng nhiên được một món tiền công xá của cái quý ông nào đó từ Xan Phranxixcô tới, hiện đang lúc lắc cái đầu đã chết của mình trong chiếc hòm sau lưng bác... Một chiếc tàu nhỏ bé hệt như một con bọ dừa nằm xa xa ở phía dưới, trên một khoảng xanh biếc mịn màng và rạng rỡ đang trải ra rộng khắp và phủ kín cái vịnh Nêapôn này. Những hồi còi cuối cùng của con tàu ấy đã nổi lên và vang vọng một cách sáng khoái trên

khắp hòn đảo, mà lúc này dù đứng ở đâu ta cũng đều trông thấy được rõ mồn một từng đường cong uốn lượn, từng đỉnh núi, từng tảng đá, hết như không còn tí không khí nào nữa cả. Một chiếc xe ô tô phóng nhanh đã bắt kịp cậu canh cửa ở gần bến, trên xe người ta thấy cô nhà ta và bà nhà ta mặt tái xanh, mắt hờn sâu vì đã tuôn lệ và vì đêm mất ngủ. Rồi mười phút sau, con tàu nhỏ lại bắt đầu khua động làn nước biển và lại chạy về Xôrientô, và Caxtelamarê, chỗ cái gia đình từ Xan Phranxixcô tới ấy vĩnh viễn rời khỏi Capri... Và hòa bình, yên tĩnh lại được khôi phục trên đảo.

Cách đây hai nghìn năm, trên hòn đảo này đã từng sống một con người hoàn toàn chìm đắm trong những hành vi tàn ác và bẩn thỉu của mình, một con người không hiểu vì đâu mà đã từng ngự trị hàng triệu sinh linh, một con người mà chính bản thân ông ta cũng đã quần trí về cái vô nghĩa của quyền lực ấy và luôn sợ rằng có ai đó sẽ ám sát mình nên đã làm đủ mọi sự tàn bạo vượt qua bất kỳ mức độ nào. Loài người đời đời nhớ đến ông ta, và ngày nay, trên toàn thế giới còn có cả những người về tổng thể là chưa hiểu hết mà về thực chất là cũng đang thống trị và cũng tàn bạo như ông ta đều cũng từ khắp nơi trên toàn cầu vẫn thường đến đây để xem di tích ngôi nhà bằng đá ông ta đã từng ở trên một vách núi cheo leo nhất trên đảo. Trong cái buổi sáng tuyệt vời ấy, tất cả những ai đã đến Capri chỉ vì mục đích nói trên đều hãy còn đang ngủ trong khách sạn, mặc dù lúc

bấy giờ những con la nhỏ bé màu lông chuột, trắng yên đỏ, đã được gióng đến cửa các khách sạn để cho những người Mỹ, những người Đức, nam có, nữ có, già có, trẻ có, lại sẽ cười lên lưng chúng sau khi đã tỉnh dậy và đã ăn uống no say, và để cho những bà già ăn mày ở Capri với những chiếc gậy trong những bàn tay gầy guộc lại sẽ phải chạy theo mà ruồi chúng theo những con đường hẻm, lên tới trên núi, cho tới tận đỉnh núi Môntê-Tibêriô. Biết rằng ông già từ Xan Phranxixcô tới vốn định cùng đi với họ, nhưng nay ông đã chết rồi, và thay vì ông ta chỉ khiến họ khiếp sợ khi nghĩ đến cái chết thì nay ông cũng đã được đưa đi Nêapôn rồi, nên các du khách bèn yên chí ngủ say, vì vậy trên đảo vẫn còn yên ắng, các cửa hiệu trong thị trấn vẫn còn đóng cửa. Chỉ có mỗi cái chợ trên một bãi nhỏ hẹp là đã bắt đầu mua bán cá và rau, và ở đó rất là những người dân thường, trong số đó như bao giờ hết, vẫn có bác Lôrentxô đứng chơi không. Bác ta là một ông già chèo thuyền vóc dáng cao lớn, thích dong chơi vô tư lự và đẹp mã nổi tiếng khắp nước Italia, đã nhiều lần làm mẫu vẽ cho nhiều họa sĩ. Bác ta đã đem đến và đã bán với giá rẻ mạt hai con tôm hùm mà bác mới bắt được hồi đêm (hai con tôm đó đã khua lạo sạo trong chiếc tạp dề của bác đầu bếp ở chính cái khách sạn mà gia đình từ Xan Phranxixcô tới đã trọ đêm qua), do đó giờ đây bác ta có thể yên chí đứng chơi dù cho đến tận chiều tối, và bác đưa mắt nhìn quanh với vẻ kiêu hùng, phô trương bộ quần áo rách mướp của mình cùng với

chiếc tàu bằng đất sét và chiếc mũ nổi lên màu đỏ đội lệch xuống một bên tai. Còn bên bờ dốc dựng đứng của quả núi Môngtê-Xôliarô, theo con đường hẻm của người Phenixia⁽¹⁾ thời xưa được xẻ giữa hai vách đá, lần theo những bậc đá, người ta thấy có hai người dân vùng núi Abrutxiô đang từ Anacapri đi xuống. Một người mặc áo tơi bằng da thối một chiếc khèn bong, - gồm một túi da dê to tương với hai ống sáo, còn người kia thì thổi một nhạc cụ gì đó như kiểu một ống tiêu bằng gỗ. Họ tiến bước, - và toàn bộ cái đất nước vui tươi, tuyệt diệu, chói nắng ấy trải ra dưới chân họ: cả những cái bướt bằng đá của hòn đảo mà hầu như toàn bộ diện tích đảo đều nằm dưới chân chúng, cả cái khoảng xanh thân tiên mà hòn đảo đó đang tắm mình, cả những làn hơi nước ban mai rực rỡ trên mặt biển về phía đông dưới ánh mặt trời chói chang đang mỗi lúc một lên cao và đã bắt đầu đem lại cái nóng nực, cả những dãy núi xanh ngắt mù sương còn rung rinh trong lúc ban mai, những dãy núi gần cũng như xa của cái nước Italia này mà vẻ đẹp là không sao tả xiết được bằng tiếng nói con người. Đi được nửa đường thì họ bước chậm lại: trên đường đi, trong một hốc ở vách đá núi Môngtê-Xôliarô có một bức tượng Đức Mẹ được ánh nắng mặt trời soi sáng toàn bộ và toàn bộ đứng trong cái ấm áp và cái chói loà của ánh sáng mặt trời. Đức Mẹ ngự trong

⁽¹⁾ Một xứ sở cổ xưa, đã từng có nền văn minh rất cao, ở phần đất của các nước Xyri, Libăng ngày nay.

xiêm áo bằng thạch cao trắng phau phau, đội một chiếc vương miện đã ố vàng do giẫm mưa dãi nắng. Trông Người hiền hậu, nhân từ, cặp mắt ngược nhìn lên trời, ngược nhìn những đấng vinh hắng và phiêu diêu của đứa con trai của Người đã từng ba lần được ban phúc lạ. Hai người dân vùng núi Abrutxiô ngả mũ, đưa những chiếc khèn lên môi, - và thế là người ta thấy tuôn trào những khúc nhạc vừa hồn nhiên, vừa hiền lành lại vừa mừng vui ca ngợi mặt trời, ca ngợi buổi sáng, ca ngợi Người, ca ngợi Đức Mẹ trinh khiết vẹn toàn đã bênh vực cho mọi kẻ khổ đau trong cái thế giới độc ác mà tuyệt vời này, ca ngợi người con đã từ Người mà lọt lòng ra trong hang đá Bêtlehem⁽¹⁾, trong nơi nường nấu nghèo nàn của người chăn cừu, ở xứ Giudêa⁽²⁾ xa xôi...

Còn thi hài của ông già từ Xan Phranxixcô tới thì đang trên con đường về nhà, về nơi mồ yên mả đẹp, về với bến bờ của Thế giới mới. Sau khi đã chịu nhiều nỗi nhọc nhã, nhiều cảnh khinh khi của con người, trải qua một tuần lễ lang thang hết kho cảng này đến kho cảng khác, cuối cùng thi hài lại rơi đúng vào chính con tàu nổi tiếng mà chỉ cách đó không lâu nó đã chở ông ta sang Thế giới cũ một cách trọng vọng. Thế nhưng giờ đây người ta đã giấu không cho những người đang sống biết đến ông, - người ta vùi sâu ông vào một chiếc quan tài tẩm nhựa mà đưa xuống hầm

⁽¹⁾ Tức Bethlehem (người công giáo chỉ đọc là Bêlem), nơi sinh Chúa Giêsu.

⁽²⁾ Tức Judea, vùng đất ở phía nam Paléstin.

tàu đen ngòm. Rồi một lần nữa, một lần nữa con tàu lại đi vạn dặm trùng dương. Đến đêm nó chạy sát qua đảo Capri, những ánh đèn của nó buồn thiu và từ từ khuất trong vùng biển tối tăm trong con mắt ai đứng trên đảo dõi nhìn theo. Song, ngay trong đêm ấy, ở trên tàu, trong những căn phòng lát đá hoa sáng choang và rực rỡ với những chiếc đèn chùm, vẫn có vũ hội đông người như thường lệ.

Rồi cả đêm hôm sau, và đêm hôm sau nữa, con tàu vẫn đi, - và nó lại đi trong cơn bão tuyết điên cuồng tràn qua đại dương lúc ấy đang rền vang như một buổi thánh lễ *Misa* an táng và đang trôi dạt giữa những núi sóng đầu phủ khăn xô trắng xóa. Vô vàn những con mắt lửa của con tàu chỉ thấp thoáng ẩn hiện dưới làn tuyết trắng trong con mắt của Quỷ dữ đang náu mình trên những vách núi cheo leo ở Gibrantar, trên cái cổng đá giữa hai thế giới này mà dõi nhìn theo con tàu đang mất hút trong đêm sâu và trong bão tuyết. Quỷ dữ to sừng sững như một mỏm núi, nhưng con tàu còn to hơn nó, con tàu có nhiều tầng, nhiều ống khói, là tác phẩm của niềm kiêu hãnh của Con Người Mới với trái tim cũ. Bão tuyết dồn dập quật vào những dây nhợ và những ống khói loe to phủ đầy tuyết trắng xóa của con tàu, nhưng nó vẫn vững vàng, chắc chắn, oai nghiêm và đáng sợ. Trên tầng mái cao nhất, người ta thấy đơn độc nhô lên trong bão tố mấy căn buồng ấm cúng, mờ sáng, và ở nơi đây con người béo phịch phịch ấy đang điều khiển con tàu, mặc dầu chìm đắm trong cảnh mơ màng nhạy bén và chấp

chờn, nhưng ông ta vẫn chế ngự toàn bộ con tàu, hết như một ngẫu thần vậy. Ông ta vẫn nghe thấy chiếc còi tàu bị bão tố bóp nghẹt đang rít lên những tiếng rên rỉ náo nùng và điên dại, nhưng ông ta vẫn tự yên lòng vì thấy mình vẫn gắn bó với những gì đang diễn ra ở bên kia vách, mặc dù rút cục chính bản thân ông cũng không hiểu rõ điều đó là do đâu. Trong một căn phòng lớn tuồng như đã được bọc thép ấy, người ta thấy chóc chóc lại vang lên những tiếng ầm ì, những âm thanh rợn rợn bí hiểm và những tiếng lách tách khô khan của những ánh lửa xanh lập loè bao quanh một điện báo viên mặt tái nhợt, đeo một vành kim loại ở trên đầu. Ở phía dưới cùng của chiếc "Atlantida", trong lòng tàu ngập sâu dưới nước, người ta thấy những khối đồ sộ nặng hàng vạn cân của những nồi hơi và đủ thứ máy móc khác đang mờ mờ ánh lên màu thép, đang khò khè xì hơi, đang rỉ nước sôi và dầu mỡ ra trong cái bếp núc được nung nấu, hun đốt bằng những lò lửa của hỏa ngục để đem lại sự chuyển động cho con tàu. Từ đây những lực được tập trung ghềnh gớm đã sôi sục truyền ngay vào sống tàu, tỏa vào một căn hầm dài vô tận, vào một đường *tuynen*⁽¹⁾ tròn với ánh điện chiếu mờ mờ, mà ở đó, hết như trong một họng súng đại bác, giữa lòng súng đầy dầu nhớt, một chiếc trục khổng lồ đang từ từ quay với một thư thái chắc nịch khiến con người phải táng đờm kinh hồn, khác nào một con quái vật dài đườn đang sống động

⁽¹⁾ Tức *tunelle* (tiếng Pháp) đường hầm xuyên núi.

trong cái *tuynen* ấy. Thế mà ở phần giữa của chiếc "Atlantida", những phòng ăn và phòng vũ hội đang tuôn trào ánh sáng và niềm vui, đang râm ran tiếng nói cười của đám người ăn mặc bảnh bao, đang sục nức mùi hương của những đóa hoa tươi, đang réo rắt âm thanh của dàn nhạc đàn dây. Rồi người ta lại thấy đôi tình nhân thuê mượn tình tế và mềm mại uốn lượn khổ sở và thỉnh thoảng lại chập lại với nhau một cách đột ngột giữa cái đám người ấy, giữa cảnh choáng lộn của những ngọn đèn, của những lựa là, kim cương và các đôi vai trần của các bà các cô. Đó là một cô gái xinh xắn, rất mực khiêm nhường với hai làn mi buông xuôi, với mái tóc búi chải một cách ngây thơ, và một chàng thanh niên với mái tóc đen kịt như được dán lên đầu, mặt trắng bệch do đánh phấn, đi một đôi giày vécnì cực kỳ thanh nhã, mặc một chiếc áo đuôi tôm, chên thân có những vạt dài, - một chàng thật đẹp trai, nhưng trông hết như một con đĩa lớn. Nhưng nào có ai biết rằng từ lâu cái đôi trai gái này đã quá ngán ngẫm vì cứ phải giả vờ tự giằn vặt mình bằng một nỗi đau khổ khoái lạc trong tiếng nhạc buồn mà trơ trên ấy, và cũng nào có ai biết rằng ở rất sâu, rất sâu dưới chân mình, tận đáy hầm tàu tằm tối, có một chiếc quan tài đang nằm kề với lòng tàu ảm đạm và nóng bức, trong khi con tàu đang nặng nhọc vượt qua bóng tối, đại dương và bão tuyết...

Vaxilepxkôie, tháng 10 năm 1915.

HÀ NGỌC dịch

HƠI THỞ NHẸ

Ngoài nghĩa địa, trên nắm mộ còn tươi màu đất sét có cắm cây thánh giá mới bằng gỗ sồi, trông nặng nề, phẳng phiu và chắc chắn.

Những ngày tháng tư, trời u ám; từ xa qua những hàng cây, trơ cành trụi lá đã có thể nhìn thấy những lăng xây trong nghĩa trang thoáng đặng của một phố huyện, và gió lạnh réo lên từng hồi dài qua vòng hoa sứ đặt bên chân cây thánh giá.

Gắn với cây thánh giá là một tấm *mêđai giông* khá to bằng sứ nổi vồng lên, hiện rõ ảnh chân dung một nữ học sinh với đôi mắt đầy vui sướng và vô cùng linh lợi.

Đó là Ôlia Mêserxkaia.

Khi còn nhỏ, cô bé Ôlia chẳng có gì nổi bật giữa đám nữ sinh mặc đồng phục màu nâu: có thể nói gì về cô, ngoài điều rằng cô thuộc loại xinh xắn, con nhà giàu có, sung sướng, rằng cô học khá, nhưng tinh nghịch và rất vô tâm trước những lời chỉ bảo mà bà giáo chủ nhiệm lớp đã nói với cô? Ít lâu sau cô bỗng đẹp rực rỡ như đoá hoa nở rộ đổi thay không

phải từng ngày mà là từng giờ. Năm mười bốn tuổi Ôlia đã có hình dáng thon thả, đôi chân thẳng, ngực tròn căng, cô đã có những đường nét mà vẻ đằm đuối của chúng xưa nay ngôn ngữ loài người chưa bao giờ diễn tả được; năm mười lăm tuổi, Ôlia đã nổi tiếng là một cô gái xinh đẹp. Mấy đứa bạn gái của Ôlia thì lúc nào cũng chải chuốt kỹ càng, ăn vận sạch sẽ, chăm chút cho từng cử chỉ dáng điệu đầy ý tứ của mình! Còn Ôlia thì chẳng kiêng dè gì cả - cô không sợ các vết mực dính vào ngón tay, không sợ để má mình ửng đỏ, đầu tóc rối tung hay đầu gối lộ trần ra khi bị ngã. Chẳng cần cô phải quan tâm, cố gắng gì, những điều làm cô nổi bật lên trong trường hai năm gần đây cũng tự nhiên đến với cô - đó là vẻ yêu kiều, đằm dáng, uyển chuyển khoan thai và ánh mắt sáng long lanh... Trong các buổi vũ hội không ai nhảy đẹp như Ôlia, không ai trượt băng nhanh như cô, không ai được nhiều người theo đuổi tán tỉnh trong các dạ hội như cô, không hiểu vì sao bọn học trò các lớp dưới cũng ngưỡng mộ cô nhiều nhất. Ôlia trở thành thiếu nữ tự lúc nào không hay, và không biết từ bao giờ ánh hào quang đã bao quanh tên cô trong trường học. Người ta đã đồn đại rằng tính tình cô nông nổi, cô không thể sống thiếu người ngưỡng mộ, rằng cậu học trò Sensin phải lòng Ôlia đến mất trí, rằng hình như cô cũng yêu cậu ấy, nhưng cách đối xử của cô thay đổi luôn luôn, khiến cậu ta đã mấy lần tính kế quynh sinh...

Vào mùa thu cuối cùng của mình, như người ta

bàn tán trong trường. Ôlia đã hoàn toàn phát điên lên vì vui sướng. Đó là một mùa đông lạnh giá, tuyết rơi nhiều, mà chói chang ánh nắng; mặt trời khuất sớm sau tán cây vân sam cao mọc trong vườn trường phủ đầy tuyết, mặt trời trong sáng loé lên muôn vàn tia nắng báo hiệu một ngày mai giá rét, chan hoà ánh sáng, hứa hẹn cuộc dạo chơi trên phố Nhà Thờ, trượt băng trong công viên thành phố, vào buổi tối hồng hồng, khi tiếng nhạc nổi lên, giữa đám người đang lướt nhẹ trên sân băng, Ôlia sẽ nổi bật như là người thanh thoát nhất, hạnh phúc nhất.

Có lần, vào giờ nghỉ dài giữa hai tiết học, khi Ôlia đang chạy như bay trong hội trường dựng lên bằng cách lắp ghép, đằng sau cô là đám nữ sinh lớp một vừa đuổi theo, vừa hò reo vui vẻ, thì người ta bất ngờ cho gọi cô lên gặp bà hiệu trưởng. Ôlia đang chạy, đứng sững lại, thở vào một cái rất sâu, rồi bằng một động tác nhanh nhẹn quen thuộc của người phụ nữ, cô sửa lại mái tóc, kéo dài áo yếm lên vai và chạy vội lên gác, mắt sáng long lanh. Bà hiệu trưởng gương mặt trông còn trẻ hơn tuổi thật, nhưng mái đầu đã bạc, bà điềm nhiên ngồi sau chiếc bàn viết đặt dưới tấm ảnh Sa hoàng, tay cầm cuộn len đan.

- Chào *m-lle* Ôlia, - bà ta nói bằng tiếng Pháp, mắt vẫn không rời mũi đan. - Rất tiếc là không phải lần đầu tôi phải cho gọi cô tới đây để nói về cách ứng xử của cô.

- Em nghe đây, thưa *madame*, - Ôlia trả lời, bước lại gần bàn, đưa cặp mắt sáng linh lợi nhìn lên bà

hiệu trưởng, gương mặt cô bình thản như không. Tiếp đó cô ngồi xuống một cách nhẹ nhàng và yếu điệu như thể chỉ mình cô biết cách ngồi như thế.

- Cô sẽ bỏ ngoài tai những lời tôi nói, rất tiếc là tôi phải tin như vậy, - bà hiệu trưởng nói, tay kéo sợi đan làm cuộn len lăn đi trên nền gỗ bóng nhẵn, nơi Ôlia đang nhìn xuống đấy với vẻ tò mò; bà đưa mắt nhìn lên và nói tiếp: - Tôi sẽ không nói lại, sẽ không nói nhiều.

Ôlia rất thích căn phòng rộng rãi và sạch như lau như ly này, nơi vào những ngày băng giá, chiếc lò sưởi kiểu Hà Lan vẫn tỏa hơi ấm áp và thoang thoảng hương hoa linh lan đặt trên bàn. Ôlia nhìn lên chân dung nhà vua trẻ tuổi được vẽ toàn thân giữa một gian phòng bóng loáng; nhìn lên đường ngôi đều đặn trên mái tóc trắng màu sữa được uốn rất khéo của bà hiệu trưởng và im lặng chờ đợi.

- Cô không còn bé bỏng nữa đâu, - bà hiệu trưởng nói bóng gió xa xôi, trong lòng đã bắt đầu cảm thấy bức bối.

- Vâng, thưa *madame*, - Ôlia đáp lại một cách thản nhiên, gần như là vui vẻ nữa.

- Nhưng cũng chưa phải là đàn bà, - bà hiệu trưởng nói tiếp với ngụ ý xa xôi hơn nữa, gương mặt trắng nhờ nhờ của bà hơi ửng đỏ. - Điều trước tiên, - cô chải đầu kiểu gì vậy? Đó là kiểu tóc của đàn bà!

- Thưa *madame*, em không có lỗi gì, nếu em có bộ tóc đẹp, - Ôlia trả lời và hai bàn tay cô khẽ chạm vào mái đầu chải rất đẹp của mình.

- À ra thế, cô không có lỗi hả! - Bà hiệu trưởng nói. - Cô không có lỗi khi để đầu tóc như vậy, không có lỗi khi dùng những thứ lược đắt tiền, không có lỗi khi làm cha mẹ khánh kiệt vì phải sắm cho cô thứ giày cao gót giá những hai mươi rúp! Nhưng, tôi nhắc lại cho cô, cô đã hoàn toàn bỏ qua điều rằng cô đang là nữ học sinh...

Liên đó, Ôlia không còn giữ được vẻ giản dị và bình thản nữa, cô bất ngờ lịch sự ngắt lời bà hiệu trưởng:

- Xin lỗi *madame*, bà nhầm rồi: em đã là đàn bà rồi. Ai có lỗi trong chuyện này - bà có biết không? Người đó là bạn, là hàng xóm của ba em và là em trai của bà: ông Aléchxây Mikhailôvich Maliuchin. Chuyện này xảy ra mùa hè năm ngoái ở làng quê...

Một tháng sau lần nói chuyện đó, viên sĩ quan *kazác* xấu xí, chẳng có chút gì là mã thượng phong lưu, chẳng có chút gì tương đồng với môi trường của Ôlia, viên sĩ quan ấy đã bắn chết cô trên sân ga, giữa đám người đông đúc - khi tàu vừa đến. Và cái điều Ôlia tự thú vừa khó tin, vừa đã từng làm bà hiệu trưởng kinh ngạc, đã hoàn toàn được xác nhận: viên sĩ quan thông báo với viên dự thẩm của tòa án rằng Ôlia đã quyến rũ y, chung sống với y, đã hứa sẽ làm vợ y, thế mà ở ngoài ga, vào hôm xảy ra vụ án mạng, khi tiễn y đi Nôvôtrécát, cô đã bất ngờ nói rằng cô chưa hề bao giờ nghĩ tới chuyện yêu y cả, rằng tất cả những lời lẽ về chuyện hôn nhân chẳng qua chỉ là sự giễu cợt của cô đối với y. Tiếp đó Ôlia đã đưa cho Maliuchin đọc trang nhật ký ghi về y.

- Tôi liếc mắt xem mấy dòng ấy và liền sau đấy, ngay trên sân ga, nơi cô ta đang đi dạo chờ tôi đọc xong, tôi đã bắt cô ta, - viên sĩ quan nói. - Đây, xin mời ông xem, những gì đã được viết trong nhật ký ghi ngày mười tháng bảy năm ngoái.

Trong nhật ký có ghi những dòng sau:

"Bây giờ là hai giờ đêm. Tôi đã thiếp đi, nhưng một lúc sau thì tỉnh lại... Giờ thì tôi đã thành đàn bà rồi! Ba, mẹ và Tolia, tất cả đều vào thành phố, có mình tôi ở lại. Tôi đã cảm thấy thật hạnh phúc, khi còn lại một mình! Buổi sáng tôi dạo chơi trong vườn, ngoài đồng, tôi vào rừng, có cảm tưởng rằng trong cả thế giới này chỉ có một mình tôi, tôi cảm thấy đầu óc mình sáng khoái như chưa từng bao giờ gặp thế trong đời. Tôi ngồi ăn một mình, sau đó chơi đàn suốt một giờ liền, trong tiếng nhạc, tôi có cảm giác rằng mình sẽ được sống mãi mãi, sẽ được hạnh phúc hơn hết thảy mọi người. Sau đó tôi ngủ thiếp đi trong phòng làm việc của ba, nhưng đến bốn giờ thì Kachia đánh thức tôi dậy và báo rằng có ông Maliuchin đến. Tôi rất mừng thấy ông tới chơi, tôi cảm thấy khoan khoái khi được tiếp, chuyện trò đầy thú vị với ông. Ông đến bằng cỗ xe song mã của mình, hai chú ngựa nom rất đẹp, chúng cứ đứng cạnh thêm mãi, còn ông thì lưu lại chưa về ngay được vì trời mưa, ông ấy mong sao cho tới chập tối thì tạnh. Ông tiếc không gặp được ba, tỏ ra rất hoạt bát, đối xử với tôi như một hiệp sĩ, nói đùa nhiều lần rằng từ lâu ông đã phải lòng tôi. Trước lúc uống trà,

chúng tôi dạo chơi trong vườn, thời tiết lại tuyệt vời, ánh mặt trời lấp loáng qua khu vườn còn đọng nước mưa. Tuy khi trời đã rất lạnh nhưng ông vẫn khoác tay tôi đi dạo và nói rằng ông là Phaoxtơ đi bên nàng Macgarít. Ông đã năm mươi sáu tuổi, nhưng còn rất đẹp và ăn vận lúc nào cũng chỉnh chu - tôi chỉ không thích một điều là khi tới đây, ông đã mặc một chiếc áo khoác ngoài rộng thùng thình, - người tỏa ra mùi nước hoa Anh Cát Lợi, còn cặp mắt đen thì trông rất trẻ, bộ râu mềm mại tách ra thành hai phần dài và đã hoàn toàn bạc trắng. Chúng tôi ngồi uống trà ở ngoài hiên có kính ngăn, tôi cảm thấy mình hình như không được khỏe và nằm xuống chiếc divăng, còn ông thì hút thuốc, sau đó ngồi sang chỗ gần tôi, bắt đầu nói những lời êm ái, ngấm nghĩa rồi hôn lên tay tôi. Tôi lấy chiếc khăn lụa che mặt, còn ông thì mấy lần hôn vào môi tôi qua lần khăn ấy... Tôi không hiểu sao điều ấy lại có thể xảy ra, tôi điên mất rồi, tôi không bao giờ nghĩ rằng mình lại như thế! Bây giờ tôi chỉ còn một lối thoát... Tôi cảm thấy ghê tởm ông ta đến mức không thể nào chịu nổi điều này!..."

Vào những ngày tháng tư ấy, thành phố trở nên khô ráo, sạch sẽ, những phiến đá lát đường như trắng ra, đi trên đấy thật nhẹ nhàng và dễ chịu. Mỗi chủ nhật, sau lễ cầu kinh buổi sáng, dọc theo phố Nhà Thờ dẫn ra ngoài thị trấn, thường thấy một người phụ nữ nhỏ nhắn đang đi, bà vận đồ tang, đi găng tay da mềm màu đen, cầm chiếc ô làm từ gỗ

mun. Bà đi qua quảng trường bản thảo, nơi có nhiều lò rèn ám khói và không khí trong mát ngoài đồng thổi về; tiếp đó bà đi giữa nam tu viện và nhà lao, mây trắng vùn vụt ngang trời và cánh đồng mùa xuân ngả màu xanh xám; sau đó, khi đi qua những vũng nước dưới chân tường tu viện và rẽ sang trái, bà thấy hiện ra trước mặt một khu vườn khá rộng, cây cối thấp có hàng rào màu trắng bao quanh, phía trên cổng vào đây có đề dòng chữ Đức thánh Bà tạ thế. Người phụ nữ nhỏ nhắn vội làm dấu rồi theo thói quen đi tiếp trên con đường chính giữa hai hàng cây xanh. Tới bên chiếc ghế đối diện với cây thánh giá làm bằng gỗ sồi, bà ngồi xuống trong gió lạnh mùa xuân chừng một hai giờ, cho tới lúc đôi chân đi giày mỏng và tay đeo găng da chật nhỏ cảm thấy tê cứng. Lắng nghe chim mùa xuân hót ngọt ngào cả giữa trời giá rét, nghe tiếng gió reo qua chiếc vòng hoa sứ, có lúc bà nghĩ rằng bà sẵn lòng hiến nửa cuộc đời mình chỉ để sao cho khỏi phải thấy trước mắt cái vòng hoa chết chóc này. Cái vòng hoa này, năm đất này, cây thánh giá gỗ sồi này! Có thể nào tin được rằng dưới đó là cô gái với đôi mắt bất tử sáng long lanh từ tám ảnh trong chiếc *mêđai giông* bằng sứ gắn vào cây thánh giá? Làm sao có thể nhập hoà làm một ánh mắt trong sáng ấy với cái điều khủng khiếp từ giờ đã gắn liền với tên tuổi Ôlia? - Nhưng tự trong đáy lòng, người phụ nữ nhỏ nhắn thấy mình hạnh phúc, như tất cả những người trung thành với một ước mơ nồng cháy của mình.

Người phụ nữ này là bà giáo chủ nhiệm lớp của Ôlia, một cô gái quá lứa, từ lâu đã sống bằng những thần tượng thay thế cho cuộc đời thực. Đạo đầu thần tượng đó là người anh trai của bà, một viên hạ sĩ quan nghèo xác chẳng có gì nổi bật, - bà gắn bó cả tâm hồn mình với anh trai, với tương lai của anh mà không biết vì sao bà lại hình dung là xuất chúng. Khi anh bị giết ở gần Mukden, bà tự coi mình là một viên chức có đầu óc tiên tiến. Cái chết của Ôlia thu hút ám ảnh bà bởi một niềm mơ ước mới. Giờ đây Ôlia trở thành đối tượng cho những ý nghĩ và tình cảm triền miên không dứt của bà. Ngày nghỉ nào bà cũng ra thăm mộ cô, ngắm nhìn hàng giờ liền cây thánh giá gỗ sồi, nhớ lại gương mặt nhợt nhạt của Ôlia nằm trong quan tài, giữa những vòng hoa. Bà nhớ lại có lần bà đã nghe lỏm được: có lần, vào giờ nghỉ dài giữa hai tiết học, khi đi dạo trong vườn trường, Ôlia đã nói rất nhanh với Xúpôchina, cô bạn gái thân cao to, đầy đà:

- Tổ đọc được trong một cuốn sách của ba tổ, - ba tổ nhiều sách cổ buồn cười lắm cơ, - phụ nữ phải có vẻ đẹp thế nào... Cậu biết không, trong sách ấy nói nhiều điều đến nỗi chẳng nhớ hết được đâu: này nhé, tất nhiên là cặp mắt phải đen, sồi lên như nhựa, - có trời biết được trong sách viết như thế: sồi lên như nhựa! - lông mi phải đen như trời đêm, má mịn màng phơn phớt hồng, eo lưng thon thả, cánh tay dài hơn bình thường - cậu hiểu không, phải dài hơn bình thường! - chân nhỏ nhắn, ngực đầy đặn

vừa phải, bắp chân tròn đều, đầu gối màu vỏ hến, vai hơi xuôi xuống, - tớ gần như thuộc lòng nhiều điều lắm nhé, điều nào cũng đúng cả! - nhưng cái chính, cậu biết là gì không? - Là phải có hơi thở nhẹ! Tớ cũng có cái đó đấy, - cậu nghe xem tớ thở thế nào nhé, - đúng là tớ có phải không?

Giờ đây hơi thở nhẹ ấy lại lan tỏa đi trong thế giới này, dưới bầu trời đầy mây, trong gió xuân lành lạnh.

1916

PHAN HỒNG GIANG dịch

TRÊN BIỂN ĐÊM KHUYA

Con tàu chạy từ Ôđétxa đến Krưm dừng lại
đêm khuya trước bến Êpatôria.

Trên tàu và bên cạnh nó bỗng hình thành một
địa ngục thật sự. Tiếng dây tời quăng xuống tới tấp,
đám người dỡ hàng từ dưới chiếc sà lan lớn và nhận
hàng từ trên tàu đều kêu lên hỗn loạn; dân chúng
địa phương vừa cãi cọ ầm ĩ, vừa xô đẩy chen lấn
nhau bu lấy cầu tàu, rồi với vớ vùi vàng điên rồ, khó
hiểu, họ chạy lên tàu như lao vào một đợt xung
phong với đủ thứ túi xách, bao bì linh tinh quanh
người; ngọn đèn điện mắc trên bãi cầu tàu soi rõ
dòng người hỗn độn chen chúc đội những chiếc mũ
phớt, mũ chòm, khăn xếp bẩn thỉu, chiếu vào
những cặp mắt như lồi ra, những đôi vai dướn về
phía trước, những bàn tay run rẩy bám vào hàng
lan can; tiếng rên la vọng lên cả từ phía mấy bậc
thấp phía dưới chốc chốc lại bị sóng biển trào lên;
phía đó người ta cũng đang chen lấn xô đẩy nhau,
kêu gào, tiếng mái chèo khua lên, những chiếc
thuyền chở đầy người va vào nhau, - chiếc trời cao

lên ngọn sóng, chiếc lại trụt thấp xuống biến mất trong màn đêm dưới con tàu. Và con tàu có hình dáng như con cá heo lớn nhịp nhàng dung đưa như căng trên dây cao su, khi ngả sang phía này, lúc ngả sang phía kia...

Cuối cùng, im lặng đã trở lại.

Một người đàn ông sang trọng, dáng rất thẳng, vai ngang, bước lên boong tàu trong số những người sau cùng; ông đưa tấm vé và cái xác của mình cho người hầu ở bên cạnh buồng khu hạng nhất: khi biết trong các phòng riêng đã hết chỗ, ông đi về mạn đuôi tàu. Ở đây bóng tối nhờ nhờ, có mấy chiếc ghế tựa bằng vải, trên một chiếc ghế duy nhất hiện lên bóng đen đen của một người đang nửa ngồi nửa nằm, mình phủ chiếc khăn ấm. Vị hành khách mới lên chọn cho mình một chiếc ghế cách người kia mấy bước. Chiếc ghế tựa rất thấp, và khi ông ngồi xuống, tấm vải võng xuống căng ra, tạo thành một chỗ rất thuận tiện và thoải mái. Con tàu dập dềnh lên xuống, từ từ trôi đi, ngả nghiêng theo dòng nước. Ngọn gió đêm miền Nam mềm mại thổi tới thoang thoang mùi biển cả. Đêm hè dung dị, bình yên với bầu trời lốm đốm những vì sao li ti, xung quanh bóng tối mịn màng, trong trong. Những ánh đèn xa nhợt nhạt, trông ngái ngủ khi trời đã về khuya lắm. Một lúc sau mọi chuyện trên tàu đã đâu vào đấy, đã nghe thấy những hiệu lệnh đều đều phát ra, tiếng xích neo tàu loảng xoảng... Sau đó mạn lái tàu rung lên, nghe rõ tiếng bánh xe quạt nước xối xả. Những

ánh đèn dăng thấp trên đường chân trời thấp thoáng từ bờ xa lùi dần lại phía sau. Con tàu không còn chòng chành nữa...

Có thể tưởng rằng cả hai hành khách đang ngủ, bởi họ ngả người nằm bất động trên chiếc ghế tựa của mình. Nhưng không, họ không ngủ, họ đang chăm chăm nhìn vào nhau qua màn đêm mờ tối. Và cuối cùng, vị hành khách lên trước, người phủ chăn ấm qua đôi chân, cất tiếng hỏi bằng giọng chất phác, điềm nhiên:

- Anh cũng đi Krưm à?

Vị hành khách lên sau, người có đôi vai bằng, chậm rãi trả lời lại cũng bằng cái giọng như thế:

- Vâng, tôi đến Krưm và đi xa hơn. Tôi sẽ dừng lại Alúpka rồi đến Gagra.

- Tôi nhận ra anh ngay, - người lên trước nói.

- Tôi cũng nhận ra anh tức thì, - người lên sau đáp.

- Thật là một cuộc gặp gỡ lạ lùng và bất ngờ.

- Không thể nào khác hơn thế được.

- Nói cho đúng ra, không phải là tôi đã nhận ra anh, mà trước đó trong tôi hình như đã tiềm ẩn một cảm giác rằng không hiểu vì lẽ gì anh thế nào cũng xuất hiện, thế cho nên tôi cũng chẳng cần phải mất công nhận ra anh.

- Tôi cũng có cảm giác hoàn toàn giống hệt như vậy.

- Đúng thế ư? Lạ thật. Chỉ còn cách phải thừa nhận rằng trong cuộc đời vẫn có những phút, biết nói thế nào nhỉ, những phút phi thường, phải thế không?

Có thể rằng cuộc đời thật ra không đến nỗi đơn giản như ta tưởng.

- Có thể thế lắm. Nhưng cũng có thể có khả năng khác: đó là vừa rồi chẳng qua chúng ta chỉ cùng tưởng tượng ra những cảm giác về cái gọi là niềm tiên cảm của chúng ta mà thôi.

- Có thể thế. Phải đấy, rất có thể như thế. Thậm chí hợp lý hơn cả là đúng thế.

- Đấy, anh thấy chưa. Chúng ta thì cứ lý sự cao siêu, mà cuộc đời có thể là rất đơn giản. Nó giống hết cái cảnh hỗn loạn vừa diễn ra bên chân cầu tàu. Cái đám người ngu si nọ chen chúc, giẫm đạp nhau hấp tấp đi đâu vậy?

Hai vị hành khách cùng im lặng một lát. Tiếp đó họ lại nói chuyện.

- Bao nhiêu lâu rồi tôi và anh không gặp nhau nhỉ? Hai mươi ba năm phải không? - vị hành khách lên trước, người phủ tấm chăn ấm, hỏi.

- Phải rồi, gần như thế, - người lên sau đáp. - Mùa thu này là vừa tròn hai mươi ba năm. Tôi và anh có thể rất dễ dàng tính ra điều này. Hầu như là một phần tư thế kỷ.

- Một thời gian dài đấy. Cả một đời người chứ còn gì. Ấy là tôi muốn nói rằng cả đời tôi, đời anh hầu như đều kết thúc.

- Đúng, đúng thế. Nhưng mà sao mới được? Chẳng lẽ chúng ta lại thấy sợ hãi vì nó đã chấm hết?

- Hừm, tất nhiên là không sợ. Hầu như chẳng sợ chút nào cả. Đấy chẳng qua toàn là chuyện lão toét,

khi chúng ta tự nói với mình rằng "đáng sợ", tức là khi chúng ta cố tự dọa mình rằng, đây, cuộc sống thế là đã qua rồi, chỉ còn mười năm nữa là nằm dưới mộ. Mà anh cứ thử nghĩ xem: nằm dưới mộ - đó đâu phải chuyện đùa!

- Hoàn toàn đúng thế. Thậm chí tôi còn có thể nói nhiều hơn thế nữa. Chắc anh cũng biết rằng, như người ta nói, tôi cũng khá nổi tiếng trong giới y học chứ?

- Ai lại không biết điều này! Tất nhiên là tôi biết. Thế anh có biết rằng người bạn hèn mọn của anh cũng nổi tiếng không?

- Lẽ đương nhiên là thế. Có thể nói rằng tôi là một độc giả chuyên cần, một người ngưỡng mộ anh - người lên sau nói.

- Thế đấy, cả hai đều nổi tiếng. Nhưng mà anh muốn nói điều gì kia chứ?

- Tôi muốn nói rằng nhờ sự nổi tiếng của mình, tức là nhờ một số kiến thức chẳng phải là uyên thâm gì cho lắm nhưng cũng khá là có căn cứ, tôi biết gần như đích xác rằng tôi còn sống thậm chí không phải là mười năm, mà là vài tháng nữa thôi. Hay lâu nhất thì cũng chỉ một năm. Chính tôi và các bạn đồng nghiệp của tôi đã xác định chắc chắn rằng tôi mắc một thứ bệnh vô phương cứu chữa. Tôi có thể đoán chắc với anh rằng tôi vẫn sống bình thản, hầu như không có chuyện gì xảy ra cả. Tôi chỉ tự cười giễu mình rằng: anh thử nghĩ mà xem, tôi muốn hiểu biết hơn mọi người về đủ thứ nguyên nhân dẫn đến cái

chết để trở thành nổi tiếng, được sống đường hoàng, thế rồi lại nhận rõ ngọn ngành cái chết của chính mình. Nếu không thì người ta đã có thể giấu cọt, lừa gạt tôi, - này, ông bạn, chúng mình còn cố chữa chạy, không sao đâu! - Nhưng với tôi thì làm sao có thể đánh lừa hay nói dối được nữa? Đó là một việc làm ngu xuẩn và vụng về. Vụng về đến nỗi họ còn tỏ ra cỏi mở thái quá, thứ cỏi mở pha lẫn vẻ xúc động dịu dàng và nịnh bợ: "Biết nói thế nào nhỉ, ông bạn đồng nghiệp kính mến, chúng tôi không thể nói quanh co cùng ông được... *Finita la comedia!*"⁽¹⁾

- Anh nói nghiêm chỉnh đấy chứ? - người hành khách lên trước hỏi.

- Hoàn toàn nghiêm chỉnh, - người lên sau trả lời.

- Nhưng mà điều chủ yếu là gì mới được? Nếu có một vị tên Cai nào đó là hữu hạn thì *ergo*⁽²⁾ tôi cũng sẽ chết, điều này trước sau gì cũng tới! Nhưng đáng tiếc ở đây có chuyện hoàn toàn khác kia: không phải một lúc nào đó tôi sẽ chết mà là sau một năm. Một năm có phải lâu la gì không? Hè sang năm anh sẽ lại chu du đâu đó trên sóng biển xanh, còn ở Matxcova, trong nghĩa trang Tân Nữ những mảnh xương cao quý của tôi sẽ được vùi sâu dưới đất. Rồi thì điều gì sẽ đến với tôi ư? Tôi hầu như chẳng có cảm xúc gì hết, khi nghĩ tới điều này, và điều tệ hại nhất là đó không phải kết quả của một thứ lòng dửng dưng cảm nào như đám sinh viên vẫn cho là như thế khi tôi miêu tả

⁽¹⁾ Hải kịch đã kết thúc (tiếng Italia trong nguyên bản).

⁽²⁾ Ergo: Vậy là (tiếng Latinh trong nguyên bản).

cho họ bệnh trạng của mình cùng diễn biến của bệnh đó như là một điều thú vị từ góc độ lâm sàng. Mà chỉ đơn giản vậy thôi - như là kết quả của một thứ vô cảm giác ngu ngốc nào đó. Và cả những người chung quanh tôi, những người biết điều bí mật bí hiểm của tôi, cũng đều không cảm thấy gì hết. Như anh đây chẳng hạn, - lẽ nào anh lại sợ hãi thay cho tôi?

- Sợ hãi thay cho anh ư? Không, tôi xin thú nhận rằng quả tình tôi không hề có cảm giác đó.

- Và tất nhiên là anh cũng không xót thương gì tôi chứ?

- Không, cũng chẳng xót thương. Thêm nữa, tôi nghĩ rằng, anh cũng chẳng tin chút nào vào cái chốn cực lạc, nơi không hề có nỗi buồn, không hề có sự than vãn mà chỉ có những quả táo thiên đường, phải thế không?

- Thì thế, tôi với anh đâu có đức tin như vậy...

Và cả hai lại im lặng. Sau đó họ rút hộp thuốc lá ra và hút.

- Anh cũng nên để ý điều rằng, - người lên trước, người phủ tấm chăn, nói, - tôi với anh không hề làm bộ làm tịch gì, không hề đóng kịch gì trước mặt nhau hay trước mặt một thính giả tưởng tượng nào cả. Quả tình là chúng ta nói với nhau rất thoải mái và không hề có vẻ trơ tráo cố ý nào, không hề có vẻ tự tăng bốc cay độc nào mà ở đó lúc nào cũng vẫn có sự bù trừ: đấy, các vị thử nhìn xem, chúng tôi đang ở trong tình trạng ra sao - không một ai giống thế cả. Chúng ta đàm đạo với nhau thoải mái và khi im

lặng cũng chẳng ngu ẩn ý nào, chẳng tỏ vẻ thâm thúy cao siêu nào. Nói một cách khái quát thì trên trái đất này không có động vật nào thêm khát lạc thú hơn con người; tâm hồn khôn ngoan của con người ở đâu và lúc nào cũng tìm được cách tự thoả mãn. Nhưng trong trường hợp của anh và tôi đây thì thậm chí tôi cũng không nhận thấy cả điều này. Và điều này còn kỳ dị hơn nữa, bởi còn phải cộng thêm vào cái trạng thái "vô cảm giác ngu ngốc" như anh vừa nói đến, tất cả tính chất đặc biệt của mối quan hệ giữa chúng ta. Bởi tôi và anh gắn bó hết sức mật thiết với nhau. Nói đúng hơn tức là chúng ta đã buộc phải gắn bó với nhau.

- Còn thế nào khác nữa! - người lên sau đáp. - Thật tình tôi đã gây ra cho anh một tai họa ghê gớm thế nào. Tôi hình dung được những gì anh đã phải chịu đựng.

- Phải rồi, nhưng thực ra thì còn kinh khủng hơn nhiều so với điều anh có thể hình dung được. Nói gọn lại thì đó quả là ghê sợ, là cả một cơn ác mộng mà một người đàn ông, người tình, người chồng bị giành giật, bị cướp mất vợ đã phải trải qua, suốt ngày đêm này qua ngày đêm khác, hầu như liên tục, từng phút một, người đó phải quần quai vì những cơn tự ái đau đớn, vì những điều tưởng tượng kinh hoàng đầy ghen tức về hạnh phúc mà kẻ tình địch của anh ta đang được hưởng, vì tình cảm dịu dàng vô vọng, bế tắc, - nói đúng hơn là cái cảm giác khát khao dịu dàng về thể xác, - đối với người đàn bà vừa bị mất, người đàn

bà mà anh ta vừa muốn sôi máu hằn thù bóp chết, vừa muốn phủ khắp thân thể nàng những cử chỉ tự hạ mình tới mức hèn mọn nhất để tỏ bày sự ngoan ngoãn trung thành vô hạn của một con chó. Đó quả là điều khủng khiếp khôn tả. Thêm nữa, tôi không hẳn là người bình thường, mà là một kiểu người nhạy cảm, đầy trí tưởng tượng. Đấy, anh cứ thử hình dung xem, những gì tôi đã phải nếm trải trong vòng mấy năm liền.

- Mấy năm liền kia ư?

- Tôi đoán chắc với anh rằng không ít hơn ba năm. Rất lâu sau đó chỉ cần nghĩ về anh và về cô ta, về sự gần gũi chung đụng giữa hai người, là ý nghĩ đó đã như thanh sắt nung đỏ làm rát bỏng thân xác tôi. Điều đó cũng dễ hiểu. Nếu ai đó cướp đi của anh giả dụ như là vợ chưa cưới - thì điều này còn có thể chịu được. Nhưng nếu lại cướp đi người tình, hay như trong trường hợp của chúng ta đây, là cướp đi người vợ! Người mà, anh tha lỗi cho lời nói quá bộc trực của tôi nhé, anh đã chung chẵn chung gối, người mà anh biết hết mọi đặc điểm thân xác và tâm hồn như nắm ngón tay của mình! Anh cứ nghĩ mà xem, đấy quả là một khoảng trống bao la cho trí tưởng tượng đầy ghen tuông. Làm sao chịu được cái cảnh người khác đã chiếm đoạt mất cô ta? Tất cả chuyện này quả là quá sức con người. Vì cái gì vậy mà thiếu chút nữa tôi đã thành thằng nghiện ngập, vì lẽ gì tôi đã tự phá hoại sức khỏe của mình, ý chí của mình? Vì lẽ gì tôi đã bỏ mất thời gian chín rộ nhất của sức lực và tài

năng của mình? - Không một chút cường điệu, tôi có thể nói rằng quả là anh đã chặt đứt đôi con người tôi. Tất nhiên vết thương đã liền, nhưng thế thì có nghĩa gì? Dù thế nào thì con người trước kia của tôi đã chẳng còn và chẳng thể nào còn nữa. Bởi anh đã xâm phạm vào chốn thiêng liêng nhất trong cả sự tồn tại của con người tôi! Hoàng tử Gautam, khi tìm kiếm vị hôn thê cho mình, đã trông thấy nàng Iaxótkhara, người có "dáng vẻ óng ả của một nữ thần và đôi mắt của con hoẵng mùa xuân". Được nàng khích lệ, hoàng tử đã làm được những việc phi thường trong cuộc đua tài với các chàng trai khác, - chẳng hạn, hoàng tử đã bắn cung mà xa tới bảy nghìn dặm còn nghe thấy, - rồi sau đó chàng tháo chuỗi ngọc trai quàng lên cổ nàng Iaxótkhara và nói: "Ta đã chọn nàng vì ta đã từng chơi với nàng trong rừng từ ngày xưa ngày xưa, khi ta còn là con của một người thợ săn và nàng là bà chúa của rừng xanh: lòng ta chợt nhớ ra nàng!". Hôm đó, trên mình nàng khoác tấm khăn vàng pha lẫn màu đen; hoàng tử nhìn nàng và nói: "Nàng khoác tấm khăn vàng - đen, bởi hàng ức triệu năm trước đây, khi ta còn là người thợ săn, trong rừng ta đã gặp nàng dưới lớp báo: lòng ta chợt nhớ ra nàng" - Anh bỏ quá cho tôi về cái chuyện đầy thơ mộng trên đây, nó chứa đựng một sự thật to lớn và khủng khiếp. Anh hãy suy ngẫm kỹ càng ý nghĩa của những lời nói đáng kinh ngạc về "tấm lòng chợt nhớ", suy ngẫm về điều rằng thật là khủng khiếp thế nào khi cuộc gặp gỡ thiêng liêng nhất trên đời này đã bị một người

ngoài phá hoại. Biết đâu tôi đã chẳng có thể gương cung bắn tên đến nỗi người ngoài xa vạn dặm còn nghe thấy. Thế rồi bất ngờ anh xuất hiện.

- Vậy thì bây giờ anh có cảm giác thế nào đối với tôi? - vị có đôi vai bằng bằng hỏi. - Anh thấy giận dữ, ghê tởm, khao khát trả thù ư?

- Anh hình dung mà xem: tôi chẳng có cảm giác gì hết. Dù tôi cao giọng xỏ ra hàng tràng dài như vừa rồi, thì quả là cũng chẳng có cảm giác gì hết. Kinh khủng, kinh khủng thật! Đấy, cái "tấm lòng chột nhor" là thế đấy! Mà chính anh chắc cũng biết rõ điều này, tức là biết rõ rằng tôi chẳng có cảm giác gì cả. Nếu không thế thì anh đã chẳng hỏi làm gì.

- Anh nói đúng. Tôi biết thế. Và điều này cũng rất đáng sợ.

- Tuy vậy, tôi và anh chẳng có gì đáng sợ cả. Cái sợ quá khủng khiếp rồi thì cũng chẳng còn đáng sợ.

- Phải rồi, quả là chẳng còn gì đáng sợ nữa. Người ta hay nói: quá khứ, quá khứ! Đó là chuyện lão toét. Nói cho nghiêm khắc ra thì con người chẳng có thứ quá khứ nào hết. Chỉ còn có một tiếng vọng yếu ớt nào đó của tất cả những gì ngày xưa đã sống qua...

Hai người lại im lặng. Con tàu rung rung, tiếp tục chạy; âm điệu mềm mại của làn sóng nước ngái ngủ trôi qua bên mạn tàu đều đều vang lên và tắt dần đi; chiếc máy đo tốc độ đặt sau mạn lái tàu đơn điệu quay nhanh, chốc chốc lại phát ra tiếng kêu thanh thanh, đầy bí ẩn: tính, tính... Sau đó người hành khách có đôi vai bằng cất tiếng hỏi:

- À mà anh hãy nói xem... Anh đã cảm thấy gì, khi biết tin cô ấy qua đời? Cũng không xúc động gì cả à?

- Vâng, hầu như không, - vị hành khách phủ tấm chăn đáp. - Đúng hơn cả là có đôi chút ngạc nhiên về sự vô cảm của mình. Một buổi sáng giờ tờ báo ra xem - có một cái tin hơi đập vào mắt: vâng mệnh trời, bà gì đó đã... Do chưa từng gặp nhiều trường hợp như vậy nên tôi cảm thấy rất lạ lùng khi gặp tên người quen thân trong cái khung đen đặt ở cái góc bi thảm của trang báo và được in bằng thứ chữ to đầy trang trọng... Tiếp đó tôi cố tỏ ra buồn rầu: phải rồi, đây chính là người phụ nữ mà mình đã... Nhưng -

Tôi đã nghe tin nàng ra đi từ miệng người

lãnh đạm

Và tôi cũng đứng đờn đón nhận tin này...

Thậm chí tôi cũng không cảm thấy buồn. Chỉ có một cảm giác thương thương thoáng qua thôi... Mà đó chính là người con gái mà "lòng tôi đã chợt nhớ ra", là mối tình đầu, mối tình vật vã dai dẳng của tôi. Tôi đã gặp nàng vào thời kỳ nàng đáng yêu nhất, thời kỳ trong trắng, và thơ ngây như trẻ nhỏ cùng với vẻ ngập ngừng e lệ thường vẫn làm trái tim đàn ông xúc động khôn tả, có thể vì rằng nữ tính nào cũng hàm chứa một vẻ yếu ớt đầy tin cậy, một vẻ gì trẻ thơ, đó là thể hiện của điều rằng người con gái, người phụ nữ nào cũng tiềm ẩn trong mình một đứa bé tương lai. Mà chính tôi là người đầu tiên nàng đã trao hiến tất cả những gì thượng đế ban cho, trao

hiển với nỗi niềm sợ hãi và hạnh phúc vô cùng. Chính tôi đã hàng triệu lần hôn lên tấm thân trinh trắng của nàng - cái đẹp nhất có thể có trên thế gian này - hôn trong cơn xúc động run rẩy đến tận cùng mà suốt cả đời tôi chưa từng nếm trải. Chính vì nàng mà tôi đã mất trí từng ngày, từng đêm, suốt bao năm ròng. Vì nàng mà tôi khóc, tôi vò đầu, bứt tóc, đã mấy lần tính chuyện quyên sinh, đã uống rượu, rong ruổi trên những cỗ xe ngựa sang trọng, điên rồ huy bỏ những tác phẩm có thể là hay nhất, quý giá nhất của mình... Thế rồi hai mươi năm qua đi - tôi ngây độn nhìn lên cái tên nàng trong khung đen cáo phó, đồ dẫn hình dung ra nàng nằm trong quan tài... Một hình ảnh không thú vị gì, nhưng rồi chỉ thế thôi. Tôi đoán chắc với anh rằng, chỉ đến thế thôi. Còn anh nữa, anh bây giờ, tất nhiên là bây giờ thôi, - chẳng lẽ anh lại có cảm giác gì chăng?

- Tôi ấy à? Không, có gì phải giấu giếm đâu? Tất nhiên là gần như chẳng có cảm giác nào cả...

Con tàu vẫn đi; phía trước sóng tiếp sóng trào sôi, ào ào lướt qua mạn tàu; một dòng nước trắng xoá rào rào đơn điệu trôi theo đuôi tàu. Làn gió ngọt ngào từ đâu thổi tới, những vì sao chi chít, đứng yên giữa bầu trời cao xa, phía trên ống khói tàu đen đen, trên cột buồm cao nhọn với vô số dây chằng...

- Mà này, anh có biết gì không? - bất ngờ vị khách lên trước hỏi như vừa chợt tỉnh - Anh biết cái gì là điều chủ yếu không? Đó là điều tôi không sao có thể gắn liền lại người đã qua đời với người phụ nữ

mà tôi vừa kể với anh. Không thể nào gần được. Hoàn toàn không thể. Người phụ nữ trước kia hoàn toàn khác hẳn. Nói rằng tôi không có chút cảm giác nào với người phụ nữ ấy là nói dối. Nghĩa là tôi đã nói không chính xác. Hoàn toàn không đúng thế, không phải thế.

Người lên sau ra chiều nghĩ ngợi.

- Vậy thì sao mới được? - ông ta hỏi.

- Vậy là cả cuộc nói chuyện của chúng ta trở nên vô nghĩa.

- Chà, có đúng là vô nghĩa không? - vị hành khách có đôi vai bằng nói. - Người phụ nữ trước kia, như anh nói ấy, chẳng qua chỉ là anh, là sự hình dung của anh, là cảm xúc của anh, nói gọn là một cái gì đó của anh. Vậy có nghĩa rằng chẳng qua anh chỉ tự làm xúc động chính mình thôi. Anh hãy thử bình tâm mà nghĩ kỹ xem.

- Anh cho là thế à? - Tôi không biết... Có thể... Vâng, có thể như thế lắm...

- Mà liệu anh có xúc động lâu với chính bản thân mình không? Chừng mười phút chẳng? Hay là nửa giờ. Hay cứ cho là một ngày đi.

- Đúng đúng. Thật là đáng sợ quá, nhưng có lẽ anh nói đúng. Và bây giờ thì nàng ở đâu? Ở trên bầu trời đẹp đẽ kia sao?

- Chỉ có Đấng chí tôn mới biết được thôi, anh bạn của tôi ạ. Nói cho đúng ra thì chẳng ở đâu cả.

- Anh nghĩ thế sao? Phải đấy, phải đấy... Đúng hơn cả là như thế...

Mặt biển khơi bằng phẳng như hiện ra giữa một vòng đen bao la dưới vòm trời đêm mờ mờ, bàng bạc. Con tàu nhỏ như lạc giữa bình nguyên tròn tròn đen sẫm này và lặng lẽ miệt mài đi tiếp con đường của nó. Dòng nước trắng nhờ nhờ màu sữa trào sôi ngái ngủ kéo dài mãi về phía xa, nơi trời đêm lẫn vào biển cả, nơi chân trời trở nên sẫm tối, ảm đạm tương phản với ánh nước màu ngà. Chiếc máy đo tốc độ vẫn đều đều quay đi, chốc chốc lại phát ra âm thanh mảnh mai, buồn buồn, bí ẩn: *tinh, tinh...*

Hai vị hành khách im lặng một lúc rồi khẽ khàng và bình thản nói với nhau:

- Chúc anh ngủ ngon.
- Chúc anh yên giấc.

Bờ biển Anpơ, 1923

PHAN HỒNG GIANG dịch

CHIẾC HÀI

Vào ngày thứ năm, một cơn bão tuyết lớn chưa từng thấy ập đến. Trong ngôi nhà lạnh lẽo bên ngoài bị tuyết phủ trắng xóa tràn ngập thứ ánh sáng nhợt nhạt và chuyện buồn đau: đứa trẻ đang ốm rất nặng. Bất cứ trong lúc sốt cao hay mê sảng, nó đều khóc và chỉ đòi xin một đôi hài màu đỏ. Người mẹ không dám rời nửa bước khỏi chiếc giường nơi con nằm cũng đang khóc lóc thảm thiết - bà khóc vì sợ hãi và bất lực. Biết làm gì đây, cách nào cứu được nó? Chồng bà đi vắng, ngựa thì tồi, từ đây đến bệnh viện mời bác sĩ xa những ba mươi dặm, mà chắc gì bác sĩ đã chịu đi trong thời tiết kinh khủng thế này...

Có tiếng mở cửa. Nhephét mang rơm đốt lò đến. Ông vứt bó rơm xuống sàn nhà, mồm thở phì phì, hơi thở mang theo giá lạnh và cả hơi hương của cơn bão tuyết bên ngoài. Phủi áo, ông hé cánh cửa buồng ngủ hỏi vào:

- Thế nào rồi, thưa bà? Cậu nhà có đỡ không?
- Đỡ thế nào hả ông Nhephét! Thôi, thế là nó chẳng được sống nữa! Nó chỉ đòi xin đôi hài đỏ nào đó...

- Hài à? Hài nào ạ?

- Chỉ có trời mới biết được đó là cái gì. Nó đang nói mê, trong người như có lửa cháy đây này...

Nhephét trầm ngâm, chiếc mũ lông trên đầu lúc lắc. Chiếc mũ, bộ râu rậm, cái áo lông ngắn cũ kỹ, đôi ủng sòn rách - tất cả dính đầy tuyết vừa được phủi sạch... Bỗng ông quả quyết:

- Nghĩa là phải tìm nó. Đây là ước nguyện của cậu ấy. Phải đi tìm thôi.

- Tìm thế nào?

- Đi đến Nôvôxelóc. Đến chỗ cửa hàng. Nhuộm lại nó bằng phẩm chẳng phải việc khó khăn gì.

- Thôi đi, Chúa ơi, từ đây đến Nôvôxelóc những sáu dặm. Đi đâu được trong thời tiết khủng khiếp thế này!

Nhephét lại im lặng nghĩ.

- Không, nhất định tôi phải đi. Không sao đâu, tôi sẽ đi. Đi ngựa không đến được đó, nhưng đi bộ thì có thể. Bao không làm gì được lão đầu, chuyện vật ấy mà...

Nói đoạn, ông khép cửa bỏ ra ngoài. Đến bếp, không hé với ai ý định của mình, ông trùm thêm chiếc áo nỉ rộng không cổ ra ngoài áo lông, thắt chặt lại dây lưng. Cầm thêm chiếc roi, ông chậm rãi bước đi, len lỏi giữa những đống tuyết, ra đến cổng và chìm dần trong biển tuyết trắng đang cuộn cuộn nổi lên như hóa dại.

Sau bữa trưa, trời nhợt dần rồi tối sầm xuống. Nhephét vẫn chưa về. Mọi người cho rằng thế là ông

đã ngủ lại, nếu như Chúa đưa giúp ông được đến đó. Thông thường vào thời tiết này chẳng ai dại gì quay về. Phải đợi đến sáng ngày mai, chắc là không thể sớm hơn được bữa trưa. Nhưng dù sao vì ông vẫn chưa về nên đêm hôm ấy trở nên khủng khiếp hơn. Quanh nhà gió bão gầm rú, và một ám ảnh kinh hoàng, rằng ông vẫn đang lặn lội ngoài kia trong cái đáy không cùng của bão tuyết và bóng tối. Cây nến mờ trong phòng cháy bùng bùng thứ ánh sáng run rẩy ảm đạm. Người mẹ đặt cây nến xuống sàn nhà phía sau thành giường. Đứa trẻ nằm trong tối, nhưng với nó, bức tường dường như đang bốc cháy, quay cuồng xung quanh một cách kỳ quái, biến thành những bóng ma khổng lồ câm lặng và giận dữ. Cứ lúc nào hơi tỉnh là ngay lập tức cậu bé lại khóc một cách đau khổ và xót xa. Nó lại khấn khoản (dường như đang hoàn toàn tỉnh táo) xin cho mình một đôi hài màu đỏ:

- Mẹ, cho con đi! Mẹ, mẹ ơi, sao mẹ lại tiếc con!

Còn người mẹ thì quỳ xuống và dấn vào ngực mình:

- Xin Chúa hãy thương xót! Hãy cứu vớt chúng con!

Cuối cùng bình minh cũng đến.. Khi ấy bên ngoài cửa sổ mọi cái đã có thể nghe được rõ ràng qua tiếng lao xao ồn ào của cơn bão. Nó không phải như cả đêm qua người ta tưởng tượng. Ai đó vừa mới tới, những giọng nói trầm khàn và sau đó có tiếng gõ gấp gấp bên ngoài cửa sổ như báo trước điềm gở.

Họ là những người đàn ông đến từ Nôvôxelóc, mang theo một xác chết - trắng toát, lạnh cóng, bị tuyết phủ đầy, đang nằm ngửa trên chiếc xe trượt tuyết thấp lè tè - Nhephét. Những người đàn ông từ thành phố trở về, bản thân họ cũng loanh quanh tìm đường đi suốt đêm. Đến sáng họ bị sa xuống một cánh đồng cỏ vô danh, cả người lẫn ngựa ngấp trong tuyết dày và hoàn toàn tuyệt vọng vì nghĩ rằng đã bị lạc. Bỗng nhiên họ trông thấy một đôi chân đi ủng thò ra ngoài tuyết. Tất cả đổ xô lại bởi tuyết, kéo người bị nạn lên - hóa ra là người quen...

Thế là thoát nạn rồi, họ biết rằng đây là những đồng cỏ gần làng và cũng hiểu rằng nơi cái chết, cách chỉ hai bước chân là cuộc sống...

Trong ngực áo Nhephét có một đôi hài trẻ con còn mới và một ve thuốc nhuộm.

23 - 6 - 1924

HỮU VIỆT dịch

SAY NẮNG

Sau bữa chiều, từ cái phòng ăn sáng ánh đèn và nóng nực, họ bước lên boong tàu và dừng lại bên hàng lan can. Nàng nhắm mắt lại, đưa hai bàn tay lên má, lòng bàn tay để lộ ra ngoài, rồi cười không kiểu cách rất đáng yêu, - từ người đàn bà nhỏ nhắn này, toát ra một cái gì thật đáng say mê. Nàng nói:

- Tôi hình như đang say phải không? Anh từ đâu tới? Ba giờ trước đây tôi cũng không thể ngờ rằng có anh tồn tại trên đời này. Ngay cả điều anh lên tàu từ bến nào tôi cũng không biết nữa. Từ bến Xamara à? Nhưng thôi, điều ấy cũng chẳng hệ trọng gì. Đây là tôi chóng mặt hay là chúng ta đang quay về phía nào?

Phía đằng trước là màn đêm điểm những đốm sáng. Từ phía bóng tối ấy, những làn gió mạnh, dịu mềm, phả vào mặt, còn những đốm sáng rập rình lùi mãi về một bên: con tàu có cái vẻ sặc sỡ của sông Vonga quay lái chạy một vòng rộng, cập vào một bến nhỏ.

Viên thiếu úy cầm lấy tay nàng đưa lên môi. Cánh tay nhỏ và khoẻ, rám nắng. Trái tim anh như

thất lại đầy ghê sợ và sung sướng đến ngây ngất khi nghĩ rằng đằng sau tấm xiêm áo bằng lụa nhẹ mỏng kia, toàn thân nàng hiện lên chắc lẳn, nước da bánh mật sau một tháng nằm phơi nắng mặt trời phương Nam trên bãi cát biển nóng (nàng nói *nàng đi từ Anapa*)⁽¹⁾. Viên sĩ quan nói lầm bầm trong miệng:

- Ta xuống bến đi...

- Xuống đâu? - Nàng hỏi giọng ngạc nhiên.

- Xuống bến này.

- Để làm gì?

Anh im lặng. Nàng lại đưa mu bàn tay áp lên đôi má nóng.

- Anh điên...

- Xuống tàu đi, - anh ta nói giọng khô khốc. - Tôi van cô...

- Thôi được, anh muốn thế thì thế, - nàng nói và quay người đi.

Tàu thủy khẽ chạm mũi vào bến mờ mờ tối, và họ suýt nữa thì ngã vào nhau. Những cuộn dây cáp to tướng ném qua đầu họ lên bờ, con tàu chòng chành, nước chảy xối xả, tiếng cầu tàu hạ xuống bờ... Anh chạy bổ vào cabin lấy đồ đạc.

Một phút sau họ đã qua cửa kiểm soát đầy uế oải, bước xuống bờ cát hần thành bậc sâu và lặng lẽ ngồi lên chiếc xe ngựa bám đầy bụi cát. Con đường dốc thoải thoải, hai bên lác đác có những cây đèn cong cong, mặt đường êm vì phủ đầy cát bụi, tưởng chừng

⁽¹⁾ Tên một thành phố nghỉ mát bên bờ biển miền Nam Nga.

như kéo dài vô tận. Nhưng rồi xe cũng lên tới đỉnh dốc, và chạy lộc cộc trên đường phố, qua một quảng trường nho nhỏ nào đó, những công sở, tháp cao, cái ẩm áp và mùi vị của một phố huyện vào một đêm hè... Người xà ích dừng xe lại bên cạnh một cái cửa sáng ánh đèn; qua cánh cửa mở thoáng hiện chiếc cầu thang bằng gỗ cũ kỹ gần như dựng đứng, một nhân viên già đầy râu ria, không cao, vận chiếc áo sơ-mi cổ chéo màu hồng, bên ngoài khoác chiếc áo dài đến đầu gối, miễn cưỡng cầm lấy đồ đạc và đi vào nhà trên đôi chân chữ bát. Họ bước vào một phòng rộng nhưng rất ngột ngạt vì suốt ngày bị mặt trời hun nóng, căn phòng có những rèm cửa trắng bỏ xuống và hai cây nến còn chưa thắp để trên giá gương, - và khi người nhân viên khách sạn vừa đóng cửa lại, viên sĩ quan liền bỏ đến bên nàng rồi cả hai người cùng run rẩy chìm đắm trong cái hôn mà sau này họ còn phải nhớ mãi đến phút ấy: cả hai người suốt đời chưa bao giờ lại trải qua một phút như thế.

Vào mười giờ sáng hôm sau, một ngày nóng bức, chan chứa ánh mặt trời và tràn đầy hạnh phúc, vắng vắng tiếng chuông nhà thờ, tiếng chợ họp ồn ào trên quảng trường nhỏ trước khách sạn, thoang thoang mùi rơm rạ, mùi xạ hương và tất cả những gì toát ra từ một phố huyện nước Nga - ồn ào, rộn rịp và sự nức mùi hương, nàng, người đàn bà nhỏ nhắn, không tên, cuối cùng vẫn không nói tên mình, tự gọi đùa là "Người đẹp không quen biết", đã đi khỏi nơi đó. Họ ngủ ít thôi, nhưng sáng sớm hôm sau, bước ra khỏi

tắm ri-dô đặt bên cạnh giường, sau năm phút rửa mặt và mặc quần áo, trông nàng vẫn trẻ tươi như thời con gái mười bảy. Nàng có ngưng ngừng không? Không, chỉ ngưng một chút thôi. Trông nàng vẫn giản dị, vui vẻ như trước và đã có vẻ suy tính:

- Không, không, anh thân yêu, - nàng đáp lại yêu cầu của sĩ quan muốn cùng nàng đi xa nữa. - Không, anh phải ở lại đây đến chuyến tàu thủy sau. Nếu chúng ta cùng đi nữa, thì tất cả sẽ trở nên chẳng hay ho gì. Cả quyết với anh rằng, em hoàn toàn không phải như người mà anh đã có thể tưởng tượng về em. Chưa bao giờ và sẽ không bao giờ trong đời em lại có gì giống với cái điều vừa xảy ra. Đúng là một màn đen đã đổ sập xuống tâm trí em. Hay, đúng hơn, cả hai ta đều bị một cái gì giống như say nắng...

Không hiểu sao lúc ấy viên sĩ quan lại đồng ý với nàng rất dễ dàng. Anh tiễn đưa nàng đến bến, lòng cảm thấy nhẹ nhàng, sung sướng. Lúc ấy con tàu hiệu "Tự bay" màu hồng đã sắp nhổ neo. Anh hôn nàng trước mặt mọi người trên boong tàu và vội vàng nhảy lên cầu tàu đã bắt đầu lùi lại đằng sau.

Anh trở về khách sạn với một cảm giác nhẹ nhàng khoan khoái như thế. Nhưng đã có cái gì khác khác. Căn phòng vắng bóng nàng trở nên khác hẳn, không giống như khi còn có nàng. Từng vật nhỏ trong căn phòng ấy còn nhắc nhở, gợi đến nàng mà căn phòng thì lại quá trống trải. Điều ấy thật lạ lùng! Mùi nước hoa Anh Cát Lợi của nàng còn phảng phất hương thơm, cốc nước nàng uống dở

còn đặt trên khay, mà nàng thì đã vắng... Trái tim anh bỗng thất lại, tràn ngập dịu dàng đến nỗi anh phải vội vàng lấy thuốc ra hút và đi đi lại lại trong gian phòng.

- Thật là một cuộc phiêu lưu kỳ lạ! - Anh nói thành tiếng, vừa cười vừa cảm thấy nước mắt trào ra.
- "Cả quyết với anh rằng, em hoàn toàn không phải như người mà anh đã có thể tưởng tượng về em...".
Và thế rồi nàng đi mất...

Tám ri-dô đã bị để sang một bên, chân gối còn để nguyên chưa dọn. Viên sĩ quan cảm thấy mình không còn đủ sức để nhìn lên cái giường ấy nữa. Anh kéo tám ri-dô lại che giường đi, đóng cửa sổ để khỏi phải nghe thấy tiếng ồn ào, huyên náo ngoài chợ, tiếng những bánh xe lăn trên đường. Anh hạ tám màn cửa trắng làm bằng một thứ vải xôm xộp xuống và thả mình lên đi-văng... Thôi, thế là chấm dứt "cuộc phiêu lưu trên đường đi". Nàng đã đi - và giờ đây đã ở một nơi xa lắm; chắc nàng đang ngồi trong phòng xa-lông bằng kính hay ngồi trên boong tàu và nhìn dòng sông mênh mông, lấp lánh dưới ánh mặt trời, nhìn những bè gỗ trôi xuôi, những cồn cát vàng vươn dài ra khỏi bờ, nhìn chân trời xa tít tắp, nơi màn trời và mặt nước nhập làm một, nhìn cả khoảng không gian vô cùng vô tận trên dòng Vonga này... Nàng đã đi và thế là đi mãi mãi, vĩnh biệt, không bao giờ trở lại... Bởi vì làm sao mà biết được giờ đây họ có thể gặp nhau ở đâu? - "Mình không thể nào, - anh nghĩ, - không thể vì bất cứ lý do gì lại đi đến cái thành phố, nơi có

chồng nàng và đứa con gái ba tuổi, nơi có cả gia đình nàng và cuộc sống bình thường của nàng!" - Thành phố ấy bỗng trở nên một thành phố khác thường, có cái gì linh thiêng và cái ý nghĩ rằng nàng sẽ sống ở đây một cuộc sống cô đơn buồn tẻ và có lẽ sẽ nhớ đến anh luôn, nhớ đến cuộc gặp gỡ tình cờ ngắn ngủi giữa hai người, còn anh thì không bao giờ được trông thấy nàng nữa, - ý nghĩ ấy làm anh ngạc nhiên và sùng sốt. Không, không thể thế được! Điều ấy quá kỳ quặc, trái với tự nhiên, trái với sự thật! Anh bỗng cảm thấy lòng quặn đau và thấy cả cuộc đời sắp tới của anh, cuộc đời thiếu vắng nàng, sẽ thừa, sẽ không cần thiết biết bao nhiêu! Ý nghĩ ấy làm anh thất vọng, làm anh kinh sợ.

"Thật là khi! - Anh nghĩ thế rồi đứng dậy đi đi lại lại trong phòng, mắt cố không nhìn ra phía giường sau tấm màn che. - Điều gì đã đến với mình thế? Nàng có gì đặc biệt và cái gì đã xảy ra? Đúng là một cái gì giống như sự say nắng đã đến! Và cái chính là bây giờ mình làm sao có thể sống qua một ngày, không có nàng, ở đây, ở nơi hẻo lánh này?"

Anh còn nhớ nàng như in, với tất cả những nét đặc biệt của nàng, nhớ cái mùi da rám nắng và tấm áo lụa nhẹ bỗng bỗng; tấm thân chắc lắn, nhớ cái giọng vang vang, giản dị, đầy sức sống của nàng... Cái cảm giác sung sướng đến ngây ngất mà tấm thân dịu dàng non trẻ của nàng vừa đem lại còn nóng hổi trong anh một cách kỳ lạ, nhưng giờ đây cái chính vẫn là cảm giác khác, một cảm giác thứ hai, hoàn

toàn mới - đó là một cảm giác rất lạ lùng, khó hiểu, mà anh không hề thấy, không thể thấy trước được khi mà anh còn bên nàng, khi anh bắt đầu cái cuộc làm quen này, cuộc làm quen anh nghĩ, chỉ để giải trí một cách ngộ nghĩnh. Bây giờ anh không sao nói được với nàng cái cảm giác đó nữa: "Điều chủ yếu là, giờ đây không sao nói được với nàng nữa, làm gì và làm sao sống qua được cái ngày dài vô tận này với chuỗi dài kỷ niệm, với nỗi đau khổ dần vật không lối thoát này, ở giữa cái nơi sơn cùng thủy tận ngay bên cạnh dòng sông Vonga lấp lánh ánh nước mà chính theo dòng sông này con tàu màu hồng ấy đã đưa nàng đi!".

Cần phải kiếm chuyện gì mà làm cho khuây khoả, cần phải đi đâu đó. Anh vội vã đội mũ lưỡi trai, cầm lấy cái roi cứng rồi bước thật nhanh ra ngoài hành lang, gót giày đóng cá của anh kêu lộc xộc. Anh vội vàng chạy theo cầu thang dựng đứng xuống cửa ra vào... Nhưng mà, đi đâu? Trước cửa, anh nhìn thấy một người xà ích trẻ tuổi ăn vận gọn gàng đang điềm nhiên hút thuốc. Anh ngơ ngác nhìn người đánh xe và sững sờ tự hỏi: Làm sao mà lại có thể điềm nhiên ngồi trên ghế xe như thế, chậm rãi hút thuốc và lúc nào cũng cảm thấy cuộc đời giản đơn, vô tư, lành đạm? - "Có lẽ chỉ có một mình mình là đang khổ sở dần vật giữa cái thành phố hẻo lánh này", - viên sĩ quan vừa nghĩ vậy, vừa đi về phía chợ.

Chợ đã bắt đầu đông đúc lắm. Không hiểu sao tự nhiên anh cứ giẫm chân lên những mặt đường nhay

nhựa những bùn phân rơm rạ, giữa những hàng xe ngựa, bên những đồng dưa chuột, đĩa bát mới nguyên. Những người đàn bà ngồi ngay trên mặt đất, lòng bàn tay lắc lắc vốc hạt đỗ khoe phẩm chất của chúng, mồm gọi anh liên tiếp. Những người đàn ông đứng cạnh thì gào to lên: "Thưa ngài, đây là một thứ dưa chuột thượng hảo hạng đây!". Tất cả những điều vừa thấy thật là ghê sợ vô nghĩa, và anh vội vàng chạy ra khỏi chợ. Anh đi vào nhà thờ, nơi các con chiên đang hát cầu kinh, giọng rất to và thật hào hứng, rành rẽ, tràn đầy cảm giác trách nhiệm. Anh đi dạo rất lâu trong cái vườn nhỏ ở bên sườn đồi chan hoà ánh nắng nóng bức, nhìn xuống dòng sông rộng đang lấp loáng... Lon và cúc áo anh nóng lên đến mức không dám sờ tay vào nữa. Mũ anh dầm dìa mồ hôi, mặt nóng ra... Trở về khách sạn, anh khoan khoái bước vào phòng ăn rộng lớn trống trải mát mẻ đặt ở tầng dưới cùng, khoan khoái bỏ mũ ra và ngồi xuống bên chiếc bàn đặt gần cửa sổ để mở. Nóng từ ngoài trời vẫn phả vào phía trong cửa sổ, nhưng không khí thì vẫn thoáng đãng. Anh gọi món cá trộn với hành tươi và cà rốt ướp lạnh... Tất cả là những cái gì thật nhẹ nhàng, thật hạnh phúc. Niềm vui sướng vô bờ bến ấy, như ở khắp mọi nơi, ở ngay trong cái nóng nực ghê gớm này, trong cái mùi vị ồn ào của chợ, trong cái thị trấn nhỏ bé xa lạ, cái khách sạn cổ lỗ của một phố huyện, duy chỉ có điều là trái tim anh như đang bị xé ra thành từng mảnh cùng với niềm sung sướng ấy. Anh uống vội mấy chén rượu vốtka,

nhắm với dưa chuột muối nhạt và thì là, cảm thấy rằng có thể chết ngay ngày mai nếu có cách diệu kỳ nào trả lại nàng cho anh hôm nay, để anh cùng sống với nàng thêm một ngày nữa, một ngày nữa thôi, cùng sống chỉ nhằm một mục đích, chỉ để thổ lộ với nàng, giải bày với nàng, làm cho nàng tin rằng anh đang ngây ngất, say sưa yêu nàng đến đau đớn... Nhưng giải bày mà làm gì? Để nàng tin mà làm gì? Anh không biết tại sao, chỉ biết điều ấy đối với anh còn cần thiết hơn bản thân sự sống.

- Đầu óc hoàn toàn loạn xạ rồi! - Viên sĩ quan vừa nói vừa tự rót cho mình chén rượu vodka thứ năm.

Anh gạt đĩa cá trộn hành tươi sang một bên, gọi tiếp cà phê đen rồi châm thuốc hút. Đầu óc anh căng thẳng: phải làm gì bây giờ đây, làm sao thoát khỏi tình yêu bất ngờ này? Nhưng anh cũng cảm thấy rõ rệt rằng không sao thoát khỏi được mối tình ấy. Thành linh anh đứng vụt dậy, vợ vội chiếc mũ và cái roi cứng. Sau khi hỏi xem nhà dây thép ở đâu, anh bèn rảo bước đi về phía ấy, trong đầu đã chuẩn bị sẵn một bức điện ngắn ngủi: "Từ ngày hôm nay, cuộc đời anh là của em, trong quyền lực của em, mãi mãi, cho đến khi chết". Nhưng vừa bước đến bên tường dày đồ sộ của ngôi nhà bưu điện, anh bỗng đứng sững lại sợ hãi: anh biết tên thành phố nàng ở, biết nàng có chồng và đứa con gái ba tuổi, nhưng không hề biết tên, biết họ của nàng! Hôm qua lúc ăn chiều, đã mấy lần anh hỏi nàng về điều ấy, nhưng lần nào nàng cũng chỉ cười và nói:

- Việc gì mà anh phải cần biết em là ai, em tên là gì?

Trong góc phố bên cạnh nhà bưu điện có một hiệu ảnh nhỏ. Anh đứng lặng nhìn chăm chú vào bức ảnh một viên sĩ quan nào đeo lon viên tua, đôi mắt lồi ra, trán thấp lè tè, có một bộ râu quai nón rất oai vệ và một bộ ngực nở nang đầy mỡ đầy... Cuộc sống đơn điệu hàng ngày trở nên thật kỳ quặc, thật ghê sợ khi mà trái tim bị trúng, đúng là "bị trúng", giờ đây anh mới hiểu điều đó, - một quả đấm khủng khiếp - "quả đấm của mặt trời" - bị say nắng. Trái tim anh đang bị một tình yêu quá lớn, một hạnh phúc quá lớn đâm rạch! Anh nhìn lên tấm ảnh chụp một đôi trai gái mới cưới, - người con trai mặc chiếc áo vét dài, cổ đeo cà-vạt trắng, tóc cắt ngắn, đứng sòng đôi bên cô gái vận bộ đồ lụa trắng, tay cầm lấy tay cô... Anh đưa mắt nhìn sang bức ảnh một tiểu thư đội lệch chiếc mũ, gương mặt xinh đẹp, tươi tắn... Sau đó, lòng tràn đầy niềm khổ đau ghen ty với những người không quen biết vừa rồi, những người không phải chịu đau đớn, anh đắm đắm nhìn dọc theo dãy phố.

- Đi đâu đây? Làm gì đây?

Phố xá vắng tanh. Nhà nào cũng giống nhà nào, đều màu trắng, hai tầng, đều là những cửa hiệu kê bên những cái vườn rất rộng; có cảm giác rằng trong những ngôi nhà ấy không có lấy một người nào. Trên mặt đường, cát trắng lấp lánh sáng lên như đang bị rang dưới ánh mặt trời nóng bức, rực lửa, chói chang niềm vui mà cũng vô vị ở đây. Đàng xa, con đường

phố dốc thoải chạy cao dần lên phía bầu trời không gợn một đám mây nào và sáng xám. Có cái gì gọi lại những thành phố phương Nam như Xêvaxtôpôn, Kéc Anapa. Hồi tưởng ấy làm viên sĩ quan không chịu nổi. Và anh vội vàng quay trở lại cúi đầu, nheo mắt nhìn chằm chằm những bước chân của chính mình. Anh loạng choạng bước đi va vấp, giày đá vào nhau.

Viên sĩ quan trở về khách sạn, người thấy mệt mỏi lạ lùng, tưởng chừng như vừa đi một đoạn đường dài vô tận ở Turokextan, ở sa mạc Xakhara. Cố thu hết sức còn lại, anh bước vào căn phòng rộng lớn vắng ngắt của mình. Người ta đã thu dọn xong căn phòng anh, những dấu vết cuối cùng của nàng không còn nữa, chỉ có chiếc cặp tóc của nàng là nằm sót lại trên bàn nhỏ đặt cạnh giường! Anh cởi bỏ bộ quân phục rồi nhìn vào gương: khuôn mặt anh, - như bao khuôn mặt sĩ quan bình thường khác, đen xạm đi vì nắng, có bộ ria mép khô cứng vì nóng, đôi mắt xanh biếc, dường như sáng thêm bên nước da sạm nắng, giờ đây lộ rõ những nét căng thẳng điên dại. Cái cổ đứng áo sơ-mi trắng mỏng gọi một cái gì trẻ trung mà cũng thật là bất hạnh. Anh nằm ngửa xuống giường và gác đôi giày xám đầy bụi lên thành giường. Cánh cửa sổ mở rộng, rèm cửa rủ xuống và chốc chốc những làn gió nhẹ lại khẽ đung đưa tấm rèm, đem vào trong phòng cái hơi nóng hùng hục của những mái tôn đang bị thiêu đốt, cái hơi nóng của cả một bầu trời sông Vonga trống trải, lặng yên giờ đây đang

chan hoà ánh sáng. Anh vòng đặt hai tay dưới gáy mình và chăm chú nhìn ra trước mặt. Một lát sau, anh mím chặt môi, từ từ nhắm đôi hàng mi và cảm thấy nước mắt trào ra ở đó, - anh ngủ thiếp đi và khi tỉnh dậy, đằng sau tấm rèm cửa, mặt trời chiếu đã óng vàng đỏ rực. Gió đã ngừng thổi, căn phòng trở nên nóng bí, khô rang như trong một cái lò... Anh nhớ lại ngày qua, sáng nay, và tưởng chừng như mười năm đã trôi qua.

Anh chậm rãi đứng dậy, chậm rãi tắm rửa, kéo tấm rèm cửa lên rồi gọi người hầu phòng đưa ấm trà đến và tính tiền. Anh lặng lẽ ngồi rất lâu uống cốc nước chè có bỏ những lát chanh. Sau đó, anh cho gọi người xà ích đến, mang đồ đạc ra ngoài. Anh ngồi lên chiếc ghế đệm đã vàng khè và cho hầu người hầu phòng nằm rúp.

- Thưa ngài, hình như cũng chính tôi chở ngài tối hôm qua thì phải! - người đánh xe cầm lấy dây cương, vui vẻ nói.

Khi anh xuống bến, trên mặt sông Vonga màn đêm hè xanh biếc đã phủ xuống. Trên khắp dòng sông, lấp lánh những đốm sáng nhiều màu rực rỡ. Trên cột buồm con tàu đang cập bến ánh đèn lơ mờ rõ dần.

- Tôi đã chở ngài đến nơi đến chốn bình yên rồi nhé! - Người đánh xe nói giọng xun xoe.

Viên sĩ quan cũng thưởng cho anh ta năm rúp, lại mua vé tàu và xuống bến... Cũng như hôm qua, tàu cũng khê chạm vào bến, người cũng hơi chóng

mặt vì chân như bị hẫng xuống, tiếng dây cáp ném lên bờ, và sau đó là tiếng nước xối xả quanh bánh lái con tàu đã từ từ lùi lại... Có cái gì vốn vã niêm nở khác thường từ cái con tàu đông nghịt hành khách mà tất cả đèn đã bật sáng và mùi thức ăn thơm phức từ nhà bếp đã bay ra.

Tàu thủy lại chạy ngược dòng sông cùng về phía mà chỉ mới sáng nay thôi nòng đã đi.

Ánh chiều hè đỏ sậm đang dần tắt từ một nơi xa lắm, để lại trên mặt sông gợn sóng lăn tăn phía chân trời xa tím tấp những vệt sáng mờ mờ, ảm đạm, khê lấp lánh. Những ánh lửa tản mạn giữa màn đêm chung quanh cứ lùi dần lùi dần về phía sau.

Viên sĩ quan lặng ngồi trong căn phòng trống trải bốn phía trên boong tàu và anh cảm thấy mình già thêm chục tuổi.

Bờ biển Anpơ, 1925

PHAN HỒNG GIANG dịch

NÀNG LIKA

I

Những ngày lang thang đầu tiên vào mùa xuân năm ấy là những ngày cuối cùng của thời niên thiếu đầy chay tịnh của tôi.

Ngày đầu tiên ở Ôrion, khi tỉnh dậy, tôi vẫn cảm thấy mình y hệt như lúc còn trên đường đi - vẫn cô đơn, bình thản, chẳng bị ràng buộc gì và xa lạ với khách sạn, với thành phố. Tôi tỉnh dậy vào cái giờ khác thường đối với cuộc sống thị thành, lúc ấy trời chỉ vừa tang tảng sáng. Nhưng sang ngày hôm sau thì tôi đã dậy muộn như mọi người. Tôi chăm chút ăn vận quần áo, nhìn ngắm mình trong gương... Hôm qua, ở toà soạn, tôi đã cảm thấy ngượng ngùng với cái nước da digan ngăm ngăm, với vẻ mặt gầy gò sương gió của mình, tóc tai tôi xơ xụi. Cần phải nghiêm chỉnh tân trang cái hình thể của mình, bởi tình thế của tôi hôm qua bỗng bất ngờ được cải thiện. Không những tôi được mời cộng tác mà còn được ứng trước một số tiền; tôi đã đỡ bưng mặt khi họ đưa,

nhưng rồi vẫn nhận. Thế rồi tôi đi ra đường phố chính, ghé vào hiệu thuốc lá mua một bao loại đắt tiền, rồi vào hiệu cắt tóc. Tôi bước ra khỏi đó với mái đầu gọn lại đẹp dễ, thơm tho với cảm giác phấn hứng đặc biệt thường thấy ở người đàn ông vừa ngồi ở hiệu cắt tóc. Ngay lúc đó tôi muốn trở lại toà soạn, để sớm được hưởng tiếp những ấn tượng hào hứng, tươi mới mà hôm qua số phận đã hào phóng dành cho tôi. Nhưng không thể nào đi ngay được: "Sao, anh ta lại đến à? Lại đến từ sáng sớm à? " - Tôi đành dạo quanh thành phố. Cũng giống như hôm qua, tôi bắt đầu xuôi theo phố Bônkhốpkaia, từ đó rẽ sang phố Maxcốpkaia, một phố buôn bán khá dài dẫn ra nhà ga, tôi cứ đi tiếp trên phố đó cho tới cái cổng khai hoàn bám đầy bụi, qua bên kia cổng thì con phố trông đã trống trải, hoan tàn; từ đấy tôi rẽ sang đầu ô Puskarnaia. Khi xuôi từ phố ấy sang vùng Orólích, tôi phải qua một cái cầu gỗ rung lên kéo kẹt dưới bánh xe ngựa, rồi lên phía các công sở. Chuông các nhà thờ đổ dồn, và dọc theo đại lộ, ngược lại trước mắt tôi là một cỗ xe với hai con ngựa lớn màu đen đều nhịp vó chạy nhanh, tương phản một cách xúng đáng với những hồi chuông rung. Trên xe là Đức giáo chủ luôn giơ tay chào ban phát vinh hạnh cho mọi khách hai bên đường.

Ở toà soạn rất đông người, nhộn nhịp không khí làm việc; chị Avilôva nhỏ nhắn ngồi sau chiếc bàn to tượng của mình đang say sưa đọc cái gì đó, chỉ khẽ mỉm cười dịu dàng với tôi rồi lại cúi xuống bàn.

Bữa ăn sáng kéo dài vui vẻ, sau đấy tôi ngồi nghe nàng Lika sôi nổi chơi đàn dương cầm, rồi cùng nàng và chị Obôlenxkaia đánh đu trong vườn. Uống trà xong, chị Avilôva đưa tôi đi xem các phòng trong nhà. Tại phòng ngủ, tôi nhìn thấy trên tường một tấm chân dung - từ trong khung nhìn ra là một người với gương mặt đầy râu ria, đeo kính, với đôi vai bè bè xương xẩu. "Ông chồng quá cố của tôi đấy", - Avilôva nói thoáng qua, - và tôi cảm thấy hơi sững sờ: tôi ngạc nhiên trước sự quái dị của mối quan hệ mật thiết giữa người đàn ông ốm o kia với người phụ nữ linh lợi, xinh đẹp vừa bất ngờ gọi ông ta là chồng mình. Tiếp đó Avilôva lại ngồi làm việc, Lika sang sửa lại trang phục rồi nói với chúng tôi bằng thứ ngôn ngữ có nét đặc biệt làm tôi phải ái ngại thay cho nàng: "Thôi nhé, các con ta ơi, ta biến đây!" - rồi nàng ra khỏi toà soạn đi đâu đó, còn tôi thì đi cùng Ôbôlenxkaia về việc của chị. Chị ta tỏ ý muốn tôi cùng đi tới phố Kalatriốpxkaia, và nói rằng chị cần ghé chỗ bà thợ may đồ lót; tôi cảm thấy thích thú về sự gần gũi vừa bất chợt hình thành do đề nghị đầy tính chất riêng tư kín đáo của cô. Cũng với cảm giác như vậy tôi đi với cô ngoài phố, nghe giọng nói rành rẽ của cô, ở chỗ bà thợ may tôi đặc biệt khoan khoái kiên nhẫn đứng chờ cô bàn bạc thương lượng xong mọi chuyện. Khi chúng tôi quay lại phố Kalatriốpxkaia thì hoàng hôn đã xuống. "Anh có thích Turghênhép không? " - Cô hỏi. Tôi im lặng lúng túng, - biết tôi sinh ra và lớn lên ở làng quê, nên ở đâu người ta cũng hỏi tôi như vậy với hàm ý rằng thể nào tôi

cùng yêu Turghênhép. "Thế nào thì thế, - cô nói, - điều này cũng sẽ làm anh thú vị đấy. Cách đây không xa có trang ấp của nhà văn ấy đấy, nghe đâu đã được mô tả lại trong cuốn "Tổ ấm quý tộc". Anh có muốn xem không?" - Và chúng tôi đi đâu đó ra phía ngoại ô, tới một con phố vắng vẻ lẫn giữa những khu vườn, nơi trên bờ đất cao ven sông Orolich, trong khu vườn cổ xưa đầy những cây xanh như vào độ tháng tư hiện ra ngôi nhà bỏ hoang từ lâu màu sẫm xám với những ống máng xiêu vẹo mà quạ đã đến làm tổ. Chúng tôi đứng nhìn vào đấy qua hàng giậu thấp, qua cả một khu vườn lơ thơ cây cối, in trên bầu trời hoàng hôn trong sáng... Lida, Lavretski, Lemmơ⁽¹⁾... và tôi bỗng cảm thấy khao khát tình yêu.

Buổi tối tất cả chúng tôi đều tới công viên thành phố, nơi có sân khấu ngoài trời; tôi ngồi trong bóng tối mờ mờ bên cạnh Lika, thích thú cùng nàng thưởng thức tất cả cái ngu xuẩn ồn ào diễn ra vừa dưới dàn nhạc, vừa trên sân khấu, một khoảnh nhỏ được chiếu sáng từ phía dưới, nơi mà theo tiếng nhạc khiêu vũ âm ỉ các cô gái thành thị xinh xắn cùng đám lính hoàng gia đua nhau nện gót giày xuống sàn và lách cách chạm những chiếc cốc bằng thiếc. Xem kịch xong, chúng tôi ăn tối ngay ở trong công viên; tôi ngồi ngoài hiên rộng rãi, đông đúc người, bên cạnh mấy phụ nữ cùng đi và uống rượu lẫn với đá lạnh.

⁽¹⁾ Tên các nhân vật chính trong tiểu thuyết "Tổ ấm quý tộc" của nhà văn cổ điển Nga I. Turghênhép (1818 - 1888) - N.D.

Chốc chốc lại có những người quen đến chỗ mấy phụ nữ ngồi cạnh tôi; họ giới thiệu tôi làm quen, tất cả đều tỏ ra rất thân mật với tôi. - trừ một vị chỉ khẽ nghiêng mình quay về phía tôi chào rồi sau đó không hề để ý gì đến tôi nữa: đó là một người sau này - cũng với vẻ vô ý như thế - gây ra cho tôi nhiều nỗi đau tinh thần. Anh ta là một sĩ quan đáng người cao lênh khênh, gương mặt dài ngoẵng với nước da mai mai ngăm ngăm, đôi mắt đen bất động, bộ râu quai nón đen tía gọn, mặc chiếc áo đẹp xẻ tà dài quá gối, quần chặt bó sát chân, có dính nếp băng mầu. Nàng nói cười luôn miệng, để lộ hàm răng tuyệt đẹp; nàng biết mọi người đang nhìn ngắm mình, còn tôi thì đã không thể bình tâm mà nhìn bọn họ, tôi ớn lạnh sống lưng khi thấy viên sĩ quan trước lúc đi khỏi bàn chúng tôi đã giữ lấy bàn tay nàng hơi lâu trong bàn tay to tướng của mình.

Vào ngày tôi ra đi, đã nghe thấy những tiếng sấm đầu tiên. Tôi còn nhớ tiếng sấm ấy, nhớ cái xe ngựa nhẹ nhõm đơn sơ đưa tôi cùng Avilôva ra ga, nhớ cái cảm giác hân diện về chiếc xe và về sự gần gũi với Avilôva, cùng cảm giác là lạ về sự chia lìa với nàng. Lúc này tôi đã hoàn toàn tin vào mối tình tưởng tượng của mình đối với nàng, một cảm giác bao trùm lên tất cả là cảm giác dường như tôi đã tìm gặp được niềm hạnh phúc của mình ở xứ Ôriôn ấy. Ngoài sân ga tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy những người quý phái, sang trọng trông thật cao to, họ đang đứng chờ tàu ở đây; còn những vị chức sắc nhà thờ thì dù ăn

vận cầu kỳ, trông nét mặt vẫn bình dị, họ cầm thánh giá và bình hương trong tay và đứng trước tất cả mọi người. Vào cái giây lát, khi đoàn tàu của Đại công tước nặng nề tiến vào ga và làm mọi người loá mắt vì tấm vải đỏ vắt ngang chiếc đầu máy khổng lồ màu nâu bóng, thì mọi thứ dường như rối ren, lẩn lộn, - tôi không còn nhớ thêm gì nữa, ngoài cái không khí chẳng lành, ảm đạm, trang nghiêm của một lễ tang. Tiếp đó chiếc đầu máy to lớn cầm những lá cờ đen lại thở phì phò, gầm gào, kéo giạt nhịp nhàng để lộ những thanh thép sáng loáng nơi ống đẩy, đưa cả đoàn tàu với những toa sơn xanh bóng loáng in chìm đại bàng... Tôi nhìn theo những chiếc bánh xe đúc mỗi lúc một quay nhanh hơn dưới các toa tàu, nhìn lên những đệm díp và guốc hãm, - và chỉ còn thấy một điều rằng: tất cả đoàn tàu này phủ đầy bụi trắng, thứ bụi kỳ lạ của con đường dài từ phương nam, từ Krưm. Con tàu âm âm chuyển động, khuất dần sau tấm mắt, tiếp tục cuộc hành trình tang tóc trang nghiêm của mình qua suốt nước Nga, đi về nơi đầu não của nó, còn cả con người tôi thì đã đến với xứ Krưm huyền ảo, trong những ngày đầy sức cuốn hút của nhà thơ thần thoại Puskin.

Con tàu đơn sơ khiêm nhường chạy trong huyện của tôi đang chờ tôi ở tuyến đường xa trên mép rìa sân ga, tôi đã cảm thấy vui thú sắp được hưởng cảnh nghỉ ngơi còn lại một mình trên con tàu đó. Avilôva đứng bên tôi cho tới tận khi tàu chuyển bánh, nàng luôn miệng cười nói, hy vọng rằng chẳng bao lâu nữa

sẽ lại gặp tôi ở Ôrion. Nàng mỉm cười như thể cho tôi hiểu rằng nàng đã thấy rất rõ cái nỗi khổ ngộ nghĩnh vừa xảy ra với tôi. Khi hồi chuông thứ ba rung lên, tôi cúi xuống nồng nhiệt hôn tay nàng, còn nàng thì khẽ thơm vào má tôi. Tôi nhảy vội lên toa tàu vừa giật mạnh rồi chuyển bánh. Tôi ló đầu ra ngoài cửa sổ nhìn theo bóng nàng đang đứng trên sân ga khẽ vẫy vẫy tay chào tôi, dần dần lùi lại phía sau...

Sau đấy, trên đường đi, tất cả đều gây cho tôi niềm xúc động: cả con tàu ngắn ngủn này, con tàu khi thì ì ạch chạy, khi thì bỗng lao đi vun vút lắc mạnh và kêu lên âm âm, cả quang cảnh những nhà ga vắng tanh, những ga xếp nơi con tàu chẳng biết vì sao lại dừng lại rất lâu, và cả những gì thân quen hiện ra ngay quanh tôi: những cánh đồng với gò đất thoải thoải lùi lại ngoài cửa sổ, những cánh đồng còn trơ trọi và vì thế mà trông mờ mờ không rõ, những mảnh rừng bạch dương trơ cành trụi lá đang lặng lẽ chờ mùa xuân, và chân trời tẻ vắng... Buổi chiều tà cũng nhuộm màu vắng vẻ, lạnh lạnh tiết xuân, với bầu trời thâm thấp nhàn nhạt.

II

Từ Ôrion ra đi, tôi ấp ủ một ước mơ: làm sao có thể tiếp tục, càng sớm càng tốt, những gì đã bắt đầu ở Ôrion, tôi càng ít nhớ về thành phố đó hơn, khi

nhìn qua cửa sổ, nhìn ánh chiều tháng tư mãi không tắt hẳn. Thế rồi bóng tối đã buông xuống, trong toa, ngoài cửa sổ, trên cánh rừng sỏi phía bên trái con tàu, - cánh rừng trụi lá, cành khẳng khiu, phía dưới góc ngấp đầy những lá mầu sẫm từ năm trước vừa lộ ra khỏi lớp tuyết mùa đông. Tôi đã đứng dậy, tay cầm chiếc túi, lòng mỗi lúc một thêm hồi hộp, đây đã là rừng Xúpbôchin, qua đó là tới ngay ga Pixarevô. Con tàu tung vào khoảng không trống rỗng một hồi còi dài buồn bã như cảnh tỉnh cho ai đó; tôi vội bước ra đầu toa: mưa bay lất phất như từ buổi nguyên khai ẩm ướt, trước ga là một toa hàng đơn độc. Con tàu chạy vòng tránh nó; tôi nhảy xuống đất ngay khi tàu còn chưa dừng bánh. Sau đó tôi chạy dọc theo sân ga, đi qua nhà ga tiêu điều, ánh đèn chập choạng, đẩy những người dân quê, rồi bước ra một cái cổng tôi tối. Trong khoảng sân tròn tròn trước đó là một mảnh vườn nhỏ bần thỉu sau mùa đông, thấp thoáng hiện ra giữa bóng tối mờ mờ là một con ngựa của người xà ích thôn quê. Ông này có khi cả tuần không kiếm ra khách đi, ba chân bốn cẳng chạy về phía tôi, trầm trồ tán thưởng từng câu nói của tôi, sẵn sàng đưa tôi đi đến cùng trời cuối đất và với giá cả thế nào cũng được - "Chắc ông không làm tôi phật ý đâu!" - một phút sau tôi đã ngồi trên chiếc xe nhỏ của ông ta: mới đầu đi dọc qua một làng tối tăm, hoang sơ, tiếp đó xe mỗi lúc một đi chậm hơn qua những cánh đồng tối sẫm, lặng im, xa lạ với cả thế giới, giữa một biển đất đen; phía chân trời xa tít tắp

cuối biển đất ấy có cái gì đó thấp thoáng màu xanh lục dưới những đám mây nhỏ mạn tây bắc. Con gió đông ban đêm thổi tới, ẩm ướt mùi mưa tháng tư, đâu đó xa xa có con chim cun cút nào vỗ cánh bay như lượn theo chiều gió. Dưới bầu trời thâm thấp đầy vẻ nước Nga, ẩn hiện sau màn mây lác đác mấy vì sao... Rồi lại có tiếng chim cun cút bay, mùa xuân, mặt đất - Vẫn là tuổi trẻ trước đây của tôi, âm thầm, xơ xác! Con đường dài khổ ải: mười dặm đi qua đồng với một người dân quê Nga đâu có ngăn ngại gì. Người xà ích im lặng, đây bí ẩn, tỏa ra mùi áo da cừu sờn cũ; ông ta chẳng trả lời gì khi tôi yêu cầu cho đi nhanh, gặp chỗ đường dốc lên là ông ta nhảy từ chỗ ngồi phía trước xuống rồi thông thả đi bên cạnh con ngựa chậm chạp bước một của mình, tay cầm dây cương, mặt ngoảnh sang bên... Khi xe vào tới làng Vaxilépxkôie, có cảm tưởng rằng đêm đã về khuya lắm: chẳng thấy một ánh đèn nào, chung quanh yên lặng như tờ. Mắt đã quen với bóng đêm, có thể nhìn rõ từng căn nhà, từng bóng cây thụ liễu trụi trụi mọc trước nhà trên con đường rộng đi sâu vào làng, tiếp đó tôi nhìn thấy và có cảm giác đang dần dần đi xuống vùng đất bằng thâm thấp đầy mùi vị ẩm ướt của tháng tư; bên trái là cây cầu bắc ngang sông, còn bên phải là con đường dẫn lên một trang ấp mầu tối sẫm chẳng có vẻ gì vốn vĩa chào đón. Lòng tôi lại bỗng rộn lên niềm xúc động: quang cảnh chung quanh vừa thật là thân quen, và có gì mới mẻ bởi cái đêm mùa xuân giữa làng quê xơ xác, đứng dừng này! Người

đánh xe đã hầu như kiệt sức, uể oải bước lên đồi. Bỗng từ phía sau hàng thông trong khu vườn nhỏ thấy loé sáng ánh đèn. Nhờ ơn trời, thế là còn người thức! Lòng cảm thấy nôn nao, mừng rỡ, và cả cái cảm giác ngượng ngùng của đứa con trai mới lớn chợt ập đến, khi cuối cùng chiếc xe ngựa dừng lại bên thềm và đã đến lúc phải bước xuống mở cửa phòng ngoài, vào trong nhà rồi thấy cảnh mọi người mỉm cười ngấm ngấm nhìn mình ra sao...

Hôm sau tôi lên ngựa rời làng Vaxilépkskôie trong một buổi sáng yên lành, trời mưa lất phất, đôi lúc tạnh rồi lại mưa, qua những cánh đồng mới cày vỡ, sương mù còn bao phủ. Dân quê đang cày và gieo hạt. Bác thợ cày đi chân đất, bước theo sau chiếc cày, mình nghiêng ngả, bàn chân giẫm lên đường đất mịn mới vỡ, chú ngựa đi đằng trước gắng sức gò lưng ra kéo. Một con quạ lông đen mượt đang nhảy nhót trên đường cày, chốc chốc lại vỗ được một chú giun đất màu mỡ; phía sau con quạ là một ông lão đầu để trần, đều đều bước từng bước dài, vai đeo bình hạt giống, tay phải nhịp nhàng vung vãi hạt xuống luống đất.

Ồ Baturinô tôi bàng hoàng xúc động cảm nhận tình yêu, niềm vui của người thân gặp gỡ đón tôi. Điều tôi sung sướng nhất thậm chí không phải là niềm vui của mẹ, mà là sự mừng rỡ của em gái, - tôi lặng người sung sướng đón tình thương, niềm vui trên nét mặt cô em gái vừa thoáng nhìn thấy tôi qua cửa sổ, đã chạy bổ ra thêm đón. Cả con người cô thật là đáng

yêu - toàn thân toát ra sự trinh trắng, trẻ thơ, tươi mát kể từ bộ váy áo mới lần đầu tiên cô mặc vào hôm ấy để đón tôi. Cả ngôi nhà cũng làm tôi cảm mến bởi vẻ đẹp thô sơ cổ kính của nó. Trong buồng tôi mọi thứ đều vẫn nguyên như cũ, chẳng khác nào tôi chỉ vừa mới ra khỏi đó: đồ đạc vốn ở đâu vẫn ở đấy, thậm chí trên chiếc đèn bằng sắt vẫn còn nửa cây nến cháy dở trên bàn viết của tôi từ ngày tôi rời nhà mùa đông năm ngoái. Tôi bước vào, đưa mắt nhìn quanh; những tấm ảnh thánh khung đen đặt ở góc tường, ngoài khung cửa sổ cổ xưa (kính phía trên màu tím và màu đen), có thể nhìn thấy cây cối và bầu trời xanh nhàn nhạt mưa bụi đang rơi trên những cành lá xanh mới nhú, - trong phòng thì hơi tối, rộng rãi, thâm nghiêm... trần nhà màu sẫm làm bằng gỗ phẳng phiu, tường nhà cũng ghép bằng những súc gỗ sẫm màu, nhẵn nhụi như thế... Chiếc giường bằng gỗ sồi với những chân tròn tròn, nặng nề, bóng nhẵn.

III

Để có được chuyến đi mới tới Ôriôn, bỗng xuất hiện một lý do công việc: cần phải chuyển lợi tức lên nhà băng. Và tôi đã chuyển, nhưng chỉ trả cho ngân hàng một phần, còn lại thì tiêu mất. Đây không phải là việc có thể đùa bỡn, nhưng không biết có điều gì đã xảy ra với tôi mà tôi chẳng coi trọng chuyện này. Tôi

luôn luôn hành động với thái độ cả quyết đầy vô tâm, nhẹ nhõm. Trên đường đi Ôriôn, tôi bị nhỡ tàu khách - tôi bèn nhảy ngay lên tàu hàng. Tôi còn nhớ mình trèo lên cái bậc sắt cao chui vào một chỗ bẩn thỉu, thô ráp rồi đứng nhìn. Máy người thợ máy quần áo dính đầy dầu mỡ, đen bóng; mặt họ cũng lấm lem bóng láng như vậy, cặp mắt trắng dã lạ lùng như của người da đen, lông mi đều bị tô đen như các diễn viên cố ý trang điểm. Anh thợ trẻ xục mạnh xẻng vào đồng than đá nằm trên sàn tàu, gạt tấm che cửa lò xuống nơi ngọn lửa hồng rừng rực lộ cả ra ngoài, anh hất mạnh than vào cái địa ngục lửa ấy; còn bác thợ cả thì lau lau tay bằng một cái giẻ gồm ghiếc đầy dầu mỡ, quăng khăn đi rồi giật giật, xoay xoay cái gì đó. .. Một tiếng còi xé tai vang lên, hơi nước trắng xoá nóng hổi từ đầu ống tỏa ra, tiếng máy bỗng gầm gào át hết mọi âm thanh - đầu tàu chậm chậm kéo đoàn toa đi... Sau này âm thanh chát chúa đó còn dữ dội vang lên mãi, sức mạnh và tốc độ của chúng cứ mỗi ngày một tăng lên thêm, mọi thứ chung quanh đều như rung lên, quay tít, nhảy chồm! Thời gian như ngưng đọng lại, hoá đá, như có con rồng lửa đang chạy làm rung con đường sắt được tôn cao, từng khoảng cách giữa hai ga tàu vượt qua thật mau! Mỗi lần tàu dừng lại, giữa ga êm yên bình tĩnh mịch, có thể cảm thấy rõ hương rừng ban đêm, và từ khắp các bụi cây tiếng họa mi bay đi đóng dả, thanh bình...

Ở Ôriôn tôi ăn vận không được nghiêm trang cho lắm, - đôi ủng sang trọng bằng da mỏng, áo khoác

ngoài mỏng màu đen, áo sơmi lụa đỏ, chiếc mũ lưỡi trai đen quý phái viền đỏ, - tôi mua bộ yên hiệp sĩ tuyệt hảo còn thơm mùi da đến nỗi, đi đêm về, mãi tôi không ngủ được vì niềm vui có cái yên đặt bên cạnh. Tôi lại đến Pixarêvô - với dụng ý mua thêm một con ngựa - vào dịp đó ở đây đang có hội chợ bán ngựa trong làng. Tại hội chợ, tôi đánh bạn với mấy chàng trai trạc tuổi tôi, họ cũng mặc áo khoác, đội mũ lưỡi trai viền đỏ, là những khách thăm thường xuyên từ lâu của các hội chợ; được sự mách bảo của họ, tôi mua được một con ngựa nòi cái còn ít tuổi (mặc dù một tay digan đã ra sức thuyết phục tôi mua con ngựa thiện già nua - "ông chủ ơi, mua chú ngựa Misa này đi, suốt đời ông sẽ yêu quý tôi vì có con ngựa này!").

Mùa hè tiếp đó là cả một chuỗi ngày vui liên tục của tôi - suốt ba ngày liền tôi không về Baturinô mà làm khách ở nhà những người bạn mới quen, và khi nàng từ Ôriôn trở về, tôi lại mất tâm trong thành phố. Liên sau khi nhận được mảnh giấy của nàng ghi hàng chữ ngắn ngủi: "Em đã về, khao khát gặp anh", tôi vội phi ngựa ra ga, mặc dù cảm thấy hơi khó xử trước vẻ khôn ngoan ngổ ngỗ của hàng chữ đó, mặc dù trời đã tối, mây đang ùn ùn kéo tới; và khi đã vào trong toa rồi, tôi cảm thấy mình như say say thích thú với nhịp tàu lao đi vun vút, con tàu như lao nhanh hơn trong cơn giông đang nổi lên, trong tiếng bánh xe rầm rập chạy hoà lẫn với tiếng sấm, tiếng mưa ào ào đổ trên nóc toa, ánh chớp xanh lè chốc

chốc lại hát lên kính cửa tối đen soi rõ những dòng nước mưa sủi bọt chảy rờn rờn.

Dường như chẳng còn gì khác ngoài cảm giác thoả thuê về những lần gặp gỡ đầy vui thú. Thế rồi, - chuyện này xảy ra đã vào cuối hạ, - một trong số những người bạn ấy sống cùng với em gái và ông bố già ở một trang ấp cách thành phố không xa trên bờ cao dòng sông Ixta, anh này cũng đã từng đến nhà nàng, anh đã mời khá đông bạn bè đến dự tiệc nhân ngày thánh lễ của mình. Anh ta đích thân đi đón nàng, cùng nàng đi trên chiếc xe nhỏ một ngựa kéo, còn tôi thì cưỡi ngựa phía sau. Tôi cảm thấy lòng mình khoan khoái giữa một ngày đầy ánh mặt trời, cánh đồng khô ráo mênh mông, những cánh đồng khoáng dang dường như toàn đất cát lơ nhô vô số những đống rạ hình chóp nón. Tự nhiên tôi thêm được làm một điều gì đó khác lạ, phi thường. Tôi thúc ngựa phi như điên, rồi kìm nó lại, sau đó lại lao như bay qua những đống rạ, móng sắc cửa vào cổ chân ngựa đến toé máu.

Bữa tiệc ngoài ban công cũ kỹ kéo dài đến tối, đêm tối lúc nào không biết, cảnh tượng thật vui - với ánh đèn sáng, rượu mùi, những bài hát hoà lẫn tiếng đàn ghita. Tôi ngồi bên nàng, và chẳng còn chút e rè gì, tôi đã cầm lấy tay nàng, nàng để yên không rút ra. Khi đêm đã khuya, hết như thoả thuận ngầm với nhau, chúng tôi đứng dậy, rời ban công xuống vườn tối sẫm. Nàng dừng lại giữa khu vườn đêm ẩm áp, lưng tựa vào thân cây, hai tay đưa

về phía tôi, - tôi không thể nào trông thấy nhưng ngay lập tức tôi cảm nhận được cử chỉ đó của nàng... Đêm trôi qua nhanh, vườn cây dần ngả màu xám, khắp trang ấp vang lên tiếng gà gáy khàn khàn, nghe xa vắng êm đêm; và chỉ ít lúc sau cả khu vườn đã hừng sáng trong vùng đông đỏ rực hiện lên từ mãi cuối cánh đồng vàng thoai thoải trải rộng bên kia sông... Chúng tôi đi ra phía bờ cao bên sông và đứng lại, nàng nhìn chân trời như đang bốc cháy; không còn để ý đến tôi, nàng khe khẽ hát bài "Bình minh" của Traicópxki. Đến một nốt cao, giọng nàng không lên được, bài hát bị đứt ở đây; nàng nâng gấu váy bằng vải mỏng màu xanh sẫm rồi chạy về nhà. Tôi dừng lại sững sờ, chân không còn đứng vững, chưa nói tới chuyện nghĩ ra được điều gì. Tôi đi đến gốc bạch dương già mọc giữa đám cỏ khô ráo trên sườn dốc thoai thoải bên bờ sông, rồi nằm xuống đấy. Một ngày mới đã đến, mặt trời đã lên; vào cuối mùa hè bao giờ cũng thế, hễ thời tiết đẹp là nắng chói chang ngay từ buổi sáng. Tôi gối đầu lên rễ cây bạch dương và thiếp đi ngay. Nhưng mặt trời mỗi lúc một gay gắt hơn, - ít lúc sau thì tôi tỉnh dậy giữa bầu không khí oi nồng, nắng tràn loá mắt, tôi đứng dậy ngật ngưỡng đi tìm bóng râm. Ngôi nhà hiện ra giữa nắng chói lòà, mọi người trong nhà vẫn còn đang ngủ. Chỉ một mình ông già chủ trang trại là còn thức. Từ phía cửa sổ phòng ông mở toang, nơi cạnh đó có cây xi-ren đơn độc cành lá sum suê, vọng ra tiếng ho khan của ông, tiếng ho dường như thoát

ra cái thú được hút tẩu thuốc đầu tiên buổi sáng, được uống cốc trà đặc buổi sáng trộn với mứt quả. Nghe tiếng chân tôi và tiếng đàn chim sẻ bay rào rào lên từ bụi cây xi-ren loá nắng, ông già nhìn qua cửa sổ, khép lại trên ngực tà áo dài cũ kỹ bằng lụa hoa Thổ Nhĩ Kỳ, có thể trông rõ gương mặt già nua nhăn nhúm của ông với đôi mắt sưng húp và bộ râu xồm xoàm bạc trắng. Ông già nở một nụ cười thật hiền hậu. Tôi nghiêng mình chào như có lỗi, đi qua lối hiên vào phòng khách cửa rộng mở; căn phòng này trông thật hấp dẫn đáng yêu với cảnh vắng vẻ, tĩnh mịch buổi sáng, với mấy chú bướm đang bay lượn; tường trong phòng dán giấy trang trí màu xanh đã cũ, ghế bành, đi-văng kê ngay ngắn. Tôi nằm xuống một chiếc đi-văng rất không thuận tiện vì quá trũng, rồi lại ngủ thiếp đi rất say. Nhưng dường như liền sau đó, - đấy chỉ là cảm giác, thực ra giấc ngủ của tôi khá lâu, - có ai bước lại gần, khẽ cười, miệng nói nói điều gì đó, lấy tay xoa xoa vào mái tóc tôi. Tôi choàng tỉnh - trước mắt tôi là hai người trẻ tuổi trong gia chủ, anh trai và em gái, cả hai nước da đều ngăm ngăm, mắt sáng, đẹp theo kiểu *Tácta*; người anh mặc áo lụa vàng, người em cũng mặc áo lụa vàng như vậy. Tôi chồm lên và ngồi dậy: hai người cùng nói với giọng thật hiền hoà rằng đã đến lúc phải dậy và ăn sáng, rằng nàng đã rời trang trại, không phải một mình mà với Kuzmin. Họ chuyển lại cho tôi mảnh giấy của nàng. Tôi liền nhớ ngay tới đôi mắt của Kuzmin, - đôi mắt sôi nổi, dữ

dội, mầu ong. Tôi cầm lấy mảnh giấy, đi sang phòng cổ kính dành riêng cho các cô, - ở đấy một bà già vận toàn đồ đen đang thông thả ngồi chờ tôi trên chiếc ghế đẩu đặt cạnh một cái chậu, bàn tay gầy guộc lấm tấm hạt kê đang cầm chiếc bình đựng nước. Vừa đi tôi vừa đọc lời nàng ghi: "Đừng cố tìm gặp em nữa". Tôi tới chỗ rửa mặt. Nước lạnh như băng, giá buốt - "nước ở đây từ mạch nguồn, từ giếng lấy lên mà", - bà già nói và đưa cho tôi một chiếc khăn rất dài bằng vải lanh. Tôi đi vội ra phòng ngoài, cầm lấy mũ và chiếc dây da, chạy qua sân nắng chang chang vào chuồng ngựa... Con ngựa khê cất tiếng hí rầu rĩ đón tôi từ trong bóng tối, - nó vẫn mang bộ yên trên lưng, đứng bên cạnh máng ăn rỗng không, bụng hóp lại, - tôi nắm lấy dây cương, nhảy lên yên, trong lòng vẫn còn tự kìm giữ mình một cách đầy hoang dại say sưa, rồi quật ngựa lao vút qua sân.

Ra ngoài trại, tôi rẽ quật sang cánh đồng, để ngựa muốn đi đâu thì đi giữa ruộng chỉ còn tro góc rạ; gặp đồng rơm đầu tiên, tôi cho ngựa đứng lại, tôi tụt khỏi yên rồi ngồi xuống bên cạnh. Con ngựa nhe răng kéo từ đồng rơm những sợi vàng óng, châu châu nhảy lách tách trên những góc rạ, trong rơm; cánh đồng sáng loá chung quanh trải dài như một biển cát - còn tôi thì chẳng nghe thấy gì, nhìn thấy gì, trong đầu chỉ ám ảnh một ý nghĩ rành rề: hoặc là nàng sẽ trả lại cho tôi con người của mình, trả lại cho tôi cái đêm này, buổi sáng này, mầu xanh sẫm của làn vải mỏng khê xao xác, thấp thoáng trên đôi

chân nàng bước trên bãi cỏ, hoặc là cả hai đều không sống nữa!

Với cảm giác điên loạn ấy, với niềm tin rồ dại vào những điều ấy, tôi lao nhanh vào thành phố.

IV

Sau lần ấy tôi ở lại thành phố rất lâu, suốt bao ngày ngồi cạnh nàng trong khu vườn nhỏ đầy bụi nằm sâu trong sân nhà của người bố goá vợ, - bố nàng (là một bác sĩ sống vô lo, có đầu óc tự do) chẳng hề gò ép nàng điều gì. Kể từ cái phút khi tôi phi ngựa từ sông Ixta đến với nàng, và nhìn thấy mặt tôi, nàng áp hai tay lên ngực, từ phút ấy đã không thể nào biết được rằng tình yêu của ai mãnh liệt hơn, hạnh phúc hơn, mất trí hơn, - tình yêu ở tôi hay ở nàng (không biết bắt nguồn từ đâu xuất hiện). Cuối cùng, để cho cả hai cùng được sống bình thường dù chỉ một chút thôi, chúng tôi quyết định xa nhau một thời gian. Điều này là cần thiết còn vì lý do rằng thuê chỗ ở trong khách sạn "Quý tộc", tôi bị rơi vào cảnh nợ nần không trả được. Thêm nữa trời mưa dầm dề. Tôi cứ trì hoãn mãi bằng mọi cách cuộc chia tay - cuối cùng thì tôi đã thu hết nghị lực, đợi trời mưa tạnh tã mà lên đường về nhà. Đạo đầu ở nhà tôi chỉ ngủ, lặng lẽ đi từ phòng này sang phòng khác, không làm gì, không nghĩ ngợi gì. Dần dần một câu

hỏi cứ xoáy vào óc tôi: điều gì vậy đã xảy ra với tôi và rồi nó sẽ kết thúc ra sao? Có lần anh trai tôi là Nhicôlai đến, vào phòng tôi, ngồi xuống, không bỏ mũ ra và nói:

- Thế này, chú em ạ, cảnh sống thơ mộng của chú vẫn đang tiếp tục đây. Mọi chuyện vẫn như xưa: "Cáo đưa tôi vào chốn rừng sâu, qua bao núi cao", điều gì sẽ đến sau khu rừng, dãy núi ấy - chẳng ai biết được đâu. Anh biết cả rồi, nghe nhiều rồi, phần còn lại thì tự đoán ra - những chuyện này nói chung đều na ná như nhau cả mà. Anh cũng biết rằng bây giờ thì chú chẳng thể suy nghĩ tĩnh táo được đâu. Tuy nhiên, anh vẫn muốn hỏi: vậy thì những dự định sắp tới của chú là thế nào?

Tôi đáp lại đùa đùa:

- Ai cũng bị một chú cáo nào đó dẫn đi. Còn đi đâu, để nhằm mục đích gì thì tất nhiên không ai biết. Điều này trong sách "Hỡi chàng trai, chàng hãy đi đi trong tuổi trẻ của chàng, đi đâu trái tim chàng mách bảo và đôi mắt chàng nhìn tới!".

Người anh tôi im lặng nhìn xuống sàn nhà như đang lắng nghe tiếng mưa rơi lao xao trên mảnh vườn thu xơ xác; một lát sau, anh buồn bã nói:

- Nào thì đi đi, đi đi...

Tôi cứ tự hỏi mình mãi một câu: biết làm gì bây giờ? Có thể biết rõ ràng phải làm gì. Nhưng tôi càng cố tự thuyết phục mình rằng ngay ngày mai phải viết một bức thư dứt khoát vĩnh biệt - khả năng này vẫn còn vì chúng tôi vẫn chưa bước qua ranh giới của sự

gần gũi cuối cùng, - thì lòng tôi càng tràn ngập tình cảm dịu dàng tới nàng, niềm thán phục nàng, cảm giác hàm ơn sâu nặng trước tình yêu của nàng đối với tôi, trước vẻ đẹp tuyệt vời của đôi mắt nàng, của gương mặt, tiếng cười, giọng nói... Và hôm sau, vào buổi chiều tối, trước sân trang ấp tôi, bỗng xuất hiện một người cưỡi ngựa ướt sũng từ đầu đến chân, đưa cho tôi một bức thư hỏa tốc ướt nhem: "Em không thể chịu được nữa, chờ anh". Suốt đêm cho tới sáng, tôi không thể nào ngủ được, bàng hoàng với ý nghĩ rằng chỉ vài giờ nữa thôi là tôi lại được nhìn thấy nàng, nghe được nàng...

Cả mùa thu của tôi đã trôi qua như thế, lúc ở nhà, khi lên thành phố. Tôi đã bán yên, bán ngựa; đến thành phố, tôi không ngụ lại ở khách sạn "Quý tộc" nữa, mà ở nhà trọ của bà Nhiculina tại quảng trường Sépnaia. Thành phố bây giờ đã khác xa cái thời tôi sống ở đó khi còn thơ ấu. Cảnh sắc chung quanh vẫn bình thường, dung dị - chỉ có đôi lúc, khi đi trên phố Uxpenxkaia qua chỗ khu vườn và nhà trường, tôi cảm nhận được một điều gì gần gũi thân thiết mà tôi đã từng nếm trải. Từ lâu tôi đã quen hút thuốc, quen cạo râu trong hiệu, nơi ngày xưa tôi đã từng là đứa bé ngoan ngoãn ngồi yên, mắt liếc nhìn những món tóc vàng tơ của mình lá tả rơi xuống sàn dưới tiếng lách tách của kéo.

Nàng và tôi suốt ngày ngồi trên chiếc đi-văng kiểu Thổ Nhĩ Kỳ trong phòng ăn, chung quanh không có một ai: bác sĩ thì vắng nhà từ sáng sớm, cậu

em trai nàng là học sinh thì đến trường. Sau bữa ăn sáng bác sĩ ngủ một lúc rồi lại lên xe đi đâu đó, còn cậu em trai thì đùa nghịch đuổi nhau với chú chó Vôntrôi màu hung vừa sủa, vừa giả vờ cắn xé, hết chạy xuống rồi lại chạy lên gác hai theo cầu thang gỗ. Một thời gian, cái cảnh ngồi đơn điệu trên di-văng và có thể là cả sự âu yếm cuồng nhiệt thái quá đã làm nàng chán ngấy - nàng bắt đầu kiếm cớ đi ra khỏi nhà, thăm các cô bạn gái, thăm người quen; còn tôi thì ngồi một mình trên di-văng, nghe tiếng hát, tiếng cười hô hố của cậu học sinh và tiếng sủa giả vờ của con Vôntrôi đang lăn lộn trên cầu thang. Mất nhòa lẹ, tôi nhìn qua cửa sổ rèm che một nửa ra ngoài bầu trời trong xám xám, hút hết điệu thuốc này đến điệu thuốc khác... ít lâu sau có điều gì đó lại xảy ra với nàng: nàng lại bắt đầu ngồi lì ở nhà, lại dịu dàng nhường nhẹ với tôi như trước, khiến tôi không thể nào hiểu được nàng là người thế nào. "Anh thân yêu - có lần nàng nói với tôi, - biết thế nào được, chắc là phải thế thôi!" - nàng meo mào cười rồi khóc thút thít. Lần đó là sau bữa ăn sáng, khi mọi người trong nhà đều rón rén đi lại cốt giữ yên lặng cho ông bác sĩ nghỉ ngơi. "Em chỉ thấy rất thương ba thôi, với em trên đời này chẳng có ai thân quý hơn!" - nàng nói, và lại một lần nữa tôi ngạc nhiên trước tình yêu thái quá của nàng với bố. Và liền sau đó, hệt như là sắp đặt trước, cậu em trai chạy tới, lơ dềnh lầu bầu rằng bác sĩ cho gọi tôi lên gặp ông. Mặt nàng bỗng tái nhợt. Tôi hôn tay nàng và đính đạc bước ra.

Bác sĩ đón tôi bằng vẻ mặt dịu dàng vui vẻ của người vừa ngủ dậy giấc và mới rửa mặt xong; ông vừa hút thuốc, vừa khe khẽ hát.

- Anh bạn trẻ thân mến, - ông vừa nói, vừa đưa thuốc mời tôi, - từ lâu tôi đã muốn nói chuyện với anh, - chắc anh hiểu là về điều gì. Anh biết quá rõ tôi là người không có đầu óc cổ hủ gì. Nhưng tôi rất quý hạnh phúc của con gái tôi, nên cũng rất thương anh. Vì vậy tôi muốn nói thẳng với anh như giữa hai người đàn ông. Dù điều này có lạ lùng chăng nữa thì tôi vẫn phải nói rằng quả là tôi không biết gì về anh cả. Anh hãy nói cho tôi biết: anh là ai? - Ông nói, miệng nở nụ cười.

Mặt tôi đỏ bừng nóng ran rồi lại tái nhợt đi, tôi cố kéo dài thời gian. Tôi là ai vậy? Tôi muốn trả lời một cách kiêu hãnh như Gótv (dạo đó tôi vừa đọc xong cuốn sách của Échkecman). "Tự tôi không biết mình là ai, ôi, lạy Chúa, xin đừng để tôi tự biết mình!". Tuy nhiên tôi lại đáp một cách khiêm nhường:

- Thưa bác, cháu viết văn ạ... cháu sẽ còn viết nữa, sẽ trau dồi thêm trong công việc này...

Và bất ngờ nói thêm:

- Có thể là cháu sẽ chuẩn bị thi vào trường đại học tổng hợp...

- Trường tổng hợp à, điều này tất nhiên là tuyệt quá rồi, - bác sĩ trả lời. - Nhưng chuẩn bị thi vào đấy đâu phải là chuyện đùa. Mà anh dự định tương lai sẽ hoạt động trong lĩnh vực nào mới được? Anh sẽ chỉ hoạt động văn học hay là tham gia cả vào lĩnh vực hoạt động xã hội, phụng sự nhà nước?

Một ý nghĩ lần thẩn lại len vào đầu tôi - tôi lại muốn nhắc lại lời Góto: "Tôi sống giữa thời đại với cảm giác về sự hữu hạn đầy ghê sợ của mọi thứ trên đời... Chính trị không bao giờ lại có thể là việc của thi ca...".

- Hoạt động xã hội không phải là việc của nhà thơ, - tôi trả lời.

Bác sĩ nhìn tôi với vẻ hơi ngạc nhiên:

- Thế như Nhêkraxốp chẳng hạn, theo anh, không phải là nhà thơ sao? Mặc dù vậy chắc anh vẫn có theo dõi ít nhiều đời sống xã hội đương diễn ra, anh có biết vào thời điểm này mọi người Nga trung thực, có văn hoá quan tâm tới điều gì chứ?

Tôi ngẫm nghĩ và hình dung ra những gì tôi đã biết: Tất cả đều nói đến sự hà khắc, đến thủ lĩnh các hội đồng tự quản, nói đến "sự suy sụp hoàn toàn từ những ý định tốt đẹp ban đầu của thời kỳ cải cách vĩ đại"... nói rằng Tônxtôi đang kêu gọi mọi người ẩn mình vào "biệt phòng dưới bóng cây vân sam"... rằng quả là chúng ta đang sống trong "Hoàng hôn" của Sêkhốp... Tôi chợt nhớ tới cuốn sách mỏng gồm những câu châm ngôn của Mác Avrêli do những người theo thuyết "tự hoàn thiện" của Tônxtôi truyền bá: "Tôi được dạy rằng tâm hồn của những người quý phái thật là cạn hẹp..." - Tôi nhớ đến ông già buồn bã người Ucraina, người đã cùng tôi mùa xuân vừa qua đi tàu dọc sông Đônép. Ông già này là một người theo đạo, thường hay đọc lại cho tôi theo cách riêng của mình lời nói của thánh Paolô: "Nếu tạo hoá đã tôn Đức Chúa

Krixtô lên thiên đàng, lên cao hơn hết thảy mọi chức vị, quyền lực, mọi tên tuổi không chỉ trong quá khứ mà còn cả trong tương lai, thì chúng ta không giao chiến chống lại con người mà chống lại các nhà cai trị vốn là thế lực hắc ám của thời đại..." - Từ lâu tôi đã tự thấy mình là môn đệ của học thuyết Tônxtôi, vừa giải thoát khỏi mọi ràng buộc xã hội, vừa tuyên chiến với các "thế lực hắc ám" mà tôi căm ghét, - và lúc này tôi bèn đứng ra truyền bá học thuyết của Tônxtôi.

- Vậy là theo anh, con đường duy nhất cứu thoát khỏi mọi điều ác và bất hạnh là nằm trong cái gọi là "bất hành động", "bất bạo loạn" chăng? - bác sĩ hỏi lại bằng giọng thờ ơ một cách cố ý.

Tôi vội trả lời rằng tôi ủng hộ việc hành động và cả việc chống đối, chỉ có điều, đó là sự chống đối "rất đặc biệt". Thiện cảm của tôi với học thuyết Tônxtôi được hình thành từ nhiều cảm xúc trái ngược gọi ra từ các nhân vật Pie Bêdukhop và Anatôli Kurakin, công tước Xécpukhốpxkôi trong truyện "Người đo vải" và Ivan Hích, từ những lời đại loại như "Vậy thì chúng ta phải làm gì đây" và "Con người có cần nhiều đất không", từ những cảnh tượng bản thủ nghèo nàn của cuộc sống thành phố được mô tả lại trong bài báo về cuộc thống kê dân số ở Matxcơva, từ ước mơ đầy thi vị về cuộc sống giữa thiên nhiên, giữa dân chúng mà truyện "Những người *Kazác*" và ấn tượng của riêng tôi về vùng Tiểu Nga đã đem đến cho tôi.

Thật là hạnh phúc biết bao khi có thể đoạn tuyệt hoàn toàn với cuộc đời vô nghĩa lý và thay bằng một

cuộc sống trong sạch tại một làng nào đó giữa thảo nguyên, trong một ngôi nhà tường trát bằng đất sét quét vôi trắng bên bờ sông Đonhép! Tôi đã nói lại với bác sĩ ít nhiều từ những cảm nghĩ trên, tránh nhắc đến cái "ngôi nhà đất sét". Có cảm giác rằng ông chăm chú nghe, nhưng với thái độ kẻ cả lộ quá rõ. Có lúc tôi thấy đôi mắt sùm sụp của ông hơi lơ dờ ngái ngủ, cảm ông run run vì cố kìm giữ cho khỏi ngáp, ông đã tránh được cử chỉ đó, cho hơi thoát ra ngoài qua đường mũi. Ông nói:

- Vâng, vâng, tôi nghe anh đây... Có nghĩa rằng anh không tìm kiếm cho mình những tiện nghi bình thường của cuộc sống trần tục ư? Nhưng mà ngay cả chuyện ăn dẫu có phải chỉ là việc riêng. Như tôi đây chẳng hạn, tôi không lấy gì làm ngưỡng mộ dân chúng cho lắm, rất tiếc là tôi hiểu biết dân chúng quá kỹ, và tôi rất ít tin rằng dân chúng là ngọn nguồn của mọi điều thông thái, rằng tôi có nghĩa vụ phải cùng với họ dựng xây trái đất này, nhưng chẳng lẽ thế là tôi không cần mang ơn, không mắc nợ họ điều gì cả sao? Tuy nhiên, tôi không dám bảo ban anh về phương diện này. Bây giờ tôi muốn trở lại điều tôi đã nói tới lúc đầu. Tôi sẽ nói ngắn, và xin lỗi anh, sẽ nói hoàn toàn dứt khoát. Vô luận tình cảm giữa anh và con gái tôi sâu nặng đến thế nào, bất kể tình cảm ấy đang ở giai đoạn phát triển nào, tôi muốn nói trước rằng: Lika tất nhiên là một cô gái hoàn toàn tự do, nhưng nếu giả thử như nó muốn gấn bó mật thiết đời mình với anh và hỏi ý kiến tôi thì nó sẽ nhận được sự

từ chối thẳng thừng. Tôi rất có cảm tình với anh, tôi mong muốn cho anh gặp mọi điều tốt lành, nhưng ý tôi là như vậy. Vì sao? Tôi xin trả lời một cách hoàn toàn thực dụng: tôi không muốn thấy anh và Lika bất hạnh, sống leo lắt trong cảnh nghèo túng, vô định. Và sau nữa, cho phép tôi được nói một cách hoàn toàn thẳng thắn: anh và Lika tính nết có gì giống nhau đâu! Lika là một cô bé xinh xắn, và chẳng nói giấu gì anh, tính tình nó khá thất thường, - hôm nay nó say mê điều này, mai lại thay đổi rồi, - tất nhiên là nó không mơ ước được sống trong cái "biệt phòng dưới bóng cây vân sam" của ông Tônxtôi, - anh cứ để ý mà xem nó ăn mặc thế nào, mặc dù đây là chốn hẻo lánh. Tôi hoàn toàn không muốn nói rằng nó là đứa con gái hư hỏng, tôi chỉ nghĩ rằng nó hoàn toàn không xứng đôi với anh đâu...

Nàng đứng dưới chân cầu thang chờ tôi, nàng đón nhìn tôi bằng cặp mắt dò hỏi, sẵn sàng đón nhận điểm dữ. Tôi hấp tấp truyền đạt lại lời nói cuối cùng của bác sĩ. Nàng cúi đầu xuống.

- Đúng thế đấy, chẳng đời nào em lại đi ngược lại ý muốn của ba em đâu, - nàng nói.

V

Sống ở nhà trọ của bà Nhiculina, thỉnh thoảng tôi ra khỏi đấy lang thang dạo chơi trên quảng

trường Sepnaia, rồi tới cánh đồng trống trải phía sau tu viện, nơi có một nghĩa trang lớn bao bọc bởi bức tường cũ kỹ. Ở đây chỉ có gió thổi - buồn bã và hoang vắng, những cây thánh giá, tấm bia vình viển đứng yên bị mọi người bỏ rơi, quên lãng, có cái gì trống rỗng tựa như một ý nghĩ mơ hồ, đơn độc về một điều gì đó. Trên cổng nghĩa trang có vẽ một bãi đất bằng menh mông màu xanh xám lổ nhố những ngôi mộ bị đào xới, các tấm bia đổ nghiêng, phía dưới đó lộ ra những bộ xương răng nhe ra và hình những ông bà già chẳng còn biết tự thuở nào nằm trong vải liệm nhờ nhờ xanh lục. Một nữ thần cầm ống tiêu đang bay và thổi tiêu trên bãi đất bằng ấy, những dải áo màu xanh nhạt bay phấp phới, đôi chân trần thiếu nữ co lại, để lộ phía sau bàn chân dài trắng trắng...

Ở nhà trọ vẫn là cái cảnh mùa thu ở một huyện lẻ, chung quanh cũng vắng vẻ - người từ làng quê lên hầu như không có. Tôi trở về, bước vào trong sân - đi ngược lại phía tôi từ dưới mái che ngoài sân là bà đầu bếp chân đi ủng đàn ông, tay cầm con gà trống: "Tôi mang vào nhà đây, - bà ta nói, rồi cười không biết vì điều gì, - con gà này già quá hoá ngớ ngẩn rồi, thôi cho nó ở ghé với tôi trong nhà vậy...". Tôi bước lên bậc thềm rộng bằng đá, đi qua phòng ngoài, rồi vào gian bếp ấm áp với tấm gỗ kê trên sàn nhà, rồi vào phần nhà dành để ở - một phòng là nơi ngủ của bà chủ, một phòng để hai chiếc divăng lớn dùng làm chỗ ngủ cho các khách trọ ít ỏi là thường dân và chức sắc nhà thờ, thường thì chỉ có mình tôi. Chung quanh

vắng lặng, trong thanh vắng nghe rõ tiếng đều đều tích tắc của chiếc đồng hồ báo thức từ trong buồng ngủ của bà chủ... "Anh đi chơi về đấy à?" - bà chủ bước ra khỏi buồng cất tiếng hỏi dịu dàng, nhoeo miệng cười với vẻ độ lượng. Thật là một giọng nói hài hoà, tuyệt diệu! Bà ta người đầy đà, khuôn mặt tròn tròn. Có lúc tôi không thể bình thần nhìn bà - nhất là vào những buổi tối, khi bà vừa từ nhà tắm nước nóng trở về, da dẻ hồng hào ửng đỏ, bà ngồi uống trà rất lâu, mái tóc đen còn chưa khô, đôi mắt nhìn mệt mỏi, lặng lẽ, mặc chiếc áo ngủ màu trắng, thân hình thoải mái ngả trong chiếc ghế bành: con mèo trắng với những khoanh vàng tơ được ngủ yên nằm gọn trên đầu gối đầy đặn mà kêu gừ gừ. Từ phía ngoài vọng vào tiếng lạch xạch: đó là bà đầu bếp đang cài then ngoài cổng, rồi lại vào trong phòng đóng chặt lại các cửa sổ - điều này có gì gợi nhớ tới thời xưa nguy hiểm. Bà Nhiculina đứng dậy cài thêm chốt sắt vào cánh cửa rồi lại ngồi uống trà tiếp; không khí trong phòng càng trở nên ấm cúng hơn...

Những ý nghĩ, tình cảm rõ đại chợt hiện ra trong đầu tôi lúc ấy: thôi thì vứt bỏ hết và mãi mãi ở lại đây, trong căn nhà trọ này, trong tiếng đều đều tích tắc của chiếc đồng hồ báo thức! Phía trên một chiếc đi-văng có treo bức tranh: một cánh rừng xanh rì rậm rạp, phía dưới là túp nhà làm bằng các súc gỗ tròn, bên cạnh nhà là một ông già hiền lành đang cúi lom khom, tay đặt lên đầu một chú gấu màu nâu xám trông cũng hiền lành, ngoan ngoãn như thế;

phía trên chiếc đi-văng còn lại treo một thú hoàn toàn quái gở đối với ai phải ngồi hay nằm trong đấy: đó là tấm ảnh chụp thi hài một ông già nằm trong quan tài, mặt trắng nhợt, oai vệ, áo màu đen, - ông già là người chồng quá cố của bà Nhiculina. Từ phía bếp, hoà trong buổi tối mùa thu dài dặc, vọng lại tiếng dao thớt và giọng hát ê a: "Xe ngựa đỗ trước nhà thờ, đám cưới ồn ào vừa cử hành trong ấy..." - Đó là mấy cô gái làm công vừa thái bắp cải để dành mùa đông vừa hát. Và trong tất cả những điều ấy, - trong bài hát dân gian này, trong tiếng dao thớt đều đều, trong bức tranh loè loẹt, thậm chí cả trong tấm hình người quá cố mà cuộc đời dường như vẫn còn đang tiếp diễn trong quang cảnh yên bình vô nghĩa của một nhà trọ, - toát ra một nỗi buồn ngọt ngào, cay đắng...

VI

Đến tháng mười một, tôi trở về nhà. Khi chia tay, chúng tôi thoả thuận sẽ gặp lại nhau ở Ôrion: nàng đi lên đó ngày 1 tháng Mười Hai, còn tôi thì giữ ý chừng một tuần sau mới lên. Thế rồi đúng ngày mừng một, vào một đêm trăng sáng, tôi vội lên xe ngựa tới ga Pixarêvô để kịp lên đúng chuyến tàu đêm mà nàng phải đi. Tôi như còn nhìn được, còn cảm thấy rõ môn một cái đêm tuyệt vời huyền diệu ấy!

Tôi thấy mình trên đường đi từ Baturinô đến Vaxilépxcôie, giữa cánh đồng tuyết bằng phẳng. Sương mù bay bay, con ngựa đi nước kiệu mà cứ như là chạy tại chỗ, những mảnh tuyết bị hất lên từ móng sắt bóng loáng... có lúc ngựa đi chệch khỏi đường, sa vào chỗ tuyết dày, nó lúng túng chồm lên, dây choàng ách trùng xuống, nhưng rồi nó dướn mạnh lên, vượt qua chỗ tuyết lún... Tất cả như đang bay đi, lao tới - nhưng đồng thời lại cứ như đứng nguyên một chỗ mà chờ đợi: Lớp tuyết trắng bất động lấp loáng dưới ánh trắng bàng bạc, trắng nhợt nhạt mờ ảo sau màn sương giá lạnh thâm thấp bất động phía chân trời, một quầng mây ngũ sắc bí ẩn buồn bã bao quanh trắng, còn tôi thì như lặn đi trong chiếc xe đang lao trên đường, trong cái cảnh bất động chung quanh, như hoá đá trong tâm trạng nôn nóng đợi chờ. Tôi chìm đắm trong một hồi ức xa xưa: cũng vào một đêm thế này, trên con đường như vậy dẫn tới Vaxilépxcôie, nhưng dạo đó là mùa đông đầu tiên của tôi ở Baturinô, tôi còn trong trắng, thơ ngây, vui niềm vui của những ngày trẻ trung đầu tiên, vui niềm say mê thi ca trong thế giới của những tập sách cổ kính chuyển đến từ Vaxilépxcôie, với những bài thơ tứ tuyệt, những bản bi ca và ba-lát:

Ngựa đang phi. Bốn bề trống trải.

Thảo nguyên in trong mắt Xvétlana...

"Bây giờ những cái đó còn đâu!" - tôi thầm nghĩ như thế, tuy vậy vẫn không phút nào rời tâm trạng bao trùm là đợi chờ, tê tái. "Ngựa đang phi. Bốn bề

trống trải", - tôi thầm nhắc lại câu thơ theo nhịp ngựa phi (theo cái nhịp điệu bao giờ cũng có sức cuốn hút tôi lạ lùng) và tự cảm thấy mình giống như một hiệp sĩ cổ xưa nào đang lao đi, đầu đội mũ chỏm cao, mình khoác áo lông gấu. Chỉ có người xà ích ngồi phía trước mặt chiếc áo dài bằng vải thô dày tuyết bám là bắt tôi nhớ rằng tôi đang ở giữa cuộc đời thực, bên cạnh đồng rơm kiểu mạch mùi ngai ngái lấm tấm bụi tuyết chất đầy dưới chân tôi tê lạnh...

Đến quá Vaxilépxcôie, hụp xuống một cái hố trên đường dốc, ngựa bị ngã làm gãy càng xe, - lúc ấy, khi người xà ích buộc lại càng, tôi bàng hoàng hoảng sợ bị lỡ tàu. Vừa đến ga, tôi liền rút hết số tiền còn lại để mua vé hạng nhất, - nàng thường đi trong toa hạng nhất, - rồi chạy vội vào sân ga. Tôi còn nhớ ánh trắng mờ mờ hoà trong màn sương phủ quanh những ngọn đèn vàng vàng và ô cửa nhỏ của phòng điện báo. Tàu đã sắp vào ga, tôi nhìn quanh: trải dài tận chân trời là một mầu tuyết trắng mờ ảo, trong lòng cảm thấy lạnh băng mà run rẩy, bồi hồi, tiếng các cửa đóng dập lại âm âm, tiếng chân của những người ra khỏi ga bước thình thịch - thế rồi đã thấy đầu tàu đen đen hiện ra từ xa qua màn khói, ánh lửa đỏ lừ ghê sợ đang tiến dần lại trong tiếng thở phì phò nặng nề của đầu máy... Đoàn tàu khó nhọc vào ga, mình bám dây tuyết, bánh xe nghiêng ken kết lên đường ray... Tôi nhảy vội vào đầu toa, mở toang cửa vào trong toa - nàng ngồi trong bóng tối mờ mờ, vai khoác chiếc áo lông, dưới chiếc đèn treo bị tấm rèm phủ

che, cả toa tàu chỉ có một mình nàng, mắt chăm chăm nhìn tôi...

Toa tàu cũ kỹ, nóc cao, chạy trên ba đôi bánh xe, cửa toa và thành tàu rung lên lộc xộc, băng bám thành vân hoa trên kính cửa... Chúng tôi như đang ở một nơi nào rất xa, đêm đã về khuya lắm... Chuyện đã xảy ra như tự nó đến, ngoài ý muốn, ngoài lý trí của chúng tôi... Nàng đứng dậy với gương mặt đỏ bừng, ngơ ngác; nàng sửa lại mái tóc, nhắm mắt lại rồi thu mình ngồi vào góc toa, không thể nào với tới...

VII

Suốt mùa đông, chúng tôi sống ở Ôriôn.

Làm sao có thể diễn tả được cảm xúc của chúng tôi, khi sáng sớm bước ra khỏi tàu, về toà soạn, khi giữa hai chúng tôi đã có sự gần gũi gần bó thâm kín!

Tôi đến ở một khách sạn nhỏ, còn nàng thì vẫn ở nhà Avilôva. Gần như suốt ngày chúng tôi ở đấy, còn vào những giờ chúng tôi hằng mong đợi thì ở bên nhau trong khách sạn.

Đấy là một niềm hạnh phúc không dễ dàng, đây nhọc nhằn cả về tinh thần lẫn thể xác.

Tôi còn nhớ: có lần vào buổi tối, nàng ở ngoài sân băng, còn tôi thì ngồi làm việc ở toà soạn, - ở đấy người ta đã bắt đầu giao việc cho tôi, tôi đã nhận được một khoản tiền thù lao, - cả ngôi nhà trống

không, vắng lặng, Avilôva đi dự một hội nghị ở đâu đó, buổi tối kéo dài gần như vô tận. Ngoài cửa sổ, trên con phố vắng, có ngọn đèn đường nào hiu hắt sáng, chẳng biết cần cho ai. Tiếng bước chân người qua đường, khi gần lại, khi xa dần, tiếng băng vỡ lạo xạo dưới giày của họ hết như đã đem đi, lấy đi mất cái gì đó của tôi; lòng tôi se lại vì buồn bã, vì giận hờn, ghen tỵ, - đấy, tôi phải ngồi một mình thế này, tự hạ mình làm cái việc vô nghĩa, ngô nghê chỉ cốt vì nàng, còn nàng thì đang ở đâu đó ngoài hồ đóng băng, chung quanh là những đống tuyết trắng và hàng thông sẫm tối, vang tiếng nhạc của đàn kèn hơi, chan hoà ánh sáng màu tím ngát và nhồn nháo những bóng người lượn qua lượn lại, - ở đấy chắc nàng thật vui...

Bỗng có tiếng chuông rung, rồi nàng bước vào rất nhanh. Nàng mặc bộ váy áo màu xám, đội chiếc mũ bằng lông sóc màu xám, tay cầm đôi giày trượt băng bóng loáng; cả căn phòng như bỗng sáng lên bởi sự trẻ trung tươi mát, bởi vẻ đẹp của gương mặt nàng ửng hồng vì lạnh. "Ôi, - nàng thốt lên - em mệt quá!" - rồi đi sang phòng của mình. Tôi bước theo nàng, nàng gieo mình ngồi xuống đi-văng, với nụ cười mỗi mệt ngả đầu ra đằng sau, tay vẫn cầm đôi giày trượt. Với cảm giác khắc khoải quen thuộc tôi nhìn lên mu bàn chân cao cao, nhìn đôi chân nàng đi tất xám lộ ra dưới chiếc váy ngắn màu xám, - chỉ một làn vải da dày dày đó thôi đã khiến tôi khổ sở, nôn nao cả người. Tôi bắt đầu trách móc nàng, - suốt một ngày

rồi tôi có được gặp nàng đâu! - Sau đó, bất ngờ tôi lặng người đi trong cảm giác dịu dàng, thương mến, khi chợt thấy nàng đã thiếp ngủ... Choàng tỉnh dậy, nàng trả lời với giọng hiền hoà, buồn buồn: "Em hầu như nghe thấy hết đấy. Anh đừng giận em, em rất mệt anh ạ. Năm vừa rồi em đã gặp phải bao nhiêu là điều trắc trở!".

VIII

Để kiếm cơ sống ở Ôriôn, nàng bắt đầu học nhạc. Tôi cũng tìm được lý do là làm việc ở toà báo "Tiếng nói". Đạo đầu điều này thậm chí làm tôi cảm thấy vui thú, tôi mừng vì cuộc sống của tôi đã đi vào nền nếp, tôi yên tâm vì đời tôi trước đây vốn vô nghĩa, thì nay đã phần nào có ý nghĩa rõ ràng. Nhưng rồi dần dần một ý nghĩ thường hay thoáng qua đầu tôi hơn: có đúng là mình mơ ước một cuộc đời như vậy không? Đấy, như tôi đây có thể là đang ở thời kỳ đẹp dễ nhất của đời mình, khi mà cả thế giới chung quanh dường như phải thuộc về tôi, thì tôi thậm chí lại không có được một đôi giày cao su! Tình trạng này chỉ là tạm thời bây giờ thôi ư? Vậy thì cái gì sẽ đến sắp tới?

Tôi bắt đầu cảm thấy rằng không phải tất cả đều xuôi xẻ, êm thấm trong sự gần gũi của chúng tôi, trong sự hoà hợp những cảm xúc suy nghĩ, ý thích của chúng tôi, trong tình yêu của nàng đối với tôi.

"Sự xung khắc cố hữu giữa ước mơ và hiện thực", cái cảm giác thường trực không thoả mãn về sự hoàn thiện, đầy đặn của tình yêu đã giày vò tôi suốt mùa đông ấy với tất cả sức mạnh mới mẻ, với tình trạng bất hợp pháp của tôi trước mắt mọi người.

Tôi thường bị dẫn vật hơn cả những khi cùng nàng dự các buổi vũ hội, hay đi làm khách ở nhà ai đó. Khi nàng nhảy với người nào trông điển trai, uyển chuyển, vẻ mặt nàng đầy linh hoạt, phấn hứng, tà váy áo nàng loáng thoáng đung đưa theo nhịp chân bước; tiếng nhạc vang vang say sưa như châm buốt vào tim tôi, điệu van êm đềm khiến lòng tôi rung rung. Mọi người đều nhìn ngắm nàng nhảy với Turotranhinốp, - chính là cái anh chàng sĩ quan cao quá khổ, để râu quai nón, mặt dài ngăm ngăm đen, đôi mắt đen bất động. Nàng cũng khá cao mà đứng chưa đến vai y; y ôm mình nàng sát lại, nhịp nhàng mềm mại quay nàng theo tiếng nhạc, cặp mắt chăm chăm nhìn từ trên xuống gương mặt nàng ngược lên; trông vẻ mặt nàng vừa sung sướng vừa bất hạnh, vừa xinh đẹp lại vừa thật đáng ghét đối với tôi. Lần đó tôi đã thầm khấn ông trời sao cho mọi chuyện dị thường sẽ xảy ra, - sao cho anh chàng sĩ quan bất chợt cúi xuống và hôn nàng, chỉ điều đó mới giải thoát, chấm dứt mọi đợi chờ, lo âu pháp phóng của trái tim tôi!

- Anh chỉ nghĩ tới mình anh thôi, anh chỉ muốn mọi việc diễn ra theo ý anh, - có lần nàng nói với tôi.
- Chắc là anh sẵn sàng thích thú tước bỏ của em

quyền có cuộc sống riêng, quyền được giao thiệp với mọi người, ngăn cách em với tất cả như đã tự ngăn cách mình...

Và đúng thế: như tuân theo một thứ luật lệ bí ẩn đòi hỏi phải có tình thương, tình đồng cảm dịu dàng trong mọi tình yêu, nhất là trong tình yêu với phụ nữ, tôi rất không ưa - đặc biệt là ở chỗ đông người - những phút nằng vui vẻ, hoạt bát, nằng tỏ ra muốn nổi bật lên, muốn mọi người phải thích mình. Ngược lại tôi rất yêu những lúc nằng sống giản dị, lặng lẽ, khiêm nhường, yếu đuối, những lúc nằng thút thít khóc, môi nằng mọng lên như con trẻ. Ở chỗ đông người quả tình tôi thường tách biệt, thu mình lại, đóng vai người quan sát đầy khe khắt, lại còn thâm thích thú với vẻ xa lánh, nghiêm nghị của mình; nhờ đó mà tôi như nhạy cảm hơn, tinh tường hơn, thấu suốt hơn đối với những khiếm khuyết của người đó. Tuy nhiên tôi luôn luôn khát khao được gần gũi nằng và chịu bao đau khổ, dằn vặt vì không đạt được điều ấy!

Tôi hay đọc thơ cho nằng nghe.

- Em nghe xem nhé, thật là đáng kinh ngạc em ạ!
- Tôi thốt lên. - "Hãy đưa hồn anh về chốn xa xăm. Nơi nỗi buồn như trăng treo rừng vắng!"

Nhưng nằng chẳng thấy kinh ngạc chút nào.

- Câu thơ hay thật đấy anh ạ, - nằng nói, ngả người thoải mái trên đi-văng, hai bàn tay đặt lên bên má, nằng lặng lẽ nhìn nghiêng, vẻ lãnh đạm. - Nhưng sao lại "như trăng treo rừng vắng"? Đấy là

giọng của Phết⁽¹⁾ phải không? Nói chung ông ấy mô tả thiên nhiên quá nhiều.

Tôi đại lại: mô tả là thế nào! - Tôi cố chứng minh cho nàng rằng chẳng bao giờ có một thiên nhiên nào tách biệt khỏi con người, rằng mỗi chuyển động ly ty nhất của làn không khí xung quanh cũng chính là chuyển động của cuộc đời chúng ta. Nàng cười:

- Anh yêu ơi, chỉ có lũ nhện mới sống như thế!

Tôi đọc mấy câu thơ:

Buồn làm sao! Con đường xanh bóng lá

Từ tỉnh mơ lại biến mất trong sương

Và rần bạc lại trườn qua gò tuyết...

Nàng hỏi lại:

- Con rần nào vậy?

Tôi phải giải thích cho nàng rằng đó là nói ví von tới bão tuyết, tới những làn gió thổi tuyết chạy đi.

Tôi xúc động đọc:

Đêm giá lạnh, sương mù bao phủ

Trên túp lều phiêu bạt của tôi

Sau cánh rừng, sau núi, qua mây

Thấp thoáng hiện ánh trăng mờ run rẩy.

- Anh yêu quý ơi, - nàng nói, - cảnh này em có thấy bao giờ đâu!

Tôi đọc tiếp, trong lòng thầm trách móc:

Tia nắng mặt trời xuyên mây nóng bỏng

Bên ghế, em ngồi vạch hình trên cát trắng...

⁽¹⁾ 1. Phết A. - thi sĩ Nga (1820 - 1892).

Nàng tán thưởng lắng nghe, nhưng chắc chỉ vì tưởng tượng ra mình đang ngồi trong vườn lấy đầu ô nhọn vẽ hình trên cát.

- Mấy câu này quả là dễ thương lắm anh ạ, - nàng nói. - Nhưng thôi, thơ thế là đủ rồi, anh lại gần đây với em... Anh lúc nào cũng không vừa ý về em!

Nhiều lần tôi kể lại cho nàng nghe về thời thơ ấu của mình, về tuổi thiếu niên, về vẻ đẹp đầy thi vị nơi trang ấp của gia đình tôi, về bố, mẹ và em gái tôi. Nàng nghe có vẻ dừng dừng đến ghê sợ. Tôi mong mỗi đón nhận từ nàng nổi buồn thương cùng sự đồng cảm, khi kể cho nàng nghe về cảnh nghèo túng có lúc đã đến với cuộc sống gia đình tôi, - chẳng hạn như có lần chúng tôi phải tháo dỡ hết các khung ảnh thánh cổ kính của mình và mang lên thành phố cầm tại hiệu của bà Mêsêrinôva, một bà già độc thân với khuôn mặt phương đông đáng sợ, mũi khoằm, có ria mép, lông trắng mắt lồi ra, mặc đồ lụa, quàng khăn voan, mấy ngón tay đeo nhẫn; ngôi nhà rộng của bà ta để ngổn ngang các thứ đồ cổ bảo tàng, suốt ngày trong nhà đều có tiếng vẹt kêu khàn khàn man dại. Thay vì nổi buồn thương và sự đồng cảm, tôi được nghe nàng đáp lại bằng giọng lơ đãng:

- Ồ, ờ, kinh thật đấy.

Tôi càng sống lâu hơn ở thành phố, càng cảm thấy mình lạc lõng hơn ở đó. Thậm chí đến cả Avilôva không hiểu sao cũng trở nên khô khan giễu cợt đối với tôi. Cuộc sống thành phố của tôi càng trở nên u ám, buồn tẻ bao nhiêu thì tôi lại càng khao

khát được một mình bên cạnh nàng nhiều hơn để đọc sách, để kể chuyện, bày tỏ cho nàng nghe mọi cảm nghĩ của mình. Căn phòng tôi ở khách sạn hẹp vắng vách, thiếu ánh sáng, tôi tự thấy thương hại mình ghê gớm khi nhìn lên chiếc vali nhỏ bé và mấy cuốn sách mỏng là tất cả gia tài của tôi; tôi buồn cho những đêm dài đơn độc trong căn buồng nghèo nàn, lạnh lẽo; không phải tôi đã ngủ qua đêm mà đúng hơn là khắc khoải chịu đựng cảnh đêm thâu dài đằng đặc ấy, chấp chờn qua cơn mơ mà chờ đợi ban mai, chờ đợi tiếng chuông đầu tiên từ tháp chuông gần đấy tản ra, ngân nga giữa sáng mùa đông băng giá. Căn buồng nàng cũng chật hẹp, ở tận cuối hành lang gần cầu thang đi lên căn gác nhỏ, tuy vậy cửa sổ trong phòng hướng ra phía vườn, căn phòng tĩnh mịch, ấm áp, đồ đạc gọn gàng ngăn nắp, chiếu chiếu lò sưởi trong phòng nàng được nhóm lên, còn nàng thì có thể nằm gọn hết sức thoải mái trên đi-văng, thân mình co lại. Tôi nói với nàng:

Nửa đêm bão tuyết gào

Giữa rừng sâu thanh vắng

Anh cùng em bên nhau

Lửa bập bùng loé sáng...

Nhưng tất cả những cảnh bão tuyết, rừng đêm, ánh lửa và niềm vui ấm áp hoang sơ đầy thi vị ấy đối với nàng đều xa lạ.

Một thời gian dài tôi cứ tưởng rằng chỉ cần nói với nàng: "Em có biết những con đường mùa thu in dấu chân ngựa lấp loáng hiện lên dưới ánh chiều

vàng rực?" là đã có thể gọi được niềm mê say cho nàng. Tôi kể cho nàng nghe chuyện có lần vào cuối thu tôi đã cùng anh Ghèorghi đi mua gỗ bạch dương: trần nhà bếp của gia đình tôi bỗng sứt xuống, suýt giết chết ông già ngày xưa đã từng nấu ăn cho nhà tôi, ông già chuyên nằm ngủ trên lò xây trong bếp. Thế là chúng tôi phải vào rừng để mua bạch dương làm cột đỡ. Đạo ấy trời mưa liên miên, ngày này qua ngày khác (những hạt mưa ly ty rơi nhanh dưới ánh mặt trời); chúng tôi ngồi trên xe ngựa đi nước kiệu cùng mấy người dân quê mới đầu thì theo con đường lớn, sau đó qua một cánh rừng nằm bên bãi cỏ rộng còn xanh mầu nhưng sũng ngập nước mưa lấp loáng ánh mặt trời trông đẹp như tranh, đầy vẻ khoáng đãng và lặng lẽ. Tôi kể lại rằng tôi đã thương xót thật lòng cái cây bạch dương cành lá sum suê ấy, khi mấy người dân quê chậm chạp, ngật ngưỡng đi vòng quanh gốc ngắm nghía, rồi nhổ toẹt một cái vào lòng tay chai sần của mình, cầm lấy búa rìu và nhện nhàng dẫn vào gốc cây loang lổ trắng đen... "Em không thể hình dung được lúc ấy rừng cây ẩm ướt đáng sợ thế nào, tất cả đều lấp loáng ánh nắng!" tôi thốt lên như vậy rồi thú nhận rằng tôi ấp ủ ý định viết một truyện ngắn về chuyện đó. Nàng nhún vai:

- Anh yêu ơi, chuyện đó thì có gì đáng viết đâu! Sao lại cứ đi tả thiên nhiên mãi thế!

Một trong những nỗi đam mê bí ẩn và đầy khắc khoải của tôi là âm nhạc. Khi nàng chơi một bản đàn nào tuyệt diệu, tôi yêu nàng xiết bao! Lòng tôi như

lặng đi ngây ngất trong tình thương đầy dịu dàng ngưỡng mộ đối với nàng! Tôi ước ao được sống thật lâu, thật lâu! Nghe nàng chơi đàn, tôi thường nghĩ: "Nếu một lúc nào đó chúng mình phải sống xa nhau, anh làm sao có thể nghe được bản nhạc này mà thiếu vắng em! Làm sao anh có thể yêu được một cái gì đó, vui mừng về điều gì đó mà không chia sẻ được với em tình yêu này, nỗi vui này!". Nhưng nếu gặp oán đàn nào tôi không thích thì tôi chê bai cũng rất gay gắt khiến nàng nổi nóng:

- Chị Nadia! - Nàng gọi tên Avilôva, rời tay khỏi phím đàn và quay ngoắt về phía buồng bên cạnh. - Nadia, chị sang mà xem anh ấy nói bừa!

- Và sẽ còn nói bừa nữa đấy! - Tôi thốt lên. - Ba phần tư mỗi bản xô-nát này là tầm thường, lộn xộn, nhảm nhí! Chỗ này thì nghe có tiếng xèng đào mồi! Chỗ kia thì các tiên nữ đang nhảy múa trên đồng cỏ, chỗ nọ thì nước réo ầm ầm! Cái gọi là "tiên nữ" là một trong những từ anh khó chịu nhất! Tôi tệ hơn cả các từ khuôn sáo của báo chí!

Nàng tự cho là mình phải có tình yêu say mê đối với sân khấu, còn tôi thì lại căm ghét thứ nghệ thuật đó; càng ngày tôi càng tin rằng tài năng hơn người của phần lớn các nam nữ diễn viên là giỏi biến thành tầm thường, giỏi bắt chước theo những mẫu người tồi tàn nhất mà các nhà sáng tác, các nghệ sĩ đã dựng nên. Đó là các mũ mồi vắn khăn màu xanh dưới lân khăn san Thổ Nhĩ Kỳ, với vẻ mặt đáng điệu xun xoe, giọng nói ngọt ngào nịnh bợ khúm núm trước bọn

người đại loại như Tít Titút; bọn này thể nào cũng kiêu hãnh thái quá vênh mặt lên, bàn tay trái xoè ra áp vào tim cạnh chiếc túi bên của cái áo vạt dài. Đó là đám cảnh sát ngu si dần dện, bọn hoạt đầu như kiểu Kholéxtacóp, bọn mặt mày ủ ê giọng khàn khàn như Ôxíp, kẻ thì dê mặt như Rêpêchilóp, hăng hái băng nhắng như Trátxki; hay bọn Phamuxóp tay đeo dây nhẩn, môi dày mỏng như quả mận chín trề ra. Rồi đủ thứ Hăm lét khoác áo bọn rước đuốc trong lễ đám ma, đầu đội mũ cài lông chim, đôi mắt tô đen đầy vẻ mệt mỏi, trác táng, quần nhung đen bó sát đùi, bàn chân bèn bệt như vẫn thấy ở đám bản dân, - Tất cả những cái đó khiến tôi rùng mình ghê tởm. Lại còn ca kịch nữa chứ! Nào là anh chàng Rigôlétto lưng khom khom, chân giòăng ra một cách quái dị, hai đầu gối chập vào nhau! Còn Xuxanhin thì rầu rĩ và sùng kính ngược mắt lên bầu trời, cất giọng hát ngân nga: "Ôi bình minh, người sẽ đến!". Anh xay bột trong vở "Nàng tiên cá" thì tay dài khằng khiu như que củi, run rẩy giơ ra (trên ngón tay còn quên chưa tháo nhẫn cưới!), quần thì rách như xơ mướp tựa hồ như vừa bị một đàn chó điên cắn xé!

Trong những cuộc tranh cãi về sân khấu chúng tôi không bao giờ đạt được sự thoả thuận nào: chẳng ai chịu nhượng bộ ai, chẳng thể nào hiểu nhau được nữa. Có lần một diễn viên tỉnh lẻ nổi tiếng đến biểu diễn ở Ôrion, sắm vai trong vở "Nhật ký người điên". Tất cả khán giả đều chăm chú thán phục dõi theo anh ta ngồi trên một chiếc giường bệnh viện, khoác

áo dài, gương mặt đàn bà, đôi mắt nhìn đắm đắm đầy đau khổ, mỗi lúc một lộ thêm vẻ ngạc nhiên dần dần đầy vui thú; sau đó anh ta từ từ giơ ngón tay lên, rồi với cử chỉ chậm rề rề, điệu bộ diễn cảm lố bịch, cắm dưới dề ra như một con thú và cất tiếng nói rành rọt từng âm một: "Kể - từ - ngày - hôm - nay..." Thế rồi, sang ngày hôm sau, anh ta lại giỏi giang hơn trong việc đóng giả là Liubim Torxốp; đến ngày thứ ba thì đóng Mácmêlát mặt mày nhem nhuốc, mũi xám ngoét: "Thưa ngài, xin ngài cho phép tôi được thưa chuyện đứng đắn với ngài". Một nữ diễn viên nổi tiếng đóng cảnh viết thư trên sân khấu - bất thành linh bà ta quyết định viết một lá thư đầy bất hạnh. Bà ta ngồi thoát xuống bên bàn, chấm bút khô vào lọ mực khô, rồi trong nháy mắt gạch ba dòng thẳng trên giấy, gấp lại cho vào phong bì, giật chuông gọi cô hầu gái xinh đẹp khoác chiếc tạp dề trắng rồi với giọng khô khốc vắn tắt ra lệnh cho cô hầu: "Cho người mang bức thư này đi ngay!" - Mỗi tối đi xem kịch về như thế là chúng tôi lại to tiếng tranh luận đến ba giờ đêm làm Avilôva mất cả ngủ. Lúc ấy tôi không chỉ nguyên rửa nhân vật diện của Gôgôn, dề bử Torxốp và Mácmêlát mà còn chê bai cả Gôgôn, Ôxtorôpxki, Đôxtôépki nữa...

- Ừ thì cứ cho là anh đứng đi, - nàng gào lên, mặt tái nhợt, đôi mắt tối sầm và vì thế mà trông càng hấp dẫn, - vậy thì vì lẽ gì mà anh lại nổi sung lên thế? Chị Nadia, chị hỏi anh ấy đi!

- Vì rằng, - tôi hét lên đáp lại, - chỉ cần diễn viên

phát âm từ "arômát"⁽¹⁾ lại ê a kéo dài thành "a-rô-mát!" là tôi đã sẵn sàng vận cổ anh ta!

Cũng những lời la hét na ná như vậy nhiều lần nổ ra giữa chúng tôi sau mỗi dịp gặp gỡ tiếp xúc với đủ loại người ở Ôrôn. Tôi rất muốn chia sẻ với nàng cảm giác thích thú với những quan sát của mình, với những nhận xét ngày càng tỷ mẩn của tôi; tôi muốn truyền sang cho nàng thái độ khe khắt với thế giới chung quanh nhưng lại thất vọng thấy rằng mọi chuyện diễn ra hoàn toàn ngược lại với ý tôi muốn nàng trở thành người cùng chung cảm xúc và suy nghĩ với mình. Có lần tôi nói:

- Giá như em biết rằng anh nhiều kẻ thù thế nào!

- Kẻ thù nào? ở đâu? - Nàng hỏi.

- Đủ loại kẻ thù, khắp nơi: ở khách sạn, ở cửa hàng, ngoài phố, ngoài ga...

- Ai là những kẻ thù đó?

- Tất cả mà, tất cả! Vô số những bộ mặt và thân hình tởm lợm! Chính sứ đồ Paven đã nói: "Không phải xương thịt nào cũng như nhau, ở người là một kiểu, ở súc vật lại là kiểu khác...". Một số trông thật phát khiếp! Có những người đặt bàn chân một cách quái dị, thân mình đổ về phía trước, hết như hôm qua mới từ bỏ thời kỳ đi bằng bốn chân. Đây, như hôm qua, trên phố Bônkhốpxaia, anh vừa đi theo sau rất lâu một viên cảnh sát trưởng vai ngang bè bè thân hình vạm vỡ; anh không thể rời mắt khỏi tấm

⁽¹⁾ Arômát: hương thơm - N.D.

lưng béo ú ních trong tấm áo dạ dài, chân đi ủng căng tròn bóng loáng; chà, anh cứ phải ngấm mãi cặp giò đó, mùi giày da, tấm dạ xám làm áo, mấy cái cúc trên dây đai đằng sau lưng, và cả con vật bốn mươi tuổi thu mình trong bộ quân phục ấy!

- Anh không thấy lương tâm cắn rứt à! - Nàng nói với vẻ ghê tởm. - Chẳng lẽ anh quả thật là một kẻ xấu xa độc ác như vậy sao? Nói chung là em không thể nào hiểu anh được. Con người anh như được kết bằng toàn những gì kỳ quặc, trái ngược!

IX

Tuy vậy, mỗi buổi sáng đến toà soạn, càng ngày tôi càng sung sướng hơn, thân thiết hơn khi thấy trên mặc chiếc áo lông màu xám mà trong đó như ẩn chứa con người nàng, - chiếc áo như đã thành cái phần rất mềm mại của nàng. Phía dưới mặc áo là đôi ủng xinh xinh màu xám mà chỉ thoáng nhìn thấy thôi lòng tôi đã nôn nao một niềm xúc động. Vì nôn nóng sớm được nhìn thấy nàng nên tôi đến sớm hơn tất cả, ngồi vào bàn làm việc của mình, - đọc và sửa những tin bài gửi từ các tỉnh về, đọc các báo thủ đô, dựa vào đó mà sáng tác các "tin điện của bốn báo", hầu như phải chép lại hoàn toàn một số truyện ngắn của các tác giả tỉnh lẻ. Vừa làm tôi vừa lắng tai nghe chờ đợi - và thế rồi cuối cùng đã nghe thấy

tiếng chân nàng rảo bước, tiếng váy áo sột soạt! Nàng chạy vào, toàn thân trông thật là mới mẻ, với đôi tay thơm thơm mát lạnh, với cặp mắt trẻ trung, sáng long lanh, tươi tỉnh sau một giấc ngủ ngon lành. Nàng vội vã nhìn quanh rồi hôn tôi. Nhiều lần nàng cũng chạy đến như vậy với tôi ở khách sạn, cả người toát lên mùi lạnh giá của chiếc áo lông mặc giữa mùa đông. Tôi hôn lên gương mặt lạnh ngắt, ôm tấm thân nàng ấm áp, mềm mại sau chiếc áo lông. Nàng cười khanh khách, cố né người đi, - "Bỏ em ra, em đến anh có việc cơ mà!" - nàng gọi người phục vụ tới bảo ông ta dọn dẹp căn phòng tôi ở rồi góp một tay vào dọn...

Có lần tôi tình cờ nghe được cuộc chuyện trò giữa nàng với Avilôva, - vào một buổi tối hai người ngồi trong phòng ăn và cố mở nói về tôi vì tưởng rằng tôi đang ở nhà in. Avilôva hỏi:

- Này Lika, cô em yêu quý, sắp tới mọi chuyện sẽ ra sao? Chắc em biết thái độ của chúng tôi với anh ta: anh ta tất nhiên là rất dễ mến, chị hiểu là em mê anh ta... Nhưng rồi sẽ ra thế nào chứ?

Tôi như rơi xuống một vực thẳm. Ra thế, tôi chỉ là người "rất dễ mến" thôi, không hơn, còn nàng thì chỉ "mê" chút đỉnh thế thôi!

Câu trả lời còn kinh khủng hơn:

- Nhưng em có thể làm gì được? Em chẳng thấy có lối thoát nào...

Nghe những lời đó tôi như phát điên, tôi đã định lao vào phòng ăn mà kêu lên rằng có lối thoát đấy -

đó là sau một giờ nữa thì tôi sẽ biến mất khỏi Ôriôn,
- thì bỗng nghe thấy giọng nàng nói tiếp:

- Chị Nadia ạ, sao chị lại không thấy rằng quá tình là em yêu anh ấy ghê lắm! Sau nữa, lẽ nào chị lại không biết rằng thực chất anh ấy ngàn lần tốt hơn cái vẻ bề ngoài mà ta tưởng...

Phải rồi, tôi đã có thể tỏ ra xấu hơn nhiều so với con người thực của mình. Tôi sống trong niềm lo âu, căng thẳng, thường xử sự gay gắt khinh khi với mọi người, dễ lâm vào tâm trạng buồn nản, tuyệt vọng; tuy nhiên tôi cũng dễ dàng thay đổi, giả dụ như nếu thấy rằng không có gì đe dọa quan hệ xuôi xẻ của tôi với nàng, không có ai định mon men chiếm đoạt nàng thì cái bản tính nhân hậu, giản dị, chân thành lại trở lại với tôi. Nếu tôi biết rằng một buổi dạ hội nào đó mà chúng tôi sửa soạn cùng dự sẽ không đem tới cho tôi điều gì bức bối, đau đớn, thì tôi sẽ chuẩn bị với đầy sự phấn hứng; tôi tự hài lòng với chính mình, khi nhìn vào gương, tự ngắm nghía đôi mắt mình, nước da ngăm ngăm, chiếc áo sơ mi trắng toát! Các buổi vũ hội đã là niềm hạnh phúc thế nào với tôi, nếu ở đáy lòng ghen tuông của tôi không bị dằn vặt! Trước mỗi lần vũ hội tôi phải trải qua những phút kinh khủng, tôi phải mặc chiếc áo đuôi tôm của người chồng quá cố của Avilôva, tuy thực ra chiếc áo này hoàn toàn mới, chưa lần nào được mặc, nhưng nó vẫn như châm buốt vào cơ thể tôi. Nhưng những phút ấy cũng bị quên nhanh - chỉ cần bước ra khỏi nhà, thở hít bầu không khí lạnh giá, nhìn lên

bầu trời chỉ chít những vì sao, rồi vội vàng ngồi lên chiếc xe trượt...

Có trời mà biết được vì sao người ta lại đi trang hoàng cổng vào nơi vũ hội bằng mái hiên phủ những tấm vải sọc đỏ, vì sao trước cửa lại có mấy ông cảnh sát ra oai nạt nộ điều khiển các xe cộ đưa khách đến! Dù thế nào thì đây cũng là vũ hội với cổng vào lạ lùng, đèn trắng sáng choang soi rõ bãi tuyết trắng loá trước cửa, với tiếng hô rành rọt của mấy vị cảnh sát có ria mép vênh lên, những đôi ủng bóng loáng giẫm lên tuyết, những đôi găng tay trắng toát để hờ bên mép túi. Hầu như gần hết số đàn ông đến dự là mặc đồng phục, - hồi đó ở nước Nga còn rất nhiều loại đồng phục khác nhau, - tất cả bọn họ đều lộ vẻ oai nghiêm hãnh diện với những thứ chức tước trang phục của mình. Ngay từ dạo ấy tôi đã có nhận xét rằng những người thậm chí suốt đời chiếm giữ những vị trí và tước hiệu cao nhất cũng không thể quen với cái đó. Những kẻ mới đi xe đến đó bao giờ cũng như chọc tức tôi và ngay lập tức trở thành đối tượng của sự quan sát sắc sảo đầy khó chịu của tôi. Ngược lại, các khách phụ nữ thì hầu hết là xinh đẹp, dễ thương. Họ yếu điệu cởi bỏ ngoài hành lang áo mũ của mình và chỉ lát sau đã có cái bề ngoài lộng lẫy của những người đáng được bước trên tấm thảm đỏ trải trên lối đi lên rộng rãi giữa đám khách sang trọng như đông thêm lên vì được soi mình trong những tấm gương lớn. Trước giờ vũ hội bắt đầu, căn phòng lộng lẫy rộng thênh thang

còn trống rỗng, mát lạnh thanh khiết, với những chùm đèn treo tỏa sáng lấp lánh, những khung cửa sổ lớn không rèm che, nền nhà phẳng lý bóng loáng, thoang thoang mùi hương hoa, mùi phấn son. Người đến dự mỗi lúc một đông thêm, tất cả đều đang nôn nóng chờ đợi tiếng nhạc nổi lên rồi cặp trai gái đầu tiên bất ngờ xuất hiện giữa căn phòng trắng lộng lẫy, - đó thường là cặp khiêu vũ uyển chuyển nhất, tự tin nhất.

Tôi đến chỗ vũ hội bao giờ cũng sớm hơn tất cả. Khi tôi đến nơi rồi, mọi người còn lục tục đến, dưới hành lang người ta còn tới tấp đưa áo lông, áo bành tô cho các nhân viên phục vụ cất giữ. Tôi mặc chiếc áo mượn của người, đầu chải mượt, tôi cảm thấy mình như gầy đi, trở nên thanh thoát hơn, đơn độc, xa lạ với mọi người, tôi như một chàng trai trẻ nào đó kiêu hãnh một cách lạ thường, đóng một vai mờ nhạt trong toà báo, mới đầu tự cảm thấy tỉnh táo, rõ ràng khác nào một tấm gương lạnh giá. Sau đó người đến mỗi lúc một đông thêm, cười nói ồn ào, tiếng nhạc vang vang đều đều, mọi người đã chen chúc ngoài cửa, số phụ nữ đông thêm, không khí trở nên ấm áp hơn, bớt thoáng hơn. Tôi như người ấm hơi men, nhìn phụ nữ táo bạo hơn, nhìn cánh đàn ông với vẻ kênh kiệu hơn, lách qua đám đông người một cách khéo léo hơn, nhờ chạm phải sống áo ai là lịch sự xin lỗi ngay.

Thế rồi tôi bỗng thấy họ, - họ đã đến, miệng hé nở nụ cười ngượng ngập, thận trọng đi giữa đám

đông, - tìm tôi bỗng dịu dàng se lại, một cảm giác thân thiết pha chút ngập ngừng, lạ lẫm: đúng là họ mà lại không còn là họ nữa. Đặc biệt là nàng - hoàn toàn không còn giống nàng nữa! Lần nào cũng vậy, tôi đều sững sốt bàng hoàng trước vẻ đẹp trẻ trung thanh khiết của nàng: nàng thắt đáy lưng ong, bộ váy áo vũ hội tinh trắng, cánh tay để trần từ găng đến vai lộ những vết tím tím vì bị rét cồng, gương mặt ngượng ngùng e ấp... Chỉ có mái tóc chải cao lên như ở các phụ nữ quý phái, trông vừa hấp dẫn lại vừa như ẩn chứa ý muốn thoát khỏi tôi, sẵn sàng thay lòng đổi dạ với tôi để sống một cuộc sống tội lỗi thâm kín. Lát sau có một anh chàng nào đó chạy đến gần nàng, vội vã cúi mình chào theo dáng điệu thường thấy trong vũ hội; nàng đưa quạt cho Avilôva, rồi giả như lơ đãng, yếu điệu đặt tay lên vai chàng kia, quay người nhẹ lướt đi mất hút vào đám đông đang quay cuồng nhảy múa trong tiếng nhạc ồn ào. Tôi nhìn theo nàng như vĩnh biệt, với cảm giác ớn lạnh thù hận.

Nàng Avilôva nhỏ nhắn, linh hoạt, lúc nào trông cũng vui vẻ đĩnh đạc, cũng làm tôi ngạc nhiên trong buổi vũ hội bởi dáng điệu trẻ trung, gương mặt rạng rỡ xinh xắn. Đến đêm vũ hội lần này tôi mới chợt hiểu rằng nàng mới hai mươi sáu tuổi, và cũng lần đầu tiên, không dám tin hẳn vào ý nghĩ của mình, tôi đã thẩm đoán ra cái lý do mà nàng đã có thái độ khác lạ với tôi mùa đông năm ấy, - có thể rằng nàng đã yêu tôi và ghen tức với Lika.

X

Sau đó chúng tôi xa nhau rất lâu.

Mọi chuyện bắt đầu từ sự xuất hiện bất ngờ của vị bác sĩ.

Có lần, trong một sáng mùa đông lạnh giá, đầy ánh mặt trời, tôi bước vào hành lang toà soạn; tôi bất chợt ngửi thấy mùi thuốc lá khét nặng rất quen thuộc, nghe thấy tiếng cười nói ồn ào từ phía phòng ăn. Tôi dừng lại - cái gì thế này? Hoá ra đó chính là bác sĩ đã hút thuốc nhả khói đầy nhà, đó chính là ông đang nói, - với vẻ hoạt bát của loại người, khi đã có tuổi rồi, tính tình vẫn chẳng hề thay đổi gì liên bao năm trời, tự vui thú thưởng thức trạng thái tinh thần khoẻ mạnh khoan khoái, hút thuốc liên miên và chuyện trò luôn miệng. Tôi sững người lại - chuyến đi bất chợt này có ý nghĩa gì vậy? Ông đặt yêu cầu gì mới với nàng? Tôi vào đây thế nào đây, xử sự thế nào đây? - Tuy nhiên, trong những phút đầu tiên cũng đã không có chuyện gì ghê gớm xảy ra. Tôi tự trấn tĩnh lại rất nhanh, bước vào và tỏ vẻ ngạc nhiên vui mừng... Vốn tính đôn hậu, bác sĩ thậm chí còn hơi lúng túng nữa là đằng khác, ông cười cười như tỏ ra xin lỗi, rồi vội nói rằng ông lên đây "để nghỉ chừng một tuần thoát khỏi cuộc sống tỉnh lẻ". Tôi nhận ra ngay lúc đó rằng nàng đang bị xúc động. Không hiểu vì sao Avilôva cũng xúc động. Dù thế nào thì cũng có

thể phỏng đoán rằng bác sĩ là nguyên nhân của mọi chuyện. Ông đã xuất hiện như một vị khách bất ngờ, như một người vừa ở huyện lên tỉnh và bởi vậy, sau một đêm ngồi trên tàu hoả, đã tỏ ra hào hứng uống trà nóng trong phòng ăn của một người xa lạ. Tôi bắt đầu cảm thấy yên tâm. Nhưng liền ngay đó tôi bị một đòn bất ngờ: qua những lời trò chuyện của bác sĩ, tôi chợt hiểu ra rằng ông không đi một mình mà với Bôgômôlốp, một người trẻ tuổi, giàu có và thậm chí còn là một nhà sản xuất đồ da nổi tiếng ở thành phố này. Anh ta từ lâu đã để ý tới nàng. Sau đó tôi nghe thấy tiếng cười của bác sĩ:

- Anh ta nói là phải lòng con đến mất trí, Lika ạ. Anh ta đã tới đây với những dự định dứt khoát nhất! Cho nên bây giờ số phận của anh chàng bất hạnh ấy là hoàn toàn tùy thuộc vào ý con: nếu con muốn thì con ban phát hạnh phúc cho anh ta, nếu không muốn thì sẽ làm đời anh ta tan nát...

Bôgômôlốp không phải chỉ giàu có: anh còn thông minh, tính tình linh hoạt dễ chịu, tốt nghiệp trường đại học tổng hợp, từng sống ở nước ngoài, biết hai ngoại ngữ. Mới thoạt nhìn, hình thù của anh có thể làm người ta phát khiếp: mái tóc hung hung đỏ, chải mượt rẽ ngôi giữa, mặt tròn vành vạnh, béo tròn trũng trục, - trông không hẳn như một đứa trẻ được chăm sóc thái quá nên phát phì một cách tự nhiên, không hẳn như một con lợn Y-oóc-sai to tướng, nung núc những mỡ. Tuy nhiên cái thân hình phì nộn ấy lại toát ra một vẻ thanh sạch,

khỏe mạnh, dễ chịu, khoan khoái: đôi mắt xanh biếc màu xanh da trời, nước da mịn màng trắng hồng như con trẻ, một cái gì đó ngượng ngập dễ thương lộ ra trong cách cư xử, trong tiếng cười, giọng nói, trong khoé mắt, đôi môi. Chân tay anh ta lại nhỏ bé xinh xắn, trang phục may bằng vải Anh; áo sơ mi, tất chân và cà vạt đều bằng lụa. Tôi thoáng nhìn sang nàng và nhìn thấy nụ cười thiếu tự nhiên của nàng... Bỗng nhiên mọi cái chung quanh tôi đều trở nên lạ lẫm, tôi tự xấu hổ thấy mình trở nên thừa, không cần thiết với cả cái nhà này; một nỗi thù ghét nàng bỗng choán lấy tâm trí tôi...

Sau buổi sáng đó tôi không thể ngồi một mình cạnh nàng dù chỉ một giờ; bên nàng lúc nào cũng có bố hoặc có anh chàng Bôgômôlốp. Còn Avilôva thì lúc nào cũng tùm tùm cười nụ, nàng đối xử với Bôgômôlốp vốn vãi, hồ hởi đến nỗi ngay từ ngày đầu tiên anh ta đã trở thành người thân trong nhà; anh ta đến đó từ sáng sớm, ngồi lì ở đó cho tới tối rồi mới về khách sạn ngủ.

Thêm nữa dạo ấy bắt đầu những buổi tập của nhóm kịch nghiệp dư mà Lika là một thành viên, - nhóm kịch chuẩn bị diễn một vở vào dịp lễ tổng tiễn mùa đông. Qua Lika người ta còn mời Bôgômôlốp và cả bác sĩ nữa tham gia đóng các vai phụ. Nàng nói nàng tiếp nhận sự tán tỉnh của Bôgômôlốp chỉ vì để vừa lòng bố, không muốn làm méch lòng Bôgômôlốp vì thái độ gay gắt với anh ta. Tôi luôn tỏ ra vui vẻ, làm như thể tin vào lời nàng, thậm chí còn tự buộc

mình phải dự những buổi tập kịch, bằng cách đó cố giấu đi nỗi ghen tuông ghê gớm và cả những nỗi khổ sở mà tôi phải chịu đựng những lúc ấy: tôi không biết đưa mắt nhìn đi đâu vì ngượng thay cho nàng, ngượng thay cho cố gắng thăm hại của nàng, nhằm "nhập vai" cho nhuần. Và nói chung đấy quả là sự trưng bày ghê sợ sự bất tài của con người!

Các buổi tập do một diễn viên nhà nghề thất nghiệp chỉ đạo; anh ta tất nhiên là tự huỷ hoại coi mình là một tài năng lớn, hãnh diện về kinh nghiệm sân khấu xấu xa của mình; trông anh ta không rõ thuộc lứa tuổi nào, mặt bì bì mai mai, với những nếp nhăn hằn sâu đến nỗi có thể tưởng đấy là do anh ta cố ý tạo ra. Chốc chốc anh ta lại nổi nóng chỉ ra cách cần phải đóng vai này vai nọ thế nào. Anh ta chửi rủa thô lỗ, đầy bức bối đến nỗi gân xanh nổi hằn to trên thái dương: khi thì anh ta đóng vai nam, khi thì đóng vai nữ, và mọi người ra sức bắt chước anh ta, chọc tức tôi bằng từng giọng nói, từng cử chỉ, hành động: dù vị diễn viên chuyên nghiệp kia có đáng ghét đến đâu, thì những kẻ bắt chước y còn đáng ghét hơn. Vì sao, vì lẽ gì họ lại sắm những vai ấy? Trong bọn họ có bà vợ viên sĩ quan đồn trú thường thấy ở mọi thành phố tỉnh lẻ - đó là một bà xương xẩu, tự phụ, trợn trạo; còn có một chị quá lứa, ăn mặc dỏm dáng, lúc nào cũng lo âu chờ đợi điều gì đó, học được cách đánh môi đỏ chót; lại còn có hai chị em mà cả thành phố đều biết vì lúc nào cũng kè kè bên nhau và giống nhau như tạc: cả hai đều cao to, mái tóc đen

thô, lông mày đen rậm rì, mặt mày nghiêm nghị; phải kể đến một viên chức chuyên nhận nhiệm vụ đặc biệt của ngài tỉnh trưởng, viên chức này còn rất trẻ nhưng đầu đã hói, cặp mắt xanh lồi ra, hàng mi mọng đỏ, người cao lêu đêu, cổ áo cũng dựng cao, điệu bộ thì lịch sự và trang trọng một cách khó chịu; khó bỏ qua vị luật sư nổi tiếng thân hình to béo phì nộn, ngực nở, vai bè bè vạm vỡ, bàn chân nặng nề, - khi có lần tôi trông thấy ông ta trong bộ áo đuôi tôm ở buổi vũ hội, tôi cứ nhầm tưởng ông ta là người hầu chính tại đây; cũng không thể kể thiếu chị họa sĩ trẻ vận chiếc váy nhung đen, mái tóc đen dài, cặp mắt ti hí đượm vẻ hư hỏng, đôi môi đỏ mọng mịn màng mà ngắm nhìn thật mất tự nhiên.

Rồi đến lúc vở kịch được diễn. Trước giờ mở màn, tôi ra sau hậu trường: ở đấy mọi người tất tả như điên, kẻ thay trang phục, người hoá trang, tiếng cãi vã hò hét âm ỉ, kẻ chạy ra khỏi phòng hoá trang, người này va phải người kia, không nhận ra nhau, - lúc này ai cũng ăn vận khác hẳn ngày thường, - có người còn mặc áo đuôi tôm màu nâu và quần màu tím, những mái tóc giả, râu giả trông thật ngô nghê, những bộ mặt trát phấn hoá trang vụng về, mắt tô đen, cặp mi cũng tô đen trông dài như vẫn thấy ở đám ma-nơ-canh. Tôi va phải nàng và cũng không nhận ra nàng. Tôi ngạc nhiên trước vẻ búp bê của nàng - nàng vận chiếc váy áo hồng hồng kiểu cổ, mái tóc giả màu hung sáng, gương mặt đẹp như vẽ. Bôgômôlốp sắm vai một anh chàng quét sân tóc

vàng, - người ta hoá trang anh ta một cách thật diễn cảm, sao cho giống với một kiểu "người bình thường". Còn bác sĩ thì sắm vai một ông già là vị tướng về hưu: chính ông mở đầu vở kịch. Ông ngồi tại nhà nghỉ ngoại ô trong chiếc ghế mây đan, dưới bóng cây xanh dựng ngay giữa sân trống trơn, mặc chiếc áo lụa dày mới. Mặt ông cũng trát đầy phấn hồng, bộ ria mép màu trắng sữa. Ông ngả người trên ghế, cau có nhìn lên tờ báo rộng mở. Mặc dầu lúc đó là cảnh trí một sáng mùa hè đẹp trời, cả người ông vẫn được chiếu sáng bởi nhiều ngọn đèn đặt phía dưới sân. Đầu tuy bạc trắng, nhưng vẻ mặt ông trông trẻ hơn tuổi nhiều. Theo kịch bản thì ông phải cất tiếng nói lâu lâu một câu gì đó khi đọc báo; nhưng rồi ông cứ nhìn mãi lên tờ báo mà không thể nói được lời nào, mặc dù từ hốc bên sân khấu người nhắc vở đã mấy lần tuyệt vọng nhắc ông: "xuyt, xuyt!". Chỉ đến khi nàng lao ra từ sau cánh gà (với tiếng cười lạnh lớt, thơ trẻ, đáng yêu), và choàng tay từ phía sau bịt lấy mắt ông, miệng kêu lên: "Ai nào? Ai nào?" - chỉ đến lúc đó ông mới kêu lên, rành rọt từng tiếng một: "Bỏ ra, bỏ ra, ta biết rõ là ai rồi!".

Dưới gian người xem tranh tối tranh sáng, còn trên sân khấu thì sáng loá, đầy ánh mặt trời. Tôi ngồi trên hàng đầu, lúc nhìn lên sân khấu, khi nhìn ra chung quanh: hàng ghế này gồm toàn những người giàu có nhất, tự gò bó mình trong đủ thứ sắc phục của các quan chức dân sự cao cấp cũng như các sĩ quan quân đội và cảnh sát; tất cả bọn họ đều bị

thu hút hoàn toàn vào những gì đang diễn ra trên sân khấu, dáng vẻ đầy căng thẳng, nụ cười đang nở trên miệng...

Tôi không thể ngồi xem đến hết màn một. Khi tôi vừa nghe có tiếng gõ khe khẽ trên sân khấu, - đó là dấu hiệu sắp hạ màn, - tôi bèn đứng dậy bỏ ra. Trên sân khấu lúc ấy các diễn viên đều ủa ra cả, tiếng các diễn viên tranh cãi om sòm vọng xuống phía hành lang sáng ánh đèn, nơi ông già phục vụ đã quen với cảnh này giúp tôi mặc lại áo bành tô. Lát sau tôi đã đâm bổ ra ngoài phố. Một cảm giác cô đơn như sắp đến giờ tận số khiến tôi ngáy ngất. Chung quanh quang quẻ, vắng tanh, những ngọn đèn đường lạng lẽ tỏa sáng. Tôi không về nhà, - ở đây căn buồng chật hẹp trong khách sạn của tôi thật đáng sợ, - mà tôi toà soạn. Tôi đi qua các công sở, rẽ sang quảng trường vắng ngắt, nơi có ngôi nhà thờ hiện ra sừng sững với tháp tròn mạ vàng lấp loáng dưới trời sao... Tôi nghe trong tiếng tuyết băng rạn vỡ dưới chân tôi một cái gì huyền bí, ghê sợ...

Ngôi nhà ấm áp quen thuộc nằm yên trong tĩnh vắng, từ phía phòng ăn sáng ánh đèn vọng ra tiếng đồng hồ đều đều gõ nhịp. Đứa con trai nhỏ của Avilôva đã ngủ; bà vú em ra mở cửa cho tôi, ngái ngủ nhìn tôi rồi bỏ đi. Tôi vào ngay căn buồng vừa quen thuộc vừa đặc biệt khác thường đối với tôi nằm ở góc cầu thang, trong bóng tối tôi ngồi xuống chiếc đi-văng quen thuộc giờ đây chỉ còn gọi cho tôi nỗi buồn đau ngang trái... Tôi vừa chờ đợi vừa kinh sợ

cái phút giây mà mọi người sẽ về, tiếng chân bước dồn dập vào nhà, ồn ào cười nói. Họ sẽ ngồi xuống bên ấm trà *xamôva*, trao đổi cảm tưởng về vở kịch vừa diễn, - và tôi sợ hãi nhất cái thoáng lát mà tiếng cười, giọng nói của nàng sẽ vang lên... Căn phòng đầy ắp bóng hình nàng, khi có nàng cũng như khi nàng vắng mặt, mùi hương thân quen phảng phất trong phòng, từ mùi nước hoa nàng dùng đến mùi chiếc áo khoác mềm mại đang để trên chiếc gối tròn bên cạnh tôi... Ngoài cửa sổ, đêm mùa đông tối sẫm đầy hoang vắng, những vì sao lấp loáng sau bóng cây trơ cành trụi lá...

Vào tuần lễ ăn chay đầu tiên, nàng rời thành phố cùng bố và Bôgômôlốp (sau khi đã từ chối anh ta). Đã lâu tôi không chuyện trò gì với nàng nữa. Nàng sửa soạn ra đi, mất lúc nào cũng rân rấn lệ; nàng phấp phỏm hy vọng rằng bất ngờ tôi sẽ giữ nàng ở lại, không cho nàng đi.

XI

Đang là những ngày lễ ăn chay ở tỉnh lẻ. Đám xà ích ế khách uể oải đứng rét cóng ở góc phố, thỉnh thoảng lại tuyệt vọng giơ tay làm dấu, rụt rè mời mọc vị sĩ quan qua đường: "Thưa ngài, ngài hạ cố dùng xe chứ ạ?" Dân quạ khoang như cảm thấy mùa xuân sắp đến, chúng riu rít kêu lên loạn xạ; bọn quạ

đen thì còn phát ra những âm thanh quàng quạc chói tai.

Đêm đêm tôi càng thấm thía hơn nữa nỗi ghê sợ của sự chia ly. Bừng tỉnh giấc giữa đêm, tôi bàng hoàng tự hỏi: sống làm sao bây giờ đây, biết vì lẽ gì mà sống? Chẳng lẽ tôi mà lại là cái kẻ chẳng biết vì sao lại đang nằm giữa bóng tối của cái đêm vô nghĩa này, giữa cái thành phố tỉnh lẻ với hàng nghìn vạn người xa lạ, trong căn buồng nhỏ với khung cửa sổ hẹp đen sẫm suốt đêm như hình một con quỷ cầm lặng dài ngoẵng! Trong cả thành phố này người gần gũi duy nhất chỉ còn lại có Avilôva. Nhưng có đúng là gần gũi không? Một sự gần gũi đầy trắc trở và khó xử...

Bây giờ thì tôi đến toà soạn muộn hơn. Từ trong phòng khách Avilôva nhìn thấy tôi bước vào hành lang, nàng mỉm cười vui vẻ, - nàng lại đối xử thân mật, dịu dàng với tôi, thỉnh thoảng vẫn cười giễu tôi. Giờ đây tôi đã thấy rõ một tình cảm thương mến bình yên của nàng đối với tôi, nàng luôn tỏ ra quan tâm, săn sóc tôi, thường cùng tôi ngồi chơi nhiều buổi tối, - nàng chơi đàn cho tôi nghe rất lâu, còn tôi thì ngả người tựa lưng vào thành đi-văng lấy tay che đôi mắt nhắm lẹ vì niềm hạnh phúc mà bản đàn đã đem tới cho tôi, cùng với cảm xúc ấy bao giờ tôi cũng thấy càng thêm đau đớn, lòng tràn ngập niềm dịu dàng đầy nương nhẹ, bao dung. Bước vào phòng khách, tôi hôn lên bàn tay nhỏ, đầy đặn của nàng rồi sang phòng dành riêng cho các cộng tác viên thường

xuyên. Bên phòng ấy đang có một vị tư tưởng cấp tiến, vẻ mặt trầm ngâm; anh bị chuyển đến Ôriôn cư trú dưới sự quản thúc của cảnh sát. Hình dáng anh ta khá dị kỳ: râu ria xồm xoàm như thường dân, mặc chiếc áo khoác ngoài màu nâu xám bằng vải mộc thô, đi ủng bôi mỡ hải cẩu tỏa mùi dễ chịu. Anh thuận tay trái, cánh tay phải bị mất một nửa, nửa còn lại giấu sau tay áo anh dùng để giữ tờ giấy xuống bàn, còn tay trái thì viết: anh ngồi rất lâu, nghĩ ngợi, nhả thuốc khói um, rồi bỗng nhiên anh ghi giữ chặt tờ giấy, tay trái viết rất nhanh, rất nhanh với vẻ mạnh mẽ và khéo léo của khỉ.

Sau đó một ông già thấp bé đeo kính bước vào; ông là một quan sát viên nước ngoài, ông cởi bỏ áo khoác ngoài bằng lông thỏ và chiếc mũ Phần Lan che kín cả tai ở ngoài hành lang, rồi đi nguyên đôi ủng của mình, mặc chiếc quần rộng và chiếc áo sơ mi bỏ ngoài quần, thắt dây lưng, trông rất bé nhỏ và linh lợi như một chú bé mười tuổi. Mái tóc dày xám bạc của ông dựng lên trông rất dữ tợn tỏa ra mọi phía khiến ông giống một kẻ dị dạng, cặp kính lạ lùng của ông trông cũng đáng sợ. Ông thường đến toà soạn với hai cái hộp trong tay, một hộp giấy cuộn thành ống nhỏ và một hộp thuốc lá; suốt thời gian làm việc lúc nào cũng nhồi thuốc.

Tiếp đến người thợ lên khuôn và thợ sửa bản in đến. Người thợ lên khuôn đi vào với dáng điệu bình thản, tự tin: trông ông thật khác thường bởi vẻ lịch sự, im lặng, kín đáo; ông rất gầy và khô héo, tóc đen

như người di-gan, mặt tái xanh, ria mép đen, môi thâm xám. Ông ăn vận lúc nào cũng hết sức chỉnh tề, sạch sẽ: quần đen, áo sơ mi màu xanh với cái cổ cao hồ cứng. Thỉnh thoảng tôi có nói chuyện với ông trong nhà in: lúc đó ông bỏ cái kính kín đáo im lặng, ông bình thản nhìn thẳng vào mặt tôi bằng cặp mắt đen nháy và đều đều nói như một cái máy về một đề tài cố hữu không đổi: về sự bất công ngự trị trên thế giới, - mọi nơi, mọi lúc, mọi lĩnh vực.

Thỉnh thoảng người sửa bản in cũng ghé sang - khi thì gặp chỗ không hiểu, khi thì tỏ sự bất đồng với một bài báo nào đó mà anh ta đang sửa. Anh yêu cầu tác giả bài báo hoặc phải giải thích thêm cho rõ, hoặc phải thay đổi đi: "Xin lỗi ông, chỗ này diễn đạt chưa được nhuyễn lắm". Anh ta thân hình to béo, dáng điệu vụng về, mái tóc xoăn trông như hơi bị ướt, lưng cúi lom khom vì lo sợ mọi người nhận thấy anh ta bị nghiện rượu nặng; khi đề nghị ai nói rõ thêm điều gì, anh ta đều phải né mình, nín thở, từ xa run run chỉ tay lên dòng chữ mà anh ta không hiểu và cho là chưa đạt. Ngồi trong căn phòng này, tôi lơ đãng sửa đủ thứ bản thảo của những người xa lạ, nhiều khi tôi chỉ đưa mắt nhìn ra cửa sổ và nghĩ: chính mình rồi sẽ viết thế nào đây?

Bây giờ tôi lại chịu thêm một nỗi dần vật thăm kín mồi, một sự "không toại nguyện" đầy cay đắng. Tôi lại bắt đầu viết cái gì đó, - bây giờ thì phần nhiều là văn xuôi, - rồi lại bắt đầu gửi đăng những gì đã viết. Nhưng tôi không nghĩ về những cái đã

viết và đã in. Tôi day dứt với nỗi khát khao viết một cái gì đó hoàn toàn khác, không giống những gì tôi có thể viết và đã viết: muốn viết cái gì đó ngoài khả năng của mình. Từ những gì cuộc sống đã mang tới định hình cho được trong mình điều gì đó thật sự đáng ghi lại - đó quả là một hạnh phúc hiếm hoi, một việc đòi hỏi bao sức lực tinh thần! Và thế là đời tôi càng ngày càng biến thành một cuộc xung đột mới liên tục với điều "không toại nguyện", biến thành sự tìm tòi, nắm bắt cái hạnh phúc vô hình đó, biến thành nỗi ám ảnh, thường xuyên rượt đuổi hạnh phúc ấy.

Gần đến trưa thì người ta mang bưu phẩm đến. Tôi bước ra phòng khách, lại nhìn thấy mái đầu chải chuốt rất đẹp lúc nào cũng cúi xuống bàn, gập lại cảm giác dễ chịu được gọi lên từ đôi giày da đen bóng dưới gầm bàn của nàng, còn vương lại phản quang của một ngày đông u ám với bầu trời âm u, lạnh giá ngoài khung cửa sổ.

Tôi chọn ra từ gói bưu phẩm một số tạp chí mới xuất bản ở thủ đô, vội vã rọc ra... Một truyện ngắn mới của Sêkhốp! Chỉ mới nhìn thấy cái tên này thôi, trong lòng tôi đã thấy nao nao, tôi chỉ liếc qua truyện ngắn mà không đọc nổi mấy dòng đầu bởi một linh cảm vừa như đau đớn ghen tỵ, vừa như khoan khoái say mê.

Ngoài phòng khách hết người này vào, lại đến người khác ra: nào là những người đến xin đăng rao vặt, nào là đủ các kiểu người cũng mắc cái chứng đam

mê viết văn. Ở đây có thể gặp một ông già đẹp lão, cổ choàng khăn lông, đi găng tay lông, mang tới cả một xếp dày toàn giấy rẻ tiền khổ to bên ngoài có đề chữ "Bài ca và trầm tư" viết nắn nót bằng bút lông ngỗng. Có thể gặp một chàng sĩ quan trẻ, mặt đỏ hồng ngượng ngáp; anh ta đưa bản thảo kèm theo lời đề nghị ngắn ngủi, lịch sự, rõ ràng là đọc giùm anh và nếu đăng được thì tuyệt đối không đề tên thật - "Xin chỉ đề tên tắt, nếu nguyên tác của toà soạn cho phép". Tiếp theo chàng sĩ quan là một viên trợ tế đứng tuổi, mặt lấm tấm mồ hôi vì hồi hộp và mặc áo lông, muốn đăng "Những bức tranh quê" dưới bút danh *Spectator*. Sau ông ta là một nhân viên toà án huyện... Ông này là một người cẩn trọng khác thường; với những động tác chậm rãi một cách lạ lùng, ông ta cởi bỏ ngoài hành lang đôi giày cao su còn mới, tháo đôi găng tay lông mới, cởi chiếc bành tô lông chồn với chiếc mũ mới sang trọng. Trút bỏ lớp vỏ ngoài, ông ta hiện ra với thân hình gầy gò, cao lêu đêu, gương mặt đầy vẻ giễu cợt, sạch sẽ. Ông ta lấy chiếc khăn mùi soa trắng như tuyết lau đi lau lại bộ ria mép có lẽ đến nửa giờ đồng hồ, trong khi đó thì tôi chăm chú theo dõi từng cử chỉ của ông ta và tự nhăm nháp cái thói quen quan sát của người viết văn.

- Phải rồi, phải rồi, ông ta trông phải sạch sẽ cẩn thận, chậm chạp, hết sức chăm chú đến mình, nếu hàm răng ông ta thưa thớt kia và ria mép dày như vậy... nếu cái trán dô của ông ta đã bắt đầu hói, đôi mắt sáng quắc, lưỡng quyền cao ửng đỏ như bị lao,

bàn chân to bèn bẹt, bàn tay cũng to và dẹt như thế với những móng tay dài cắt tròn!

Đến gần bữa sáng bà vú em dẫn đứa bé trai đi dạo về. Avilôva chạy ra lối vào nhà, dịu dàng ngồi xuống, gót chân nhón lên, nàng cởi chiếc mũ lông cừu trắng trên đầu đứa bé, cởi cúc chiếc áo khoác màu xanh với cổ lông cừu trắng rồi hôn lên đôi má mịn màng ửng hồng của nó. Còn tôi thì lơ đãng nhìn sang phía khác, theo đuổi một ý nghĩ nào đó xa xôi, của riêng mình, bất chợt nhận ra mình đang ghen tỵ với cảnh diễn ra trước mắt - ghen tỵ, với vẻ vô tư đầy sung sướng của đứa bé, với hạnh phúc làm mẹ của Avilôva, với tuổi già bình yên của bà vú em. Tôi ghen tỵ với những ai có cuộc sống đầy ắp những việc, những điều quan tâm thường xuyên lặp lại chứ không phải đợi chờ, nghiền ngẫm, tưởng tượng ra điều này điều nọ cho một cái nghề lạ lùng nhất của loài người được gọi là nghề viết văn. Tôi ghen tỵ với tất cả những ai có việc làm đơn giản, cụ thể, rõ ràng mà nếu hôm nay hoàn thành nó thì có thể hoàn toàn tự do và yên tâm đến mai.

Sau bữa sáng tôi ra ngoài phố. Những bông tuyết mơ màng rơi lả tả trên bầu trời thành phố, thú tuyết hay gập vào dịp lễ ăn chay, vẫn thường làm người ta lầm tưởng rằng mùa xuân đã sắp đến bởi vẻ mịn màng, sắc màu trắng toát. Trên con đường ngập tuyết, một chiếc xe nhẹ êm lao vút qua bên tôi, người xà ích dường như mới uống rượu qua loa ở đâu đấy, vẻ mặt điềm nhiên vô tâm như đang sắp sửa gặp một

điều gì tốt lành, may mắn... Cảnh đó có gì khác thường đâu? Nhưng lúc này dường như mỗi ấn tượng thoáng qua đều làm tôi xúc động, trong giây lát gợi cho tôi niềm khát khao không để cho ấn tượng đó bị bỏ qua, biến mất đi; loé chớp trong đầu tôi ước muốn biến nó thành sở hữu của mình, rút ra được một cái gì đó. Đây, như người xà ích này, anh ta hiện thoáng qua trước mắt tôi, khắc sâu vào ký ức tôi, biến thành một hình ảnh lạ lùng chốc lát, khiến tôi còn vương vấn rất lâu!

Tiếp đó là cái cổng của một ngôi nhà giàu có, bên hè trước cổng có một chiếc xe mui màu đen bóng đang đỗ hiện ra dưới làn tuyết trắng, đôi bánh xe sau to tướng phần ngập trong tuyết cũ, phần bám đầy những bông tuyết mịn mềm mới rơi. Tôi lững thững đi qua, liếc mắt nhìn cái thân hình vạm vỡ của người xà ích đang ngồi trên ghế trước, đầu đội chiếc mũ vuông to bè bè như cái gối. Tôi bỗng thấy đằng sau cửa kính xe, trong chiếc hộp kết bằng vải lụa có một con chó xinh nhỏ đang ngồi run run chăm chú nhìn ra như muốn nói điều gì đó, tai nó dài đẹp như một cái nơ to. Cảnh tượng đó lại thoáng hiện qua như ánh chớp, như niềm vui vụt sáng: đừng quên, hãy đừng quên con chó nhỏ với đôi tai kỳ lạ!

Tôi ghé vào thư viện. Đây là một thư viện cổ, rất ít nơi có kho sách phong phú như ở đó. Nhưng trông thật tiêu điều, chẳng ai cần đến nó cả! Một ngôi nhà cũ kỹ hoang tàn, với những hành lang rộng trống trải, cầu thang lạnh lẽo dẫn lên tầng hai, cánh cửa

bọc dạ loang lổ lộ ra sau lớp vải nhựa. Từ trên gác xuống dưới nhà có ba phòng lớn xếp đầy những sách đã sờn gáy nhàu nát. Một cái bàn thấp dài, một căn buồng nhỏ, nơi làm việc của bà phụ trách thư viện, người thấp bé, ngực lép, vẻ mặt thờ ơ lãnh đạm, mặc bộ đồ đen, bàn tay gầy gò nhợt nhạt vấy mực ở ngón giữa. Còn có một cậu bé nhếch nhác, mặc áo sơ mi xám, đầu nhỏ như đầu chuột, tóc bờm xồm lâu không cắt; cậu ta thừa hành những việc bà kia giao cho...

Tôi vào phòng đọc, một căn phòng hình tròn âm đầy mùi khói, ở giữa kê một chiếc bàn tròn trên đặt mấy tờ báo "Tin giáo xứ", "Người hành hương Nga". Bên cạnh bàn có một chàng học sinh gầy gò đang ngồi, lưng cúi xuống, với vẻ như giấu giếm lặt lặt các trang một cuốn rất dày; cậu ta mặc chiếc áo dạ ngắn sờn cũ, luôn tay cầm khăn mùi xoa cẩn thận lau mũi... Còn ai ngồi ở đấy nữa đâu, ngoài hai chúng tôi, hai kẻ kỳ dị như nhau về sự cô độc, cũng như về những gì chọn đọc. Chàng học sinh đọc một cuốn sách hoàn toàn là quái gở đối với lứa tuổi đó - cuốn "Đường cày". Phần tôi, bà phụ trách thư viện cũng nhiều lần nhìn với vẻ đầy ngạc nhiên khó hiểu: tôi hỏi mượn các báo cũ như "Con ong phương Bắc", "Tin Matxcơva", "Sao Bắc đẩu", "Bông hoa phương Bắc", "Người đồng thời" của Puskin... Tuy nhiên, tôi cũng có mượn cả những cái mới in nữa - tỷ dụ như là đủ các loại sách "Tiểu sử các danh nhân": tôi đọc những sách này để cố tìm trong đó sự nâng đỡ tinh thần, để với cảm giác đầy ghen tỵ so sánh mình với

các danh nhân kia... Ôi các danh nhân! Trên trái đất này đã có vô số những nhà thơ, nhà tiểu thuyết, thế rồi còn lại nguyên vẹn được bao nhiêu người? Quanh đi quẩn lại vẫn gặp bấy nhiêu cái tên bất tử qua thời gian, năm tháng! Hôme, Hôraxơ, Viécginlơ, Dantơ, Pét'racca... Séchxpia, Bairon, Senli, Gớtơ... Raxin, Môlie... Rồi vẫn thấy tiểu thuyết "Đôn Kihôtê", rồi vẫn là truyện "Nàng Manông Lexcô"... Tôi còn nhớ trong căn phòng này lần đầu tiên tôi được đọc Radisép với cảm giác đầy khâm phục: "Tôi nhìn ra xung quanh - lòng tôi bỗng đau như cắt trước nỗi thống khổ của nhân loại!".

Đến chập tối tôi rời khỏi thư viện, lặng lẽ đi dọc những con phố đang sắp vào đêm. Đó đây vang vang từng hồi chuông chậm chậm điểm. Lòng nặng trĩu những ý nghĩ buồn rầu về mình, về nàng, về ngôi nhà thân thiết ở quê xa, tôi ghé vào nhà thờ. Ở đây cũng có cái gì đó mà không ai thiết đến. Bên trong trống trải bóng tối mờ mờ, leo lắt vài ngọn nến, thấp thoáng bóng vài ông già, bà già. Sau cái bục đặt mấy ngọn nến là viên trụ tế nhà thờ đang đứng yên bất động, nhẵn nại, mái tóc màu xám rể ngôi giữa như kiểu dân quê, mắt nhìn qua nhìn lại với vẻ nghiêm nghị của một thương nhân. Lão gác nhà thờ lê đôi chân mệt mỏi đến chỗ này thì sửa lại ngọn nến bị đặt nghiêng cháy quá sáng, ở chỗ kia thì thổi tắt ngọn nến đã cháy gần hết tỏa ra mùi khói và mùi sáp, sau đó bàn tay già nua của ông lão vo vo lại những mẫu nến thừa thành cục sáp to. Có thể thấy rằng ông lão

chán ngấy đến tận cổ tất cả sự tồn tại khó hiểu trên trần gian này của chúng ta, ngăn ngấm với tất cả sự bí ẩn của nó: nào là lễ khai sinh đặt tên, nào là lễ uống rượu vang cùng bánh thánh, nào là lễ kết hôn rồi lễ cầu hôn, cùng bao ngày lễ khác quanh năm suốt tháng lần lượt nối tiếp nhau. Vị linh mục mặc chiếc áo thụng, mái tóc dài như phụ nữ, quay mặt về phía đặt tượng chúa, cúi gập người khiến vòng thánh giá đeo trên cổ cũng thông xuống; giọng ông lên bổng xuống trầm lan đi trong khoảng không trống rỗng mờ mờ ảm đạm: "Giêsuma, lạy chúa tôi...".

Lặng lẽ bước ra khỏi nhà thờ, tôi lại thở hít khí trời lành lạnh cuối đông, nhìn thấy chiều hoàng hôn u ám. Với vẻ nhần nhục đầy cố ý, một kẻ hành khất đầu bạc trắng cúi mình xuống trước tôi, lòng bàn tay khum khum chìa ra. Khi nhận được đồng năm xu, lão ta liền nắm tay lại, nhìn thoáng qua tôi và bất chợt làm tôi ngạc nhiên: lão ta có đôi mắt xanh ươn ướt, đôi mắt của một kẻ nghiện ngập từ lâu, và một cái mũi to như trái cà chua hằn lên ba múi lớn... Tôi lại vớ được một chi tiết kỳ thú đầy sức ám ảnh: cái mũi cà chua hằn lên ba múi!

Tôi đi xuôi theo phố Bônkhốpxcaia, mắt nhìn lên bầu trời đang ngả màu xám sẫm - trong tầm mắt tôi là hình thù, đường nét của những mái nhà cũ kỹ chúa đựng một vẻ đẹp êm đềm khó hiểu. Một mái nhà xưa cũ của con người - ai đã từng viết về điều này? Đèn đường đã thấp lên, ánh sáng ấm áp tỏa ra từ các cửa hiệu, những bóng đen lẫm lũi đi trên vỉa

hè, bóng tối đã trùm lên thành phố ngọt ngào, êm dịu... Tôi như một thám tử theo dõi hết kẻ bộ hành này đến kẻ khác, nhìn lên lưng họ, giày ủng họ, cổ hiểu, cố đoán ra, cố hoá thân vào họ... Phải viết thôi! Cần phải viết về những mái nhà, những đôi ủng, những cái lưng...

Tôi rảo bước đi tới bờ sông Orólich. Hoàng hôn đã nhường chỗ cho bóng đêm, ngọn đèn đường thấp bằng khí đốt bên cầu tỏa sáng. Dưới cột đèn là một người lang thang, trên mình mặc mỗi chiếc áo vải rách bươm, quần cộc màu hồng, bàn chân không giày cước đỏ giẫm trên tuyết, mặt phủ lên sẵn sùi, đôi mắt dùng dục, lạnh băng; người này cúi mình xuống, hai tay cắp vào dưới nách, run như cây sậy liếc nhìn tôi với đầy vẻ khúm núm sợ sệt và ngọng nghịu cất tiếng: "Dạ thưa ngài!..." Rất nhanh, như một tên trộm, tôi túm lấy anh ta, kéo anh ta nép bên mình rồi cúi hẳn cho anh ta một hào... Cuộc sống thật ghê sợ! Nhưng liệu có đúng là ghê sợ không? Có thể rằng nó là một cái gì đó hoàn toàn khác hơn nhiều so với cái gọi là "ghê sợ"? Cách đây vài ngày tôi cũng đã cúi nằm xu cho một kẻ chân đất rách rưới như thế và ngây ngô kêu lên: "Dù sao thì người sống thế này cũng đáng sợ quá đấy!". Và thật là lạ, anh ta đã bắt ngờ táo tợn mà đáp lại sự ngô nghê của tôi với giọng khàn khàn, rần rỏi, đầy bức bối: "Hoàn toàn không có gì đáng sợ đâu, anh bạn trẻ ạ!". Bên kia cầu, ở tầng dưới một ngôi nhà lớn, ánh đèn sáng choang tỏa ra từ tủ kính trưng bày của một cửa hiệu chuyên bán giò

chả, những khúc giò, những súc thịt giảm-bông lớn đủ các loại treo đầy trong đó. "Những nghịch cảnh của xã hội!" - Tôi chưa chút nghĩ thầm, rồi bước theo ai đó qua ánh sáng lộng lẫy của tủ kính bày hàng... Ở phố Maxcốpxcaia tôi ghé vào một quán trà, nơi những người xa ịch thường lui tới; tôi ngồi lại ở đây trong tiếng chuyện trò âm ào, trong cảnh chật chội đầy hơi ẩm, tôi nhìn lên những gương mặt đỏ au, đầy đặn với bộ râu màu hung, nhìn lên cái khay hoen rỉ, móc meo trên đó có đặt hai chiếc ấm trắng với sợi dây ước buộc từ nắp xuống quai... Đó là sự quan sát cảnh sinh hoạt dân già chăng? Không đâu, tôi chỉ quan sát cái khay này, cái sợi dây ước nhem này thôi!

XII

Có lần tôi đi ra ga. Phía ngoài cái cổng khái hoàn là bắt đầu một vùng tối đen, cảnh đêm hoang vu của nơi hẻo lánh. Tôi tự hình dung ra cho mình một thị trấn nhỏ bé nào đó, không ai biết tôi, chưa từng tồn tại, chỉ có trong trí tưởng tượng của tôi nhưng lại là nơi mà cả cuộc đời tôi đã trôi qua. Tôi nhìn thấy những con phố rộng phủ đầy tuyết, những ngôi nhà tồi tàn sẫm tối hiện ra trên tuyết và một ánh đèn đỏ quạch sau cửa sổ một ngôi nhà... Và với niềm cảm hứng say sưa tôi dứt khoát tự nhủ mình: phải rồi, phải rồi, phải viết như thế, chỉ cần ba chữ: tuyết,

ngôi nhà và ngọn đèn trong đó..., không cần thêm gì nữa! Ngọn gió đông mùa đông đưa lại tiếng xình xịch của đầu máy xe lửa đang chạy ở đâu đó và cái mùi than đang cháy, gợi lên một cảm giác ngọt ngào đầy náo nức về những khoảng trời xa. Những chiếc xe đen sẫm chở đầy hành khách lao ngược chiều về phía tôi - chuyến tàu đưa thư báo từ Matxcơva đã tới chăng? - Đúng thế. Phòng điểm tâm nóng bức đầy người, đầy mùi xào nấu, mùi trà từ ấm *xamôva*; đám hầu bàn người *tácta* chạy đi chạy lại, tà áo choàng phơ phất, trông anh nào chân cẳng cũng vòng kiềng, da dẻ sẫm nâu, gò má cao, mắt to như mắt ngựa, cái đầu tròn vo với mái tóc màu chì cắt ngắn. Sau chiếc bàn dài là cả một đám lái buôn; bọn quan thị thị ngồi ăn cá chiên nguội với củ cải *khoren*: những bộ mặt trông như mặt đàn bà to bè bè và vàng như nghệ, những cặp mắt ti hí, những chiếc áo lông chồn...

Quán sách ngoài ga bao giờ cũng có vẻ hấp dẫn kỳ thú đối với tôi, - và thế rồi tôi như con sói đói đi vòng quanh quán, vươn mình nhìn ngó những đầu đề trên gáy sách màu vàng, mầu xám của nhà xuất bản Xuvôrin. Những cái đó làm thức dậy trong tôi niềm khát khao vĩnh cửu mơ tới những toa tàu, những con đường xa lạ, khiến tôi bỗng trào lên nỗi nhớ nàng, người con gái mà nếu được cùng nàng đi đâu đó tôi đã có thể cảm thấy mình hạnh phúc khôn tả. Tôi vội vàng rời khỏi ga, nhảy lên một chiếc xe ngựa, trở vào thành phố, đến toà soạn. Sự pha trộn giữa cảm giác về tốc độ và nỗi đau nhói nhói trong tim bao giờ cũng

thật dễ chịu! Ngồi trên chiếc xe trượt lúc lao xuống chỗ trũng, lúc lại trôi lên gò cao, tôi ngẩng đầu lên - đêm nay hoá ra lại có trăng: vầng trăng mờ nhạt nhợt trắng trắng loáng thoáng hiện ra sau màn mây lạnh giá đang trôi đi. Vầng trăng sao cao xa, sao lạnh lẽo với mọi người! Mây vẫn lững thững trôi đi, lúc để lộ vầng trăng, khi che khuất nó - còn nó thì vẫn đứng đưng, dường như chẳng thêm để ý gì đến mây! Tôi ngửa cổ ra phía sau, không rời mắt nhìn trăng và cố tìm hiểu, nhận biết nó mỗi khi nó vụt hiện ra khỏi mây và tỏa sáng: trăng là cái gì vậy? Là tám mặt nạ trắng của một thiên thể đã chết ư? Nó tỏa sáng từ bên trong, nhưng là thế nào mới được. Nó như là sắp trắng chẳng? Phải rồi, phải rồi sắp trắng! Một lúc nào đó sau này tôi sẽ nói như vậy!

Ở hành lang toà soạn tôi bắt gặp Avilôva với vẻ mặt đầy ngạc nhiên: "Ồ, anh đến đúng lúc quá! Chúng ta đi nghe hoà nhạc nhé!". Nàng mặc bộ váy áo màu đen viền đăng ten rất đẹp, làm thân hình nàng như thon nhỏ lại, để lộ đôi vai, cánh tay và phía trên ngực mịn màng, nàng chải đầu trong hiệu, da dẻ hơi đánh phấn một chút, vì thế mà đôi mắt trong sáng thêm, đen thêm. Tôi khoác cho nàng chiếc áo lông, cố gắng lắm tôi mới tự kiềm chế được để bất ngờ khỏi cúi xuống hôn lên đôi vai trần gần gũi thân thiết, mái tóc quăn quăn thơm ngát mùi hương...

Trên sân khấu của Lễ đường quý tộc với những chùm đèn treo sáng rực là các diễn viên nổi tiếng từ Thủ đô tới. Một nữ ca sĩ xinh đẹp và một chàng danh

ca tóc đen cao lớn; như hầu hết các nam ca sĩ khác, anh này làm mọi người ngạc nhiên về sức lực cường tráng khác thường, có vẻ gì thô thô như gợi nhớ đến một chú ngựa nòi. Anh ta đi đôi giày da đen bóng loáng to tướng, chiếc áo đuôi tôm may rất đẹp, áo sơ mi trắng toát với chiếc cà-vạt cũng màu trắng; anh ta cất giọng hát khoẻ vang, đầy vẻ táo tợn, cương nghị và nghiêm khắc đáng sợ. Còn nàng lúc thì hát theo một giai điệu riêng, lúc thì hoà cùng giọng hát, vội vàng đối đáp lại anh ta, ngắt giọng hát của anh ta bằng những lời trách móc dịu dàng, lời than vãn buồn buồn tha thiết cùng niềm vui đầy mê say với những nốt luyến láy nhanh nhanh, ngậy ngậy...

XIII

Tôi thường choàng tỉnh dậy khi trời còn chưa sáng. Liếc nhìn lên đồng hồ nhiều lần thấy chưa tới bảy giờ. Tôi rất thèm chui vào chăn trở lại, nằm thêm một lúc mà hưởng cái ấm áp: căn buồng tôi ở vừa lạnh vừa tối tối, giữa cảnh yên lặng của khách sạn mà mọi người trong đấy còn đang ngủ chỉ nghe thấy tiếng động nào đấy rất sớm sủa - ở tận cuối hành lang người phục vụ đang lau cọ sàn nhà. Nhưng một nỗi sợ ghê gớm chợt đến với tôi, - nỗi sợ lại tiêu phí vô bổ thêm một ngày nữa; tôi nóng ruột được sớm ngồi vào bàn, sớm chừng nào hay chừng ấy, để bắt tay vào

việc viết một cách nghiêm chỉnh! Tôi bỏ ra rung chuông, tiếng chuông dai dẳng lan đi dọc theo hành lang. Mọi thứ chung quanh tôi thật xa lạ và đáng ghét - cái khách sạn này với người hầu phòng nhếch nhác đang lép nhép cọ sàn, với cái bồn rửa bằng sành nhem nhuốc có vòi nước lạnh buốt toé lên mặt! Thân hình trẻ trung mà gầy gò trong chiếc áo ngủ mỏng của tôi sao mà thảm hại thế, còn chú bồ câu đậu trên bậu cửa sổ đầy tuyết ngoài lớp kính thì co ro thu mình lại không nhúc nhích. Một ý nghĩ táo tợn đầy vui thú bỗng loé lên trong đầu tôi: thôi, bây giờ thì trở về ngay Baturinô thôi, về với ngôi nhà êm ấm, thân yêu! Tuy nhiên, sau khi uống qua quýt cốc nước chè, lật nhanh mấy cuốn sách nằm trên chiếc bàn thấp nhỏ đặt cạnh bồn rửa mặt gần cửa dẫn sang căn buồng khác, nơi có một phụ nữ vẻ mặt xanh xao, buồn buồn xinh đẹp sống với đứa con tám tuổi, tôi lại bị cuốn hút vào cái việc vẫn thường diễn ra sáng sáng: chuẩn bị cho mình tâm trạng để viết - tôi cố tách bạch những ý nghĩ, tình cảm đang ẩn chứa trong lòng, cố tìm ra trong mình điều gì đó đang định hình, đang rõ nét... Tôi chờ đợi cái phút ấy tới - nhưng cảm thấy sợ rằng mọi chuyện rồi sẽ lại kết thúc bằng chờ đợi, bằng nỗi lo âu mỗi lúc một thêm bồn chồn, bằng đôi tay lạnh giá rồi tiếp đó là sự tuyệt vọng hoàn toàn đến nỗi phải bỏ chạy ra ngoài phố, tới toà soạn.

Mọi ý nghĩ trong đầu lại xáo trộn lên tất cả, có cái gì đó dần vật đau đốn chẳng có gì mạch lạc, lẫn

lộn giữa bao tình cảm, suy tư khác biệt nhau nhất... Luôn luôn ám ảnh tâm trí tôi chủ yếu là một điều gì đó rất riêng tư, - lẽ nào quả tình tôi đã bị thu hút bởi những người khác, cho dù tôi có quan sát họ chăm chú đến đâu? Được rồi, có thể là tôi cứ bắt đầu viết một cái truyện về chính mình chẳng? Nhưng mà viết thế nào? Đại loại như là "Thời thơ ấu và niên thiếu" chẳng? Hay là đơn giản hơn thế nữa? "Tôi sinh ra ở đâu đó, vào ngày nào đó...". Nhưng mà, lạy chúa, thế thì khô khan, vô nghĩa lý - và chẳng đúng gì cả? Bởi tôi cảm thấy một điều hoàn toàn khác kia! Nói ra điều này thật bất tiện và đáng xấu hổ, nhưng đúng là như thế: tôi sinh ra trong vũ trụ, giữa cái vó tận của thời gian và không gian, nơi vào một lúc nào đó ngày xưa một thái dương hệ đã hình thành, rồi sau đó có cái được gọi là mặt trời, có cái được gọi là trái đất. .. Nhưng thế là thế nào? Tôi biết gì về điều này ngoài những từ trống rỗng? Trái đất mới đầu là một vật thể dạng khí tỏa sáng... Hàng triệu triệu năm sau, vật thể khí đó hoá thành dạng lỏng, rồi từ lỏng chuyển sang thể rắn; từ đây hình như lại thêm hai triệu năm nữa trôi qua, trên trái đất bắt đầu xuất hiện những sinh vật đơn bào như các loại tảo, trùng cỏ... Rồi tiếp đến là động vật không xương sống: giun, sứa... Rồi đến loài lưỡng thể... Sau đó là những loài bò sát khổng lồ... Rồi xuất hiện một thứ người ăn lông ở lỗ, rồi người đó tìm ra được lửa... Tiếp đó xuất hiện những nền văn minh Khandây, Átxiri, một nước Ai Cập dường như chỉ lo mỗi việc xây kim tự tháp và

ướp xác... Một vị tên là Actácxe nào đó ra lệnh đánh Genlêxpôn... Rồi còn Pêrich và Axpadia, trận giao chiến ở Phéc môpin, trận Maratông... Tuy nhiên rất lâu trước khi các sự kiện đó xảy ra là những ngày kỳ diệu, khi Avôraam đứng lên cùng đàn súc vật của mình đi tới miền đất hứa... "Với niềm tin, Avôraam tuân theo thiên chúc đi tới miền đất mà ngài được thừa hưởng, và ngài cứ lên đường không biết đi đâu...". Đúng là không biết! Giống hệt như tôi lúc này đây! "Với niềm tin, tuân theo thiên chúc...". Nhưng mà tin vào cái gì? Tin vào lòng nhân hậu chan chứa tình yêu mà Thượng đế ban phát. "Và cứ lên đường, không biết đi đâu...". Không, tôi có biết đấy: tôi đang khao khát kiếm tìm hạnh phúc, tức là đang hướng tới cái gì tốt đẹp, êm dịu, cái gì đem lại niềm vui, tức là tình yêu, là cuộc sống. .. Vậy thì tôi lúc nào cũng đã sống như vậy - đã chỉ sống bằng những gì gọi được tình yêu và nỗi vui...

Từ phía sau cánh cửa gần chiếc bàn nhỏ đã vang sang giọng nói của đàn bà và con trẻ, tiếng tháo nước xối xả. Âm trà đã pha xong và có tiếng nài ép: "Kôxchenca, con ăn bánh mì đi này!". Tôi đứng dậy và đi đi lại lại trong căn buồng. Lại còn cái cậu Kôxchenca này nữa chứ... Người mẹ, sau khi cho con uống nước chè xong, thường bỏ đi đâu đó tới trưa. Trở về nhà, bà đun nấu gì đó trên bếp dầu, cho con ăn rồi lại đi. Và cũng thật là khổ sở khi phải chứng kiến cái cảnh cậu Kôxchenca, - cái cậu bé dường như đã thành một thứ con chung của khách sạn, - suốt

ngày tha thần lân la khắp các buồng, lúc ghé vào chỗ người này, khi tới chỗ người kia; gặp ai ngồi ở nhà, cậu ta rụt rè nói câu gì đó, đôi lúc cố nói điều gì đó cốt làm vừa lòng người này, người nọ, nhưng chẳng ai thèm nghe nó cả, có người còn vội đuổi nó đi: "Này, cậu bé, cậu đi chỗ khác đi, đừng quấy nhiễu như vậy nhé!"

Trong một phòng có một bà già nhỏ nhắn ở thuê; bà này trông rất nghiêm nghị, đường hoàng, bà ta tự coi mình cao sang hơn hết thấy những người cùng ở thuê; ngoài hành lang bà ta bao giờ cũng đi mà không thèm nhìn ai, thường rất hay khoá trái nhà vệ sinh và ở trong đó rất lâu, trước khi ra khỏi đó thì xối nước ào ào. Bà này có một con chó lông xù rất to, béo núc ních thành ngán nơi cổ, đôi mắt lồi trong trong, cái mũi hếch tẹt gí, cái hàm dưới dô ra đầy vẻ hóm hĩnh, cái lưỡi thè ra giữa hai chiếc răng nanh như lưỡi cóc. Con chó này hầu như lúc nào cũng có vẻ chăm chú đầy xác xược, nó tỏ ra rất dễ bị kích động. Chẳng hạn như nếu cậu Kôxchenca bị ai đó đuổi ra khỏi phòng và gặp phải con chó này ngoài hành lang, thì liền ngay đó nghe thấy tiếng chó kêu ăng ăng như bị ngạt thở, rồi chuyển sang thành tiếng sủa vang to, dữ tợn như điên khiến cậu bé Kôxchenca khóc thét lên hoảng hốt...

Tôi lại ngồi vào bàn và tự giày vò với sự nghèo hèn của cuộc sống cùng tính phức tạp ghê gớm của nó ẩn đằng sau cái vẻ bình thường dung dị. Bây giờ thì tôi muốn chuyển sang nói cái gì đó về cậu bé

Kôxchenca, về một điều gì na ná như vậy. Chẳng hạn như ở quán trọ của bà Nhiculina, có lần một bà thợ may đứng tuổi đến làm thuê chũm một tuần; bà ta pha cát vãi trên bàn thành những mảnh rời, rồi sau đó đặt vào máy khâu và đập máy... Thật đấy và thú vị mà quan sát bà ta: khi cát vãi, mồm bà luôn luôn méo mó tựa như cố lựa theo đường kéo; khi ngồi thưởng thức nước chè bên chiếc ấm *xamôva*, bà ta luôn cố nói điều gì đó làm đẹp lòng bà Nhiculina: khi giả vờ hào hứng nói chuyện thu hút bà chủ quán trọ, bà ta làm như vô tình giơ bàn tay to bè bè về phía cái làn đựng những miếng bánh mì trắng và liếc nhìn chiếc bình lục lăng đựng mứt quả! Lại còn người phụ nữ chống nạng mà mấy hôm trước tôi gặp ngoài phố Kalatriôpxkaia nữa thì sao? Thường thì những người thọt hay gù lưng đều đi với vẻ kênh kiệu, khiêu khích. Còn người phụ nữ này thì khắp khiêng đi về phía tôi, hai tay chống hai chiếc nạng đen, mỗi lần nhấc chân lên là một lần nhip nhàng tỳ hai tay vào nạng, hai bắp vai nhô cao lên; chị ta chăm chú nhìn tôi, chiếc áo lông ngắn ngắn như của một cô bé, đôi mắt màu nâu trong sáng, linh lợi như mắt trẻ thơ nhưng đồng thời lại có vẻ hiểu biết cuộc đời với tất cả nỗi buồn vui bí ẩn của nó... Đôi khi ta gặp những con người bất hạnh với gương mặt thật đẹp như vậy, cả tâm hồn họ dường như lộ ra qua đôi mắt!

Sau đó tôi lại trầm ngâm nghĩ ngợi xem thử nên viết về đời mình bắt đầu từ đâu. Phải rồi, từ đâu chứ! Dù sao trước tiên nếu không nói đến vũ trụ, nơi mà

tôi đã xuất hiện vào một giờ phút nào đó, thì ít ra cũng phải nói về nước Nga: cần làm cho độc giả hiểu rằng tôi thuộc về đất nước nào, do kết quả của một cuộc sống thế nào mà tôi đã ra đời. Tuy nhiên, tôi đã biết được cái gì cả về điểm này cơ chứ? Sinh hoạt dòng họ của người Xlavơ, mối bất hoà giữa các dòng họ Xlavơ... Người Xlavơ thường có tầm vóc cao, tóc màu nâu nhạt, tính tình dửng dưng, mien khách; họ thờ mặt trời, sấm chớp, kính nể thần rừng, tiên cá, nói chung là trọng thị "mọi thế lực và hiện tượng của thiên nhiên"... Còn gì nữa? Còn việc mời mọc các công tước về kinh, các sứ thần từ kinh đô tới chỗ công tước Vladimia, việc hát đồ Pêrun xuống dòng sông Đơnhép trong tiếng kêu khóc của dân chúng... Rồi công tước Iarôxláp uyên thâm và cuộc tranh chấp giữa đám con cháu của ngài... rồi còn Voxêvôlốt Tổ lớn nữa... Nhưng cần nói thêm rằng, - tôi thậm chí chẳng biết gì về nước Nga hôm nay! Đại khái là có thể nói tới các vị điền chủ đang phá sản, đám dân quê nghèo đói, các bậc thủ lãnh hội đồng địa phương, đám sen đầm, cảnh sát, các chức sắc nhà thờ ở nông thôn, những người mang nặng gánh gia đình, - nói theo từ ngữ của các nhà văn... Tiếp đó là cái gì? Đây, như cái xứ Ôrion này, một trong những thành phố Nga chính cống, - lẽ ra thì phải hiểu rõ ngọn ngành cuộc sống và con người thành phố ấy, nhưng mà tôi đã biết được gì? Phố xá, xe cộ, đường phủ đầy tuyết hằn những vệt bánh xe, các cửa hàng và các tấm bảng hiệu, - chỗ nào cũng thấy bảng hiệu... Đức giáo

chủ, ngài tỉnh trưởng... ngài cảnh sát trưởng Rasépki to như hộ pháp, đẹp trai và dữ tợn. Còn ngài Palixun nữa chứ: đó là niềm vinh quang của Ôrion, một trong những nhân vật rường cột của thành phố, một trong những người kỳ dị mà từ lâu nước Nga vẫn thường nổi tiếng là hay có: ông ta tuổi đã cao, dòng dõi quý phái, bạn của các nhà văn Ácxacốp, Lexcốp, sống trong ngôi nhà xếp bằng gỗ nguyên súc treo đầy những bức tranh thánh cổ hiếm gặp; ông ta thường mặc chiếc áo dài rộng thùng thình có dính những miếng da mỏng nhiều màu, mái tóc cắt trông như cái nồi úp lên đầu, gương mặt răn rỏi, đôi mắt ti hí nheo nheo, trí tuệ rất sắc sảo, theo lời đồn đại thì ông ta học vấn uyên thâm, đọc thiên kinh vạn quyển... Nhưng rồi tôi biết gì hơn nữa về cái ông Palixun này? Hoàn toàn mù tịt!

Nhưng liền ngay đó tôi cảm thấy tức tối: vì sao mà tôi buộc phải hiểu hoàn toàn đầy đủ về một điều gì đó, về một ai đó; tại sao tôi không viết như mình biết, như mình cảm nhận! Tôi lại đứng phắt dậy, đi lại trong phòng, thích thú với cảm giác tức giận của mình, nín vào đây như nín vào tấm lan can nường tựa... Và bất ngờ tôi nhớ lại tu viện Xviatôgo, nơi mùa xuân năm ngoái tôi đã đến; tôi như nhìn thấy trước mặt đám người đi lễ từ khắp nơi đến đứng cạnh tường tu viện bên bờ sông Đôn-xơ, nhìn thấy anh chàng trợ tế mà tôi đã phải săn đuổi một cách vô ích khắp sân tu viện rồi cuối cùng cũng không nhờ được anh ta thu xếp cho một chỗ ngủ qua đêm; anh ta

nhún vai, chạy khỏi chỗ tôi đứng, tay chân vung cao, mái tóc cùng vạt áo đều phơ phất bay; cái eo lưng của anh ta thật thon thả và mềm mại như ở trẻ thơ, mặt đầy tàn hương, đôi mắt xanh đầy sợ hãi, và mái tóc dày vàng óng ả, sợi mảnh mai nhẹ như tơ...

Rồi tôi lại nhớ tới những ngày xuân, khi tôi có cảm giác mình đang trôi xuôi vô tận theo dòng sông Đơ-nhép... Rồi bình minh tới giữa một thảo nguyên nào đó... tôi bừng tỉnh trên chiếc ghế băng ở một toa tàu, toàn thân tê cứng vì cái lạnh buổi sớm, cửa kính bám đầy hơi nước đóng băng trắng xóa không nhìn thấy gì bên ngoài, - hoàn toàn không biết tàu đang chạy qua đâu! - Tôi cảm thấy rằng chính sự bí ẩn đó mới thật là kỳ thú... tôi chồm dậy mở cửa sổ, chống khuỷu tay lên đó: bên ngoài là buổi sáng mờ mờ sương trắng đục phảng phất hương vị mùa xuân, tàu chạy nhanh, hơi lạnh buốt phủ lên mặt, lên tay...

XIV

Có lần không hiểu vì sao tôi ngủ quá giờ định sẵn. Tỉnh dậy rồi, tôi vẫn nằm yên ở tư thế đã nằm - nhìn ra cửa sổ, nhìn cái ánh sáng trắng trắng nhờ nhờ buổi sớm mùa đông, lòng cảm thấy bình yên vô cùng, đầu óc thật là tỉnh táo, thế giới chung quanh thật bé nhỏ, dung dị. Tôi cứ nằm như thế một lúc lâu với cảm giác căn phòng tôi ở sao mà nhẹ nhõm thế, -

nó dường như nhỏ hơn cả tôi, không hề gắn bó chút nào với tôi cả. Sau đó tôi rời khỏi giường, đi rửa mặt, mặc quần áo vào rồi làm dấu trước bức ảnh thánh treo phía đầu chiếc giường sắt rẻ tiền tôi nằm. Kể cũng lạ, chính bức phù điêu đó giờ đây đang được treo trong phòng ngủ của tôi: đó là một tấm gỗ nhỏ màu nâu sẫm viền khung bạc khá thô, trên đó tạc hình nổi ba vị thiên thần ngồi sau chiếc bàn của Avraam. Bức phù điêu này là di vật khích lệ tôi bước lên đường đời, đưa tôi bước vào thế giới từ những năm tháng ấu thơ có gì giống giống như cảnh tu hành, cái thời giờ đây dường như đã thành một thời khác thường, kỳ diệu như trong huyền thoại; cái thời ấy đã lùi xa đến nỗi dường như nó đã trở nên một mảnh đời riêng biệt, xa lạ với cả chính tôi...

Làm dấu xong, tôi đi mua mấy thứ mà tôi đã nghĩ ra khi còn đang nằm. Trên đường đi, tôi nhớ lại giấc mơ đêm qua: vào dịp lễ tổng tiễn mùa đông, tôi lại sống ở nhà Rôxtốp-xép, ngồi cạnh bố trong rạp xiếc, nhìn lên vũ đài, một đàn sáu con ngựa thấp lè tè chạy ra, chúng đều được thắt yên cương nhỏ có đính chuông, chúng phi chậm chậm, thành hàng lối đều đặn, chuông rung leng keng, đầu cúi xuống đầy vẻ dữ tợn, ngang ngược; các chú ngựa này lông giống nhau như tạc, dáng vóc bằng nhau chẵn chẵn, hai bên hông đều phình ra, chân ngắn cùn cùn; chúng chạy ra vũ đài được một lúc thì bỗng đứng sững lại, nhai nhai hàm thiếc, rung rung gù lông buộc trên cổ... Vị chủ gánh xiếc mặc áo đuôi tôm quất tháo một

hồi, quất roi vun vút, cuối cùng mới bắt được mấy chú ngựa ấy quỳ chân trước xuống chào khán giả, sau đó một điệu nhạc rộn rã vang lên với nhịp điệu rất nhanh thúc cả đàn ngựa chạy thành hàng dài quanh vũ đài như rượt đuổi nhau... Tôi rẽ vào cửa hàng giấy bút, mua một cuốn vở dày bọc trong bì nhựa đen. Trở về nhà, tôi ngồi uống trà và nghĩ: "Thôi, được rồi. Từ giờ mình chỉ đọc thôi, thỉnh thoảng nếu hứng lên thì ghi chép ngắn gọn đôi điều về mọi suy nghĩ, tình cảm, quan sát...". Tôi chấm bút vào lọ mực rồi nắn nét viết rành rọt:

- *Aléchxây Ácxénhép. Ghi chép.*

Sau đó tôi ngồi rất lâu nghĩ xem nên ghi lại cái gì, hút thuốc nhả khói đầy phòng, nhưng tôi không cảm thấy bị dẫn dắt mà chỉ buồn buồn, lặng lẽ. Cuối cùng tôi hạ bút ghi:

- Vị công tước N., một môn đồ nổi tiếng của giáo thuyết Tônxtôi, đã tới toà soạn yêu cầu đăng báo cáo của ông ta về việc quyên góp và chi tiêu trợ giúp cho những người bị đói ở vùng Tula. Ông ta không cao, thân hình khá béo. ửng da mềm như kiệu miền Kapcadơ, mũ lông cừu, bành tô với cổ lông cừu, - mấy thứ này đều thuộc loại sang trọng đắt tiền, tuy sòn cũ nhưng rất sạch sẽ, - chiếc áo sơ mi vải mềm mại, màu xám, thắt dây lưng hằn rõ cái bụng căng tròn, đeo kính vàng. Thái độ ông ta tỏ ra khiêm nhường, nhưng tôi cảm thấy rất khó chịu với cái bộ mặt bảnh bao, nhẵn nhụi, trắng nhợt và đôi mắt lạnh tanh của ông ta. Ngay lập tức tôi ác cảm với ông ta. Tất nhiên

tôi không phải là môn đệ của giáo thuyết Tônxtôi. Nhưng dù sao thì tôi cũng hoàn toàn không giống như mọi người khác nghĩ. Tôi mong sao cho cuộc sống và con người trở nên thật đẹp, gọi được tình yêu, niềm vui, và tôi căm ghét những gì ngăn cản điều đó.

- Cách đây không lâu. Tôi đi ngược lên theo phố Bônkhốpxciaia, và trông thấy cảnh tượng thế này: mặt trời đã xuống, giá lạnh, khoáng trời phía tây như thoáng dâng thêm ra, và từ phía chân trời lạnh giá đang ngả màu xanh lục trong trong ấy một ánh chiều thanh thản đang trườn lên thành phố, cái ánh chiều ẩn chứa một nỗi buồn khôn tả; và trên vỉa hè là ông già rách rưới, mặt mày lạnh tím tái đang đứng quay quay chiếc đàn hộp, âm thanh trầm bổng nghe như tiếng sáo lan đi giữa bóng chiều lạnh lẽo, một giai điệu mơ màng du dương vừa cổ kính, vừa xa xôi, xa lạ làm tê tái lòng người, tiếng đàn như đang giải bày một nỗi ước mơ, một niềm trắc ẩn...

- Ở đâu tôi cũng ném trái nỗi buồn và sợ hãi. Cho đến giờ trước mặt tôi như vẫn hiển hiện cái cảnh tôi đã nhìn thấy từ hai tuần trước. Đó là một buổi tối, trời u ám, không trăng sao. Tình cờ tôi ghé vào một ngôi nhà thờ nhỏ, qua bóng tối tôi nhìn thấy những ngọn nến leo lét cháy cạnh cái bệ cách sàn nhà rất thấp; tôi lại gần và lặng người đi: ba ngọn nến nhỏ đặt phía trên đầu chiếc quan tài một đứa bé, hắt ánh sáng yếu ớt, ảm đạm lên chiếc quan tài hồng hồng với đường hoa văn bằng giấy dán quanh mép và gương mặt đứa trẻ nằm trong đó với nước da bánh

mặt, cái trán nghiêng nghiêng. Hoàn toàn có thể tưởng rằng nó đang ngủ, nếu không để ý tới vẻ mặt cứng đờ bất động của nó, nếu không thấy vết quầng tím tím dưới mi mắt đã khép lại và bên cái miệng nhỏ chúm chím hình tam giác, nếu xung quanh nơi nó nằm không phải là cái cảnh vô cùng tĩnh lặng, vĩnh viễn cách xa với cả thế giới bên ngoài!

- Tôi đã viết và đã in hai truyện ngắn, nhưng mọi điều trong đó đều giả tạo và nhạt thếch: một truyện viết về những người dân quê bị đói mà thực ra tôi cũng không nhìn thấy; truyện kia đề cập tới một đề tài nhảm cũ về sự phá sản của các nhà điền chủ cũng thông qua sự hư cấu thể mà tôi đã rất muốn chỉ viết về cái cây dương tán lá sum suê, thân cành trắng bạc mọc trước ngôi nhà của vị điền chủ nghèo R. và về cái con chim ưng nhồi bất động đặt trên tủ trong buồng riêng của ông ta, đôi mắt màu vàng trong trong của nó cứ mãi mãi nhìn xuống, đôi cánh màu nâu sặc sỡ đang rộng ra. Nếu viết về sự phá sản thì tôi muốn chỉ thể hiện cái khía cạnh thi vị của nó. Những đồng ruộng xác xơ, những gì tiêu điều còn sót lại ở một trang trại nào đó, ở một mảnh vườn, góc sân, chuồng ngựa, mấy ông già bà già này đã là "những ông chủ cũ" sống tạm bợ trong các phòng xép phía sau, còn toà nhà phía trước thì đã nhượng lại cho đám người trẻ tuổi - những chuyện đó thật đáng buồn rầu, xúc động. Tôi cũng muốn nói tới cả các vị "chủ nhân trẻ tuổi" ấy: bọn này xuất thân đều là kẻ bản tiện, vô học, vô công rồi nghề, tất thấy chúng đều nghĩ rằng

chúng thuộc hạng người cao quý duy nhất. Chúng đội mũ lưỡi trai kiểu quý tộc, áo sơ mi cổ chéo, quần rộng ống, đi ủng da... Mỗi khi tụ tập, thì đều tổ chức ăn nhậu, hút thuốc, tăng bốc nhau. Uống rượu trắng bằng những cái cốc lớn xưa kia vẫn dùng để uống sâm banh; vừa hô hố cười vừa nạp đạn vào súng săn và bắn vào những ngọn nến, làm tắt nến bằng cách đó. Một tay trong số "ông chủ trẻ" ấy có tên là P. chuyển hẳn chỗ ở từ trang ấp tiêu điều ra nơi đặt cối xay nước của mình, chiếc cối này từ lâu đã không hoạt động nữa; gã sống trong túp nhà đó với một mục nhân tình mũi tẹt gí. Gã ngủ với mục ta trong hang đất, trên ổ rơm, hoặc ở "trong vườn", tức là dưới gốc cây táo cạnh túp nhà. Trên thân cây táo có treo một mảnh gương vỡ in hình những đám mây trắng. Gã rầu rĩ ngồi không, chốc chốc lại ném đá vào đàn vịt của dân làng đang bơi lội trong cái ao gần nơi đặt cối xay nước; mỗi lần đá rơi xuống là một lần cả đàn vịt hốt hoảng kêu vẳng lên và bơi tán loạn.

- Ông lão mù Ghêraxim, trước đây ở cho nhà tôi, giống mọi người mù khác, lúc đi, mặt hơi ngửa lên, tai như đang cố lắng nghe cái gì, tay cầm gậy quờ quạng tìm được bằng một thứ bản năng nào đó. Ông già sống một mình trong túp nhà ở rìa làng, chỉ nuôi một con chim cun cút trong chiếc lồng gỗ, suốt ngày nó nhảy nhót trong đó, như muốn chui qua cái nắp bằng vải thô, lồng trên đầu nó xác xơ ra vì chạm vào nắp hết ngày này sang ngày khác. Buổi sớm mùa hạ, dù đã mù lòa, lão Ghêraxim vẫn ra đồng bắt chim

cút, thường thức tiếng chim hót đối đáp với nhau thoảng đi trên cánh đồng theo làn gió hè ấm áp đang phả vào mặt lão. Lão nói rằng trên đời này chẳng có gì bồi hồi sung sướng hơn cái phút mà chim bước lại gần lưới bắt và chỉ lát sau là thấy nó vùng vẫy mỗi lúc một dữ dằn hơn trong đó. Đấy, ông lão này mới thật đúng là một chân thi sĩ đầy trong sáng, vô tư!

XV

Tôi không muốn đến toà soạn ăn sáng. Tôi tới một quán nhỏ ở phố Maxcôpxcaia. Tại đấy tôi uống mấy chén rượu vôtca nhắm với cá trích; chiếc đầu cá nhỏ nằm trên đĩa, tôi liếc nhìn và nghĩ: "Cả điều này nữa cũng nên viết - cá trích có cái mang màu vỏ trai". Sau đó tôi ăn món bắp cải xào nhừ với thịt đặt luôn trong một cái xanh nhỏ. Khách ăn khá đông, mùi bánh tráng, mùi cá ướp rán thơm phức; ở gian bếp đầy khói bay, đám dầu bếp, hầu bàn mặc áo trắng chạy đi chạy lại, lưng cúi xuống, cổ hơi ngả về phía sau. Ông chủ quán, một kiểu người khá tiêu biểu cho cái gọi là "chất Nga", đảo mắt soi mói liếc nhìn từng người trong đám làm thuê; ông ta đứng rất kiểu cách sau quầy hàng, thuận thực đóng cái vai ông chủ đầy nghiêm khắc và công minh. Có mấy nữ tu sĩ vận đồ đen đi hài xỏ thô kệch như những con quạ lạng lẽ qua các dãy bàn khách ăn ngồi đây,

khẽ khàng cúi chào họ và chìa ra cuốn sách màu đen kèm theo tấm thánh giá nhỏ bằng bạc đặt trên bìa, đám khách nhả mặt lựa tìm trong ví mấy đồng xu xấu xí nhất... Cảnh này trông như là đoạn tiếp giấc mơ của tôi; hơi ngà ngà say vì rượu uống với món bắp cải xào nhừ và ám ảnh bởi những hồi ức thời thơ ấu, tôi cảm thấy nước mắt sắp trào ra... Trở về nhà, tôi nằm xuống giường và thiếp đi. Trời đã ngả về chiều khi tôi tỉnh dậy với tâm trạng buồn rầu và ân hận; tôi chải đầu, ngắm nhìn mình trong gương, chợt thấy khó chịu với cái vẻ nghệ sĩ thái quá của mái tóc dài, tôi liền đi tới hiệu cắt tóc. Trong hiệu cắt tóc có ai đó thấp bé đang ngồi dưới tấm áo choàng trắng, đầu trọc lóc, tai vênh ra như tai dơi. Bác phó cạo bôi rõ nhiều xà phòng trắng xóa trên mép và má. Bác khéo léo đưa dao cạo lướt đi cái đám bọt màu sữa ấy, bôi thêm một ít xà phòng lên phía dưới cằm rồi lại cạo đi bằng những động tác giật giật qua loa. Cái ông "dơi" đó khệnh khạng đứng dậy, kéo theo trên mình cả tấm áo choàng, rồi cúi xuống, mặt đỏ gay, một tay giữ lấy áo choàng phía trước ngực, một tay thì rửa mặt.

- Ngài cho xúc nước hoa chứ ạ? - Bác phó cạo hỏi.

- Cứ việc, - ông "dơi" đáp.

Và bác phó cạo bóp xì xì bình nước hoa, rồi lấy chiếc khăn nhỏ xoa xoa lên mặt lấm tấm nước hoa của ông ta.

- Xong rồi đấy ạ, - bác phó cạo rành rẽ nói, tay cởi chiếc áo choàng trên mình khách. Ông "dơi"

đứng dậy và bây giờ mới thấy rõ diện mạo ông ta gồm ghiếc thế nào: đôi tai to tướng vểnh ra trên cái đầu trọc lóc, mặt to bè bè và xương xẩu, da dẻ đỏ au, đôi mắt mở to sáng như mắt trẻ, mồm miệng thâm đen, dáng vóc thì lùn tè, vai u, cổ ngắn, cặp chân khằng khiu và khuỳnh khuỳnh như vẫn thấy ở người *Tácta*. Thuởng thêm cho bác phó cạo ít tiền, ông ta mặc lại chiếc áo bành tô đen rất đẹp, đội chiếc mũ hình ống, châm lửa hút điếu xì gà rồi bước ra. Bác phó cạo nói với tôi:

- Anh biết ai đấy không? Một người giàu có bậc nhất, nhà buôn Eromacóp đấy. Anh có biết lần nào cũng như lần nào ông ta thường thêm cho tôi bao nhiêu không? Ngân này này!

Bác phó cạo xoè bàn tay ra, phá lên cười vui vẻ và nói:

- Đúng hai xu!

Sau đó theo thói quen, tôi đi lang thang trên các phố. Nhìn thấy mảnh sân trước nhà thờ, tôi ghé vào đấy rồi bước vào trong nhà thờ, - tôi đã bắt đầu có thói quen đến nơi ấy vì cảm giác cô đơn, trống trải. Bên trong nhà thờ ấm áp, một khung cảnh buồn buồn trang nghiêm gợi lên từ ánh sáng lung linh của hàng chùm nến cháy trên những giá đỡ đặt vòng quanh chiếc bàn cao, trên mặt bàn dốc nghiêng có đặt cây thánh giá bằng đồng đính những hạt ngọc giả. Trước cây thánh giá là mấy nhà tu hành đang rầu rĩ kéo dài giọng ê a: "Chúng con xin nghiêng mình trước thánh giá của Người, hồi đấng Chí

tôn..." Trong bóng tối mờ mờ cạnh lối vào có một ông già cao lớn đang đứng, mình khoác chiếc áo dạ dài, chân đi giày da, trông ông lão vạm vỡ, thô kệch như một con ngựa già; lão cất giọng ồm ồm hát theo như cố ý giấu cợt ai.

Trong đám người đứng trước chiếc bàn cao còn có một bàn đạo hành hương; ánh sáng nền vàng soi rõ thân hình ông. Ông ta trông gầy gò một cách thâm trầm, gương mặt xương xương khắc khổ như gương mặt một thánh tông đồ nào đấy bị những món tóc dài đen sẫm che đi gần hết, mái tóc xoã xượi như tóc đàn bà thời tiền sử phủ đầy bên má; tay trái ông cầm một chiếc gậy chống đã trơn bóng lên vì dùng lâu năm, phía sau vai đeo một chiếc túi da đen; ông đứng đơn độc, bất động, tách biệt với mọi người. Tôi nhìn người hành hương và nước mắt lại chực trào ra, ngực tôi bỗng ứ nghẹn dâng lên một tình cảm dịu nhẹ, buồn rầu về tổ quốc, về nước Nga với cái vẻ xa xưa u tối.

Có ai đó từ đằng sau khẽ đập cây nến vào vai tôi: tôi quay lại - đằng sau tôi là một bà già lưng còng mặc áo bông dài, quàng tấm khăn san lớn, có một chiếc răng khểnh trông hiên lành: "Câu cầm lấy này!" Tôi sung sướng ngoan ngoãn đón nhận cây nến từ bàn tay bà lão gầy guộc lạnh giá với những cái móng thâm tím, tôi bước lại gần chiếc giá đặt nến đang tỏa sáng, tự cảm thấy ngưỡng ngừng với sự vụng về lóng ngóng của mình, tôi đặt qua quýt cây nến của mình xuống đó bên cạnh những cây nến khác. Bất chợt một ý nghĩ loé lên trong đầu tôi: "Đi

khỏi đây thôi!" Tôi lùi lại một bước, cúi mình xuống, lát sau tôi thận trọng lần đi trong bóng tối về phía cửa, để lại đằng sau mình ánh sáng gần gũi, ấm cúng của nhà thờ. Ngoài mái hiên che trên cửa vào, bóng tối đen kịt lạnh nhạt đón tôi, gió réo lên đầu đó trên cao... "Đi thôi!" - Tôi tự nhủ mình, đội mũ vào và quyết định đi X-mô-len-xcơ.

Sao lại đi X-mô-len-xcơ? Trong mơ ước của tôi trước kia thường vẫn hiện ra cái xứ Brian-xcơ... Đến một hẻm phố tôi ghé vào một quán rượu. Trong quán một anh chàng bản thủ, đầu rử xuống bàn, giả làm như say gào rống lên: "Bởi lỗi lầm ghê gớm, ta rơi vào cảnh khổ sai!". Từ phía một chiếc bàn khác có một kẻ nào đó đang khinh bỉ nhìn sang, tay này để ria mép đen lơ thơ, đầu hơi ngả về phía sau, - cứ trông vào cái cổ dài ngoẵng với cái cục xương yết hầu nhon nhọn nhô cao dịch lên dịch xuống sau làn da mỏng có thể đoán rằng đó là một tên trộm. Cạnh chiếc bàn hẹp dài có một mụ đàn bà say đang ngật ngưỡng đứng dậy, bộ váy áo dài ướt nhèm dán sát vào đôi chân gầy gò, chắc mụ là thợ giặt. Mụ đang kể lể cho người bán hàng về sự đốn mạt của ai đó, mụ đập đập những ngón tay xương xẩu trắng nhợt xuống mặt bàn; chiếc cốc nhỏ vát cạnh đựng đầy vốtca đặt trước mặt mụ, chốc chốc mụ lại cầm lên một lúc, không đưa lên miệng uống rồi lại đặt xuống, nói huyên thuyên một hồi, bàn tay đập đập xuống bàn. Tôi muốn uống bia, nhưng không khí ẩm thấp trong quán quá hôi hám, ngọn đèn cháy quá

leo lét, nước nhỏ tong tong từ bầu cửa sổ nhỏ, từ đám giẻ lau bẩn thủ đặt ở đó...

Thật không may là ở nhà Avilôva có khách ngồi trong buồng ăn. "A, a! - nàng thốt lên. - Nhà thơ đáng yêu của chúng ta đây rồi! Các anh không quen nhau phải không?" Tôi cất tiếng chào nàng và cúi mình chào khách. Bên cạnh Avilôva là một vị khách già nua, mặt đầy nếp nhăn, ria mép tủa gọn nhuộm màu hạt dẻ, mái tóc giả màu hạt dẻ, mặc áo gilê lụa trắng, áo đại lễ màu đen; ông ta đứng dậy rất nhanh, cúi mình chào lại tôi một cách vô cùng lịch sự với một dáng điệu quá uyển chuyển so với lứa tuổi của ông; vạt áo đại lễ của ông ta có viền một cái đai đen mà bao giờ tôi cũng thấy thích. Tôi ghen tỵ và ao ước có một bộ cánh như thế. Ngồi chính giữa bàn là một bà luôn mồm nói rất khéo; bà ta chìa bàn tay đầy đặn trông như chân con hải cẩu, trên mu bàn tay còn in lại hình những ô trám của găng tay. Bà ta nói rất nhanh và lưu loát, chốc chốc có thể thấy bà ta dừng lại lấy hơi: bà ta hoàn toàn không có cổ, thân hình đầy đà, béo lẳn, đặc biệt là phía sau, gần bả vai, eo lưng tròn căng và chắc nịch, trên vai bà ta quàng dải lông màu xám, mùi của nó trộn lẫn với mùi nước hoa ngọt ngào, mùi váy áo bằng dạ và hơi người gây một cảm giác ngọt ngọt.

Lúc mười giờ các vị khách đứng dậy, nói mấy lời đưa đẩy xã giao rồi ra về.

Avilôva bật cười.

- Chà, bây giờ mới được thoát đây! - Nàng nói. -

Thôi, sang phòng tôi ngồi đi. Ở đây phải mở cửa sổ nhỏ cho đỡ bí... Nhưng mà này anh bạn thân mến của tôi, trông anh làm sao ấy? - nàng dịu dàng trách tôi, chìa cả hai tay cho tôi.

Tôi cầm lấy tay nàng và đáp:

- Ngày mai tôi đi rồi...

Nàng sợ hãi nhìn tôi:

- Đi đâu?

- Đi Xmôlenxơ.

- Để làm gì?

- Tôi không thể sống tiếp thế này mãi được...

- Ở Xmôlenxơ thì có gì mới được chứ? Nhưng mà ngồi xuống đây đã... Tôi chẳng hiểu gì cả...

Chúng tôi ngồi xuống đi-văng phủ lớp vải sọc dùng vào mùa hè.

- Chị có thấy thứ vải này không? - tôi nói. - Chính là thứ vải vẫn thường thấy trên toa tàu. Thậm chí tôi cũng không thể bình thản mà nhìn thứ vải này được, thoát thấy nó là muốn lên đường rồi.

Nàng ngồi lùi vào phía thành ghế, chân nàng để sát cạnh tôi.

- Nhưng sao lại đi Xmôlenxơ? - nàng hỏi và nhìn tôi bằng cặp mắt khó hiểu.

- Sau đó tôi sẽ đến Vitép... đến Pôlốt...

- Để làm gì?

- Tôi cũng không biết nữa. Điều trước tiên là tôi rất thích cái tên: Xmôlenxơ, Vitép, Pôlốt...

- Không, nói nghiêm chỉnh thì sao?

- Tôi không đùa đâu. Chẳng lẽ chị không biết rằng có một số từ nghe rất thú vị sao? Ngày xưa Xmêlencơ vô số lần bị cháy, luôn luôn bị vây hãm. Thậm chí tôi còn có cảm giác gần gũi thân thiết với thành phố đó - chính ở đấy xưa kia, một vụ cháy khủng khiếp đã thiêu huỷ cả một số văn bản của thành phố chúng ta, vì thế mà chúng ta mất đi những quyền thừa kế nào đó và không còn được hưởng ưu tiên này nọ về dòng họ...

- Thế thì mỗi lúc lại một chán hơn thôi! Anh buồn lắm phải không? Cô ta không viết thư cho anh à?

- Không. Nhưng chuyện đâu phải ở đấy. Cả cái cuộc sống ở Ôriôn này chẳng hợp với tôi. "Hươu lang thang biết cánh rừng của nó..." Thêm nữa chuyện viết lách của tôi cũng chẳng đâu vào đâu. Ngồi nhà suốt buổi sáng mà trong đầu toàn những chuyện vớ vẩn, cứ hết như là tôi đã hoá điên rồi. Tôi sống bằng cái gì vậy? Đấy như ở Baturinô quê tôi, một ông hàng xóm có cô con gái lỡ thì, cô ta hết hy vọng lấy chồng vì thế mà chỉ còn sống bằng cái thói thóc mách, soi mói người đời. Hình như tôi cũng đang lâm vào cảnh như vậy.

- Chao ôi, anh còn trẻ con quá! - Nàng dịu dàng nói và xoa xoa tóc tôi.

- Chỉ những sinh vật thấp kém mới phát triển nhanh thôi - tôi đáp lại. - Thêm nữa, có ai lại không trẻ con? Đã có lần, trên đường đi Ôriôn, tôi ngồi cạnh một ông uỷ viên toà án vùng Êlét, trông ông ta bệ vệ, nghiêm trang. giống như hình vua trên con bài

pích... Ông ta ngồi rất lâu đọc tờ "Thời mới", sau đó đứng dậy ra khỏi nơi ngồi và biến đâu mất. Tôi cảm thấy lo lắng, cũng đứng lên và mở cửa bước ra đầu toa. Do tàu chạy âm âm nên ông không biết tôi ra - và chị có biết tôi nhìn thấy cảnh gì không? Ông ta đang múa nhảy một cách đầy hăng say, chân gõ rất mạnh xuống sàn toa theo nhịp bánh con tàu.

Nàng ngược nhìn tôi rồi bất ngờ khẽ hỏi một câu đầy ý nghĩa:

- Anh có muốn chúng mình cùng đi Matxcơva chơi một chuyến không?

Bất chợt tôi thấy rung mình kinh sợ... Tôi đỏ mặt, lắp bắp nói lời cảm ơn và từ chối... Cho đến giờ tôi còn nhớ lại phút ấy, với một nỗi đau mất mát lớn.

XVI

Đêm hôm sau tôi đã ở trên tàu, trong căn buồng trọ trọ của loại vé hạng ba. Chỉ có một mình tôi trong đó, đến nỗi tôi cảm thấy hơi sờ sợ. Ánh sáng yếu ớt từ ngọn đèn treo lung linh buồn buồn, chao đảo trên những tấm ghế băng. Tôi đứng bên khung cửa sổ màu đen, gió lạnh buốt thổi vào qua những lỗ hở không nhìn thấy; tôi lấy tay che ánh đèn hắt lên mặt, chăm chú nhìn vào bóng đêm cùng những cánh rừng. Hàng nghìn đốm lửa đỏ hồng bay lượn như ong ngoài kia, thỉnh thoảng lẫn trong gió đồng mát lạnh

đưa lại mùi gỗ hương trầm, mùi củ cháy trong đầu tàu... Ôi, đêm rừng hôm nay sao ảm đạm, nghiêm trang, kỳ vĩ đến thế! Con đường rừng nhỏ hẹp như kéo dài vô tận, bên đường là bóng những hàng thông trăm tuổi, cao vồi vọi, tán lá sum suê đen sẫm, đứng lặng yên mơ ngủ. Những ô cửa sáng nghiêng nghiêng in hình di động lên vạt tuyết trắng nằm dọc theo bìa rừng, chốc chốc lại thoáng hiện một cột điện thoai - rồi tắt cả lùi lại đằng sau, chìm trong màn đêm bí ẩn. Hôm sau, một cảm giác tỉnh táo, hưng khởi bất ngờ chợt đến: chung quanh yên ắng, trời đã sáng, tàu đang đỗ lại - đã là Xmôlenxơ, một ga lớn. Tôi nhảy ra khỏi toa, say sưa hít thở làn không khí trong lành... Trước cửa ga có đám đông người tụ tập: tôi chạy lên - trên mặt đất là xác một con lợn rừng săn được, thô kệch, to tướng, bị lạnh cứng lại, mình phủ đầy lông dài xám dính tuyết khô, đôi mắt nhắm nghiền, hai chiếc răng nanh dài thò ra. Ở lại đây chăng? - tôi nghĩ. - Không, đi tiếp thôi, đến Vitép!

Khoảng chập tối thì tôi tới Vitép. Trời băng giá, xung quanh sáng nhờ nhờ. Khắp nơi tuyết trắng xoá, thanh sạch và vắng vẻ; tôi có cảm giác thành phố này thật cổ kính và không có gì là Nga cả: những ngôi nhà cao mái rất dốc, với những chiếc cửa sổ bé và cổng vào hình bán nguyệt thô kệch ở tầng dưới. Thỉnh thoảng lại gặp mấy ông già Do Thái mặc áo dài, đi tất trắng, giày vải, tóc để dài xoã xụi xoăn tít như lông cừu, đôi mắt trắng bạch lộ vẻ buồn buồn dò hỏi. Trên đường phố chính đang có cuộc vui - một

đoàn rất đông các cô gái dầy dả chậm chậm bước đi trên hai hè phố; các cô ăn vận sắc sỡ kiểu Do Thái tỉnh lẻ, mình khoác những chiếc áo nhung dày, màu tím, màu xanh, màu đen tuyền. Đi sau đám con gái là mấy chàng trai khiêm nhường, lẻ loi đi phía sau, đầu đội mũ hình ống, tóc cũng để dài và xoắn, gương mặt bầu bĩnh, mịn màng như thiếu nữ, cổ áo lông dựng cao sát má, cặp mắt nhìn mệt mỏi như linh dương... Tôi đi như người say ngầy ngất trong đoàn người ấy, giữa cái thành phố mà tôi cảm thấy là thật cổ kính, giữa những điều mới mẻ diệu kỳ mà nó vừa đem tới cho tôi.

Trời tối hẳn, tôi đến một quảng trường nào đó, ở đây có một ngôi nhà thờ màu vàng xây theo kiểu Ba Lan, với hai tháp chuông. Bước vào trong nhà thờ tôi nhìn thấy những hàng ghế dài trong bóng tối mờ mờ, đằng trước, trên bệ xây cao là một dãy nệm xếp thành hình vòng cung. Ngay lúc đấy, từ phía trên đầu tôi, bỗng chậm chậm cất lên tiếng đàn đại phong cầm đầy trầm tư, tiếng đàn nghe êm đềm xa vắng, mỗi lúc một to dần rồi bất ngờ rung lên, âm thanh lạnh lốt vang xa trong vòm, thần tiên... Phía trước gần chỗ đặt nệm vọng ra lời hát cầu kinh lên bổng xuống trầm với những âm la-tinh nghe qua giọng mũi. Dọc hai bên tường với những hàng cột đá đồ sộ nhòa trong bóng tối chập choạng, thấp thoáng hiện ra hình bóng đen đen những tượng binh sĩ mặc áo giáp sắt đứng trên sàn thấp xuống. Trên nóc nhà thờ mờ mờ hiện ra ô cửa sổ lớn...

XVII

Ngay đêm ấy tôi lên đường đi Pêtéc-bua. Rời khỏi nhà thờ, tôi quay trở lại ga, đón tàu đi Pô-lốt: tôi muốn đến ở một khách sạn cũ kỹ nào đó tại thành phố ấy, không cần biết vì lẽ gì lại sống hoàn toàn đơn độc một thời gian. Tàu hoả đi Pô-lốt rời ga muộn. Sân ga tôi tối và vắng tanh. Trong quây điểm tâm chỉ có mỗi ngọn đèn đặt trên bàn cao leo lét cháy, chiếc đồng hồ treo tường gõ nhịp thật chậm như thể thời gian đã sắp cạn kiệt. Tôi ngồi một mình trong cảnh yên lặng như tờ với cảm giác lâu vô tận. Khi cuối cùng không biết từ đâu bay lại mùi nước trà nóng từ ấm *xamôva* và nhà ga bắt đầu nhộn nhịp, đèn thấp sáng lên, lúc ấy, không hiểu mình đang làm gì, tôi vội vàng mua vé đi Pêtéc-bua.

Ở đây, trong nhà ga Vitép, khi vô vọng chờ tàu đi Pô-lốt, tôi đã ném trái cái cảm giác tách biệt đầy ghê sợ với cả thế giới chung quanh, cái cảm giác ngạc nhiên đầy khó hiểu không biết những gì đang hiện ra trước mắt, vì lẽ gì, vì sao tôi lại rơi vào giữa cái cảnh này? Quây điểm tâm yên ắng, tranh tối tranh sáng với chiếc bàn cao và ngọn đèn leo lét cháy trên đó; khoảng không mờ mờ của gian nhà ga vừa dài vừa cao, với chiếc bàn lớn choán hết khoảng giữa, bày biện giống hệt như ở các ga khác; một ông già coi ga trông như đang ngái ngủ, lưng còng còng, vạt áo dài

đằng sau buồng thông xuống. Khi mùi nước trà giữa đêm hôm từ ấm *xamôva* bay ra, ông già nọ bèn lập cập trèo lên ghế cạnh tường, tay run run châm mấy ngọn đèn đặt giữa quả cầu kính dùng đục...; một viên sen đầm cao lớn gõ giày đinh cồm cộp đầy hãnh diện đi qua quấy điểm tâm ra sân ga, trên mình khoác chiếc áo dạ capốt dài chấm gót, vạt áo xẻ đằng sau gợi nhớ đến cái đuôi một con ngựa nòi, - tất cả những cái đó là gì vậy? Để làm gì? Vì sao? Và cái mùi vị mát lạnh của đêm đông, của tuyết tỏa ra từ viên sen đầm, khi y đi từ sân sau ra ngoài ga, cái mùi vị ấy chẳng giống bất cứ cái gì! Đấy, đúng lúc ấy, tôi choàng tỉnh khỏi trạng thái bất động, vô cảm và không hiểu vì lẽ gì tôi bất ngờ quyết định đi Pêtec-bua.

Ồ Pôlốt trời mưa, cái mưa mùa đông nhỏ hạt, đường phố nhộp nháp, bắn thiu. Tôi chỉ nhìn thành phố ấy qua những con tàu đang đỗ và cảm thấy thú vị với sự thất vọng của mình. Trên đường đi tiếp đó tôi ghi vào sổ tay: "Một ngày dài vô tận. Trải dài ra vô tận là những cánh rừng và tuyết trắng. Ngoài cửa sổ lúc nào cũng vẫn là một màu trời nhợt nhạt và tuyết. Con tàu lúc chạy giữa rừng rợp bóng cây, lúc lại ra giữa cánh đồng bằng phẳng tuyết trắng xoá, mãi tận phía chân trời có cái gì ánh lên màu xám xám, nhờ nhờ. Các nhà ga đều làm bằng gỗ... Ô, đây mới đúng là miền Bắc!"

Đối với tôi, Pêtec-bua đã là tận cùng của phương Bắc. Người xà ích đánh xe đưa tôi đi trong gió tuyết bịt bùng qua những con phố nhà cao giống nhau,

ngăn nắp một cách khác lạ đối với tôi; xe chạy về phía phố Ligópca, phía nhà ga Nhicôlaép. Mối ba giờ chiều mà chiếc đồng hồ tròn đặt trên toà nhà ga đồ sộ đã sáng lên qua màn gió tuyết. Tôi dừng lại gần bên ga, phía phố Ligópca chạy dọc theo bờ kênh. Ở đây cảnh tượng thật đáng sợ, - nào là kho chứa củi, nào là nơi đỗ xe ngựa, quán trà, hiệu ăn, quán bia. Tôi ngồi rất lâu trong khách sạn, nơi người xà ích khuyên tôi đến; cứ mặc nguyên áo ấm, từ độ cao của tầng sáu, tôi nhìn qua khung cửa sổ buồn bã; ngoài kia là trời đầy tuyết u ám sắp về chiều, người tôi mệt bã vì đoạn đường dài đã đi, trên con tàu lắc mạnh... Ô, Pêtecbuga! Tôi cảm nhận điều này thật rành rề: tôi đang ở trong lòng thành phố ấy, bao bọc quanh tôi là vẻ kỳ vĩ âm u đáng sợ của nó. Trong khách sạn có đốt lò sưởi ấm áp, ngọt ngào mùi các tấm rèm che cửa bằng dạ cũ kỹ, chiếc đi-văng cũng cũ kỹ như vậy, thứ nước sơn hồng hồng mà người ta vẫn dùng để lau cọ sàn nhà khách sạn loại tồi tởa ra một thứ mùi nặng nề. Tôi bước ra, chạy vội xuống theo cầu thang xoáy tròn ốc. Dưới đường phố bão tuyết mịt mù lạnh buốt phả vào mặt tôi; tôi tóm được một chiếc xe thoáng hiện qua màn tuyết và phóng nhanh tới ga Phần Lan để nhận biết cái cảm giác sắp ra nước ngoài.

Ở đây tôi uống vội mấy chén rượu, đầu bốc hơi men - bất ngờ tôi gửi đi cho nàng một bức điện:

"Ngày kia anh sẽ đến".

Matxcova cố kính, rộng mênh mông và đông nghịt người đón tôi bằng ánh nắng mặt trời chói

chang của một ngày ẩm áp, tuyết tan, nước chảy thành khe nhỏ, đọng lại từng vũng. Tiếng xe ray ngựa kéo chạy âm âm, chuông rung leng keng, nườm nượp những xe cộ, người đi chen chúc huyền ảo, những cỗ xe trượt nặng nề với hàng hoá chất cao, khu điện Kremlanh với dãy tường bao quanh và những toà nhà nguy nga hiện ra như trong tranh khắc dân gian, những tháp tròn nhà thờ vàng óng nổi lên giữa đất. Tôi sững sờ nhìn ngắm nhà thờ Vaxili Blagiennui, lân la trong các nhà thờ ở khu vực Kremlanh, ăn sáng tại nhà hàng Êgorốp nổi tiếng trên phố Hàng Săn. Tại đây cảnh tượng thật kỳ thú: ở tầng dưới là đám khách thương nhân đông đúc, ồn ào, còn trên gác có hai phòng trần thấp rất sạch sẽ, thoáng đảng, yên tĩnh, - thậm chí không ai được hút thuốc trên ấy, căn phòng sáng sủa, ẩm áp trong ánh mặt trời chiếu qua khung cửa sổ đầu tiên từ phía sân, chú chim hoàng yến đứng trong lồng chốc chốc lại hót liu lo. Một ngọn đèn sáng trắng đặt ở góc phòng, chiếm cả phần trên của mặt tường là một bức tranh sơn mài màu sẫm, trên tranh vẽ hình mái nhà uốn cong ngói xếp lốm đốm, một mái hiên dài và mấy người Trung Quốc kích thước lớn không cân xứng với cảnh chung quanh, mấy người này mặt đều vàng, mặc áo dài màu vàng, đội mũ chòm nhọn màu xanh trông giống như cái chao trên những chiếc đèn rế tiên... Ngay tối hôm đó tôi rời khỏi Matxcova...

Ở thành phố của chúng tôi người ta không còn đi xe trượt nữa, ngoài ga gió từ biển Adốp thổi về dữ

đội. Nàng chờ tôi trên sân ga khô ráo, không còn tuyết. Gió thổi rung rung chiếc mũ mỏng nàng đội, che khuất tầm mắt nàng. Tôi nhìn thấy nàng từ đằng xa, - nàng đang nhả mặt vì gió, ngơ ngác đưa mắt nhìn tôi trên những toa tàu đang chạy. Trông nàng có vẻ gì xúc động, đáng thương, cái vẻ vẫn thường làm chúng ta ngỡ ngàng nơi người thân sau một thời gian xa cách. Nàng gầy đi, ăn mặc tuềnh toàng. Khi tôi nhảy ra khỏi toa tàu, nàng muốn nâng tấm mạng che mặt lên nhưng không được, nàng lúng túng hôn tôi qua tấm mạng, mặt tái nhợt đi.

Trên xe ngựa nàng im lặng ngả đầu về phía trước hứng gió, chỉ thỉnh thoảng lại thốt lên một câu khô khốc, đầy cay đắng:

- Anh đã gây ra cho em chuyện gì vậy, em đã phải chịu đựng bao điều!

Sau đó nàng hỏi vẫn với giọng nghiêm trang:

- Anh đến khách sạn "Quý tộc" chứ? Em sẽ đi cùng anh.

Bước vào phòng, - một phòng lớn trên gác hai, - nàng ngồi xuống đi-văng nhìn anh hầu phòng đồ đạc đặt chiếc va li của tôi lên tấm thảm đặt giữa nhà. Làm việc đó xong xuôi, người hầu phòng hỏi có cần sai bảo gì nữa không.

- Không cần gì nữa đâu, - nàng trả lời thay tôi. - Ông đi thôi...

Nàng cởi mũ ra.

- Sao anh cứ im lặng mãi thế, không nói gì với em à? - nàng lãnh đạm hỏi, cổ mím đôi môi run run.

Tôi quỳ xuống ôm đôi chân nàng, đặt môi hôn qua lần vải, nước mắt trào ra. Nàng nâng đầu tôi lên - và tôi lại được biết, được cảm nhận đôi môi thân quen, đắm đuối ngất ngây của nàng, lại thấy trái tim hai đứa lặng đi trong niềm hạnh phúc tốt cùng. Tôi đứng bật dậy, chạy ra khoá trái cửa, bàn tay lạnh ngắt hạ tấm rèm trắng nơi cửa sổ, - ngoài cửa sổ bóng cây xuân đang chao đảo trước gió, trên cây là một con quạ đang nhảy nhót và cất tiếng kêu đầy âu lo...

- Ba yêu cầu một điều, - nàng khẽ nói sau đó, lúc nằm yên bất động: - cố lui lễ cưới lại dù chỉ nửa năm thôi. Anh cố chờ anh ạ, dù thế nào thì bây giờ đời em đã ở trong tay anh rồi, anh muốn đối xử với em thế nào chẳng được.

Mấy ngọn nến không thấp đứng nguyên trên giá gương, tấm rèm trắng mờ mờ rủ xuống bất động, từ trên trần nhà quét vôi hiện lên những hình thù trang trí đắp nổi dị kỳ.

XVIII

Chúng tôi cùng đi về thành phố vùng Ucraina, nơi mà anh Ghêorghì của tôi đã chuyển từ Khácốp đến sinh sống ở đấy. Cả hai chúng tôi đều nhận việc làm ở phòng thống kê nông thôn. Một bộ phận mà anh tôi phụ trách. Cả tuần lễ phục sinh chúng tôi ở

Baturinô. Mẹ và em gái tôi đã rất quý yêu chiều chuông nàng, còn bố tôi thì đã thân thiết gọi nàng là "con", sáng sáng đã đưa tay cho nàng hôn. Chỉ có anh Nhicolai thì có vẻ giữ gìn, đối xử một cách lịch sự chu đáo. Nàng lặng lẽ và bối rối đón nhận hạnh phúc, niềm vui mới mẻ được gắn bó với gia đình tôi, với ngôi nhà, trang ấp của gia đình, với căn phòng mà thời thơ ấu của tôi đã trôi qua, - căn phòng giờ đây đã trở nên đẹp đẽ, thân thương với nàng, nàng rụt rè sung sướng cầm xem những cuốn sách của tôi... Sau đó chúng tôi ra đi.

Tàu chạy đêm tới Ôrion. Rạng sáng chúng tôi chuyển sang tàu Khaccốp.

Khi chúng quanh đã chan hoà ánh mặt trời buổi sớm, chúng tôi đứng ngoài lối đi trên toa tàu bên khung cửa sổ nóng bức.

- Nghĩ cũng lạ thật anh ạ, trước đây em chưa từng đến đâu ngoài Ôrion và Lipét! Nàng thốt lên. - Sắp đến Kurxơ hở anh? Với em đấy đã là miền Nam rồi đấy.

- Phải rồi. Với anh cũng thế.

- Chúng mình sẽ ăn sáng ở Kurxơ nhé, được không anh? Anh biết không, trong đời em chưa từng bao giờ được ăn sáng ngoài ga cả...

Quá Kurxơ, càng đi xuống phía Nam, càng thấy ấm áp, háo hức hơn. Dọc hai bên đường sắt cỏ đã mọc xanh um, hoa đã nở, bướm trắng lượn bay - bướm bay là hè đã đến.

- Hè này chắc sẽ nóng lắm đấy! - nàng mỉm cười nói.

- Anh anh viết thư nói rằng cả thành phố anh ấy ở đã chìm trong những vườn cây.

- Ồ, đấy là thuộc vùng Tiểu Nga⁽¹⁾ rồi. Em chưa bao giờ nghĩ tới... Anh xem kia, nhìn kia, những cây dương kia cao thế! Lá thì xanh rờn rồi! Sao lại nhiều cối xay bột thế kia?

- Gọi là cối xay gió đấy, không phải cối xay bột đâu. Chốc nữa là thấy dãy núi trắng, sau đó là Bengôrôt rồi.

- Bây giờ em mới hiểu anh, em cũng không thể sống mãi ở miền Bắc, thiếu ánh sáng như thế này.

Tôi hạ tấm cửa sổ xuống. Gió nóng hoà trong khói từ đầu tàu mang theo mùi than cháy. Nàng nheo nheo mắt, nắng chiếu thành vệt dài trên mặt nàng, nắng rung rinh trên những món tóc mềm mại xoà ra bên trán, nắng loá sáng trên tấm áo vải hoa đơn sơ nàng mặc.

Trong thung lũng gần Bengôrôt đây đó hiện ra những vườn anh đào hoa nở khiêm nhường dịu nhẹ, những ngôi nhà trắng trắng. Ở ga Bengôrôt tôi được nghe giọng nói nhanh nhanh êm ái của mấy người phụ nữ Ucraina rao bán bánh hình vòng.

Nàng xuống ga mặc cả mưa mấy thứ lặt vặt, nét mặt nàng lộ vẻ hài lòng với việc làm nội trợ của mình, với việc sử dụng từ ngữ miền Tiểu Nga.

Buổi tối ở Khácốp, chúng tôi lại đổi tuyến đường.

Gần sáng tàu đã sắp tới nơi chúng tôi định đến.

Nàng còn đang ngủ. Nền trong toa tàu chỉ còn leo

⁽¹⁾ Tiểu Nga: tên gọi trước đây của vùng Ucraina. (N.D.).

lét cháy, ngoài thảo nguyên bóng đêm còn bao phủ, nhưng ở tít tận chân trời phía đông một vệt sáng mờ mờ xanh lục đã dần hiện lên. Miền đất này thật chẳng giống miền quê tôi, - ở đây cánh đồng bằng phẳng trơ trọi trải dài ra vô tận, lác đác nổi lên những gò đất xanh rì. Một ga xếp lạng yên như tờ vụn thoảng qua, xung quanh ga không một bóng cây, không một bụi cây, còn chính ngôi nhà ga thì xây bằng đá trần trụi, trắng trắng xanh xanh giữa thời khắc xuất hiện đầy bí ẩn của bình minh... Những nhà ga ven đường mới đơn độc làm sao!

Và trên toa tàu ánh sáng mờ ảo của một ngày mới mẻ cũng đang dần dần hiện ra. Phía dưới sàn hãy còn nhờ nhờ tối, nhưng phía trên đã sáng mờ mờ. Trong giấc ngủ, nàng chợt chui đầu vào dưới gối, hai chân co lại. Tôi nhẹ nhàng đắp lên mình nàng tấm khăn san bằng lụa cổ xưa mà mẹ tôi đã tặng nàng.

XIX

Nhà ga ở cách thành phố khá xa, trong một vùng đất trũng rộng. Nhà ga nhỏ nhắn, sạch sẽ. Trong ga các nhân viên phục vụ đều niềm nở, các phu khuân vác ăn nói ngọt ngào, mấy người xà ích tốt bụng ngồi trên những chiếc xe bốn bánh đẹp mắt do hai ngựa kéo.

Cả thành phố chìm trong những khu vườn rợp bóng cây, ngôi nhà thờ lớn nằm trên sườn đồi cao quay về phía đông và phía nam. Trong thung lũng phía đông lẻ loi hiện ra một ngọn đồi cao với tu viện cổ kính xây trên đỉnh, đằng sau đồi là cánh đồng xanh trồng trái tiếp nối với thảo nguyên. Thung lũng phía Nam, nằm bên kia sông, với những cánh đồng cỏ xanh rờn, ánh mặt trời rọi xuống đến loá mắt.

Trong thành phố nhiều đường phố trông như hẹp lại vì những khu vườn rậm rạp, những hàng dương mọc trên hè, nơi thường rất hay gặp một cô gái ngực nở nang kiêu hãnh, mặc váy sọc bó sát bên đùi, vai gánh đôi thùng nước đầy nặng. Những cây dương ở đây cao lớn, sum suê khác thường, tán lá rậm rì xanh rờn, mùi hương tỏa ra thơm ngát! - Mùa xuân ở đây bao giờ cũng rực rỡ, đầy náo nức; mùa hè nóng bức; mùa thu kéo dài, trời xanh trong; mùa đông không lạnh lắm, gió ẩm ướt thổi về, những chiếc xe trượt gấn chuông kêu leng keng, âm thanh mơ hồ nghe thật dễ thương.

Chúng tôi ở thuê nhà ông già Kôvancô, người cao lớn, vạm vỡ, nước da rám nắng, mái tóc bạc trắng cắt tỉa tròn quanh đầu. Dinh cơ của ông già nằm trên một đường phố rợp bóng cây xanh có sân rộng, có nhà chính, nhà phụ và khu vườn phía sau nhà. Bản thân ông già thì ở trong ngôi nhà nhỏ nằm lọt giữa vườn, và dành cho chúng tôi thuê cả ngôi nhà chính quét vôi trắng ẩn giữa bóng mát của khu vườn phía sau và gian nhà lớn tường lắp kính chạy

dài phía tiền sảnh. Ông già làm việc ở một công sở nào đó; mỗi khi đi làm về, ông ăn thật no, nghỉ ngơi thoải mái, rồi sau đó trên mình chỉ vận đồ lót, ông ngồi bên cửa sổ mở toang nghêu ngao hát, chốc chốc lại ngâm tấu hút thuốc.

Các phòng trong nhà trần đều thấp, bày biện sơ sài; ngoài hành lang nơi cửa vào có đặt một chiếc rương cổ trên phủ một tấm vải thô. Phục dịch trong nhà chúng tôi là một phụ nữ trẻ người *kazác* với vẻ đẹp có nét gợi nhớ đến người *Nôgai**.

Anh tôi tỏ ra dịu dàng và tốt bụng hơn xưa. Hy vọng của tôi đã thành sự thật - giữa anh và nàng ít lâu sau đã có quan hệ thân mật, gần gũi; mỗi lần có chuyện cãi cọ giữa tôi và nàng, hoặc giữa tôi và anh ấy, hai người luôn luôn đứng cùng một "phe" với nhau.

Giới bạn bè đồng nghiệp quen biết của chúng tôi (bác sĩ, luật sư, công chức hội đồng địa phương) cũng giống giới bạn bè của anh tôi ở *Khácốp*, - tôi gia nhập giới này khá dễ dàng, hài lòng được gặp trong số đó *Lêontôvích* và *Gaghin*, hai người này cũng mới chuyển từ *Khácốp* đến. Giới bạn bè tôi giao du ở đây khác giới bạn bè *Khácốp* ở chỗ những người ở đây điềm đạm hơn, cung cách sống cũng na ná như cảnh quan thành phố này, như cái vẻ hiền lành của xứ *Mirogôrôt*; họ không phải chỉ niềm nở gặp gỡ với đủ hạng người trong thành phố mà cả với cảnh sát trưởng cũng giữ thái độ như vậy.

* *Nôgai*: tên một dân tộc thiểu số sống ở miền Bắc *Kapkazơ* - ND.

Chúng tôi thường tụ tập tại nhà một thành viên trong ban quản trị: ông ta là chủ nhân của năm nghìn mẫu ruộng và một đàn súc vật đông tới một vạn con, để làm vừa lòng gia đình, ông luôn tạo cho ngôi nhà mình một vẻ giàu sang, quý phái, còn bản thân ông, - một người thấp bé, khiêm tốn, ăn mặc xuề xòa, trước đây đã từng ở miền lacút, - thì lại trông như một người khách nghèo hèn trong ngôi nhà đó.

XX

Trong sân có một cái giếng cổ xây bằng đá, trước ngôi nhà nhỏ là hai cây dạ hợp thân trắng, gần hiên là một cây hạt dẻ cao tán lá mầu sẫm ngả bóng mát che nửa bên phải của gian nhà kính. Về mùa hè khoảng bảy giờ sáng cả khu nhà đã bắt đầu nóng nực sáng sủa, đây ánh mặt trời, chốc chốc từ phía chuồng gà lại vọng tới tiếng cục ta cục tác dây xao xác hoang mang của mấy con gà mái. Nhưng bên trong nhà, nhất là ở mấy buồng phía sau cửa sổ hướng ra vườn, thì vẫn còn mát mẻ. Trong phòng ngủ, nơi nàng đang đứng rửa mặt, chân đi đôi giày *tácta* nhỏ nhắn, bộ ngực để trần lạnh giá, mùi nước hoa, mùi xà phòng man mác; nàng ngượng ngùng quay mặt còn ướt về phía toilet, xà phòng còn dính trên gáy, và giậm gót giày xuống sàn nhà: "Anh ra ngoài đi!" Lát sau từ

phía phòng cửa sổ hướng ra gian nhà kính thoảng bay lại mùi nước trà mới pha, - ở đây chị hầu người *kazác* đang đi đi lại lại, chị ta chân đi hài xỏ không tất, bấp chân nhỏ nhắn, chiếc cổ tròn đeo chuỗi hạt hổ phách, mái đầu đen, đôi mắt xéch sáng quắc.

Anh tới tới phòng uống trà, tay cầm điếu thuốc lá, nụ cười trên môi cùng dáng điệu của anh như thừa hưởng của bố; với tầm vóc thấp béo trông anh không giống bố, nhưng cử chỉ quý phái của bố vẫn phần nào truyền lại được sang anh. Đạo này anh ăn mặc rất chỉnh tề; khi ngồi, anh vắt chân chữ ngũ trông rất tự nhiên oai vệ; dáng điệu anh cầm thuốc hút cũng ra dáng quyền quý lắm. Trước đây mọi người đều tin rằng tương lai của anh sẽ rất xán lạn, chính anh cũng đã từng tin như vậy; bây giờ thì anh hoàn toàn bằng lòng với vai trò của mình ở cái chốn hẻo lánh này của miền Tiểu Nga. Khi tới chỗ uống trà, đôi mắt anh sáng lên, anh cảm thấy sức lực tràn trề, chúng tôi đã trở thành một bộ phận thân thiết của gia đình anh. Anh vẫn cùng chúng tôi đến sở, nơi một nửa công việc là hút thuốc lá và tán gẫu. Chuyện này đã trở thành thú vui hàng ngày của anh. Cuối cùng khi thấy nàng ăn mặc chỉnh tề chải chuốt theo kiểu mùa hè vui vẻ bước vào, anh vui ra mặt, khẽ cúi hôn tay nàng.

Chúng tôi đi dọc theo hàng dương đẹp đẽ, lấp loáng ánh mặt trời, bên những bờ tường và khu vườn nóng nực; cái ô bằng lụa vàng của nàng mở tròn căng hiện ra giữa mầu xanh rờn xung quanh. Sau đó

chúng tôi qua một quảng trường nắng chang chang rồi đi vào ngôi nhà màu vàng của sở. Ở đây phía tầng dưới thoang thoảng mùi ủng của mấy người gác công sở, mùi thuốc lá khen khét mà họ hút. Trên thang gác dẫn lên tầng hai mấy anh viên chức vẫn phòng tay cầm công văn, giấy tờ lên xuống với vẻ mặt đầy ưu tư, đầu hơi cúi xuống, mình vận áo vestông da đen bóng. - họ là hạng người khôn khéo, ranh ma tuy bề ngoài có vẻ giản dị chất phác. Chúng tôi đi qua chân cầu thang vào phía sâu trong tầng một, đến mấy căn buồng trần thấp, nơi bộ phận chúng tôi làm việc. Mấy căn buồng này đối với chúng tôi thật dễ chịu vì ở đây có những người đồng nghiệp ăn mặc xoàng xĩnh nhưng thông minh và linh hoạt... Tôi cảm thấy lạ lùng khi nhìn nàng ngồi trong những căn phòng này bên cạnh những tờ phiếu điều tra đủ loại mà nàng phải gấp đẽ vào phong bì gửi đi các huyện.

Đến trưa thì mấy người gác sở đưa cho chúng tôi nước trà đựng trong những chiếc cốc tồi tàn, cùng những chiếc đĩa xấu xí xếp mấy lát chanh; vẻ sơ sài lặp đi lặp lại này đạo đầu cũng đem lại cho tôi một cảm giác thích thú nào đó. Bạn bè chúng tôi từ mấy bộ phận khác cũng thường ghé sang bên chỗ chúng tôi tán gẫu và hút thuốc. Anh chàng Xulima, thư ký của sở, cũng hay tới. Đây là một chàng trai khá đẹp, lưng hơi gù gù, đeo kính gọng vàng, mái tóc và bộ râu đen nhánh; dáng đi của anh ta rất nhẹ nhàng uyển chuyển, nụ cười kín đáo và nói năng cũng vậy; anh ta lúc nào cũng mỉm cười, thường xuyên phô bày

dáng vẻ mềm mại, uyển chuyển của mình; anh ta là một người rất thích ví von, tu viện đóng trên đỉnh đồi giữa thung lũng anh gọi là một hoà âm lặng lẽ. Anh ta hay sang phòng tôi và càng ngày càng nhìn nàng một cách đầy náo nức và bí ẩn. Bước lại gần bàn nàng ngồi, anh ta cúi sát bên tay nàng, nâng cặp kính lên và khẽ mỉm cười đầy dịu dàng ưu ái: "Cô đang gửi đi các nơi cái gì thế". Vì thái độ ấy mà nàng càng làm ra vẻ đang chăm chú tập trung vào công việc, cố trả lời lại sao cho lịch sự hơn và cũng đơn giản hơn. Tôi hoàn toàn thấy yên tâm, bây giờ chẳng phải ghen tuông với ai nữa.

Cũng giống như hồi làm việc tại toà soạn báo "Tiếng nói" ở Ôrion, ở sở này tự nhiên tôi cũng giữ một vị trí đặc biệt; dưới góc độ một nhân viên thì tôi vẫn thường bị mọi người nhìn nhận một cách giễu cợt đầy bao dung. Tôi ngồi và chậm rãi tính toán, lập thành những biểu thống kê, ở xã nào đó thuộc huyện nào đó người ta đã trồng được bao nhiêu thuốc lá, bao nhiêu củ cải đường, ở đây người ta đã dùng những biện pháp gì để chống lại côn trùng phá hại củ cải. Đôi khi tôi chỉ ngồi đọc một cái gì đó, không để ý gì đến câu chuyện của mọi người chung quanh. Tôi rất mừng là mình đã có được một chiếc bàn riêng và tôi có thể yêu cầu văn phòng cấp cho với số lượng tùy thích bút mực, bút chì mới và giấy viết loại thượng hạng.

Hai giờ chiều công việc mỗi ngày kết thúc; anh tôi đứng dậy, nhoẻn miệng cười, kêu lên: "Nào về nhà

thôi, các bạn!". Mọi người hào hứng tìm mũ đội lên đầu, kéo cả bọn ra quảng trường, bắt tay nhau rồi ai về nhà nấy.

XXI

Cho đến năm giờ chiều cả thành phố vắng tanh, các vườn cây như bị thiêu dưới nắng. Anh tôi đi ngủ trưa, còn chúng tôi thì nằm nghỉ trên chiếc giường rộng của nàng. Mặt trời đã vòng qua nhà, rọi vào cửa sổ buồng ngủ từ phía vườn cây; khu vườn cây xanh rờn in bóng trong chiếc gương treo trên chỗ rửa mặt. Ngày xưa Gôgôn đã học ở thành phố này, cả vùng quanh đây đều in dấu chân ông, - Mirogôrôt, Ianópsina, Sisaki, Iarexki, - chúng tôi thường cười và cùng nhau nhớ lại câu Gôgôn đã viết: "Cái ngày hè ở vùng Tiểu Nga thật diệu kỳ và đáng say mê!".

- Dù sao thì cũng nóng quá! - nàng nói và vui vẻ thở dài. - Mà sao nhà mình ở lấm ruồi thế! À, tiếp theo câu ấy là đoạn về vườn cây thế nào anh nhỉ?

- "Những côn trùng bé xíu với lớp vỏ óng ánh đủ sắc màu như ngọc bám trên tán lá vườn cây..."

- Cảnh này tuyệt thật đấy anh ạ. Em ao ước được tới miền Mirogôrôt. Thế nào cũng phải đi anh ạ. Đúng không? Chúng mình cùng đi anh nhé! Nhưng mà sao cái ông Gôgôn ấy bình sinh tính tình lập dị, hay cau có thế.

Trong đời mình, ngay cả khi còn trẻ, ông ta chẳng bao giờ phải lòng ai hết...

- Phải rồi, cả thời trẻ ông chỉ một lần duy nhất hành động ngu ngốc - ấy là đi Liubéch.

- Đại loại như chuyến đi Pêtécbua của anh... Vì sao mà anh thích đi thế?

- Thế vì sao em thích nhận thư?

- Bây giờ thì em nhận thư của ai mới được chứ!

- Dù vậy thì em vẫn thích nhận thư. Con người ta luôn luôn chờ đợi cái gì đó thật thú vị, hạnh phúc, mơ ước có một niềm vui nào đó, gặp một sự kiện nào đó khác thường. Những chuyến đi hấp dẫn người ta vì lẽ đó. Rồi còn luyện ý chí nữa chứ, được thấy những khoảng trời bao la... những gì mới lạ bao giờ cũng hứa hẹn niềm vui, cho ta cảm giác rằng mình đang được sống. Mà tất cả chúng ta thực ra chỉ đi tìm cái đó, tìm trong mọi tình cảm mạnh mẽ.

- Phải rồi, phải rồi, đúng thế đấy.

- Em vừa nói chuyện anh đi Pêtécbua. Giả như em biết lúc ấy anh sợ hãi thế nào, ở đấy anh đã hiểu ngay ra một chân lý vĩnh viễn với anh rằng tự sâu thẳm tâm hồn mình anh là người miền Nam. Gôgôn viết từ Italia rằng: "Pêtécbua, tuyết trắng, bọn dê tiệp và các công sở, trong mơ tôi nhìn thấy đủ thứ như vậy: tỉnh dậy tôi tưởng mình đang ở quê hương". Anh cũng đã choàng tỉnh như vậy. Anh không thể bình tâm mà nghe những từ như: Trighirin, Trerokát, Khôron, Lúpnu, Trerôtômlúc, Đicôê Pôlê; anh không thể đứng đưng mà nhìn thấy những mái

nhà lợp cói, những mái tóc đàn ông cắt ngắn, những bà nhà quê đi ủng màu vàng, màu đỏ, gánh trên vai những túi, sọt đan bằng vỏ cây đựng đầy anh đào và mận. Séptrencô đã viết những câu thơ về miền đất ấy. Ông quả là một nhà thơ tuyệt diệu! Chẳng có xứ sở nào trên thế giới đẹp hơn vùng Tiểu Nga. Điều chủ yếu là bây giờ nó không còn lịch sử nữa, - đời sống lịch sử của nó từ lâu đã chấm dứt vĩnh viễn rồi. Chỉ còn lại quá khứ với những bài ca, những huyền thoại về nó, - một cái gì đó đứng ngoài thời gian. Điều này làm anh say mê hơn cả.

- Anh thì lúc nào cũng nói - say mê, ngưỡng mộ.

- Cuộc sống chính là phải trở thành niềm say mê em ạ.

Mặt trời đã xế bóng, nắng rơi qua khung cửa sổ mở toang chiếu xuống sàn nhà, ánh nắng phản chiếu từ chiếc gương rung rinh trên trần. Những bậu cửa sổ loá ánh mặt trời, ngoài đó ruồi bay loạn xạ. Chốc chốc có con lại bám lên đôi vai trần mát lạnh của nàng. Một chú chim sẻ bỗng đậu xuống bên cửa sổ, nó lắc lảo nhìn quanh rồi lại bay vụt lên, biến mất trong màu xanh lấp lánh của vườn cây đã bắt đầu đón ánh mặt trời trong trong sắp lặn.

- Anh kể gì nữa đi, - nàng nói. - Này anh, chúng mình liệu có lúc nào đó cùng đi chơi Krưm không? Ô, giá như anh biết được em mơ ước đến đấy thế nào! Nếu được tới đó, thì anh có thể viết được một truyện nào đấy, - em có cảm tưởng rằng anh sẽ viết rất tuyệt anh ạ, - nếu chúng mình có tiền thì chúng

mình xin nghỉ phép... Vì sao anh lại thôi không viết? Anh như thể là người tiêu ma, phá tán những khả năng của mình!

- Trong đám người *kazác* thường có những kẻ lang thang. Chắc anh cũng là một kẻ lang thang như vậy. Trong sổ tay ghi chép của Gôgôn có đoạn tả thật hay thế này: "Một con chim âu thảo nguyên với cái mào cao cao hình bán nguyệt từ dệ đường vút bay lên... Dọc hai bên đường, ngăn cách với đồng bằng mênh mông bất tận chỉ là những hàng cây ké xanh thâm thấp mọc... Đây đó có những cảnh hướng dương mọc nhô cao bên bờ rào và những rãnh sâu, thấp thoáng mái lợp rơm trên những ngôi nhà quét vôi trắng xóa với ô cửa sổ xinh xinh chung quanh có khung sơn màu đỏ... Ôi, miền đất Nga cổ xưa, nơi đây tình cảm con người như chân thành hơn, thiên nhiên Xlavơ như hiền hoà hơn!"

Nàng chăm chú lắng nghe. Sau đó bất chợt nàng hỏi:

- Anh này, sao hôm nọ anh lại đọc cho em một đoạn của Gôgô thế? Đoạn ông ấy rời khỏi nàng Phơrêdêrica và bất ngờ nhìn thấy một chàng kỵ sĩ đang đi đầu dấy, mình vận cái áo cộc tay màu xám viền kim tuyến. Đoạn này rồi thế nào nữa anh nhỉ?

- "Chàng kỵ sĩ này chính là ta. Trên mình ta là chiếc áo xám cộc tay viền kim tuyến, chiếc áo trước đây ta chưa hề mặc".

- Ừ mà cái cảnh này cũng vừa tuyệt vừa đáng sợ thật. Sau đó anh có nói tiếp là mỗi người khi còn trẻ

đều có chiếc áo cộc viền kim tuyến đúng như trong mơ ước... Tại sao ông ta lại bỏ rơi nàng?

- Ông ta nói rằng ông ta luôn luôn bị "con quỷ" của ông xui khiến.

- Phải rồi, cả anh nữa nay mai đây anh cũng chán em thôi. Nói thật cho em nghe nào - anh ao ước điều gì nhất?

- Anh ao ước gì ư? Được làm một vị lãnh chúa cổ xưa nào đó ở miền Krúm và sống với em trong lâu đài Bătrixarai... Cả vùng Bătrixarai nằm lọt giữa hẻm núi đá nóng kinh người, nhưng trong lâu đài thì lúc nào cũng chìm dưới bóng cây mát mẻ, chung quanh là đài phun nước, ngoài cửa sổ là những rừng dâu xanh...

- Không, anh nói nghiêm chỉnh cơ.

- Anh nói nghiêm chỉnh đấy. Lúc nào anh cũng sống với những điều tưởng tượng vô lý ghê sợ. Chẳng hạn như là cái con chim âu thảo nguyên ấy, nó chứa đựng trong mình cả thảo nguyên lẫn biển... Anh Nhicôlai có lần cười nói với anh rằng bẩm sinh anh là một kẻ ngu si; anh cảm thấy khổ sở vì câu nói đó. Cho đến khi một lần tình cờ đọc được câu Đécác viết rằng trong đời sống tinh thần của ông những ý nghĩ sáng sủa hợp lý bao giờ cũng chiếm một phần rất không đáng kể.

- Thôi được rồi, thế trong lâu đài có phần dành cho phụ nữ ở không? Em hỏi nghiêm chỉnh đấy. Chính anh có lần chứng minh với em, anh còn nhớ chứ, rằng trong tình yêu của đàn ông có pha trộn

nhiều thứ tình cảm yêu đương khác nhau, rằng tình yêu ấy anh đã từng cảm thấy khi ở gần bà Nhiculina, rồi sau này là với chị Nadia Avilôva... Đôi lúc anh tỏ ra thành thật với em một cách tàn nhẫn! Cách đây không lâu anh còn nói câu gì đó đại loại như vậy về cái chị người *kazác* ở thuê cho chúng ta.

- Anh chỉ nói rằng khi nhìn chị ta anh rất muốn đi tới miền thảo nguyên khô cằn nào đó, và sống trong một túp lều bạt.

- Đấy thấy chưa, chính anh nói rằng anh muốn sống với chị ta trong lều bạt!

- Anh không nói là với chị ta.

- Thế thì với ai? - Ôi, lại chim sẻ! Em rất sợ mỗi lần chim sẻ bay vào và đập phải gương!

Nàng chồm dậy, vỗ vỗ tay thật nhanh và vụng về. Tôi ôm choàng lấy nàng, hôn lên vai, lên chân... Làn da trên mình nàng chỗ mát lạnh, chỗ nóng hổi; điều này khiến tôi ngỡ ngàng hơn cả.

XXII

Về chiều nắng nực giảm đi. Mặt trời đã khuất phía sau nhà. Chúng tôi ngồi uống trà trong phòng kính, bên cạnh cửa sổ mở ra sân. Lúc này nàng đọc rất nhiều, vào những giờ ấy nàng hay đặt nhiều câu hỏi với anh tôi, và anh tôi thích thú chỉ dẫn cho nàng cặn kẽ. Chiều thật yên ắng, lặng gió, - chỉ có mấy chú

nhận thoáng bay qua sân rồi bỗng vút lên cao, mất hút trong thinh không xa thẳm. Họ nói chuyện với nhau, còn tôi thì lắng nghe tiếng ai đang hát. Bài ca hát về mấy người dân quê đang gặt lúa trên cánh đồng cao cao. Âm điệu bài ca phẳng lặng, ngân dài, thấm đượm nỗi buồn ly biệt, tiếp đó là những âm thanh rần rỏi, hùng dũng về những đoàn quân.

Bài ca như buồn bã dôi theo đoàn quân *kazác* đang chậm chậm tiến qua thung lũng, dẫn đầu là vị tướng Đôrôscô vinh quang...

Tôi lắng nghe tiếng hát, trong lòng cảm thấy buồn buồn, pha chút cảm giác ghen tỵ ngọt ngào.

Vào lúc hoàng hôn chúng tôi đi dạo chơi, thỉnh thoảng đi lên phố, có khi tới chỗ vườn hoa nhỏ trên bờ đất thoải thoải gần nhà thờ, có khi ra cánh đồng ngoài thành phố. Trong thành phố có vài đường phố lát đá, - đó là khu buôn bán của người Do Thái với một số lượng nhiều đến khó hiểu những hiệu đồng hồ, thuốc tân dược và hiệu thuốc lá. Những đường phố này còn giữ nguyên cái nóng sau một ngày mặt trời thiêu đốt; trên những ngã tư có quầy giải khát, ở đó khách bộ hành có thể uống những cốc xirô đủ màu sắc. Điều này nhắc tôi nhớ tới miền Nam, - tôi vẫn còn nhớ dạo ấy không hiểu sao tôi rất hay nghĩ tới miền Kerôsr. Nhìn từ trên nhà thờ xuống thung lũng, tôi muông tượng ra mình đang đi đến Krêmentruc, đến Nhicôlaép. Ra cánh đồng ngoài thành phố chúng tôi thường đi qua vùng đầu ô phía tây trông hệt như thôn quê. Những ngôi nhà, vườn

cây, ruộng dưa hấu nằm sát bên con đường thẳng tắp dẫn đến Mirogôrôt. Tít tận đằng xa trên con đường dọc theo hàng cột dây thép có chiếc xe do hai con bò kéo đang chậm chậm lăn bánh rồi dần dần mất hút đi trên biển thảo nguyên như hàng cột điện cũng dần dần trở nên nhỏ bé như cái que rồi không còn thấy nữa. Đó là đường tới Ianópsina, Iarexca, Sisaki...

Nhiều khi chúng tôi đi dạo buổi tối trong công viên thành phố. Ở đây có dàn nhạc chơi, hàng hiên sáng ánh đèn của nhà hàng nổi bật hẳn lên từ xa như một cái sân khấu. Anh tôi đi thẳng vào nhà hàng, còn tôi và nàng thỉnh thoảng đi về phía vườn giáp với bờ sông cao cao. Đêm tối đen, ẩm áp. Trong bóng đêm phía dưới, dây đó thấp thoáng ánh đèn, những bài ca khi trầm khi bổng nghiêm trang vọng lại - đó là đám thanh niên vùng ngoại ô đang hát. Bài ca như hoà lẫn vào bóng đêm yên tĩnh. Đoàn tàu với những ô cửa sáng rầm rậm chạy qua, tiếng động của nó nhỏ dần, nhỏ dần - lúc ấy tôi cảm thấy thật rõ cái thung lũng này xa sâu đến thế nào, vệt sáng đoàn tàu dần mất hút trong đó như thể nó đã chui xuống đất. Tiếng hát lại nghe rõ, cả vòng cung chân trời bên thung lũng như chìm trong tiếng ếch kêu mơ hồ không dứt. Khi chúng tôi bước lên hàng hiên đông đúc người ở nhà hàng, ánh sáng ở đây khiến chúng tôi ngỡ ngàng loá mắt. Anh tôi lúc này đã ngà ngà say, vẻ mặt hiền hoà, ngay lập tức vẫy tay gọi chúng tôi lại bàn, nơi anh ngồi cùng Gaghin, Lêontôvích, Xulima. Mọi người hồ hởi xếp chỗ ngồi

cho chúng tôi, cho gọi thêm rượu vang trắng, đưa thêm cốc và đĩa. Lát sau tiếng nhạc đã ngừng, vườn cây quanh hiên đã vắng vẻ chìm trong bóng tối, thỉnh thoảng có làn gió nhẹ từ đâu thổi tới, mấy ngọn nến đặt trong chụp thủy tinh bám đầy côn trùng bé lấm tấm; nhưng mọi người vẫn tiếp tục nói chuyện, thời gian còn sớm nữa. Cuối cùng thì mọi người đều thấy rằng đã đến lúc phải ra về. Tuy nhiên chúng tôi cũng không chia tay ngay - chúng tôi kéo cả đoàn đi về nhà, vừa đi vừa nói to, nện gót giày cồm cộp. Vườn cây đã yên ắng như tờ, che phủ một màu đen bí ẩn, trăng muôn màng nhô lên trên đường chân trời tỏa ánh vàng mờ nhạt, ấm áp. Khi chỉ còn anh em tôi cùng nằng đi vào sân nhà mình, trăng đã rơi xuống đây, soi sáng gian nhà kính; có tiếng con chích chấu nào kêu khe khẽ; mỗi một lá cây dạ hợp mọc gần ngôi nhà nhỏ, mỗi cành cây đều in bóng rõ ràng mềm mại lên bức tường màu trắng.

Trước lúc ngủ là những phút dịu dàng thân thương nhất. Trên chiếc bàn nhỏ ngọn nến sáng mờ mờ. Làn gió đêm mát lạnh từ ngoài cửa sổ bay vào như mang theo niềm hạnh phúc trẻ trung, tươi mới. Nàng khoác chiếc áo ngủ ngồi ở mép giường, đôi mắt nhắm nhìn lên ngọn nến và tết đuôi sam mềm mại.

- Đây, anh cứ ngạc nhiên mãi vì thấy em thay đổi, - nàng nói. - nhưng giá anh biết được rằng chính anh đã thay đổi thế nào. Chỉ có điều là anh ngày càng ít để ý đến em hơn! Nhất là khi không phải chỉ có chúng mình bên nhau. Em sợ rằng em đã thành

cái gì đó như không khí đối với anh: không thể sống thiếu nó, nhưng cũng chẳng để ý tới nó. Có đúng thế không? Anh nói rằng chính cái đó mới là thứ tình yêu lớn nhất. Còn em lại cảm thấy rằng điều này có nghĩa là với anh chỉ có em thôi thì chưa đủ.

- Chưa đủ, chưa đủ đâu, - tôi vừa đáp vừa cười. - Với anh bây giờ tất cả cũng chưa đủ.

- Em muốn nói thêm là: anh lúc nào cũng muốn đi đâu ấy. Anh Ghêorghi đã nói với em là anh đang xin đi công tác nhiều nơi với một số nhân viên thống kê. Để làm gì vậy? Đội nắng mà đi, ngồi xe mà hứng bụi đường, sau đó thì ngồi trong trụ sở nóng bức của hội đồng hàng xã mà hỏi đám dân quê theo các phiếu điều tra mà em đã gửi đi khắp nơi...

Nàng ngược nhìn lên, vắt đuôi sam ra sau vai:

- Điều gì đã thôi thúc anh đi như vậy?

- Chỉ có một điều là anh thấy hạnh phúc, quả thật với anh bây giờ tất cả còn là chưa đủ.

Nàng cầm lấy tay tôi:

- Có đúng là anh thấy hạnh phúc không?

XXIII

Lần đầu tiên tôi về đúng cái nơi mà anh đã rất muốn đi cùng tôi, - theo con đường Mirogôrôt. Vaghin được cử đến Sisaki về việc gì đó và anh ta đưa tôi đi cùng.

Tôi vẫn còn nhớ lần ấy nàng và tôi đều sợ ngủ quá giờ cần phải dậy, - phải lên đường trước khi trời nắng, càng sớm càng tốt, - nàng nhẹ nhàng đánh thức tôi, bản thân nàng thì dậy từ lúc trời chưa sáng, pha trà cho tôi. Nàng cố nén nỗi buồn lo cho tôi phải đi một mình. Trời mát mẻ và u ám, chốc chốc nàng lại nhìn ra cửa sổ: chẳng lẽ mưa sẽ làm trở ngại cho chuyến đi của tôi sao? Cho đến giờ tôi vẫn còn nhớ cái cảm giác êm dịu xốn xang trong lòng khi hai đứa chúng tôi choàng dậy vì nghe tiếng chuông rung ngoài cổng; chúng tôi vội vàng chia tay nhau và chạy ra cổng, tới bên cạnh chiếc xe ngựa mà trên đó anh chàng Vaghin khoác áo dài rộng và đội mũ lưỡi trai màu xám đang ngồi.

Sau đó tiếng nhạc ngựa như chìm đi trong khoảng không vô tận; một ngày mới đang đến, khô ráo và nóng bức; chiếc xe ngựa chạy đều đều trên con đường ngập bụi; cảnh tượng xung quanh đơn điệu đến mức một lúc sau đã không còn đủ sức nhìn ra phía chân trời xa sang sáng mờ hồ, cũng như căng thẳng chờ đợi một cái gì đó từ đấy. Đến trưa giữa cánh đồng lúa mì rộng bát ngát chìm trong biển nắng này bỗng hiện ra một cảnh đầy vẻ du mục: đó là những trại nuôi cừu của Kôtrubây. Ngồi trên xe lắc lư, tôi vội ghi vào sổ tay: "Trưa nắng, những trại cừu. Bầu trời xám đi vì oi nồng, lúc đặc thấy chim ưng và chim sẻ... Tôi cảm thấy hoàn toàn hạnh phúc!" ở Ianôpsina tôi ghi lại về một quán trọ: "Ianôpsina, một quán trọ cũ kỹ, bên trong lúc nào cũng tối tối.

Ông chủ người Do Thái bảo rằng ông ta không có bia mà "chỉ có nước giải khát" thôi. - "Nước gì vậy?" - "Thì nước giải khát mà! Nước giải khát Phianka". Ông Do Thái này người gầy gò, mặc chiếc áo vạt dài; còn nước giải khát thì lại do một cậu học trò mang từ phòng trong ra; cậu ta người phốp phịch to béo, chiếc thắt lưng mới quàng qua tấm áo choàng màu xám nhạt, mặt mũi đẹp đẽ khôi ngô trông như kiểu người Ba Tư; đấy là con trai ông ta.

Qua vùng Sisaki tôi liền nhớ ngay tới ghi chép của Gôgôn: "Giữa con đường bằng phẳng bỗng gặp một nơi đất trũng - bờ đất thoải thoải dốc sâu xuống - phía dưới sâu là rừng cây xanh rì, cánh rừng này nối tiếp cánh rừng kia - xa xa là dải cát vàng lấm tấm ánh bạc... Bên bờ sông nước xiết có chiếc cối xay gió với cánh quạt dài đang lừ đừ quay, phát ra tiếng kêu cọt kẹt..." Dưới thung lũng sâu, phía dưới bờ ao, dòng sông Pôxiôn lượn vòng uốn khúc, một khu làng lớn với những vườn cây xanh hiện ra. Chúng tôi vào làng và tìm rất lâu ở đấy nhà một ông tên là Vaxilencô, người có công chuyện với Vaghin. Khi tìm được rồi thì ông ta đi vắng, chúng tôi phải ngồi chờ lâu dưới gốc cây bồ đề cạnh nhà ông, chung quanh là bãi cỏ ẩm ướt với tiếng ếch nhái kêu ra rả. Sau khi chủ nhân về, cả buổi tối chúng tôi ngồi luôn ở đấy chuyện trò với Vaxilencô, cùng ăn uống; ngọn đèn hắt ánh sáng lên những lá cây xanh, nhưng xa hơn một chút bao quanh chúng tôi là màn đêm hề đen kịt.

Sau đó từ trong bóng đêm bất ngờ có tiếng cánh cổng bị đẩy ra và cạnh bàn chúng tôi ngồi xuất hiện cô bạn của Vaxilencô, vốn là y tá của làng; gương mặt cô ta trắng xanh nhợt nhạt. Tất nhiên là liền đó cô ta biết Vaxilencô đang có khách từ trên tỉnh về. Phút đầu tiên cô ta ngượng ngùng không biết phải xử sự thế nào, nói năng rời rạc, lát sau cô ta đã chạm cốc uống với chúng tôi ít rượu và bắt đầu cười phá lên mỗi lần tôi pha trò. Cô ta có vẻ rất dễ xúc động, lưỡng quyền cao, mắt đen sắc sảo, đôi tay gân guốc, xương bả vai nhô ra, bộ ngực căng đầy lên sau lớp áo mỏng màu xanh da trời, eo lưng thon thả, đùi vế chắc lắn. Đến khuya tôi tiễn cô ta về. Chúng tôi đi trong bóng đêm lần theo cái rãnh khô của một hẻm nhỏ nào đấy. Đến gần bờ giậu cô ta dừng lại và bất ngờ gục đầu vào ngực tôi. Phải cố lắm tôi mới rời được cô ta để quay lại...

Ngày hôm sau, tôi cùng Vaghin trở về tới nhà rất muộn. Nàng đang nằm trên giường đọc sách; trông thấy tôi nàng ngạc nhiên mừng rỡ chồm dậy - "Anh về rồi đấy ư?". Tôi nhanh nhẩu thuật lại cho nàng nghe cả chuyến đi của mình; vừa cười vừa kể cả chuyện cô y tá làng, nàng bèn ngắt lời tôi.

- Sao anh lại kể với em chuyện đó?

Mắt nàng rần rần lệ.

- Sao anh nhẫn tâm với em thế! - Nàng vừa nói, vừa lật dật tim chiếc mũ xoa dưới gối. - Anh bỏ em lại một mình còn chưa đủ sao?...

Sau này trong đời bao lần tôi đã nhớ những giọt

nước mắt ấy! Tôi còn nhớ nguyên những gì đã đến với tôi vào hai mươi năm sau cái đêm ấy. Chuyện này xảy ra ở một nhà nghỉ nằm bên bờ biển Bétxarabi. Tôi đi tắm về và đang nằm trong phòng. Đó là một trưa hè đầy nắng, gió: ngoài vườn xung quanh nhà đưa lại tiếng gió ào ào lướt qua tán lá, cây cối nghiêng ngả đứng đưa, nằm trong bóng râm, nơi loá ánh mặt trời... Mỗi lần gió rào rào cuốn tới, nó rê đôi khu vườn cây mọc ngoài cửa sổ phòng tôi, để lộ bầu trời nắng chang chang; ngay lúc đó trần nhà quét vôi trắng như cũng chuyển sang màu tím ngắt. Lát sau, chung quanh dần yên ắng trở lại, gió biến mất ở phía cuối vườn, nơi giáp với bờ biển trải dài thấp xuống. Tôi nhìn cảnh vật ấy, lắng tai nghe và bất chợt nghĩ: hai mươi năm về trước, ở một nơi hẻo lánh của miền Tiểu Nga đã lụi sâu vào quên lãng, nơi chúng tôi vừa mới bắt đầu cuộc sống chung, cũng đã từng có một buổi trưa giống giống thế này.

Hôm đó tôi thức dậy muộn, - nàng đã đi làm - cửa sổ trông ra vườn cũng mở toang, và bên ngoài gió cũng gào rít, cây lá cũng nghiêng ngả lấp loá ánh mặt trời thế này. Một cơn gió lành ấm áp tạt vào nhà đưa lại mùi xào nấu thơm thơm của bữa sáng sắp tới. Tôi mở mắt, hít thở làn gió ấy, chống khuỷu tay lên gối mình, nhìn sang chiếc gối đặt bên cạnh còn thoảng thoảng hương tóc nàng, chiếc khăn mùi xoa còn lại đó: sau khi nàng làm lạnh với tôi, nàng vẫn để nguyên chiếc khăn đó trong tay. Tôi chợt nhớ lại ngày hôm ấy, nhớ lại rằng đã một nửa

đời tôi trôi qua thiếu vắng nàng; tôi đã chứng kiến bao điều trên thế giới này, và lúc này vẫn còn sống tiếp, còn được thấy tiếp, mà nàng thì từ lâu lắm rồi không còn nữa, giữa cuộc đời này. Đầu óc tôi bỗng lạnh toát, tôi bỏ chân từ đi-văng xuống rồi bước ra ngoài: chân tôi bước nhẹ tênh trên con đường rợp bóng cây về phía bờ đất cao cao, từ trên đó nhìn xuống vịnh biển màu xanh xanh lúc này sao bỗng trở nên vừa thật đáng sợ, vừa diệu kỳ với vẻ đẹp mới mẻ nguyên sơ...

Đêm hôm ấy tôi thể với nàng rằng chẳng bao giờ tôi đi đâu nữa. Rồi vài ngày sau tôi lại lên đường.

XXIV

Dạo chúng tôi ở Baturinô, anh Nhicôlai nói với tôi:

- Anh thật lòng tiếc cho em! Em đã sớm đeo thánh giá lên cổ mình!

Nhưng tôi chẳng cảm thấy mình đeo thánh giá.

Tôi coi công việc làm là chuyện tình cờ và cũng không thể nhìn nhận mình như một người có vợ. Chỉ một ý nghĩ thoáng qua rằng đời mình thiếu vắng nàng đã đủ làm tôi kinh sợ, nhưng tôi cũng khó tin rằng chúng tôi có thể mãi mãi sống bên nhau không rời một bước; lẽ nào trong tương lai chúng tôi sẽ cặp kè bên nhau và sẽ sống như thế cho đến khi đầu bạc răng long, sẽ như mọi người là có nhà cửa, con cái?

Lúc ấy tôi không thể nào hình dung được mình sẽ có nhà và có con.

- Ít nữa chúng mình làm lễ cưới anh ạ, - nàng vừa nói vừa mơ màng nghĩ đến mai sau. - Em vẫn rất muốn thế anh ạ, sau nữa, có gì đẹp hơn lễ cưới không! Có lẽ rồi chúng mình sẽ có con... Anh không muốn thế sao?

Có gì ngọt ngào bí ẩn khiến trái tim tôi se lại. Nhưng tôi lại nói đùa:

- "Người bắt tử thi sáng tạo, còn kẻ hữu hạn thì sản sinh ra những cái giống mình".

- Còn em? - nàng hỏi. - Em sẽ sống thế nào, khi tình yêu và tuổi trẻ của chúng ta qua đi và anh không cần gì đến em nữa?

Nghe nàng nói lời đó thật buồn, và tôi hằng hái đáp lại:

- Không bao giờ có cái gì qua đi cả, không bao giờ anh thôi cần có em đâu! Bây giờ đến lượt tôi (như đạo ở Ôriôn là nàng) muốn được yêu và yêu mà vẫn là người tự do, giữ ưu thế trong mọi chuyện.

Cái phút tôi xúc động nhất là khi nàng tết xong đuôi sam trước lúc đi ngủ, nàng bước lại gần hôn tôi và chúc tôi ngủ ngon, tôi thấy nàng thật bé bỏng, nàng đứng sát bên tôi và ngược mắt nhìn lên.

Tôi cảm thấy tình yêu của mình đối với nàng ghen ứ trong lòng những khi thấy nàng tỏ ra trung thành tuyệt đối với tôi, nàng từ bỏ bản thân mình và tin vào cái gọi là quyền của tôi được có thứ tình cảm và hành vi đặc biệt.

Chúng tôi thường hay nhớ lại cái mùa đông đầu tiên của chúng tôi ở Ôriôn, nhớ lại cảnh chúng tôi đã chia tay nhau thế nào, tôi bỏ đi Vitép ra sao. Tôi nói:

- Đấy, còn Pôlốt nữa, vì sao anh lại thích đến đấy? Cái tên Pôlốt này từ lâu đã khiến anh nhớ ngay tới truyền thuyết cổ xưa về vị công tước Kiép tên là Voxêxláp mà anh đã đọc được ở đâu đó từ hồi bé. Công tước Voxêxláp bị người em tước mất quyền bính, ngài phải bỏ chạy đến một miền hẻo lánh, sống nghèo khổ lay lắt, phải làm lưng vất vả, ký ức thì luôn hồi tưởng lại những ngày còn được hưởng chức trọng quyền cao ở Kiép xưa kia; tối tối nghe tiếng chuông cầu nguyện của Pôlốt, ngài mừng tượng như vắng ra từ nhà thờ Xôphia ở Kiép. Từ dạo ấy, Pôlốt của thời xa xưa kia luôn luôn hiện ra trong tâm trí anh như là một thành phố kỳ lạ vừa cổ kính vừa xác xơ: ở đấy, một ngày đông u ám hoang sơ, có thành quách xây bằng gỗ súc với những ngôi nhà thờ cũng làm bằng gỗ, những túp nhà đen đen, những bãi tuyết dày in dấu chân người, ngựa... Khi cuối cùng anh được đến Pôlốt thật thì lẽ tự nhiên là anh không tìm thấy ở đó cái gì na ná giống với cảnh anh đã tự tưởng tượng ra. Tuy nhiên, đến nay trong anh vẫn còn tồn tại cả hai Pôlốt - Pôlốt trong tưởng tượng và ngoài cảnh thật. Và cả cái cảnh Pôlốt thật bây giờ anh vẫn thấy đây thì vị: phố xá thì buồn tẻ, ẩm ướt, lạnh giá, u ám, còn ở ngoài ga thì có một gian phòng lớn ấm áp với những cửa sổ to hình bán nguyệt, những chùm đèn đã được thắp sáng tuy ngoài trời

vẫn còn chưa tối hẳn; trong phòng rất đông người, dân sự có, quân nhân có, bọn họ đang ăn vội ăn vàng trước khi tàu đi Pêtéc-bua tới, đâu đâu cũng nghe thấy tiếng người trò chuyện, tiếng dao thìa chạm đĩa lách cách, mùi nước sốt, mùi canh cải bốc lên từ những khay thức ăn đặt trên tay mấy người hầu bàn lượn đi lượn lại...

Lần nào cũng vậy, vào những phút như thế, bao giờ nàng cũng chăm chú lắng nghe tôi kể lể, và nghe xong rồi, nàng tỏ thái độ đồng tình: "Phải rồi, phải rồi, em rất hiểu anh!" Nhân cơ hội ấy tôi gợi ý cho nàng nghĩ tiếp:

- Gợi ý nói rằng: "Bản thân chúng ta phụ thuộc vào những người được chúng ta che chở". Có những xúc cảm mà anh hoàn toàn không cưỡng lại được: đôi khi hình dung của anh về một điều gì đó gợi cho anh nỗi dằn vặt khát khao đến cái nơi mà anh đã thấy cái gì đó, tức là đến với cái ẩn đằng sau hình dung ấy, - em hiểu không; "ẩn đằng sau!" - thế cho nên anh không thể diễn tả rõ ràng với em được!

Có lần tôi và Vaghin đi tới Kazitri Brôđư, một làng cổ ở hạ lưu sông Đơnhép; chúng tôi đến chứng kiến cuộc di dân ở đây tới tỉnh Útxuri. Sáng hôm sau chúng tôi trở về bằng tàu hoả. Khi tôi từ ga về, nàng và anh tôi đã đến nhiệm sở rồi. Da dẻ tôi râm nắng, trong lòng cảm thấy khoan khoái thú vị với chính mình, khao khát kể càng sớm càng hay cho nàng và cho anh tôi nghe về cảnh tượng hiếm hoi mà tôi đã được chứng kiến, - cả một đoàn hàng nghìn người

khởi hành ngay trước mắt tôi đến cái xứ sở lạ lùng cách xa làng họ tới vạn dặm đường. Tôi bước nhanh qua gian nhà trống trải đã được thu dọn gọn gàng, bước vào buồng ngủ để rửa mặt và thay quần áo. Một cảm giác vừa sung sướng vừa đau đau chợt đến với tôi, khi tôi nhìn lên những đồ dùng lật vật của nàng, từ chiếc lược, cái gương đến chiếc gối nhỏ viền đăng ten lăn lóc trên giường. Những đồ vật ấy thật thân thiết, quý giá đối với tôi, vẻ cô đơn của chúng khiến tôi thấy mình vừa hưởng hạnh phúc, vừa có lỗi với nàng. Tôi bỗng thấy trên chiếc bàn nhỏ một cuốn sách đang đọc dở, tôi dừng lại một lát: đó là cuốn "Hạnh phúc gia đình" của Tônxtôi. Trên trang đang để mở có mấy dòng nàng viết: "Những ý nghĩ hồi đó, những tình cảm hồi đó tôi có thực ra đã không phải là của tôi mà những ý nghĩ, tình cảm của anh ấy đã bắt ngờ trở thành của tôi..." Tôi lật lật thêm mấy trang tiếp theo và lại thấy mấy chỗ nàng viết bên lề: "Mùa hè năm nay đã nhiều lần vào buồng ngủ, tôi không còn mang theo nỗi buồn khát khao hy vọng về tương lai nữa, tôi chỉ còn chìm trong nỗi lo cho hạnh phúc hiện tại... Một mùa hè như thế đã qua, và tôi cảm thấy mình thật cô đơn. Anh ấy lúc nào cũng đi đây đi đó không thương tiếc và không sợ để tôi lại một mình..."

Tôi đứng lặng đi mấy phút. Hoá ra trước đây tôi không hề ngờ rằng nàng đã có thể có (và đang có) những tình cảm và ý nghĩ sâu kín, buồn rầu, giấu giếm. Những cảm xúc đã được diễn đạt bằng thời

quá khứ! "Những ý nghĩ hồi đó, những tình cảm hồi đó... Mùa hè năm nay, đã nhiều lần vào buồn ngủ...". Bất ngờ nhất là câu cuối cùng: "Một mùa hè như thế đã qua, và tôi cảm thấy mình thật cô đơn..." Có nghĩa rằng những giọt nước mắt của nàng đêm ấy, khi tôi từ Sisaki trở về, hoàn toàn đã không phải là tình cờ?

Tôi đến sở, vào phòng làm việc với tâm trạng đầy hứng khởi, tôi hôn nàng và anh tôi một cách vui vẻ, luôn mồm trò chuyện, cười đùa. Tôi giấu kín nỗi đau vật khổ sở, cố chờ cho đến lúc chỉ còn mình tôi với nàng, tôi liền dần giọng nói:

- Hoá ra khi vắng anh, em đã đọc cuốn "Hạnh phúc gia đình" phải không?

Nàng đỏ bừng mặt.

- Em có đọc, nhưng sao cơ?

- Anh ngạc nhiên với những đoạn em viết bên lề!

- Sao vậy?

- Vì qua đó hoàn toàn rõ ràng là em đã cảm thấy cay đắng sống với anh, em thấy cô đơn và tuyệt vọng.

- Sao anh bao giờ cũng hay phóng đại mọi chuyện thế! - nàng nói. - Tuyệt vọng gì mới được chứ? Chẳng qua là em hơi buồn một chút, và quả tình em đọc cũng thấy mấy chỗ giống giống... Em muốn anh tin rằng chẳng có gì giống như điều anh đã tưởng tượng ra đâu.

Nàng muốn ai tin? Muốn tôi hay muốn chính mình tin? Tuy nhiên tôi cũng rất mừng được nghe những lời ấy - tôi rất muốn tin nàng, tin nàng thì

càng hay cho tôi. Mấy câu Gôgôn viết lại bất chợt hiện ra trong tâm trí tôi: "Con chim âu thảo nguyên với cái mào cao cao hình bán nguyệt từ dệ đường bay vút lên... Nàng chạy đi, dải vải xanh thắt chặt ngang eo lưng, bộ ngực rung rung sau lần vải, đôi chân không giày để trần đến đầu gối, hồng hào, khoẻ mạnh..." Còn bao điều "ẩn đằng sau" những cảnh ấy nữa! Và làm sao tôi có thể từ chối những cái đó được! Thêm nữa tôi nghĩ rằng những cái đó hoàn toàn hoà hợp được với nàng. Tôi viện đủ lý do cố thuyết phục nàng một điều rằng: "Hãy chỉ sống bằng anh và cho anh, đừng tước đi tự do của anh, - anh yêu em và vì thế mà sẽ chỉ càng yêu em hơn". Tôi có cảm giác rằng tôi yêu nàng đến mức muốn làm gì cũng được, lỗi lầm nào cũng đáng tha thứ.

XXV

- Anh khác đi rất nhiều đấy, - nàng nói. - Trong anh có vẻ rần rởi hơn, hiền hoà hơn, dễ thương hơn. Anh đã thành người yêu đời.

- Ấy thế mà anh Nhicôlai cũng như ba em đều tiên đoán trước là chúng mình sẽ rất bất hạnh.

- Đó là do anh Nhicôlai chẳng hề có chút cảm tình nào với em. Em đã phải chịu đựng thái độ lịch sự lạnh nhạt của anh ấy ở Baturinô thế nào anh cũng không thể hình dung ra đâu.

- Ngược lại thế em ạ, anh ấy nói đến em với tình cảm đầy dịu dàng, quý mến. Anh ấy nói rằng anh ấy rất thương em, em còn bé bỏng thế mà rồi cái gì đang chờ em phía trước: cuộc sống của chúng mình ít năm nữa sẽ có khác gì đâu so với cuộc sống của một viên chức thuế vụ phố huyện? Em còn nhớ anh đã có lần đùa đùa vẽ ra viễn cảnh mai sau của mình chứ? Căn hộ ba buồng và lương năm mươi rúp một tháng...

- Anh ấy chỉ thương anh thôi.

- Thương thế chẳng hay - anh ấy nói thêm rằng anh ấy chỉ còn mỗi hy vọng là cái thói "buông tuồng" của anh sẽ cứu chúng mình, rằng anh sẽ không đủ khả năng để leo lên bậc thang công danh, rằng chẳng bao lâu nữa chúng mình sẽ chia tay nhau; hoặc là anh sẽ nhẫn tâm bỏ em, hoặc là em sẽ bỏ anh, sau một thời gian ngồi làm cái việc thống kê nhân nhâ ấy và chợt hiểu ra số phận mai sau mà anh đã sắp đặt sẵn cho em.

- Anh ấy hy vọng về em như vậy là vô ích thôi - em không bao giờ bỏ anh đâu. Em chỉ xa anh trong trường hợp em thấy rằng mình không còn cần cho anh nữa, rằng em làm phiền anh, cản trở tự do của anh, thiên chức của anh...

Khi con người gặp điều bất hạnh, anh ta thường trở đi trở lại mãi với một ý nghĩ day dứt vô bờ: điều bất hạnh ấy đã bắt đầu từ bao giờ và bằng cách nào vậy? Nó bắt nguồn từ những điều gì và sao tôi lại bỏ qua cái điều có thể cảnh tỉnh trước cho tôi? "Em chỉ xa anh trong trường hợp..." Sao tôi lại không để ý tới

lời lẽ như vậy, thế nghĩa là dù sao nàng cũng không loại trừ khả năng có một "trường hợp" như thế.

Tôi đánh giá quá cao vào "thiên chức" của mình, sử dụng tự do của mình ngày càng buông thả hơn - anh Nhicôlai nói đúng. Thế rồi càng ngày tôi càng thấy khó ngồi ở nhà hơn: cứ hễ có ngày rỗi là tôi lập tức lên đường đi đâu đó.

- Em ở đâu về mà râm nắng thế này? - anh tôi hỏi trong bữa ăn, - Em lại biến đi đâu thế?

- Em đến tu viện, ra bờ sông và nhà ga...

- Và bao giờ cũng đi một mình, - nàng trách móc nói. Bao nhiêu lần anh ấy hứa sẽ cùng đi với em đến tu viện, em chỉ mới tới đấy có một lần, tu viện đẹp thật, ở đó có tường thật dày, có các tu sĩ và rất nhiều chim nhạn...

Tôi ngưng ngưng và đau đớn ngẩng lên nhìn nàng. Nhưng sợ mình mất tự do, tôi chỉ nhún vai đáp:

- Em cần gì nhìn các tu sĩ?

- Thế anh cần gì?

Tôi cố gắng lái câu chuyện sang hướng khác:

- Hôm nay ở ngoài nghĩa địa anh thấy một chuyện lạ lùng: một cái huyết đào sẵn còn để trống - một vị tu sĩ nào đó đã cho chuẩn bị trước phần mình một cái mộ có trồng cây thánh giá đã ghi rõ tên người chôn ở đây, sinh ngày nào năm nào, thậm chí còn ghi sẵn cả chữ "tạ thế" - chỉ có điều ngày chết còn để trống. Khắp nghĩa địa chỗ nào cũng sạch sẽ, ngăn nắp với những con đường nhỏ và hoa tươi - thế rồi bất ngờ có cái mộ chờ người chết như vậy.

- Đấy, anh thấy chưa.
- Thấy cái gì mới được.
- Anh cố tình không muốn hiểu em. Nhưng thôi, cái đó tùy anh thôi. Tuốtghênhép đã nói rất đúng rằng...

Tôi ngắt lời:

- Hình như bây giờ em chỉ đọc sách với mục đích tìm cái gì đó giống giống chuyện mình và anh. Ừ mà tất cả phụ nữ đều đọc sách theo kiểu vịn vào mình như vậy cả.

- Cũng được thôi, dù em có là đàn bà thì em cũng chẳng ích kỷ như thế...

Anh tôi nhẹ nhàng nói chen vào:

- Thôi, xin các bạn ngừng đi cho!

XXVI

Đến cuối mùa hè năm ấy vị trí của tôi trong sở đã được ổn định hơn: trước đây tôi chỉ làm theo hợp đồng, còn bây giờ thì được tuyển vào biên chế và nhận một cương vị hết sức phù hợp với tôi: trở thành người trông coi thư viện của sở - cái gọi là thư viện ấy bao gồm những sách báo tích tụ lại dưới tầng hầm của Sở từ bao lâu nay. Xulima đã nghĩ ra cái chức danh ấy cho tôi, và theo quy định của Sở thì phận sự của tôi là phân loại, sắp xếp ngăn nắp số sách báo đó, đưa chúng vào một nơi dành riêng

cho thư viện - đó là một phòng dài có trần hình vòm nằm ở phía trên tầng hầm, với những giá sách và tủ đứng. Tiếp nữa tôi phải trông coi sổ sách báo đó và phát cho nhân viên trong Sở sử dụng tạm thời những sách báo nào mà phòng này, phòng nọ cần đến vào những dịp khác nhau. Tôi đã phân loại, sắp xếp, chuyển sổ sách báo đó đi, và bắt đầu trông coi chúng, chờ người nào cần thì phát cho mượn. Nhưng vì chẳng phải cho ai mượn cả, - các phòng chỉ cần đến tài liệu này nọ vào mùa thu, trước kỳ họp của các hội đồng địa phương, - nên tôi chỉ còn phải làm mỗi việc trông coi, tức là ngồi trong căn phòng trần hình khum khum này, nơi mà tôi hết sức thích thú bởi những bức tường dày đồ sộ, bởi sự yên tĩnh tuyệt đối, - không một âm thanh nào có thể lọt vào đó. Căn phòng có những ô cửa sổ nhỏ, nằm tít trên cao, qua đó ánh sáng mặt trời lọt vào và có thể nhìn thấy những bụi cây, cỏ dại mọc trên mảnh đất hoang sau ngôi nhà của Sở. Cuộc sống của tôi từ đấy trở nên tự do hơn: suốt ngày này qua ngày khác tôi ngồi trơ trọi một mình trong cái ngôi nhà mờ ảm mà viết, mà đọc. Khi nào muốn, tôi có thể cả tuần không lộ mặt tới đây, khoá trái cửa gỗ sồi thấp lè tè và đi đâu tùy thích.

Không biết vì lẽ gì tôi hay đến Nhicôlaép, nhiều lần đi một mình tới một làng ngoại ô, nơi có hai anh em theo giáo thuyết Tônxtôi đến sống một cuộc sống khổ hạnh. Có một đạo, chủ nhật nào tôi cũng tới một làng lớn toàn dân Ucraina nằm sau cái ga

đầu tiên ngoài thành phố, rồi trở về nhà rất muộn bằng chuyến tàu đêm... Việc gì phải đi như thế? Nàng cảm thấy bên cạnh một số lý do, còn có một lý do thâm kín đã là mục đích những chuyến lang thang của tôi. Câu chuyện tôi kể về cái cô y tá ở Sisaki đã ám ảnh nàng nhiều hơn tôi tưởng. Từ dạo ấy trong con người nàng tình cảm ghen tuông ngày càng lớn dần lên, nàng luôn cố che giấu tình cảm ấy, nhưng không phải lúc nào cũng làm được. Chẳng hai tuần sau khi nghe tôi kể câu chuyện ở làng Sisaki, ngược hẳn với tính cách một cô gái phúc hậu, cao thượng, nàng đã bất ngờ hành động như một "bà chủ" thực sự - nàng kiếm được một cái gì đó và dứt khoát trả tiền công bà giúp việc người *kazác* và cho thôi việc:

- Em rất biết, - nàng khó chịu nói với tôi, - là chuyện này làm anh phiền lòng: còn thế nào khác được, như anh vẫn nói đấy, chị ta đi lại trong ngôi nhà này rất chi là điệu đà, cổ chân tròn lẳn, đôi mắt xéch sáng quắc! Nhưng anh quên mất rằng chị ta tính tình xác xược, ngang bướng, mà sức chịu đựng của em thì có giới hạn...

Tôi hoàn toàn chân thành đáp lại nàng:

- Sao em lại đi ghen với anh? Đấy, anh cứ nhìn đôi tay tuyết vời của em và nghĩ rằng vì một cánh tay của em thôi anh chẳng bao giờ thêm dóm đỏ gì hết đến mọi mỹ nữ trên đời này! Nhưng anh là nhà thơ, là nghệ sĩ, thế mà vô luận thứ nghệ thuật nào, theo Gớt, cũng đều mang sắc thái cảm giác.

XXVII

Một lần vào tháng tám, trước khi trời tối, tôi đi đến làng để gặp mấy người theo giáo thuyết Tônxtôi. Thành phố vắng ngắt vào cái giờ vẫn còn nóng nực, thêm nữa hôm ấy là thứ bảy. Tôi đi ngang những cửa hiệu của người Do Thái còn đóng kín, qua những dãy phố buôn bán cỏ. Chuông nhà thờ chậm chậm điểm giờ cầu kinh buổi chiều, bóng những ngôi nhà, vườn cây đã đổ dài ngoài phố, nhưng trời vẫn còn oi nồng, cái oi nồng thường thấy ở các thành phố phương Nam vào cuối mùa hạ, khi các khu vườn đều bị hun nóng từ ngày này qua ngày khác, khi mà khắp mọi nơi - trong thành phố, cũng như ngoài thảo nguyên, trên những ruộng trồng dưa - đâu đâu cũng bao trùm một không khí mệt mỏi, bất hoại của một mùa hè kéo dài.

Trên quảng trường gần giếng nước của thành phố, có một người phụ nữ Ucraina đang đứng yên như pho tượng nữ thần, chị ta đi hài xỏ không tất, đôi mắt màu hạt dẻ, cái trán rộng như vẫn thường thấy ở người Ucraina và người Ba Lan. Ánh chiều muộn dội xuống con phố từ quảng trường dẫn tới chân đồi, in trên thung lũng. Xuôi theo đường phố ấy, tôi rẽ vào một hẻm nhỏ nằm giữa hai trang áp vùng ngoại ô, rồi ra một bãi cỏ để leo lên ngọn đồi trông xuống thảo nguyên. Trên bãi cỏ, lác dác

những ngôi nhà trát đất sét quét vôi màu trắng, màu xanh; nổi lên giữa những ngôi nhà ấy là bãi đập lúa mì lợp mái che; đang đập lúa ở đây là những người dân quê mà hôm nào vừa cất tiếng hát hoang dã, tuyệt vời vào những đêm mùa hạ. Từ trên đồi nhìn xuống, cả thảo nguyên mênh mông cho đến hút tầm mắt là cả một màu rơm rạ vàng óng của cánh đồng lúa mì mới gặt. Trên con đường rộng đất bụi phủ đầy đến nỗi có cảm tưởng như đang đi trong ủng nhung. Xung quanh, cả thảo nguyên và cả bầu trời - đều sáng loá lên dưới ánh nắng mặt trời sắp lặn. Mé trái con đường, chỗ rẽ đất cao nằm bên thung lũng, có một ngôi nhà tường trắng xoá - đó chính là nơi ở của mấy người theo giáo thuyết Tônxtôi. Tôi rời đường đi đến khu đất ấy bằng qua cánh đồng còn trơ gốc rạ. Cả khu trại vắng ngắt, trong nhà cũng như quanh đây đều trống trải. Tôi nhìn qua ô cửa sổ để mở - trong nhà cơ man nào là ruồi đen bám đầy tường, trần và những chiếc bình để trên giá chạn, chúng bay loạn xạ. Tôi nhìn qua cửa chuồng súc vật mở toang - trong đấy cũng chỉ thấy nắng chiếu đỏ quạch đang chiếu lên đám phân khô. Tôi bước ra ruộng dưa và nhìn thấy cô vợ của người ít tuổi hơn trong số môn đồ của Tônxtôi. Cô ta ngồi ở bờ rìa ruộng dưa. Tôi lại gần - cô không thấy tôi hay làm ra vẻ như không nhìn thấy: cô vẫn ngồi nghiêng bất động, dáng vóc nhỏ nhắn, cô đơn, đôi chân trần doãi về một bên, một tay chống xuống đất, tay kia cầm cọng rơm ngậm trong miệng.

- Chào cô, - tôi bước lại gần lên tiếng trước. - Sao cô trông buồn vậy?

- Chào ông, ông ngồi xuống đi, - cô ta mỉm cười nói, vút cọng rơm đi và chìa bàn tay rám nắng về phía tôi.

Tôi ngồi xuống và ngắm cô: hoàn toàn còn là một cô bé gái canh ruộng dưa. Mái tóc vàng hoe vì hứng nắng mặt trời, chiếc áo sơ mi kiểu thôn quê với đường xẻ rộng nơi cổ, chiếc váy đen bằng vải thô bó sát cặp đùi nở nang. Đôi chân trần không giày dép của cô nhỏ xinh và cũng rám nắng, - tôi thầm nghĩ, làm sao cô ta có thể cứ chân trần như thế mà đi trên những chỗ đầy phân súc vật hoặc nơi cỏ mọc nhọn sắc! Cô ta là dân cùng miền chúng tôi, nơi người ta không thích để lộ chân trần, vì thế mà tôi cảm thấy vừa lúng túng, ngượng ngùng, vừa khát khao nhìn đôi chân cô. Nhận ra cái nhìn của tôi, cô rút chân lại.

- Người nhà cô đi đâu cả rồi?

Cô lại mỉm cười.

- Mỗi người đi một ngã rồi anh ạ. Một ông thì ra bãi cỏ đập lúa giúp bà goá nghèo túng nào đó, một ông thì đem thư vào thành phố cho một vị giáo viên khả kính: đó là báo cáo trong tuần về mọi lỗi lầm, cảm dỗ mà chúng tôi gặp phải và đã vượt qua được. Thêm nữa còn một chuyện mà cũng cần thông báo: ở Khácốp người ta đã bắt ông Pavlópki vì tội rải truyền đơn - tất nhiên là truyền đơn chống bắt lính.

- Hình như tâm trạng cô không được vui.

- Em chán lắm, - cô nói, đầu lắc lắc rồi hơi ngả về phía sau. - Em không thể chịu được nữa, - cô khẽ khàng nói tiếp.

- Không thể chịu gì mới được chứ?

- Không thể chịu được mọi thứ. Ông cho em xin điều thuốc.

- Thuốc lá ư?

- Phải rồi, thuốc lá.

Tôi đưa thuốc cho cô, bật diêm lên, cô ta vội vã và lóng ngóng cầm lấy thuốc, hít mấy hơi ngắn rồi chụm môi nhả khói theo kiểu đàn bà. Cô im lặng đưa mắt nhìn về khoảng trời xa sau thung lũng. Mặt trời xuống thấp là là mặt đất, vẫn còn rọi nắng lên vai chúng tôi, lên những trái dưa nặng nề nằm bên chúng tôi trên thửa ruộng khô cằn giữa những bụi dưa như rắn bò dài trên mặt đất...

Bất ngờ cô quăng điều thuốc đi, gục đầu xuống chân tôi mà khóc nức nở. Tôi vội an ủi cô, xoa xoa lên đôi vai và cúi hôn mái tóc thơm thơm mùi nắng gió...

Còn thành phố Nhicôlaép thì sao? Sao tôi lại cần đến nó? Trên đường đi tới đó, tôi ghi lại vài đoạn:

- Vừa mới đi khỏi Krêmentrúc, đang là buổi chiều. Tại Krêmentrúc, ngoài sân ga, trong quây điểm tâm, đầu cũng đông nghịt người. Trời phương Nam oi bức. Chen chúc theo kiểu người miền Nam. Trên toa tàu cũng vậy. Phần lớn là phụ nữ miền Ucraina, tất cả đều trẻ trung, nước da bánh mật, dáng vẻ nhanh nhẹn, đường xa và cái nóng khiến họ

có vẻ hăng hái, xông xáo. Mọi người đều đi về phía Nam, tìm việc làm. Mùi hơi người nóng hôi hổi, mùi quần áo thôn quê tỏa ra; đâu cũng thấy ăn uống, cười nói rào rào...

- Một chiếc cầu dài, rất dài bắc qua sông Đonhép, mặt trời đỏ ối chói lòe ở phía cửa sổ bên tay phải, dưới sâu là mặt nước vàng đục đầy ắp. Trên doi cát vươn ra ngoài sông nhiều phụ nữ cởi trần đang tắm tấp thoả mái. Đây, lại vừa thấy một bà vắt chiếc áo ra phía sau, chạy tới đằng trước, rồi vụng về ngã tùm xuống nước, hai bàn chân đập mạnh, nước bắn lên tung tóe...

- Tàu đã qua sông Đonhép rất xa. Bóng chiều đã ngã trên cánh đồng trống trải cao cao, nơi chỉ còn trơ những gốc rạ và những bãi cỏ đã cắt. Không biết vì sao tôi lại nhớ đến Xviatôpônco: cũng vào một buổi chiều thế này ông đã cưỡi ngựa đi trước một đoàn quân thừa thớt qua thung lũng này - ông đi đâu và nghĩ ngợi điều gì? Chuyện này xảy ra từ nghìn năm trước, và cảnh vật đến giờ vẫn đẹp như thế. Không, đấy không phải là Xviatôpônco, đó là một người dân quê man dã nào đấy ngồi trên mình ngựa thủng thảng đi bước một giữa bóng núi, ngồi đằng sau ông là một phụ nữ tay bị trói sau lưng, tóc xoã xược, đôi chân trần để lộ, môi mím lại, nhìn vào sau gáy ông, còn ông thì căng mắt nhìn về phía trước...

- Một đêm trăng ảm ướm! Ngoài cửa sổ là thảo nguyên bằng phẳng, là những con đường bùn lầy đen

sẫm. Mọi người trong toa đều ngủ cả, xung quanh là bóng tối nhờ nhờ, ngọn nến cháy trong chiếc đèn treo bám đầy bụi. Qua khe cửa đã hạ xuống, mùi đồng nội ẩm ướt lọt vào bên trong, hoà trộn một cách lạ lùng với mùi không khí ngai ngái của toa tàu: Một số bà người Ucraina nằm ngủ, hai tay dang ra, mồm hơi he hé. Một bà vừa chợt tỉnh và đưa mắt nhìn chằm chằm về phía tôi...

Làng mà tôi thường đến vào ngày chủ nhật nằm cách ga không xa, giữa một thung lũng rộng và bằng phẳng. Có lần tôi đã tới ga này vô mục đích, xuống tàu ở đấy rồi đi bộ tiếp. Hôm đó, mặt trời đã lặn, giữa các mảnh vườn phía trước hiện ra những ngôi nhà trắng trắng, gần hơn, giữa bãi chăn súc vật, một chiếc cối xay gió đen sẫm đứng yên. Bên cối xay gió tụ tập một đám người đông đúc và đằng sau đám đông vút lên tiếng đàn vĩ cầm, tiếng chân người đang nhảy múa... Máy tôi chủ nhật liền tôi đến đứng trong đám đông ấy, nghe tiếng đàn, tiếng hát cho đến đêm khuya. Có lần tôi bước lại gần một cô gái tóc hung, đôi môi mọng, bộ ngực căng đầy, cặp mắt nhìn là lạ. Ngay lúc đó, giữa đám đông người chen sát nhau, chúng tôi kín đáo cầm tay nhau. Chúng tôi đứng yên, cố không nhìn sang nhau - cả hai đều hiểu rằng sẽ không hay ho gì cho tôi, nếu cánh trai làng nhận ra được lý do vì sao tự nhiên lại có một chàng công tử thị thành hay xuất hiện ở gần cối xay gió thế này. Lần đầu tiên chúng tôi tình cờ đứng gần nhau, sau đó, cứ hễ thấy tôi

bước tới là ngay lập tức cô quay lại; và khi cảm thấy tôi đã đứng sát bên, cô liền nắm lấy tay tôi suốt cả buổi tối. Trời càng tối, cô càng siết chặt tay tôi hơn, càng ghé sát vai hơn. Đêm xuống, khi đám người xem đã thưa dần, cô lặng lẽ bước ra sau cối xay gió, đứng khuất sau đó, còn tôi thì lững thững quay ra ga, và chờ tới khi mọi người bên cối xay gió đã về hết, tôi bèn cầm đầu chạy ngược trở lại. Chúng tôi thoả thuận với nhau như thế mà không cần nói một lời nào, chúng tôi yên lặng đứng bên nhau dưới cối xay gió ấy, cùng hưởng những phút mê say, khắc khoải, ngọt ngào...

Có lần cô đưa tiễn tôi. Còn nửa giờ tàu mới chạy, cả khu ga tối đen và yên ắng - chỉ có tiếng đẽ gáy đều đều xung quanh, tí ngoài xa phía làng, mặt trăng đỏ lừ đang nhô dần ra khỏi những vườn cây sẫm đen. Trên đường sắt phụ có một toa tàu hàng đang đỗ, cánh cửa bị đẩy sang bên. Bất giác tôi dặt tay cô gái chạy về phía toa tàu, tự cảm thấy kinh sợ với việc mình đang làm; tôi lách người vào toa, cô ta nhảy lên theo tôi và ôm chầm lấy cổ tôi. Tôi bật diêm nhìn ra xung quanh và sợ hãi lùi lại: ánh lửa diêm soi rõ hình một chiếc quan tài dài thô kệch nằm giữa toa. Cô bèn quay mình ra khỏi toa, tôi chạy theo sau... Xuống mặt đất rồi, cô ta cười khanh khách, tôi tấp hôn tôi với niềm vui thú đầy man dại, còn tôi thì không nghĩ tới việc trở về nhà bằng cách nào. Sau lần ấy, tôi không ló mặt tới làng nữa.

XXVIII

Mùa thu chúng tôi cùng sống qua những ngày đầy không khí lễ lạt hội hè thường vẫn thấy ở thành phố vào dịp cuối năm, khi mà đại biểu các hội đồng địa phương từ khắp nơi kéo về họp ở tỉnh. Tiếp đó, mùa đông cũng trôi qua đầy vui vẻ đối với chúng tôi: nhà hát kịch Ucraina với các diễn viên Dancôvétxcaia và Xácxaganxki về biểu diễn, những buổi hoà nhạc của các nghệ sĩ danh tiếng thủ đô như Trerônốp, Iacôplép, Môravina. Còn có không ít những buổi dạ hội, vũ hội, hoá trang, những bữa tiệc sang trọng với số khách mời định trước. Sau dịp họp hành tôi đi Matxcơva, tới nhà Tônxtôi. Sau khi về tôi đặc biệt thích thú tận hưởng mọi lạc thú của người đời. Những lạc thú ấy đã thay đổi hẳn cuộc sống bề ngoài của chúng tôi - dường như không tới nào chúng tôi ở nhà. Dần dà quan hệ giữa hai đứa chúng tôi cũng đổi thay, trở nên lạnh lùng, xa cách.

- Anh lại thành một người khác rồi đấy, - có lần nàng nói vậy. - Hoàn toàn thành đàn ông rồi. Không hiểu sao lại còn để râu quai nón theo kiểu Pháp nữa chứ.

- Em không thích à?

- Sao lại không? Chỉ có điều là tất cả đều thay đổi!

- Phải rồi. Chính em bây giờ cũng ra dáng một

thiếu phụ trẻ tuổi rồi. Em gây đi một chút và trông càng xinh đẹp hơn.

- Và anh lại bắt đầu ghen chứ gì. Em đã thấy sợ phải thú nhận với anh rằng...

- Thú nhận điều gì mới được?

- ... rằng em muốn dự buổi vũ hội hoá trang sắp tới với một bộ váy áo mới. Một kiểu gì đó không đắt tiền lắm, hoàn toàn giản dị. Chiếc mặt nạ đen và một bộ đồ nào đó màu đen, thật dài và mỏng nhẹ...

- Thế là định ám chỉ gì?

- Ám chỉ màn đêm.

- Thế là lại bắt đầu một chuyện gì đó na ná như hồi ở Ôriôn chắc. Lại màn đêm! Điều này tầm thường quá đấy!

- Em chẳng thấy có gì là giống Ôriôn, là tầm thường ở đây cả, - nàng trả lời khô khan, đầy vẻ tự chủ, và tôi hoảng sợ cảm thấy trong cái giọng khô khan, bướng bỉnh ấy quả là có cái gì đó giống giống như hồi trước. - Chẳng qua là anh lại bắt đầu ghen em rồi.

- Sao lại bắt đầu ghen?

- Em không biết.

- Không, em biết đấy. Vì em lại bắt đầu xa lánh anh, lại muốn mọi người thích thú mình, muốn đón nhận sự ngưỡng mộ của cánh đàn ông.

Nàng cười khẩy với vẻ đầy khó chịu:

- Lẽ ra anh không nên nói tới chuyện đó mới phải. Cả mùa đông vừa rồi có lúc nào anh rời cái bà Trerocaxôva đâu!

Tôi đỏ mặt.

- Sao lại không rời! Em nói cứ thể như là anh có lỗi, nếu chị ta có mặt đúng cái nơi mà anh và em đến. Điều anh cảm thấy chua xót hơn cả là em ngày càng tỏ ra ít cởi mở với anh hơn, hết như em đã có điều bí ẩn gì đó giấu anh. Em nói thẳng ra xem nào: điều gì vậy? Điều gì em đang giấu giếm anh?

- Em giấu giếm gì ư? - nàng trả lời. - Em buồn rằng tình yêu trước đây của chúng mình không còn nữa. Nhưng mà nói tới chuyện đó làm gì nữa...

Nàng dừng lại một lát rồi nói tiếp:

- Còn về vũ hội hoá trang thì em sẵn sàng dứt khoát thôi không dự, nếu chuyện đó làm anh khó chịu. Chỉ có điều em thấy anh quá ư khe khắt với em, ý muốn nào của em anh cũng cho là tầm thường, anh tước bỏ của em mọi thứ quyền, còn mình thì tha hồ muốn làm gì thì làm...

Mùa xuân và mùa hè năm sau tôi lại ngao du phiêu bạt nhiều nơi. Đầu thu tôi gặp lại Trerocaxôva (cho tới lúc đó quả tình giữa tôi và chị ta hoàn toàn không có chuyện gì) và được biết rằng chị ta sắp chuyển về Kiép.

- Tôi phải xa anh mãi mãi rồi, anh bạn thân mến ạ, - chị nói, cặp mắt sắc như mắt chim ưng nhìn xói vào tôi. - Chồng tôi đã chờ tôi ở đấy rồi. Anh có muốn đưa tiễn tôi đến Krémentrúc không? Đương nhiên là anh phải giấu kín chuyện này. Ở đấy tôi sẽ phải nghỉ lại cả một đêm để chờ tàu thủy...

XXIX

Chuyện này xảy ra vào tháng mười một; cho đến giờ tôi còn nhìn thấy, còn cảm thấy rành rẽ những ngày lạnh lẽ, u ám ấy trong cái thành phố hẻo lánh miền Tiểu Nga với những phố xá vắng tanh, bờ hè lát gỗ tấm hẹp vanh vách, với những khu vườn tối sẫm ẩn sau hàng giậu, những cây dương cao vút trơ cành trụi lá dọc theo các con phố lớn, công viên thành phố trơ trọi với quán ăn của sổ đóng kín mít, những ngày khí trời ẩm ướt với mùi lá mục đầy thê lương. Những ngày ấy tôi dờ dẩn lang thang vô định trên những con phố, trong công viên, trong đầu tôi chỉ ám ảnh bấy nhiêu ý nghĩ và hồi tưởng... Những hồi tưởng nặng nề, đáng sợ đến nỗi phải có lời cầu khẩn riêng xin thoát khỏi sự ám ảnh của chúng.

Vào một giờ phút bi thảm nàng bất chợt như phát điên lên với những nỗi đau thâm kín mà đôi lúc nàng đã nhắc đến thoáng qua. Anh Ghêorghì hôm đó đi làm về muộn, tôi còn về muộn hơn, - nàng biết rằng cả hai chúng tôi đều sẽ về muộn, dạo đó sở lại đang chuẩn bị cho cuộc họp hàng năm. Nàng ở nhà một mình, mấy ngày liền không đi đâu - tháng nào nàng cũng nghỉ ở nhà mấy ngày như vậy. Vào thời gian đó, tính tình nàng thường khang khác. Nàng nửa ngồi nửa nằm trên chiếc giường kê trong phòng ngủ, hai chân co lên theo thói quen và hút rất nhiều thuốc.

Cách đây không lâu nàng bắt đầu hút thuốc, không chịu nghe theo lời tôi khẩn khoản xin nàng đừng làm cái việc chẳng thích hợp chút nào với nàng. Chắc là nàng chăm chăm nhìn vào một điểm nào đó trước mặt, rồi sau đó bất chợt đứng dậy viết liền mấy dòng, không tẩy xoá gì hết, lên mảnh giấy nhỏ mà anh tôi, khi trở về nhà, đã tìm thấy ở chỗ bàn trang điểm của nàng. Viết xong mấy dòng ấy nàng vội vã nhặt nhanh thu xếp đồ đạc của mình, mấy thứ còn lại thì vứt đi. Mấy thứ nàng để vương vãi trong nhà ấy một thời gian dài tôi đã không đủ dũng cảm động vào, thu xếp lại và giấu đi đâu đó. Đến đêm thì nàng đã ở một nơi rất xa, trên đường trở về nhà với bố...

Vì lẽ gì tôi đã không đuổi theo nàng ngay lúc đó? Có thể là vì ngượng ngùng xấu hổ, và vì tôi đã biết quá rõ tính dứt khoát của nàng trong một vài thời điểm của cuộc đời. Tôi đã gửi liền mấy bức điện và thư đến nhà nàng và cuối cùng chỉ nhận được câu trả lời vắn tắt: "Con tôi đã rời nhà, nơi ở của mình Lika cấm báo cho bất kỳ ai".

Những ngày liền sau đó, không biết chuyện gì đã xảy ra với tôi, nếu không có người anh bên cạnh (tuy anh cũng hoàn toàn bất lực, bối rối trước sự việc ấy). Mấy dòng nàng viết để giải thích lý do sự ra đi của mình, anh tôi không chuyển lại ngay mà mới đầu còn cố chuẩn bị tinh thần cho tôi một cách vụng về. Cuối cùng anh quyết định đưa cho tôi, nước mắt lặng lẽ trào ra. Trên mảnh giấy nhỏ là mấy hàng chữ rằn ròi: "Em không thể tiếp tục chứng kiến cái cảnh anh

cứ mỗi ngày một xa em thêm, em không còn đủ sức tiếp tục chịu đựng những điều xúc phạm mà anh càng ngày càng gây ra nhiều hơn cho tình yêu của em, em không thể giết chết tình yêu ấy trong em, em không thể không hiểu rằng mình đã bị khinh rẻ hoàn toàn, đã bước xuống nấc thang cuối cùng của sự tuyệt vọng đối với mọi điều hi vọng và ước mơ ngu ngốc của mình, em cầu trời ban cho anh sức lực chịu đựng sự chia tay này, cầu mong cho anh quên em và được hạnh phúc trong cuộc đời mới hoàn toàn tự do của mình...".

Tôi đưa mắt đọc lướt qua mấy dòng ấy với cảm giác đất dưới chân mình đang sụt xuống, da trên mặt và trên đầu lạnh toát. Tôi lẩm bẩm nói một mình với giọng bất cần:

- Cũng được thôi, kết cục thế này nên chờ từ trước rồi, một chuyện "tuyệt vọng" bình thường!

Sau đó tôi lấy hết dũng cảm bước sang buồng ngủ và ra vẻ điềm nhiên nằm xuống giường. Khi trời bắt đầu tối, anh tôi thận trọng ghé nhìn vào buồng - tôi nhắm mắt lại, giả vờ ngủ. Anh giống tính bố, thường không chịu nổi và mất thăng bằng mỗi khi gặp điều bất hạnh. Anh vội tin ngay rằng quả thật là tôi đang ngủ, bèn an tâm từ từ mặc đồ ấm vào rồi đi dự buổi họp tôi ở sở...

Vào đêm ấy tôi đã không rút súng ra tự sát chỉ vì nghĩ rằng nếu đêm nay không tự sát thì ngày mai thế nào cũng làm việc đó. Khi trong phòng đã sang sáng lên bởi ánh trăng mờ mờ đang rơi xuống khu

vườn ngoài cửa sổ, tôi xuống phòng ăn, châm đèn lên, mở tủ lấy rượu vodka uống một chén, rồi hai chén... Bước ra khỏi nhà, tôi lần theo các phố, - phố xá về đêm trông thật đáng sợ: lạnh ngắt, ẩm áp, ẩm ướt; xung quanh, một làn sương trắng đục hoà với bóng trắng bao phủ trên những khu vườn, những hàng dương trời tối... Trở về nhà, châm nến lên trong buồng ngủ, tôi càng kinh hãi hơn khi nhìn thấy trong ánh sáng mờ mờ của ngọn nến vương vãi những đôi tất, đôi giày, bộ váy áo mặc hề của nàng và tấm áo ngủ sặc sỡ nàng hay mặc, tấm áo che thân thể đã bao lần tôi ôm ấp, tôi hôn lên gương mặt nàng, hơi ngửa ngửa ra sau, cảm thấy hết hơi thở ẩm áp của nàng. Tôi nấc lên, nước mắt giàn giụa; thoát khỏi được nỗi hoảng loạn này chỉ còn một cách là có nàng ngay bên cạnh, ngay trước mặt, mà nàng thì đã biến đi xa!

Một đêm khác lại đến. Vẫn cái ánh sáng leo lét của ngọn nến tỏa ra trong căn buồng ngủ lặng yên, bất động. Ngoài cửa sổ sẫm đen đưa vào tiếng mưa đêm cuối thu đều đều tí tách. Tôi nằm và ngược nhìn lên góc tường - chênh chếch trên cao có treo bức tranh thờ cổ kính mà tôi tối nàng vẫn đứng chờ trước đó cầu nguyện: đó là tranh vẽ hình Đức Mẹ mặc áo choàng, vàng chói trên nền đỏ, gương mặt Đức Mẹ buồn buồn, nghiêm trang với cặp mắt đen to. Một ý nghĩ chợt hiện ra trong đầu tôi: sao lại có sự kết hợp trở trêu, đáng sợ như vậy giữa Đức Mẹ và hình ảnh nàng, giữa bức tranh thờ và mấy thứ đồ đạc phụ nữ vứt lán lóc khắp phòng, khi nàng vội vàng, điên dại bỏ đi!

Một tuần, rồi hai tuần trôi qua, một tháng trôi qua. Tôi đã bỏ việc từ lâu, không xuất hiện trước mọi người ở bất cứ chỗ nào. Tôi lần lượt chịu đựng hết hồi ức này đến hồi ức khác, ngày này sang ngày khác, đêm này sang đêm khác. Không hiểu vì sao tôi lại liên tưởng đến cảnh: ngày xưa ở một nơi nào đó, những người dân quê Xlavơ đã nai lưng ra kéo những chiếc thuyền gỗ lớn nặng nề mới đóng theo những con đường rừng, qua triền đất trũng này đến triền đất trũng khác.

XXX

Suốt một tháng liền tôi chịu dần vật khổ sở. Cuối cùng cảm thấy không còn đủ sức chịu đựng nổi khổ ấy, tôi quyết định về Baturinô, sống ở nhà một thời gian, không cần biết sau đó sẽ ra sao.

Tôi cảm thấy thật lạ lùng bước vào toa tàu đã bắt đầu chuyển bánh, sau khi vội vã ôm từ biệt người anh lần cuối, - tôi bước vào toa và tự nói với mình: Thế đấy, mình lại như một cánh chim trời tự do! Đó là một buổi chiều đông u ám, không có tuyết rơi, tàu chạy âm âm giữa bầu không khí khô ráo. Tôi ngồi vào góc toa cạnh cửa, đặt bên mình chiếc vali nhỏ và nhớ lại cái câu tục ngữ Ba Lan mà tôi vẫn thường hay nói với nàng: "Chim sinh ra để bay, người sinh ra để sống hạnh phúc" - tôi cứ nhìn chăm chăm vào ô cửa tối đen của toa tàu đang âm âm chạy để không ai nhìn thấy

nước mắt của tôi. Đêm nay tàu đang chạy tới Khácốp... Hai năm trước, cũng vào một đêm như thế này, tàu đi từ Khácốp: dạo ấy đang là mùa xuân, một ngày mới đang tới, nàng ngủ say trong toa tàu đã dần dần mờ sáng... tôi ngồi yên dưới ánh đèn leo lắt, trong toa tàu chật chội thô kệch và nôn nóng chờ buổi sáng đến với cảnh người nhộn nhịp đi lại, với tách cà phê nóng sẽ được uống ngoài ga Khácốp...

Sau đó tàu đến Kurxcơ, lại một thành phố in trong ký ức: một buổi trưa mùa xuân, tôi cùng ăn với nàng trong ga, nàng sung sướng thốt lên: "Lần đầu tiên trong đời em được ăn sáng ở ngoài ga!" Còn bây giờ khi một ngày đông băng giá ảm đạm đang qua, con tàu khách dài một cách khác thường đang đỗ bên nhà ga ấy, con tàu với nhiều toa hạng ba kèn càng, nặng nề như vẫn thường thấy ở tuyến đường sắt Kurxcơ - Khácốp - Adốp. Tôi ra khỏi toa, tha thẩn đứng nhìn. Đầu tàu màu đen đen nằm tít đằng xa, trông bé hắt hắt lại. Từ cửa các toa tàu, hành khách theo nhau nhảy xuống, tay cầm ấm pha trà, trông mặt ai cũng khó khăn, - bọn họ đều vội đến quây điểm tâm lấy nước sôi. Những người cùng toa ngồi cạnh tôi cũng xuống ga: đó là một thương nhân vẻ lạnh nhạt, trông mệt mỏi vì thân hình quá nặng nề phục phịch và một chàng trai trẻ quá hoạt bát và hiếu kỳ, mặt mũi khô khan, thô kệch quê mùa, trông thật đáng ghét. Anh ta chốc chốc lại ném sang tôi một cái nhìn dò xét, nghi ngờ, - bởi tôi suốt ngày cũng đã gây cho anh ta sự chú ý: sao lại có cái anh chàng ngồi lý lý,

im như thóc thè kia, chẳng ra công tử cũng chẳng ra con nhà thường dân! Tuy nhiên anh ta vẫn nhanh mồm thân mật nhắc tới:

- Anh lưu ý nhé, ở ga này lúc nào cũng có bán ngỗng quay, rẻ không thể tưởng tượng được!

Tôi đứng lại, hình dung ra cảnh quây điểm tâm, nơi tôi không dám tới gần, - ở đó còn cái bàn mà trước đây tôi và nàng đã cùng ngồi ăn. Mùa đông Nga đã đến thật rồi, tuyết còn chưa rơi. Một cuộc sống hiu hắt thế nào đang chờ tôi ở Baturinô! Cảnh sống già lão của bố mẹ, sự tàn tạ héo mòn của người chị bất hạnh, vẻ tiêu điều của những ngôi nhà trong trang ấp, khu vườn cây xác xơ, trơ trọi hứng làn gió lạnh băng, mùa đông với tiếng chó sủa, mùa đông, khi những cơn gió như thể thổi đến, những cơn gió là lạ, không ai cần đến và trống trải vô tận... Con tàu hôm nay tôi đi như cũng dài vô tận. Phía đối diện, ngoài bờ rào ngăn sân ga, những ngọn cây dương trụ lá mọc vút cao, sau hàng dương, trên mặt đường nhộp nháp có mấy người xà ích từ các nơi hẻo lánh đang chờ khách, vẻ mặt họ gọi cho ta nhớ đến cái buồn, cái tẻ nhạt của một miền được gọi là Kurxeo. Dưới hàng dương trên sân ga là mấy bà đầu trùm khăn kín mít chỉ để lộ bộ mặt tím tái vì lạnh; các bà đua nhau rao hàng, chào mời khách - chính họ đang bán ngỗng quay "giá rẻ không thể tưởng tượng được", những con ngỗng to tướng, lạnh ngắt, da sù sì lỗ lỗ. Những người đã lấy xong nước sôi hỏn hỏ từ ga chạy ngược trở lại phía những toa tàu ấm áp, thú vị hưởng cái giá rét, vừa

chạy vừa vui vẻ mà cả trêu chọc mấy bà bán hàng nọ... Cuối cùng chiếc đầu tàu tít đằng xa kia rít lên một hồi còi nghe thật náo nức như đe dọa đưa tôi đi tiếp con đường xa thẳm... Điều khổ sở tuyệt vọng với tôi hơn cả là tôi không biết nàng đã bỏ đi đâu. Nếu không thì tôi đã có thể cam chịu được mọi sự xấu hổ mà tìm đến chỗ nàng ở đâu đó và bằng mọi giá đưa nàng về lại với mình, - hành động kỳ dị của nàng rõ ràng là kết quả một cơn rối loạn trí mà cũng chỉ sự xấu hổ mới ngăn cản nàng hối hận về hành động đó.

Trở về quê nội lần này không còn giống như lần cách đây ba năm. Bây giờ tôi đã nhìn thấy tất cả bằng con mắt khác. Cảnh tượng Baturinô trên thực tế còn tồi tệ hơn hình dung của tôi lúc đi đường: làng mạc tiêu điều, những con chó chạy rông gầy gò xác xơ, những chiếc xe chở nước thô kệch nằm bên ngưỡng cửa, mảnh sân trống trải trước ngôi nhà nặng nề xấu xí với những ô cửa sổ buồn bã, với mái nhà cao một cách vô lý xây từ thời ông bà, cụ kỵ, hai hàng hiên tôi tối ẩn dưới mái che với những vì kèo bằng gỗ đã xám xịt vì cũ kỹ, - tất cả đều gợi ấn tượng cổ lỗ, hoang tàn, vô vọng. Có ngọn gió lạnh lẽo vô định nào làm nghiêng ngọn cây thông quen thuộc nhô lên sau mái nhà, giữa khu vườn thê lương trụi trụi mùa đông... Cảnh sinh hoạt trong nhà tôi đã thấy thêm nhiều nét nghèo nàn lộ liễu: những vết nứt bên bếp lò được trám lại bằng đất sét, để bớt lạnh nên nhà được trải bằng những tấm vải thô kệch trước đây dùng để phủ trên mình ngựa... Chỉ một mình bố tôi là cố giữ một nếp

sống trái ngược với cảnh tượng trong nhà: người ông gầy đi, nhỏ lại, tóc đã bạc phơ, nhưng bây giờ lúc nào râu cũng cạo nhẵn nhụi, tóc chải mượt mà, ăn vận không còn luộm thuộm như xưa - thật là day dứt khi phải nhìn thấy cái thanh lịch chải chuốt của tuổi già và cái nghèo, - ông luôn cư xử với mọi người một cách vui vẻ, đầy hào hứng (chắc có lẽ là vì tôi, cho tôi khuây khoả phần nào trước nỗi bất hạnh ê chề). Một lần, ông run run cầm điều thuốc trong bàn tay khô gầy, nhìn tôi với một vẻ buồn buồn dụi dằm và nói:

- Biết làm sao được hở con, mọi chuyện đều có quy luật của nó cả - mọi nỗi xúc động, lo âu, mọi niềm vui nỗi buồn tuổi trẻ, và sự yên tĩnh của tuổi già... có câu thơ về điều này... thế nào ấy con nhỉ? - ông nói, mắt nheo nheo lại cười: - "Vui lạc thú cuộc đời", chà, đúng thật:

Giữa làng quê quanh hiu cô tịch

Trong túp nhà mộc mạc đơn sơ

Phóng đảng khí trời ta hút thở

Và cùng vui lạc thú cuộc đời...

Mỗi lần nhớ lại bố, bao giờ tôi cũng cảm thấy ân hận, dường như tôi đã quý trọng và yêu mến ông chưa đủ mức. Lần nào tôi cũng thấy mình có lỗi là đã biết quá ít về đời ông, nhất là quãng đời tuổi trẻ, - tôi đã rất ít quan tâm hỏi han ông, khi còn có thể làm được chuyện đó! Tôi luôn cố hiểu ông một cách đầy đủ mà vẫn không thể tự giải đáp được điều rằng ông là con người thế nào, - con người của một thời đại hoàn toàn đặc biệt, một tầng lớp đặc biệt; ông thật khác thường ở

cái tài năng đa dạng, tuyệt vời, nhẹ nhàng, hào phóng mà lại hoàn toàn vô bổ; ông có một tâm hồn thật linh hoạt, một trí tuệ thật tinh nhanh, chỉ cần thoáng qua là hiểu hết mọi điều; tính tình cởi mở, thẳng thắn, bề ngoài thì có vẻ hết sức giản dị mộc mạc, nhưng bên trong thì thật phức tạp, phong phú; ánh mắt nhìn tỉnh táo và trái tim mơ mộng ngọt ngào. Mùa đông năm ấy, tôi hai mươi tuổi, còn ông thì sáu mươi. Thật là khó tin: lúc ấy tôi mới hai mươi tuổi, sức lực tuổi trẻ đang thời nở rộ bất chấp mọi trắc trở gặp phải! Còn ở ông cả cuộc đời đã lùi lại phía sau. Thế mà vào mùa đông năm ấy, không một ai hiểu rõ như ông về những gì tâm hồn tôi đã trải qua, và chắc là cũng không ai như ông cảm thấy hết được sự pha trộn giữa nỗi buồn đau và tuổi trẻ trong lòng tôi.

Ngày hôm ấy tôi ngồi cạnh bố trong căn phòng của ông. Tuyết đã rơi, một ngày đông êm ả, dịu nhẹ, nắng vàng hoe. Ánh nắng chiếu xuống mảnh sân phủ đầy tuyết hiền hoà hiện ra ngoài cửa sổ thâm thấp của văn phòng ấm áp, khói thuốc lá vẫn vương. Căn phòng bữa bộn mà ấm cúng thân thiết với tôi tự thuở ấu thơ, căn phòng bày biện sơ sài gắn liền trong trí nhớ của tôi với mọi thói quen, ý thích của ông. Và ông, sau khi đọc mấy câu thơ về cái "vui lạc thú cuộc đời" ấy, đã bỏ điếu thuốc ra, lấy cây đàn ghita từ trên tường xuống rồi bắt đầu hát một bài dân ca ông yêu thích, đôi mắt ông ánh lên niềm vui rần rờ như còn giấu kín điều gì đó trong lòng. Tiếng hát ông hoà theo âm thanh cây đàn ghita vừa dịu dàng vui vui, vừa buồn buồn gợi nhớ đến

những gì thân yêu đã mất, mọi chuyện trên đời này dù sao cũng vẫn qua đi và khóc than nào có ích gì...

Ít lâu sau khi trở về nhà, không nén nổi, tôi lại rời khỏi nhà, xăm xăm lên thành phố, - và ngay hôm đó quay về, thất vọng hoàn toàn: người ta dứt khoát không cho tôi vào nhà ông bác sĩ. Với vẻ táo bạo tuyệt vọng tôi nhảy ra khỏi chiếc xe trượt dừng lại trước cái cổng thân quen nay đã trở nên đáng sợ, kinh hãi nhìn lên những khung cửa sổ rèm che chưa kín của phòng ăn, nơi bao ngày trước kia tôi đã cùng nàng ngồi trên chiếc đi-văng, - những ngày thu đầu tiên của hai đứa tôi! - rồi giật chuông... Cánh cửa mở ra, trước mặt tôi hiện ra cậu em trai của nàng, mặt tái đi, rành rọt nói từng tiếng:

- Ba tôi không muốn gặp anh. Còn chị Lika thì, như anh biết đấy, không có nhà.

Đó chính là cái cậu học trò mà vào mùa thu năm ấy đã nô đùa với con chó Vôntrơ, hết chạy lên thang gác rồi lại chạy xuống. Còn lúc này thì trước tôi đã là một chàng trai trẻ vẻ mặt nghiêm nghị, nước da bánh mật, vận áo sơ mi cổ chéo kiểu sĩ quan, đi ủng cao cổ, để bộ ria mép đen, đôi mắt đen bé nhỏ chăm chăm nhìn tôi với vẻ đầy khó chịu:

- Anh làm ơn đi khỏi đây cho, - anh ta khế nói thêm, và có thể thấy rõ đằng sau lần áo sơ mi tim anh ta đang đập dồn dập.

Tuy thế suốt cả mùa đông năm ấy, hôm nào tôi cũng nôn nao chờ thư nàng, - tôi không thể tin rằng nàng lại có thể lạnh lùng, hoá đá, nhấn tâm đến thế.

XXXI

Mùa xuân năm sau tôi mới được tin rằng trở về tới nhà, nàng bị sưng phổi và một tuần sau thì mất. Tôi cũng được biết thêm là chính nàng đã dặn mọi người giấu tin nàng qua đời với tôi càng lâu càng tốt.

Đến nay tôi vẫn còn giữ được cuốn vở bìa bọc da nâu mà nàng đã mua tặng tôi bằng tiền lấy trong tháng lương đầu tiên của mình: vào cái ngày có lẽ là xúc động nhất trong cả cuộc đời nàng. Trên trang đầu của cuốn vở này đến giờ còn có thể đọc được mấy hàng nàng viết cho tôi khi đưa tặng, - nàng đã viết nhầm hai chỗ vì xúc động, vì vội vã, ngượng nghịu...

Cách đây ít lâu, tôi nhìn thấy nàng trong mơ - lần duy nhất trong cả cuộc đời dài đặc thiếu vắng nàng. Nàng vẫn ngần ấy tuổi như hồi ấy, vào tháng năm trẻ trung đầu tiên chúng tôi chung sống, nhưng trên gương mặt nàng đã thoáng hiện vẻ đẹp của người thiếu phụ. Nàng gầy gầy, trông có vẻ gì tang tóc. Tôi chỉ nhìn thấy nàng mờ mờ nhưng với một tình yêu, một niềm say mê mãnh liệt, với cảm giác gần gũi da diết về tâm hồn và thể xác mà trong cả cuộc đời, tôi chưa từng nếm trải.

Bờ biển Anơ, 1933

PHAN HỒNG GIANG dịch

CANH KHUYA

Chao ôi, đã lâu lắm rồi mình chưa về nơi ấy, -
tôi tự nhủ mình như vậy. Từ năm mười chín
tuổi đầu. Hồi nào đây tôi đã sống ở nước Nga, đã cảm
thấy nước Nga là của mình, được hoàn toàn tự do
muốn đi đâu tùy thích, và dù có đi tới khoảng ba trăm
vecxta⁽¹⁾ chẳng nữa thì cũng chẳng phải khó khăn gì
cho lắm. Ấy vậy mà tôi vẫn không đi, cứ nay lần mai
lữa hoài. Rồi những năm, những thập kỷ cứ trôi, cứ
qua đi. Thế mà nay đã không sao lần khăn được nữa
rồi: hoặc bây giờ, hoặc không bao giờ đi được nữa cả.
Phải nắm lấy thời cơ duy nhất và cuối cùng, may được
lúc canh khuya, sẽ không ai bắt gặp mình cả.

Thế là tôi đi lên cầu để qua sông, nhìn được xa
ra bốn xung quanh trong ánh trăng của một đêm
tháng bảy.

Nhịp cầu này sao quen thuộc, vẫn như xưa, hết
như tôi mới thấy nó ngày hôm qua; nó thô sơ mà cổ
kính, lưng gù và thậm chí như không phải bằng đá
nữa mà bằng một cái gì đó hóa đá với thời gian và

⁽¹⁾ Đơn vị đo chiều dài Nga cũ, bằng 1,06km.

trở thành muôn đời muôn kiếp không tan (hồi còn là học sinh trung học tôi còn ngỡ là nó cứ từ thời Ba Tư⁽¹⁾ kia). Nhưng để nói lên cái cổ kính của thị trấn này, chỉ còn lại vài ba vết tích gì đó của những bức tường thành ở bờ dốc phía dưới ngôi nhà thờ lớn với lại cây cầu này mà thôi. Còn tất cả đều chỉ là cũ kỹ, có tính chất tĩnh lẻ, chứ không có gì hơn. Duy có một điều kỳ lạ, một điều chỉ rõ được rằng từ khi tôi còn là một cậu bé con, một chàng thanh niên cho tới giờ, dù sao trên đời vẫn có một sự đổi thay nào đó, ấy là trước đây tàu không chạy được trên con sông này, còn ngày nay hẳn là con sông đã được khơi sâu và dọn dẹp sạch sẽ rồi. Mặt trăng ở phía bên trái tôi, ở nơi khá xa trên dòng sông, và trong ánh trăng lung linh cũng như trong ánh nước lấp lánh, rập rờn, tôi thấy trắng toát một chiếc tàu guồng mà ở đó dường như trống rỗng (nó im lìm thế kia mà), - mặc dù mọi ô cửa mạn của nó đều sáng ánh đèn giống như những con mắt vàng bất động, luôn phản chiếu xuống nước thành những cột tia sáng vàng óng ánh và hết như chiếc tàu đã đậu trên những cột đó. Cảnh tượng này cũng thấy có cả ở Iarôxlap, cả ở kênh Xuê⁽²⁾, cả ở trên sông Nin⁽³⁾ nữa. Ở Pari đêm đến thường ẩm ướt, tối tăm, trên bầu trời mờ mịt thường hồng lên một ráng mù sương, con sông Xen⁽⁴⁾

⁽¹⁾ Châu của Thành Cát Tư Hãn (Gengis Khan), đã cầm một cánh quân Mông Cổ rất lớn đánh vào Nga trong thế kỷ XIII.

⁽²⁾ Kênh đào trên đất Ai Cập nối liền Địa Trung Hải với biển Đỏ.

⁽³⁾ Một con sông lớn ở châu Phi, qua Ai Cập đổ vào Địa Trung Hải.

⁽⁴⁾ Một trong những con sông lớn ở Pháp, chảy qua thủ đô Pari.

cháy một dòng đèn kịt dưới những nhịp cầu, nhưng phía dưới cầu cũng lũng lảng những cột tia sáng óng ánh phản chiếu những ánh đèn trên cầu, có điều đó là những tia sáng ba màu; trắng, xanh và đỏ, - màu cờ của nước Nga. Nhưng ở đây trên cầu chẳng có đèn đóm gì, mà cầu thì khô khốc và bụi bặm. Còn ở phía trước, trên ngọn đồi, người ta thấy có một thị trấn âm u với những khu vườn, và trên những khu vườn thấy ngất ngưỡng một chòi canh phòng hỏa. Trời đất ơi, thật là một niềm hạnh phúc không sao tả xiết được! Chính là lúc có hỏa hoạn vào ban đêm mà lần đầu tiên tôi đã hôn tay em và em cũng đã siết chặt tay tôi để đáp lại, - tôi sẽ chẳng bao giờ quên ơn em về thái độ thuận tình thâm lén này. Toàn bộ đường phố đều đen kịt những người trong cái cảnh bừng sáng dữ dội và bất thường ấy. Tôi vừa đến thăm em thì bỗng có tiếng chuông báo động nổi lên, thế là mọi người ai nấy đều chạy ủa ra cửa sổ và sau đó là chạy ra ngoài cổng. Đám cháy ở mãi xa, bên kia sông, mà sao thấy nóng nực, háo hức và hồi hả kinh khủng. Ở đó những đám khói dày đặc bốc lên cuộn cuộn như một mớ lông cừu vừa đen vừa đỏ tía, và từ đó người ta thấy bùng lên cao những ngọn lửa đỏ hết như những dải vải tây điều, còn ở gần chỗ chúng tôi thì chúng hất lên vòm mái nhà thờ đức Tổng lãnh thiên thần Mikhain⁽¹⁾ thành một mầu đồng chấp chới. Và trong cảnh chen chúc, giữa đám

⁽¹⁾ Tức Tổng lãnh thiên thần (archangel) Mi-ca-e (Michael theo tiếng Anh, Michel theo tiếng Pháp).

đông, giữa những tiếng xì xào lo âu, lúc thì ái ngại, lúc thì sướng vui của những thường dân từ khắp nơi chạy lại, tôi đã nghe có mùi mái tóc thiếu nữ và cổ của em, mùi chiếc xiêm bằng vải gai của em, - và thế là tôi bỗng nảy ra quyết tâm, tôi ngây ngất nắm lấy tay em...

Qua cầu xong tôi lên đồi, men theo con đường lát đá mà vào thị trấn.

Trong thị trấn chẳng đâu có lấy một ánh lửa, một bóng người. Đâu đây thấy đều cảm lạnh và thoáng đãng, yên tĩnh và u buồn, - cái buồn của đêm thảo nguyên Nga, của thị trấn thảo nguyên đang ngủ. Duy chỉ có những khu vườn là còn khe khẽ, nhẹ nhẹ rung rinh lá cành dưới làn gió thảng bầy đang hiu hiu, đều đặn từ nơi nào đó chôn đồng không mộng quanh thối về và mơn man cả bản thân tôi. Tôi đi, mặt trăng vành vạnh cũng đi theo, như một tấm gương tròn trôi nổi, luồn lách giữa đám lá cành đen kịt. Những đường phố rộng rãi nằm trong bóng tối, - chỉ ở những ngôi nhà phía bên phải bóng tối không lan tới được thì người ta mới thấy những bức tường trắng được chiếu sáng và thấy những ô cửa kính đen bóng, ánh lên một màu tang tóc. Và tôi đi trong bóng tối, dần bước trên vỉa hè loang lổ, - bởi lẽ suốt dọc vỉa hè đều trải dài những tấm dăng ten bằng lụa đen. Hôm ấy nàng bạn một chiếc xiêm mặc vào buổi tối như vậy đây, một bộ cánh đằm dáng, dài mà thon thả. Chiếc xiêm ấy hợp lạ thường với thân hình thanh tú và với cặp mắt huyền tươi trẻ của nàng. Nàng chiếc xiêm ấy, nàng trở

nên bí ần và nàng chẳng để mắt gì tới tôi cả khiến tôi phải hậm hực. Có đâu mà lại như thế nhỉ? Đến thăm ai vậy nhỉ?

Mục đích của tôi là muốn đến thăm cái phố Cũ. Tôi có thể đến đó bằng con đường khác, gần hơn. Thế nhưng tôi lại rẽ vào những đường phố rộng rãi đầy vườn tược này, vì tôi muốn ngó qua cái trường trung học ấy. Và khi đi đến nơi, tôi lại ngạc nhiên một lần nữa; cả ở đây cảnh vật cũng y nguyên như nửa thế kỷ trước. Dãy tường vây bằng đá, cái sân bằng đá, ngôi nhà lớn bằng đá ở trong sân, - tất cả đều khuôn sáo, đều tẻ ngắt như hồi nào tôi có mặt ở đó. Tôi chùng chình đôi chút ở cạnh cổng, hòng gọi lại trong bản thân mình nỗi buồn, thương của những kỷ niệm, nhưng không sao gọi lại được; phải rồi, tôi thường bước vào cái cổng này, mới đầu là cậu bé lớp một, đầu húi trọc lóc, đội một chiếc mũ lưỡi trai xanh mới toanh có hai vành cọ bằng bạc trên vành lưỡi trai, mặc áo capôt nhỏ, mới, đính cúc bạc; rồi sau là chàng trai gầy gò, mặc áo bludông xám và bận một chiếc quần rất diện có đính những mảnh vải bao hai bên giày. Nhưng cậu bé và chàng trai đó phải chăng là tôi?

Cái phố Cũ thì tôi thấy nó chỉ hẹp hơn đôi chút so với trước kia mà thôi. Còn ngoài ra tất cả đều chẳng có gì thay đổi. Mặt đường lồi lõm, không có lấy một cây nhỏ nào, cả hai bên đều là những ngôi nhà bụi bặm của các thương nhân, hai bên vỉa hè cũng mấp mô, đến nỗi tôi thấy thà đi ngay ra giữa lòng đường

giữa ánh trăng chan chứa... Và cảnh ban đêm hồi ấy cũng gần giống như cảnh ban đêm bây giờ. Có điều đêm hồi ấy là vào cuối tháng tám, khi toàn thị trấn đều thơm lừng mùi táo được chắt đông cao như núi trong các khu chợ, và đêm hồi ấy ấm áp đến nỗi nếu được mặc độc một chiếc áo cánh thắt chên lưng bằng một đai da kiểu Kapkadơ thì khoái trá biết bao... Phải chăng có thể nhớ lại cái đêm ấy ở một nơi nào đó đằng kia hầu như ở tận lưng trời?

Dù sao anh cũng chẳng dám đi đến tận nhà em. Thật vậy, cả ngôi nhà ấy cũng chẳng thay đổi gì, nhưng chính thế nên anh mới càng sợ phải trông thấy nó. Giờ đây có những người lạ nào đó mới đến ở đây. Em còn trẻ, nhưng bố em, mẹ em, anh trai em, - mọi người tuy đều sống lâu hơn em, nhưng rồi đến lúc ai nấy cũng đều phải qua đời. Mà ngay ở nhà anh, mọi người đều cũng đã qua đời cả rồi, chẳng những là bà con máu mủ, mà cả rất nhiều, rất nhiều người khác anh đã từng kết thân hay đánh bạn với họ khi mới bước vào đời. Chẳng biết họ bước vào đời đã lâu chưa và mặc dù họ đã tin chắc rằng cuộc đời chẳng bao giờ kết thúc, thế nhưng mọi sự đều đã bắt đầu, đã trôi qua và rồi đã kết thúc ngay trước mắt anh, - ngay trước mắt anh và mau chóng biết bao! Thế là tôi ngồi lên một bệ đá cạnh một ngôi nhà thật kín cổng cao tường của một thương nhân nào đó và bắt đầu ngắm nghĩ xem nàng đã như thế nào trong cái thời xa xăm ấy giữa tôi cùng nàng; mái tóc sẫm chải búi đơn sơ, cặp mắt trong sáng, khuôn mặt

tươi trẻ hơi rám nắng, tấm xiêm mùa hè nhẹ nhàng, và dưới tấm xiêm ấy là sự trinh bạch, cái khoẻ khoắn và phóng khoáng của thân hình trẻ trung... Đó là lúc tình yêu chớm nở giữa chúng tôi, là giờ phút hạnh phúc không vương một áng mây buồn, giờ phút thân thiết, tin cậy, âu yếm một cách thích thú, hân hoan...

Có một cái gì đó hết sức đặc biệt trong những đêm ấm áp và sáng sủa ở các huyện lỵ Nga đạo cuối hè. Thật là bình yên, thật là thư thái biết bao! Một ông lão mang chiếc mõ cầm canh đi dạo khắp cái thị trấn vui tươi ấy vào ban đêm, nhưng cụ đi chỉ để tìm vui thú cho chính mình mà thôi: có gì phải canh gác đâu, hồi những con người tốt bụng, hãy cứ ngủ yên, canh gác cho các người là sự phù hộ của Chúa, là bầu trời rạng rỡ vời vời mà ông lão thỉnh thoảng lại thanh thản ngược nhìn lên khi đi giữa lòng đường đã được sưởi ấm qua một ngày, và chỉ họa hoằn lắm cụ mới giống lên một hồi mõ theo một điệu múa nhịp nhàng để làm vui. Và đấy, trong một đêm như thế trong canh khuya ấy, khi cả thị trấn chỉ có một người không ngủ thì em đã đợi tôi trong khu vườn nhà, một khu vườn đã chớm héo khô vào lúc sắp sang thu. Và tôi đã lén lút lọt vào khu vườn ấy, se sẽ mở cánh cổng nhỏ mà em đã mở khóa sẵn, se sẽ và mau chóng chạy qua sân, rồi từ phía sau nhà kho tận cuối vườn, tôi bước vào bóng tối lơ mơ và loang lổ của khu vườn, mà ở phía xa xa, trên chiếc

ghế dài dưới rừng táo, tôi đã thấy trắng trắng xiêm áo em, và tôi mau lẹ tiến lại, sợ hãi mà mừng vui khi bắt gặp ánh mắt đợi chờ của em.

Thế rồi chúng ta ngồi mãi, ngồi mãi trong một niềm hạnh phúc ngỡ ngàng. Một tay anh ôm lấy em, nghe biết được nhịp đập của trái tim em, còn tay kia anh nắm lấy bàn tay em, qua đó cảm biết được tất cả trong em. Và trời đã khuya đến nỗi không còn nghe tiếng mõ đầu nũa cả, - ông lão đã nằm trên một tấm ghế dài ở đâu đó, mồm ngậm tẩu mà mơ màng, sưởi ấm dưới ánh trăng. Khi nhìn sang phải, tôi thấy mặt trăng vẫn thản nhiên tỏa sáng cao cao trên khu vườn và thấy mái một ngôi nhà bóng loáng lên như ánh vẩy cá. Khi nhìn sang trái, tôi thấy một con đường nhỏ mọc đầy cỏ khô chìm lấp dưới một rừng táo khác, và sau rừng táo tôi thấy từ trong một khu vườn khác của nhà ai đó, lộ ra rất thấp một ngôi sao đơn độc màu xanh lá cây, một ngôi sao leo lét với vẻ lạnh đậm nhưng lại trông chờ, một ngôi sao đang nói gì đó nhưng lại nói chẳng thành lời. Thế nhưng cả khu vườn lẫn ngôi sao ấy tôi chỉ thấy thoáng qua, bởi lẽ trên đời bấy giờ chỉ còn bóng tối lơ mơ và cặp mắt em lấp lánh loé sáng trong bóng tối lơ mơ đó.

Rồi sau đó, khi em đưa tiễn tôi ra tới cổng, tôi bảo em:

- Nếu có đời sau mà chúng ta lại được gặp nhau thì lúc ấy anh sẽ quỳ xuống hôn chân em vì tất cả những gì em đã từng cho anh trên cõi trần thế này.

Tôi bước ra giữa phố ngời sáng để trở về nơi mình

tạm trú. Ngoái lại nhìn, tôi vẫn còn thấy có gì trắng trắng ở nơi cổng.

Giờ đây, đứng dậy rời khỏi bệ đá, tôi quay gót trở về bằng con đường mình đã đến đây. À mà không, ngoài việc đến thăm phố Cũ ra, tôi còn có một mục đích khác nữa, tuy e sợ chẳng dám thú nhận với lòng mình, nhưng thừa biết rằng việc thực hiện mục đích đó là không thể tránh khỏi. Và thế là tôi cất bước đi tới, đi tới để nhìn lại một lần nữa và để rồi ra đi mà không bao giờ trở lại.

Lại một con đường quen thuộc nữa. Cứ đi thẳng, rồi rẽ trái, đi qua chợ, rồi từ chợ theo phố Tu viện đi về phía lối ra khỏi thị trấn.

Khu chợ dường như một thị trấn nhỏ trong cái thị trấn lớn. Các dãy quầy hàng đều nong nặc những mùi vị. Ở dãy Hàng thức ăn chín, dưới những mái che và trên những tấm bàn, ghế dài, thấy tối mù mịt. Ở dãy Hàng sắt, bên trên giữa lối đi có treo lủng lẳng bằng xích sắt một tượng thánh của Chúa cứu thế mất to, khung tượng đã han rỉ. Ở dãy Hàng bột thì sáng nào cũng có cả đàn chim bồ câu chạy nhảy, mổ những hạt rơi vãi trên lòng đường. Nếu đến trường trung học thì còn có biết bao chim bồ câu nữa kia! Và con nào con ấy đều béo, ức mầu câu vồng, - chúng mổ, chúng chạy, chúng lượn lơ uốn éo yếu điệu theo kiểu phụ nữ, chúng núng na núng nính, giật giật những cái đầu bé nhỏ theo cùng một kiểu, dường như không để ý gì đến chúng ta, và chỉ đập cánh vun vút, bay vụt lên khi ta suýt dẫm phải một con nào trong

bọn chúng mà thôi. Còn đến đêm thì ở đây lại có những con chuột cống phóng như bay với vẻ bận tâm, chúng đen, to thù lù trông rất tởm và dễ sợ.

Phố Tu Viện vừa là một nhịp cầu dẫn ra cánh đồng, vừa là một con đường, một đường là từ thị trấn đi về nhà, về nơi thôn quê; một đường là đi đến thị trấn của những người đã chết. Ở Pari, một ngôi nhà số bao nhiêu ở phố nào đó thường được làm nổi bật lên so với tất cả những ngôi nhà khác bằng một chiếc cổng giả được dựng lên hai ngày liền để chứng tỏ ngôi nhà đó có bệnh dịch hạch, chung quanh cổng có viền khung tang bằng bạc, và trong hai ngày liền trên một chiếc bàn nhỏ phủ khăn tang kê ở cổng có đặt một tờ giấy viền đen để cho các khách lịch sự đến viếng sẽ ký tên vào tỏ ý chia buồn. Sau đó, đến một kỳ hạn cuối cùng nào đấy, người ta đưa đến cổng một cỗ xe tang đồ sộ làm bằng gỗ đen kịt như gỗ đóng quan tài cho kẻ bị dịch hạch, trên xe phủ vải riềm tang, ở những mép riềm được xén lượn tròn có những ngôi sao trắng lớn để chỉ thiên đường, còn ở các góc mái riềm thì có treo những ngù đèn xoắn tít, biểu hiện cho những chiếc lông của con đà điểu dưới địa ngục. Thẳng vào xe là những con quái vật cao lớn phủ vải đen như than, đầu có sừng và có vòng trắng ở lỗ mắt. Ở chiếc ghế giống xe cao ngất ngưỡi, ngồi chò giò cật đăm là một con sâu rượu đã già, bề ngoài cũng được đóng bộ một cách tượng trưng trong một sắc phục tang chế giả và một chiếc mũ hình tam giác cũng kiểu giả như thế, nhưng trong bụng thì hẳn là

lão ta luôn cười thầm về những câu long trọng như: *Requiem aeternam dona eis, Domine, et lux perpetua luceat eis*⁽¹⁾. - Thế nhưng ở đây thì khác hẳn. Làn gió từ cánh đồng hiu hiu thổi về dọc theo phố Tu viện, và người ta lót khăn mặt để khiêng một chiếc quan tài mở ván thiên di ngược lại chiều gió, trong đó bỗng bồng bênh khuôn mặt trắng màu cơm, một vành hoa nhỏ sắc sỡ ở trên trán che lấp đôi mí mắt sừng phồng đã nhắm nghiền. Nàng cũng đã được người ta khiêng đi như vậy.

Ở lối ra khỏi thị trấn, mé trái đường cái là một tu viện thời Nga hoàng Alêksây Mikhailôvits, là một chiếc cổng thành luôn đóng kín cùng với những bức tường thành, và đằng sau những bức tường thành thấy bóng lộn những mái vòm dát vàng của ngôi nhà thờ lớn. Xa hơn nữa, tận giữa cánh đồng lại là những dãy tường khác, nhưng không cao lắm mà hợp thành một ô vuông rất rộng, bên trong có cả một cánh rừng nhỏ bị những con đường thẳng băng và dài dằng dặc chia cắt, hai bên đường rải rác đủ loại thánh giá và mộ chí khác nhau dưới các bụi cây leo, các rặng đoạn và bạch dương lâu đời. Ở đây cổng lại mở toang, do đó tôi thấy ngay con đường chính, phẳng phiu, bất tận. Tôi rụt rè cất mũ ra mà bước vào. Sao khuya khoắt mà cảm lạnh đến thế! Mặt trăng đã xuống thấp sau những lùm cây, nhưng bốn chung quanh trong tầm mắt đâu đấy đều vẫn rõ mồn một. Giữa

⁽¹⁾ Tiếng Latinh: Lạy Chúa, xin Chúa cho họ được bằng an đời đời và được ánh sáng đời đời.

bóng tối trong vạt, toàn bộ khoảng rừng của những người đã chết, của những cây thánh giá và mộ chí, đều vẫn hiện lên rõ rệt với đầy đủ những họa tiết đa dạng. Gió đã lặng trước lúc bình minh, - những đốm loang lổ sáng và sẫm luôn hiển hiện dưới những rặng cây nay đều đã ngủ im. Nhưng ở phía xa xa trong khoảng rừng, từ đằng sau ngôi nhà thờ nghĩa trang bỗng có cái gì thấp thoáng, rồi nó biến thành một cuộn đen ngòm như điên như cuồng vùn vụt chạy ập lại phía tôi. Tôi thất kinh rạt sang một bên, toàn bộ đầu óc tôi phút chốc lạnh ngắt đi và co quắp lại, trái tim tôi giật thót lên rồi chết lặng... Cái gì thế nhỉ? Nó chạy vụt qua và biến mất hút. Nhưng trong ngực tôi con tim vẫn chưa đập lại được. Và thế là tôi đành phải tiếp tục tiến lên với con tim đã ngừng đập, mang nó trong mình như một bầu trĩu nặng. Tôi biết rõ mình phải đi đâu, tôi vẫn tiến thẳng theo con đường ấy, và tới tận cuối đường cách bức tường chắn phía sau vài bước thì tôi dừng lại: trước mặt tôi, trên một khoảng đất phẳng phiu, giữa đám cỏ khô, có một phiến đá thon dài và khá hẹp, nằm đơn độc, quay đầu vào tường. Còn phía sau tường, như một hạt ngọc tuyệt vời, vẫn lộ ra một ngôi sao không cao lắm, màu xanh lá cây, tuy vẫn rực rỡ như ngôi sao trước, nhưng cảm lạnh và bất động.

Ngày 19 tháng 10 năm 1938.

HÀ NGỌC dịch

NHỮNG TẮM DANH THIẾP

Đó là vào đầu mùa thu, con tàu "Gôntsarôp" đang chạy trên sông Vonga hoang vắng. Những đợt lạnh đầu mùa đã trở lại. Xuôi theo dòng nước lũ xám xịt ở khoảng rộng bao la vùng châu Á và từ những bờ phía đông đã mang màu hung hung của con sông, làn gió giá buốt vun vút thổi mạnh ngược lại với con tàu, phật phật quất vào lá cờ ở đuôi tàu, quất vào mũ phớt, mũ lưỡi trai và quần áo của những người đi trên boong, khiến họ phải nhắm mặt lại, rồi luồn cả vào ống tay và tà áo của họ. Đưa tiễn con tàu một cách vu vơ và buồn tẻ chỉ là một con hải âu duy nhất, - lúc nghiêng hẳn mình trên đôi cánh nhọn bay sát theo đuôi tàu, lúc lại bay chênh chếch mà biến mất ở đằng xa, phía một bên mạn tàu, tưởng như nó chẳng còn biết làm gì trong cảnh hoang vu của con sông lớn và của bầu trời thu xám xịt.

Và cả con tàu cũng hầu như trống rỗng, - ở khoang dưới chỉ có một tập đoàn những người nhà quê, còn trên boong đi đi lại lại, lúc tụ lại lúc tản ra, cũng vền vền chỉ có ba người: hai người là vé hạng hai, hình như cùng đi tàu với nhau để cùng đến một

nơi nào đó và không lúc nào rời nhau, bao giờ cũng cùng nhau đi dạo, lúc nào cũng cùng nhau bàn tính chuyện gì và đều cùng giống nhau ở một điểm là không có gì đáng để ý; còn một người nữa vé hạng nhất thì khoảng ba mươi tuổi, là một nhà văn mới nổi tiếng gần đây, đáng để ý ở thái độ nghiêm trang không ra buồn mà cũng không ra bực của anh ta và một phần nữa là ở ngoại hình của anh ta: người cao lớn, lực lưỡng, thậm chí lưng hơi cong xuống như kiểu lưng của một số người có sức lực. Anh ta ăn mặc bảnh bao và cũng là đẹp trai về một phương diện nào đó: tóc anh đen theo kiểu người phía đông nước Nga, như người ta thường thấy trong giới thượng nhân thời xưa ở Matxcova; và đúng là anh ta đã xuất thân từ giới đó mặc dầu ngày nay anh chẳng còn có gì liên quan đến họ nữa cả.

Anh ta đi đi lại lại một mình với dáng chắc nịch, với đôi giày da bền chắc và dắt tiên, với chiếc áo khoác *soviôt*⁽¹⁾ đen và chiếc mũ cát-kết kẻ ô kiểu Anglê. Anh ta bước tới bước lui, lúc thì đi ngược chiều gió, lúc lại đi xuôi, hít thở cái bầu không khí ngột ngạt của mùa thu và của sông Vonga. Anh bước tới tận đàng lái, đứng ngắm nhìn con sông trải rộng và chạy dài thành một lớp sóng gợn xám phía sau tàu. Rồi anh ta lại quay ngoắt lại, tiến ra đàng mũi, đứng hứng gió, đầu cúi xuống trong chiếc cát-kết căng phồng và lắng nghe tiếng gõ đều đều của

⁽¹⁾ Một loại len hảo hạng, thuần bằng lông cừu.

những chiếc gầu ở hai bên guồng đang ào ào đổ nước thành những dải trong như thủy tinh. Cuối cùng anh bỗng dừng chân và nhả nhỏ cười: từ cầu thang khoang dưới ở vé hạng ba nhoi lên và xuất hiện một chiếc mũ đen rẽ tiền, dưới chiếc mũ là một gương mặt gầy guộc nhưng xinh xắn mà anh đã ngẫu nhiên làm quen được từ chiều hôm qua. Anh sải bước tiến lại phía nàng. Lên được boong xong, nàng cũng ngượng ngùng bước lại phía chàng và cũng chum chim cười. Bị làn gió xô đẩy, toàn thân nàng lạnh đi vì gió và nàng đưa một cánh tay gầy gò lên để giữ lấy mũ. Trên mình nàng là một chiếc áo khoác mỏng mà phía dưới người ta thấy lộ ra đôi chân mảnh khảnh.

- Chị nghỉ ngơi ra sao rồi? - Vừa đi chàng vừa lớn tiếng hỏi một cách mạnh dạn.

- Tốt lắm! - nàng đáp với giọng vui vẻ quá mức. - Lúc nào em cũng ngủ được, như một con culi vậy...

Chàng giữ lại bàn tay nàng trong bàn tay to lớn của mình và nhìn thẳng vào cặp mắt nàng. Nàng cũng sung sướng cố gắng đáp lại cái nhìn đó.

- Hồi vị thiên thần của tôi, tại sao người lại ngủ trưa quá thế, - chàng suồng sã nói, - mọi người đã đang ăn sáng cả rồi.

- Tại em cứ nằm mơ hoài! - nàng đáp liến thoắng, không khớp tí nào với tất cả cái bộ dạng của mình.

- Mơ chuyện gì vậy?

- Thiếu gì chuyện để mơ!

- Ôi chao, chị hãy coi chừng! "Mùa hè lũ trẻ ra

sông tắm, chết đuối xuôi theo nước vạt vờ, mà chú Tsêtsen⁽¹⁾ dạo bên bờ".

- Chính là em đang đợi chờ chú Tsêtsen đấy! -
nàng vẫn đáp với cái vẻ liến thoắng vui tươi ấy.

- Tốt nhất là ta đi uống rượu vôtka và ăn cháo cá
đi thôi, - chàng nói và nghĩ bụng: chắc hẳn cô nàng
chẳng có gì để ăn sáng cả đâu.

Nàng điệu bộ dậm cả hai chân:

- Rượu vôtka, vôtka, phải đấy, phải đấy! Rét
khủng khiếp!

Thế là họ rào bước đi xuống, phòng ăn của vé
hạng nhất, nàng đi trước, chàng theo sau và lúc này
vừa đi chàng đã vừa ngắm nghía nàng với một vẻ
thèm thuồng nào đó.

Ban đêm chàng đã tơ tưởng đến nàng. Hôm qua,
lúc xẩm tối tàu cập vào một bến sông cao cao và đen
ngòm nào đó mà phía dưới đã rải rác ánh đèn, chàng
đã ngẫu nhiên bắt chuyện và làm quen với nàng ở
mạn tàu, rồi sau lại cùng ngồi một lát với nàng trên
boong nơi băng ghế dài đặt dọc theo dãy buồng vé
hạng nhất, phía dưới những khung cửa sổ có nẹp cửa
lùa màu trắng của những căn buồng này. Tuy nhiên
chàng đã chỉ ngồi với nàng rất ít và đêm đến thì
chàng lại thấy nuối tiếc. Điều chàng thấy ngạc nhiên
là đến đêm chàng mới hiểu rằng mình đã thèm muốn
nàng. Sao thế nhỉ? Theo thói quen dọc đường người

⁽¹⁾ Tsêtsen là một dân tộc nhỏ ở phía bắc Kavkaso, trước thuộc nước
cộng hòa tự trị Tsêtsênô - Ingusk trong Liên bang Xô Viết, nay là
Tsesnia trong Liên bang Nga.

ta thường đam mê những cô bạn đường ngẫu nhiên và không quen biết chẳng? Giờ đây, trong khi ngồi với nàng trong phòng ăn, trong khi chạm ly với nàng để nhấm món trứng cá thật lạnh ăn với bánh mì trắng nóng, chàng đã hiểu được vì sao nàng lại cuốn hút mình đến thế và do đó nóng lòng chờ đợi sự việc diễn ra đến đâu đến đấy. Và cũng do tất cả tình hình đó - cả việc uống vôtka lẫn thái độ sống sã của nàng - đều trái ngược một cách kỳ lạ với con người của nàng, chàng lại càng thấy xao xuyến trong lòng.

- Nào, chỉ uống một ly nữa là ta chấm dứt! - chàng nói.

- Mà chấm dứt là phải, - hòa theo giọng chàng, nàng đáp. - Nhưng rượu vôtka tuyệt thật đấy!

Di nhiên, nàng đã khiến chàng cảm động ở chỗ là hôm qua khi chàng xưng tên với nàng thì nàng đã cuống quýt cả lên, sững sốt vì đột nhiên được làm quen với một nhà văn nổi tiếng. Khi cảm biết và thấy được sự cuống quýt đó, bao giờ ta cũng thấy rất dễ chịu trong lòng, bởi vì điều đó bao giờ cũng khiến mình có thiện cảm với người đàn bà ấy nếu cô ta không đến nổi tồi tệ và ngu ngốc quá, và điều đó sẽ tạo ngay được một mức thân mật nào đó giữa mình với cô ta, khiến mình đối xử với cô ta được mạnh dạn hơn và dường như đã có được một quyền thế nào đó đối với cô ta. Nhưng điều gây hưng phấn cho chàng không chỉ là điều đó mà có lẽ điều chàng đã khiến nàng sững sờ còn bởi vì chàng là đàn ông nữa, và điều nàng khiến chàng cảm động lại chính là ở

tất cả cái cảnh nghèo nàn và chất phác của nàng. Chàng đã quen thói sỗ sàng với những cô gái hâm mộ mình, quen thói dễ dàng và nhanh chóng từ những phút làm quen ban đầu chuyển sang cách ăn nói suông sã theo cái kiểu gọi là nghệ sĩ, và quen thói giả cách lục vấn một cách đơn giản: cô là ai? người ở đâu ta? đã có chồng chưa? Hôm qua chàng cũng đã lục vấn nàng như thế, trong khi ngắm cảnh nhá nhem của buổi chiều hôm, ngắm nhìn những ánh đèn màu sắc khác nhau trên những phao tiêu phản chiếu thành một vệt dài trên dòng nước sẫm đen quanh tàu, ngắm nhìn đồng lửa cháy đỏ trên những bệ gỗ, ngửi thấy cả mùi khói từ đó tỏa ra, chàng nghĩ bụng: "Đây là điều đáng ghi nhớ, ngửi mùi khói này thấy ngay được mùi cháo cá", - rồi lại lục vấn tiếp:

- Có thể được biết tên chị là gì không?

Nàng nhanh nhẩu xưng cả họ và tên mình.

- Chị đi đâu đó rồi nay trở về nhà đấy nhỉ?

- Em đến thăm bà chị ở Xviagioxk, chồng chị ấy đột nhiên chết nên cảnh ngộ của chị ấy thật kinh khủng anh ạ...

Mới đầu nàng lúng túng đến nỗi lúc nào cũng chỉ nhìn đầu ra xa. Rồi sau nàng đã bắt đầu trả lời mạn dạn hơn.

- Chắc chị cũng có chồng rồi chứ?

Nàng mở miệng cười khẩy một cách kỳ dị:

- Có chồng rồi. Và than ôi, chẳng phải là năm đầu tiên...

- Tại sao lại than ôi?

- Em đại đột vội lấy chồng quá sớm. Ngoảnh đi ngoảnh lại chẳng mấy chốc cuộc đời sẽ trôi qua!

- Ô, cái đó thì còn lâu.

- Than ôi, chẳng lâu la gì đâu! Mà em còn chưa biết mùi đời, chưa biết mảy may!

- Muốn biết cũng chưa muộn.

Thế là nàng lắc đầu cười khẩy:

- Thì em cũng đang muốn biết đây!

- Vậy ông chồng làm gì? Quan chức chẳng?

Nàng phẩy bàn tay bé nhỏ:

- Ôi chao, chồng em là con người rất tốt, rất lành, nhưng tiếc một nỗi là chẳng có gì thú vị cả... Ông ấy làm thư ký phòng quản thủ điền thổ huyện nhà...

"Cô này thật dễ thương mà lại thật không may!" - chàng nghĩ đoạn rút hộp thuốc lá:

- Chị muốn hút thuốc không?

- Rất muốn!

Thế là nàng lóng ngóng châm thuốc, nhưng hút một cách dững cãm, rít những hơi nhanh, theo kiểu phụ nữ. Và một lần nữa chàng lại đột nhiên cạnh lòng thương hại nàng, thương hại cho cách cư xử suồng sã của nàng, và bên cạnh lòng thương hại là một niềm triu mến và một dự vọng dâm dăng hòng lợi dụng cái ngây ngô, cái thiếu từng trải một cách muộn màng của nàng, và cái đó, - như chàng đã cảm biết được - sẽ đi đôi với một thái độ quá mức dạn dày. Giờ đây, ngồi trong phòng ăn, chàng nóng ruột ngấm

nhìn đôi tay gầy guộc của nàng, nhìn khuôn mặt nhỏ nhắn, héo hon - nhưng do đó lại càng gợi cảm hơn - của nàng, nhìn vào mái tóc sẫm, rậm mà nàng chỉ chải búi qua quít và luôn lắc qua lắc lại, sau khi đã cắt chiếc mũ đen và trút bỏ chiếc áo khoác bé nhỏ màu xám ra khỏi tấm xiêm bằng vải sợi bông. Chàng cảm thấy xiêu lòng và hưng phấn trước thái độ cởi mở mà nàng đã nói chuyện với chàng hôm qua về cuộc sống gia đình, về cái tuổi không còn trẻ trung gì nữa của nàng, và cả trước thái độ hiện nay khi nàng bỗng dưng trở nên táo tợn đến thế, đang làm và đang nói ra cả những điều chẳng phù hợp gì với bản thân nàng một cách đáng ngạc nhiên. Do rượu vodka, toàn bộ khuôn mặt nàng đều ửng đỏ lên đôi chút, thậm chí đôi môi tái nhợt của nàng cũng hồng hào lên và cặp mắt cũng ngời lên một vẻ cười cợt, mơ màng.

- Anh biết không, - nàng bỗng bảo, - chúng ta vừa mới nói đến những giấc mơ, vậy anh có biết hồi còn là nữ sinh trung học, em đã ước mơ điều gì hơn hết không? Ước mơ đặt in những tấm danh thiếp đấy! Hồi ấy gia đình em nghèo túng hẳn đi, phải bán nốt phần trang trại còn lại để dọn vào thành phố, thế là em hoàn toàn chẳng còn ai để mà trao danh thiếp nữa cả, mà đó lại là điều em xiết bao mơ ước! Ngu ngốc kinh khủng...

Chàng xiết chặt hàm răng, nắm chặt lấy bàn tay nhỏ nhắn của nàng và dưới làn da mỏng ấy chàng cảm biết được mọi đốt xương bé nhỏ của bàn tay. Nhưng nàng hoàn toàn chẳng hiểu được ý chàng, lại

tự mình nâng bàn tay ấy lên đôi môi chàng và thần thờ nhìn chàng như một kẻ quyến rũ già dặn.

- Về buồng tôi đi...

- Đi thôi... Đúng là ở đây khó thở thế nào ấy, nhiều khói thuốc lá quá!

Đoạn nàng lắc mái tóc, cầm lấy mũ.

Trong hành lang chàng ôm lấy nàng. Nàng kiêu hãnh, âu yếm ngoảnh lại nhìn chàng. Lửa dục và sóng tình rào rạt, suýt nữa chàng cắn vào má nàng. Nàng ngoái đầu, dề mề đưa đôi môi lên để đón chàng.

Trong ánh mờ tối của căn buồng mà cánh cửa chớp ngoài chần song đã buông xuống nơi cửa sổ, nàng đã lập tức vội vã chiều lòng chàng và cả gan tận hưởng toàn bộ cái hạnh phúc bất ngờ đã đột nhiên đến với nàng cùng một con người đẹp đẽ, mạnh mẽ và nổi tiếng. Nàng cởi cúc và giã lên tấm xiêm đã từ mình nàng tụt xuống mặt sàn, và với thân hình cân đối như một cô bé con, nàng chỉ còn mặc độc một chiếc áo lót mỏng tang hở cả vai và tay, và một chiếc quần lót trắng. Tất cả những cái đó hồn nhiên đến nỗi chàng tưởng chừng như mình đang bị một mũi dùi đâm nhúc nhối.

- Cởi tất cả ư? - nàng thì thầm hỏi, y hệt một cô bé con.

- Tất, tất, - chàng đáp, mặt mũi càng thêm tối sầm lại.

Nàng ngoan ngoãn và mau lẹ bước khỏi đồng áo xống đã trút bỏ xuống mặt sàn, trần truồng, toàn thân màu xam xám phớt tím, với đặc điểm của thân

thể phụ nữ là khi ớn lạnh vì xúc động thì căng ra, mát đi và nổi gai ốc lên; trên mình nàng chỉ còn lại có đôi bít tất dài rẻ tiền màu xám với những chiếc nịt tất thông thường và đôi giày nhỏ nhắn, rẻ tiền, màu đen. Đoạn nàng đưa mắt nhìn chàng với vẻ đắc thắng, ngây ngất, đưa tay lên mái tóc, gỡ bỏ những chiếc trâm cài đầu. Chàng lạnh cả người, dõi nhìn nàng. Té ra thân hình nàng khá hơn, trẻ hơn là người ta có thể tưởng tượng trước đó. Xương quai xanh và xương sườn nhô lên trên mình nàng hòa theo với khuôn mặt gầy gò và với đôi ống chân mảnh khảnh. Nhưng đôi mông thì thậm chí lại to nữa là khác. Bụng thót lại với một lỗ rốn nhỏ mà sâu, dưới bụng nhô lên một đám lông rất đẹp hình tam giác, màu cũng sẫm hòa theo màu mái tóc rậm trên đầu. Nàng rút những chiếc trâm ra, mớ tóc rậm lò xo phủ xuống tấm lưng gầy guộc với những đốt xương sống nổi lên rõ rệt. Nàng cúi mình để kéo lại đôi bít tất đang tụt xuống, - đôi vú bé nhỏ với những núm vú màu nâu, nhẵn nhúm, ớn lạnh, thông xuống như những quả lê lép kẹp nhưng vẫn yêu kiều trong cảnh nghèo nàn của chúng. Và chàng đã bắt nàng phải ném trái một cảnh cực kỳ trơ trẽn chẳng xứng hợp gì với nàng, nhưng do đó lại càng khiến chàng hưng phấn hơn vì thương hại, triu mến, dục vọng... Ở cửa sổ, những mảnh gỗ cửa chớp ngoài chấn song chéch lên trên, do đó không ai có thể nhìn thấy gì, nhưng nàng vẫn cứ đưa mắt liếc nhìn với một nỗi sợ sệt khoái trá, lắng nghe những lời rì rào vô tâm và tiếng

chân người đi trên sàn tàu ngay dưới khung cửa sổ, và điều đó lại càng khiến cho niềm khoái lạc phóng dăng của nàng tăng lên một cách đáng sợ hơn. Ôi, nói năng và đi lại sát sạt như thế mà chẳng một ai lại có thể nghĩ rằng người ta đang làm gì cách đó có một bước, trong căn phòng trắng lớp này!

Rồi sau chàng đặt nàng lên giường như thể nàng đã chết. Nghiến chặt răng, nàng nằm nhắm nghiền mắt lại, trên gương mặt hơi tái đi và còn rất thanh xuân của nàng đã có một vẻ mẫn nguyện đau buồn.

Trước lúc chiều tà, khi con tàu cập vào một bến mà nàng sắp phải xuống, nàng lặng lẽ đứng bên chàng, hai hàng mi khép lại. Chàng hôn bàn tay bé nhỏ và giá lạnh của nàng với một mối tình nó còn ở lại đâu đó trong trái tim chàng suốt cả đời người, còn nàng thì chẳng hề ngoái lại, chạy xuôi theo cầu tàu mà nhập vào đám đông nhốn nháo ở trên bến.

Ngày 5 tháng 10 năm 1940

HÀ NGỌC dịch

RUXIA

Quá mười giờ tối, tàu tốc hành Mátxcơva - Xêva-xtôpôn dừng lại một ga nhỏ gần Pôđônxcơ, nơi lẽ ra nó không phải đỗ - nó phải chờ gì đó ở đường thứ hai. Trên tàu một ông và một bà bước gần lại cánh cửa sổ đã hạ xuống ở toa hạng nhất. Có một người phục vụ toa đi qua đường ray, tay giơ cao chiếc đèn đỏ; bà nọ bèn hỏi:

- Nay ông kia, sao chúng tôi lại phải dừng lại thế này?

Người phục vụ toa trả lời rằng đoàn tàu tốc hành chạy ngược chiều bị chậm. Trên ga trời tối, cảnh vật trông buồn tẻ. Hoàng hôn xuống đã lâu, nhưng ở phía tây, khuất xa sau ga, sau cánh đồng xen lẫn rừng, vẫn còn thấp thoáng ánh chiều hè Mátxcơva tắt muộn. Mùi nước đấm ả thấp thoáng tới cửa sổ. Trong khoảng không yên ắng từ đâu vọng tới tiếng cuộc kêu đều đều, nghe dường như cũng có mùi vị ả ướt.

Ông hành khách nọ tỳ khuỷu tay lên cửa sổ, còn bà thì tựa vào vai ông.

- Có lần anh đã sống ở vùng này vào dịp nghỉ hè, - ông nói. - Đạo ấy anh làm gia sư tại một trang ấp

dành để ở mùa hè cách đây chừng năm dặm. Một vùng buồn tẻ. Rừng thưa thớt, có chim ác là, muỗi và châu chấu. Chẳng có cảnh đẹp nào. Ở trang ấp muốn ngắm nhìn chân trời phải leo lên gác nhỏ. Ngôi nhà tất nhiên là xây theo phong cách nhà nghỉ Nga, trông rất tiêu điều, - chủ nhân bị phá sản mà - sau nhà là khu đất na ná như vườn, sau vườn không hẳn là hồ, không hẳn là đầm mọc đầy cỏ gấu, cùng hoa súng, và hiển nhiên là có một chiếc thuyền đáy bằng đậu cạnh bờ lầy.

- Và tất nhiên là còn một cô nàng buồn tẻ ở nhà nghỉ, người mà anh đã cùng bơi thuyền dạo chơi trên đầm này nữa chứ!

- Đúng thế, đã có những gì phải có. Tuy nhiên cô nàng thì hoàn toàn không buồn tẻ chút nào. Anh bơi thuyền cho cô ấy đi chơi thường là về đêm, và mọi chuyện xem ra còn có vẻ thơ mộng nữa là khác. Suốt đêm trời phía tây cứ sáng nhờ nhờ pha màu xanh lục, và ở tít đường chân trời có cái gì leo lét cháy như lúc này đây... Mái chèo thì có mỗi một cái mà lại giống như cái xẻng, anh đã chèo thuyền như một kẻ mọi rợ, - khi thì chèo bên phải, khi thì bên trái. Ở bờ bên kia có khoảng rừng cây nhỏ nên tối sẫm, nhưng sau cánh rừng ấy suốt đêm cứ có cái màu sáng nhờ nhờ lạ lùng như thế này. Chung quanh là cảnh yên lặng tuyệt đối - chỉ còn nghe tiếng muỗi vo ve và châu chấu bay. Anh chưa bao giờ nghĩ rằng đêm đêm chúng lại bay như thế, - hoá ra là chúng bay để kiểm tìm cái gì đó. Đáng sợ thật đấy.

Cuối cùng thì đoàn tàu ngược chiều cũng đã tới, nó xé gió âm âm chạy qua, các ô cửa sáng ánh đèn kéo thành một dải vàng. Toa tàu trên đường bên này lập tức chuyển động. Người phục vụ toa bước vào ngăn buồng nhỏ, châm đèn lên và soạn dọn giường ngủ.

- Thế rồi giữa anh và cô ta đã có chuyện gì xảy ra vậy? Một thiên tình sử thật sự chứ? Sao anh chưa bao giờ kể với em về cô ta? Cô ta trông người như thế nào?

- Người cao cao, gầy gầy. Mặc *xaraphan*⁽¹⁾ hoa vàng, chân không tất đi hài sảo đan bằng thứ len đủ màu.

- Thế nghĩa là cũng theo phong cách Nga chứ?

- Anh cho rằng theo phong cách nghèo túng thì đúng hơn. Không có gì mặc thì đành mặc *xaraphan* vậy. Thêm nữa cô ta còn là họa sĩ, học ở Trường trung cấp Mỹ thuật Xtorôganốp. Bản thân cô ấy trông cũng rất đẹp, đáng được họa lại, thậm chí còn có nét của Đức Mẹ. Bím tóc đen dài thả sau lưng, khuôn mặt bầu bĩnh với những nốt ruồi nhỏ, mũi cao thanh tú, mắt đen, lông mày đen... Mái tóc khô cứng, hơi xoắn xoắn. Tất cả những nét ấy bên cạnh chiếc *xaraphan* và cái áo cánh lót bằng vải trắng mỏng, khiến cô ấy trông thật đẹp. Bắp chân và mu bàn chân lộ ra trên đôi hài sảo thon gầy, làn da mỏng mịn.

⁽¹⁾ *Xaraphan*: một kiểu váy áo không tay (N.D.).

- Em biết típ này rồi. Hồi đi học em cũng có một cô bạn như thế. Chắc là có máu tâm thần ittêri chứ gì.

- Có thể thế lắm. Thêm nữa gương mặt cô ta trông giống mẹ, mà mẹ thì dòng giống xuất thân vốn là một tiểu thư phương Đông mắc bệnh gì đó đại loại như là bệnh trầm cảm. Chỉ đến bữa ăn mới xuất hiện. Bước ra, ngồi xuống và im lặng, húng hắng ho, không nhìn lên và cứ đặt đi đặt lại dao đĩa. Còn nếu bất ngờ bà ta lên tiếng thì nói rất to khiến mọi người phải giật thót.

- Thế còn ông bố?

- Ông ta cũng ít nói và khô khan, người cao dong dỏng, là sĩ quan về hưu. Chỉ có cậu con trai anh dạy thêm là giản dị và đáng yêu.

Người phục vụ toa bước ra khỏi căn buồng, nói rằng giường nằm đã chuẩn bị xong xuôi và chúc ngủ ngon.

- Tên cô ta là gì?

- Ruxia.

- Nguyên cả tên là thế nào?

- Rất đơn giản thôi - Maruxia.

- Thế rồi sao nữa, anh phải lòng cô ta như điệu đố chứ?

- Tất nhiên, dường như mê kinh khủng nữa là khác.

- Thế còn cô ta?

Ông im lặng một lát rồi trả lời, giọng khô khốc:

- Chắc là phía cô ấy cũng cảm thấy như vậy.

Nhưng thôi đi ngủ thôi. Cả ngày hôm nay anh mệt lắm rồi.

- Tuyệt thật đấy. Anh chỉ vô tình gọi chuyện thế thôi. Nào, anh hãy kể đôi ba câu cũng được, thiên tình sử giữa hai người đã kết thúc như thế nào?

- Chẳng thế nào cả. Anh rời khỏi chỗ đấy và mọi chuyện kết thúc.

- Sao anh không cưới cô ta?

- Chắc vì anh linh cảm rằng sẽ được gặp em.

- Không, nói nghiêm chỉnh là sao?

- Thì cứ cho là anh đã rút súng ra tự sát, còn cô ta thì tự đâm dao vào bụng...

Họ rửa mặt, đánh răng rồi vào trong ngăn buồng chật hẹp, cởi bỏ quần áo. Với vẻ khoan khoái của kẻ đi đường, họ nằm vào tấm vải lót thơm láng bóng, gối đầu lên tấm gối cũng như vậy; chiếc gối chốc chốc lại bị trượt đi vì đầu giường dốc cao.

Ô khoang tròn nhỏ màu xanh tím phía trên tấm cửa như đang lặng lẽ nhìn xuống bóng tối. Bà hành khách lát sau đã yên giấc, còn ông thì chỉ nằm, không ngủ, châm thuốc hút và nhớ lại mùa hè năm ấy...

Trên mình nàng cũng có nhiều nốt ruồi nhỏ - đặc điểm này thật là khả ái. Nàng đi giày mềm, không có gót cao, nên toàn thân nàng uyển chuyển dưới chiếc *xaraphan*. *Xaraphan* may rộng, vải nhẹ mỏng choàng lấy tấm thân trinh nữ dong dỏng của nàng. Có lần nàng bị mưa ướt hết cả chân, nàng chạy từ vườn vào phòng khách, còn anh thì bỏ tới cởi giày cho nàng, và hôn lên mu bàn chân nhỏ ướt nước mưa của nàng - cả

đời anh chưa khi nào có được niềm hạnh phúc như thế. Con mưa thanh mát, ngát hương thơm mỗi lúc một thêm nặng hạt, đổ mau ngoài cửa thông ra ban công để mở. Trong nhà tối tối, mọi người đều ngủ sau bữa trưa - và cả nàng lẫn anh đều được một phen khiếp đảm khi con gà trống mầu đen pha lẫn mầu lông xanh mượt, mầu đỏ to bỗng từ vườn chạy vào, móng vuốt gỗ lạch cạch lên sàn nhà đúng vào cái phút say mê nhất, khi cả hai đều không còn biết thận trọng giữ gìn. Nhìn thấy hai người bật dậy từ đi-văng, nó vội vàng cúi mình bỏ chạy ra ngoài mưa như thể vì giữ lịch sự, bộ lông đuôi bóng mượt của nó cụp xuống...

Thời gian đầu nàng như còn để ý quan sát anh; khi anh nói chuyện với nàng, gương mặt nàng ửng đỏ và nàng trả lời với giọng lâu bầu giễu cợt; khi ngồi ăn, nàng thường hay chọc tức anh bằng cách nói to với bố:

- Đừng mời anh ấy ăn ba ạ, vô ích thôi. Anh ấy không thích bánh mằn thắn đâu. Thêm nữa, cái món súp lạnh cũng không ưa, mì dẹt cũng chán, sữa chua đặc thì khinh, còn *phomat* tươi thì căm ghét.

Sáng sáng anh bận dạy học cho cậu bé, còn nàng thì bận nội trợ - mọi việc trong nhà đều đến tay. Mọi người thường ăn trưa vào một giờ, sau bữa trưa nàng bỏ về phòng mình trên căn gác nhỏ, hoặc nếu trời không mưa thì đi vào vườn, nơi nàng đặt giá vẽ dưới cây bạch dương, nàng vừa vẽ từ cảnh thật, vừa xua muỗi. Sau đó nàng bước ra ban công, nơi sau

bữa trưa anh thường ngồi đọc sách trong chiếc ghế bành đan bằng cói, lưng ngả về phía sau. Nàng đứng bên cạnh, tay chấp ra sau lưng và nhìn anh với nụ cười khẩy:

- Xin cho biết anh đang bồi bổ kiến thức uyên bác nào thế?

- Lịch sử cách mạng Pháp.

- Chà, chào ôi! Không ngờ rằng trong nhà chúng tôi lại có một nhà cách mạng!

- Sao cô lại bỏ cái nghề hội họa của cô thế?

- Sắp tới cũng đến phải bỏ hẳn thôi. Tôi đã tin chắc mình là kẻ bất tài.

- Nhưng cô thử cho tôi xem một bức nào đó mình vẽ xem nào.

- Anh cho rằng anh cũng hiểu biết ít nhiều về mỹ thuật sao?

- Cô tự ái quá đáng đấy.

- Cũng có cái tật như thế...

Cuối cùng thì nàng gợi ý anh cùng bơi thuyền chơi trên hồ. Nàng quả quyết nói:

- Hình như mùa mưa vùng nhiệt đới chúng ta đã qua rồi. Ta phải giải trí chứ. Quả tình mà nói thì cái thuyền của nhà tôi khá ọp ẹp, đáy có lỗ thủng, nhưng tôi và Pêchia đã lấy cỏ gấu bịt hết các chỗ thủng rồi...

Hôm ấy trời nóng nực, oi bức, đám cỏ mọc ven bờ xen lẫn những bông hoa quáng gà màu vàng như bị hun lên bởi cái nóng ẩm ướt, trên đó thấy bò lổm ngổm vô số sâu bướm nhỏ màu xanh nhàn nhạt.

Anh đã học được cái giọng giễu cợt thường xuyên của nàng; bước đến gần thuyền, anh nói:

- Cuối cùng thì cô đã chiếu cố tới tôi!

- Cuối cùng thì anh đã tập trung được ý nghĩ để trả lời tôi! - nàng hăng hái nói và nhảy lên mũi thuyền làm đàn ếch nhái từ bốn phía nhảy rào rào xuống nước. Nhưng rồi nàng bỗng hét lên thất thanh và nắm lấy gấu *xaraphan* kéo lên tận đầu gối, hai chân đập đập xuống:

- Rắn! Rắn!

Anh nhìn thoáng thấy đôi chân trần mềm mại trắng ngần của nàng, giật lấy mái chèo từ mũi thuyền đập vào con rắn đang bò ngoằn ngoèo trong đáy thuyền. Khểu được rắn vào đầu mái chèo, anh quăng nó xuống nước thật xa.

Mặt nàng tái mét, nốt ruồi trên mặt trông như sẫm màu hơn, mái tóc và cặp mắt đen huyền dường như đen thêm. Nàng thở phào nhẹ nhõm:

- Chao, sao mà khiếp vậy! Chẳng thế mà chữ "kinh sợ" lại phát sinh từ chữ "rắn"⁽¹⁾. Ở vùng này đâu cũng thấy chúng, trong nhà, ngoài vườn... Thế mà anh thử hình dung xem, Pêchia lại cầm rắn trên tay đấy!

Lần đầu tiên nàng nói với anh bằng giọng bình thường, không kiêu cách, lần đầu tiên họ nhìn thẳng vào mắt nhau.

- Anh tài thật đấy! Anh đập nó trúng thế!

⁽¹⁾ Trong tiếng Nga chữ *uj* nghĩa là rắn, còn chữ *ujax* nghĩa là kinh sợ.

Nàng đã hoàn hồn trở lại, nhoẻn miệng cười, chạy từ phía mũi thuyền vào trong khoang và ngồi xuống vui vẻ. Vẻ đẹp của nàng trong cơn sợ hãi làm anh choáng váng; lúc đấy một ý nghĩ dịu dàng chợt đến với anh: nàng quả là còn trẻ quá!

Nhưng anh lại làm ra vẻ lãnh đạm, chăm chú bước vào thuyền, chống mái chèo xuống bờ lầy, để mũi thuyền quay ra phía trước, túm lấy đám cỏ gấu dày mọc ngầm dưới nước, lách qua những bông súng với tán lá to tròn phủ đầy ven hồ mà kéo thuyền ra chỗ nước sâu, ngồi xuống thanh gỗ kê giữa thuyền rồi khoả mái chèo khi bên phải, khi bên trái.

- Có đúng là thích không anh? - nàng thốt lên.

- Thích thật! - anh trả lời, bỏ chiếc mũ lưỡi trai xuống, rồi quay về phía nàng: - Cô làm ơn đặt bên cạnh mình kéo tôi lại đánh rơi xuống lòng thuyền vì, nói xin lỗi cô chứ, nước vẫn chảy vào và đầy những đĩa là đĩa.

Nàng đặt chiếc mũ lưỡi trai lên đầu gối.

- Cô khỏi phải bận tâm thế, quãng đâu cũng được.

Nàng áp chiếc mũ lên ngực:

- Không đâu, tôi thích cảm thế này!

Trái tim anh dịu dàng thất lại, nhưng anh quay mặt đi và mạnh tay hơn khoả mái chèo xuống mặt nước lấp loáng giữa đám cỏ gấu và hoa súng.

Muối bám lên mặt, lên tay; chung quanh như chìm trong ánh sáng bạc ảm áp: làn không khí trong lành, ánh mặt trời nhợt nhạt còn vương lại, những đám mây trắng bông bênh cuộn tròn mờ mờ

hiện ra trên nền trời và dưới mặt nước xen giữa những đám cỏ gấu và hoa súng, trên hồ chỗ nào cũng nông đến nỗi có thể nhìn rõ đáy với đám rong rêu mọc ngầm dưới nước, tuy nhiên đáy nông cũng không làm mất đi cái cảm giác sâu thăm thẳm của bầu trời cùng mây đã in hình trong đó. Bỗng nàng lại kêu lên thất thanh - con thuyền bị đảo nghiêng: nàng khoả tay xuống nước, túm được thân cây hoa súng rồi kéo mạnh nó lên và kết quả là bị lật nghiêng cùng với thuyền. Anh kịp thời nhào tới và túm lấy vai nàng. Nàng cười phá lên, ngả lưng xuống khoang thuyền, lấy tay ướm vẩy nước thẳng vào mắt anh. Lúc đó anh lại giữ chặt lấy nàng; không biết phải làm gì, anh hôn vào môi nàng đang cười sặc sụa. Nàng nhanh nhẹn ôm lấy cổ anh và vung về hôn lên má anh...

Từ dạo ấy họ thường đi bơi thuyền đêm. Ngày hôm sau, ăn trưa xong, nàng gọi anh vào vườn rồi hỏi:

- Anh có yêu em không?

Anh nhớ lại những cái hôn trên thuyền hôm trước và sôi nổi trả lời:

- Yêu ngay từ ngày đầu chúng mình gặp nhau!

- Em cũng thế, - nàng nói. - Không, đúng ra thì mới đầu em cảm ghét anh cơ - em có cảm giác rằng anh chẳng để ý gì đến em cả. Nhưng may thay, mọi chuyện đó qua rồi. Tối nay, lúc mọi người đi ngủ, anh lại ra đây đợi em nhé. Chỉ có điều ra khỏi nhà anh phải hết sức kín đáo đấy - mẹ em theo dõi em từng bước, ghen tức ghê gớm với bất cứ ai yêu em.

Đến khuya nàng ra tới bờ hồ tay cầm một tấm khăn choàng len rộng. Vì sung sướng, anh bối rối đón nàng và chỉ biết hỏi:

- Tấm choàng này để làm gì vậy?

- Anh ngốc lăm. Đến khuya chúng mình sẽ bị lạnh đấy. Thôi, anh lên thuyền nhanh nhanh đi và chèo sang phía bờ bên kia...

Trên thuyền lúc chèo đi, cả hai đều im lặng. Khi bơi gần đến cánh rừng phía bờ bên kia, nàng nói:

- Đến rồi đấy. Bây giờ thì anh đến cạnh em đi. Tấm khăn choàng đâu nhỉ? À, em ngồi lên nó đây. Anh quàng cho em đi, em lạnh quá, ngồi xuống đây đi anh. Thế thế... Không, khoan đã, ngày hôm qua chúng mình hôn nhau chẳng ra sao cả, bây giờ thì để em hôn anh trước, thật khê, thật khê thôi. Còn anh thì ôm em,... ôm cả người cơ...

Dưới tấm *xaraphan* nàng chỉ mặc chiếc áo cánh lót. Nàng chỉ khê chạm hôn nhẹ vào khoé môi anh. Đầu anh quay cuồng, nửa tỉnh nửa mê; anh ngả mình nàng xuống sàn thuyền. Nàng run rẩy ôm lấy anh...

Nàng nằm yên bất động, hơi ngẩng đầu lên, nụ cười trên môi nàng mệt mỏi và hạnh phúc. Nàng nói:

- Từ giờ chúng mình đã là vợ chồng. Mẹ nói rằng bà không thể chịu nổi cảnh em đi lấy chồng, nhưng lúc này em chẳng muốn nghĩ đến điều ấy đâu... Anh biết không, em thêm tấm quá, em rất thích tấm đêm...

Nàng cởi áo qua đầu, thân mình cao dong dỏng của nàng hiện ra trắng trắng trong bóng tối mờ mờ. Nàng vén bím tóc dài quanh đầu, tay giơ lên, để lộ bộ

ngực cao cao. Nàng không cảm thấy ngưng ngừng với sự khoả thân của mình. Quấn tóc xong, nàng hôn anh thật nhanh, đứng bật dậy rồi nhẩy tùm xuống nước, đầu ngả ra phía sau, chân đập nước loay loay.

Một lúc sau anh cập rập giúp nàng mặc áo và quàng tấm khăn rộng lên mình nàng. Trong bóng tối mờ mờ đôi mắt huyền và mái tóc đen với bím tóc quấn quanh hiện lên thật kỳ ảo. Anh không dám chạm đến nàng nữa, chỉ hôn đôi bàn tay nàng và lặng người đi trong cảm giác hạnh phúc nôn nao, ngây ngất. Đường như có ai đó đứng trong bóng tối khu rừng ven bờ đây những ánh đom đóm lập loè - đứng trong đó mà nghe ngóng. Đôi lúc lại có tiếng xào xạc dây cỏ trọng từ phía ấy. Nàng ngẩng đầu lên:

- Đứng lại, cái gì thế?

- Đừng sợ em ạ, đấy chắc là ếch nhẩy lên bờ thôi. Hay là con dím trong rừng...

- Nhưng nếu có con dê rừng thì sao?

- Con dê rừng nào kia?

- Em không biết nữa. Nhưng anh cứ thử nghĩ mà xem, có con dê từ cánh rừng đi ra, nó dừng lại và nhìn chăm chăm... Ôi, em thấy sung sướng quá, em muốn nói đủ điều ngớ ngẩn, lắm lắm!

Anh lại áp đôi tay nàng lên môi mình, chốc chốc lại hôn vào ngực nàng lạnh ngắt như nâng niu một vật gì thiêng liêng nhất. Nàng đã trở thành một con người hoàn toàn khác đối với anh! Sau dải đen thấp của cánh rừng còn ngưng đọng và chưa tắt hẳn một vầng sáng nhờ nhờ ngả màu xanh lục in xuống mặt

nước trắng trắng từ xa; cây cỏ dẫm sương ven hồ tỏa ra mùi hăng hắc như mùi cần tây; đàn muôi vô hình kêu vo vo đầy bí ẩn như van xin điều gì; những con châu chấu đáng sợ, không biết ngủ cứ xè xè bay trên mạn thuyền và ngoài xa trên mặt nước lấp lánh dưới trời đêm. Và ở đâu đó có cái gì đang xào xạc, bò đi, lách qua...

Một tuần sau anh bị đuổi khỏi nhà cô gái một cách nhục nhã vô lối, lòng bàng hoàng kinh hãi vì sự chia ly hoàn toàn đột ngột với nàng.

Một lần sau bữa trưa, hai người đang chụm đầu ngồi bên nhau trong phòng khách và xem tranh in trong các số tạp chí "Niva" cũ.

- Em còn chưa chán anh đấy chứ? - anh khẽ hỏi, làm ra vẻ đang chăm chú nhìn.

- Anh ngốc lắm. Ngốc kinh khủng! - nàng thì thào.

Bất ngờ có tiếng chân chạy nhẹ êm - trên ngưỡng cửa hiện ra bà mẹ đỡ người của nàng, bà mặc chiếc áo choàng lụa đen nhàu nát, chân đi dép da dê sờn cũ. Cặp mắt đen của bà ánh lên một cách bi thương. Bà chạy vào phòng như ra sân khấu và hét lên:

- Tao hiểu cả rồi mà! Tao đã biết trước rồi, tao theo dõi rồi! Thằng đểu kia, mày đừng có hòng mà lấy con tao!

Bà vung tay áo rộng lên, bóp cò khẩu súng lục cổ lỗ nổ vang - khẩu súng này Pêchia vẫn dùng để dọa chim sẻ và chỉ nhồi thuốc súng không thôi. Trong đám khói mù mịt, anh lao về phía bà, túm lấy cánh tay chắc khỏe của bà. Bà ta vùng ra, đập súng lục

vào trán anh làm bật máu trên lông mày, quăng súng vào người anh; và khi nghe thấy có tiếng chân người chạy trong nhà theo tiếng hô hoán và súng nổ thì bà ta càng hét to hơn, đầy vẻ đóng kịch hơn, dãi dốt sùi ra trên môi thâm sì:

- Có bước qua xác tao nó mới lấy mày được! Nó mà chạy theo mày, thì ngay tức khắc tao sẽ treo cổ tự tử, sẽ nhảy từ mái nhà xuống! Đồ đểu, cuốn xéo ngay khỏi nhà tao! Còn cô kia, cô hãy chọn đi: mẹ hay là nó!

Nàng thì thảo run rẩy:

- Mẹ, mẹ...

... Anh chợt tỉnh, mở mắt ra - ô khoang tròn nhỏ màu xanh tím trên cánh cửa ra vào vẫn miệt mài, bí ẩn, lạnh lẽo nhìn xuống anh từ trong khoảng tối, toa tàu vẫn lắc lư, nhịp nhàng và cũng miệt mài như thế lao nhanh về phía trước. Cái ga xép nhỏ hoang vắng kia đã lùi lại rất xa, rất xa. Và cũng đã hai mươi năm trôi qua từ những ngày ấy - cánh rừng nhỏ, chim ác lá, đầm nước, hoa súng, những con rắn và sếu trời... Phải rồi, còn có cả sếu trời nữa chứ - anh làm sao quên được chúng! Mọi chuyện mùa hè năm ấy đều dị thường, cả cặp sếu không biết từ đâu thỉnh thoảng bay tới ven đầm nữa cũng dị thường. Thật lạ lùng rằng chúng chỉ cho mỗi mình nàng lại gần, cúi cong cái cổ dài thanh thanh, từ phía trên nhìn xuống nàng với vẻ rất nghiêm nghị nhưng đầy tò mò hiền lành, khi nàng nhẹ nhàng thanh thoát chạy đến bên chúng, chân đi hài sảo sặc sỡ. Bất thần nàng ngồi

xồm trước đôi sếu, tấm váy *xaraphan* màu vàng xòe ra trên bãi cỏ xanh ven đầm ẩm ướt, ấm áp; với vẻ say sưa thơ trẻ nàng nhìn vào đôi mắt đẹp đen dử tợn của chúng, đôi mắt lọt vào giữa mép vòng viền màu xám sẫm. Anh nhìn lên nàng và đôi sếu từ xa qua ống nhòm; anh thấy rõ đầu sếu nhỏ màu sáng bóng, thậm chí còn nhìn thấy lỗ mũi xương xương, cái mỏ hình ống to dài chỉ cần mổ một cái là làm rấn chết. Minh sếu ngắn phủ một lớp lông đen nhánh màu thép với vạt lông đuôi loà xoà, đôi chân xương xương đây vậy mọc của chúng quá dài và nhỏ - một con có chân đen tuyền, còn con kia chân lại ngả màu xanh lục nhạt. Đôi khi chúng đứng hàng giờ liền trên một chân, bất động một cách khó hiểu. Có lúc tự nhiên chúng lại nhảy tung tưng lên, xoạc dài đôi cánh ra, hoặc có lúc lại dạo chơi đây vể bề vể, bước đi chậm rãi, đều đặn; lúc giờ cao chân lên thì ba móng chụm lại, khi hạ xuống thì móng lại xòe ra như móng cú diều, và đầu thì lúc nào cũng lúc lắc... Nói cho đúng thì khi nàng chạy lên chỗ đôi sếu, anh đã chẳng còn nghĩ được gì, chẳng còn nhìn thấy gì - anh chỉ thấy tấm *xaraphan* của nàng xòe ra trên mặt cỏ, toàn thân anh run rẩy ngậy ngất chợt hình dung tới thân thể nàng mềm mại ẩn sau tấm *xaraphan*, với những nốt ruồi nhỏ ly ty. Vào ngày cuối cùng của họ, vào lần cuối họ ngồi gần nhau trên đi-văng trong phòng khách xem tập tạp chí "Niva" cũ, nàng cũng cầm lấy chiếc mũ lưới trai của anh, áp mũ lên ngực mình như cái lần ngồi trên thuyền hồi nào. Cặp mắt đen huyền

long lạnh của nàng ánh lên niềm sung sướng, nàng nhìn thẳng vào mắt anh và nói:

- Bây giờ thì em yêu anh lắm anh ạ, đến nỗi với em chẳng còn gì thân thiết hơn mùi hương trong mũ của anh, mùi mái tóc anh và mùi nước hoa ngai ngái anh dùng!

... Tàu chạy qua Kurxcơ, trong toa ăn, sau bữa sáng, ông khách uống cà phê cùng rượu cônhắc, bà vợ nói với ông:

- Anh làm sao mà uống nhiều thế? Có dễ phải tới ly thứ năm rồi đấy. Vẫn còn buồn nhớ tới cô nàng có mu bàn chân thon gầy ở nhà nghỉ chứ?

- Ồ, ờ, đang buồn đây, - ông trả lời, mỉm cười gượng gạo. - Cô nàng nơi nhà nghỉ... *Amata nobis quantum amabitur nulla!*⁽¹⁾

- Tiếng Latinh đấy à? Thế nghĩa là gì?

- Mình không cần biết điều này đâu.

- Sao anh thô lỗ thế, - bà hành khách nói, thở dài không ý tứ, và đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ đầy ánh mặt trời.

PHAN HỒNG GIANG dịch

⁽¹⁾ Người con gái ta yêu, chẳng bao giờ còn ai được yêu đến thế!

NATALI

I

Vào mùa hè năm ấy, lần đầu tiên tôi được đội chiếc mũ lưỡi trai sinh viên và sung sướng cảm thấy cái hạnh phúc được bắt đầu sống một cuộc sống trẻ trung, đầy tự do phóng khoáng, cảm giác chỉ có ở lứa tuổi ấy. Tôi lớn lên trong một gia đình quyền quý ở nông thôn, một gia đình có nề nếp. Khi còn là một cậu học sinh, tôi đã khao khát mơ ước đến tình yêu, và lúc ấy cả tâm hồn cùng thể xác của tôi còn trong sạch lắm, tôi thường đỏ mặt khi nghe các bạn bè bàn bạc đến những chuyện không đứng đắn, đến nỗi bọn chúng phải thốt lên rằng: "Này, Mêserơxki, có lẽ cậu nên đi tu thì hơn!". Vào mùa hè năm ấy chắc tôi không còn đỏ mặt nữa, nếu phải nghe những chuyện tương tự. Trở về nhà để nghỉ hè, tôi nghĩ rằng đã đến lúc tôi, như tất cả những người khác, cần phải vứt bỏ cái trong sạch của mình, tìm kiếm một tình yêu không thơ mộng. Một phần vì nghĩ như thế, một phần nữa vì cũng muốn khoe chiếc mũ mới

màu xanh của mình, tôi bắt đầu đi sang các trang trại lân cận chơi hay ở lại nhà họ hàng, bè bạn để mong tìm những cuộc gặp gỡ yêu đương. Và thế là tôi lên đường đến trang trại của người cậu, em mẹ tôi là Tsêrokaxốp. Ông là một sĩ quan khinh quân về hưu và đã góa vợ từ rất lâu. Ông chỉ có một người con gái duy nhất tên là Xônhia...

Tôi đến trang trại ấy khi đêm đã về khuya lắm. Cả nhà chỉ có một mình Xônhia ra đón tôi. Tôi nhảy ra khỏi chiếc xe ngựa và chạy vào hành lang dẫn đến các phòng. Xônhia vận một chiếc áo ngủ bằng vải mỏng bước ra, tay trái giơ cao một ngọn nến đang cháy đỏ. Nàng ngửa má cho tôi hôn và vừa lắc đầu vừa nói với vẻ giễu cợt quen thuộc của mình:

- Ô, anh đúng là một chàng trai trẻ lúc nào và chỗ nào cũng đến muộn!

- Nhưng lần này thì không phải lỗi tại anh, - tôi trả lời, - không phải chàng trai trẻ đến muộn mà là xe lửa đến muộn.

- Khế chứ, mọi người ngủ cả rồi. Cả nhà sốt ruột chờ anh suốt cả buổi tối, cuối cùng thì tất cả đều nói: thôi kệ anh, muốn đến lúc nào thì đến. Ba em bực bội lên giường đi ngủ và chửi rủa anh là một kẻ nuốt lời hứa như không, còn Efrêm, người có lẽ sẽ ở lại ngoài ga cho đến sáng thì bị rửa là một thằng già ngu ngốc. Natali cũng giận dỗi bỏ đi, con hầu cũng bỏ đi, chỉ có một mình em là kiên nhẫn chờ anh, trung thành với anh... Thôi, anh cởi áo ngoài ra, rồi đi ăn tối thôi...

Tôi ngẩng nhìn đôi mắt xanh biếc của nàng và cánh tay để trần đến vai đang giơ cao lên và trả lời:

- Cám ơn em, cô bạn đáng yêu của anh. Lúc này anh đặc biệt cảm thấy sung sướng vì tin vào lòng trung thành của em: em đã trở thành một cô gái xinh đẹp rồi, anh đã có những dự định thực sự với em trong tương lai. Tay em, cổ em đẹp quá và cả cái áo ngủ mềm mại này cũng hấp dẫn cảm dỗ biết bao! Chắc là ở đằng sau tấm áo ấy chẳng có một cái gì hết!

Nàng bật cười:

- ...Gần như không có gì. Cả anh nữa, anh cũng lớn lên ghê lắm. Ánh mắt đầy sức sống và bộ ria mép đen thô thiển... Anh mới có những cái này đấy chứ? Chỉ mới hai năm, em không thấy anh, mà từ một cậu bé lúc nào cũng rụt rè e lệ, anh đã biến thành một chàng trai sỗ sàng, không biết ngượng là gì, nhưng lại rất hấp dẫn... Điều ấy chắc sẽ hứa hẹn với cả hai chúng ta nhiều chuyện yêu đương ngộ nghĩnh ly kỳ lắm, bà nội và bà ngoại vẫn nói với em như thế, chỉ có điều là nếu không có Natali bên cạnh. Bởi vì chỉ sáng mai thôi, anh sẽ yêu Natali, yêu cho đến khi chết...

- Natali là ai? - tôi vừa hỏi, vừa đi theo Xônhia sang phòng ăn, ở đấy có một cây đèn treo đang tỏa sáng và những cửa sổ mở rộng ra phía trời đêm hề ảm áp, yên tĩnh.

- Đó là Natasa Xtankêvích, bạn cùng trường với em. Nó đến chơi với em ở đây. Natali mới thật là người xinh đẹp, không phải như em đâu. Anh hãy

tưởng tượng mà xem nhé: Natali có một cái đầu rất đáng yêu, mái tóc nó óng vàng như người ta vẫn thường nói và một đôi mắt đen láy. Thậm chí không thể gọi là mắt được, phải gọi là những mặt trời đen như cách nói của người Ba Tư. Hàng lông mi thì tất nhiên là rất dài và cũng đen, nước da trên mặt, trên vai đẹp lạ lùng và bao nhiêu cái đẹp khác nữa.

- Những cái đẹp nào khác nữa? - tôi hỏi, và mỗi lúc một thấy say sưa hơn với cái cách nói chuyện của hai đứa.

- Sáng mai, em với Natali sẽ cùng nhau ra sông tắm - em khuyên anh lúc ấy hãy chui vào một bụi rậm nào đó thì sẽ biết được những cái đẹp khác ấy. Thân hình Natali đẹp như một nữ thần trẻ trung...

Trên bàn ăn có một đĩa thịt viên nguội, một miếng *phomat*, và một chai rượu mùi sản xuất tại Krüm.

- Anh đừng giận nhé, chẳng còn gì nữa cả, - nàng vừa nói vừa rót rượu cho mình và cho tôi. - Đến rượu trắng cũng không có. Thôi đành cầu trời mà chạm cốc với nhau bằng rượu mùi vậy.

- Em định cầu trời gì vậy?

- Mau mau tìm cho em một chàng trai nào có thể đến đây "ở rể". Bởi vì em đã gần hai mươi một tuổi rồi mà lại không sao lấy chồng ở riêng được: nếu vậy thì ba em sẽ ở với ai?

- Ừ thì khấn trời thế vậy!

Chúng tôi chạm cốc với nhau. Xônghia chạm rã uống hết cốc rượu và lại tiếp tục nhìn tôi bằng đôi

mắt hóm hình giễu cợt. Nàng nhìn tôi ăn và nói như tự nói với chính mình.

- Trông anh cũng được đấy, giống một anh chàng Giêócgi và cũng khá đẹp trai. Ngày trước, người anh gầy và mặt anh xanh xao lắm. Nói chung là anh thay đổi nhiều lắm, trở nên hoạt bát và dễ chịu hơn nhiều. Chỉ phải tội đôi mắt là hay liếc ngang liếc dọc.

- Đó là vì vẻ đẹp của em làm anh lúng túng đấy thôi. Trước kia em cũng có thể này đâu...

Tôi vui vẻ ngắm nhìn nàng. Xônhia ngồi phía bên kia bàn, nàng ngả người trên ghế, chân bắt chéo lại và hai bắp đùi chặc lắn của nàng gối lên nhau. Nàng ngồi hơi nghiêng mình về phía tôi, dưới ánh đèn, tôi nhìn thấy cánh tay nàng rám nắng, đôi mắt nàng màu xanh xanh tím tím nhìn tôi như giễu cợt và mái tóc màu hạt dẻ rất dày và mềm mại của nàng mà trước khi đi ngủ, Xônhia thường tết thành một đuôi sam rất to. Cổ áo ngủ mở rộng để hở cái cổ tròn trịa rám nắng và một cái hình tam giác cũng rám nắng như vậy ở phía trên bộ ngực đầy đặn. Bên má trái Xônhia, tôi nhìn thấy một nốt ruồi nhỏ có vài sợi lông đen mọc rất đẹp.

- Dạo này cậu ra sao rồi?

Vẫn tiếp tục đưa cặp mắt giễu cợt nhìn tôi, nàng lặng lẽ rút trong túi ra một hộp thuốc lá bằng bạc và một bao diêm cũng bằng bạc như thế, rồi rất thoải mái và diêm nhiên châm lửa hút, khẽ nhích chân sang một bên và nói:

- Nhờ trời, ba em vẫn còn khoẻ. Tính tình vẫn

cứng rắn và bướng bỉnh như trước kia, vẫn phải chống nạng. Ba em thích chải bông lên bộ tóc bạc, dựng đứng của mình và bí mật bôi một thứ thuốc gì ấy làm cho bộ râu màu xám đi. Ba em vẫn thường xuyên cầu Chúa. Chỉ có là dạo này hay lắc đầu phản đối hơn, lắc đầu một cách cương quyết hơn xưa. Gần như không bao giờ ba em chịu đồng ý với một cái gì... - Nàng nói và bật cười. - Anh có muốn hút thuốc không?

Tôi cũng lấy một điếu và hút, mặc dầu hồi đó tôi chưa nghiện thuốc lá, Xônhia lại rót thêm rượu cho mình và cho tôi. Nàng nhìn ra màn đêm ngoài cửa sổ và nói:

- Nhờ trời, mọi việc đều vẫn tốt lành. Mùa hè năm nay rất đẹp và đêm thì kỳ diệu biết bao! Chỉ có chim họa mi thôi không hót nữa. Được gặp anh, em mừng lắm. Em cho người đi đón anh từ lúc sáu giờ chiều, em cứ lo ngay ngáy là lão già Efrêm mất trí thế nào cũng đánh xe đến ga muôn mắt thôi. Em nóng lòng chờ anh hơn bất cứ ai hết. Và khi mọi người chán nản bỏ đi, em lại thấy thích thú nữa cơ, bởi vì em nghĩ rằng anh sẽ đến muôn và như thế là chúng ta sẽ được ngồi một mình bên nhau. Không hiểu tại sao em cứ nghĩ rằng, thế nào anh cũng sẽ thay đổi nhiều lắm, những người như anh thường bao giờ cũng thế. Anh có biết không - thật là em thú vị biết chừng nào, khi được ngồi một mình trong gian nhà rộng thế này giữa một đêm hè thanh vắng để chờ đợi người thân từ ngoài ga sẽ tới, và cuối cùng thì đã

nghe thấy tiếng chuông xe ngựa rung lên vang vào trong sân...

Tôi đưa tay qua bàn cầm lấy tay nàng và nắm chặt, lòng tràn ngập một niềm khát khao tới nàng. Xônghia khoan khoái, điềm nhiên, nhẹ nhẹ thở ra từng làn khói thuốc. Tôi bỏ tay nàng ra và nói với giọng đùa đùa:

- Thế mà em còn nói đến Natali... Chẳng có một Natali nào sánh được với em... À mà, Natali là ai, cô ta từ đâu tới?

- Natali cũng là người tỉnh Vônghesơ thôi. Natali lớn lên trong một gia đình quý phái, ngày xưa giàu có lắm, nhưng bây giờ thì gần như phá sản hoàn toàn rồi... Trong nhà ai cũng nói chuyện với nhau toàn bằng tiếng Anh, tiếng Pháp mà cái ăn thì lại chẳng có... Natali là một cô gái rất hay xúc động; đáng người thanh thanh, rất cân đối, có một vẻ gì còn rất thơ ngây trong cái đáng người ấy. Cô ta rất thông minh, nhưng tính tình thì kín đáo lắm, mới gần, khó mà biết ngay được Natali là người sáng dạ hay ngu độn. Họ hàng Xtankêvích ở gần nhà người anh họ rất đáng mến của anh đây, anh Alếchây Meserôxki ấy mà. Natali kể là dạo này anh ấy hay đến chơi nhà cô ta luôn và thường than vãn vì cái cảnh sống cô đơn của mình. Nhưng Natali không thích Alếchây Mêsêrôxki. Anh ta là một người giấu sang, nếu có gì thì chắc mọi người sẽ nói ra nói vào là đấy, cô ấy đi lấy chồng chỉ vì ham tiền, chỉ vì chiều ý bố mẹ mà hy sinh thân mình đi.

- Thôi được rồi, - tôi nói. - Nhưng mà hãy trở lại chuyện của chúng ta xem, Natali, Natali, thế còn mối tình của anh và em thì sao?

- Tuy vậy Natali vẫn không cản trở gì cho mối tình của chúng ta cả, - nàng trả lời. - Anh sẽ gần như mất trí đi vì yêu Natali, còn hôn thì anh sẽ hôn em. Anh sẽ tựa đầu vào ngực em mà khóc, vì Natali quá tàn nhẫn, còn em, em sẽ an ủi anh.

- Nhưng mà chính em cũng biết rằng từ lâu anh đã phải lòng em cơ mà!

- Đó chỉ là sự phải lòng thường tình đối với một cô em họ thôi, hơn nữa điều ấy lại rất nguy hiểm và lúc đó anh còn là một cậu bé khờ khạo, ngây ngô. Nhưng mà thôi, em tha thứ cho tất cả những điều ngu ngốc của anh trước kia và sẵn sàng bắt đầu mối tình của chúng ta ngay ngày mai, mặc dầu có Natali bên cạnh. Còn bây giờ thì chúng ta đi ngủ thôi, ngày mai em phải dậy sớm để làm một ít việc trong nhà.

Xônhia đứng dậy, khẽ phủi chiếc áo ngủ rồi cầm lấy nến đã cháy gần hết đặt ở ngoài hành lang và dẫn tôi vào phòng dành riêng cho tôi. Tôi dừng lại trên ngưỡng cửa, trong lòng tràn đầy ngạc nhiên và vui sướng với cái điều mà suốt bữa ăn tôi đã ngạc nhiên và vui sướng, - tôi không ngờ rằng, ở nhà Tserokaxốp, những hy vọng yêu đương của tôi đã may mắn biến thành sự thực như vậy - và, lúc ấy, tôi tựa mình nàng vào khung cửa rồi hôn lên môi nàng một cái hôn dài say đắm; còn nàng thì miễn cưỡng nhắm mắt lại và dần dần hạ cánh tay cầm

ngọn nến xuống. Gương mặt nàng ửng đỏ và trước khi trở về phòng mình, nàng giơ ngón tay lên dọa tôi và khẽ nói:

- Anh coi chừng đấy nhé, trước mặt mọi người ngày mai, anh đừng có mà chăm chăm đưa "cặp mắt đăm say" nhìn em đấy. Lạy trời cho ba em đừng nhận ra điều gì! Ba em rất sợ em mà em còn sợ ba hơn thế nữa kia. Em cũng không muốn cho Natali nghi hoặc điều gì. Bởi vì em xấu hổ lắm, anh đừng lên án cách em đối xử với anh nhé. Nếu anh không chịu làm theo lời em dặn, thì em sẽ ghét anh ngay đấy...

Tôi cởi bỏ quần áo và đặt phịch mình lên giường, trong người cảm thấy rất chóng mặt. Nhưng rồi chỉ một lát sau tôi đã ngủ thiếp đi, rã rời, kiệt sức vì mệt nhọc và hạnh phúc, không ngờ rằng một điều bất hạnh lớn đang chờ tôi trong tương lai, không ngờ rằng những câu đùa của Xônhia sẽ hoàn toàn không phải là chuyện đùa.

Sau này, nhiều lần tôi còn nhớ lại cái diêm chẳng lành đã đến với tôi lúc ấy: khi tôi bước vào phòng mình và bật diêm lên để châm nến thì một con dơi to bay lướt qua mặt tôi. Nó bay sát mặt tôi đến mức mà qua ánh diêm, tôi có thể nhìn rõ được bộ lông đen ghê tởm, đôi tai rất to, cái mũi hếch và bộ mặt hung dữ như thần chết của nó. Một lát sau, con dơi đó đảo qua đảo lại một cách thật đáng ghét rồi lao vào màn đêm bao trùm ngoài cửa sổ. Nhưng lúc ấy tôi đã quên ngay mất nó.

II

Sáng hôm sau, lần đầu tiên tôi nhìn thấy Natali và chỉ nhìn thấy loáng thoáng - nàng bắt ngờ chạy từ ngoài hành lang đến và ngó nhìn rất nhanh vào phòng ăn, - mái tóc còn chưa chải, chỉ vận mỗi một chiếc áo lụa mặc ngủ rộng không có khuy, màu vàng tơ, - chiếc áo lụa vàng tơ ấy, mái tóc vàng và đôi mắt đen láy chỉ thoáng hiện qua rồi biến mất ngay sau đó. Lúc ấy tôi đang ngồi một mình trong phòng ăn; vừa uống xong cốc cà phê - cậu tôi uống xong trước và đã bước ra ngoài nhà - tôi kéo ghế đứng dậy và tình cờ ngoái đầu lại...

Hôm ấy tôi dậy khá sớm, khi cả nhà còn ngủ yên. Trong nhà nhiều phòng đến nỗi lắm lúc tôi bị lạc. Căn phòng tôi ngủ ở một góc của ngôi nhà, có những chiếc cửa sổ nhìn ra phía vườn rợp bóng cây. Ngủ dậy tôi thấy rất tỉnh táo và, tắm rửa xong, tôi mặc vào người toàn đồ sạch sẽ, thật là khoan khoái khi khoác lên mình chiếc áo lụa đỏ cổ chéo, - chải lại thật đẹp bộ tóc ướt nước, mới cắt ngày hôm qua ở Vôrônhesơ, rồi bước ra hành lang trước mặt, rẽ sang hành lang bên cạnh và đến trước cửa phòng làm việc đồng thời là phòng ngủ của cậu tôi. Biết rằng về mùa hè cậu thường dậy khoảng năm giờ, tôi bèn gõ cửa. Không thấy ai trả lời, tôi liền mở cửa ngó vào và lấy làm hài lòng vì thấy ở đây vẫn như xưa, trong căn phòng cổ

kính rộng rãi có chiếc cửa sổ ba cánh gấp theo kiểu Ý Đại Lợi kê ngay bên cây phong trăm tuổi to lớn mình trắng toát nay vẫn chẳng có gì thay đổi cả: trên tường phía bên trái treo đầy những giá sách bằng gỗ sồi, giữa những giá sách ấy, ở một chỗ, là một chiếc đồng hồ vỏ gỗ hồng sắc, quả lắc bằng đồng bất động, ở một chỗ khác, là một đồng tửu hút thuốc xếp bên nhau, phía bên trên những chiếc tửu ấy có treo một cái phong vũ biểu, ở một chỗ nữa kê một chiếc bàn làm việc cũ kỹ từ đời cụ cố để lại, bàn được phủ bằng một lớp dạ xanh lá cây nay đã bạc phếch, trên bàn để ngổn ngang những kim, những búa, đinh, ống nhòm bằng đồng; trên tường gần cửa ra vào, phía bên trên tấm di-văng nặng trăm *pút*⁽¹⁾, có treo rất nhiều bức ảnh đặt trong cái khung hình bầu dục đã phai màu, bên dưới cửa sổ kê một cái bàn làm việc đồ sộ và một chiếc ghế bành sâu cũng đồ sộ như thế; bên phải phía trên chiếc giường rất rộng làm bằng gỗ sồi là một bức tranh vẽ che kín tường: trên nền đen bóng mờ mờ hiện ra những đám mây trắng trắng bồng bồng những hàng cây xanh đầy vẻ thơ mộng, phía đằng trước là hình một cô gái khoả thân dáng vẻ khỏe mạnh, nước da trắng như trứng bóc, hình vẽ to gần bằng người thật, cô gái đứng hơi nghiêng nghiêng quay về phía người xem bộ mặt kiêu hãnh và tất cả những đường nét đầy đặn của tấm lưng to lớn, cặp hông tròn và hai bắp đùi chắc nịch, những ngón tay

⁽¹⁾ Pút: đơn vị trọng lượng Nga trước đây. 1 pút = 16,38 kg.

xoè rộng của nàng đưa lên che lấy đầu vú một cách rất khêu gợi, còn tay kia thì hạ xuống bên dưới cái bụng đầy những ngấn mỡ. Vừa kịp ngẩng nhìn căn phòng ấy xong, tôi bỗng nghe thấy giọng nói rất khỏe của cậu tôi từ phía sau lưng; vừa chống nạng từ hành lang bước vào, cậu tôi nói lớn:

- Ô, anh bạn, anh đến vào lúc này thì đừng hòng tìm thấy tôi trong phòng ngủ. Anh bạn ngủ khoèo trên giường đến ba cây sồi ấy rồi còn gì.

- Cây sồi nào hở cậu?

- Nông dân họ vẫn thường nói thế đấy, - cậu tôi vừa trả lời vừa đưa tay vò vò mái tóc bạc dựng đứng của mình và nhìn tôi bằng đôi mắt màu vàng vàng, trông vẫn còn vẻ tinh anh và nhanh nhẹn lắm. - Mặt trời đã lên cao bằng ba ngọn sồi mà cháu vẫn còn rúc đầu vào gối, nông dân họ hay nói như vậy: Thôi, cậu cháu ta cùng vào uống cà phê đi...

"Ông già này hay thật, cái nhà này hay thật!" - tôi vừa nghĩ thế vừa theo cậu bước vào phòng ăn, mà ở đó những cánh cửa sổ đã mở rộng hướng ra ngoài khu vườn xanh cây sáng sớm và tất cả cái vẻ yên lành của một trang ấp nơi thôn dã vào một ngày mùa hạ.... Bà già giúp việc vóc người nhỏ bé, lưng gù đưa thức ăn tới, cậu tôi uống nước chè đặc từ chiếc cốc rất đầy đặn trong cái khung đỡ bằng bạc, những ngón tay mập mập của cậu giữ lấy chiếc thìa dài mạ vàng rất cổ đặt trong cốc; còn tôi thì quệt bơ ăn hết lát bánh mì đen này đến lát khác, vừa ăn vừa rót thêm cà phê cho mình; cậu tôi chỉ thích thú với những

chuyện của mình nên không hỏi tôi một điều gì cả, cậu kể đủ các thứ chuyện về các nhà điển chủ quanh vùng, vừa kể vừa chải rửa giẻ cột họ.

Tôi nhìn lên ria mép, bộ râu quai nón, những món tóc xoã trên sống mũi và tỏ vẻ lắng nghe chuyện, nhưng trong thâm tâm thì nóng lòng chờ đợi Natali và Xônhia đến nỗi không sao ngồi yên được: Natali là người thế nào và tôi sẽ gặp lại Xônhia ra làm sao sau khi có những việc hôm qua?... Lòng tôi tràn ngập một niềm say mê và cảm ơn nàng, tôi nghĩ đến chiếc giường ngủ của Xônhia và Natali, tưởng tượng ra tất cả cái vẻ bữa bộn trên chiếc giường ngủ của con gái vào buổi sáng lúc chưa thu dọn. Có thể Xônhia đã kể lại cho Natali nghe một vài điều về môi tình bắt đầu từ hôm qua giữa hai chúng tôi? Nếu đúng vậy thì tôi cũng có một cảm giác gì giống giống như tình yêu đối với Natali, không phải vì nàng là người đẹp mà vì, như vậy, nàng đã trở thành một kẻ đồng loã với tôi và Xônhia, - vì lẽ gì mà không thể yêu được hai người? Chỉ một lát nữa thôi cả hai sẽ cùng bước vào cái phòng này trong cái vẻ tươi mát của buổi sớm mai, sẽ nhìn thấy tôi, sẽ nhìn thấy vẻ đẹp Giêoócgi và chiếc áo lụa đỏ cổ chéo của tôi, cả hai sẽ cùng cất tiếng nói, cười, ngồi xuống bên bàn và sẽ yếu điệu rót cho mình cà phê từ cái bình nóng hổi này, - tôi sẽ thấy tất cả, thấy cái vẻ ngon miệng trẻ trung như lúc sáng sớm, niềm hứng khởi trẻ trung khi vừa qua một đêm, cặp mắt sáng long lanh sau khi ngủ đầy giấc, cái màu hồng phơn phớt trên đôi

má tuồng chừng như non trẻ thêm ra vào buổi sáng sớm, tiếng cười sau mỗi lời nói không hoàn toàn tự nhiên và vì vậy mà thêm đáng yêu, hấp dẫn...

Trước khi ăn sáng, Xônhia và Natali sẽ đi qua vườn ra ngoài sông, sẽ đứng trên bến tắm mà cởi bỏ váy áo, tắm thân trần sẽ hiện ra lồ lộ dưới bầu trời xanh và soi bóng dưới dòng nước trong vắt... Trí tưởng tượng rất giàu trong tôi, tôi như nhìn thấy rõ Xônhia và Natali đang thận trọng vịn lấy lan can bến tắm, bước từng bước trên những bậc chìm dưới nước lạnh lạnh, ướt ướt, trơn trơn vì phủ một lớp rêu xanh nhơm nhớp, nhìn thấy rõ Xônhia, ngả ngãi mái tóc dày ra đằng sau, rướn ngực lên và bồ nhào xuống nước, - và, dưới mặt nước, tắm thân nàng hiện ra trắng trắng xanh xanh một cách lạ lùng, tay chân nàng khoả nước về bốn phía như một con ếch...

- Thôi, đến bữa trưa lại gặp nhau nhé, cháu nhớ chứ: đến 12 giờ sẽ ăn bữa trưa, - cậu tôi vừa lắc đầu vừa nói và đứng dậy.

Tôi nhìn thấy chiếc cằm vừa cạo nhẵn nhụi, chỉ còn để lại nguyên hàng râu mép tiếp liền với bộ râu quai nón màu nâu xám, dáng người cậu tôi cao lớn, có cái vẻ cứng cáp của tuổi già, cậu mặc chiếc áo lụa màu cát vàng rộng thùng thình, đi đôi giày mũi tây, bàn tay to lớn giữ lấy chiếc nạng. Cậu khế lay vai tôi rồi nhanh nhẹn bỏ ra ngoài.

Đúng vào lúc ấy, khi tôi cũng vừa đứng dậy định đi qua phòng bên cạnh để ra ngoài bao lơn thì Natali chạy tới nhòm vào phòng ăn, loáng thoáng trước mắt

tôi rồi biến mất. Chỉ bằng từng ấy thôi, nàng cũng đã làm tôi sung sướng đến sững sốt. Tôi bước ra bao lơn, lòng đầy xúc động: đúng là một người đẹp thực! - Tôi đứng ngoài đó rất lâu cố suy nghĩ cho thật rạch ròi. Lúc ngồi trong phòng ăn, tôi mong gặp Xônhia và Natali là thế, mà khi biết cả hai vừa bước vào phòng ăn, tôi bỗng chạy bổ ra vườn vì tự nhiên thấy sợ hãi một cái gì, không hẳn vì sợ Xônhia, người con gái đang cùng tôi hưởng một điều bí ẩn đầy mê say, càng không hẳn vì sợ Natali, sợ cái giây phút thoáng qua mà nửa giờ trước đây nàng đã làm tôi choáng váng. Tôi đi dạo quanh khu vườn nằm ven bờ sông thâm thấp (cả trang ấp này đều ở ven sông); cuối cùng tôi đánh bạo, cố làm ra vẻ bình thản, và bước vào phòng. Tôi đón lấy thái độ vui vẻ, bạo dạn của Xônhia và câu đùa đáng yêu của Natali, - nàng mỉm cười, nhìn tôi bằng cặp mắt đen sáng dưới hàng mi đen dài hoà hợp một cách diệu kỳ với màu tóc vàng óng và nói:

- Minh với anh ấy đã gặp nhau rồi!

Sau đó cả ba chúng tôi cùng ra đứng ngoài bao lơn, tay dựa vào thành đá xây, trong người cảm thấy khoan khoái rằng ánh mặt trời hè buổi sớm đang rọi chiếu trên đầu để trần không đội mũ; Natali đứng bên tôi, còn Xônhia thì tựa vào Natali, ôm lấy nàng, mắt nhìn đi đâu lơ đãng và cất tiếng hát, giọng đùa bỡn: "Giữa cái đêm dạ hội ồn ào, tình cờ... em đã gặp anh...". Một lát sau, Xônhia đứng thẳng lại và nói:

- Thôi, ta đi tắm thôi! Trước tiên là Natali và em, rồi mới đến anh...

Natali chạy vào lấy khăn tắm, còn Xônhia thì đứng lại và nói nhỏ bên tai tôi:

- Từ ngày hôm nay anh cứ giả vờ là phải lòng Natali rồi nhé. Coi chừng đấy, có khi anh lại chẳng cần phải giả vờ đâu.

Thiếu chút nữa thì tôi đã bùng đùa táo bạo mà đáp lại rằng đúng thế, đã đến lúc không cần phải thế rồi. Xônhia đứng tựa vào cửa và nhỏ nhẹ nói thêm:

- Sau bữa ăn trưa, em sẽ đến với anh...

Chờ đến lúc Xônhia và Natali từ ngoài sông trở về, tôi lững thững đi ra bến tắm. Tôi đi trên con đường dài hai bên có những hàng cây bạch dương, rồi bước dưới những bóng cây lâu năm rậm rì, trên đó, từng đàn quạ đang kêu lên quàng quạc. Trong tôi đang có hai ý nghĩ hoàn toàn trái ngược nhau, ý nghĩ về Xônhia và về Natali; tôi nghĩ rằng chỉ một lát nữa thôi, tôi sẽ được tắm trên dòng nước mà lúc này Natali và Xônhia vừa tắm...

Giữa cái cảnh trời cao lồng lộng, cây cỏ xanh tươi và mặt trời rạng rỡ chiếu rọi, mang đến ngoài cánh cửa rộng mở những tia nắng tràn đầy hạnh phúc, vô tư, thanh bình, thoải mái, sau cái bữa ăn trưa kéo dài với món súp *akrôska*⁽¹⁾, gà giò quay và quả dứa hương lẫn với mận chín, mà suốt bữa ăn tôi đã lạng người đi vì Natali bên cạnh, vì chờ đợi cái giờ phút mà, sau bữa ăn, khi cả nhà sẽ vắng

⁽¹⁾ Một thứ súp nguội gồm nước giải khát có bọt men trộn lẫn với rau xanh và thịt băm hay cá (N.D.).

ngát, Xônhia sẽ lên đến phòng tôi (nàng bước vào phòng ăn, trên mái tóc còn cài một bông hồng đỏ sậm mềm mại như nhung), để cùng tôi tiếp tục cái điều hôm qua một cách không đại khái, qua quýt như đã làm; tôi trở vào phòng mình và mở hé các cánh cửa sổ. Tôi nằm chờ Xônhia trên chiếc divăng kiểu Thổ Nhĩ Kỳ, lắng mình trong cái yên ắng nóng nực bao trùm lên trang trại và cái tiếng chim hót trong vườn đã bắt đầu khắc khoải một nhọc khi đã quá trưa. Từ phía khu vườn, làn không khí đậm đà hương vị ngọt ngào của cỏ cây và hoa lá nhẹ nhẹ bay vào phòng. Còn tôi thì bế tắc nghĩ rằng: làm sao sống bây giờ đây, trong cái cảnh phân thân này - những cuộc hẹn hò vụng trộm với Xônhia và bên cạnh là Natali, người con gái mà chỉ cần thoáng nghĩ đến thôi là cả lòng tôi đã tràn ngập một tình yêu say mê trong trắng, một khát vọng mãnh liệt được nhìn thấy nàng chỉ để ngưỡng mộ thờ phụng, - cái cảm giác ấy đã đến với tôi ngay từ lúc tôi nhìn thấy tấm thân thon thả hơi cúi cúi về phía trước của nàng, nhìn thấy cái cùi tay nhòn nhọn của nàng tựa lên thành đá ở ngoài bao lơn chan hoà ánh nắng? Xônhia đứng bên cạnh nàng, một tay dựa lên thành bao lơn, một tay bá lấy vai Natali. Xônhia vận tấm váy áo nhẹ mỏng, có những đường vải gấp xếp lại, trông nàng giống như một người đàn bà trẻ tuổi vừa mới lấy chồng. Còn Natali? Nàng mặc một chiếc váy nhỏ bằng vải lanh và chiếc áo sơ mi cổ thêu kiểu Ucren, đằng sau tấm xiêm áo ấy như có thể đoán

được tắm thân nàng thơ trẻ, hoàn thiện biết bao nhiêu, dường như còn là một cô bé. Dưới làn vải chiếc tay áo sơmi có những đường chỉ thêu xanh đỏ bên vai, tôi nhìn thấy cánh tay yếu ớt thanh thanh của nàng, nhìn thấy những hàng lông tơ mịn màng trên nước da vàng vàng trắng trắng rất đẹp của nàng và nghĩ rằng: điều gì sẽ đến với tôi nếu tôi dám khẽ chạm đôi môi lên làn da ấy!

Natali cảm thấy cái nhìn của tôi, nàng quay lại phía tôi, cặp mắt sáng long lanh đen láy, cái đầu xinh xinh quấn một cuộn tóc vàng óng to dày. Tôi quay mặt đi, vội vàng cúi đầu xuống, và nhìn thấy hình bóng đôi chân nàng qua tấm váy mỏng được mặt trời rọi chiếu, nhìn thấy gót chân thon nhỏ hiện lên qua bít tất mỏng màu xám trong suốt...

Xônhia trên đầu cài một bông hồng, nhanh nhẹn mở cửa ra, bước vào và đóng ngay cửa lại. Nàng khẽ kêu lên: "Ồ, sao anh lại ngủ". Tôi chồm dậy - sao em lại nói thế, anh ngủ thế nào được! - và cầm lấy hai tay nàng. "Khoá cửa lại đi anh...". Tôi đâm bổ đến bên cửa, còn nàng thì ngồi xuống đìvăng, mắt từ từ nhắm lại và nói: "Nào, lại đây với em" - chúng tôi lập tức mất hết vẻ ngưng ngừng và lý trí. Những phút ấy, chúng tôi không nói với nhau một câu nào hết; Xônhia cho phép tôi hôn tất cả cái tấm thân nóng hổi đắm say ngây ngất của nàng - chỉ hôn thôi - mỗi lúc nàng lại nhắm nghiền mắt hơn, mỗi lúc khuôn mặt nàng lại đỏ hồng thêm lên. Bước ra khỏi phòng, nàng vừa sửa lại mái tóc vừa nói giọng thì thầm đe dọa:

- Về chuyện Natali thì em nhắc lại là anh đừng có mà vượt qua ranh giới giả vờ yêu. Tính em hoàn toàn không hiền lành, dịu dàng như anh tưởng đâu!

Đóa hoa hồng nằm rơi trên nền nhà. Tôi giấu nó vào trong ngăn bàn và đến chiều thì những cánh hồng đỏ sẫm mềm mịn như nhung ấy đã úa tàn và thâm tím.

III

Cuộc đời của tôi bề ngoài đơn điệu trôi qua, nhưng trong thâm tâm, không bao giờ tôi được hưởng lấy một phút yên tĩnh. Một mặt, càng ngày tôi càng gần bó với Xônhia hơn, gần bó với những cuộc gặp gỡ ngọt ngào, đắm đuối, mệt nhọc về đêm với nàng, - bấy giờ Xônhia chỉ đến với tôi vào ban đêm, khi mà mọi người trong nhà đã ngủ cả. Mặt khác, càng ngày tôi lại càng đau đớn hơn, say mê hơn mà thầm kín theo dõi Natali, theo dõi từng cử chỉ, từng bước đi của nàng. Mọi việc cứ phẳng lặng trôi qua theo cái thứ tự của một ngày hè: những cuộc gặp gỡ buổi sáng, tắm sông trước bữa ăn trưa, ăn trưa, rồi nghỉ trưa ai ở phòng nấy; ngủ dậy xong ra vườn chơi, Xônhia và Natali ngồi dưới hàng cây bạch dương thêu thùa, khâu vá và bắt tôi đọc to lên một vài tác phẩm của Gônzarốp, hoặc là nấu mút dưới gốc cây sồi cách nhà không xa bên khoảng rừng thưa ở mé

phải bao lớn; khoảng năm giờ thì cùng nhau uống trà ở cánh rừng thưa bên mé trái bao lớn; lúc trời ngả bóng chiều thì đi dạo hay là chơi trò *crôkét*⁽¹⁾ ở sân rộng trước nhà, có khi tôi với Natali một bên, chống lại Xônhia, có khi thì Xônhia và Natali ở một bên chống lại một mình tôi - đến chập choạng tối thì ăn bữa cuối trong phòng ăn... Sau bữa tối, cậu tôi lên giường đi ngủ, còn chúng tôi thì ngồi chơi với nhau rất lâu ngoài ban công: Xônhia và tôi thì đùa cợt và hút thuốc, còn Natali thì lặng yên không nói. Cuối cùng Xônhia nói: "Thôi, đi ngủ thôi" - tôi chia tay với cả hai và trở về phòng mình. Bàn tay tôi lạnh toát, tôi chờ cái phút đây mong ước khi mà cả ngôi nhà tối đen như mực và yên tĩnh đến mức có thể nghe thấy tiếng chiếc đồng hồ đeo tay của tôi đặt trên đầu giường phía dưới cây nến đã tắt đều đều kêu tí tách. Mỗi lúc tôi lại càng thêm ngạc nhiên, thêm sợ hãi: vì lẽ gì mà ông trời trừng phạt tôi như vậy, vì lẽ gì mà cùng một lúc đem đến cho tôi hai mối tình rất khác nhau và cùng say đắm như nhau, - cái đẹp phụng thờ đầy đau đớn đối với Natali và cái đắm đuối về thể xác với Xônhia. Tôi cảm thấy rằng, đã sắp đến lúc mà tôi và Xônhia đều không thoả mãn với cái cuộc gần gũi chưa hết mức của hai đứa, đến lúc ấy chắc tôi sẽ phát điên lên vì chờ đợi những cuộc gặp gỡ ban đêm, vì cái dư vị còn ám ảnh suốt ngày của những cuộc gặp gỡ ấy và, tất cả những điều ấy lại xảy ra bên cạnh

⁽¹⁾ Trò chơi dân tộc Nga dùng gậy gạt những quả cầu bằng gỗ vào lưới.

Natali! Xônhia đã bắt đầu ghen rồi, có lúc nàng đã nổi nóng giận dữ, tuy vậy, những lúc ở bên nhau nàng lại nói với tôi:

- Em sợ rằng, khi ăn và khi có mặt Natali, chúng mình không được tự nhiên lắm. Em có cảm giác rằng hình như ba em đã bắt đầu nhận thấy điều gì, Natali cũng vậy, còn bà lão hầu thì tất nhiên là biết rõ môi trường của chúng ta rồi và có lẽ đã mách nhỏ với ba. Anh hãy ngồi trong vườn lâu hơn với Natali, hãy đọc cho cô ta nghe cái cuốn tiểu thuyết "Vực thẳm"⁽¹⁾ chán ngắt ấy, chiều chiều hãy dẫn Natali đi chơi... Tất cả những điều ấy thật khủng khiếp bởi vì em đã thấy anh ngơ ngẩn ngẩn nhìn cô ta như thế nào, có lúc em cảm thấy căm thù anh, sẵn sàng nắm giạt lấy tóc anh trước mặt mọi người, như một con chó hung dữ, em còn biết làm thế nào nữa?

Điều làm tôi sợ hãi hơn cả là hình như Natali đã bắt đầu cảm thấy có một cái gì bí ẩn giữa tôi và Xônhia, không hẳn là đau khổ, cũng không hẳn là căm giận chúng tôi. Vốn tính đã lặng lẽ ít nói, Natali càng trở nên lặng lẽ, ít nói hơn, nàng thêu thùa hoặc chơi *crôkét* với một vẻ chăm chú quá mức. Nàng và tôi đã quen thân với nhau, đã gần gũi với nhau hơn, nhưng có một lần, trong khi ngồi với nàng một mình trong gian phòng khách, Natali hơi ngã mình trên divăng, tay lật lật mấy bản nhạc; tôi nói đùa với nàng:

⁽¹⁾ Tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn Nga Gônxtarốp (N.D.).

- Natali này, tôi nghe đồn rằng, có khi biết đâu chúng ta lại thành họ hàng với nhau đấy.

Nàng quay phắt lại nhìn tôi:

- Sao lại thế?

- Người anh họ của tôi, Alécxây Nhicôlaiêvic Mêserôxki...

Nàng không để tôi nói nốt:

- À ra thế! Người anh họ của anh, xin lỗi nhé, một người phì nộn, toàn thân lông lá, người khổng lồ có cái miệng nói lắp, ướt nhèm, đỏ chót... Ai cho anh quyền nói với tôi những chuyện như vậy?

Tôi hoảng sợ:

- Natali, Natali, sao cô lại khó tính với tôi thế! Đến nói đùa cũng không được! Thôi, thì tôi xin lỗi vậy, - tôi vừa nói, vừa cầm lấy tay nàng.

Nàng không rút tay ra và nói:

- Đến hôm nay tôi vẫn chưa hiểu... chưa biết anh... Nhưng mà thôi, không cần nói đến điều đó nữa...

Để khỏi phải nhìn thấy đôi giày *tennít* trắng đặt xiêu vẹo ở trên divăng, đôi giày thu hút tôi một cách ghê gớm, tôi bước ra ngoài bao lơn. Đám mây đen dày đặc dần dần hiện lên qua những ngọn cây trong khu vườn, bầu trời từ từ tối lại, cái vẻ ồn ào mềm mại của mùa hạ như đang lan tỏa rộng hơn, gần hơn trong khắp khu vườn, từng luồng gió đồng mang hơi mưa mát lạnh ngọt ngào thổi tới; bất giác, một cái gì vô cố thật ngọt ngào, thật tươi trẻ, khoan khoái như một niềm hứa hẹn hạnh phúc choán lấy tâm hồn tôi; tôi bỗng cất tiếng gọi:

- Natali, ra đây một tý đi!

Nàng bước ra ngưỡng cửa:

- Cái gì vậy?

- Natali, thử thử vào mà xem - làn gió thật diệu kỳ biết bao! Mọi cái đều có thể biến thành một niềm vui sướng to lớn đến thế nào!

Nàng lặng lẽ đáp:

- Đúng thế.

- Natali, sao bao giờ cô cũng có vẻ gay gắt với tôi thế? Natali có điều gì ghét tôi lắm, phải không?

Nàng kiêu kỳ nhún vai:

- Việc gì mà tôi phải ghét anh?

Tối hôm ấy, chúng tôi ngả mình trong những chiếc ghế bành đệm bằng mây đặt ngoài bao lơn và cả ba cùng lặng im trong bóng đêm yên tĩnh, - trên trời lác đác một vài đốm sao lấp lánh sau màn mây đen sẫm, một làn gió đã tàn héo yếu ớt từ phía bờ sông đưa lại, ở đó những con ếch đang miệt mài kêu ộp oạp mơ màng ngái ngủ...

- Khi trời sắp mưa, bao giờ cũng dễ buồn ngủ, - Xônhia vừa nói vừa cố nén để khỏi ngáp. - Bà lão hầu nói rằng trăng non đã xuất hiện và chỉ một tuần nữa mọi nơi sẽ "tắm" trong mưa. - Nàng dừng lại rồi nói thêm: - Này, Natali, cậu nghĩ thế nào về mối tình đầu?

Natali nói từ trong bóng tối:

- Mình tin vào một điều là có một sự khác biệt ghê gớm giữa mối tình đầu của con gái và mối tình đầu của con trai.

Xônhia nghĩ rằng: "Con gái cũng có phải giống nhau cả đâu...", nhưng rồi nàng đứng bật dậy và nói:

- Thôi! Ngủ thôi, ngủ thôi!

- Mình ngồi lại mơ màng ở đây lát nữa đã, cảnh đêm này mình rất thích, - Natali nói.

Lắng nghe tiếng chân Xônhia bước xa dần, tôi thì thầm nói với Natali:

- Hình như chúng ta vừa nói một điều gì không hay với nhau thì phải!

Nàng đáp:

- Phải rồi, phải rồi, chúng ta đã nói một điều không hay.

Sáng hôm sau chúng tôi dường như lại bình thản gặp nhau. Đêm qua mưa nhỏ hạt, nhưng đến sáng thì trời hửng nắng và đến sau bữa ăn trưa thì trở nên hanh khô, nóng nực. Trước lúc uống trà thường ngày vào lúc năm giờ, khi Xônhia đang tính toán sổ sách gì đó trong gian phòng cậu tôi, Natali và tôi cùng ngồi dưới rặng cây bạch dương và tiếp tục đọc cho nhau nghe tiểu thuyết "Vực thẳm" - Nàng hơi cúi đầu lặng lẽ khâu một vật gì đó, cánh tay phải chốc chốc lại loáng thoáng đưa lên. Tôi cao giọng đọc và với nỗi buồn dịu ngọt thỉnh thoảng nhìn lên tay trái của nàng ẩn dưới ống tay áo, lên món tóc hung vàng xoắn trên cánh tay và trên chỗ cổ gần giáp với vai. Mỗi lúc tôi lại càng hăng hái đọc hơn, đọc và chẳng hiểu một chữ nào hết. Cuối cùng, tôi nói:

- Thôi, bây giờ thì đến lượt cô đọc...

Nàng vươn thẳng mình dậy, bộ ngực cao cao của

nàng nhô lên dưới tấm áo lụa mỏng, nàng để kim chỉ sang một bên và lại cúi mình xuống. Cái đầu xinh đẹp lạ thường của nàng cúi gập xuống, để lộ gáy và phía bên trên đôi vai, nàng đặt cuốn sách lên đầu gối và bắt đầu đọc bằng một giọng không rõ ràng, hấp tấp. Tôi nhìn lên đôi tay nàng, nhìn lên đầu gối đặt dưới cuốn sách, toàn thân ngây ngất choáng váng vì một tình yêu đầy mê đắm đối với nàng, với giọng nói của nàng. Đây đó lác đác trong khu vườn trước buổi hoàng hôn, có tiếng chim vàng anh đang hót, một con gõ kiến mầu đỏ xám đậu rất cao trên thân cây tùng lẻ loi mọc giữa những hàng bạch dương...

- Natali, mầu tóc cô thật diệu kỳ đẹp đẽ! Đuôi sam thì mầu lại đậm hơn một tý giống mầu hạt ngô chín...

Nàng vẫn tiếp tục đọc.

- Natali, nhìn xem kia, con gõ kiến kia!

Nàng ngược nhìn lên:

- Vàng, vàng, tôi đã thấy nó rồi, bây giờ đã nhìn thấy, ngày hôm qua cũng đã nhìn thấy... Để yên cho tôi đọc.

- Natali hãy nhìn xem, trông cái kia có giống những con giun xám chết khô không?

- Cái gì, ở đâu?

Tôi chỉ cho nàng xem hòn đá bám đầy phân chim khô nằm bên cạnh hai đứa.

- Giống thật à?

Tôi bồng cầm tay nàng, nắm chặt lấy, vừa lăm bắm trong miệng, vừa cười lên vì hạnh phúc:

- Natali, Natali!

Nàng lặng lẽ nhìn tôi rất lâu và nói:

- Nhưng anh yêu Xônhia cơ mà!

Mặt tôi đỏ bừng lên như một thằng mọt túi bị bắt quả tang, nhưng tôi vội vã từ chối thẳng thừng quan hệ với Xônhia đến nỗi Natali phải hé môi hỏi:

- Thế điều đó không đúng sự thực à?

- Không đúng sự thực đâu, không đúng đâu! Tôi rất yêu Xônhia, nhưng chỉ như yêu một cô em gái thôi, bởi vì tôi và Xônhia đã biết nhau ngay từ hồi còn bé!

IV

Ngày hôm sau, Natali không ra ăn sáng và cũng không ra ăn trưa - "Xônhia, Natali nó làm sao thế?" - cậu tôi hỏi, và Xônhia trả lời, miệng cười gượng gạo:

- Nó cứ mặc chiếc áo ngủ vàng nằm trên giường suốt sáng, đầu tóc chẳng chải gì cả, nhìn mặt cũng biết được rằng nó vừa khóc dữ lắm; mang cà phê đến - nó uống được lưng cốc... "Cậu làm sao thế?" - "Mình đau đầu"... Chẳng hiểu có phải ốm tương tự không!

- Rất giản đơn thôi, - cậu tôi hớn hỏ nói, liếc mắt nhìn tôi đồng tình, nhưng lại lắc lắc đầu.

Gần đến buổi uống trà buổi chiều nàng mới ra khỏi phòng mình và nhẹ nhàng, nhanh nhẹn bước ra bao lơn. Nàng vui vẻ mỉm cười với tôi, trong nụ cười ấy có cái gì như muốn xin lỗi. Về hoạt bát, nụ cười vừa

rồi cùng với cái vẻ ăn vận hơi trau chuốt hơn ngày thường làm tôi ngạc nhiên: mái tóc nàng vẫn chặt, phía trước hơi quăn quăn, những cặp tóc bồng bồng lên, nàng vận một chiếc váy áo mới màu xanh xanh, rất đơn giản mà lại rất uyển chuyển, nhất là chỗ ngang lưng, nàng đi đôi giày cao gót màu đen, - trong thâm tâm, tôi thầm ngưỡng mộ vẻ đẹp mới của nàng mà tôi vừa biết thêm. Tôi đang ngồi ngoài bao lơn và đang đọc lướt mấy tập "Sử biên niên" mà cậu tôi vừa đưa thì Natali xuất hiện, dáng hoạt bát và vui vẻ có pha chút gì như ngượng ngập. Nàng nói:

- Chào anh. Chúng ta đi uống trà thôi. Hôm nay tự tôi phải đun ấm trà đấy. Xônhia ốm rồi.

- Sao? Khi thì cô, khi thì Xônhia ốm là thế nào?

- Tôi chỉ hơi bị đau đầu từ buổi sáng thôi. Nói ra thì cũng hơi ngượng, đến bây giờ tôi mới kịp trang điểm đấy...

- Màu áo xanh của cô thật là diệu kỳ bên ánh mắt đen và mái tóc vàng óng! - tôi nói. Và bất ngờ hỏi nàng, mặt đỏ lên: - Hôm qua cô có tin lời tôi không?

Gương mặt nàng cũng đỏ lên, ửng hồng phơn phớt, nàng quay sang một bên và nói:

- Không tin ngay đâu, không tin cả đâu. Nhưng sau đó bỗng nghĩ rằng, tôi chẳng có lý do gì để không tin anh... Hơn nữa, thực ra, tôi có liên quan gì đến tình cảm giữa anh và Xônhia đâu? Nhưng thôi, đi vào thôi...

Đến bữa ăn tối, Xônhia cũng bước ra và chọn lúc thuận tiện, khẽ nói với tôi:

- Em bị ốm rồi. Bệnh của em bao giờ cũng rất nặng, phải nằm trên giường hàng năm ngày. Bây giờ còn đi lại được, chứ ngày mai thì thôi đấy. Vắng em, anh phải liệu mà cư xử cho khôn khéo. Em rất yêu anh và ghen ghê lắm đấy.

- Không lẽ chốc nữa em không đến với anh được nữa à?

- Anh ngốc lắm...

Đây vừa là một niềm hạnh phúc, vừa là điều bất hạnh: năm ngày hoàn toàn tự do với Natali và năm đêm không được gặp gỡ với Xônhia ở phòng mình!

Gần một tuần, Natali cai quản mọi việc trong nhà, nàng khoác chiếc tạp dề trắng khi thì ra sân, khi thì vào bếp, - chưa bao giờ tôi thấy Natali tất bật ham việc như thế, rõ ràng là việc thay Xônhia trông coi mọi việc nội trợ trong nhà đem đến cho nàng một niềm vui khoan khoái, hình như nàng cũng được nhẹ nhàng hơn vì không phải theo dõi những câu nói, những cái nhìn giữa tôi và Xônhia. Trong những ngày này, trước bữa ăn, bao giờ Natali cũng lo lắng không biết mọi việc có đều tốt đẹp cả không, và sau đó thì sung sướng nhận thấy rằng, cả ông già đầu bếp, cả bà lão hầu Khritchka, tất cả đều bụng thức ăn ra kịp thời, không làm cho ba Xônhia nổi giận. Sau bữa ăn trưa, nàng vào phòng với Xônhia và ở lại đó đến lúc uống trà buổi chiều, Natali không cho tôi vào đấy. Sau bữa ăn chiều thì nàng ở lại với Xônhia suốt tối. Chắc là nàng tránh gặp mặt tôi một mình, và tôi sống trong day dứt, buồn rầu, tôi đau khổ

trong cảnh cô đơn. Tại sao nàng trở nên dịu dàng với tôi nhưng lại tránh gặp tôi? Nàng sợ Xônhia, hay là sợ chính mình, sợ cái tình cảm của mình đối với tôi? Và tôi hết lòng mong sao cho nàng sợ chính mình, càng ngày tôi càng say sưa với một ước mơ lớn rằng: chẳng phải tôi gắn bó suốt đời với Xônhia, cũng chẳng phải tôi - và cả Natali nữa - sẽ ở lại trang ấp này mãi mãi, chỉ khoảng một hai tuần nữa thôi, chẳng lẽ tôi cũng rời khỏi chốn này và thế là chấm hết mọi đau khổ của tôi... Lúc ấy tôi sẽ tìm ra lý do để đến làm quen với gia đình Xtankêvic, khi Natali vừa mới trở về nhà mình... Xa Xônhia, hơn nữa lại xa rời với một sự lừa dối, với cái ước mơ thầm kín đến Natali, hy vọng vào tình yêu của nàng và cái ý thuận làm vợ mình, lẽ nào xa rời ấy lại không đau đớn - lẽ nào tôi chỉ hôn Xônhia với một cảm giác xác thịt, lẽ nào tôi lại không yêu cả Xônhia? Nhưng mà tôi biết làm sao, cái kết cục ấy sớm hay muộn cũng chẳng thể nào tránh được... Lúc nào tôi cũng nghĩ vậy, lúc nào lòng tôi cũng xúc động như thế. Trong cảm giác chờ đợi một điều gì sắp đến, những lúc gặp Natali, tôi cố đối xử với nàng một cách dè dặt hơn, nhuần nhị hơn, - tôi tự nhủ, phải gắng chịu, gắng chịu một thời gian nữa thôi. Tôi buồn rầu, đau khổ - trời hình như cố tình mưa luôn ba ngày liên tiếp, nghìn vạn hạt nước mưa đều đều bay xuống và rơi lộp bộp trên mái nhà, trong nhà lúc nào cũng tối tối, những con ruồi yên lặng ngủ trên trần nhà, trên bóng đèn treo tại phòng ăn, - nhưng tôi vẫn gắng

gượng tỏ ra rần rỏi, ngồi hàng giờ trong phòng ông cậu và lắng nghe đủ các thứ chuyện của ông... Xônhia đã bắt đầu mặc chiếc áo ngủ dài và rộng bước ra ngoài phòng mình khi thì một, khi thì hai giờ đồng hồ. Nàng cười khó nhọc, mệt mỏi và ngả mình trên chiếc ghế bành bọc vải đặt ngoài bao lơn. Điều làm cho tôi sợ hãi là, chẳng e dè một chút nào với sự có mặt của Natali, Xônhia nói năng với tôi rất đồng đánh, nũng nịu và dịu dàng quá mức:

- Ngồi lại đây với em, anh Vichia của em, em mệt lắm, em buồn lắm, anh kể cho em nghe một chuyện gì buồn cười đi... Trăng đã dần sáng lên rồi đấy, khắp nơi đã "tắm" trong mưa rồi; hương hoa tỏa ra thật ngọt ngào.

Tôi trả lời, trong lòng hơi bức bối:

- Nếu hoa sức mùi thơm ngĩa là trời sẽ lại mưa...

Nàng nắm vào tay tôi:

- Anh đừng có mà chống lại người ốm!

Ít hôm sau thì Xônhia đã tự mình ra ăn trưa và uống nước trà chiều, chỉ có điều là nàng vẫn còn xanh xao lắm và luôn đòi đem đến cho mình chiếc ghế bành. Nhưng, bữa tối thì nàng vẫn chưa ăn và cũng chưa bao giờ bước ra bao lơn chơi. Có lần, sau buổi uống trà chiều, khi Xônhia đã trở về phòng mình và bà Khritxchia đã thu dọn vào bếp ấm trà đặt trên bàn, Natali nói với tôi:

- Xônhia giận vì lúc nào tôi cũng ngồi với cô ấy và để anh một mình, Xônhia còn chưa khỏi hẳn và vắng cô ấy thì anh buồn.

- Tôi chỉ buồn khi không có cô thôi, - tôi trả lời -
Khi vắng cô...

Nét mặt nàng chợt thay đổi, nhưng sau đó vẻ mặt nàng lại trở lại bình thản điềm nhiên, nàng gắng gượng cười, nói:

- Chúng ta đã cam kết với nhau rằng không bao giờ cãi vã nữa... Tốt hơn hết là thế này: anh đã ngồi nhà chán chê rồi, bây giờ thì anh ra ngoài đi dạo chơi cho đến bữa ăn tối, sau đó tôi sẽ ngồi với anh trong vườn một lúc; nhờ trời, cái điều dự đoán về mặt trăng lúc này không thành sự thật, đêm hôm nay trời sẽ rất đẹp...

- Xônghia thương tôi, còn cô? Không thương tí nào có phải không?

- ... rất thương nữa ấy, - nàng trả lời, cất tiếng cười ngượng nghịu và đặt cốc trà lên tấm khay. - Nhưng, nhờ ơn trời, Xônghia đã bình phục rồi, anh sắp khỏi phải buồn rồi...

Nghe những tiếng "buổi tối, tôi sẽ ngồi với anh", trái tim tôi bỗng tràn ngập một điều gì thật bí ẩn ngọt ngào, nhưng lúc đó tôi lại nghĩ ngay là: Không! Đó chỉ là những chữ âu yếm đơn thuần mà thôi! Tôi trở về phòng mình, nằm ngấm nhìn lên trần nhà rất lâu. Cuối cùng tôi đứng dậy, cầm lấy chiếc mũ treo ở hành lang, vợ lấy một cái gậy không biết là của ai và đi ra khỏi trang trại như một người mất trí. Tôi bước lên con đường nối liền trang trại và một xóm làng nằm trên một khu đất cao trơ trọi những đồi cỏ. Con đường ấy dẫn tôi ra cánh đồng trống trải giữa buổi

hoàng hôn. Nhìn đâu cũng thấy những quả đồi thoải thoải nối tiếp nhau, nhưng tầm mắt không bị che khuất, vẫn nhìn được rất xa. Phía bên trái tôi, bờ sông thoải thoải thấp xuống, đằng sau là những cánh đồng cũng trống trải mênh mông về tận phía chân trời, nơi mặt trời vừa lặn và ánh chiều còn đỏ rực. Phía bên phải, đối diện với ánh chiều tà, là những ngôi nhà nhỏ, tường vôi trắng vuông vắn đang nhuộm màu hoàng hôn đỏ rực gợi một cảm giác tiêu điều cô quạnh; tôi buồn rầu đưa mắt nhìn về phía xóm làng, nhìn về phía mặt trời đang khuất bóng. Trên đường về, từng làn gió khi ấm áp khi hừng hực nóng phả vào mặt tôi, mảnh trăng non đã lơ lửng treo chênh vênh trên bầu trời tỏa ánh sáng nhờ nhờ không hứa hẹn một điều gì tốt lành cả: mảnh trăng còn lại cũng mờ mờ ẩn hiện như nấp sau một tấm mạng nhện trong suốt, tất cả trông giống như hình một quả sồi.

Trong bữa ăn tối - lần này chúng tôi lại ăn ở ngoài vườn vì trong nhà quá nóng bức - tôi nói với cậu tôi:

- Cậu ơi, cậu đoán thời tiết sắp tới thế nào? Cháu cảm thấy rằng ngày mai trời sẽ mưa.

- Sao vậy, anh bạn?

- Cháu vừa đi dạo chơi ngoài đồng và buồn bã nghĩ rằng chẳng bao lâu nữa cháu đã phải xa cậu rồi...

- Vì lẽ gì thế?

Natali cũng nhìn về phía tôi hỏi:

- Anh định đi thật à?

Tôi gương cười:

- Bởi vì tôi không thể...

Cậu tôi lắc đầu nguây nguẩy - lần này thì hợp thời:

- Nói nhảm, nói nhảm! Ba mẹ cháu hoàn toàn có thể chịu đựng sự xa cách với cháu một cách dễ dàng. Cháu chưa ở đây được hai tuần, cậu không để cháu đi đâu. À mà cả cô ấy cũng chẳng cho cháu đi đâu.

- Cháu chẳng có quyền gì đối với Vitalia Pêtrôvic cả, - Natali nói.

Tôi nhăn nhó kêu lên:

- Cậu, cậu bảo Natali đừng có gọi cháu như thế đi⁽¹⁾.

Cậu tôi vỗ vào bàn nói:

- Cậu cầm đấy. Thôi không huyền thuyên đến việc cháu đi nữa. Còn về chuyện thời tiết thì cháu đoán đúng đấy, hoàn toàn có khả năng là trời sẽ lại mưa.

- Ngoài đồng, khí trời rất sạch, rất thanh, - tôi nói. - Trăng cũng rất trong và giống như một quả sồi, gió thì từ phương Nam thổi đến. Đấy, cậu thấy đấy, mây đã tới kia rồi...

Cậu tôi quay lại, nhìn ra vườn, nơi ánh trăng khi mờ, khi tỏ:

- Vitali, cháu sẽ trở thành một ông Bruýt thứ hai đấy...

Khoảng mười giờ Natali mới bước ra bao lơn, nơi tôi đã ngồi chờ nàng và buồn rầu nghĩ rằng mọi chuyện này đều dớ dẩn cả thôi: nếu Natali có chút ít

⁽¹⁾ Cách gọi ghép tên người và tên bố người ấy, biểu thị một thái độ trịnh trọng xã giao (N.D.).

cảm tình với tôi, thì chắc đó cũng chỉ là những tình cảm bông đùa, thoáng qua, dễ dàng thay đổi... Mặt trăng mỗi lúc một lên cao hơn, rọi sáng hơn qua những làn mây trắng đục mỗi lúc một vãn vự nhiều hơn hùng vĩ che lấp bầu trời; những lúc lách ra khỏi đám mây, trông mảnh trắng trắng ngời sáng ấy giống như mặt người nhìn nghiêng, nhợt nhạt và lặng lẽ. Vạn vật đều như được rọi chiếu, đều như tràn ngập trong cái ánh sáng phospho trắng xanh, nhờ nhờ, bạc bạc. Tôi bỗng ngoái đầu lại vì cảm thấy có gì khác lạ: Natali đứng trên ngưỡng cửa, tay chấp ra sau lưng, lặng lẽ nhìn tôi. Tôi đứng dậy, Natali bình thản nói:

- Anh chưa đi ngủ à?

- Nhưng mà cô đã nói với tôi là...

- Xin lỗi anh, bây giờ tôi rất mệt. Chúng ta đi dạo quanh hàng cây một lát rồi tôi về đi ngủ.

Tôi đi theo nàng, nàng dừng lại trên bậc tam cấp ngoài ban công rồi đưa mắt nhìn lên những ngọn cây cao trong vườn, những đám mây đen đang ùn ùn kéo đến, những ánh chớp lập loè không kèm theo tiếng sấm. Nàng đi vào dưới tán lá mong manh của hàng cây bạch dương chạy dài, chỗ tối chỗ sáng xen nhau. Tôi bước dần lên ngang bên nàng và nói để khỏi phải im lặng:

- Từ xa, bạch dương trắng toát như trong truyện thần thoại. Trên đồi này không có gì kỳ lạ và đẹp hơn cảnh trong rừng dưới ánh trăng và màn lụa trắng phủ quanh thân cây bạch dương ở đó...

Nàng dừng lại, cặp mắt đen lầy chăm chăm nhìn tôi qua bóng tối mờ mờ:

- Anh định đi thật à?

- Cũng đến lúc phải đi rồi.

- Sao anh vội đi ngay thế? Tôi không muốn giấu anh là, lúc này, việc anh bảo anh sắp đi, làm tôi choáng váng.

- Natali, khi cô trở về nhà, tôi có thể đến làm quen với gia đình được không?

Nàng im lặng. Tôi cầm lấy hai tay nàng, hôn lên bàn tay phải, người lặng đi:

- Natali...

- Phải, phải, tôi đã yêu anh, - nàng nói vội vã, giọng khô khan lãnh đạm rồi quay lại, trở vào nhà. Tôi bước theo nàng như một kẻ mộng du.

- Anh hãy rời đây luôn ngày mai, - nàng vừa đi vừa nói không ngoái đầu lại. - Vài ngày nữa, tôi sẽ về nhà.

V

Trở về phòng mình, tôi không châm nến, ngồi xuống đi-văng và lặng người đi trong dư âm của cái điều vừa ghê sợ vừa diệu kỳ mà chỉ trong giây lát đã bất ngờ đến với đời tôi. Tôi ngồi đó và không còn nhận biết được không gian và thời gian. Cả căn phòng và khu vườn đã chìm trong trời đêm bị mây

mở che phủ, ngoài cửa sổ, những chùm cây xào xạc rung lên, những ánh chớp xanh lè vụt chiếu sáng lên, vụt tắt ngay đi mỗi lúc một nhiều hơn, một sáng hơn. Bỗng căn phòng thình lình được rọi chiếu rõ ràng một cách lạ thường, một luồng gió mát lạnh phả vào mặt tôi, tôi nghe thấy tiếng động rào rào ở ngoài vườn, hệt như nó đang sợ hãi: đất, đất và trời đang bốc cháy! Tôi chồm dậy, nhảy đến bên cửa sổ và lần lượt đóng chúng lại, - khó nhọc lắm tôi mới đóng lại được vì những luồng gió mạnh bạt đến tới tấp. Tôi rón rén chạy ra ngoài theo hành lang dẫn đến phòng ăn: đúng ra, lúc ấy tôi cũng chẳng còn tâm trí nào mà nhớ đến những cánh cửa sổ đang mở toang trong phòng ăn mà gió có thể làm vỡ kính, nhưng tôi vẫn chạy vào đó với vẻ đầy lo lắng. Trong phòng ăn, tất cả các cửa sổ đều đã đóng kín - tôi nhìn thấy những cửa sổ ấy trong cái ánh chớp loà mà màu sắc của nó không có ở nơi nào trên trái đất, ánh chớp trắng xanh nhờ nhờ bàng bạc len đến khắp nơi, như một ánh mắt nào đưa rất nhanh về khắp phía, soi rõ từng đường nét trên các ô cửa sổ rồi lại vụt tắt ngay đi để lại trong mắt tôi những đốm đỏ đỏ vàng vàng vì vừa bị chói quá. Khi tôi vội vàng trở lại phòng mình, như lo sợ có điều gì xảy ra ở đó lúc vắng tôi, thì nghe thấy một giọng trầm thảo giận dữ từ trong bóng tối:

- Anh vừa đi đâu? Em sợ lắm, anh chầm nển lên đi...

Tôi đánh diêm và nhìn thấy Xônhia mặc mỗi chiếc áo ngủ đang ngồi trên divăng, nàng đi giày, chân để trần, không mang tất.

- Hay là không, không, không cần châm nến đâu, - nàng vội vã nói, - đến đây với em nhanh lên, ôm lấy em đi, em sợ lắm...

Tôi ngoan ngoãn ngồi xuống bên cạnh Xônhia và ôm lấy đôi vai lạnh ngắt của nàng. Nàng thì thào:

- Hôn em đi, hôn em đi thôi, lấy hân em đi, cả một tuần em không gặp anh rồi!

Và Xônhia kéo mạnh tôi cùng ngã mình xuống tấm gối divăng.

Vừa lúc ấy, ngoài ngưỡng cửa rộng mở, thoáng hiện Natali trong chiếc áo ngủ rộng không khuy, tay cầm ngọn nến. Natali nhìn thấy chúng tôi ngay, nhưng bất ngờ với chính mình, nàng vẫn bật lên tiếng gọi:

- Xônhia, cậu ở đâu rồi? Mình sợ quá...

Natali lập tức biến mất. Xônhia chạy bổ ra ngoài theo nàng.

VI

Một năm sau, Natali lấy Alécxây Mêserơxki. Họ làm lễ cưới nhau trong gian phòng trống trải của nhà thờ Blagadátnei - cả chúng tôi cũng như họ hàng, bạn bè quen biết của hai bên đều không được mời dự. Những cuộc thăm viếng thường có sau lễ cưới đôi vợ chồng ấy cũng không tiến hành, họ đi nghỉ ở Krúm ngay.

Tháng giêng năm sau, vào ngày lễ Thánh Tachiana, một cuộc dạ hội khiêu vũ của sinh viên được tổ chức ở Vôrônhesơ trong gian phòng Blagarốt-nui. Lúc đó, tôi đã là một sinh viên Matxcơva, đang nghỉ lễ tại nhà mình ở nông thôn, vào buổi chiều ấy đã đáp xe lửa đến Vôrônhesơ. Cả đoàn tàu bám đầy tuyết trắng xoá. Ngồi trên chiếc xe trượt tuyết chạy từ ngoài ga vào trong thành phố đưa tôi đến khách sạn "Quý tộc", tôi nhìn thấy những ngọn đèn lồng trong hộp kính mờ mờ ẩn hiện qua những làn bão tuyết. Sau những ngày dài ở thôn quê, cái cảnh bão tuyết trong thành phố và ánh lửa của những ngọn đèn phố làm lòng người phấn chấn, hứa hẹn một niềm vui khoan khoái khi anh sẽ ước vào căn phòng ấm áp, thậm chí quá ấm áp nữa, của khách sạn cũ kỹ ở một tỉnh lỵ, khi anh sẽ cho gọi người mang ấm trà nóng đến và bắt đầu mặc quần áo mới để chuẩn bị dự buổi khiêu vũ triền miên và ăn nhậu lu bù suốt đêm của đám sinh viên. Trong khoảng thời gian từ sau cái đêm khủng khiếp ở nhà Tserokaxốp, nhất là từ sau khi Natali đi lấy chồng, vết thương lòng của tôi dần dần lành lại, - hay ít ra thì tôi đã quen với cái cảnh sống của một người trong lòng có điều uẩn khúc đau đớn, - với riêng mình, tôi đã là người như thế, nhưng bên ngoài tôi vẫn sống như mọi người khác.

Khi tôi đến, buổi dạ hội vừa mới bắt đầu thôi, nhưng trên lối vào chính có bậc lên và khoảng rộng ở đó những người đến dự cuộc vui đã đứng đông nghịt. Một đội quân nhạc nào đang ra sức dạo một điệu van

trang nghiêm buồn buồn, vọng ra từ phía gian phòng chính. Toàn thân tôi còn ngưng đọng lại cái dư vị tươi mát của một trời đông lạnh. Tôi vận một bộ đồ mới nguyên và vì vậy cảm thấy bước đi của mình uyển chuyển quá mức. Tôi lách qua cái đám đông người đang đứng ở đó một cách lịch sự, bước theo tấm thảm đỏ trải dài trên bậc đi lên khoảng rộng cầu thang. Trước cửa vào gian phòng chính người đến dự dạ hội chen chúc đứng, hơi người hâm hấp nóng. Không hiểu sao tôi lại miệt mài lách qua cái đám đông người ấy đến nỗi có lẽ tất cả đều tưởng tôi là một người đứng ra tổ chức cuộc vui và đang có một việc gì cần kíp lắm.

Cuối cùng, tôi đã len vào được, dừng lại trên ngưỡng cửa, lắng nghe tiếng nhạc trầm bổng đang vọng xuống từ ngay trên đầu tôi. Tôi nhìn lên những chùm đèn sáng choang treo dưới trần nhà rồi lại nhìn vào mấy chục cặp trai gái đang nhảy một điệu van dưới ánh đèn lấp lánh, - tôi bỗng đứng lùi lại: giữa đám người đang quay nhảy ấy, có một đôi trai gái nổi bật lên, bằng những bước đi rất nhanh, đôi trai gái ấy uyển chuyển lượn gần về phía tôi. Tôi đứng né sang một bên và nhìn: người con trai trong cặp nhảy van đó là một người lưng hơi gù gù, to lớn lực lưỡng, toàn thân đen vì lông tóc đen nhánh và mặc một cái áo vét dài cũng có màu đen như vậy; cách nhảy nhẹ nhàng của anh ta làm tôi nghĩ đến cái vẻ nhẹ nhàng đáng ngạc nhiên của những người nặng nề phì nộn. Người con gái có cái dáng thanh

thanh, tóc cuốn cao lên theo kiểu dạ hội, nàng mặc chiếc váy áo khiêu vũ trắng toát, đi giày cao gót nhỏ nhắn, màu vàng óng ánh, nàng vừa quay mình theo tiếng nhạc, vừa hơi nghiêng nghiêng đầu về một bên, mắt nhìn xuống, cánh tay đeo chiếc găng trắng dài mịn màng đẹp như cổ một con thiên nga đang đặt lên vai người con trai. Trong giây lát, hàng lông mi đen dài trên mắt nàng hướng thẳng về phía tôi, ánh mắt đen láy của nàng long lanh lướt thoáng qua tôi, nhưng ngay lúc đó người con trai liền khéo léo đưa mũi giày bóng loáng lùi lại phía sau, với cái vểnh nhẹ nhàng của một người nặng nề, to béo, và quay nàng đi, đôi môi nàng hé mở bật lên một tiếng thở dài; chiếc váy trắng của nàng loáng thoáng đung đưa và hai người lại tiếp tục đi những bước nhảy lùi lại xa dần. Tôi lách qua cái đám đông người đứng trước cửa ấy và bước ra ngoài, rồi đứng lặng người đi ít phút...

Bên gian phòng đối diện còn vắng bóng người và mát lạnh, qua cánh cửa mở rộng, tôi nhìn thấy một quầy điểm tâm có bán rượu sâm banh, đằng sau quầy là hai cô sinh viên bán hàng ăn vận theo kiểu Ucren đang đứng chờ đợi khách hàng, - một cô tóc hung hung vàng rất xinh và một cô người *kazác* mặt đen sạm đáng gầy gầy và gần như cao gấp đôi cô kia. Tôi bước đến bên quầy hàng và cúi mình đưa ra một tờ giấy bạc một trăm rúp. Hai cô gái khẽ chạm đầu vào nhau và cất tiếng cười rồi cúi xuống lấy từ trong chiếc thùng có để nước đá chung quanh một chai

rượu rất to. Hai cô bỗng ngập ngừng nhìn nhau - chưa có chai rượu nào mở nắp cả. Tôi bước vào sau quầy và chỉ một lát sau đã nhẹ nhàng mở được nắp. Tôi vui vẻ rót rượu mời hai cô gái - *Gaudeamus igitur*⁽¹⁾ - phần còn lại một mình tôi chậm rãi uống hết cốc này sang cốc khác. Hai cô mới đầu ngạc nhiên nhìn tôi, sau thì ra chiều thương hại:

- Ôi, mặt anh trông tái đi thế kia kìa!

Tôi uống nốt cốc cuối cùng và đi ngay. Trở về khách sạn, tôi lại gọi người mang đến phòng mình một chai rượu không nhãn hiệu "*Côcazo*" và lại tiếp tục uống bằng những cốc đựng nước chè, vừa uống, vừa hy vọng rằng trái tim mình sẽ bị vỡ ra...

Một năm rưỡi nữa qua. Có lần vào cuối tháng năm, khi tôi từ Matxcova trở về quê, người đưa thư ngoài ga cấp tốc đem đến nhà tôi bức điện của nàng gửi từ Blagadátnui: "Sáng nay, Alécxây Nhicôlai-êvich đã chết bất ngờ vì chảy máu não". Ba tôi làm dấu và nói:

- Lạy trời! Thật là khủng khiếp. Trời hãy tha thứ cho tôi, tôi chưa bao giờ yêu mến anh ta cả, nhưng điều đó vẫn thật là khủng khiếp! Bởi vì anh ta chưa đầy bốn mươi tuổi. Và cô ấy thì đáng thương biết bao - goá chồng vào cái tuổi như thế, trên tay lại còn một đứa con nhỏ... Ba chưa bao giờ thấy cô ấy cả - anh ta có nhĩa ý đến mức là không dẫn cô ấy đến đây một lần nào! - nhưng nghe nói cô ta đẹp lắm thì phải. Bây giờ

⁽¹⁾ "Hãy cùng nhau vui lên nào!" (tiếng Latinh). Câu đầu tiên trong một bài hát của sinh viên thời trung cổ.

thì làm sao? Cả ba, cả mẹ đều già rồi, không ai có thể đi xa một trăm năm mươi véxta⁽¹⁾ mà đến đấy được, con phải đi thôi...

Không thể từ chối được, - vì lẽ gì mà tôi có thể từ chối? Hơn nữa tôi cũng không thể khước từ được trong cái tâm trạng nửa tỉnh nửa điên mà cái tin bất ngờ ấy thỉnh linh đem lại cho tôi. Chỉ biết một điều là sẽ nhìn thấy nàng! Cái có để gặp nàng thật ghê sợ nhưng lại hoàn toàn hợp lý.

Chúng tôi đánh điện trả lời, và ngày hôm sau, vào một buổi hoàng hôn tháng năm, chiếc xe ngựa từ Blagadátnui sau nửa giờ đã đưa tôi từ ga về trang trại. Khi xe đi qua những đám đất đồi thoải thoải bên cạnh những đồng cỏ nước lấp xấp, từ đằng xa, tôi đã nhìn thấy những cánh cửa đóng kín mít trên bức tường phía tây hướng về phía ánh mặt trời chiều; tôi rung mình với ý nghĩ rằng đằng sau những cánh cửa đóng kín mít kia, có anh ta đang nằm và có nàng! Trong sân, cỏ non mọc rậm rì, bên cạnh nhà xe có hai cỗ tam mã của ai đang đứng ở đó, cái chuông buộc trên cổ ngựa kêu leng keng. Ngoài sân không có một ai, trừ những người đánh xe đang ngồi yên trên đệm ghế, - cả khách từ xa đến, cả đám người hầu hạ trong nhà đều đang đứng bên thi hài người chết. Chung quanh là cái vắng lặng của một buổi chiều tà tháng năm nơi thôn dã, cái tươi mát trong lành của mùa xuân, cái mới lạ

⁽¹⁾ Véxta: đơn vị đo chiều dài cũ ở Nga. 1 véxta = 1,06 km.

của tất cả, - của những làn gió từ cánh đồng và mặt sông, của những đám cỏ non mọc rậm rì ngoài sân, của khu vườn cây rậm rạp nối liền với ngôi nhà từ phía sau đang rực rỡ màu hoa, và trên cái thềm nhà thấp chính giữa, cạnh cánh cửa rộng mở, có một cái nắp quan tài rất to phủ vải vàng lốm đốm kim nhũ đang dựng đứng lên tường.

Trong cái hơi lạnh của khí trời khi mặt trời đã tắt, ngào ngạt mùi thơm của những đoá hoa lê đang nở rộ trên những lùm cây phía đông - nam khu vườn - cái màu hoa lê trắng ngát ấy như hoà lẫn vào chân trời xa cũng mờ mờ trắng nhạt, nơi chỉ có một đốm sao, sao Jupite hồng hồng đang lấp lánh. Vẻ đẹp và tươi mát của tất cả những cảnh ấy, ý nghĩ về nàng đẹp dễ, trẻ trung và mối tình ngày xưa của nàng, bỗng đem đến cho tôi một nỗi buồn vô hạn, một hạnh phúc to lớn, một nỗi khao khát được yêu làm tim tôi như bị tan nát, tôi nhảy ra khỏi xe bên cạnh thềm và cảm thấy mình hết như đang đứng kẻ miệt vực - sẽ ra sao đây khi tôi bước vào ngôi nhà này, thấy lại nàng sau ba năm xa cách và nàng đã thành người quả phụ, thành mẹ! Mặc dầu vậy, tôi vẫn bước vào căn phòng ghê sợ tôi tối, ngát tỏa mùi hương, mờ mờ những ngọn nến đang cháy dở đứng trước chiếc quan tài đặt chềch chênh hơi cao ở góc tường được rọi sáng từ chiếc đèn đĩa dầu to màu đỏ đặt trước khung vàng ảnh chúa leo lét cháy, phía dưới có thấp ba ngọn nến cao, thường thấy trong các nhà thờ tỏa ánh sáng bạc. Tôi bước vào gian phòng

đó giữa giọng hát cầu nguyện đều đều của đám tu sĩ đang kính cẩn nghiêng mình đi vòng quanh thi hài; ngay lúc đó, tôi bỗng cúi đầu xuống để khỏi phải nhìn thấy những tấm kim nhũ phủ bên quan tài, nhìn thấy khuôn mặt người đã chết và nhất là để khỏi phải nhìn thấy nàng. Có ai đưa đến cho tôi một cây nến đã tắt, tôi đỡ lấy cây nến ấy và giữ trên tay. Cây nến cháy leo lắt, và tôi cảm thấy ánh sáng yếu ớt của nó đang chiếu lên khuôn mặt nhợt nhạt của tôi. Tôi nhẩn nại lắng nghe tiếng hát cầu nguyện, tiếng nhựa thơm nổ tí tách. Tôi ngược mắt lên và nhìn thấy những làn khói thơm tho ngào ngạt đang từ từ bay về phía trần nhà; bất ngờ, tôi ngẩng mặt lên và nhìn thấy nàng, - nàng đứng phía trước mọi người, nàng vận đồ tang đen và tay cầm ngọn nến đang cháy soi rõ đôi má và mái tóc óng vàng của nàng, - đến lúc ấy thì tôi không còn có thể rời mắt khỏi nàng nữa, như không thể rời mắt khỏi bức ảnh chúa.

Gian phòng đã trở lại thanh tĩnh, phảng phất mùi những cây nến vừa tắt, mọi người nhẹ nhàng chậm rãi bước theo nhau đến hôn tay nàng. Tôi để mọi người đến trước để tới sau cùng. Bước lại bên nàng, lòng đầy sợ hãi, tôi say mê mà nhìn lên chiếc áo dài đen tu sĩ bó sát tấm thân thon thả đem lại cho nàng một dáng vẻ trắng trong, nhìn lên gương mặt nàng xinh đẹp, trẻ trung, thanh khiết. Khi thấy tôi bước đến, hàng lông mi của nàng khẽ hạ xuống và nàng cúi đầu không đưa mắt về phía tôi. Tôi cúi

gập người xuống và vừa hôn tay nàng, vừa nói rất khẽ tất cả những điều gì mà tôi phải nói theo phép xã giao và vì là họ hàng của người đã khuất. Tôi xin phép nàng cho tôi rời khỏi gian nhà này ngay và đêm thì ngủ lại ngoài vườn, trong ngôi nhà nhỏ tháp tròn cổ kính, hồi còn là học sinh, mỗi lần đến Blagadátnui chơi, tôi đã từng ngủ ở ngoài ấy; ở đây có đặt chiếc giường ngủ của Alécxây Mêseroxki trong những đêm hè nóng bức.

Nàng trả lời, mắt không nhìn lên:

- Lát nữa tôi sẽ cho người dẫn anh đến đó và mang bữa ăn tối cho anh.

Sáng hôm sau, dự lễ rửa tội cho người chết và mai táng xong, tôi vội vã rời khỏi Blagadátnui.

Lúc chia tay, chúng tôi lại chỉ nói với nhau vài lời và vẫn không nhìn vào mắt nhau.

VI

Tôi tốt nghiệp trường đại học và chẳng bao lâu sau thì ba và mẹ tôi đều mất gần như đồng thời. Tôi trở về quê, cai quản việc đồng áng và chung sống với Gasa, một cô gái nông dân mồ côi lớn lên trong nhà tôi và chuyên hầu hạ mẹ tôi lúc người còn sống... Bây giờ thì Gasa cùng với ông già Ivan Lukít, nguyên ngày xưa cũng là người hầu hạ ba mẹ tôi - ông có mái tóc bạc phơ và tấm lưng to bè bè, cả hai người cùng

làm mọi việc trong nhà cho tôi. Bề ngoài trông Gasa còn như một đứa bé - nàng nhỏ nhắn, gầy gò, có mái tóc đen và một đôi mắt màu khói ám hâu như không biểu hiện một điều gì cả. Gasa lặng lẽ, kín đáo, có cảm tưởng rằng nàng thờ ơ lãnh đạm với mọi cái ở trên đời này, nước da mịn màng của nàng đen đen, đến nỗi ngày trước, có lần ba tôi đã nói "Chắc nàng Agarơ xưa cũng giống thế này". Nàng đối với tôi thật đáng yêu vô hạn, tôi thích bế nàng trên tay và vừa hôn nàng vừa nghĩ: "Đó, tất cả những gì còn lại trong đời tôi là thế đó!", và hình như Gasa hiểu rằng tôi đang nghĩ gì. Khi nàng sinh nở - nàng đẻ ra một đứa con trai nhỏ bé, nước da đen đen - nàng thôi không làm những việc lật vật trong nhà nữa và vào ở căn phòng hồi bé của tôi; tôi muốn làm lễ cưới nàng. Nàng trả lời:

- Không, em không cần lễ cưới, em sẽ chỉ thấy xấu hổ trước mặt mọi người, sao em lại có thể thành "bà" được! Còn anh thì việc gì phải cưới? Làm thế, anh chỉ càng chóng chán em hơn thôi. Anh nên đi lên Matxcơva, không thì ở đây với em anh sẽ buồn đấy. Còn em thì sẽ không buồn đâu, - nàng nói và nhìn lên đứa bé bế trên tay đang bú sữa mẹ. - Anh nên đi và cứ sống thế nào cho thoải thích, em chỉ mong anh nhớ một điều: nếu anh thực sự đi yêu người khác và định lấy người ấy thì em sẽ không ngập ngừng đắn đo gì đâu, em sẽ nhảy xuống sông cùng với đứa bé này.

Tôi nhìn Gasa - không thể không tin vào lời nàng

nói được. Tôi hơi cúi đầu xuống: Ừ, mà mình cũng chỉ mới hai mươi sáu tuổi... Yêu và lấy vợ - điều đó lúc ấy tôi không sao hình dung được nữa, nhưng những lời nói của Gasa gợi lại cho tôi nhớ rằng cuộc đời của tôi thế là xong.

Và đầu mùa xuân năm ấy, tôi đi ra nước ngoài và sống ở đó chừng bốn tháng. Đến cuối tháng 6 thì tôi đi qua Matxcơva trở về nhà. Tôi dự tính: mùa thu này sẽ ở thôn quê, đến mùa đông sẽ lại đi du ngoạn ở một nơi nào đó. Trên đường từ Matxcơva đi Tula, tôi thấy lòng mình buồn buồn: mình lại sắp về nhà rồi, à mà để làm gì? Tôi nhớ đến Natali - và nghĩ: đúng, mối tình "đến khi chết" mà Xônhia đùa bốn tiên đoán cho tôi, vẫn canh cánh trong lòng tôi bấy lâu nay, chỉ có điều là tôi đã quen với mối tình ấy như người ta, dần dần, qua năm tháng, quen với cái điều là ngày xưa, chân hay tay họ đã bị người nào chặt mất... Và, trong khi ngồi đợi chuyến tàu ở ga Tula, tôi bỗng gửi đi một bức điện: "Tôi từ Matxcơva qua chỗ cô, chín giờ tối tàu sẽ đến ga Blagadátnưi, cho phép tôi ghé vào trang trại thăm viếng cô".

Nàng đón tôi ở ngoài thêm, - đằng sau nàng, ánh đèn trên tay con hầu tỏa sáng - nàng hơi khẽ mỉm cười và đưa cả hai tay về phía tôi:

- Tôi rất mừng.

- Dù cho điều này nghe lạ tai thế nào đi nữa, cô vẫn lớn thêm một tý đấy, - tôi vừa nói vừa hôn tay nàng, lòng đã bắt đầu cảm thấy đau đau. Tôi nhìn lên toàn thân nàng đang hiện rõ trên ánh đèn mà

con hầu đứng đằng sau đang cầm: chung quanh tấm kính che ngọn đèn, trong khí trời êm êm mềm mại sau một cơn mưa, có những con bướm hồng bé li ti đang đập chồn bay liệng; đôi mắt đen láy của nàng giờ đây nhìn tôi một cách bình thản hơn, rắn rỏi hơn, nàng như đang trong cái thời nở rộ của vẻ đẹp đầy đặn ở một người đàn bà thực thụ; dáng người nàng vẫn thon thả, nàng vẫn ăn vận rất trau chuốt nhưng không cầu kỳ, trên mình nàng là chiếc váy áo lụa màu xanh.

- Vâng, tôi vẫn còn lớn thêm lên, - nàng đáp, miệng nở một nụ cười buồn buồn.

Trong căn phòng, đằng phía góc tường, chiếc đèn đĩa to màu đỏ vẫn đặt ở trước tấm ảnh Chúa, chỉ có điều là không thấp sáng. Tôi vội vàng rời mắt khỏi góc tường ấy và đi theo nàng vào phòng ăn. Ở đấy, trên một tấm khăn trải bàn trắng toát, có đặt ấm trà nóng và mấy cái tách uống trà rất mỏng. Con hầu bưng tới đĩa thịt bò nguội, đĩa dưa chua, một bình rượu trắng và một chai rượu mùi. Nàng cầm lấy ấm trà:

- Tôi không ăn tối đâu, chỉ uống nước chè thôi, nhưng mà anh cứ ăn đi... Anh từ Matxcova tới à? Sao lại thế? Vậy thì mùa hè anh làm gì ở đấy?

- Tôi trên đường từ Pari về.

- À ra thế! Anh ở bên ấy có lâu không?Ồ, nếu tôi cũng có thể đi đâu được một thời gian! Con bé gái của tôi mới được gần bốn tuổi... Nghe nói anh chăm lo việc đồng áng lắm phải không?

Tôi uống cạn một chén rượu vodka không kèm theo thức nhắm, và xin phép nàng cho hút thuốc.

- Ô, không dám, anh cứ hút đi!

Tôi châm thuốc hút và nói:

- Natali ạ, cô không cần phải đối đãi với tôi trang trọng kiểu cách như vậy, đừng quá quan tâm đến tôi, tôi chỉ đến ghé thăm cô ít lúc rồi lại ở ẩn thôi. Cô đừng e ngại điều gì - bởi vì tất cả những gì trong quá khứ đã bị thời gian che lấp đi, đã trôi qua không bao giờ trở lại. Cô không thể không thấy rằng cô lại làm tôi say mê choáng váng như xưa, nhưng bây giờ niềm say mê của tôi không thể làm cô e ngại nữa - niềm say mê ấy giờ đây rất bình thản và vô tư trong tôi...

Nàng khẽ cúi đầu và hàng lông mi đen dài của nàng từ từ hạ xuống, - chưa bao giờ tôi lại có thể bình thản mà nhìn lên mái đầu xinh xinh và hàng mi tuyệt đẹp của nàng, - mặt nàng dần dần ửng hồng.

- Điều đó là hoàn toàn đúng, - tôi tiếp tục nói, mặt tái đi, bằng một giọng rần rỏ như cố làm cho chính bản thân tin rằng mình đang nói sự thực. - Bởi vì mọi cái trên đời này đều trôi qua. Còn về cái tội khủng khiếp của tôi đối với cô, thì tôi tin rằng, từ lâu nó đã biến thành một cái gì không đáng kể đối với cô; trở nên dễ hiểu hơn, dễ tha thứ hơn ngày xưa: bởi vì không phải tôi hoàn toàn tự giác khi mắc lỗi và cái tội đó ngay từ lúc ấy cũng đã có thể được châm chước, nếu tính đến cái tuổi còn quá trẻ của tôi, tính đến cái hoàn cảnh kỳ dị mà tôi đã mắc vào. Và, hơn nữa, tôi

cũng đã tự trừng phạt mình một cách đích đáng - tôi đã tự kết liễu đời tôi.

- Kết liễu đời anh?

- Còn có thể nói thế nào khác nữa? Đến giờ cô cũng vẫn chưa biết, chưa hiểu tôi, như ngày xưa cô đã nói ư?

Nàng im lặng một lát.

- Tôi có nhìn thấy anh trong cuộc dạ hội ở Vôrônhesơ. Hồi ấy tôi còn rất trẻ và cũng thật là bất hạnh! - tuy rằng làm gì có tình yêu nào bất hạnh? - Nàng vừa nói, vừa ngẩng mặt nhìn tôi, cả cặp mắt đen lầy mở rộng, cả hàng mi dài cong cong lên cũng như muốn hỏi tôi câu ấy - có lẽ nào điệu nhạc buồn nhất trên thế giới này lại không đem đến cảm giác hạnh phúc hay sao? - Nhưng mà thôi, anh hãy kể cho tôi nghe những chuyện của anh, anh định sống ở thôn quê mãi mãi thật à?

Cố gắng lắm tôi mới hỏi được:

- Thế nghĩa là dạo ấy cô vẫn còn yêu tôi ư?

- Đúng thế.

Tôi im lặng và đã cảm thấy mặt mình bắt đầu nóng bừng.

- Tôi nghe nói rằng... anh đã có một mối tình, đã có một đứa con, đúng thế không?

- Đó không phải là tình yêu, - tôi nói. - Một tình thương hại dịu dàng sâu xa... và chỉ thế thôi.

- Kể lại tất cả cho tôi nghe đi.

Tôi kể lại hết cho nàng nghe - cho đến cả cái đoạn mà Gasa khuyên tôi "hãy đi, hãy sống thế nào cho thoả thích". Và tôi kết thúc câu chuyện:

- Bây giờ thì cô thấy đấy, đời tôi quả đã kết thúc rồi...

- Anh đừng nói thế! - Nàng vừa nói, vừa theo đuổi một ý nghĩ gì đó của riêng mình. - Cả đời anh còn ở phía trước. Nhưng mà, một cuộc hôn nhân chính thức đối với anh là khó có thể có được. Gasa tất nhiên là thuộc loại người đến con mình cũng không tiếc nữa là tiếc thân mình!

- Chuyện không phải ở chỗ cưới xin, - tôi nói. - Trời! Tôi mà lấy vợ ư!

Nàng nhìn tôi ra chiều nghĩ ngợi và nói:

- Đúng, đúng. Kể ra cũng thật là kỳ lạ. Cái lời tiên đoán của anh thế mà thành sự thực - chúng ta thế là có họ với nhau đấy. Anh có cảm thấy rằng bây giờ anh là em họ của tôi không?

Nàng đặt tay mình lên tay tôi:

- Anh đi đường mệt lắm phải không, đến nỗi anh chẳng đụng đến một thứ gì trên bàn cả. Trông anh bơ phờ lắm. Thôi, hôm nay nói chuyện đến đây thôi, anh đi nghỉ nhé, giường ngủ trong phòng dành cho anh đã soạn dọn cả rồi...

Tôi ngoan ngoãn hôn tay nàng, nàng gọi con hầu cầm nến đến, mặc dầu trắng mọc chên chéch trên khu vườn đang rọi sáng đường đi; nàng đỡ lấy ngọn nến ấy rồi dẫn tôi qua con đường chính nằm giữa những hàng cây lớn, đến con đường nhỏ hơn, rẽ ra chỗ những đám cây thưa, nơi có ngôi nhà nhỏ tháp tròn cổ kính, có những hàng cột gỗ.

Tôi ngồi trên chiếc ghế bành đặt gần cửa sổ, rút

thuốc ra hút, nhìn ra vườn và nghĩ ngợi: thật là sai lầm mà làm cái việc bất ngờ ngu ngốc này, thật là ngớ ngẩn mà ghé vào đây, vì đã quá tin vào cái gọi là nghị lực, cái gọi là sự điềm tĩnh của mình... Đêm yên ắng quá, trời đã về khuya lắm. Chắc là vừa có một cơn mưa nhỏ hạt nào - không khí hình như trở nên ấm áp hơn, mịn màng hơn. Trong sự hài hoà kỳ diệu với cái yên tĩnh này, cái ấm áp lắng xuống này, có tiếng gà gáy đầu tiên từ phía xóm làng xa dè dặt kéo dài...

Mặt trăng tròn trặn mọc chênh chếch bên mái nhà như đứng lặng vào một chỗ, như đang chăm chú ngắm nhìn một cái gì, trăng sáng trên những ngọn cây xa, trên những lùm cây táo mọc gần trong vườn, trăng trộn lẫn ánh vàng của mình với bóng những hàng cây xao xác... Những chỗ nào ánh trăng rọi tới thì long lanh sang sáng như những mặt kính, còn dưới bóng cây thì có những lốm đốm sáng pha với những lốm đốm đen, trông thật là huyền bí... Và nàng, mặc một bộ đồ lụa trắng dài, cũng bước đến bên cửa sổ nhẹ nhàng và huyền bí như thế...

Một lúc sau, trăng đã lên trên đỉnh đầu, rọi thẳng vào ngôi nhà nhỏ có tháp tròn; và chúng tôi lần lượt nói với nhau - nàng nằm trên giường, còn tôi thì quỳ xuống bên cạnh và cầm lấy tay nàng:

- Từ cái đêm giông chớp kinh khủng đó anh đã yêu một mình em thôi, trong lòng anh không còn một khát vọng nào khác, ngoài cái khát vọng say sưa nhất, trong sáng nhất tới em.

- Vâng, với thời gian dần dần em cũng hiểu. Tuy nhiên, em vẫn chẳng quên ánh chớp khủng khiếp ấy, khi vừa nhớ tới cái điều đã xảy ra trước đó một giờ dưới hàng cây.

- Không nơi nào trên thế giới này lại có ai đẹp như em cả. Lúc này, khi anh nhìn lên tấm áo lụa xanh của em, nhìn lên chiếc đầu gối tròn tròn của em thấp thoáng dưới làn vải mỏng, anh cảm thấy rõ rệt rằng anh sẵn sàng đổi cả đời mình lấy một cái hôn nhẹ nhẹ lên tấm áo ấy.

- Trong những năm qua, không lúc nào, không bao giờ anh quên em chứ?

- Nếu anh có quên thì chỉ như người ta quên rằng mình đang sống, mình đang thở. Em nói đúng đấy: không có tình yêu nào bất hạnh. Ôi, anh nhớ mãi cái áo dài màu vàng tơ của em và cả bóng hình em còn đang như một cô bé gái thoáng hiện qua trước mắt anh vào buổi sớm ấy, buổi sớm đầu tiên của mối tình anh với em! Anh nhớ cánh tay em trong ống tay áo rộng kiểu Ucren. Anh nhớ dáng đầu em cúi xuống khi em đọc quyển "Vực thẳm" và anh thì thầm khẽ gọi: "Natali, Natali!".

- Thế, thế...

- Anh nhớ em trong buổi dạ hội, dáng em cao cao, thanh thanh, em đẹp quá, cái đẹp đáng sợ của người con gái đã trở thành thiếu phụ, - đêm ấy anh muốn chết biết bao, muốn chết trong niềm say mê của tình yêu và tuyệt vọng! Anh nhớ hôm em cầm ngọn nến, em vận đồ tang đen và cái vẻ trong trắng diệu kỳ mà

bộ đồ tang đã đem đến cho em. Anh có cảm tưởng rằng, cả ngọn nến em cầm cũng trở nên linh thiêng, huyền bí.

- Bây giờ thì anh lại bên em và bên em mãi mãi. Nhưng chúng mình sẽ ít gặp nhau thôi anh nhé - làm sao mà em, người vợ không ai biết của anh, lại có thể trở thành tình nhân của anh trước mắt mọi người?

Tháng mười hai năm ấy nàng đẻ non và chết ở bên hồ Giơnevơ.

4-4-1941

PHAN HỒNG GIANG dịch

NGÀY THỨ HAI TRONG TRẮNG

Ngày đông xám xịt ở Matxcova đã sẫm tối, khí đốt đã nhen cháy lạnh lẽo trong những ngọn đèn, tủ kính các cửa hàng đã bùng lên ấm áp, - và thế là cuộc sống ban đêm ở Matxcova đã bùng lên, thoát khỏi những công việc bận bịu của ban ngày. Những cỗ xe trượt tuyết chở thuê phóng qua phóng lại càng dày đặc và hăng hái hơn. Những toa xe điện đầy ắp, nhấp nhô, ầm ầm lăn bánh với vẻ càng lặc lè hơn, - trong bóng tối chạng vạng, đã bắt đầu thấy được những đốm sao xanh lè từ trên dây điện xoèn xoẹt tóe xuống. Và bóng mờ mịt của những người qua lại trên vỉa hè tuyết phủ cũng rào bước nhộn nhịp hơn... Chiều nào cũng vậy, cứ vào giờ này người xà ịch của tôi lại ruỗi con tuấn mã thân vươn dài ấy để phóng xe chở tôi từ Cổng đỏ đến đền thờ Chúa Kitô Cứu thế, đối diện nơi nàng ở. Và chiều nào tôi cũng đưa nàng đến ăn ở các khách sạn "Praha", "Ermitagio", "Mêtorôpôn", ăn xong đi xem hát, nghe nhạc, rồi từ đó đi đến "Yaro", vào "Xtorena"... Tất cả những chuyện đó rồi sẽ kết thúc ra sao, tôi không biết, mà tôi cũng cố không nghĩ

ngồi, chẳng muốn nghĩ cho đến ngọn ngành làm gì. Bởi lẽ điều đó cũng vô ích như khi nói với nàng về việc ấy vậy, vì có lần nàng đã dứt khoát gạt bỏ câu chuyện về tương lai của hai chúng tôi. Thái độ nàng thật là bí hiểm, thật là khó hiểu đối với tôi, mà cả mối quan hệ giữa tôi với nàng cũng quả là kỳ dị, cho tới nay chúng tôi vẫn chưa hề thật sự gần gũi với nhau. Và tất cả những điều đó đã khiến tôi ở trong tình trạng nhùng nhằng và căng thẳng, luôn khắc khoải chờ mong. Nhưng, đồng thời, tôi vẫn xiết bao sung sướng trong mỗi giờ phút ở bên nàng.

Chẳng hiểu để làm gì, nàng vẫn đi học văn hóa, tuy rất ít đến lớp nhưng cũng vẫn là có đến. Có lần tôi đã hỏi: "Để làm gì vậy?". Nàng nhún vai đáp: "Vậy mọi chuyện đang xảy ra trên đời để làm gì nhỉ? Liệu chúng ta hiểu được chút gì về những xử sự của chúng ta chẳng? Hơn nữa, em đang thích môn sử...". Nàng sống một mình, còn ông bố góa của nàng, một người có học thức thuộc một dòng họ thương gia có tiếng, thì yên chí sống tại Tvêri và đang tích góp một món lời nào đó, giống như mọi thương gia khác vậy. Trong ngôi nhà đối diện với đền thờ Chúa Cứu thế, để có thể ngắm nhìn quang cảnh Matxcova, nàng đã thuê một căn hộ ở đầu hồi trên tầng năm, tất cả có hai buồng, nhưng buồng nào cũng rộng rãi và bày biện chỉnh tề. Trong căn phòng thứ nhất, chiếc đi-văng rộng kiểu Thổ Nhĩ Kỳ chiếm một khoảng lớn, rồi đến một chiếc pianô đắt tiền mà nàng thường tập đi tập lại đoạn mở đầu chậm chậm, tuyệt diệu mơ màng của khúc

"Xônát ánh trắng", và nàng chỉ tập đi tập lại có đoạn mở đầu ấy mà thôi. Trên chiếc pianô cũng như trên chiếc bàn gương đều có những bông hoa đóm đáng khoe sắc trong những bình pha lê nhiều cạnh, mà theo lệnh của tôi, thứ bảy nào cũng có người đem đến cho nàng những bông hoa tươi mới. Và cứ mỗi chiều thứ bảy nào tôi đến thì bao giờ cũng thấy nàng nằm trên chiếc đi-văng mà phía trên không hiểu tại sao vẫn luôn treo ảnh Tônxtôi đi chân đất. Nàng từ tốn chìa tay ra cho tôi hôn rồi lơ đãng nói: "Cám ơn anh đã cho hoa...". Tôi còn thường đem đến cho nàng cả những hộp sôcôla, những cuốn sách mới - của Hopmanxtan, Snitxler, Tetmaier, Psibusepxki, - và lần nào cũng chỉ nhận được một tiếng "cám ơn" và một bàn tay ấm áp chìa ra như thế, hoặc họa hoằn là một mệnh lệnh cho phép được để nguyên áo khoác mà ngồi bên chiếc đi-văng của nàng. "Chẳng hiểu tại sao, - nàng thường lấy tay vuốt cổ áo khoác bằng lông hải ly của tôi mà tần ngần nói, - nhưng em vẫn có cảm giác là không có gì thơm hơn khi vị mùa đông mỗi khi anh đem nó từ ngoài sân vào trong buồng...". Đường như nàng chẳng thiết một cái gì cả, kể cả hoa, cả sách, cả ăn uống, cả đi xem hát, cả đi ăn hiệu vào ban đêm ở ngoài thành phố, mặc dù những đóa hoa gửi đến cũng có thứ hoa nàng thích, có thứ không, những sách tôi đem đến, sách nào nàng cũng đọc qua, sôcôla thì một ngày nàng thường ăn hết cả một hộp, khi ăn bữa trưa hay bữa tối nàng ăn cũng chẳng kém gì tôi, thích ăn món cháo cá tuyết sông với bánh rán có nhân

ở ngoài, thích ăn chim đa đa rán với thật nhiều kem sữa. Đôi khi nàng bảo: "Em chẳng hiểu tại sao con người ta cả đời ngày nào cũng ăn, ăn ngày ăn đêm mà vẫn không chán", - nhưng chính nàng thì lại ăn rất sành điệu theo khẩu vị Matxcơva, dù là ăn bữa trưa hay bữa tối. Nhưng cái sở thích rõ rệt nhất của nàng chỉ là quần áo đẹp, nhung, lụa, lông thú quý...

Cả hai chúng tôi đều giàu có, khoẻ mạnh, trẻ trung và đều đẹp đến nỗi trong các hiệu ăn, trong các buổi hòa nhạc người ta đều phải đưa mắt nhìn theo chúng tôi. Tuy vốn người tỉnh Penden, nhưng không hiểu tại sao lúc bấy giờ tôi lại đẹp trai với vẻ đẹp nồng cháy của người miền nam, thậm chí "đẹp một cách bất nhĩ", như lời một kịch sĩ nổi tiếng đã từng bảo tôi như vậy. Ông ta béo kinh khủng, tính rất háu ăn và rất láu lỉnh. Về ngái ngủ, ông ta bảo tôi: "Anh là người gì, có quý mà biết được. Như dân đảo Xitxilia hay sao ấy". Mà cả tính nết của tôi cũng là tính người miền nam, luôn hoạt bát, luôn sẵn sàng nở một nụ cười sung sướng, sẵn sàng bông lơn một cách thiện ý. Còn nàng thì lại có một vẻ đẹp kiểu Ấn Độ, Ba Tư nào đó: khuôn mặt nàng ngăm ngăm mầu hổ phách, mớ tóc nàng đẹp tuyệt vời mà lại có phần dữ dội vì vừa đen lại vừa rậm, đôi hàng lông mày của nàng vừa mềm mại lại vừa bóng lên như lông hắc điếu, đôi mắt nàng đen như một loại than mềm mịn, miệng nàng quyến rũ với đôi môi đỏ thắm mịn màng, chung quanh điểm những lông tơ màu sẫm. Khi đi ra ngoài, nàng hay bận một tấm

xiêm nhung màu vỏ lựu và đi đôi giày cũng màu đỏ có những khuy cài bằng vàng (nhưng khi đến lớp học thì nàng lại ăn mặc như một cô sinh viên xuề xòa và ăn bữa sáng ba mươi kôpếch trong một quán ăn chay tịnh ở phố Arbat). Và nếu tôi càng thiên về bẻm mép và vui tính một cách chất phác bao nhiêu thì nàng lại thường trầm lặng bấy nhiêu, lúc nào cũng ngẫm nghĩ điều gì, lúc nào cũng như đào sâu suy tưởng một chuyện gì. Mỗi khi nằm trên di-văng với một quyển sách trong tay là nàng thường hay buông sách xuống mà nhìn về phía trước như dò hỏi, điều đó tôi thấy được khi tôi ghé thăm nàng cả vào ban ngày, bởi vì cứ mỗi tháng lại có khoảng ba bốn ngày nàng hoàn toàn không bước ra cửa, không đi chơi đâu ra khỏi nhà, cứ nằm đọc sách, bất cả tôi cũng phải ngồi vào ghế bành cạnh di-văng mà im lặng đọc sách.

- Anh lắm mồm kinh khủng và chẳng chịu ngồi yên tẹo nào, - nàng thường bảo vậy, - để cho em đọc hết chương này đã nào...

- Nếu tôi mà không bẻm mép và không hiếu động thì có lẽ chẳng bao giờ được biết cô đâu, - tôi đáp vậy để nhắc nàng nhớ tới hồi chúng tôi mới quen biết nhau. Lần đó là vào tháng chạp, ngẫu nhiên đến tham dự Nhóm văn nghệ tổ chức buổi diễn giảng của Andrây Belui, ở đó ông này ca ngợi nàng, thì trong khi chạy, nhảy trên sàn diễn tôi đã xoay vòng và cười như nắc nẻ đến nỗi khi nàng ngẫu nhiên ngồi xuống ghế bành cạnh tôi, mới đầu cũng phải ngỡ ngàng

nhìn tôi, rồi cuối cùng cũng phải cười phá lên, còn tôi thì lập tức vui vẻ bắt chuyện với nàng.

- Đúng thế đấy, - nàng nói, - nhưng dù sao anh cũng hãy im lặng tí chút, đọc cái gì đi, hút thuốc lá đi nào...

- Làm sao tôi có thể im lặng được! Cô không thể tưởng tượng được tôi yêu cô đến chừng nào! Mà cô có yêu tôi đâu!

- Em tưởng tượng được chứ. Còn về tình yêu của em thì anh biết rất rõ rằng ngoài bố em và anh ra, em chẳng còn có ai trên đời này. Dù sao chẳng nữa, đối với em, anh là người đầu tiên và cũng là người cuối cùng. Đối với anh thế còn ít hay sao? Nhưng thôi, nói thế là đủ rồi. Có anh là không sao đọc sách được nữa, ta uống trà đi vậy...

Thế là tôi đứng dậy, đun nước sôi bằng chiếc ấm pha trà bằng điện đặt trên mặt bàn nhỏ mé sau đi-văng, rồi vừa bước đến chiếc tủ chè bằng gỗ hồ đào ở sau chiếc bàn nhỏ mà lấy tách và đĩa nhỏ ra, vừa nói điều mình chợt nghĩ:

- Cô đọc hết cuốn "Thiên thân rục lửa" rồi chứ?

- Em coi hết rồi. Cuốn ấy viết câu kỳ hoa mỹ ghê quá, đọc đến phát ngượng lên ấy.

- Thế tại sao trong buổi trình diễn của Saliapin⁽¹⁾ hôm qua, cô lại đột ngột bỏ về thế.

- Ông ta oai hùng quá đấy. Và hơn nữa, người Nga tóc vàng nói chung là em không thích.

⁽¹⁾ Ph. I. Saliapin (1873-1938), ca sĩ Nga rất nổi tiếng.

- Cô thì cái gì cũng không thích!

- Vâng, em không thích nhiều thứ...

"Một mối tình kỳ dị!" - tôi nghĩ bụng, và trong khi chờ nước sôi, tôi đứng, nhìn ra những khung cửa sổ. Trong phòng, hoa tỏa hương thơm ngát, và đối với tôi thì nàng quỳên trong hương thơm của những đóa hoa này. Phía ngoài một khung cửa sổ, tôi thấy bên dưới xa xa trải dài một bức tranh bát ngát của quang cảnh Matxcova tuyết trắng và biếc xám phía bên kia sông. Còn ở khung cửa sổ bên này, mé trái, tôi trông rõ một phần điện Kremli, và đối diện với nó, tôi thấy ngôi đền đồ sộ của chúa Kitô Cứu thế sao lại mới mẻ quá thế và sao nó hiện ra gần quá thế, trắng xóa ra, mà trên vòm mái dát vàng của thánh đường tôi thấy ánh lên những đốm xanh xanh, bóng của những con ác là vĩnh viễn bay lượn chung quanh mái vòm... "Một thành phố kỳ quặc! - tôi bụng bảo dạ mà nghĩ tới Okhônưi Riat, tới Iverxkaia và Vaxili Blagiênưi⁽¹⁾. - Vaxili Blagiênưi và Xpaxna Bôru đều là những nhà thờ lớn kiểu Italia, vậy mà những chóp tháp nhọn trên các bức tường thành điện Kremli lại có vẻ gì đó của Kiêcghidia..."

Đến thăm nàng vào lúc hoàng hôn, đôi khi bắt gặp nàng nằm trên di-văng, chỉ mặc một chiếc áo ngoài lụa viền lông hắc điếu, - nàng bảo đó là "của thừa kế do bà em quê ở Axtorakhan để lại", - tôi bèn ngồi xuống bên nàng trong cảnh tranh tối tranh

⁽¹⁾ Những kiến trúc cổ kính ở Matxcova, trong đó có đan viện Iverxkaia.

sáng, hôn lên tay nàng, chân nàng và tám thân mượt mà đến kỳ lạ của nàng... Nàng không hề phản đối gì, nhưng vẫn chỉ làm thinh. Tôi liền tìm ngay đến đôi môi nóng hổi của nàng, nàng thuận ý và thở hổn hển lên, nhưng vẫn cứ nín lặng. Đến khi thấy tôi không còn giữ nổi mình nữa thì nàng bèn đẩy tôi ra, ngồi dậy, bảo tôi tắt đèn lên với một giọng bình thường, rồi đi vào buồng ngủ. Tôi tắt đèn, ngồi lên chiếc ghế có trụ xoay cạnh pianô rồi dần dần hồi tỉnh lại, người được cơn mê chày bỗng. Mười lăm phút sau nàng từ buồng ngủ bước ra, xiêm áo chỉnh tề, sẵn sàng ra xe đi, vẻ trông bình thản và đơn giản, hết như trước đó không có gì xảy ra cả:

- Hôm nay ta đi đâu? Đến "Métorôpôn" chẳng?

Và rồi suốt buổi tối hôm đó chúng tôi lại nói với nhau những chuyện ngoài lề khác.

Sau khi gần gũi nhau được ít lâu, lúc tôi lại mở miệng nói tới chuyện kết hôn thì nàng bảo:

- Không, em chưa thể làm một bà vợ được. Chưa làm được, chưa làm được đâu...

Điều đó chẳng khiến tôi thất vọng. "Rồi sau sẽ hay" - tôi tự bảo mình, hy vọng rằng với thời gian sẽ thay đổi được quyết định của nàng và từ đó không nhắc tới chuyện kết hôn nữa. Đôi khi tình trạng gần gũi không trọn vẹn ấy dường như đã không sao chịu nổi đối với tôi, nhưng ngay cả lúc ấy tôi cũng có còn cách nào khác nữa đâu ngoài hy vọng vào thời gian? Một hôm, lại ngồi bên nàng trong cảnh chiều hôm tâm tối và yên tĩnh ấy, tôi đưa tay ôm lấy đầu mình:

- Không, tình trạng này tôi không chịu nổi nữa rồi! Và tại sao, vì có gì lại cứ làm tình làm tội tôi và làm tình làm tội bản thân mình như thế!

Nàng nín lặng.

- Ồ, dù sao đó cũng chẳng phải là yêu đương gì cả...

Từ trong bóng tối nàng đều giọng đáp lại rằng:

- Cũng có lẽ. Nào ai biết được tình yêu là gì?

- Tôi thì tôi biết đấy! - Tôi thốt lên. - Tôi sẽ đợi cho đến khi cả cô cũng sẽ biết được tình yêu là gì, hạnh phúc là gì!

- Hạnh phúc, hạnh phúc.... "Bạn hồi, hạnh phúc của chúng ta như nước trong tấm lưới nông, kéo lưới thì lưới phồng, cất lưới thì lưới lại chẳng có chi".

- Thế là cái gì?

- Đó là lời Platôn Karataep nói với Pie đó.

Tôi phẩy tay.

- Ôi chao, cái đạo lý hiền triết phương đông ấy thì kệ xác nó!

Và cả tối tôi lại chỉ nói những câu chuyện ngoài lề, về vở kịch mới ở Nhà hát kịch, về thiên truyện ngắn của Andréep... Tôi lại chỉ dành bằng lòng với những việc như: mới đầu tôi được ngồi sát bên nàng trên chiếc xe trượt tuyết phi như bay và phóng hết tốc lực, ôm lấy nàng trong chiếc áo choàng lông ngắn trơn mượt, rồi sau đó cùng nàng bước vào căn phòng lớn đầy người của hiệu ăn trong tiếng nhạc hành khúc của vở "Aïda"⁽¹⁾, ăn uống bên nàng, nghe

⁽¹⁾ Ca kịch nổi tiếng của nhà soạn nhạc Italia G. Vécđi (1813-1901)

giọng nói chậm rãi của nàng, nhìn đôi môi mà tôi vừa được hôn cách đây một tiếng đồng hồ, - phải ta đã hôn, tôi tự bảo mình như thế, trong khi với lòng hân hoan biết ơn tôi vừa nhìn vào đôi môi ấy, vào những lông tơ sẫm sẫm quanh đôi môi ấy, nhìn vào màu nhung vỏ lựu trên xiêm áo của nàng, vào đôi vai thon thả, cặp vú căng tròn, và vừa thoang thoảng thấy một mùi hương nhẹ nhàng nào đó từ mái tóc của nàng mà vừa nghĩ: "Matxcova, Axtorakhan, Ba Tư, Ấn Độ!". Ở các hiệu ăn ngoài thành phố, tới cuối bữa ăn tối, khi chung quanh đều đã náo nhiệt hơn trong khói thuốc lá mà nàng cũng hút thuốc lá và chệnh choáng say, thì đôi khi nàng cũng dẫn tôi vào một thư phòng riêng, yêu cầu gọi đám người digan đến. Thế là họ tiến vào với vẻ cố ý gây cảnh ồn ào và phóng khoáng, đi đằng trước đội đồng ca là một người digan già với chiếc đàn ghi ta có băng xanh quàng qua vai, mình mặc bộ quần áo kiểu kadac đeo lon, môi tím tím như mồm kẻ chết trôi, đầu trọc lóc như một quả bóng bằng gang, theo sau là một cô digan linh xương, trán thấp tẹt dưới một vòng dây thừng đen như hắc ín... Nàng nghe họ hát với một vẻ giấu cột thần thờ, kỳ dị... Khoảng ba, bốn giờ đêm tôi lại chở nàng về nhà, tới cổng vào thì tôi nhắm chặt mắt lại vì sung sướng mà hôn lên cổ áo lông ướt đẫm của nàng rồi phóng như bay về Cổng đỏ trong một niềm tuyệt vọng hân hoan nào đó. Cả ngày mai và ngày kia rồi cũng sẽ như vậy, - tôi nghĩ bụng, - cũng vẫn là nỗi đau khổ đó và cũng

vẫn là niềm hạnh phúc đó... Có thể thôi, - dù sao cũng là hạnh phúc, hạnh phúc lớn lắm rồi!

Cứ như thế qua tháng giêng, tháng hai, rồi cả Lễ tổng tiền mùa đông⁽¹⁾ cũng đã đến và đã trôi qua. Vào ngày Chủ nhật tha tội⁽²⁾ nàng lệnh cho tôi đến gặp nàng vào năm giờ chiều. Khi tôi đến thì nàng đã ăn mặc chỉnh tề, bận chiếc áo choàng bằng lông cừu non, đội mũ lông cừu non, đi ủng ngắn bằng da đen.

- Đen tuyền kìa! - tôi vừa nói vừa bước vào, mừng, vui như bao giờ hết.

Đôi mắt nàng triu mến và dịu dàng.

- Mai đã là ngày Thứ hai trong trắng⁽³⁾ rồi còn gì, - nàng đáp, đoạn từ chiếc bao tay bằng lông cừu non nàng rút bàn tay đeo găng da dê non màu đen cho tôi bắt. - "Đức Chúa là đáng ngự trị cuộc sống của con...". Anh có thích đi nhà tu viện Nôvôđêvitri không?

Tôi ngạc nhiên, nhưng vội bảo:

- Thích chứ!

- Cứ hết quán rượu nọ đến quán rượu kia làm gì, - nàng nói thêm. - Sáng hôm qua em đã đến thăm nghĩa trang Rôgôgiorkôie đấy...

(1) Cũng là lễ tiền Chay của đạo Kitô, gồm 3 ngày trước khi bước vào mùa Chay.

(2) Tên một ngày Chủ nhật trong các ngày Chủ nhật thuộc một mùa lễ của đạo Kitô.

(3) Ý "trong trắng" là gọi về Đức bà Maria trinh trắng, trong sáng, theo đạo Kitô. Cũng là tên một ngày lễ vào thứ hai trong tuần lễ thánh.

Tôi lại càng ngạc nhiên hơn:

- Thăm nghĩa trang ư? Để làm gì? Đây là nơi ly giáo nổi tiếng ngày xưa⁽¹⁾?

- Phải, đó là nơi ly giáo đấy. Nước Nga trước thời Piôtôro⁽²⁾ đại đế đấy! Họ đã chôn ông tổng giám mục ở đây. Mà anh thử tưởng tượng xem: quan tài là một khúc gỗ sồi, hệt như ngày xưa vậy, găm dát vàng y như được rèn đúc ra, mặt người quá cổ được che bằng the trắng dính mạng đen sợi to, trông vừa đẹp lại vừa dễ sợ. Còn bên cạnh quan tài là các thầy phó tế⁽³⁾ với những chân nến Ba ngôi⁽⁴⁾ và những bình hương.

- Cô học ở đâu mà biết được đấy? Những là chân nến Ba ngôi với bình hương!

- Cái đó thì anh chả biết được em đâu.

- Tôi chưa hề biết là cô ngoan đạo đến thế.

- Đâu phải là ngoan đạo. Em chả biết thế nào... Nhưng giả dụ như có những buổi sáng và buổi tối, khi anh không lôi em đến các hiệu ăn, thì em thường đến các nhà thờ lớn trong thành Kremli mà thậm chí anh chẳng ngờ tới được... Thì ở đây có những thầy phó tế, và là những thầy phó tế nổi tiếng ấy chứ! Như các thầy Pêrêxvét và Oxliabia ấy! Và trên hai gác hát đều có hai ca đoàn, cũng đều là những thầy

⁽¹⁾ Giữa thế kỷ XVII xảy ra sự phân liệt trong chính giáo Nga (gọi là "ly giáo"), hình thành ra phái Cựu lễ (theo lễ tiết cũ), lập ra nghĩa trang Rôgôgiôxkiê sau thành trung tâm của phái này.

⁽²⁾ Túc Pie đại đế (Pierre, tiếng Pháp), 1672 - 1725).

⁽³⁾ Túc deacon (tiếng Anh), diacre (tiếng Pháp).

⁽⁴⁾ Tượng trưng cho Chúa Ba ngôi trong đạo Kitô.

phó tế Pêrêxvét, người nào người ấy đều cao to, lực lưỡng, mặc áo *kaphtan* dài đen, họ hát, ca đoàn nọ đối xứng với ca đoàn kia, họ hát đều một nhịp, không theo nốt nhạc mà theo những "cái móc câu". Thế còn trong huyết thì chất đầy những cảnh từng lóng lánh, mà ngoài trời thì rét, có ánh nắng mặt trời, có tuyết chói lòa... Ô mà không, chuyện đó anh chẳng hiểu được đâu! Ta đi thôi...

Chiều hôm đó cảnh vật hiền hòa, trời nắng, có giá đọng trên các cành cây; bên trên các tường gạch đỏ như máu của tu viện, những con ác là chao đi chao lại trong bầu tĩnh mịch hết như những nữ tu bé nhỏ, thỉnh thoảng những tiếng chuông đồng hồ thanh thanh và buồn bã lại điểm giờ trên gác chuông. Chân bước cọt kẹt trên mặt tuyết trong bầu tĩnh mịch, chúng tôi vào cổng, lần theo những lối đi đầy tuyết phủ trong nghĩa trang, - mặt trời vừa lặn xuống, nhưng trời còn rất sáng sủa, các cành cây đọng giá hiển hiện tuyệt vời thành một sắc san hô xám trong ánh mạ vàng của lúc chiều tà, chung quanh chúng tôi leo lét một cách bí ẩn những đốm lửa yên tĩnh và u buồn của những dãy đèn thờ không bao giờ tắt rải rác trên những ngôi mộ. Tôi bước theo nàng, triu mến dõi theo vết chân bé nhỏ của nàng, dõi theo hình những ngôi sao nhỏ mà đôi ủng nhỏ, đen, mới của nàng để lại trên tuyết, - nhưng nàng đã cảm biết được và quay ngoắt lại:

- Quả là anh yêu em lắm đấy! - nàng lắc đầu với một vẻ ngớ ngàng nhẹ nhàng mà nói vậy.

Chúng tôi đứng bên những ngôi mộ của Erten⁽¹⁾, Tsêkhôp⁽²⁾. Giữ nguyên đôi tay trong chiếc bao tay buông lỏng, nàng ngắm nhìn tấm bia kỷ niệm trên mộ Tsêkhôp hồi lâu, đoạn nhún vai:

- Một sự pha trộn đáng ghét giữa phong cách ngọt nhạt của Nga với phong cách của Nhà hát kịch.

Trời đổ tối, giá lạnh, chúng tôi từ từ ra khỏi cổng, cạnh cổng chú Phiôđor của tôi vẫn ngoan ngoãn ngồi chờ trên ghế giông xe.

- Ta đi thêm chút nữa đi, - nàng nói, - rồi ta đến ăn những chiếc bánh trắng cuối cùng ở hiệu Êgôrôp... Nhưng đừng phóng nhanh, Phiôđor nhỉ?

- Thưa vâng.

- Hình như ở Orđunka có ngôi nhà Gribôêđôp⁽³⁾ ở trước đây. Ta đi tìm thử xem...

Thế là chẳng hiểu sao chúng tôi đi đến Orđunka, quanh quẩn hồi lâu theo những ngõ ngách giữa các khu vườn và đến ngõ Gribôêđôp; nhưng nào có ai chỉ được cho chúng tôi biết Gribôêđôp đã từng sống ở ngôi nhà nào, - người qua lại chẳng có một ai, vả lại trong bọn họ ai là người có thể cần biết đến Gribôêđôp làm gì? Trời đã tối từ lâu, đằng sau những cây cối giá động đã thấy ửng đỏ những ô cửa sổ sáng ánh đèn...

⁽¹⁾ A.I.Erten (1855-1908), nhà văn Nga có tư tưởng dân chủ.

⁽²⁾ A.P.Tsêkhôp (1860-1904), nhà văn kiệt xuất Nga, tác giả nhiều truyện và kịch nổi tiếng.

⁽³⁾ A.X.Gribôêđôp (1795-1829), nhà viết kịch, nhà tư tưởng nổi tiếng nước Nga đầu thế kỷ XIX.

- Đằng kia còn có đan viện⁽¹⁾ Marphô - Mariinxkaia,
- nàng nói.

Tôi bật cười:

- Lại vào đan viện nữa à?
- Không, ấy là em nói vậy...

Ở tầng dưới quán rượu Egôrôp tại Ôkhônưiriát đây những người xà ích đầu bồm xồm, mặc quần áo béo xù ra. Họ đang cắt từng tập những chiếc bánh trắng đã được rưới quá nhiều mỡ và kem sữa. Ở đây hơi nước bốc nghi ngút như trong buồng tắm vậy. Các căn phòng bên trên cũng rất ẩm, trần thấp, ở đó thì lại có những thương nhân thủ cựu đang nhấm rượu sâm banh ướp lạnh với những chiếc bánh trắng màu đỏ như lửa, có phết trứng cá hạt. Chúng tôi sang căn phòng thứ hai, - ở góc phòng một cây đèn thờ đang cháy trước một bàn thờ bằng gỗ đen có treo các bức tượng Thánh Mẫu có ba tay, - và ngồi vào một chiếc di-văng bọc da đen đặt sau một chiếc bàn dài... Những lông tơ trên môi trên của nàng đều còn vương sương giá, nước da hổ phách trên cặp má nàng hồng hào lên, lòng đen trong con mắt nàng hoàn toàn hòa lẫn với con người, - tất cả đều khiến đôi mắt hân hoan của tôi không sao rời khỏi gương mặt nàng. Còn nàng thì vừa rút chiếc mùi xoa ra khỏi ống bao tay thơm phức, vừa nói:

- Hay thật! Bên dưới là những anh nhà quê thô

⁽¹⁾ Cũng là tu viện, nhưng biệt lập, cho những người đan tu khổ hạnh (abbot, abbey và abbaye, tiếng Anh và Pháp).

lâu, mà trên này thì sâm banh nhắm bánh trắng với Thánh Mẫu ba tay. Ba tay đấy nhé! Thế là Ấn Độ rồi còn gì! Anh là một ngài quý tộc, anh không thể hiểu toàn bộ cái thành phố Matxcơva này như em được đâu.

- Tôi hiểu được, hiểu được! - tôi đáp. - Ta hãy đặt một bữa ăn cho thịnh soạn cái đã!

- "Thịnh soạn" nghĩa là thế nào?

- Nghĩa là cho ra trò. Cô mà không hiểu hay sao? "Rêtrê Ghiurghi..."

- Ghiurghi! Thật là hay!

- Phải, đó là công tước Iuri Đôngôruki. "Rêtrê Ghiurghi xứ Xviatôxlap nói với công tước Xêverxki rằng: "Bạn hỡi, hãy đến cùng tôi ở Môxkôva⁽¹⁾, tôi sẽ truyền lệnh dọn một bữa ăn thịnh soạn".

- Thật là hay. Vậy mà giờ đây cái nước Ruxi⁽²⁾ ấy chỉ còn lại trong những tu viện phương bắc nào đó. Với lại trong khi hát thánh ca ở nhà thờ. Gần đây em có đến thăm tu viện Dasatiepxki - người ta ca những bài thánh vịnh thật tuyệt vời, anh không tưởng tượng được đâu! Thế mà ở tu viện Tsudôvưi lại còn cừ hơn. Năm ngoái hể đến Mùa Chịu nạn là em lên đấy suốt. Chao ôi, thích thật đấy! Khắp nơi là nội cỏ, không khí quả là hiền dịu, trong lòng sao thấy êm ái, hiu hiu buồn và lúc nào cũng cảm thấy tình quê hương, thấy cái cổ kính của đất nước... Trong nhà thờ

⁽¹⁾ Tên thành Matxcơva cổ xưa.

⁽²⁾ Tên nước Nga cổ xưa.

lớn có bao nhiêu cửa đều mở ra hết, những người dân thường ra ra, vào vào suốt cả ngày, cả ngày người ta đều làm lễ... Ôi, nếu như em được đi biệt đến một tu viện nào đó, đến một nơi khỉ ho cò gáy, thâm sơn cùng cốc nào đó, như Vôlôgôđa, Viat chẳng hạn!

Tôi định bảo nàng rằng nếu vậy thì tôi cũng sẽ đi quách hoặc sẽ cắt cổ một ai đó để được đầy đi đảo Xakhalin, và rồi, mất bình tĩnh do quá xúc động tôi châm thuốc hút, thì một người hầu rượu⁽¹⁾ mặc quần trắng, sơ mi trắng, lưng thắt một đoạn dây bện màu mận chín, đã tiến lại gần tôi, kính cẩn nhắc:

- Bẩm ông, ông tha lỗi, ở chỗ chúng cháu không hút thuốc được đâu ạ...

Rồi lập tức anh ta liền láu nói với vẻ đặc biệt xun xoe:

- Ông gọi món gì để ăn với bánh trắng ạ? Rượu thuốc quốc lùi ạ? Trứng cá, cá hồi ạ? Để nhắm với cá ám nhà hàng chúng cháu có rượu *hêrex* ngon hiểm có, còn để ăn cá *navaga* thì...

- Cho cả rượu *hêrex* để nhắm với cá *navaga* - nàng xen lời và tôi vui lòng thấy suốt buổi chiều nay nàng tỏ ra mau mồm mau miệng một cách tốt bụng như thế. Và rồi tôi đã lơ đãng nghe những gì nàng nói sau đó. Còn nàng thì nói với ánh dịu dàng trong đôi mắt:

- Những cái gì thuộc biên niên sử Nga, chuyện cổ tích Nga là em rất thích. Tối nay em vẫn đọc đi đọc

⁽¹⁾ Người hầu ở quán rượu, tủ bảo.

lại những cái gì mình đặc biệt thích. kỳ cho tới khi thuộc lòng mới thôi. "Ngày xưa trên đất nước Nga có một thị trấn tên gọi là Murôm, ở đó trị vì một vương tước thuộc dòng chính giáo tên gọi Paven. Thế nhưng có con xà tinh bay đến cám dỗ vợ chàng vào con đường dâm dăng. Con xà tinh ấy hóa thành một người thật, đẹp tuyệt vời, đến gặp nàng...".

Tôi bèn đùa, giả cách trợn mắt khiếp sợ:

- Eo ôi, kinh chưa!

Nàng diễm nhiên kể tiếp:

- Đây là Chúa thử lòng nàng đó thôi. "Đến khi nàng được ơn Chúa cho lâm chung thì cả vương tước và phu nhân đều cầu xin Chúa cho được đến trình diện cùng một ngày. Và cả hai người hẹn ước được cùng chôn chung trong một chiếc quan tài. Rồi họ ra lệnh đục hai lỗ huyết trong cùng một phiến đá. Rồi họ cũng cùng một lúc chuyển sang bên đồ tu hành...".

Thế là tâm trạng lơ đãng của tôi một lần nữa lại biến thành ngạc nhiên, thậm chí thành một nỗi lo âu: hôm nay nàng làm sao thế nhỉ?

Thế rồi đêm hôm đó, khi tôi chở nàng về nhà vào một thời điểm hoàn toàn khác thường là mười một giờ đêm, và khi chia tay với tôi ở cổng, nàng bỗng giữ tôi lại lúc tôi đã bước lên xe trượt tuyết:

- Gượm đã, anh. Mai anh đến em vào buổi tối, sau mười giờ nhé. Mai là buổi "cây nhà lá vườn" của Nhà hát kịch.

- Vậy thì sao? - tôi hỏi. - Cô muốn đến buổi "cây nhà lá vườn" đó sao?

- Vâng.

- Nhưng chính cô đã bảo rằng cô không biết có cái gì tệ hơn những buổi "cây nhà lá vườn" ấy kia mà!

- Cả hiện thời em cũng vẫn thấy thế. Nhưng dù sao em vẫn muốn đi.

Tôi lắc đầu thâm trong dạ, - rất những chuyện đồng đánh, những thói đồng đánh kiểu Matxcova! - và tươi tỉnh đáp ứng:

- Ôn raito⁽¹⁾!

Mười giờ tối hôm sau, đi thang máy lên đến cửa buồng nàng, tôi dùng chiếc chìa khóa nhỏ của mình mở cửa ra nhưng vẫn nán lại ở phòng ngoài tấm tối chưa bước vào phòng trong vội, bởi vì thấy trong đó sáng sủa khác thường, đèn đuốc sáng choang, - cả những chiếc đèn chùm, cả những cây đèn nhiều ngọn ở hai bên cạnh tấm gương soi, và cả cây đèn cao có chao đèn mỏng manh đứng ở đầu đi-văng, - còn ở chiếc pianô thì thấy vang lên đoạn mở đầu của khúc "Xônát ánh trắng", tiếng đàn càng dâng cao, càng âm vang bao nhiêu thì nó lại càng khắc khoải hơn, mời gọi hơn trong một nỗi buồn mơ màng, sáng khoái. Khi tôi đóng sập cánh cửa buồng ngoài, thì tiếng nhạc ngừng nhường cho tiếng xiêm áo sột soạt. Tôi bước vào, thấy nàng đứng thẳng người bên chiếc pianô với bộ điệu hơi có vẻ diễn kịch, mình bận một chiếc xiêm nhung đen khiến nàng trông như thon thả hơn và long lanh hơn với vẻ lộng lẫy của mình;

⁽¹⁾ Tiếng Anh: *All right*, nghĩa là: Được.

với mái tóc đen nhánh được chải chuốt theo kiểu ngày hội; với màu hổ phách ngăm đen của đôi tay trần, đôi vai trần và của phần ngực trên mịn màng đầy đặn; với đôi hoa tai kim cương lấp lánh xuôi theo cặp má phũ dưới một làn phấn nhẹ nhàng; với cặp mắt màu than mịn và đôi môi màu nhung đỏ thắm. Ở hai bên thái dương của nàng, đôi bím tóc đen láng bóng, uốn nửa vòng xòa xuống cặp mắt lại càng khiến nàng mang vẻ một người đẹp phương đông trong tranh khắc dân gian.

- Nếu là một nữ ca sĩ vừa trình diễn trên sân diễn, - nhìn nét mặt hoang mang của tôi nàng nói, - thì em sẽ đáp lại những tràng vỗ tay bằng một nụ cười niềm nở, khẽ nghiêng mình chào bên phải, bên trái, chào bên trên và bên dưới. còn bản thân mình thì tuy sẽ kín đáo, nhưng vẫn rất cẩn thận lấy chân gạt đuôi váy ra để khỏi giẫm vào nó...

Trong buổi "cây nhà lá vườn", nàng hút thuốc lá nhiều và luôn nhấp rượu sâm banh, chăm chú xem các diễn viên đang la hét huyên thiên và ca lên những điệp khúc để mô tả một cái gì đó như kiểu Pari, đôi nhìn Xtanixlapxki người cao lớn với mái tóc trắng và đôi lông mày đen, đôi nhìn Môxkvín người lẩn chác với cặp kính không gọng trên bộ mặt giống như cái máng lợn, - cả hai người này đều đang cố làm ra vẻ nghiêm chỉnh và nỗ lực, ngả người ra phía sau để liều mạng tạo ra một điệu nhảy *căngcăng*⁽¹⁾ trong tiếng cười ầm ĩ

⁽¹⁾ Tức *cancan*, điệu nhảy hát cao chân của Pháp.

của khán giả. Katsalốp, mặt tái đi vì men rượu, một chòm tóc kiểu Biêlôrutxia xõa xuống vầng trán đầm đìa mồ hôi, cầm ly rượu tiến lại gần chúng tôi, nâng ly, làm ra vẻ âm thầm thêm muốn ngắm nhìn nàng mà nói bằng một giọng trầm của diễn viên:

- Hỡi bà chúa tươi trẻ, nữ hoàng Samakhan, chúc sức khoẻ của nàng!

Và nàng từ tốn mỉm cười, chạm ly với ông ta. Ông ta cầm lấy tay nàng, say xỉn gấn môi vào đó và suýt nữa thì ngã nhào xuống. Nhưng ông ta gượng lại được, rồi nghiêng rằng đưa mắt nhìn tôi:

- Còn cái anh chàng đẹp trai nào thế này? Tôi cảm thù đấy.

Rồi chiếc phong cầm quay tay bắt đầu vang lên khàn khàn, rít lên, ồn ã lên, giậm giậm nhún nhẩy lên một điệu *pônka*, - và rồi Xulergitxki, một người nhỏ bé, luôn tươi cười và lúc nào cũng như tất bật về việc gì đó, đã trượt trên sàn, phóng như bay đến chỗ chúng tôi, cúi gập người, ra bộ ga-lăng kiểu nhà hàng, quán trọ, nói lấp bắp một cách vội vàng:

- Xin được phép mời nhảy một điệu *pônka* Tơranblan...

Thế là nàng cười nụ, đứng dậy, rồi vừa dậm chân một cách khéo và gọn, long lanh với những chiếc hoa tai, với màu đen và với đôi vai, đôi cánh tay trần của mình, nàng cùng tiến lên với ông ta giữa những chiếc bàn nhỏ, được mọi người dõi theo bằng những con mắt thán phục và bằng những tràng vỗ tay, trong khi đó ông ta vươn cổ, be lên như một con dê đực:

Nhanh lên, ta hãy nhanh lên

Pônka sẽ nhảy cùng em điệu này!

Đến ba giờ đêm thì nàng đứng dậy, lấy tay che mắt. Lúc cùng nhau mặc áo khoác để ra về, nàng nhìn lên chiếc mũ lông hải ly của tôi, đưa tay vuốt ve cổ áo lông hải ly rồi vừa bước ra phía cửa, vừa nói nửa như đùa, nửa như thật:

- Dĩ nhiên là đẹp trai rồi. Katsalôp nói đúng... "Con xà tinh hóa thành một người thật, đẹp tuyệt vời...".

Dọc đường nàng im lặng, đầu gục xuống do một cơn bão tuyết sáng lóa dưới ánh trắng đang thổi ngược lại. Mặt trăng tròn trịa ngụp trong những đám mây trên điện Kremli, - "một cái đầu lâu loé sáng nào đó" - nàng bảo vậy. Trên tháp Xpaxkaia, đồng hồ điểm ba giờ, - nàng lại bảo:

- Sao cái thanh âm cổ xưa thế, - đó là một cái gì vừa bằng sắt tây lại vừa bằng gang. Cả lúc ba giờ đêm trong thế kỷ mười lăm nó cũng đã điểm như vậy, cũng bằng một thanh âm đó. Cả ở Phlôrentxia⁽¹⁾ đồng hồ cũng điểm y hệt, và khi đó em lại nhớ tới Matxcova...

Đến lúc Phiôđor ghì cương lại ở lối ra vào, nàng ra lệnh cho tôi với giọng mất hết sức sống:

- Để cho cậu ấy về...

Tôi sững sốt, - chưa bao giờ nàng cho phép lên buồng nàng vào ban đêm cả, - và luống cuống bảo:

- Phiôđor, tôi sẽ đi bộ về...

Rồi chúng tôi lặng lẽ đi thang máy lên tầng, tiến

⁽¹⁾ Một thành phố lớn cổ, tráng lệ ở Italia (Florence, tiếng Anh và Pháp).

bước vào cái cảnh ấm áp ban đêm và cái bầu tĩnh mịch của căn hộ với tiếng gõ lạch cạch của những chiếc búa con trong cái lò sưởi. Tôi cởi cho nàng chiếc áo choàng lông ngắn đã bị tuyết gội trơn nhẵn, nàng lột từ mái tóc ra chiếc khăn san lông tơ ướt át mà ném vào tay tôi, rồi loạt soạt chiếc váy lụa mặc trong, nàng rảo bước vào buồng ngủ. Tôi cởi áo khoác ngoài, bước vào căn buồng thứ nhất mà ngồi lên chiếc đi-văng Thổ Nhĩ Kỳ, trái tim lạnh đi khác nào đứng bên một vực thẳm. Tôi nghe thấy tiếng chân nàng đằng sau đôi cánh cửa bỏ ngỏ nơi buồng ngủ sáng ánh đèn, rồi thấy nàng giữ lấy những chiếc trâm cài đầu, lộn chiếc xiêm qua đầu mà cởi bỏ xiêm ra... Tôi bèn đứng dậy, tiến đến bên cửa: nàng chỉ đi độc một đôi giày bằng lông thiên nga, đứng trước giá gương, quay tám lưng trần về phía tôi, cầm chiếc lược chải mỗi chải những sợi tóc đen xoa dài qua mặt.

- Thế mà anh ấy cứ bảo là mình ít nghĩ đến anh ấy đấy, - nàng ném chiếc lược lên mặt bàn gương, đoạn hất tóc ra sau lưng, quay mặt lại phía tôi: - không, em có nghĩ đấy chứ...

Sáng sớm tôi thấy nàng động dậy. Mở mắt ra thì thấy nàng đang nhìn chăm chăm vào tôi. Tôi hơi nhồm dậy trong hơi ấm áp của giường và của thân thể nàng, nàng ngả đầu vào tôi, se se và đều giọng nói:

- Chiều nay em sẽ đi Tverì. Đi lâu hay chóng, điều đó chỉ có Chúa biết...

Rồi má nàng áp vào má tôi, - tôi cảm thấy làn mi ướt của nàng chớp chớp.

- Ngay khi đến, em sẽ viết thư nói hết mọi chuyện. Em sẽ nói hết mọi chuyện về tương lai. Xin lỗi anh, bây giờ để em ở lại một mình, em mệt lắm...

Và nàng nằm xuống gối.

Tôi sẽ mặc quần áo, rút rờ hôn lên mái tóc nàng rồi nhón bước đi ra thang gác lúc này đã sang sáng một màu tái nhợt. Tôi đi bộ trên mặt tuyết non trơn, - bão tuyết không còn nữa, bốn chung quanh đều yên tĩnh, đã nhìn xa được dọc theo các phố xá, đã ngửi được cả mùi của tuyết lẫn mùi những lò nướng bánh. Tôi đi đến tận sân viên Iverxkaia bên trong còn thấy vô số cây nến đang hừng hực cháy và ngời sáng như những đồng củi khô, rồi cùng nhập bọn với các bà già và những người ăn xin, tôi quỳ xuống mặt tuyết đã bị dày dạp, bỏ mũ ra... Có ai đó sờ vào vai tôi, nhìn lại thì thấy đó là một bà cụ bé nhỏ và cực kỳ khốn khổ nào đó. Cụ nhìn tôi, mặt nhăn nhúm lại vì những giọt lệ thương đau:

- Chao ôi, chớ đau buồn, chớ đau buồn quá đổi như vậy! Tội đấy, tội đấy!

Bức thư tôi nhận được khoảng hai tuần sau đó là rất ngắn ngủi. Bằng lời lẽ trù mến nhưng kiên quyết, nàng yêu cầu tôi đừng chờ đợi nữa, đừng cố tìm gặp nàng. "Em không về Matxcova nữa đâu, hiện thời em tạm đang đi tập giáo⁽¹⁾, sau đây có thể là em sẽ quyết ý xuống tóc đi tu... Cậu Chúa sẽ cho anh có

⁽¹⁾ Tập sự làm những công việc lật vật trong nhà thờ hay tu viện để chuẩn bị làm giáo chức hoặc đi tu.

đủ sức mạnh để không viết thư trả lời em - chẳng tội gì kéo dài và tăng thêm nỗi đau khổ của chúng ta..."

Tôi đã thể theo lời yêu cầu của nàng. Và rồi tôi luân lạc trong những quán rượu bẩn thỉu nhất, đắm ra nát rượu, ngày càng dần sâu hơn vào cảnh sa đoạ. Rồi sau tôi bắt đầu tỉnh ngộ lại dần dần, trở nên dửng dưng, tuyệt vọng... Gần hai năm trôi qua kể từ cái ngày thứ hai trong trắng đó...

Năm mười bốn⁽¹⁾, vào dịp Năm mới lại có một chiều nắng hiền hòa như cái buổi chiều không thể nào quên được ấy. Tôi bước ra khỏi nhà, gọi một chiếc xe ngựa rồi đi đến Kremli. Đến đó tôi vào nhà thờ lớn Arkhanghenxki⁽²⁾ vắng vẻ, đứng hồi lâu trong cảnh tối nhá nhem mà không cầu nguyện gì, chỉ đưa mắt ngắm nhìn ánh vàng xưa cũ lấp lánh chập chờn trên những bức tượng thánh và những phiến đá đặt trên mồ các vua chúa Matxcova. Tôi đứng hệt như chờ đợi điều gì trong một cảnh yên tĩnh đặc biệt của ngôi nhà thờ vắng tanh vắng ngắt ấy, một cảnh yên tĩnh mà ngay cả thở dài ta cũng thấy ngại ngùng. Ra khỏi nhà thờ, tôi bảo người xà ích đánh xe đến Ordunka, cho ngựa đi bước một như hồi ấy, lần theo những ngõ ngách tăm tối giữa các khu vườn với những cửa sổ đã sáng ánh đèn dưới những lùm cây, rồi đi qua ngõ Gribôêdôp - và tôi cứ khóc, khóc hoài...

⁽¹⁾ Tức năm 1914.

⁽²⁾ Có nghĩa là nhà thờ lớn Tổng lãnh thiên thần (Archangel).

Đến Orđunka tôi bảo người xà ích dừng xe ở cạnh cổng đan viện Macphô-Mariinxkaia. Ở đó, trong sân đan viện thấy đen ngòm những cỗ xe ngựa, thấy có một ngôi nhà thờ nhỏ cửa mở toang có sáng ánh đèn và từ trong cửa vẳng lại sâu thẳm và thiết tha tiếng hát của một ca đoàn thanh nữ. Chẳng hiểu sao tôi lại nảy ý muốn nhất thiết phải vào xem. Nhưng người canh cổng đã chặn tôi lại ở ngay cổng, nói với giọng nhẹ nhàng và cầu khẩn:

- Bẩm ông, không vào được, không vào được đâu ạ!

- Sao lại không được? Vào nhà thờ mà không được ư?

- Bẩm ông, được ạ, cố nhiên là được chứ ạ, có điều là vì Chúa, xin ông đừng vào, bởi vì trong í bi giờ đang có bà đại công tước Endavet Phêdrôpna với lại đại công tước Mitôri Paluts⁽¹⁾...

Tôi liền cúi cho bác ta một rúp, bác rầu rĩ thở dài rồi để tôi đi qua. Nhưng vừa bước vào sân thì từ trong nhà thờ đã thấy những tượng thánh, cờ lọng được rước ra, theo sau là nữ đại công tước toàn thân mặc đồ trắng dài, gương mặt thanh tú, đầu đeo một vành đai trắng có gắn một thánh giá bằng vàng ở trên trán, người dong dỏng cao, bước đi chậm chậm với vẻ thành kính và với cặp mắt nhìn xuôi, một tay cầm một cây nến lớn. Theo sau nữ đại công tước lại là một đoàn dài những người cũng bận đồ trắng như vậy, gồm các nữ tu hoặc các dì phước, vừa đi vừa hát

⁽¹⁾ Kiểu nói của người ít học.

với những đốm lửa của những cây nến nhỏ cầm sát mặt. Lúc bấy giờ tôi cũng chẳng biết được họ là ai và họ đi đâu nữa. Không hiểu sao, tôi đã chăm chú nhìn họ. Kia mà trong số những người đi ở quãng giữa, có một cô đầu trùm khăn trắng bỗng ngẩng lên, lấy tay che ánh nến rồi đưa cặp mắt tối tăm nhìn vào nơi tăm tối, hình như nhìn đúng vào tôi thì phải... Nàng có thể nhìn thấy gì trong cái nơi tăm tối ấy, nàng có thể cảm biết gì về sự có mặt của tôi? Tôi trở gót và lặng lẽ bước ra cổng.

Ngày 12 tháng 5 năm 1944

HÀ NGỌC dịch

MÙA THU LẠNH

Tháng sáu năm ấy anh đến thăm gia đình tôi. Anh luôn tự coi mình là người nhà bởi người cha đã yên nghỉ của anh vừa là bạn vừa là láng giềng của cha tôi. Ngày mười lăm tháng sáu, cảnh chết chóc đã xảy ra ở Xaraeva Pherdinanda. Sáng ngày mười sáu người ta mang báo từ bưu điện đến. Cha tôi cầm tờ báo *Matxcova buổi chiều* từ phòng mình bước lại phòng ăn, nơi anh, mẹ tôi và tôi đang ngồi sau bàn uống trà, và nói:

- Này, các bạn của tôi, chiến tranh rồi! Ở Xaraeva hoàng tử Áo đã bị giết. Đó là chiến tranh!

Ban ngày ở Pet'rov người người đến thăm diên trang của cha tôi. Và sau bữa trưa, ông ngồi nói chuyện với chàng rể của mình. Nhưng đến ngày mười chín tháng bảy, Đức đã tuyên chiến với Nga...

Suốt tháng chín, anh đến thăm chúng tôi đúng một ngày để tạm biệt trước lúc ra trận. (Khi đó tất cả đều nghĩ rằng, sắp tới chiến tranh sẽ kết thúc, và đám cưới của chúng tôi đã được ấn định vào mùa xuân). Và buổi chiều chia tay của chúng tôi đã bắt

dầu. Sau bữa tối, theo lệ thường, chiếc ấm xamova được mang đến, và, thoáng nhìn hai dòng hơi nước trên khung cửa mở, cha tôi nói:

- Thật là lạ, mùa thu đến sớm và lạnh làm sao!

Buổi chiều ấy chúng tôi ngồi yên lặng, chỉ thỉnh thoảng trao đổi với nhau vài câu vô nghĩa, bình thản một cách ngoắt ngoa, giấu đi những ý nghĩ và tình cảm của mình. Với vẻ bình dị bên ngoài, cha tôi nói chuyện về mùa thu. Tôi bước tới cánh cửa ngoài ban-công và lau khung kính mờ bằng khăn mùi-xoa. Trong vườn, trên bầu trời đen xám, những ngôi sao trong suốt, lạnh buốt, lấp lánh những tia sáng chói và sắc nhọn. Cha tôi hút thuốc, ngả người trên ghế bành, lơ đãng nhìn chiếc bóng đèn nóng bỏng treo trên bàn. Còn mẹ tôi, với cặp kính trên mắt, dưới ánh sáng ngọn đèn, vẫn cần mẫn khâu lại chiếc túi nhỏ bằng tơ. Chúng tôi biết đó là chiếc túi nào, và điều đó đã trở nên đầy xúc động và lo âu. Cha tôi hỏi:

- Vậy là, dù thế nào con cũng muốn đi vào lúc sớm. Đợi ăn sáng rồi đi có được không?

- Dạ nếu ba mẹ cho phép thì sáng ra cũng được. - Anh trả lời. - Con rất buồn nhưng không thể tự cho phép mình như ở nhà được.

Cha tôi thở dài yếu ớt:

- Thôi tùy con, tâm hồn của ba. Chỉ trừ trường hợp ba mẹ dậy muộn, ba mẹ nhất định sẽ tiễn con ngày mai...

Mẹ tôi đứng dậy và làm dấu thánh cho người con tương lai của mình. Anh cúi xuống cầm tay mẹ và

cầm tay ba. Còn lại một mình, chúng tôi ngồi lại phòng ăn một lát, bỗng tôi nghĩ đến trò chơi bói bài. Anh đi lại trong phòng, rồi hỏi:

- Em có thích đi dạo một lát không?

Tất cả mọi chuyện trong tâm hồn tôi đều trở nên nặng nề, tôi đồng ý một cách hững hờ:

- Vâng...

Anh ra phòng ngoài khoác áo, vẫn suy nghĩ về một điều gì đó, với nụ cười mai mĩa dễ thương, chợt anh đọc những câu thơ của Phet:

- *Ôi mùa thu lạnh quá!*

Hãy quàng khăn và khoác áo đi em...

- Không có áo khoác. - Tôi nói. - Và thế nào nữa?

- Anh không nhớ. Hình như thế này:

Hãy nhìn lên giữa tán thông đen

Một đám lửa dường như đang bùng cháy...

- Đám lửa nào?

- Trăng lên, đúng như vậy. Có một mùa thu làng quê tuyệt đẹp nào đó trong những câu thơ này: “Hãy quàng khăn và khoác áo đi em...” Cái thời của ông bà chúng mình. Ôi lạ Chúa, lạ Chúa tôi!

- Cái gì vậy anh?

- Không sao, em thân yêu. Dù sao thì cũng buồn. Buồn và dễ chịu. Anh rất, rất yêu em...

Khoác áo ấm vào, chúng tôi qua phòng ăn, đến ban-công rồi bước ra vườn. Lúc đầu thấy tối om, như cầm được từng mảng tối trong tay. Rồi sau đó trên nền trời sáng sáng dần dần hiện ra những chùm ánh

sáng màu đen, rắc phủ đầy lên những ngôi sao đang lấp lánh một màu khoáng chất. Anh chợt dừng lại, ngoảnh nhìn về phía ngôi nhà:

- Em hãy nhìn xem, thật vô cùng đặc biệt, cái ánh sáng của mùa thu chiếu vào khung cửa nhỏ ngôi nhà. Anh sẽ sống, sẽ sống mãi để nhớ buổi tối hôm nay...

Tôi nhìn lại, và anh ôm lấy tôi trong chiếc áo choàng kiểu Thụy Sĩ mà tôi đang khoác trên người. Tôi kéo chiếc khăn lông cho khỏi chạm vào mặt, hơi nghiêng đầu để anh hôn tôi. Sau khi hôn, anh nhìn vào gương mặt tôi:

- Mắt em lúng liếng sao. - Anh nói. - Em có lạnh không? Tiết trời đã như mùa đông rồi đấy. Nếu như anh chết, dù sao em sẽ không quên anh ngay chứ?

Tôi chợt nghĩ: nếu như anh chết thật thì sao? Và lẽ nào trong một thời gian ngắn nào đó sẽ quên anh - dù sao thì tất cả cuối cùng rồi cũng lãng quên? Và tôi vội trả lời, sợ hãi với chính ý nghĩ của mình:

- Đừng nói thế anh! Em không chịu đựng nổi cái chết của anh đâu!

Anh chợt lặng im rồi từ tốn nói:

- Thôi được, nếu anh chết, anh sẽ đợi em ở đó. Em hãy sống và sống thật vui trên thế gian này, rồi sau đó hãy đến với anh.

- Mắt tôi ứa những giọt lệ đắng cay...

Và sáng hôm sau anh ra đi. Mẹ tôi đeo vào cổ anh chiếc túi nhỏ mà mẹ mới khâu chiều qua-trong đó đựng bức tượng thánh bằng vàng mà ông và cha của

mẹ đã từng mang trong chiến tranh. Và chúng tôi làm dấu thánh cho anh trong nỗi tuyệt vọng vô cùng. Nhìn theo bóng anh đi, trên bậc thềm, chúng tôi đứng ngây ra, cái thần thờ thường có khi ra tiền ai đó trong cuộc chia ly dài lâu. Chúng tôi cảm thấy sự không đồng cảm đến kinh ngạc giữa mình với những hạt sương muối đang tươi xinh, sáng lấp lánh trên cỏ lúc ban mai. Đứng một lúc, chúng tôi trở vào căn nhà trống trải. Tôi đi lại trong phòng, tay đặt sau lưng, không biết mình nên làm gì, hoặc khóc òa lên hoặc hét to với hết giọng của mình...

Anh đã chết - ôi thật lạ làm sao những lời này - chỉ sau đó một tháng ở Galixia. Và từ đó đúng ba chục năm đã trôi qua. Và nhiều, rất nhiều những cảm xúc trong những năm tháng đó, có cảm tưởng sao lâu đến thế, khi ta chủ ý nghĩ về chúng, hồi tưởng lại trong ký ức tất cả những gì kỳ diệu, mơ hồ, không thể nhận thức bằng trí óc hay trái tim, cái đó gọi là quá khứ. Mùa xuân năm mười tám, khi cha mẹ tôi đã đều khuất núi, tôi sống ở Matxcova, trong tầng hầm của một chị bán hàng ở chợ Xmolenxc. Chị luôn giễu cợt tôi: "Nào, thưa cô, tình cảnh của cô thế nào?" Tôi cũng buôn bán đôi chút, bán, mà như nhiều người bán hàng thời đó, chủ yếu cho những người lính đội mũ lông cao và mang áo đứt cúc, những gì còn lại. Khi thì chiếc vòng nhỏ, khi thì cây thánh giá bé, khi thì chiếc cổ lông, vài mảnh sa khoáng. Tôi bán hàng ở góc phố Arbat, ở chợ. Và ở đó tôi đã gặp một người lính đứng tuổi, có tâm hồn tuyệt vời. Sau

đó tôi lấy anh và tháng Tư chúng tôi chuyển đến Ecaterinoda. Cùng đi với chúng tôi còn có người cháu của anh, một cậu bé chừng mười bảy tuổi, cùng lọt vào hàng ngũ những người tình nguyện. Trong khoảng gần hai tuần, tôi như là bà tướng. Còn anh trong trang phục dân tộc và bộ râu ngả màu muối tiêu. Và chúng tôi lưu lạc ở sông Đông, ở Cuban trong hơn hai chục năm trời. Vào mùa đông, trong cơn bão tuyết chúng tôi ra đi trong đám đông những người lánh nạn từ Novoraxec đến Thổ Nhĩ Kỳ. Và trên đường đi, giữa biển, chồng tôi chết vì bệnh thương hàn. Lúc đó, tôi chỉ còn lại ba người thân gần gũi trên đời: đứa cháu chồng cùng cô vợ trẻ và con gái nó. Cháu bé mới bảy tháng tuổi. Nhưng sau thời gian ở Crum, đứa cháu cùng vợ nó cũng bỏ đi đến Vranghe, để lại đứa con nhỏ cho tôi. Rồi hai vợ chồng nó cũng bị mất tích ở đó. Còn tôi phải sống ở vùng Conxtantino khá lâu, phải làm những công việc cực kỳ nặng nhọc để nuôi mình và chăm sóc cháu nhỏ. Sau đó, cũng như bao người khác, với cháu bé trên tay, tôi lang bạt khắp nơi: Bungari, Secbia, Trexnia, Bỉ, Paris, Nix... Và cháu gái đã lớn, nó ở lại Paris, trở thành một cô gái Pháp đến chân tơ kẽ tóc, rất duyên dáng và hoàn toàn đứng đắn đối với tôi, một người làm thuê trong cửa hàng bán kẹo sôcôla cạnh Madlen, một công việc đòi hỏi bàn tay tôi được nâng niu, móng đánh óng ánh sắc bạc để gói những chiếc hộp bằng giấy bóng và buộc bằng những sợi dây mềm mại óng vàng. Nhưng tôi đã sống và vẫn sẽ sống ở

Nix. Tôi đã đến Nix lần đầu tiên vào năm chín trăm mười hai và tôi có thể nghĩ về những ngày hạnh phúc đó đẹp hơn cái việc cô ấy chẳng bao giờ ở lại với tôi.

Và tôi đã chịu đựng cái chết của anh như thế, cái điều mà khi nào đó tôi đã nông nổi nói rằng mình không thể chịu đựng nổi. Nhưng, hồi tưởng lại tất cả những gì tôi đã trải qua từ bấy đến giờ, tôi luôn tự hỏi mình: ừ nhỉ, dẫu sao thì mình đã có cái gì trong cuộc đời? Và tôi tự trả lời: chỉ có mỗi buổi chiều thu lạnh ấy. Phải chăng anh vẫn tồn tại ở đâu đó? Dù sao anh vẫn còn. Và đó là tất cả những gì có trong cuộc đời tôi. Những gì còn lại chỉ là một giấc mơ thừa. Và tôi tin, một niềm tin cháy bỏng, rằng ở một nơi nào đó anh vẫn đang đợi tôi, với tất cả tình yêu và tuổi trẻ thuở nào, như trong chiều thu lạnh lẽo ngày xưa. “Em hãy sống và sống thật vui trên thế gian này, rồi sau đó hãy đến với anh...” Tôi đã sống, đã từng sung sướng và bây giờ tôi sắp sửa ra đi.

ĐOÀN TUẤN dịch

CHIẾC ĐU

Một buổi chiều hè chàng ngồi trong phòng khách, bật bùng chiếc đàn pianô, và khi nghe tiếng chân nàng ngoài bao lơn, liền đập dữ dội vào phím đàn, lạc giọng ré hát lên:

Thần tiên nào bằng ta,

Vua chúa nào bằng ta,

Mỗi khi ta được thấy đôi mắt thần thờ,

Tắm thân thon thả và những bím tóc đen nhánh của nàng.

Nàng bước vào, mình bận chiếc xiêm cộc tay màu xanh sẫm, đôi bím tóc dài đen nhánh trên lưng, cổ đeo một chuỗi hạt san hô, và cặp mắt xăm xanh cười cợt trên khuôn mặt rám nắng:

- Tất cả những cái đó là vì em đấy hả? Và khúc aria ấy do anh tự biên đấy chứ?

- Phải.

Rồi chàng lại đập mạnh phím đàn, ré lên:

Thần tiên nào bằng ta...

- Mà lại có cái nhạc cảm ấy nữa kìa!

- Thế nhưng tôi lại là một nhà họa sĩ lỗi lạc. Và

đẹp trai như Lêônit Andrêep vậy. Tôi tạt vào thăm chị là không may cho chị đó.

- Về ông Andrêep của anh thì như Tônxtôi đã nói: ông ấy dọa, nhưng tôi chẳng sợ.

- Rồi sẽ biết, rồi sẽ biết!

- Thế còn chiếc nạng của ông nội thì sao?

- Tuy cụ là người anh hùng trong trận Xêva-xtôpôn thật đấy, nhưng cụ chỉ dữ tướng thế thôi. Ta sẽ xa chạy cao bay, ta sẽ làm lễ thành hôn rồi về phục xuống dưới chân cụ, cụ sẽ khóc mà tha thứ...

Hoàng hôn, trước bữa ăn chiều, khi trong bếp người ta đang rán những viên thịt băm hành thơm lừng và khi trong khu vườn đầm sương chiều, khi trời đã trở nên tươi mát, thì họ mặt giáp mặt, cùng nhau bay bổng trên chiếc đu ở cuối lối đi trong vườn. Những vòng sắt kêu ken két, gió lộng thổi phất phật tà váy của nàng. Tay chàng kéo căng dây đu, chân chàng đẩy mạnh ván đu, mắt chàng trợn trợn trợn chạc, còn nàng thì mặt mũi đỏ bừng, mắt nhìn chăm chú, vô tư lự và vui sướng.

- Hú! Đàng kia đã có ngôi sao đầu tiên, có trăng non mới nhú lên, lại có bầu trời trên mặt hồ xanh ối là xanh kia! Nhà họa sĩ, hãy nhìn xem, trăng lưỡi liềm mỏng mỏng là! Trăng ối, trăng hơi, đôi sừng vàng óng... Ôi, chúng mình ngã mất thôi!

Thế rồi từ trên cao bổng họ nhao xuống đất, ngồi lên ván đu, cố kìm hơi thở phập phồng, đưa mắt nhìn nhau.

- Thế nào? Tôi đã bảo mà!

- Bảo cái gì thế?

- Chị yêu tôi rồi đấy.

- Cũng có lẽ... Huộm, họ gọi mình về ăn chiều rồi kia... Hú, chúng tôi về đây, chúng tôi về đây!

- Khoan tí đã. Ngôi sao đầu tiên, vành trăng non, bầu trời xanh, hơi sương chiều, mùi thơm trong bếp tỏa ra, - đúng rồi, lại món thịt băm viên rán kem sữa mà tôi hằng ưa thích nữa đấy! - và cả đôi mắt xanh thăm với khuôn mặt hạnh phúc tuyệt đẹp...

- Phải, dường như trong đời em sẽ không khi nào có được hạnh phúc hơn buổi chiều nay...

- Đăngtê⁽¹⁾ đã nói về nàng Bêatơrits⁽²⁾ là: "Bắt đầu lưu luyến trong đôi mắt, cuối cùng thấm thiết ở đôi môi". Vậy thì ta thế nào? - chàng vừa nói vừa nắm lấy bàn tay nàng.

Nàng nhắm mắt lại, đầu cúi xuống lả vào lòng chàng. Chàng ôm lấy đôi vai với cặp bím tóc mềm mại của nàng, nàng ngửa mặt nàng lên:

- Cuối cùng thấm thiết ở đôi môi chứ?

- Vâng...

Khi họ dạo trên lối đi trong vườn, chàng nhìn xuống dưới chân mình:

- Bây giờ ta làm thế nào nhỉ. Đến gặp cụ, quý sụp xuống mà xin cụ ban phước cho chăng? Thế thì tôi còn là anh chồng gì?

⁽¹⁾ A.Dante (1265-1321), thi sĩ vĩ đại nước Italia, được coi là người cha của thi ca Italia.

⁽²⁾ Một cô gái nổi tiếng ở Phlôrentxia (Italia), chủ đề của nhiều tác phẩm lớn và nhiều bài thơ tình của Đăngtê.

- Không, không, gì chứ cái đó thì không nên đâu.
- Vậy thì cái gì?
- Em chẳng biết nữa. Dù sao thì vẫn hãy chỉ là cái ta hiện có... Chẳng có gì tốt hơn nữa đâu.

Ngày 10 tháng 4 năm 1945.

HÀ NGỌC dịch

MỘT CHUYỆN TÌNH NHO NHỎ

I

Chiều hôm ấy chúng tôi gặp nhau ở sân ga.

Nàng đang đứng chờ một người nào đó, vẻ bối rối.

Đoàn tàu đến làm cả nhà ga đông nghẹt người. Có mùi của rừng cây sau cơn mưa, mùi của than đá. Người quen rất nhiều, đến mức phải vất vả lắm chúng tôi mới kịp gạt đầu chào nhau. Nhưng người mà nàng luôn đưa mắt lo lắng tìm kiếm đã không có.

Đoàn tàu lại chuyển bánh, và nàng dừng lại, mở to đôi mắt màu xanh nhìn theo những toa tàu đang xinh xịch đi qua dọc đường đời. Trong các cửa sổ, trên các chỗ ngồi toa - đầu đầu cũng thấy nhiều, rất nhiều những khuôn mặt, ấy thế mà khuôn mặt nàng cần lại không thấy.

Cuối cùng, bức tường các toa tàu chấm dứt, đuôi tàu hiện ra rồi lùi dần, bé dần trên quãng đường giữa hai rừng cây xanh. Trên sân ga vắng vẻ chỉ còn lại những vũng nông nước mưa dài lấp lánh màu xanh lơ của bầu trời.

Đường chờ tàu chìm trong bóng râm, vì mặt trời bị che khuất sau mái che đằng sau chúng tôi, nhưng ở phía đối diện, cửa sổ các ngôi nhà nghỉ còn lấp lánh ánh nắng. Ở một nơi nào đó vọng lại tiếng hát khàn khàn, say sưa và kích động, cũng ở một nơi nào đó có tiếng quả cầu *croquet* đang lăn, tiếng bọn trẻ kêu lên sung sướng... Và không nhìn tôi, nàng nói một cách ngắn gọn: "Ta đi dạo một chốc", - và tôi đi.

Ra khỏi sân ga, mặt trời buổi chiều rực rỡ đập vào mắt chói chang, nhưng tiếp đến đã là rừng cây râm mát. Chúng tôi đi vào rừng theo con đường nhỏ ẩm ướt, dẫm lên đám rêu cây và những lối mòn quanh co đầy lá rụng, hoặc men theo một con đường bản, giữa những bụi liễu hoàn diệp và phỉ tử xanh tốt quệt những cành lá mềm và mịn vào người chúng tôi. Nàng đi trước, tôi đi sau ngắm chiếc váy hẹp bó chân nàng mặc, chiếc áo sơ mi kẻ ô vuông và búi tóc to nặng sau gáy. Nàng khéo léo chọn các chỗ khô để đi, khẽ nghiêng mình để khỏi vướng các cành cây.

- Anh đang nghĩ gì thế? - một lần nàng hỏi, không ngoái đầu nhìn lại.

- Anh đang nghĩ về đôi giày của em, - tôi nói. - Về việc nó không có đế kiểu Pháp. Anh không tin những người phụ nữ đi giày đế Pháp.

- Thế anh có tin em không?

- Tin...

Con đường rừng kết thúc, chúng tôi bước ra một khoảng đất trống phủ cỏ xanh ngập nắng. Nàng dừng lại và quay về phía tôi.

- Anh là một người đáng yêu thật đấy! - nàng nói.
- Anh cứ lặng lẽ đi và không nói gì cả... Không hiểu sao em bỗng cảm thấy rất có cảm tình với anh.

Tôi thận trọng đáp lại:

- Cảm ơn. Khi gặp đau khổ, người ta thường hay như vậy.

Nàng mở to đôi mắt:

- Đau khổ? Đau khổ nào?

- Thì anh đã thấy vừa rồi em chờ ai đấy nhưng không gặp. Anh còn biết rằng ngay bây giờ em sẽ để nghị anh đuổi theo em.

- Đúng thế. Anh có muốn không?

Tôi bước lại gần, cầm tay nàng khẽ kéo nàng về phía mình, nhưng nàng cưỡng lại.

- Không, - nàng thì thầm. - Không... Hãy vì Chúa...

Thế rồi, im lặng một lúc, nàng khéo léo đưa tay nhấc cao gấu váy và chạy xuống một con mương phía dưới.

Bên phải và bên trái chúng tôi là hai bờ khe có cây mọc thưa thớt, trước mặt là một thung lũng rộng đầy cỏ đã được xén kỹ và hầu như tất cả đều ngập chìm trong bóng râm. Chạy xuống con mương, nàng dừng lại ở đường ranh của bóng râm ấy, tấm mình trong ánh mặt trời sắp lặn. Bất chợt, lùi khỏi tôi một bước, nàng nhẩy qua mương và lao nhanh xuống thung lũng. Tôi chạy theo nàng. Bỗng nhiên, từ trên trời bắt đầu rơi xuống những hạt mưa nhanh, rồi ở mé đôi bên trái xuất hiện một chiếc cầu vồng run rẩy và như đang bốc hơi.

- Mưa! - nàng kêu lên giọng lanh lảnh, và càng chạy nhanh hơn trên bãi cỏ ướt sáng loáng.

Một nửa bãi cỏ còn được mặt trời chiếu sáng run rẩy và lấp lánh những chấm vàng trong suốt. Những hạt mưa thưa nhưng lớn rơi nhanh và dồn dập. Có thể nhìn thấy những sợi mưa dài chảy từ những đám mây đen mờ khói treo lơ lửng trên bầu trời cao màu xanh nhạt. Rồi mưa bắt đầu thưa dần, nửa cầu vồng trên đôi biển mắt - và đất trời đột ngột trở nên im lặng.

Chạy đến đồng cỏ, nàng ngã xuống đó và phá lên cười. Ngực nàng nhô lên hạ xuống một cách hồi hộp. Những giọt nước nhỏ còn long lanh trên mái tóc.

- Anh xem tim em đập mạnh không? - nàng nói và cầm lấy tay tôi.

Tôi ôm nàng và cúi xuống đôi môi nàng hé mở.

Sau đó nàng lặng lẽ đẩy tôi ra và ngoảnh khuôn mặt về giận dữ của mình đi nơi khác. Nàng nhảy nhay còng cò khô, đôi mắt sáng lơ đãng nhìn một nơi xa xăm nào đó.

- Đây là lần đầu, và cũng là lần cuối, - nàng nói. - Được không anh?

- Được, - tôi đáp.

Nàng chăm chú nhìn tôi.

- Thì anh có yêu em không, dù một chút thôi? Bên anh, em thích lắm, em rất hạnh phúc! Anh đừng ghen em với ai nhé... Quả là vừa rồi em có chờ một người, nhưng điều ấy hoàn toàn không liên quan gì đến anh... Vâng, người ấy là chồng chưa cưới chính

thức của em, và chẳng bao lâu nữa em sẽ thành nữ bá tước El-Mamuna. Vì sao? Em không biết... Chỉ biết là em rất sợ ông ta...

Nàng chìa tay cho tôi để tôi đỡ nàng đứng dậy. Tôi cúi hôn tay nàng, lúc đầu tay này, sau tay kia.

- Còn bây giờ ta đi, - nàng nói.

- Đi đâu?

- Đạo thêm chút nữa quanh bãi cỏ...

Tôi đỡ nàng dậy - nàng khẽ mỉm cười vẻ xấu hổ. Sau đấy, bằng những động tác rất mềm mại của phụ nữ, nàng sửa lại mái tóc và hít sâu không khí trong lành của cây cỏ...

Trong rừng có tiếng chim cu kêu, lúc chỗ này, lúc chỗ khác, càng làm tăng thêm sự sâu lắng của cảnh vật xung quanh; cao trên bầu trời là những đám mây ám với những đường viền đỏ vàng xung quanh đang chậm chậm bơi và tan dần nơi chân trời...

Trên đường trở lại, chúng tôi bị lạc. Tuy nhiên nàng đã nhanh chóng định hướng lại và mạnh dạn dẫn tôi đi.

Chiều theo ý tôi, vừa đi nàng vừa kể tôi nghe câu chuyện của đời nàng bằng một giọng hồi hộp, ngắn gọn và đầy ám chỉ. Kể xong, nàng lặng lẽ bước đi hồi lâu không nói năng gì.

Trong rừng đang là hoàng hôn, thứ hoàng hôn của phương Bắc. Khu rừng xăm tối, lặng lẽ, kéo dài đến mấy dặm khắp bốn xung quanh, lúc này đang chờ đêm đến, một sự chờ đợi dửng dưng và yên tĩnh. Ánh sáng nhờ nhờ đang tan dần, thiếp ngủ. Chiếc hồ

nông sục bùn mà chúng tôi đang đi men theo, nhón nhọt trắng giữa các hàng cây. Cả nó cũng dướm buồn và mờ ảo như mọi vật khác trong rừng. Những đám mây đen kéo tới, hòa với màu đen của cây cối. Làn không khí ẩm, ngái ngủ đã bắt đầu trở nên giá lạnh thoang thoảng mùi của cỏ đầm lầy và cây lá nhọn... Để rút ngắn đường đi, chúng tôi bỏ hồ rẽ đi theo một hành lang các cây thông đại thụ. Khi chúng tôi đi trên cát để đến một bãi trống mà lúc này phải vất vả lắm mới nhận rõ đường, bất chợt có một cái gì đó động đậy trong đám lá khô bên cạnh, rồi từ đó bay ra một con cú mèo lớn. Nó lao về phía chúng tôi - tôi còn nhìn rõ cả lớp lông màu xám hai bên chân nó - và đập đôi cánh rộng bay vòng quanh chúng tôi. Nàng hoảng sợ bước lùi lại một bước rồi đứng im. Còn con cú thì vẫn lặng lẽ bay thành một vòng tròn rồi lao đi thẳng, từ từ biến mất trong bóng tối của cây rừng và màn đêm.

- Đây là điềm không may, - vừa lắc đầu, nàng vừa nói.

Tôi mỉm cười.

- Không, xin anh cứ tin em, đây là điềm không may, - nàng nhắc lại một cách giản dị nhưng cương quyết.

- Thì điều gì sẽ xảy ra?

- Ôi, em chẳng biết. Mà không sao, với em thì thế nào cũng được. Những ngày qua được ở bên anh, và đặc biệt là chiều nay, em sẽ không bao giờ quên. Nào, để em hôn từ biệt anh...

Chưa dứt lời, nàng ôm tôi, buồn rầu và âu yếm nhìn vào mắt tôi, dừng lại mấy giây rồi hôn tôi, một lần, hai lần...

Sau đó chúng tôi đi tắt qua bãi cỏ, về phía có ánh đèn tín hiệu màu xanh đang nhấp nháy sau rừng cây. Trời đã tối hẳn. CƠn mưa lại khê thì thăm với rừng cây. Khi chúng tôi lên tới ban công có vải che của ngôi nhà nghỉ, ngồi xuống bên bàn uống trà được chiếu sáng bằng những ngọn nến có chụp, thì mưa đã lớn, nghe như dội nước. Vừa lắc đầu rũ những giọt mưa đọng trên tóc, chúng tôi vừa vờ vui vẻ kể lại việc chúng tôi bị lạc và tìm đường về như thế nào. Nhưng bỗng nhiên tất cả chợt im lặng: từ góc tối của ban công, nơi có chiếc ghế xích đu, xuất hiện một người cao quá cỡ, gầy, vai rộng, độ ba mươi tuổi, với chiếc đầu trọc, bộ râu đen tuyệt đẹp và đôi mắt sáng. Những người già tỏ vẻ bối rối, còn mặt nàng trở nên tái nhợt. Cầm bàn tay to lớn của ông ta, tôi nói đùa:

- Trời ơi, ông cao quá! Trông ông cứ như là một hiệp sĩ khổng lồ thời trung cổ ấy!

- Thế à? - ông ta vui vẻ hỏi lại. - Có thể là như vậy. Tôi là bá tước Mamuna...

Người ta tìm hộ cho tôi chiếc ô cũ rộng, khuyên tôi nên chọn đường nào để trở về nhà, và tôi bước xuống theo chiếc cầu thang ẩm ướt rồi đi vào bóng tối dày đặc.

Nàng đứng ở ngưỡng cửa, dưới cái dù che ba cạnh màu sáng. Khi tôi ra đến cổng, nàng hạ giọng nói:

- Vĩnh biệt.

Đó là câu cuối cùng tôi nghe được từ nàng.

II

"Anh thân yêu, - nàng viết cho tôi bốn tháng sau ngày đó, - anh đừng kết tội em, rằng em đã biến đi mà không báo trước cho anh. Hẳn mạnh hơn em gấp nghìn lần. Em đã tỏ ra hèn yếu, bỏ lỡ mất giây phút khủng khiếp khi còn kịp quyết định phá bỏ tất cả. Bây giờ thì em hầu như đã chẳng còn bất kỳ hy vọng nào gặp lại được anh. Mà thử hỏi làm sao chúng ta có thể gặp nhau được? Em có cảm giác rằng em hoàn toàn, hoàn toàn không tự lừa dối mình về tình cảm của anh đối với em. Đối với anh, đó chỉ là một cuộc gặp ngẫu nhiên, một **chuyện tình nhỏ nhỏ**, không hơn. Nhưng không sao: xin thể với anh, rằng nếu trong đời em đã yêu ai đấy, thì người đó chính là anh...

Tình yêu là gì, cái tình yêu đã được ca ngợi hàng vạn, hàng triệu lần ấy? Cũng có thể vấn đề không phải ở chính bản thân tình yêu. Trong thư của một nhà văn đã chết, cách đây không lâu em có đọc câu này: "Tình yêu là cái ta muốn nhưng không đạt được, và không hề có". Vâng, vâng, không bao giờ có thể có! Nhưng không hề gì. Em đã yêu và hiện đang yêu anh...

Thường vào những buổi hoàng hôn, em hay nhớ về anh nhất. Chúng ta đã chia tay nhau lúc hoàng hôn, và giờ đây cũng đang là hoàng hôn khi em ngồi viết cho anh, bức thư đầu và có lẽ là cuối cùng của em. Thật có trời mới biết đây là đầu - núi Anpơ, một khách sạn lạnh như băng và hoàn toàn vắng người,

treo lơ lửng trong mây vào một buổi chiều tháng Chạp. Hấn bắt đầu bị bệnh lao dày vò, và em đã cười nhạo sự đau khổ của hấn mà không hề cảm thấy xấu hổ. Em không chỉ giữ hấn ở Anpơ trong những ngày thời tiết xấu nhất, mà còn lôi hấn đi lên núi, dạo quanh hồ cả những hôm trời mây mù lạnh lẽo. Bây giờ hấn hoàn toàn quí phục em.

Suốt ngày hấn chỉ im lặng, long lanh đôi mắt, nhưng nhần nhục chịu đựng. Lúc này hấn cũng đang lặng lẽ đi đi lại lại. Khi em và hấn đến khách sạn này, cô hầu gái vốn từ trước tới nay sống giản dị cuộc đời cô gái nông dân trong bếp, đã phải kêu lên vì kinh ngạc - có thể một phần vì hấn nhợt nhạt và to lớn như chính bản thân thân chết.

Còn em thì đến đây chỉ vì anh, để được yên tĩnh suy nghĩ và nhớ lại những ngày hạnh phúc một cách vô vọng bên anh...

Chao, đẹp sao cảnh các thung lũng mờ xanh đang lặng lẽ nối đuôi nhau kéo đến tận chân núi vào những ngày cuối thu này! Bầu trời hờ hững sà thấp xuống sát mặt hồ, còn mặt hồ thì nằm yên bất động, có màu chì xám, giữa những ngọn núi thấp. Mỗi khi nhìn lên bầu trời đầy mây ấy, bao giờ em cũng muốn bỏ trốn vào sương mù của nó và ngủ qua đêm ở một khách sạn miền núi vắng vẻ nào đó... Em sẵn sàng hy sinh một nửa cuộc đời mình để anh được ở bên em lúc này...

Em và hấn rời thành phố vào buổi sáng bằng tàu thủy, và sau buổi ăn trưa, đã đi dạo trong núi. Con

đường mới buồn làm sao! Những bụi cây thấp, lúa thưa mọc bên bờ khe và sườn đồi như ngái ngủ, thỉnh thoảng lại để rơi những chiếc lá nhỏ màu vàng. Chóc chóc từ các đám lá ló ra chiếc mõm ngạc nhiên, đàn độn của những con bò màu đỏ sẫm to lớn. Thỉnh thoảng vang lên tiếng huýt lạnh lạnh của các cậu bé đang nhặt củi. Trong sự im lặng tuyệt đối, em và hấn cứ đi lên cao, cao mãi, còn từ các đỉnh núi, các sườn dốc có thông mọc xanh thẫm, mùa đông bốc hơi màu xám đang trườn xuống. Mỗi lúc dừng lại để nghỉ, em ngẩng nhìn hồi lâu những thung lũng ngả màu tím nhạt ở mãi tíu phía dưới. Những lúc ấy có thể nghe rõ tiếng rơi của từng chiếc lá. Những bụi cây đẫm ướt lặng lẽ, lặng lẽ khóc...

Ở cạnh một đường hầm với cửa hầm màu đen hiện rõ trong sương mù, em và hấn gặp một khu làng nhỏ có năm sáu ngôi nhà tồi tàn cheo leo trên sườn núi. Phải rất cẩn thận và từ từ mới có thể đi lên cao theo những bậc thang bản và trơn. Chẳng bao lâu, cả khu làng ấy chỉ còn lại là một chấm nhỏ phía dưới, và từ trên đỉnh núi đã thoang thoang phả xuống mùi lạnh của tuyết mùa thu.

Đến đây hấn bảo em quay lại.

Để trêu tức hấn, em cương quyết từ chối.

- Không thông minh một tý nào, - hấn nói và suy nghĩ một lúc, rồi lại cặm cụi đi tiếp.

Sương mù mỗi lúc một dày thêm, nhưng bất chấp nó em và hấn vẫn đi tiếp, bỏ qua cái miệng đen xít và hun hút gió của đường hầm, đi hết chiếc cầu gập như

thẳng đứng bắc qua khe núi sâu hút bốc khói... Nếu người bạn đường bất đắc dĩ của em bị tụt lại, lập tức hấn sẽ bị tan ngay trong sương mù. Khi em và hấn gọi nhau để khỏi lạc, tiếng gọi nghe đùng đục và có vẻ thật lạ lùng.

Một lần hấn gọi em - hấn bao giờ cũng đi sau, - khi em dừng lại, hấn lại gần rồi chia tay cho em.

- Cô hãy tỏ ra dịu dàng với tôi một tý, - hấn rụt rè nói. - Nhờ cô cho tay vào ống áo, kéo chiếc áo lên hộ tôi.

Em cảm thấy thương hại hấn. Hấn nhận ra điều đó, cúi đầu, nói thêm:

- Vả lại, ta nên đi nơi khác ấm hơn, và cả hai sẽ làm một việc gì đó. Chữ thế này thì không chịu nổi, không phải là tuần trăng mật nữa, mà là địa ngục.

- Chúng ta cần ly dị, - em đáp.

Hấn im lặng rồi khẽ nhún mày, nói:

- Điều ấy hơi khó...

- Đã vậy, tôi sẽ nhận lấy cái công việc ấy, - em nói. - Ông không có quyền biến tôi thành vật hy sinh cho tình yêu mù quáng của ông.

- Tôi có quyền làm tất cả, - hấn nói, nhìn không chớp vào em. - Tôi chẳng có gì để mất.

Em quay người và bỏ đi.

Những đường ray âm uốt được phủ một lớp tuyết đang tan kéo dài từ trên cao xuống, còn những cây thông và vân sam thì lại kéo từ phía dưới lên theo các bờ khe. Giữa cảnh hoàng hôn và sương mù này, dễ cảm thấy hơn là nhận ra những chấm màu tím nhạt

của chúng. Và treo trên tất cả những ngọn núi ẩm đạm ấy là sự yên tĩnh nặng nề của bầu trời đầy mây, khắp nơi không có dấu hiệu của sự sống, dù nhỏ nhất. Bỗng nhiên từ một bụi vân sam già mọc bên đường có tiếng động nhẹ. Anh còn nhớ về con cú mèo dạo nọ chứ? Ở đây, em đã nhớ tới nó, và rồi quyết định thế nào cũng phải viết thư cho anh. Nhưng lần này không phải là cú mèo, mà là một con tải cục - có lẽ đó là loại chim bé nhất trong tất cả các loài chim có ở đời này. Nó, con chim nhỏ màu xám ấy, khua động một cành vân sam ẩm ướt, định đậu xuống đường, nhưng rồi lại nhẹ nhàng bay về phía vực bên trái và biến mất trong sương mù...

Anh thử hình dung xem buổi chiều hôm nay như thế nào? Cây cao đứng thành những bức tường xám tối, lớp tuyết ướt nhọt nhạt dọc đường đi, những khe núi bốc hơi đang chìm trong một màn sương mù dày đặc, ẩm đạm... Nhưng con tải cục kia thì vẫn bình thản trước tất cả - nó không hề sợ cái rét của mùa đông miền núi. Nó sẽ sống qua mùa đông ở bất cứ nơi nào, nhờ sự che chở của một đấng nào đấy từ trên cao. Thế nhưng em lại chẳng có được niềm tin vào một sự che chở như thế.

Bây giờ em sẽ nằm ngủ trong căn phòng trống trải, lạnh lẽo, thoang thoảng mùi nhựa thông của khách sạn này, và khi tắt đèn, em nghĩ tới việc em đã ở bên kia những đám mây của vương quốc Thần Chết. Còn hắc thì nằm ở phòng bên và đang ho khò khè. Hắc không phải là người, mà là một cỗ xe tang

kỳ dị nào đó. Em căm ghét hẳn đến tận xương tủy.

Nếu có ngày chúng ta gặp nhau và em tự do, em sẽ cúi hôn tay anh vì sung sướng, và lúc ấy với em anh có thể làm bất kỳ điều gì anh muốn. Còn nếu không, thì phải đành chịu vậy..."

III

Thế mà có trời biết sau bao lâu bức thư này mới đến được tay tôi. Từ Matxcơva, người ta gửi nó đến quê tôi. Ở đấy nó nằm lẫn lóc đâu đó gần ba tháng rồi mới lên đường đi về phía Nam. Và tôi chỉ nhận được nó vào đầu tháng ba, ngay trước khi rời Crưm.

Bức thư đã làm tôi rất xúc động.

Nhưng biết trả lời thế nào, biết làm gì bây giờ? Tôi đã suy nghĩ rất nhiều về điều đó, nhưng cuối cùng, lạy Chúa, chỉ nghĩ ra được một điều thế này: "Được, ta sẽ đi, sẽ vượt núi bằng xe ngựa!"

Ở vùng núi Crưm cũng có sương mù, nhưng lúc ấy là mùa xuân và tôi mới hai mươi tám tuổi...

Ở Lai-liu, trong một quán trọ bản thổ trên lưng đèo, tôi đã uống rượu vang đỏ chua loét trong khi chờ người ta sửa soạn một cỗ xe tam mã. Mọi vật đang chìm trong lớp sương mù chậm chậm bay theo gió ngang qua cửa sổ quán trọ... Tôi lấy bức thư của nàng đọc lại một lần nữa, và cảm thấy trái tim nhói đau trong lồng ngực.

"Ôi, em yêu, em tuyệt diệu! Biết làm gì bây giờ? Làm gì?"

Ngồi không yên, tôi bước ra ngoài quán trọ...

Sương mù đang tan, ngả sang màu hồng. Bầu trời sáng dần, ấm lên, và có một cái gì dịu dàng, tốt đẹp đã bắt đầu xuất hiện trong màn khói của những đám mây đục, và cái đó cứ lớn dần, lớn dần rồi bất chợt biến thành một khoảng trời xanh lơ tuyệt đẹp.

Cần phải trả lời - nhất định thế!

Nhưng viết gì? Gửi đi đâu?

... Có gió thổi từ phương Bắc tới, nhưng dịu dàng, nhẹ nhẹ; và ngậy ngất vì ngọn gió ấy, tôi đi đến bờ vực để một lần nữa được nhìn thấy biển. Từ người tôi, một chiếc bóng mờ mờ khổng lồ đổ xuống mặt nước đang bốc hơi dày đặc dưới vực...

... Chiếc chuông nhỏ vẫn rung đều đều, đơn điệu, như muốn nói rằng con đường đang đi sẽ còn dài, rằng quá khứ đã vĩnh viễn trôi qua, và phía trước là một cuộc đời mới đang chờ đợi. Chiếc xe tam mã cũ kỹ, ông lão đánh xe người Tácta có đôi vai rộng ngồi trên chiếc ghế cao với những hòm xiềng được buộc dây cẩn thận, tiếng móng ngựa gõ xuống đất đều đều trong tiếng rên rĩ không dứt của chiếc chuông nhỏ, con đường kéo dài gần như vô tận... Hồi lâu tôi ngoái lại nhìn những đỉnh núi đá màu xám biếc đang in rõ trên nền trời cô đơn màu xanh thẫm... Trong khi đó, chiếc xe tam mã của tôi, cùng với tiếng chân ngựa và tiếng chuông, vẫn lăn, lăn xuống mãi, càng ngày càng ngập sâu vào những thung lũng mọc đầy cây

tuyệt đẹp, càng ngày càng đi xa, xa hơn chiếc dè đang hiện rõ dần và vươn nhanh lên trời cao.

Ở đây, ở vùng núi hoang vắng này, là một sự yên tĩnh trong suốt của những ngày đầu xuân, là vẻ đẹp của bầu trời trong sáng, xanh nhạt, của những thân cây xạm đen trơ trụi, những chiếc lá màu nâu söt lại từ năm ngoái rơi, nằm trong bụi rậm, của những bông hoa tím đầu mùa, những bông uất kim cương dại.

Ở đây, những sườn núi vừa mới bắt đầu xanh trở lại còn thấm mệt vì cái lạnh mùa đông và vì tuyết. Ở đây, không khí thật dễ chịu và trong suốt như pha lê, như chỉ vào dịp đầu xuân không khí mới có thể dễ chịu và trong suốt như thế...

Và khi ấy tôi có cảm giác rằng trong đời, tôi không cần gì hơn ngoài mùa xuân ấy và những suy nghĩ về hạnh phúc.

Vào cuối tháng ba, lúc đã ở làng quê, tận miền Bắc, tôi bất ngờ nhận được một bức điện từ Giơnevơ gửi tới bằng đường bưu điện, qua Matxcơva.

"Theo yêu cầu của người đã khuất, tôi xin báo để ông biết, rằng nàng đã qua đời ngày 17 tháng Ba này. El-Mamuna".

Ở MỘT PHỐ THÂN QUEN

Một tối mùa xuân, tôi bước đi dọc đường phố Pari trong bóng tối mờ ảo của hàng cây xanh rậm lá, dưới làn ánh sáng óng ánh màu kim loại của những ngọn đèn đường. Tôi cảm thấy như mình trẻ lại, trong lòng thật nhẹ nhõm, và tôi nghĩ:

*Ở một phố thân quen,
Tôi nhớ ngôi nhà cổ,
Có cầu thang tối đen,
Và màn che cửa sổ...*

Những câu thơ thật là tuyệt diệu! Và điều lạ lùng là tất cả những cái đó có một thời chính tôi đã trải qua! Matxcơva, khu Prêxnhia, những đường phố vắng vẻ phủ đầy tuyết trắng, một căn nhà nhỏ bằng gỗ bình thường - và tôi, một anh chàng sinh viên, một anh "tôi" nào đó mà bây giờ thật khó tin là đã từng tồn tại...

*Ở đấy ngọn đèn mờ
Tận đêm khuya chưa tắt...*

Cả ngọn đèn trong ngôi nhà kia của tôi cũng sáng suốt đêm không tắt. Và bão tuyết cũng gào rú, và gió

cũng thổi bay lớp tuyết phủ trên mái nhà lợp gỗ, và cả tầng trên cũng có ánh đèn, cả ở phần nhà xây phụ, sau lớp rèm che bằng vải hoa màu đỏ.

Chao, cô gái dịu hiền

Giữa đêm khuya yên ả

Chờ gặp tôi ngoài hiên,

Mái tóc dài để xoa...

Cả điều ấy cũng đã từng có thật. Ở đó có cô con gái của một nhân viên phục vụ nhà thờ ở Xecpukhốp đã rời bỏ gia đình nghèo đói của mình để lên Matxcơva theo học. Và đây, tôi đang bước lên theo bậc thềm bằng gỗ phủ đầy tuyết, đưa tay kéo chiếc vòng ở đầu dây chuông nham nhám, và lập tức cả phần hiên vang lên tiếng chuông chói tai lạnh lạnh. Tiếp đó tôi nghe sau cánh cửa có tiếng người đang bước nhanh theo chiếc cầu thang gỗ từ trên xuống. Rồi cửa mở - gió thổi mạnh vào người nàng, làm tung bay khăn choàng và chiếc áo trắng... Tôi ôm hôn nàng, che cho nàng khỏi gió, rồi cả hai cùng chạy lên tầng trên, trong cái lạnh như băng và bóng tối của cầu thang. Phòng nàng cũng lạnh, được chiếu sáng bằng một ngọn đèn dầu bé nhỏ, mờ tối... Một chiếc rèm che cửa sổ màu đỏ, một chiếc bàn con với ngọn đèn dầu, và cạnh tường là một chiếc giường sắt. Tôi vứt vội xuống đâu đó chiếc áo khoác, chiếc mũ lưỡi trai, rồi ngồi lên giường, bế nàng vào lòng, và qua làn vải của váy áo nàng, tôi cảm thấy hết cái ấm áp của cơ thể nàng, cảm thấy hết thịt da nàng... Mái tóc thật ra không phải để xoa, mà chỉ có một đuôi sam không

lấy gì làm to lắm. Khuôn mặt nàng giản dị, chất phác tái nhợt vì lạnh, đôi mắt sáng, như của một cô gái nông dân, đôi môi đầy ầu yếm như thường thấy ở những người phụ nữ mềm yếu...

Rồi nàng ôm hôn tôi

Ngây thơ như đứa trẻ

Nàng khẽ nói và cười:

"Ta trốn đi đâu nhé?"

Trốn! Trốn ai, trốn đi đâu, vì sao? Chao, đáng yêu sao cái câu nói trẻ con sôi nổi và ngu ngốc ấy! "Trốn" Chúng tôi không có cái "trốn" ấy. Chỉ có đôi môi mềm mại, dịu dàng vô cùng ấy, chỉ có hạnh phúc tột độ bộc lộ qua đôi mắt đỏ đẫm, ươn ướt vì nước mắt, chỉ có sự mệt mỏi thèm khát của hai cơ thể trẻ trung lúc này đang nâng đỡ hai mái đầu gục qua vai nhau. Đôi môi nàng run lên nóng hổi như trong cơn sốt khi tôi lần cởi áo nàng, hôn lên bầu ngực trắng như sữa với hai núm vú nhọn, cứng và chưa nẩy nở hết của nàng... Khi sức tĩnh lại, nàng vội vàng bật dậy, châm ngọn đèn cồn, đun lại món trà đặc, và chúng tôi cùng ngồi uống trà, ăn bánh mì trắng với phomat có lớp vàng bọc ngoài màu đỏ. Rồi chúng tôi còn nói nhiều, rất nhiều về tương lai chung của hai người, trong khi vẫn lắng nghe tiếng tuyết rơi đập nhẹ vào cửa sổ, rồi cảm thấy gió đem lại hơi lạnh mùa đông luồn qua lớp màn che... *"Ở một phố thân quen, tôi nhớ ngôi nhà cổ..."* Tôi còn nhớ thêm gì nữa? Nhớ mùa xuân sau đó tôi tiễn nàng ở ga Cuôcxơ, hai chúng tôi vội vã đi trên đường đợi tàu, tay xách chiếc

giở đan bằng những cành liễu, chiếc chần đỡ buộc dây cẩn thận, rồi cùng chạy dọc theo đoàn tàu dài đang sẵn sàng chuyển bánh, nhòm ngó vào những toa tàu màu xanh chập ních người... Tôi còn nhớ cuối cùng nàng trèo lên bậc thang của một toa tàu, rồi chúng tôi từ biệt nhau, tôi hôn tay nàng, và hứa hai tuần nữa sẽ đến Xecpukhốp gặp nàng...

Ngoài ra tôi chẳng còn gì nữa. Mà thực ra cũng chẳng có gì thêm để nhớ.

NHỮNG CON ĐƯỜNG RỘP BÓNG CÂY XANH...

Một cỗ xe bám đầy đất bẩn, phần trên được che kín một nửa, kéo xe là ba con ngựa có vẻ ngoài bình thường, lông đuôi dính bết vào nhau. Cỗ xe đang nặng nề lăn bánh giữa một chiều thu lạnh lẽo, ẩm ướt trên một trong những con đường lớn của vùng Tula ngập ngựa vì nước mưa đen xịt và bị cày nhám nhờ bởi rất nhiều các bánh xe qua lại. Cỗ xe tiến lại gần một dãy nhà tồi tàn khá dài, một đầu được dùng làm trạm bưu điện của nhà nước, còn đầu kia là quán trọ tư nhân, nơi khách có thể đến nghỉ ngủ qua đêm, ăn hoặc thuê ấm xamôva để pha trà. Ngồi trước xe là một người đàn ông khỏe mạnh mặc áo vải thô kiểu nông dân bó chặt lưng, khuôn mặt rậm nắng và nghiêm nghị với bộ râu thưa đen bóng, trông giống một tên cướp thời cổ. Còn trong xe là một chiến binh già đáng người cân đối, đội mũ lưỡi trai to, mặc áo khoác màu xám kiểu thời Nga hoàng Nicôlai với cổ lông hải ly dựng đứng. Lông mày ông còn đen, nhưng bộ ria và chùm râu quai nón nổi lên với nhau thì đã

bạc trắng. Cảm ông cao nhẵn, và như nhiều chiến binh khác cùng thời, ông có cái vẻ ngoài phảng phất giống vua Alecxăngđơ II. Cái nhìn của ông như dò hỏi, nghiêm khắc, nhưng đồng thời có vẻ mệt mỏi.

Khi ngựa dừng hẳn, ông thò một chân ra khỏi xe, - chân ông đi ủng nhà binh, với ống ủng tròn đều và cao, - hai tay đi găng da lộn vén vạt áo khoác, rồi nhảy xuống, chạy lên bậc hiên ngôi nhà.

- Phía bên trái, thưa ngài, - từ trên xe, gã xà ích kêu to, giọng thô lỗ; và ông, vì người cao, khế cúi đầu bước qua cửa vào hành lang rồi rẽ trái đi vào quán trọ.

Trong quán ẩm áp, khô ráo và dễ chịu: bức ảnh Chúa viền vàng, còn mới treo trên tường trong góc phòng bên trái, phía dưới là mặt bàn phủ vải sạch và ráp, sau bàn là chiếc ghế dài được lau chùi cẩn thận; chiếc lò sưởi kiêm luôn cả bếp nấu ăn đứng ở góc phải, mới quét vôi trắng lóa. Bên cạnh là một cái gì đấy giống như đi-văng, được bọc bằng vải yén ngựa, lưng tựa vào tường lò; từ lò sưởi bay ra mùi thơm dễ chịu của món xúp nấu bằng cải bắp, thịt và lá nguyệt quế.

Ông khách quăng chiếc áo khoác xuống ghế; và bây giờ chỉ mặc bộ quân phục và đi ủng, người ông trông càng cân đối hơn. Rồi ông cởi găng tay, cởi mũ; với vẻ mệt mỏi, ông đưa bàn tay trắng nhợt, gầy gò vuốt tóc - mái tóc bạc hai bên thái dương và gần khoe mắt hơi quăn. Khuôn mặt ông đẹp, dài, đôi mắt đen; trên gương mặt đây đó còn sót lại những dấu vết nhỏ

của bệnh đậu mùa. Trong quán chẳng có ai, ông hé cánh cửa dẫn sang phòng bên, nói to, vẻ khó chịu:

- Ê, có ai trong ấy không?

Liên sau đó, bước vào quán là một người phụ nữ tóc đen, lông mày cũng đen, dù không trẻ lắm nhưng còn xinh đẹp. Trông chị ta giống một phụ nữ *digan* đúng tuổi, có lớp lông tơ sẫm phía môi trên và dọc theo hai má, đi đứng nhẹ nhàng dù người đầy đà, bộ ngực nhô cao dưới chiếc áo sơ mi màu đỏ...

- Xin chúc mừng ngài đến quán chúng tôi, - chị nói. - Ngài muốn dùng thức ăn hay uống trà?

Ông khách đưa mắt nhìn nhanh đôi vai tròn trĩnh, đôi chân nhẹ nhàng đi dép kiểu Tácta màu đỏ đã sờn cũ, rồi lơ đãng nói nhát gừng từng tiếng một:

- Uống trà. Chị là chủ quán, hay giúp việc ở đây?

- Thưa ngài, chủ quán ạ.

- Nghĩa là tự làm lấy mọi việc?

- Đúng thế ạ, thưa ngài.

- Sao lại thế? Góa chồng hay sao mà phải tự mình lo tất cả?

- Không phải góa chồng, thưa ngài. Nhưng dù sao cũng phải kiếm nghề gì để sinh sống chứ ạ. Vả lại, tôi cũng thích công việc này.

- Ra thế. Tốt lắm. Quán của chị sạch sẽ và dễ chịu lắm.

Từ nãy đến giờ người đàn bà vẫn chăm chú nhìn ông khách, mắt hơi nheo lại.

- Tính tôi thích sạch sẽ, - chị nói. - Tôi vốn lớn lên

bên cạnh những người quyền quý, làm sao không sạch sẽ được, thưa ngài Nicôlai Alêchxâyêvich!

Ông khách đứng thẳng người lên, mở to mắt, đỏ mặt rồi vội hỏi:

- Nadejioda! Cô đấy à?

- Vâng, tôi đây Nicôlai Alêchxâyêvich, - chị đáp.

- Lạy Chúa! Lạy Chúa! - Ông vừa nói, vừa ngồi xuống ghế và chăm chú nhìn người nữ chủ quán. - Ai có thể ngờ được! Đã bao nhiêu năm chúng ta không gặp nhau rồi nhỉ? Dễ đến ba năm lắm năm chưa?

- Ba mươi năm, Nicôlai Alêchxâyêvich. Bây giờ tôi bốn mươi tám, còn ông thì đã gần sáu mươi phải không?

- Có lẽ thế... Kỳ lạ quá, lạy Chúa.

- Thưa ông, cái gì kỳ lạ ạ?

- Tất, tất cả... Sao cô không hiểu điều đó!

Về mặt mũi và lơ đãng biến mất, ông đứng dậy và bước từng bước dài trong phòng, mắt luôn nhìn xuống sàn nhà. Rồi ông dừng lại, lúng túng đỏ bừng cả mặt, ông nói:

- Từ dạo ấy đến nay tôi chẳng biết một tí gì về cô. Cô tới đây bằng cách nào? Tại sao cô không ở lại với ông bà chủ?

- Chẳng bao lâu sau khi ông đi, người ta cho tôi được tự do.

- Rồi cô sống ở đâu?

- Kể ra thì dài lắm, thưa ông.

- Cô nói là không lấy chồng à?

- Không, không lấy chồng.
- Tại sao? Nhất là khi cô xinh đẹp như thế?
- Tôi không thể làm được điều đó.
- Nhưng vì sao lại không? Cô nói thế nghĩa là gì?
- Cũng chẳng có gì khó hiểu lắm. Chẳng lẽ ông không nhớ tôi là đã yêu ông như thế nào?

Ông lại lúng túng đến phát khóc, và khê nhíu mày, ông bước đi tiếp.

- Cái gì cũng phải qua đi, cô bạn của tôi ạ, - ông khê nói. - Tình yêu, tuổi trẻ... tất cả, tất cả! Cái xảy ra giữa chúng ta là chuyện bình thường và chẳng lấy gì làm tốt đẹp. Theo thời gian, tất cả sẽ qua đi. Như trong sách của Thánh Job người ta nói thế nào ấy nhỉ? *"Anh sẽ nhớ lại mọi chuyện như nhớ về dòng nước đã trôi qua"*.

- Cái ấy thì tùy từng người, Nicôlai Alêchxâyêvich ạ. Tuổi trẻ thì đúng, chẳng có ai giữ mãi được, nhưng tình yêu thì khác.

Ông đứng lại, ngẩng đầu và nhếch mép cười một cách khổ sở:

- Nhưng không có nghĩa rằng cô có thể yêu tôi suốt đời được!

- Thế mà tôi có thể đấy, Nicôlai Alêchxâyêvich ạ. Đã bao nhiêu năm trôi qua, mà tôi vẫn chỉ sống với những ý nghĩ về ông. Tôi biết rằng từ lâu ông đã chẳng còn như xưa, rằng đối với ông hầu như chẳng có gì xảy ra, thế mà... Giờ có trách ông điều gì cũng quá muộn, nhưng dù sao cũng phải nói rằng ngày ấy ông đã bỏ rơi tôi một cách không đẹp

để gì - biết bao lần tôi định tự tử chỉ vì tủi nhục, chứ chưa nói đến chuyện khác. Đã có một thời, Nicôlai Alêchxâyêvich, tôi từng gọi ông là Nicôlenca thân yêu, còn ông thì, ông nhớ không, ông đã đọc cho tôi nghe bài thơ về "Những con đường rợp bóng cây xanh" nào đó, - chị nói với nụ cười không lấy gì làm thân thiện lắm.

- Vâng, ngày ấy đúng là cô đẹp, đẹp thật! - ông vừa nói vừa lắc đầu. - Cô sôi nổi, cô tuyệt vời làm sao! Rồi đáng người, rồi đôi mắt! Cô còn nhớ người ta chú ý tới cô thế nào không chứ?

- Có nhớ, thưa ông. Còn ông, ông cũng là một người điển trai vô cùng. Và tôi đã dành trọn vẹn cho ông tất cả cái đẹp và cái sôi nổi của mình. Làm sao tôi có thể quên được một điều như thế?

- Ô, mọi cái đều sẽ qua đi. Mọi cái sẽ bị lãng quên.

- Cái gì cũng sẽ trôi qua, vâng, nhưng chưa hẳn sẽ bị lãng quên tất cả.

- Thôi, cô đi đi, - ông nói, và quay người bước lại gần cửa sổ. - Cô đi đi, tôi van cô. Rồi rút chiếc khăn mùi xoa chấm chấm vào mắt, ông nói nhanh:

- Chỉ mong Chúa tha lỗi cho tôi. Còn cô, có lẽ cô cũng đã tha thứ cho tôi rồi chứ?

Chị bước gần đến cửa và quay lại:

- Không, Nicôlai Alêchxâyêvich, tôi không tha thứ. Một khi chúng ta đã nói đến tình cảm của mình, thì tôi nói thẳng với ông rằng, tôi sẽ chẳng bao giờ tha thứ cho ông được. Cả trước kia, cả lúc này, đối với tôi chẳng có gì thân thiết hơn ông.

Chính vì thế mà tôi không thể tha thứ. Thôi, chẳng cần phải nhắc lại, cái gì đã chết đi thì không thể làm sống lại!

- Phải, phải, chẳng dễ làm gì nữa. Cô hãy cho người chuẩn bị xe ngựa giúp, - ông nói rồi dời khỏi cửa sổ, nét mặt lúc này đã nghiêm khắc trở lại. - Tôi muốn nói với cô một điều thế này: Trong đời mình, tôi chưa bao giờ được nếm mùi hạnh phúc, quả đúng như thế. Xin lỗi, nếu tôi làm cô chạnh lòng tự ái, nhưng tôi yêu vợ tôi đến điên cuồng, mê mẩn. Thế mà cô ta đã phản bội, đã bỏ tôi còn nhục nhã hơn nhiều so với tôi bỏ cô. Tôi cũng vô cùng yêu mến, chiều chuộng con trai, và đã từng hy vọng biết bao điều tốt đẹp ở nó, thế mà lớn lên, hóa ra nó lại là một thằng mất dạy, trâng tráo, tàn nhẫn, bất lương, vô liêm sỉ, một thằng phá của... Ủ, mà rồi đó cũng là một chuyện bình thường và đốn mạt. Chào cô, cô bạn thân mến ạ. Tôi nghĩ rằng mất cô, tôi đã để mất một cái gì đấy đáng quý nhất mà tôi có trong đời.

Chị bước lại gần và khề hôn lên tay ông, ông cũng hôn tay chị.

- Xin cô cho chuẩn bị xe ngựa...

Khi đã đi được khá xa, ông buồn bã nghĩ: "Phải, cô ta đúng là một người tuyệt diệu, tuyệt diệu đến mức khó lòng tin nổi!" Ông xấu hổ nhớ lại những lời nói của mình, nhớ cả việc ông hôn tay chị, nhưng liền ngay lúc ấy, ông lại bỗng xấu hổ vì mình đã xấu hổ "Thì chẳng đúng là chính cô ta đã cho mình những giây phút hạnh phúc nhất trong đời đấy ư?"

Khi đã gần tối, mặt trời mới nhợt nhạt ló ra. Người đánh xe vẫn cho ngựa chạy nước kiệu, luôn phải thay đổi luồng đi để chọn những chỗ ít bẩn nhất, và cũng như đang suy nghĩ về điều gì đó. Cuối cùng, với giọng nghiêm khắc một cách thô lỗ, anh ta nói:

- Cái bà ấy vẫn đứng bên cửa sổ, nhìn mãi theo chúng ta, thưa ngài. Chắc ngài quen biết bà ta đã lâu?

- Vâng, đã lâu, Klim ạ.

- Bà ta thông minh lắm đấy. Lại nghe nói càng ngày càng giàu thêm. Còn cho vay lấy lãi nữa.

- Điều ấy không có ý nghĩa gì hết.

- Sao lại không? Ai mà chẳng muốn sung sướng? Cho vay mà có lương tâm thì cũng không có gì đáng trách lắm. Mà nghe nói bà ta thuộc loại người rất sòng phẳng về chuyện này. Nghiêm khắc lắm. Ai mà không trả nợ đúng hạn thì sau này chỉ tự trách mình.

- Vâng, vâng, chỉ tự trách bản thân mình thôi... Nào, cho đi nhanh thêm tý nữa, kẻo không nhớ tàu đấy...

Mặt trời xuống thấp phía chân trời, treo lơ lửng, vàng vọt trên những cánh đồng trơ trọi. Tiếng chân ngựa lội bì bõm giữa những vũng nước nông. Nicôlai Alếchxâyêvich lơ đãng nhìn những móng chân ngựa đang chạy, khê nhú bộ lông màu đen, và nghĩ:

"Phải, hãy tự trách mình. Phải, những giây phút hạnh phúc nhất, tất nhiên! Không chỉ là hạnh phúc, mà là kỳ diệu!" Bốn xung quanh là màu hoa đỏ tươi.

Những con đường rợp bóng cây xanh mờ tối... "Ôi, lạy Chúa, cái gì sẽ xảy ra với mình, nếu mình không bỏ rơi cô ấy? Buồn cười thật! Sẽ thế nào, nếu Nadegioda không phải là chủ quán trọ, mà là vợ mình, bà chủ ngôi nhà ở Pêtéc-bua của mình, mẹ của những đứa con của mình?"

Rồi nhắm mắt, ông khẽ lắc đầu.

KAPKAZ

Đến Matxcova, tôi lên lút sống ở những ngôi nhà ít ai biết đến của một ngõ hẻm cạnh phố Arbat, sống một cách hồi hộp, lo lắng, không hề bước chân ra khỏi nhà, và hết lần này đến lần khác chờ được gặp nàng. Trong những ngày ấy, nàng chỉ đến gặp tôi có ba lần, và lần nào cũng vậy, vừa bước vội vàng vào cửa, nàng đã nói:

- Em đến chỉ một phút...

Trông nàng nhợt nhạt, nhưng là cái nhợt nhạt của một người phụ nữ đang yêu và xúc động; giọng nàng dứt quăng, và nhìn nàng cầu thả vút cái ô vào một góc nào đấy, vội vã nâng mạng che mặt lên và ôm hôn tôi, lòng tôi lại tràn đầy cảm giác vừa thương hại vừa thán phục, sung sướng.

- Hình như hần đang nghi ngờ, - nàng nói, - thậm chí đã biết một điều gì đó, có thể đã đọc được thư của ông, hoặc tìm được chìa khóa ngăn kéo bàn em chẳng hạn... Em nghi với bản tính độc ác và tự kiêu của hần, việc gì hần cũng dám làm. Một lần hần đã bảo thẳng em thế này: "Để bảo vệ danh dự

của mình, danh dự người chồng và người sĩ quan, tôi không dừng bước trước bất cứ điều gì!" Bây giờ không hiểu sao hán theo dõi em, có thể nói là sát từng bước chân nhỏ, nên kế hoạch của chúng ta trót lọt, em đã phải hết sức cẩn thận. Hán đã đồng ý để em đi, chả là em đã nói với hán rằng em sẽ chết mất, nếu không được đến miền Nam, được thấy biển. Còn ông, hãy vì Chúa, ông phải chịu khó kiên nhẫn mới được!

Kế hoạch của chúng tôi thật táo bạo: cùng đi trên một chuyến tàu xuống vùng bờ biển Kapkaz và sống với nhau ở đây độ ba bốn tuần ở một nơi nào đó thật hẻo lánh, hoang dã. Tôi biết rõ vùng này. Trước kia có lúc tôi đã sống một thời gian ngắn gần Xôtri, - lúc ấy tôi còn trẻ và cô đơn - và cho đến tận giờ vẫn nhớ như in những buổi chiều mùa thu đi dạo giữa những hàng cây xanh đen, bên những ngọn sóng màu xám lạnh lẽo. Lúc này, nằng bồng tái mặt khi tôi nói: "Thế là anh và em sắp sửa được ở bên nhau giữa cảnh rừng rậm và biển nhiệt đới..." Cho đến tận phút cuối cùng, chúng tôi còn chưa dám tin rằng mọi chuyện sẽ trót lọt, vì đó là niềm hạnh phúc quá lớn mà chúng tôi khó tin mình được hưởng.

Ở Matxcova trời thường mưa và lạnh, như thể là mùa hè đã trôi qua và chẳng còn trở lại. Bẩn và ẩm ướt. Đường phố sũng nước, lác đác lấp lánh những chiếc ô đen mở căng của người đi bộ, và những cỗ xe ngựa lộc cộc kéo rèm che kín mít thoáng qua. Vào buổi chiều, khi tôi đi ra ga, thời tiết cũng thật đáng nguyên rủa, trời tối xám. Tôi cảm thấy như trong tôi

tất cả đang lặn đi vì hồi hộp và vì lạnh. Tôi chạy dọc theo sân ga và đường chờ tàu, kéo sụp mũ xuống tận mắt và giấu mặt trong cổ áo bành tô dựng đứng.

Từ trên nóc căn buồng nhỏ hạng nhất tôi đặt mua từ trước, vọng xuống tiếng rào rào của những giọt mưa lớn. Tôi vội vàng kéo rèm che cửa sổ và khóa chặt cửa sau khi người khuân vác chùi tay vào chiếc tạp dề trắng, nhận tiền thù lao của tôi rồi bước ra khỏi phòng. Sau đó tôi hé màn che nhìn ra và nín thở đưa mắt dõi theo đám đông hỗn độn với đủ các thứ hành lý đang đi lại dọc theo đoàn tàu dưới ánh sáng mờ đục của những ngọn đèn sân ga yếu ớt. Chúng tôi thống nhất với nhau rằng tôi sẽ lên tàu càng sớm càng tốt, còn nàng thì ngược lại, để tôi khỏi phải gặp vợ chồng nàng giữa sân ga. Bây giờ đã đến lúc họ phải có mặt. Tôi căng mắt nhìn thật kỹ - họ vẫn chưa đến. Hồi chuông thứ hai réo vang - tôi lạnh toát người vì sợ: hoặc họ đến muộn, hay đến phút cuối cùng hấn bỗng không cho nàng đi? Nhưng liền ngay lúc ấy tôi cũng sợ vì nhận ra chồng nàng - một thân hình cao lớn với chiếc mũ lưỡi trai sĩ quan, chiếc áo khoác bó chặt người. Hấn bước những bước dài, một tay mang găng da lộn đở tay nàng. Tôi lùi khỏi cửa sổ và thu mình vào một góc divăng. Bên cạnh là toa hạng hai. Tôi mừng tượng trong đầu thấy hấn hăng hái bước vào toa cùng nàng, đưa mắt nhìn quanh xem người khuân đồ đã xếp đặt ổn thỏa mọi thứ chưa, rồi hấn cởi găng tay, bỏ mũ, ôm hôn từ biệt vợ... Hồi chuông thứ ba vang lên gay gắt, đoàn tàu

khê giặt, chuyển bánh, rồi sau một lúc lắc lư, bắt đầu chạy đều hơn, mở hết tốc lực. Bằng bàn tay lạnh như giá băng, tôi cúi tở mười rúp vào tay người trực toa vừa đưa nạng và hành lý của nạng sang phòng tôi...

Vào phòng, nạng không hôn tôi, mà chỉ mỉm cười một cách đau đớn rồi ngồi xuống đi-văng, đưa tay gỡ chiếc mũ đang đội trên đầu xuống.

- Em không thể ăn uống được tý gì trưa nay, - nạng nói. - Em nghĩ là khó mà chịu đựng nổi cái vai này đến cùng. Trời, khát quá! Anh cho em cốc nước suối! - lần đầu tiên nạng gọi tôi bằng anh. - Em tin rằng hấn đi theo em. Em đưa cho hấn hai địa chỉ, Gêlengich và Gagrư. Có lẽ độ ba bốn ngày nữa hấn sẽ có mặt ở Gêlengich... Nhưng thôi kệ, thà chết còn hơn phải chịu những đau khổ thế này...

Sáng hôm sau, khi tôi bước ra khỏi phòng, cả hành lang tràn đầy ánh nắng, ngọt ngào. Từ phía buồng vệ sinh bay lại mùi xà phòng, mùi nước hoa rẻ tiền, và nói chung, mùi của tất cả những gì mà toa tàu đông người có thể có vào buổi sáng. Bên ngoài lớp kính mờ đục vì bụi và vì được sưởi ấm là thảo nguyên bằng phẳng đang trải dài, có thể nhìn rõ những con đường đầy bụi, những cỗ xe bò kéo, chốc chốc lại vụt qua những trạm gác đường sắt với những vòng tròn hoa hướng dương màu vàng sẫm và những bồn hoa đỏ rực bao quanh... Tiếp đến là những cánh đồng bao la, trần trụi với những ngọn đồi thấp và những ngôi mộ, là mặt trời chói chang, là bầu trời trông như được phủ bằng

những đám mây bụi, rồi đến hình bóng của những ngọn núi đầu tiên đang ẩn hiện phía chân trời...

Từ Gêlenghich và Gagrư, nàng gửi cho hán hai tờ bưu thiếp, nói rằng hiện nàng còn chưa biết sẽ dừng lại ở đâu.

Sau đó chúng tôi đi dọc bờ biển xuống phía nam.

Chúng tôi tìm được một chỗ còn giữ nguyên vẻ hoang sơ ban đầu, có các rừng cây *sina* rậm rạp, các bụi nhỏ đầy hoa, có thứ cây thân màu đỏ, cây trường xuân, cây lựu, xen lẫn là những cây dừa có tán xoè như quạt và những cây thông vươn cao đen sẫm...

Tôi dậy sớm, và trong khi nàng đang ngủ, tôi đi vào rừng theo con đường băng qua các ngọn đồi cho đến tám giờ, là giờ chúng tôi uống trà. Mặt trời tỏa nóng rạng rỡ. Trong rừng, màn sương mềm mại bắt đầu tan và tản ra xung quanh, làm cảnh vật bừng sáng hẳn lên: phía sau những rặng cây xa xa là màn trắng lấp lánh của những đỉnh núi quanh năm tuyết phủ... Khi trở lại, tôi đi qua khu chợ nóng nực và đầy mùi phân khô cháy bốc ra từ các ống khói của làng chúng tôi đang sống. Cảnh buôn bán diễn ra nhộn nhịp. Chợ đầy người, ngựa và lừa - sáng nào người của các dân tộc miền núi xung quanh cũng tụ tập tại đây để mua bán. Các cô gái người Trêkes đi lại nhẹ nhàng; họ mặc những bộ quần áo đen dài chấm đất, đi những đôi giày mềm không đế màu đỏ, đầu quần một thứ vải gì đấy màu đen, và từ cái mũ trang sức dạm về tang tóc ấy thỉnh

thoảng họ lại phóng ra những cái nhìn nhanh và sắc như chim ưng.

Sau đó chúng tôi đi ra bờ biển lúc nào cũng vắng người, tắm và phơi nắng ở đây cho đến tận bữa trưa. Sau bữa ăn - gồm cá rán, rượu vang trắng và hoa quả - xuyên qua liếp cửa, mặt trời chiếu những vệt nắng rực rỡ vào căn nhà lợp ngói mờ tối và nóng rực của chúng tôi.

Khi cái nóng đã dịu, chúng tôi mở cửa sổ, và giữa những cây thông mọc trên ngọn đồi phía dưới, chúng tôi nhìn ra một khoảng biển màu xanh thẫm đang nằm yên và bằng phẳng đến mức tưởng như cái đẹp và sự yên tĩnh ấy là vĩnh cửu, không bao giờ chấm dứt.

Vào lúc hoàng hôn, những đám mây kỳ dị thường tụ tập phía chân trời ngoài biển; chúng đỏ rực như bốc cháy, đẹp đến nỗi nhiều khi nằm trên đệm, nàng phải lấy khăn che mặt và khóc, vì nghĩ rằng chỉ hai ba tuần nữa đã phải trở lại Matxcơva.

Ban đêm trời ẩm và đen; và trong màn đen ấy là những đốm nhấp nháy màu sáng xanh của bầy đom đóm luôn bay lại; đâu đó có tiếng chẫu chàng đang kêu vọng tới. Khi mất quen dần với bóng tối, những vì sao và các đỉnh núi bỗng vọt lên không, và phía trên ngôi làng xuất hiện những ngọn cây cao mà ban ngày chúng tôi không nhận thấy. Suốt đêm, từ một quán rượu nào đó luôn vọng lại tiếng trống khe khẽ, đều đều, những tiếng kêu buồn bã nhưng đồng thời là hạnh phúc tột độ, như thể của cùng một bài hát đang kéo dài vô tận.

Không xa chỗ chúng tôi lắm, ở phía thung lũng

kéo dài từ rừng cây ra biển, có một con sông nhỏ lòng đầy đá, nước cạn và trong suốt. Con sông đặc biệt thơ mộng và đẹp vào cái giờ huyền bí khi từ các dãy núi và rừng cây, như một sinh vật kỳ diệu, mặt trăng muộn măn lặng lẽ nhìn nó một cách chăm chú.

Thỉnh thoảng vào ban đêm từ phía núi kéo về những đám mây đáng sợ, tiếp đến là cơn dông giận dữ, và trong màn đen khủng khiếp, sầm sập của núi rừng, chốc chốc lại loé lên những tia chớp màu xanh, kèm theo những tràng sấm rền đình tai nhức óc kéo dài trên trời cao. Những lúc ấy, trong rừng, những con đại bàng non tỉnh dậy và ngơ ngác kêu lên, hổ báo gào thét, những con chồn rên rĩ... Một lần, cả một đàn chồn chạy về phía chiếc cửa sổ được thấp sáng của chúng tôi, - những đêm như thế, bao giờ chúng cũng tìm đến chỗ con người, - chúng tôi mở cửa sổ nhìn xuống, còn chúng thì đứng run rẩy dưới những sợi mưa sáng loáng, miệng táp táp như muốn xin vào nhà... Nhìn chúng, nàng òa lên khóc một cách sung sướng.

Hắn tìm nàng ở Gêlengích, ở Gagru, ở Xôtri. Một ngày sau khi đến Xôtri, buổi sáng hắn xuống biển tắm, sau đó cạo râu, thay đồ lót, mặc chiếc áo sơ mi trắng muốt, ăn sáng ở phần hiên phòng ăn của khách sạn nơi hắn ở, uống cạn một chai sâm banh, uống cà phê và thông thả hút hết điếu xì gà. Trở về phòng, hắn nằm lên đi-văng, dí hai khẩu súng lục vào hai thái dương và bóp cò.

THƠ

THÁI BÁ TÂN *dịch*

CON CHIM CÓ TỔ...

Con chim có tổ, con thú có hang
Trái tim buồn đau, thất vọng
Khi tôi ra đi vĩnh biệt khu làng,
Vĩnh biệt ngôi nhà đã sống.

Con thú có hang, con chim có tổ,
Trái tim nhức nhối, u hoài
Khi tôi bước chân vào ngôi nhà lạ
Với chiếc túi sờn trên vai

LẦN NỮA...

Lần nữa cao trên đầu
Phía chân trời màu ngọc
Đàn chim bay về đâu,
Xếp thẳng hàng, thành góc.

Mặt trời to, màu hồng
Cháy sau rừng lặng lẽ.
Đàn chim bay trên không
Hơi dập dềnh chao nhẹ.

Chao, chiều thu bao la,
Ngước nhìn lên, ta thấy
Như tan trên đầu ta
Cả bầu trời lộng lẫy.

Và trái tim lâng lâng,
Ta như say, chóng mặt,
Nhiều ý buồn, băng khuâng
Đưa ta rời mặt đất.

DƯỚI CHÂN NÚI...

Dưới chân núi, tôi là người bé nhỏ.
Bản thân tôi cũng nhận thấy điều này,
Khi trước mặt là núi cao đồ sộ
Đang vươn mình sừng sững giữa trời mây.

Nhưng cuối cùng, khi leo lên tới đỉnh
Vượt lên trên bao gian khó, thấp hèn,
Một mình đứng giữa bao la yên tĩnh,
Tôi thấy mình như chấp cánh bay lên.

Dưới chân tôi là đôi tay trái đất
Đang nâng tôi lên tầm mới cuộc đời,
Và hạnh phúc đến làm tôi say, chóng mặt,
Thấy quanh mình đều rực rỡ, vui tươi.

Nhưng nỗi sợ chiều cao đang lặng lẽ
Đến làm tôi phải run sợ, kinh hoàng
Vì phải chăng tôi dám gần thượng đế?
Dám nhìn Người bằng đôi mắt trần gian?

SAO NHẤP NHÁY...

Sao nhấp nháy trên đầu.
Từ hàng cây xẩm tối
Gió thổi nhẹ, mang theo
Hương mùa xuân, đồng nội.

Đi về phía hoàng hôn,
Tôi hít căng lồng ngực,
Mặc gió chiều vượt ve,
Tôi đợi chờ hạnh phúc.

Thật khó tin rằng tôi
Sẽ chết, chôn đâu đấy.
Không, tôi ngủ vì vui,
Mặt trời lên, lại dậy.

HỌA MI ĐẦU XUÂN

Trăng tan trong mây im lặng,
Vườn táo ra hoa màu trắng.

Tùng đám mây mỏng trôi nhanh
Bên trăng mây có màu xanh.

Trên cành cây cao, đột ngột
Con chim hoạ mi bỗng hót.

Bên khung cửa sổ, dưới trăng
Cô bé tết bím tóc vàng.

Bài hát mùa xuân chim hót
Dù nghe trăm lần vẫn ngọt...

CHAO, THẬT BUỒN...

Chao, thật buồn, rất nhanh hoàng hôn tắt,
Trời tối ngay như ai thổi tắt đèn.
Sau thửa lúa rất gần thôi trước mặt,
Đã chỉ còn nhìn thấy một màu đen.

Và bóng tối một đêm thu lành lạnh
Bỗng từ đâu che kín cả cánh đồng.
Chỉ phương Tây đôi vệt mờ rất mảnh
Của mặt trời còn sót lại trên không.

Không tiếng động. Và trái tim vô cớ
Bỗng băng khuâng xao xuyến, bỗng buồn rầu...
Vì xung quanh là bóng đen đáng sợ?
Vì đường dài, đến chỗ nghỉ còn lâu?

Hay phải chăng vì mùa thu lặng lẽ
Đến mang theo cái hương vị buồn buồn
Của những cánh đồng xa luôn vắng vẻ,
Những cảnh chiều nông thôn?

MỘT TIA CHỚP...

Một tia chớp vụt loé lên, sau đấy
Lại chìm ngay trong đêm tối mịt mùng,
Nhưng tôi kịp, dù rất nhanh, nhìn thấy
Cả bầu trời đầy huyền diệu, mông lung.

Ở nơi ấy, nơi thiên đường lặng lẽ
Đang mọc lên những ngọn núi mây hồng,
Những thành phố, những lâu đài trắng lệ,
Để rồi chìm trong đêm tối mênh mông.

Nhưng lần nữa lại bùng lên rực rỡ,
Chốn thần tiên lại xuất hiện chói ngời,
Vì thượng đế bằng bàn tay đáng sợ
Xé bức màn đang phủ kín khắp nơi,

Ta cũng thế, nhiều khi trong cuộc sống
Ta ước mơ những giây phút huy hoàng,
Để sau đó rơi ngay vào thất vọng,
Không thánh thần, không cả chút hào quang.

NHƯ THÁNG TƯ...

Như tháng Tư, giữa hàng cây, ban đêm
Làn khói mỏng bay vẩn vương, lặng lẽ.
Và bầu trời phía đằng sau thật êm,
Thật gần gũi, trong cao và thật nhẹ.

Cả tiếng lá khô vàng kêu dưới chân,
Và bầu trời đầy sao đêm nhấp nháy,
Và mây bay... tất cả giống mùa xuân.
Cả cái buồn băng quơ này cũng vậy.

Lại lần nữa cuối năm - và trái tim
Bất chấp hết thời gian, đau khổ,
Tôi bước đi, những bước khoẻ, vững tin,
Và chờ đợi một cái gì không rõ.

XÔ-NÊ

Ta khao khát, ta luôn tìm hạnh phúc,
Quên xung quanh hạnh phúc có rất nhiều,
Có thể đây là bờ ao nước đục,
Là khu vườn cùng những tiếng chim kêu.

Tôi từ lâu nhìn đám mây xấp nhẹ
Giăng trên cao thành một vệt... Đời này
Ta biết ít, mà những ai có thể
Nhận biết nhiều mới hạnh phúc xưa nay.

Như tia chớp, một con chim bay tới
Đậu chênh vênh bên cửa sổ tôi ngồi,
Tôi ngừng đọc, ngược nhìn lên, chờ đợi...
Ngày sắp tàn, mây trắng bập bênh trôi.

Tiếng cô xay vụng đều đều, mỗi một...
Tôi hạnh phúc - tôi nhìn, nghe và biết.

NHƯ GIỮA CẢNH HOANG TÀN...

Như giữa cảnh hoang tàn, thành cột khói,
Mây mọc lên cuộn cuộn phía rừng sôi.
Chiều nay ảm, âm u, buồn, mệt mỏi,
Cả căn nhà chỉ một, một mình tôi.

Tiếng chân bước nghe trong phòng rất rõ.
Chùm đèn rung như đáp lại hững hờ.
Phía xa xa hoàng hôn đang cháy đỏ,
Đêm vắng chào bằng vẻ đẹp hoang sơ...

HOÀNG HÔN

Hơi băng lạnh như những làn khói nhẹ
Treo lửng lơ, bất động giữa chiều tà.
Bên cửa sổ, cây phong buồn lặng lẽ
Đứng một mình như mờ ảo bóng ma.

Chiếc lò sưởi cháy âm thầm mỗi mội,
Bóng đèn chui vào góc tối trong phòng,
Chỉ cái buồn tiễn một ngày sắp hết
Đang ngập ngừng đập cánh giữa chiều đông.

Cái buồn lẫn trong lớp tro đang tắt
Giữa hoàng hôn rực đỏ phía chân trời,
Trong hơi ẩm từ cành cây dè dặt
Cháy trong lò, trong bóng tối khắp nơi.

Nỗi buồn ấy luôn chau mày giận dữ,
Như bóng ma nhợt nhạt của ngày tàn,
Đứng lặng lẽ nhìn tôi qua đêm tối
Với điều gì đang suy nghĩ miên man...

CẢNH LÀNG QUÊ

Cảnh làng quê, những cánh đồng vắng vẻ,
Chân trời xa rất yên tĩnh, và rồi
Cả bầu trời âm u kia cũng thế,
Có cái gì làm mạn mác lòng tôi,

Nhưng đồng thời cũng làm tôi ấm lại,
Làm nguồn thơ cảm hứng bỗng tràn đầy
Và gọi nhớ về mối tình thân ái,
Về cái buồn nào đó lúc chia tay.

Tôi nhìn kỹ: những rừng sồi, tán lá
Bắt đầu thay, vàng rực phía ven hồ.
Trông mỗi ngày một thấp hơn - gốc rạ
Những cánh đồng mới gặt đã vàng khô.

Và tôi hiểu: với tôi càng yêu quý
Những phút giây còn lại tự do này,
Cả chất thơ của thiên nhiên bình dị,
Cả cánh đồng vắng vẻ, cả hàng cây...

CÔ ĐƠN

Và bóng đêm, và mưa, và gió thổi.
Trên mặt gương nước lạnh đã bao lần
Tất cả chết trước khi mùa xuân tới,
Cả khu vườn cũng rụng lá chờ xuân.
Trong nhà nghỉ ngoại ô, xa thành phố,
Anh một mình, gió luồn qua cửa sổ.

Chiều hôm qua em tới thăm, tuy thế
Hình như em hơi gợn chút buồn rầu.
Và chợt tối, anh thấy ta như thế
Là vợ chồng đang hạnh phúc cùng nhau.
Cũng chẳng sao, cho đến mùa hoa nở
Anh sẽ cố sống một mình không vợ...

Còn hôm nay, suốt cả ngày mây xám -
Vẫn là mây hôm trước - lại bay về.
Dấu chân em in trước hiên đen xám,
Bị xoá nhoà vì nước ngập, lá che.
Thật đau nhói trong lòng anh là lúc
Ngồi một mình, ngắm sương giăng mờ đục

Anh những muốn kêu thật to: "Quay lại!
Anh van em..." Nhưng phụ nữ thường tình
Khi không yêu, đâu còn nghe phải trái.
Anh chỉ còn là kẻ đáng coi khinh.
Thôi, đành chịu. Anh nhóm lò, sau đó...
Hay có lẽ cần nuôi con chó nhỏ?

BÓNG MA

Không, người chết với chúng ta - vẫn sống.
Người Scotland có truyền thuyết, đó là
Những người chết đêm đêm không tiếng động
Vẫn hiện về, dưới dạng những bóng ma.

Và đôi lúc họ đưa tay chạm khẽ
Dây đàn Lia treo bám bụi trên tường
Làm bất chợt các dây đàn rung nhẹ.
Những nốt đàn vui sướng lẫn buồn thương.

Truyền thuyết ấy ta xem như cổ tích,
Ta mù cảm, ta không hiểu ban ngày,
Nhưng đêm đến, trong cô đơn tĩnh mịch,
Ta sống bằng truyện cổ, gió và mây.

Ta không tin vào bóng ma, có thể,
Nhưng tình yêu không cho phép xem thường,
Tôi vẫn nghe dây tình yêu rung nhẹ
Những nốt đàn vui sướng lẫn buồn thương.

MỤC LỤC

• <i>Lời giới thiệu</i>	<i>Phan Hồng Giang</i>	5
-------------------------	------------------------	---

TRUYỆN NGẮN

Những quả táo Antônôp - <i>Hà Ngọc dịch</i>	19
Mêlitôn - <i>Hà Ngọc dịch</i>	49
Cuộc đời tươi đẹp - <i>Hà Ngọc dịch</i>	59
Lần gặp gỡ cuối cùng - <i>Phan Hồng Giang dịch</i>	102
Ngày cuối cùng - <i>Hà Ngọc dịch</i>	115
Cỏ gậy - <i>Hà Ngọc dịch</i>	128
Chiếc cốc đời - <i>Phan Hồng Giang dịch</i>	166
Quý ông từ Xan Phranxixcô - <i>Hà Ngọc dịch</i>	201
Hơi thở nhẹ - <i>Phan Hồng Giang dịch</i>	245
Trên biển đêm khuya - <i>Phan Hồng Giang dịch</i>	253
Chiếc hài - <i>Hữu Việt dịch</i>	268
Say nắng - <i>Phan Hồng Giang dịch</i>	272
Nàng Lika - <i>Phan Hồng Giang dịch</i>	285

Canh khuya - Hà Ngọc dịch	445
Những tấm danh thiếp - Hà Ngọc dịch	457
Ruxia - Phan Hồng Giang dịch	468
Natali - Phan Hồng Giang dịch	484
Ngày thứ hai trong trắng - Hà Ngọc dịch	538
Mùa thu lạnh - Đoàn Tuấn dịch	565
Chiếc đu - Hà Ngọc dịch	572
Một chuyện tình nho nhỏ - Thái Bá Tân dịch	576
Ở một phố thân quen - Thái Bá Tân dịch	591
Những con đường rợp bóng cây xanh - Thái Bá Tân dịch	595
Kapkaz - Thái Bá Tân dịch	604

THƠ

Thái Bá Tân dịch

Con chim có tổ...	613
Lần nữa...	614
Dưới chân núi...	615
Sao nhấp nháy...	616
Họa mi đầu xuân	617
Chao, thật buồn...	618
Một tia chớp...	619
Như tháng tư...	620
Xô-nê	621

Như giữa cảnh hoang tàn...	622
Hoàng hôn	623
Cảnh làng quê	624
Cô đơn	625
Bóng ma	627

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHAN ĐÀO NGUYỄN

Chịu trách nhiệm bản thảo:

TRẦN DŨNG

Biên tập:

ĐOÀN TỬ HUYỀN

Trình bày:

PHẠM THỊ PHUỘNG

Họa sĩ:

VÂN SÁNG

Sửa bản in:

HỒNG YẾN

Tổng đại lý phát hành:

Nhà sách Đồng Tây • Số 466 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

ĐT: (04) 7733041

• 32 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

ĐT: (04) 8251374

IVAN BUNHIN - TUYỂN TẬP TÁC PHẨM

Hà Ngọc, Phan Hồng Giang, Thái Bá Tân, Hữu Việt. Đoàn Tuấn
dịch và giới thiệu

Nhà xuất bản Lao Động, 175 Giảng Võ, Hà Nội

Trung tâm VHNN Đông Tây, 8/91 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội



In 1.000 cuốn khổ 13 x 19 tại Xí nghiệp In

Giấy phép xuất bản số : 46-151/CXB cấp ngày 6/3/2002

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2002



PHÁT HÀNH TẠI

NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY

32 Bà Triệu - Hà Nội. ĐT: 9348484 - Fax: 8251374
466 Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội. ĐT: 7733041

Giá: 63.000đ